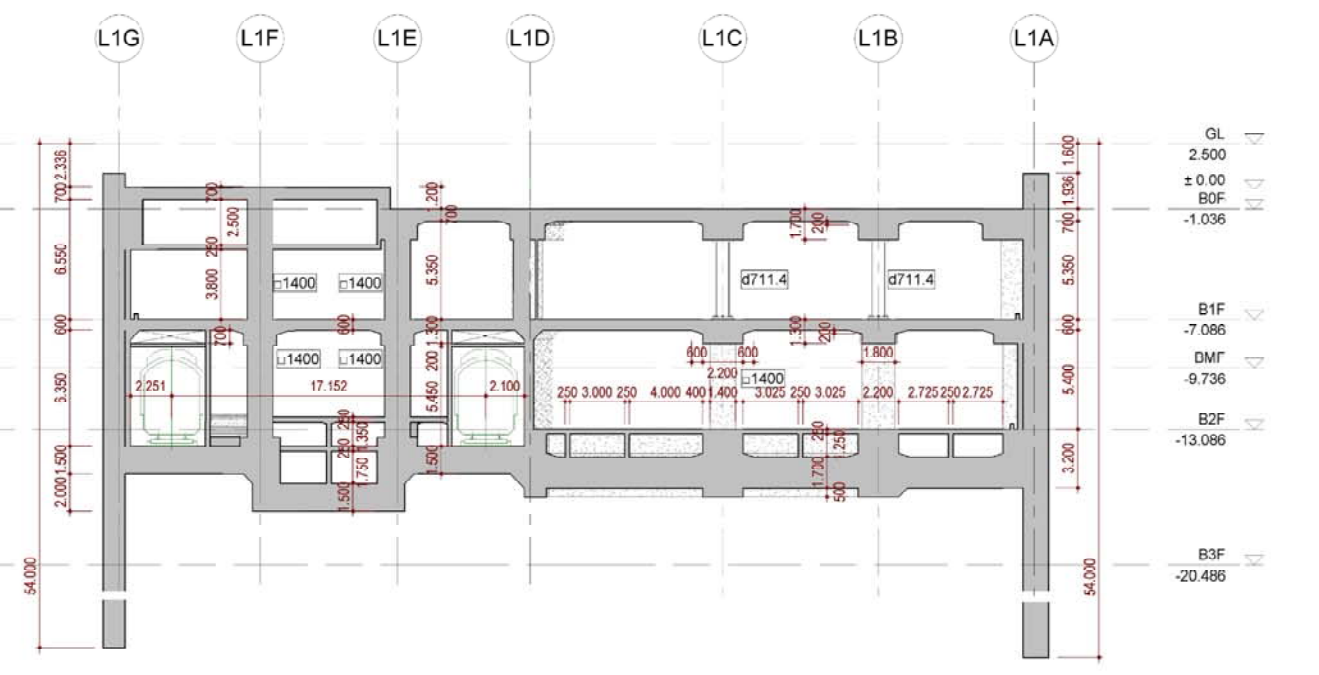
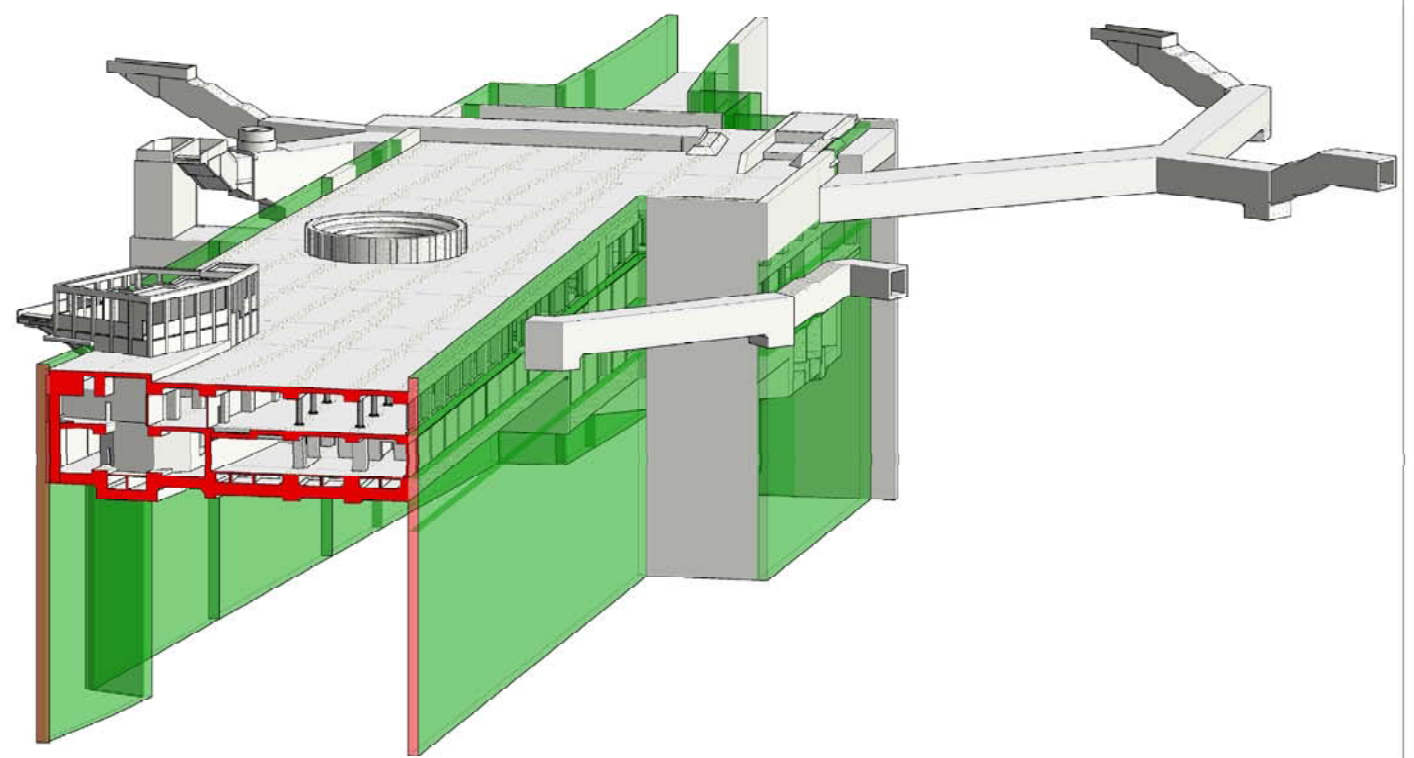


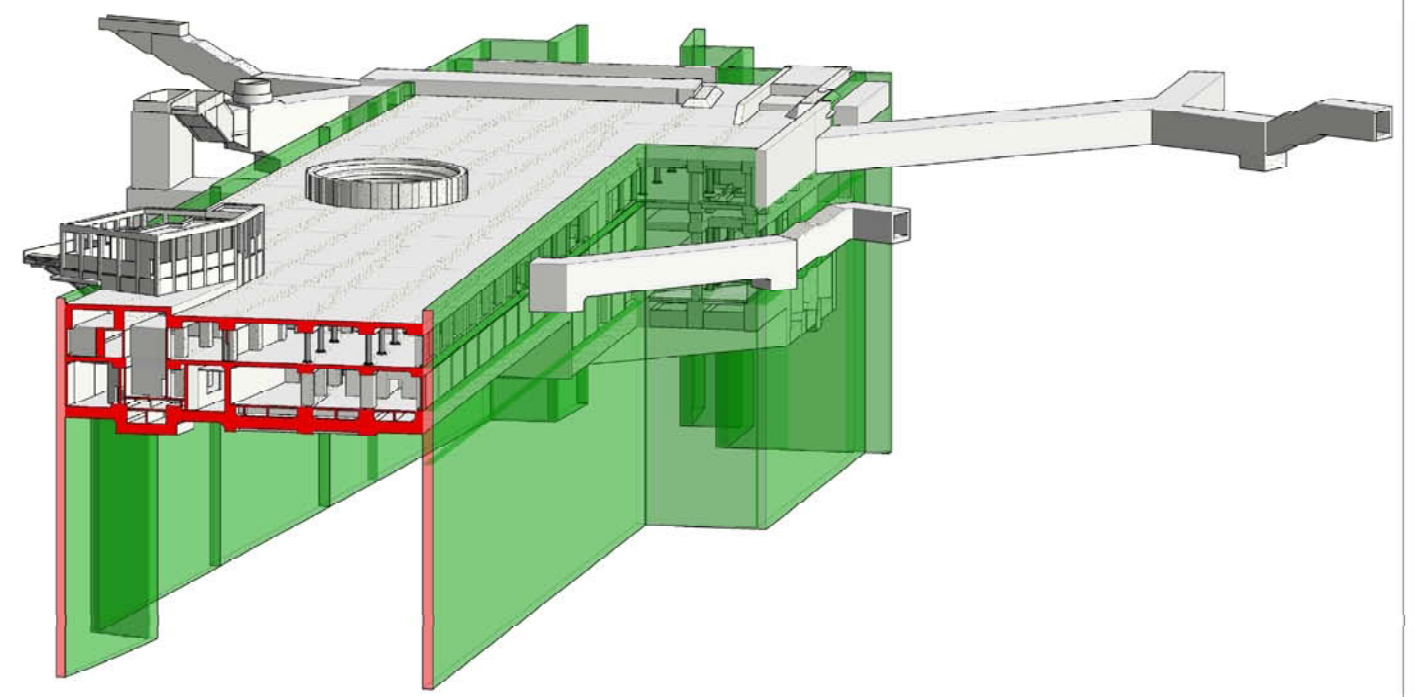
1 SECTION-1/1
1:200

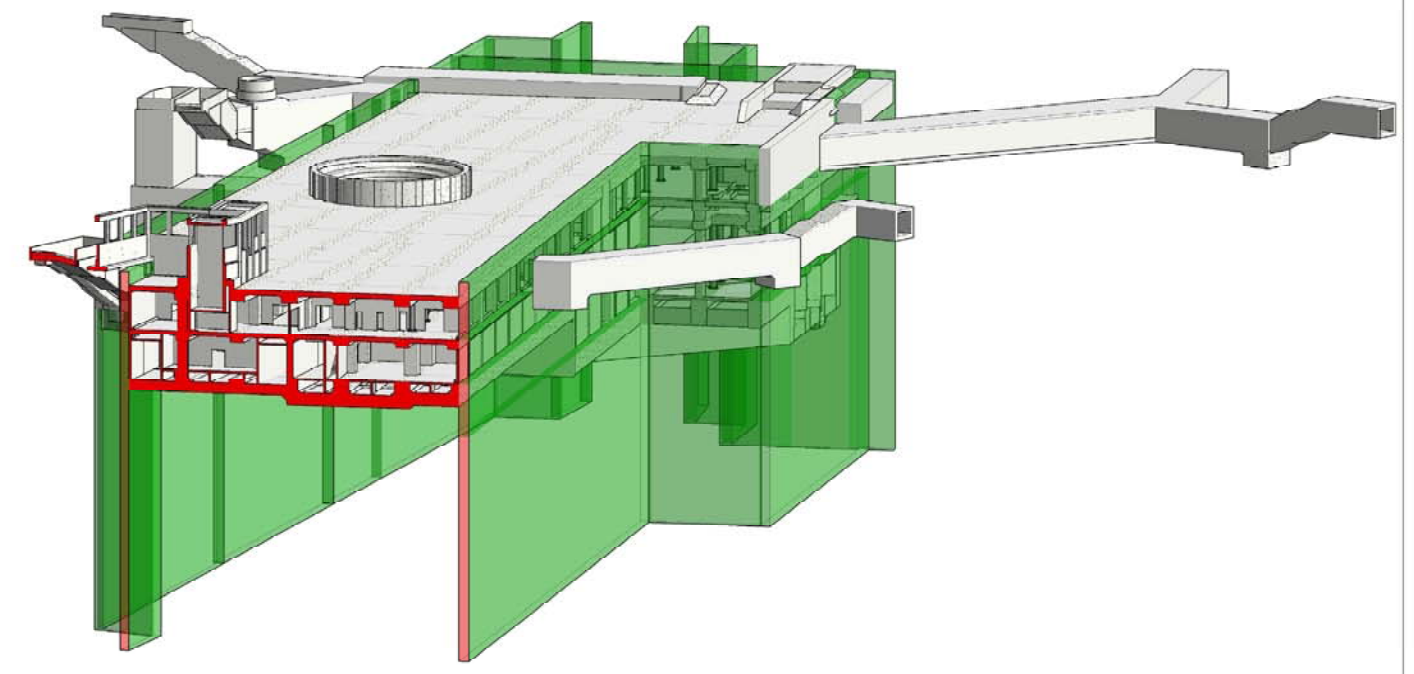
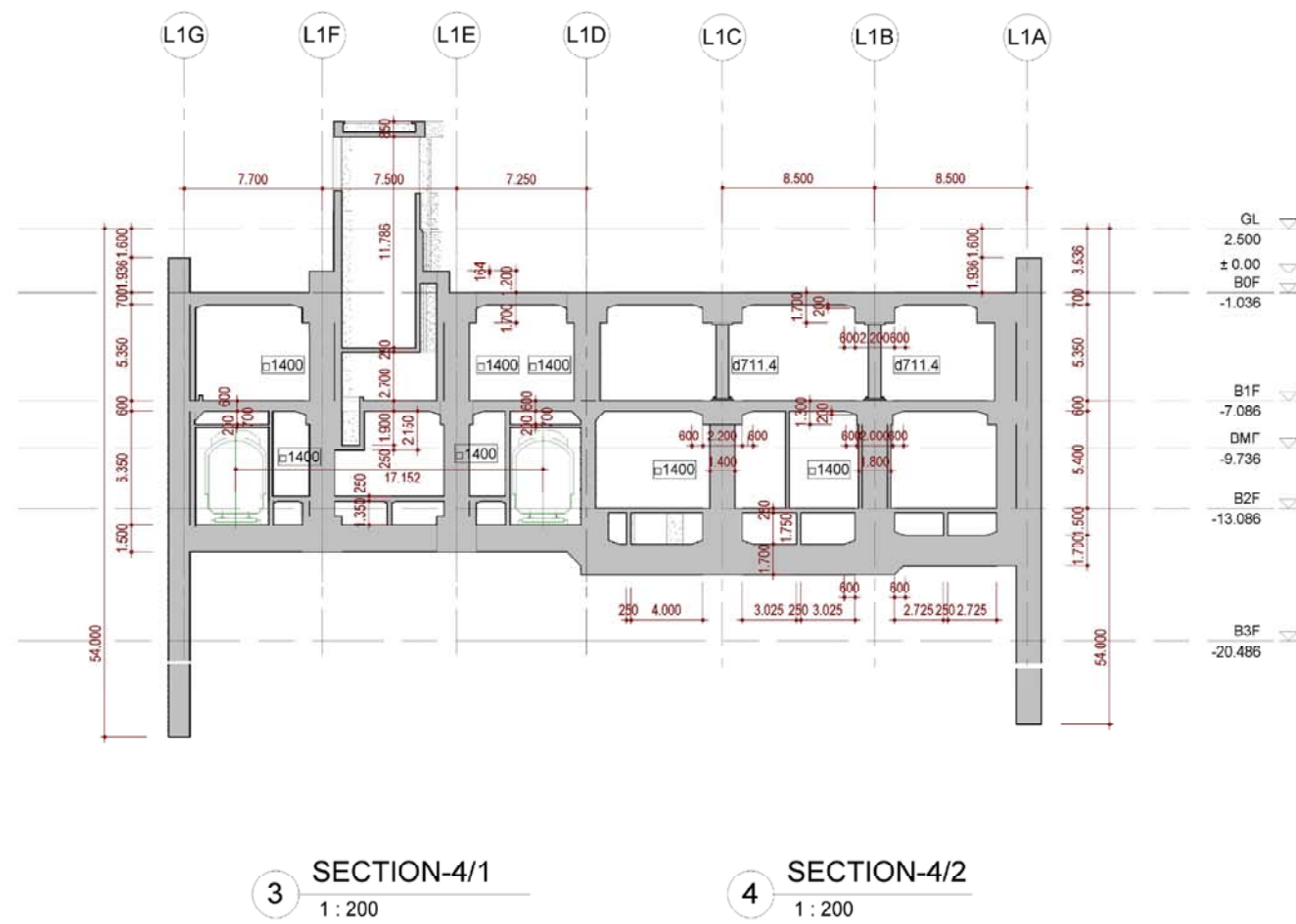
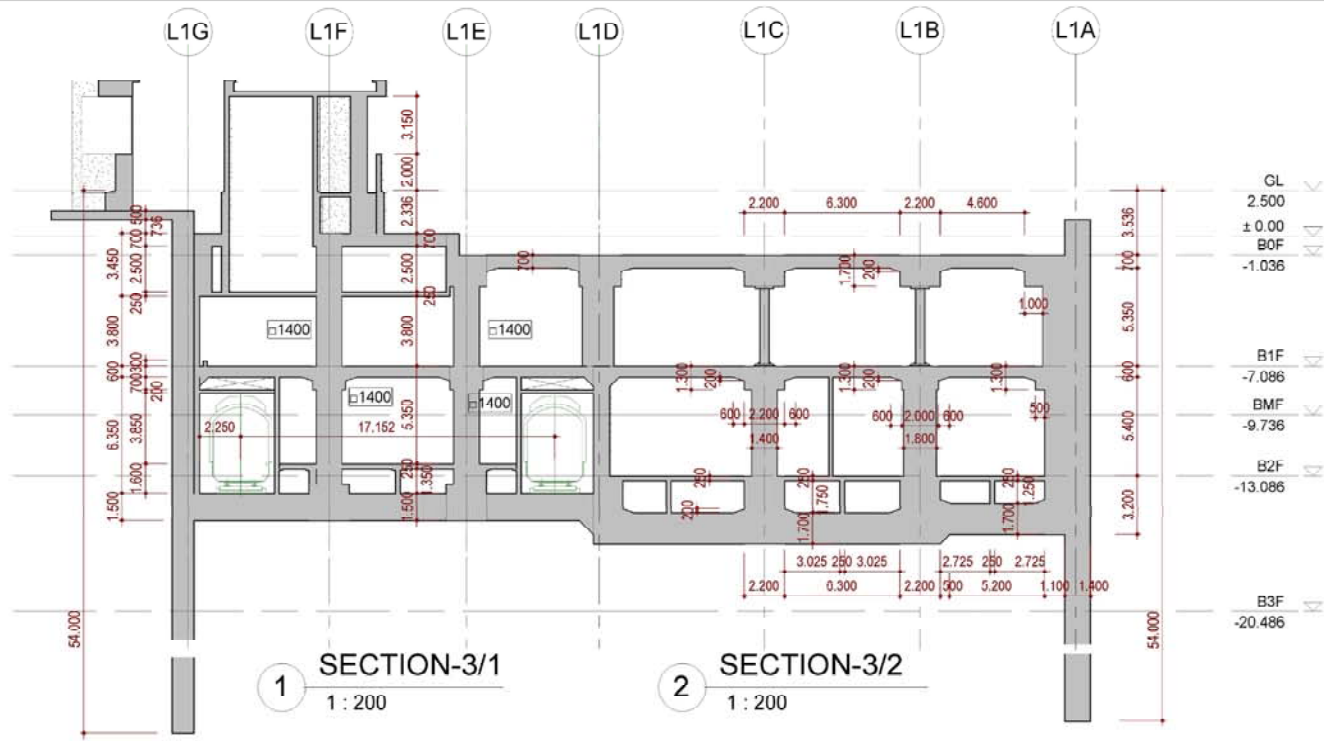
2 SECTION-1/2
1:200

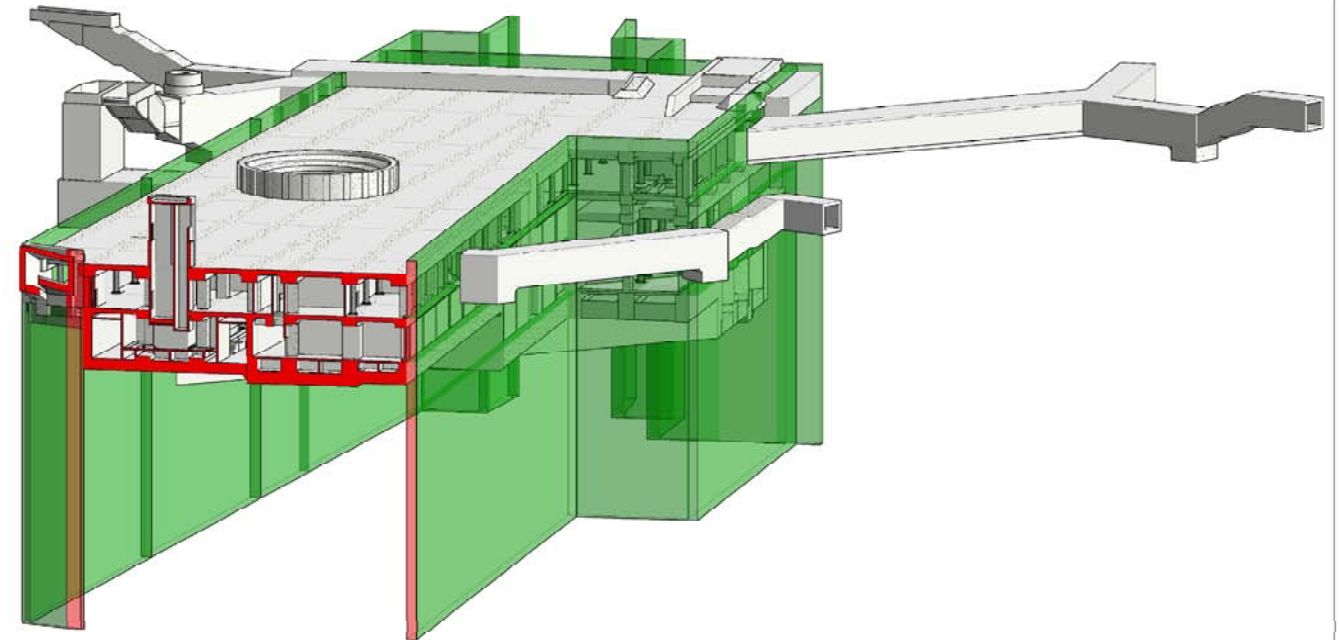
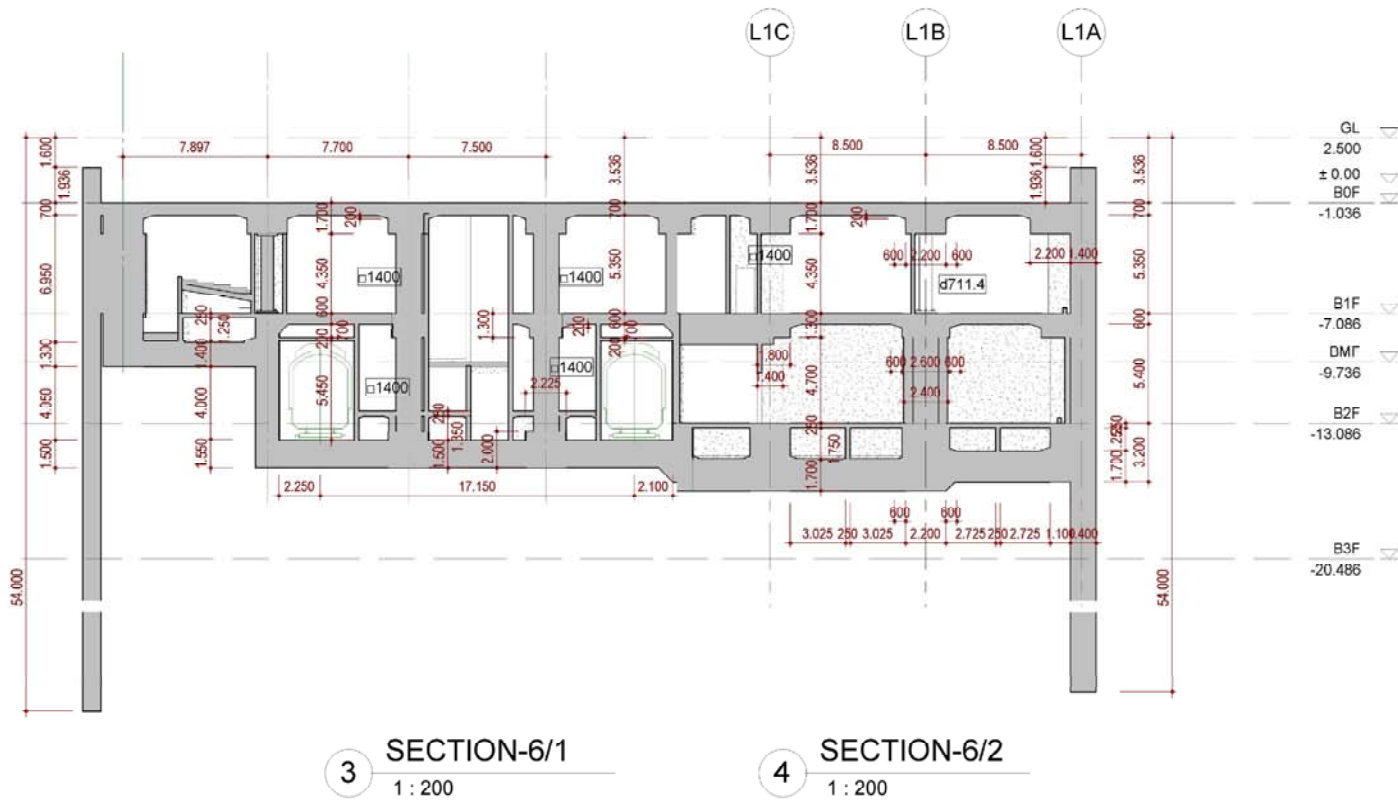
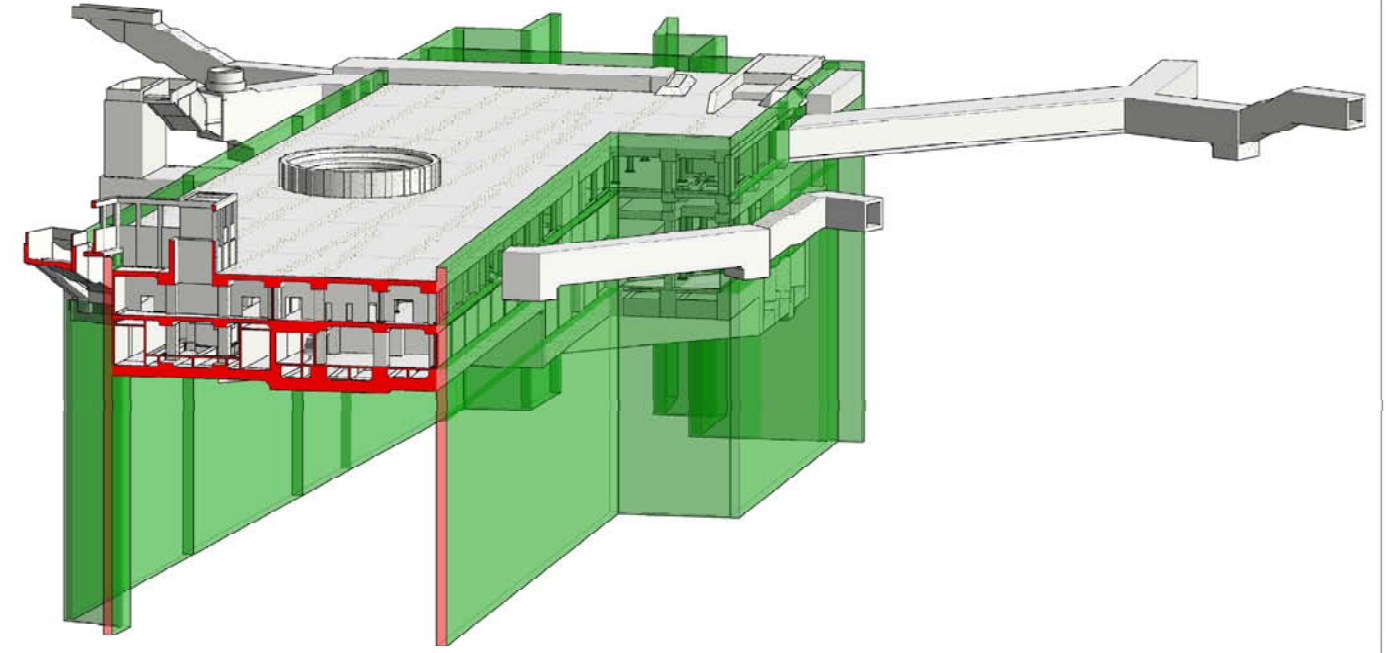
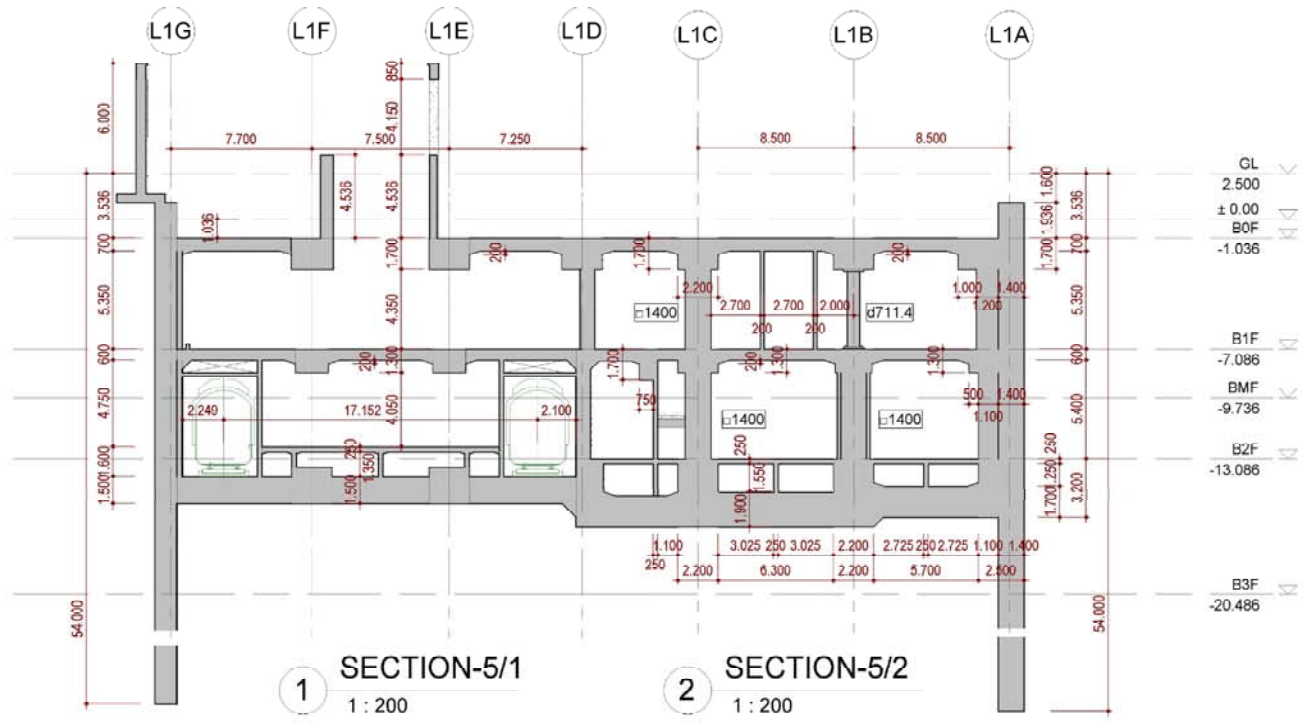


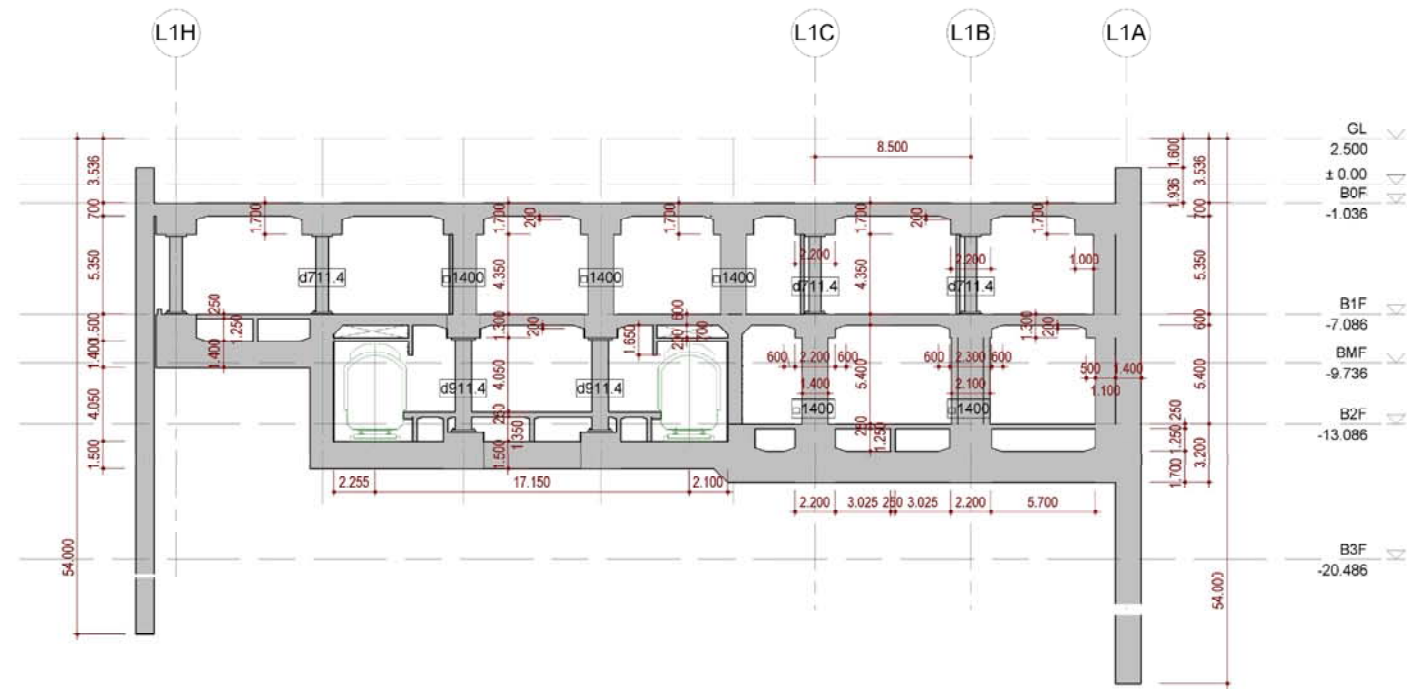
3 SECTION-2/1
1:200

4 SECTION-2/2
1:200



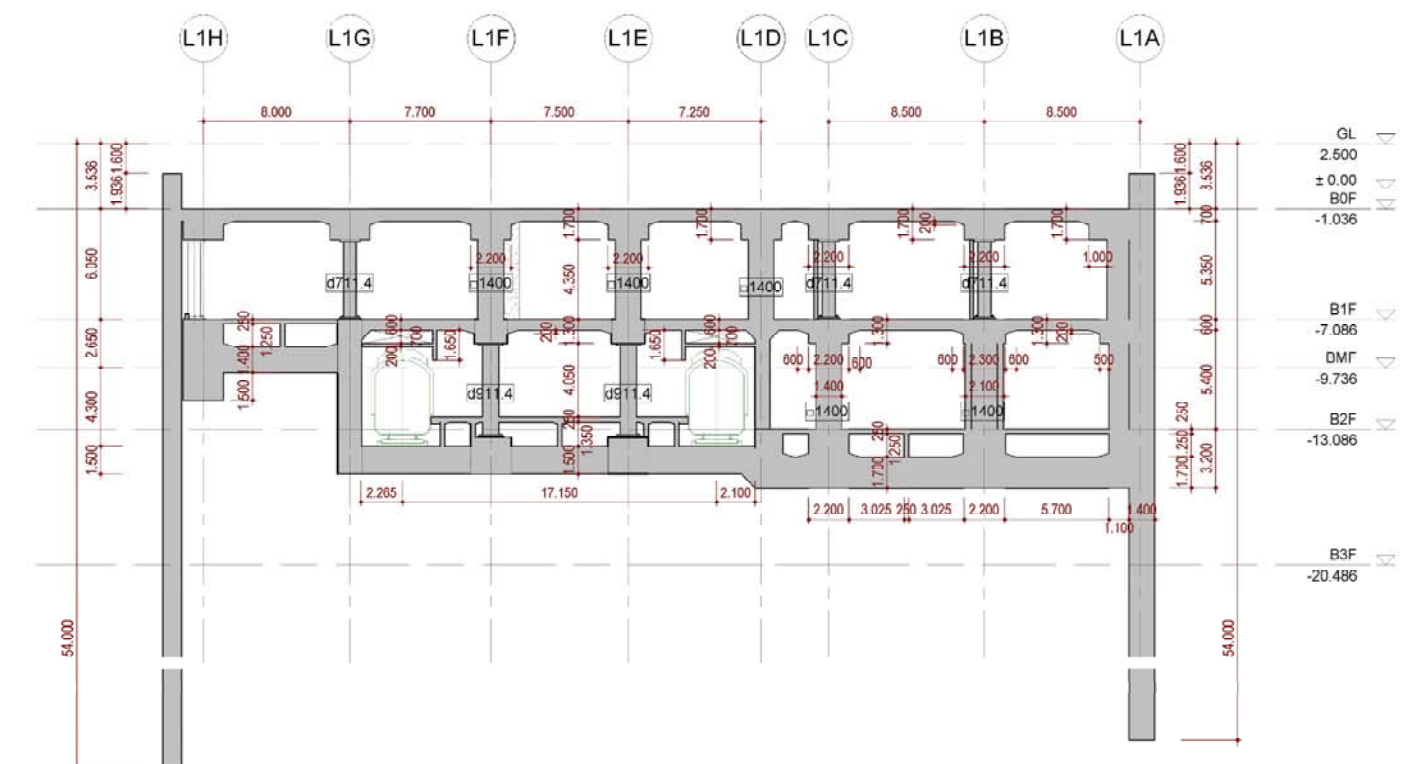
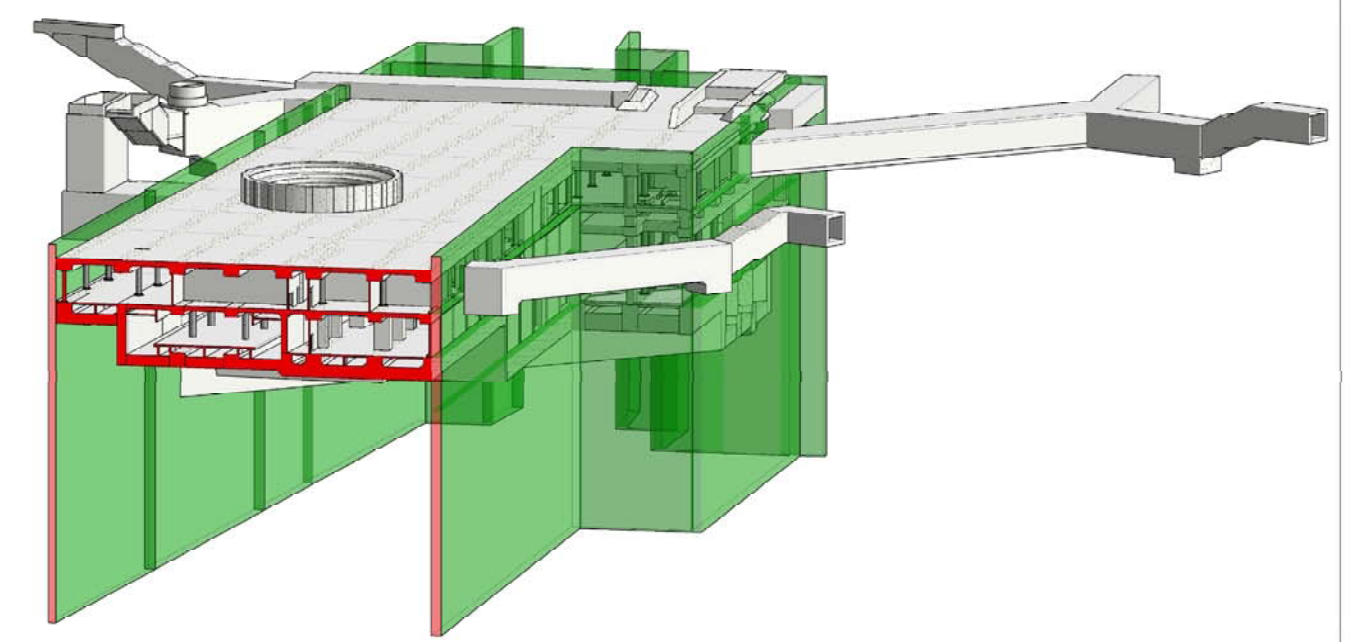






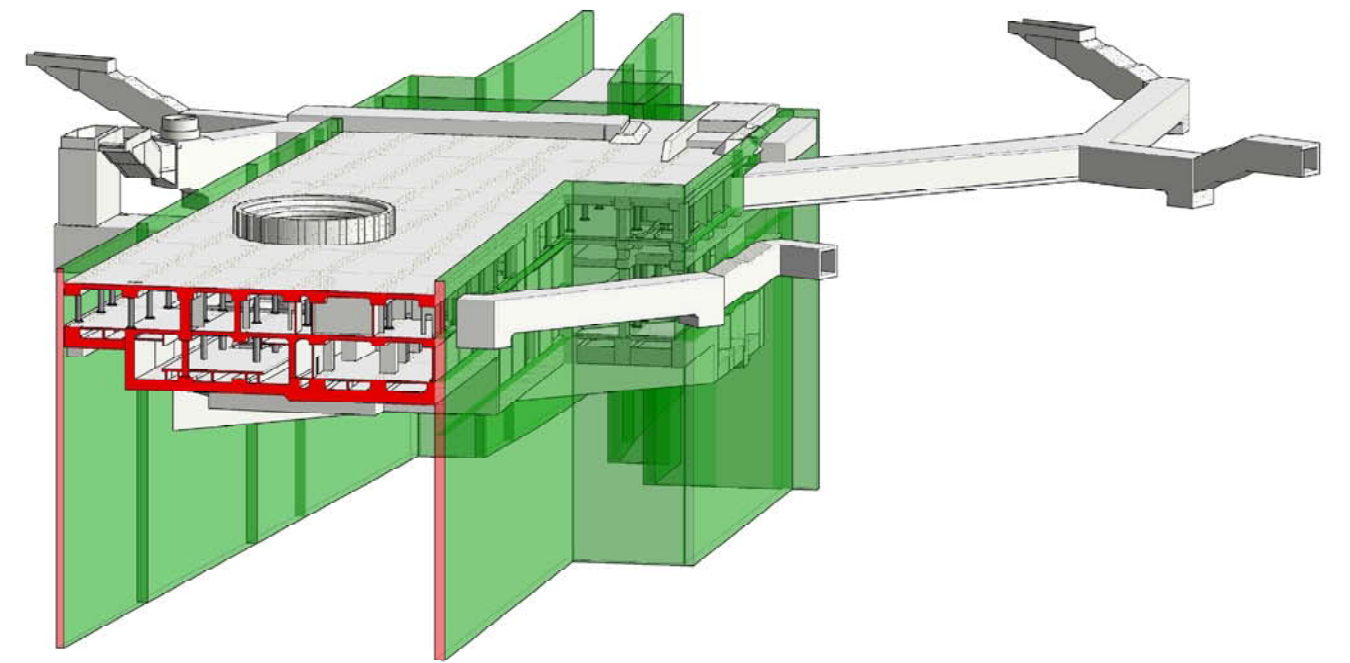
1 SECTION-7/1
1 : 200

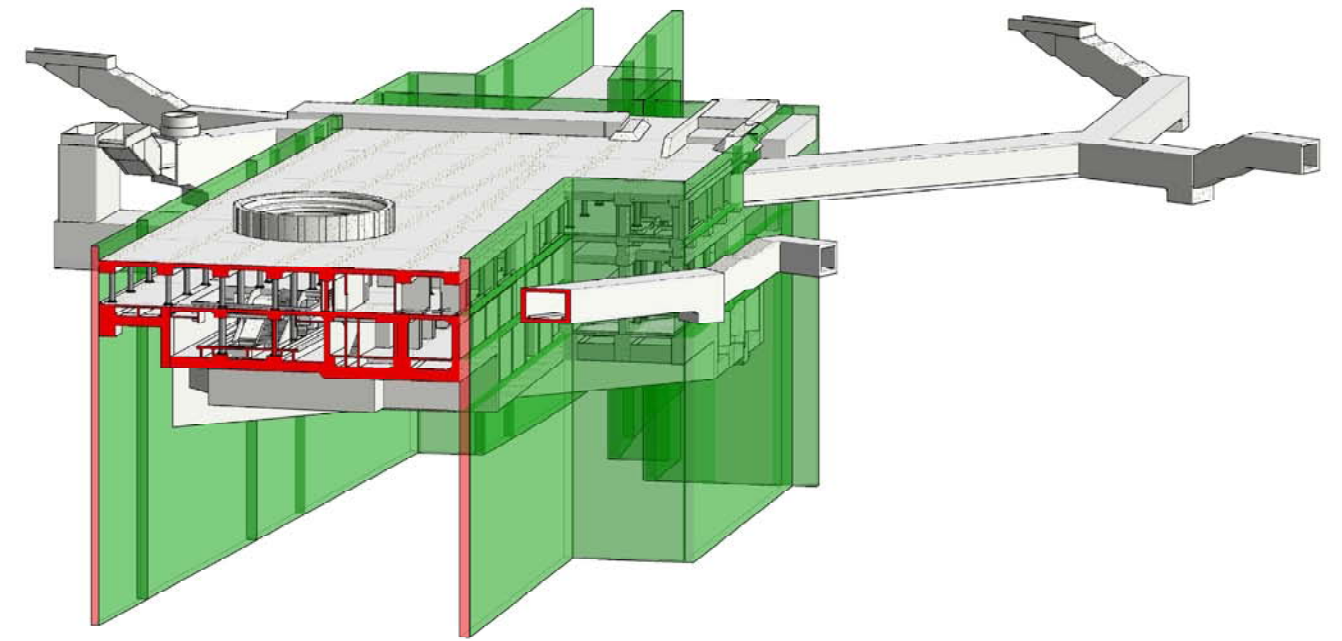
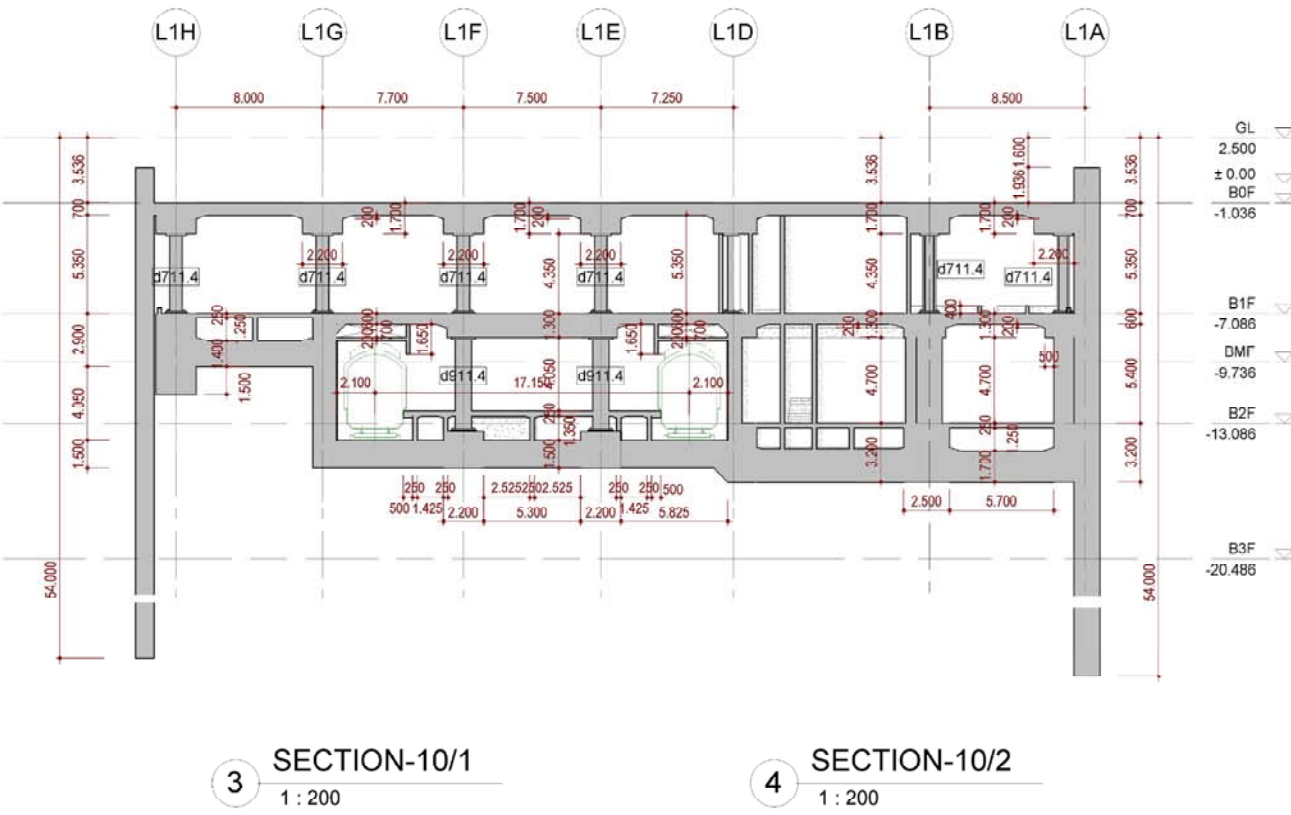
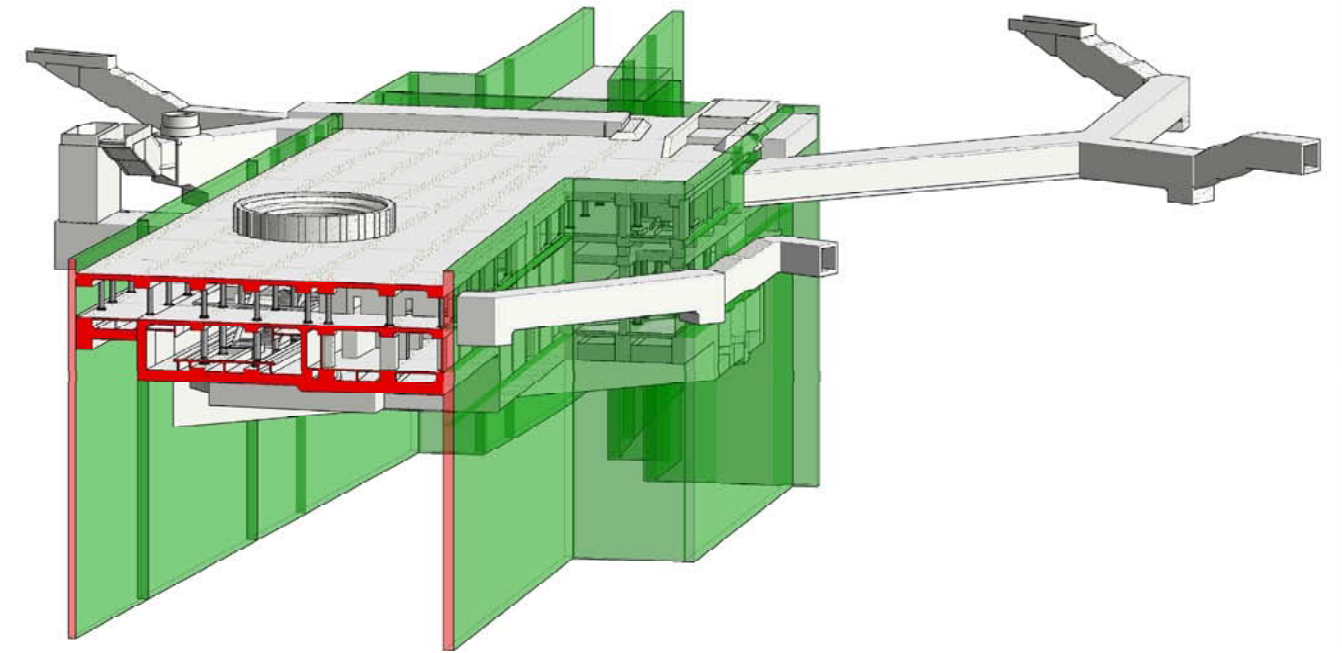
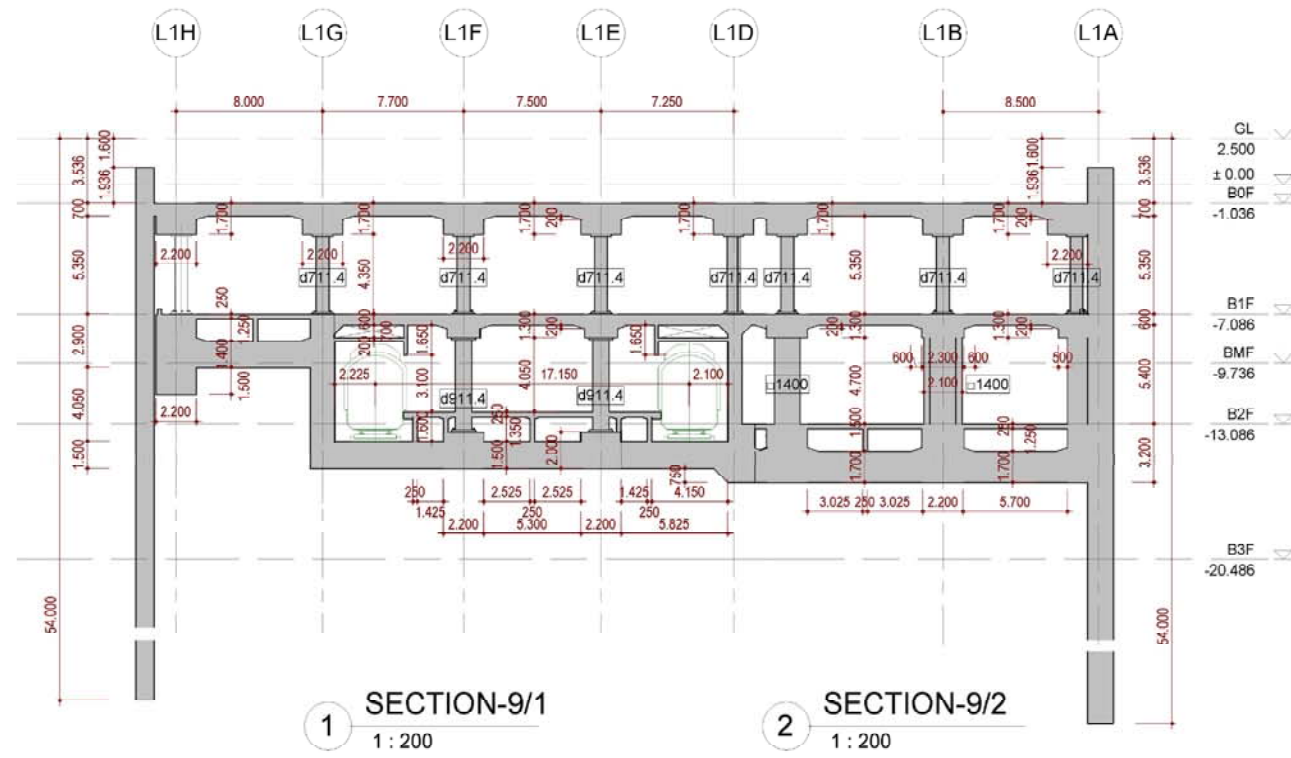
2 SECTION-7/2
1 : 200

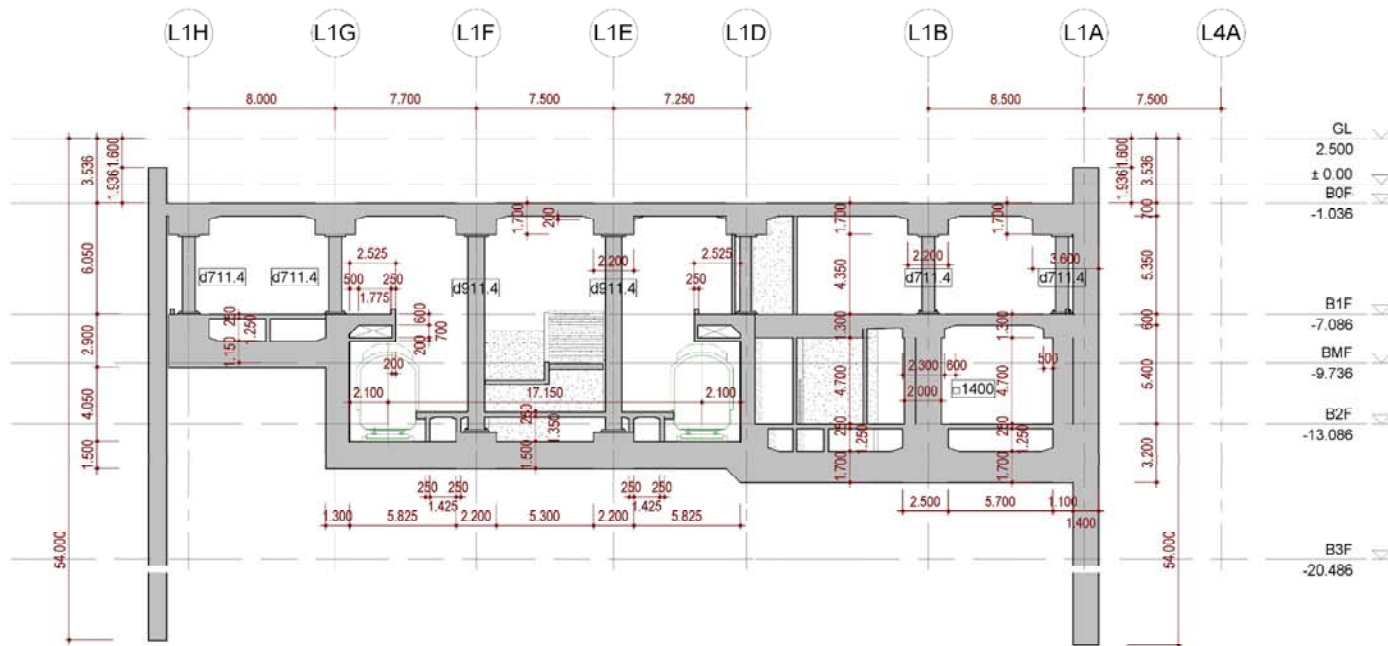


3 SECTION-8/1
1 : 200

4 SECTION-8/2
1 : 200

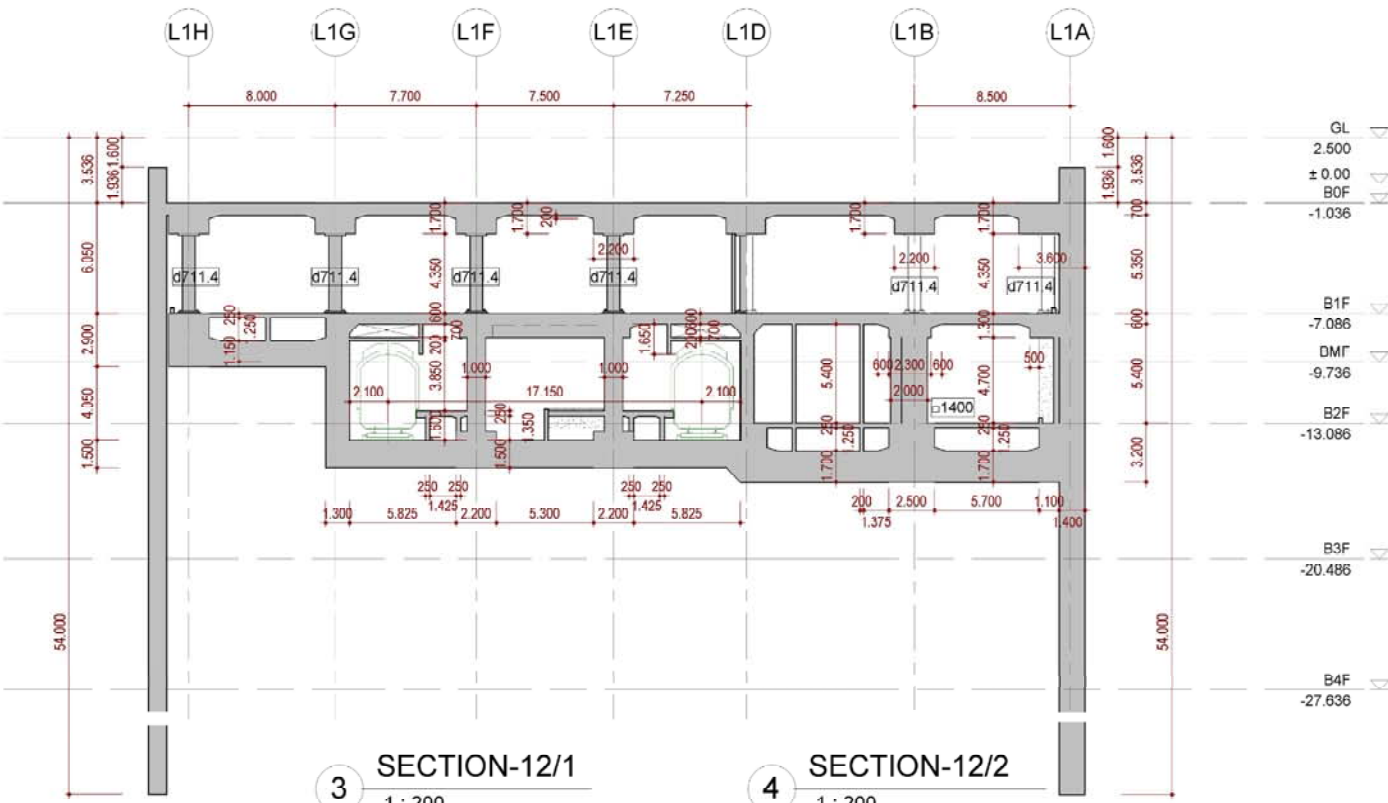
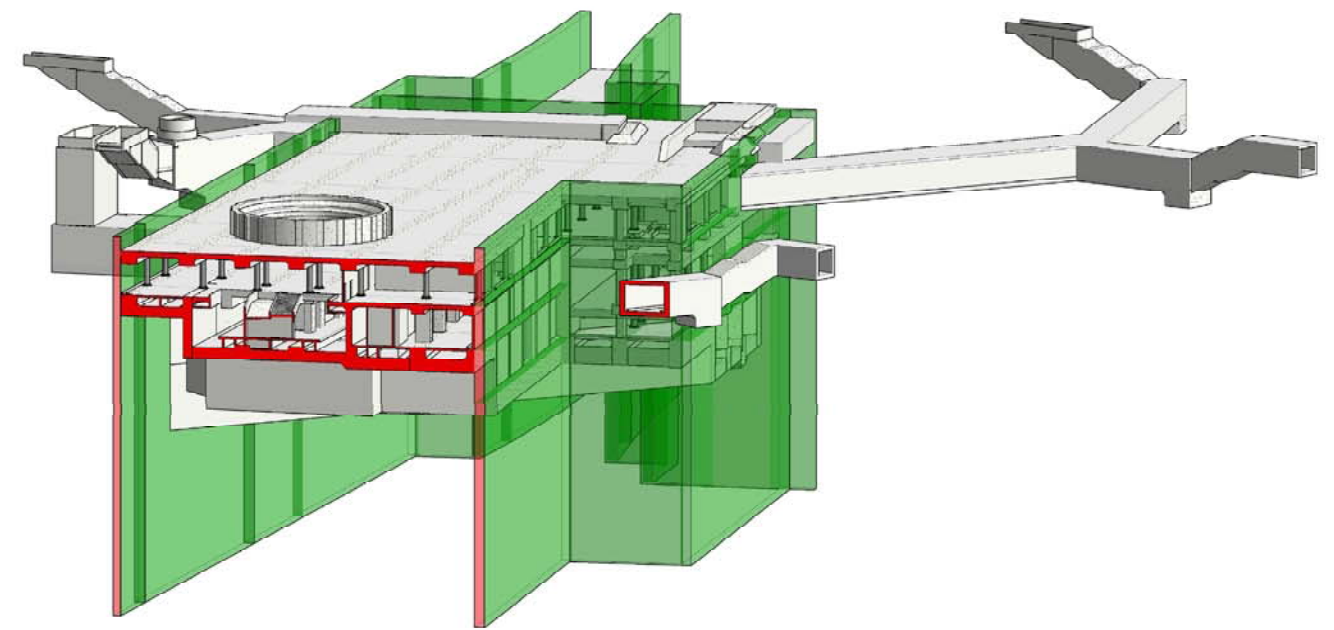






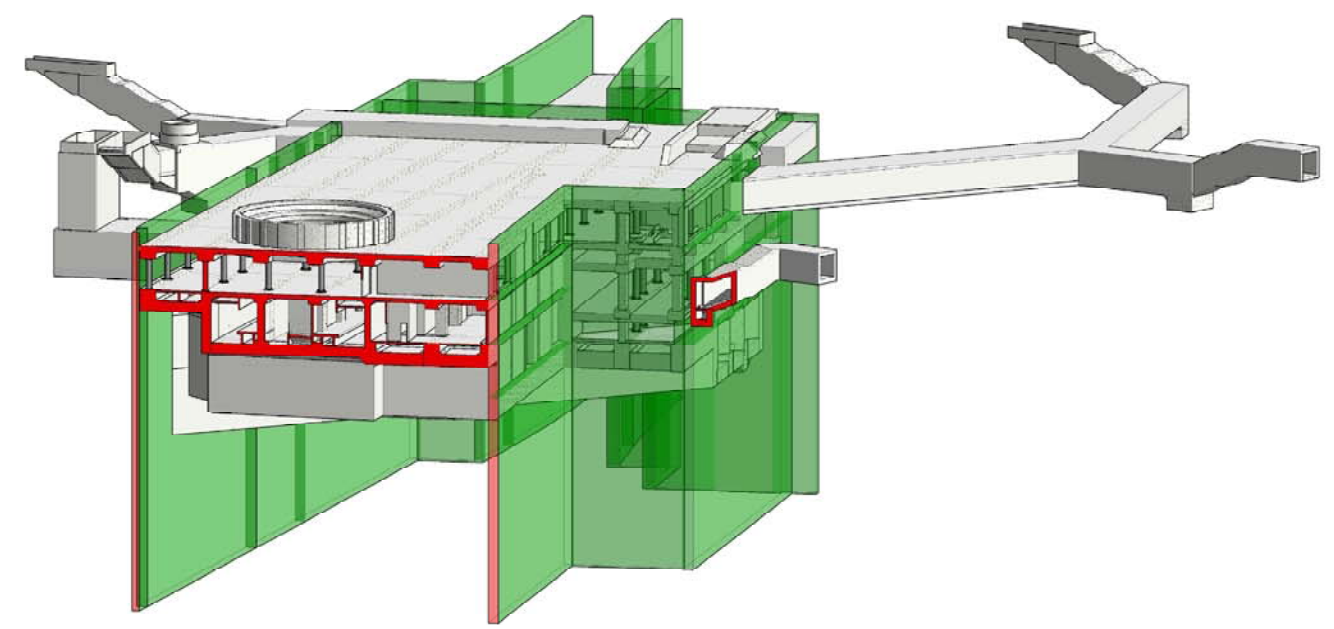
1 SECTION-11/1
1 : 200

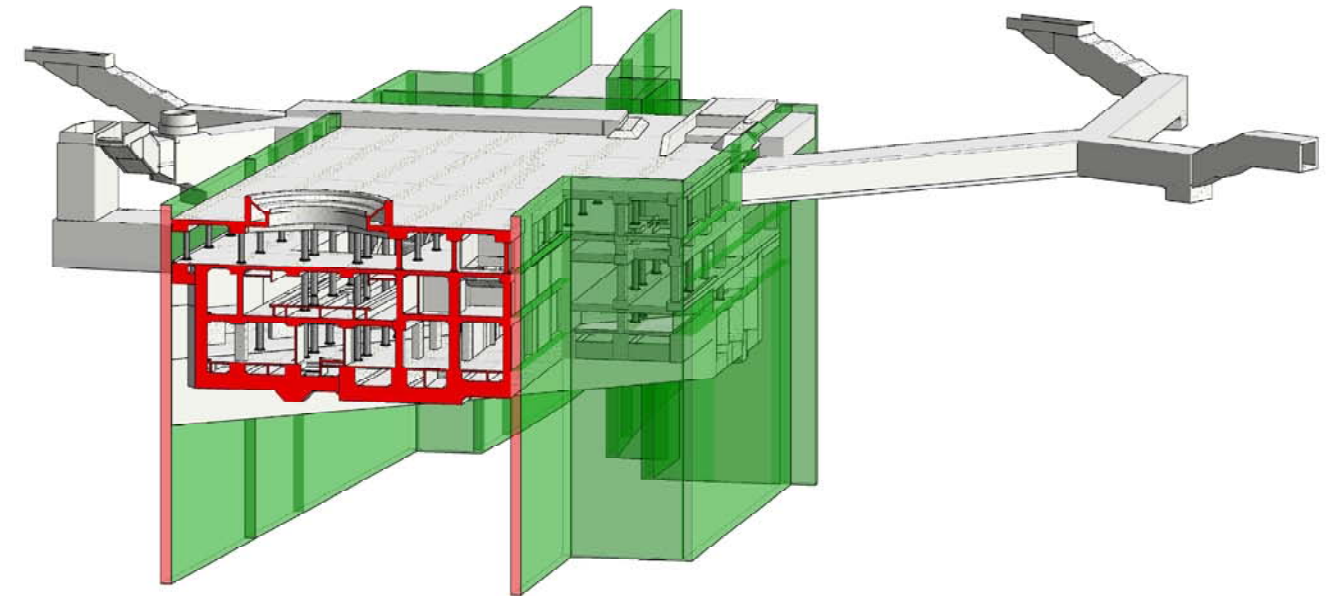
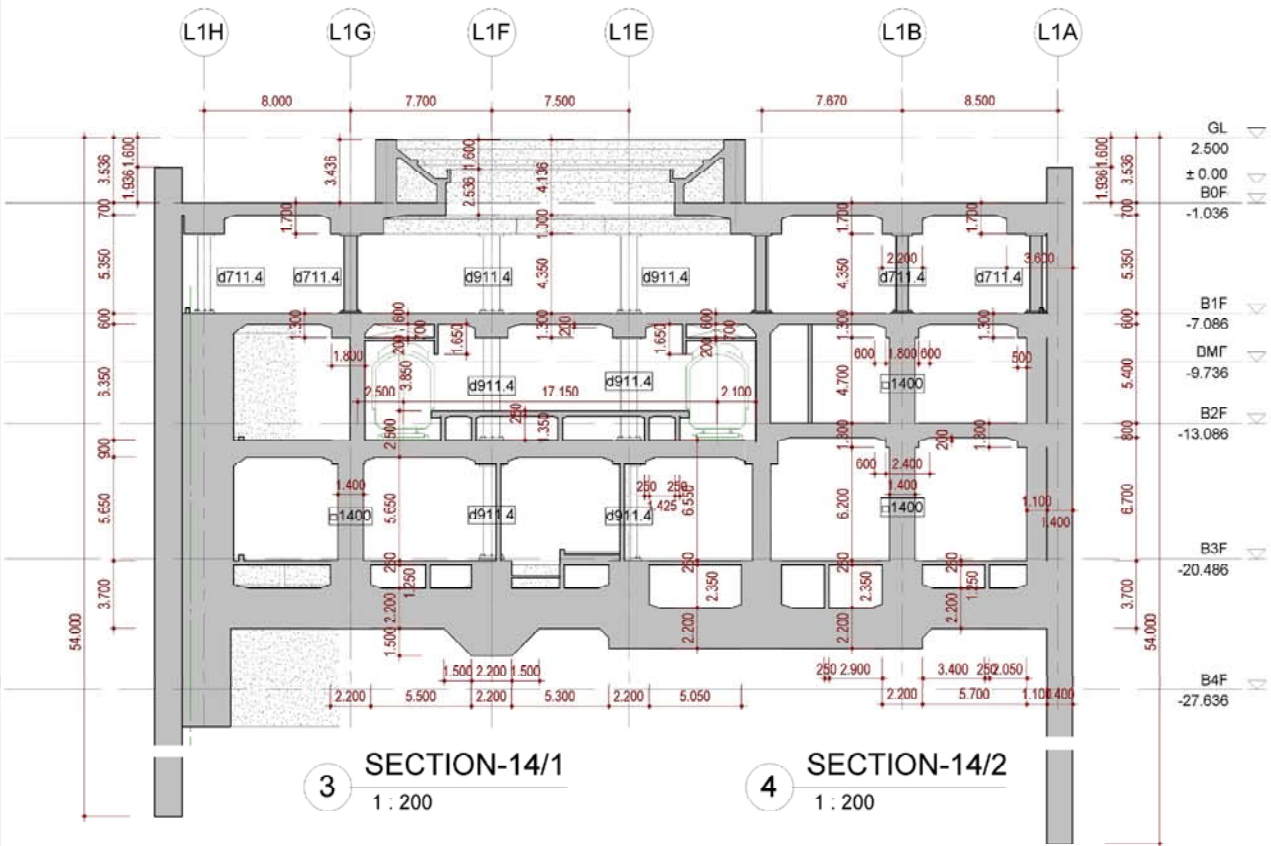
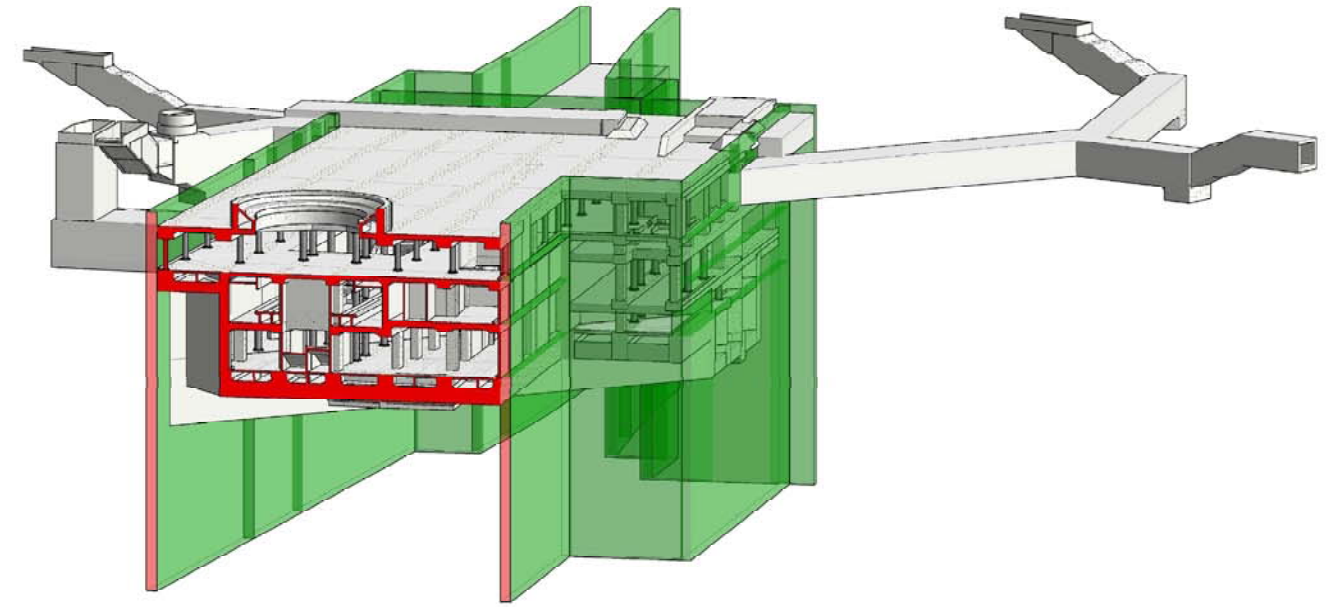
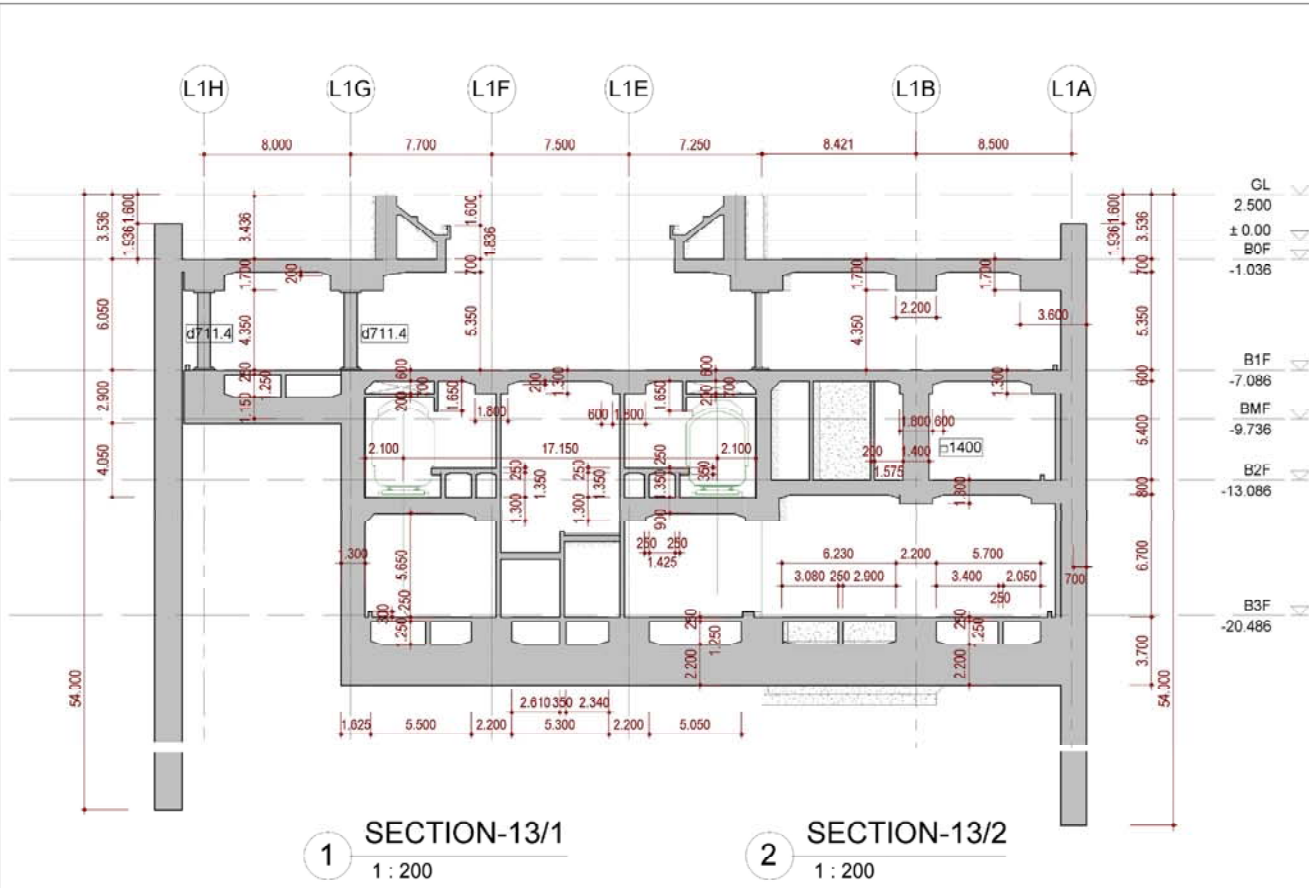
2 SECTION-11/2
1 : 200

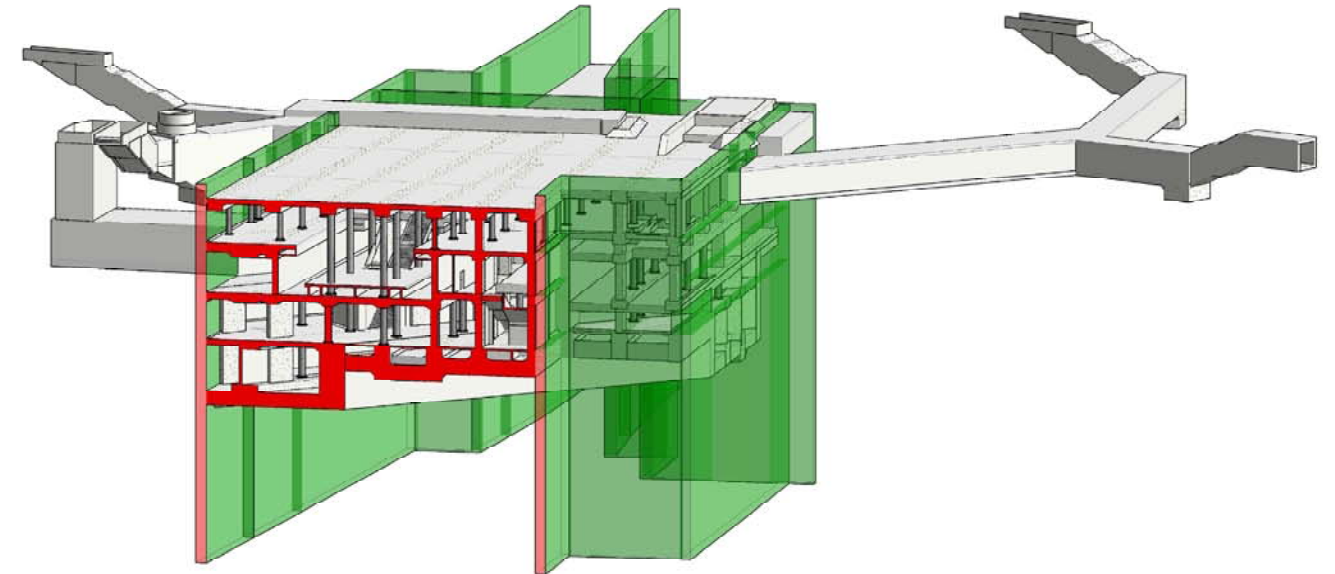
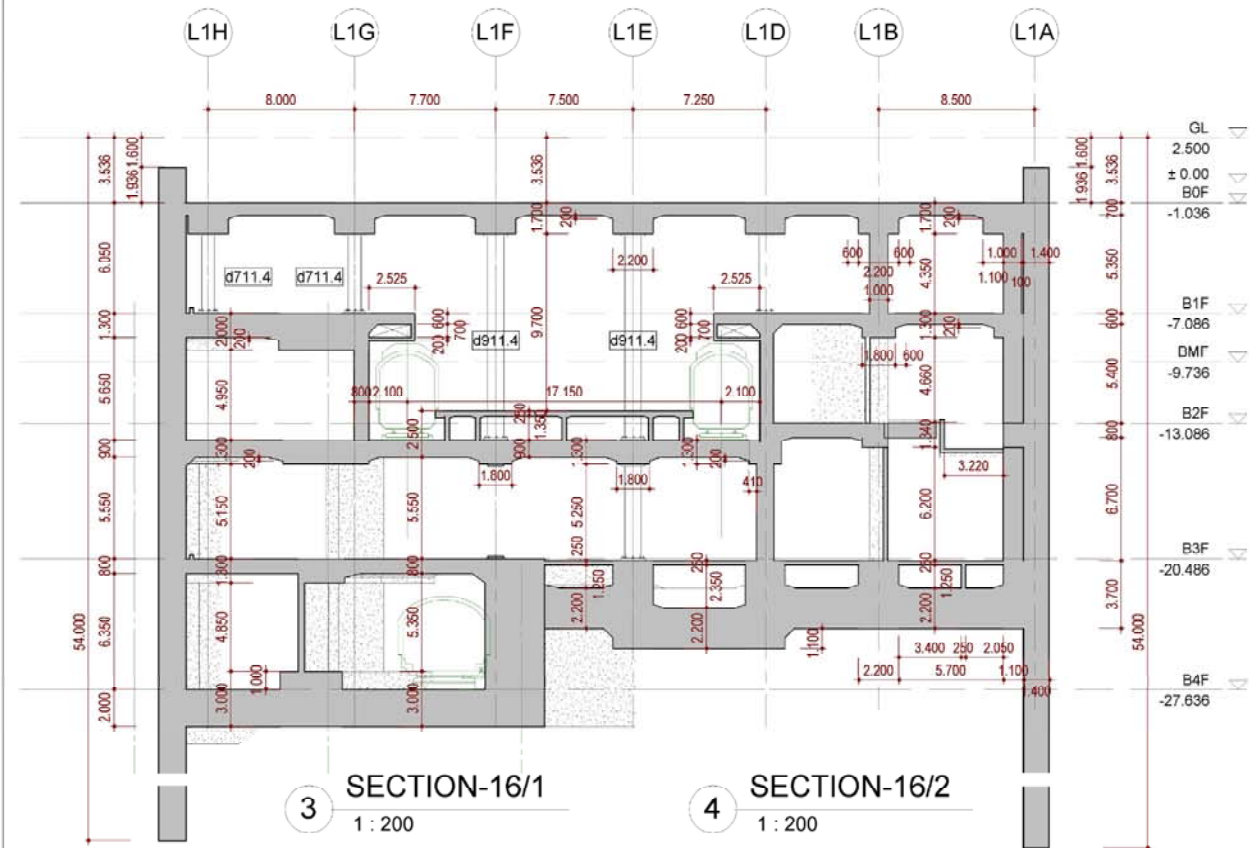
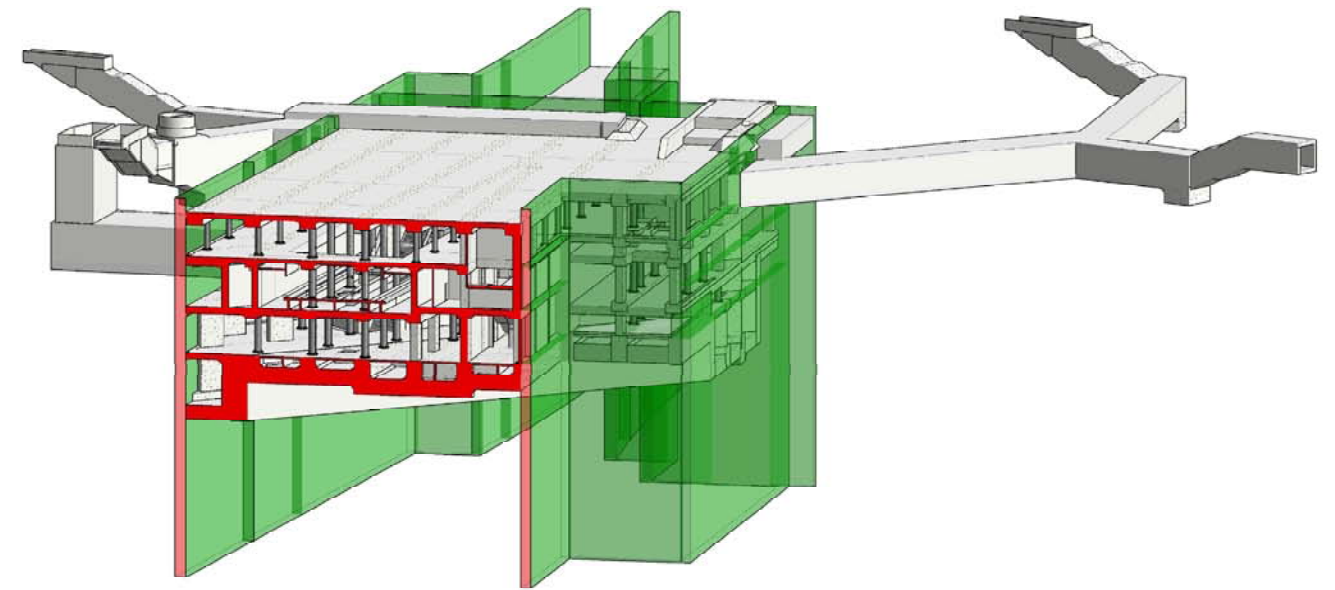
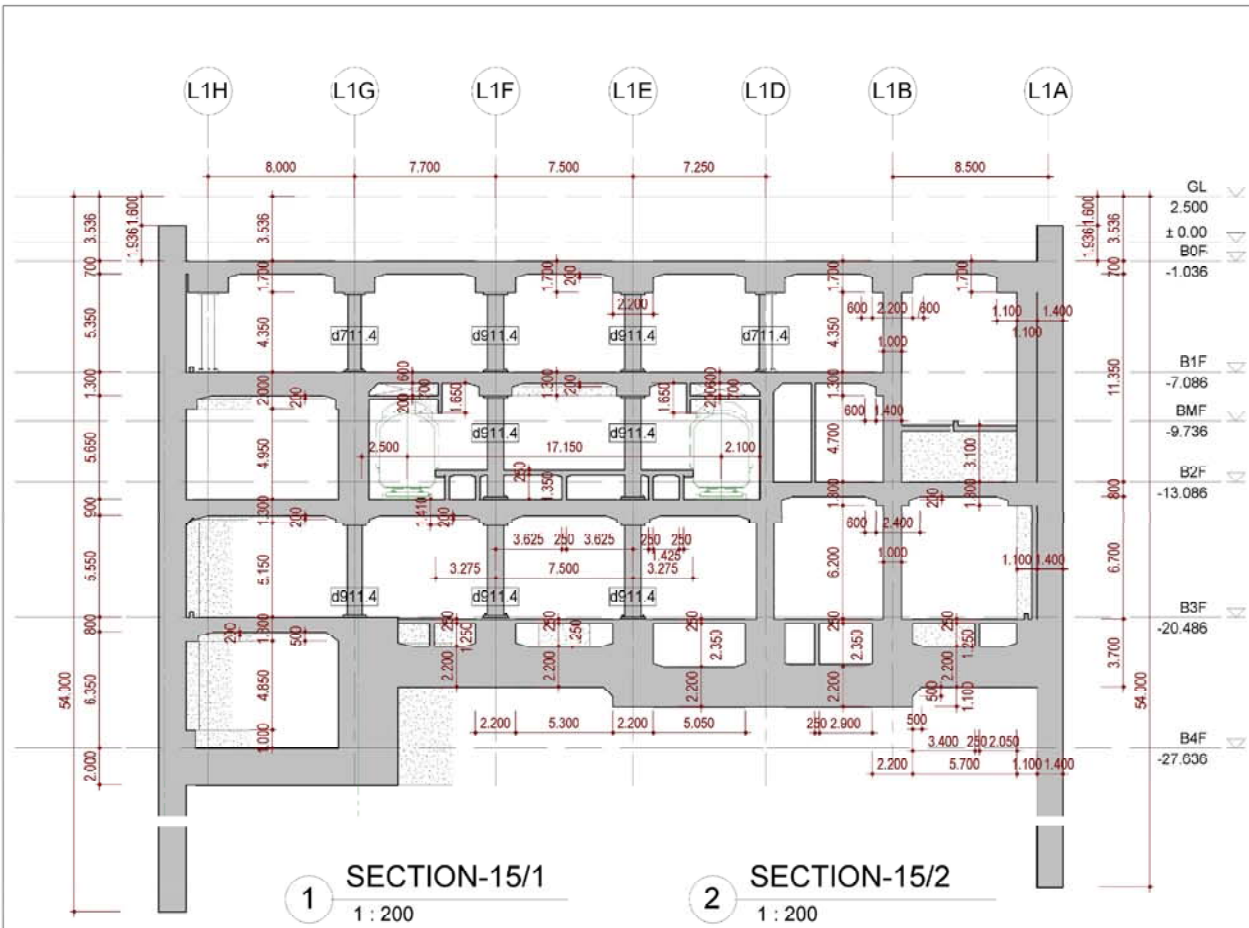


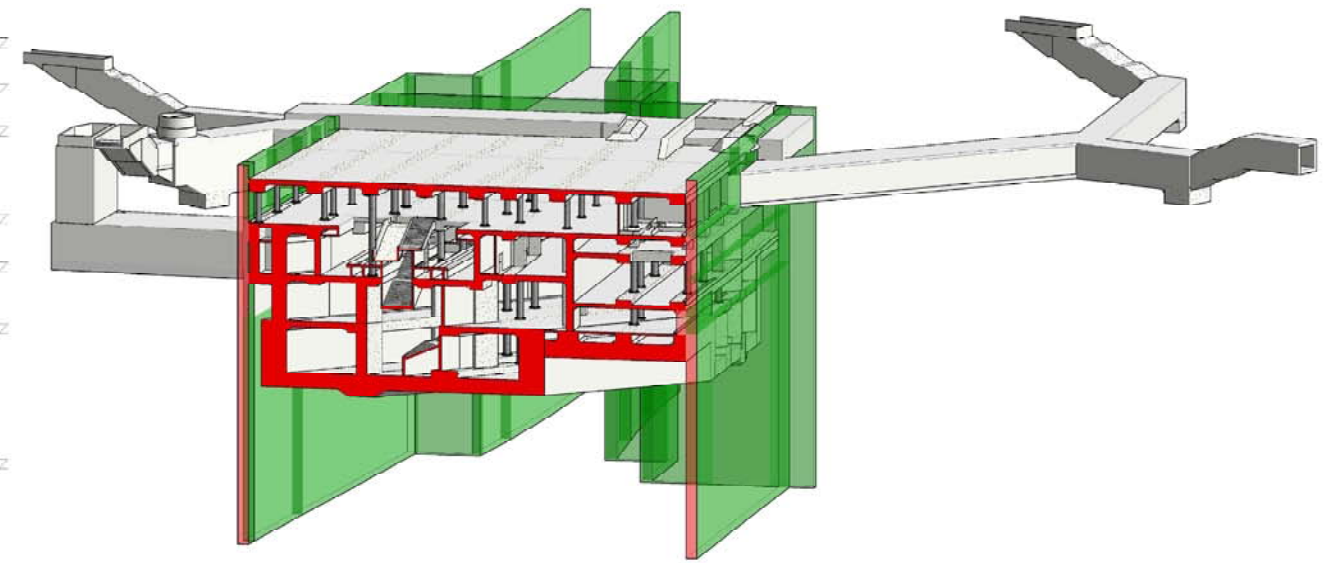
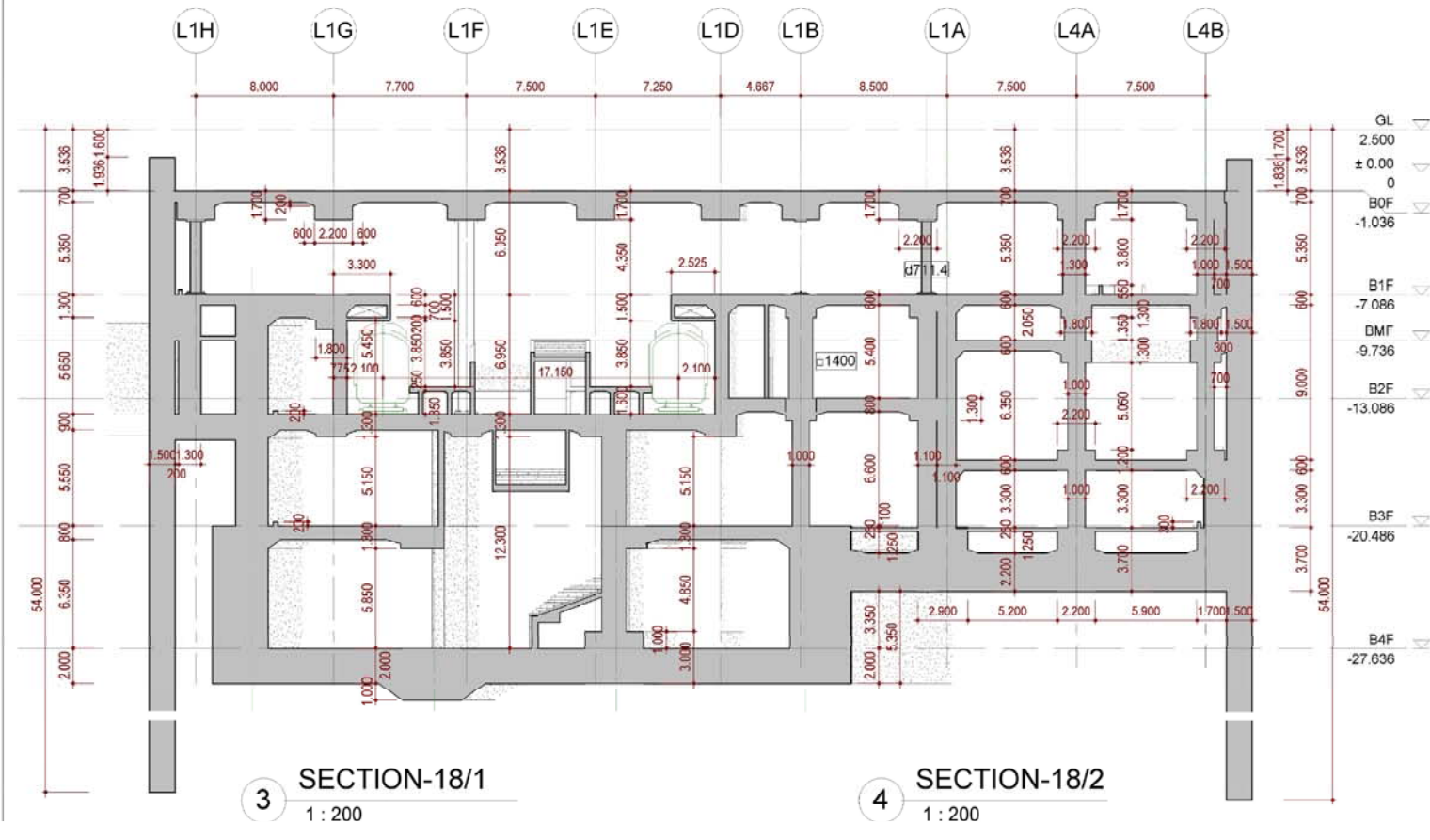
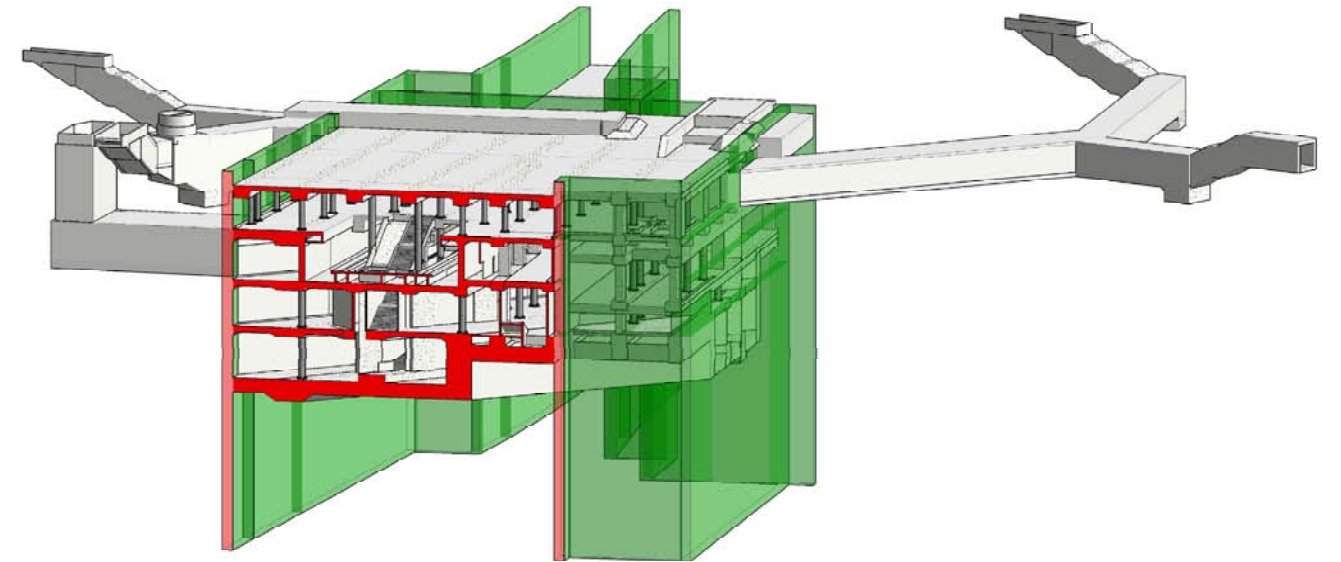
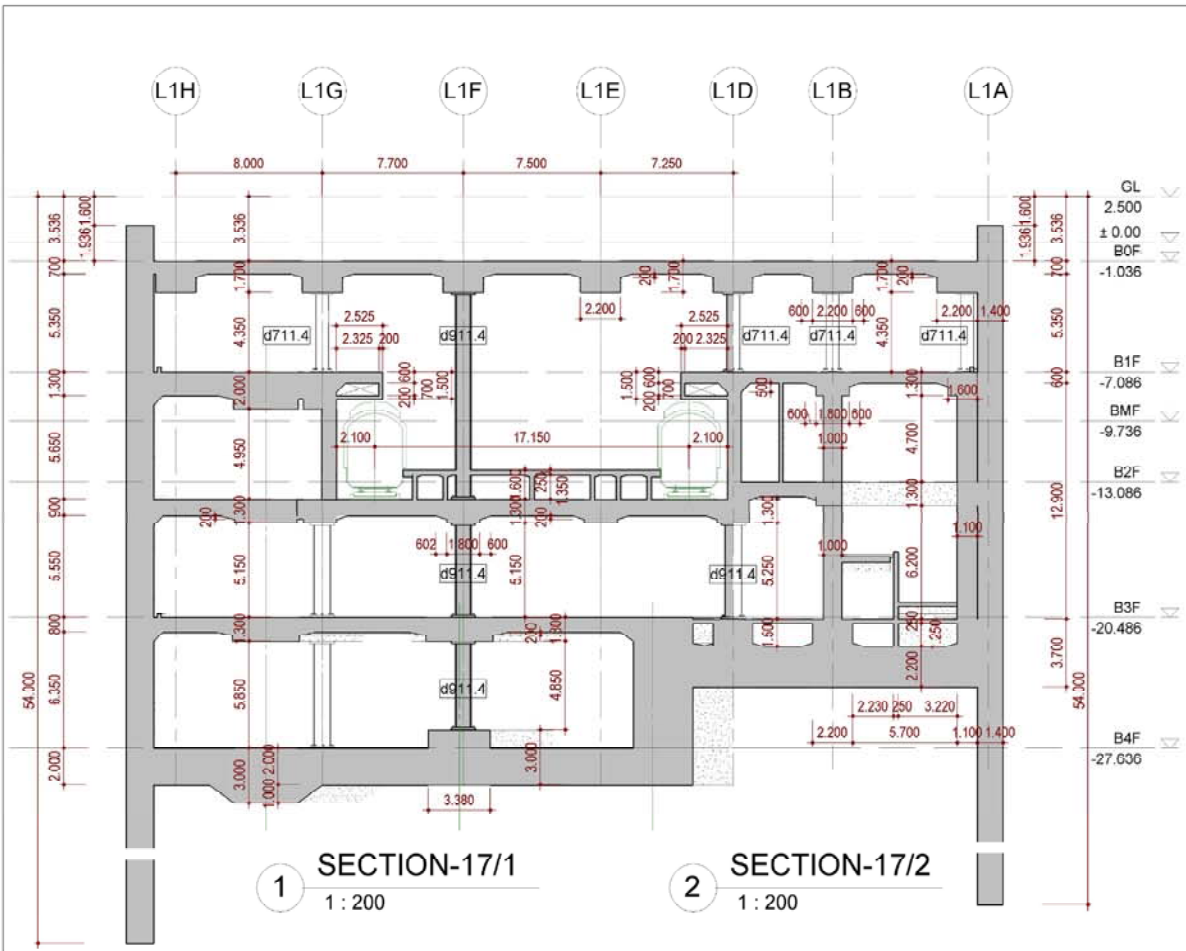
3 SECTION-12/1
1 : 200

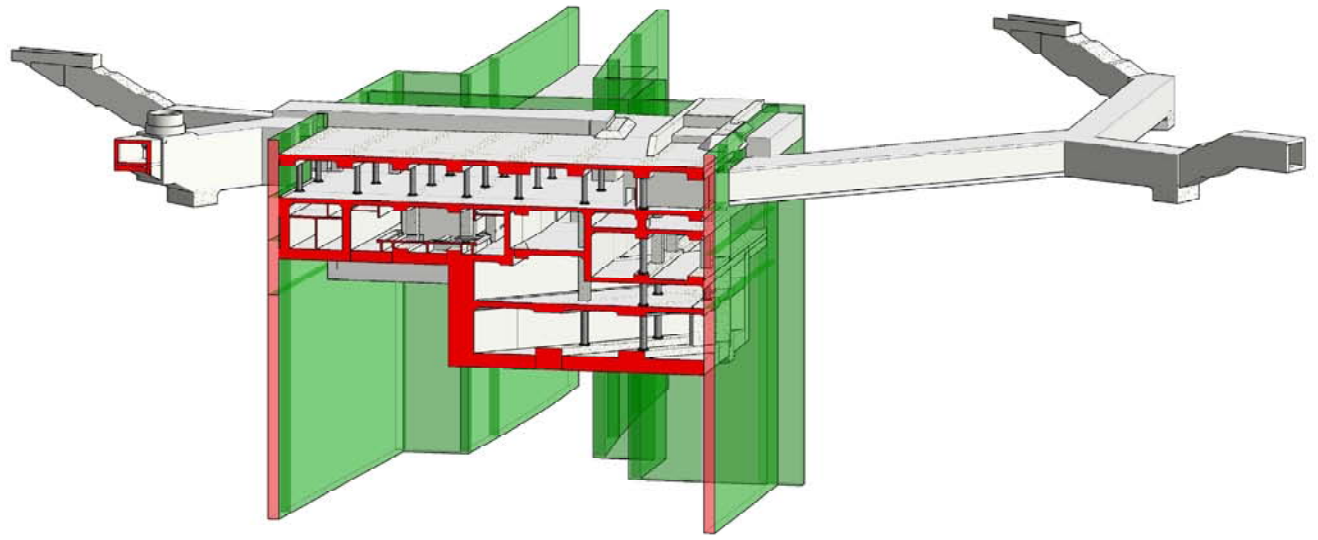
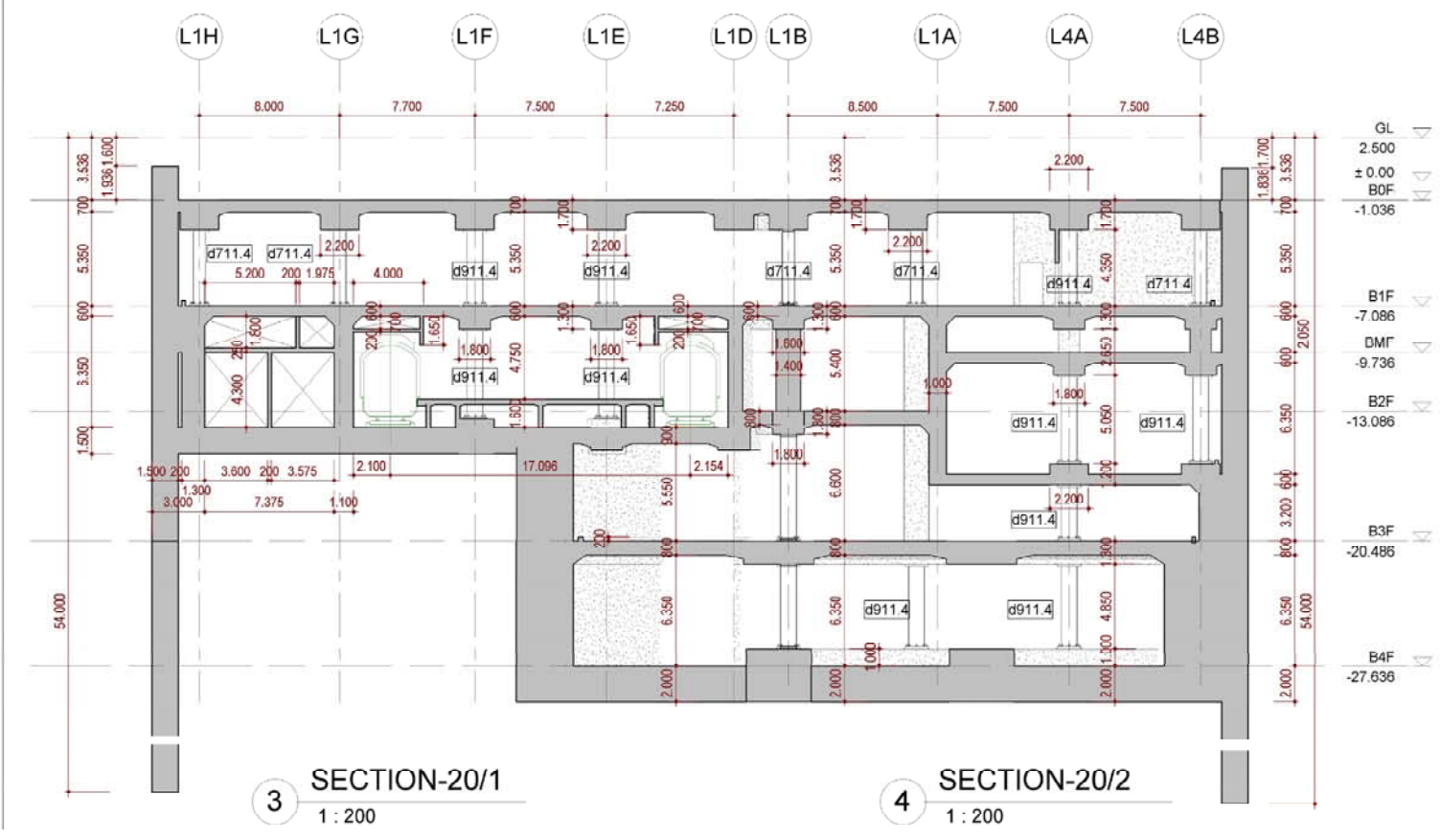
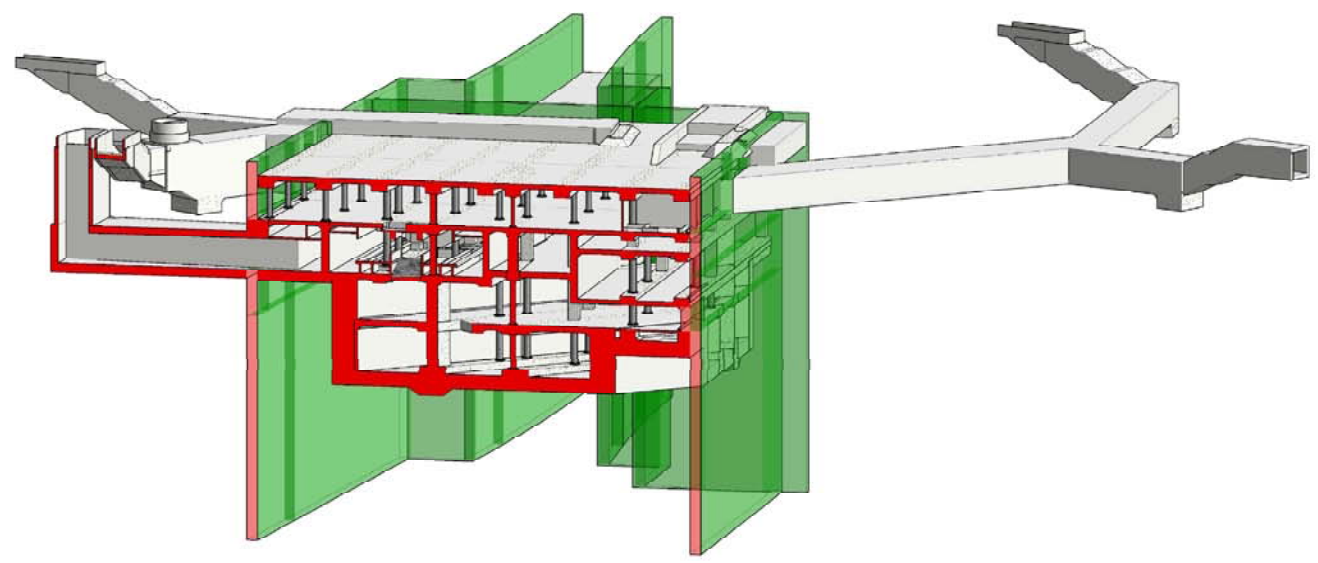
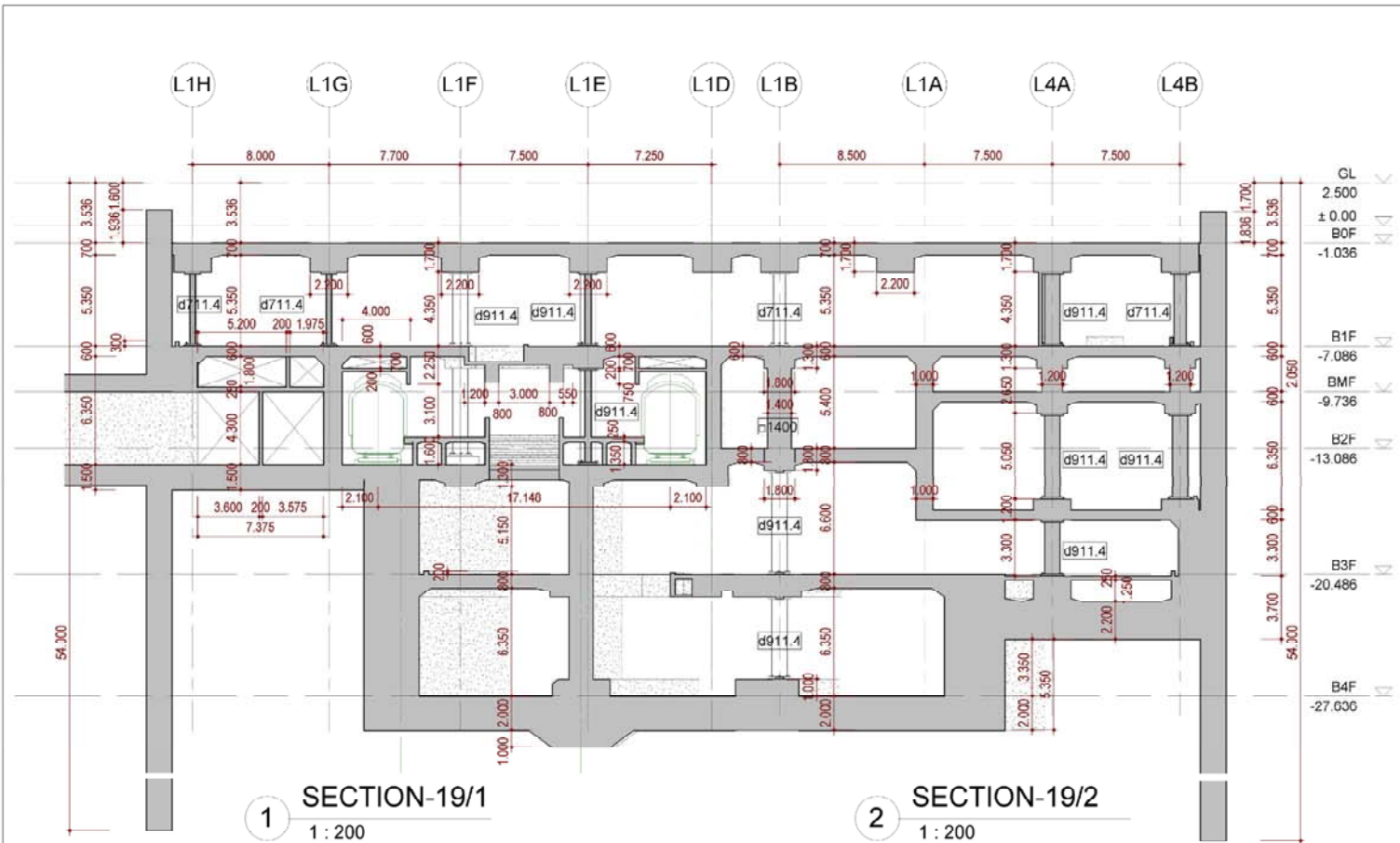
4 SECTION-12/2
1 : 200

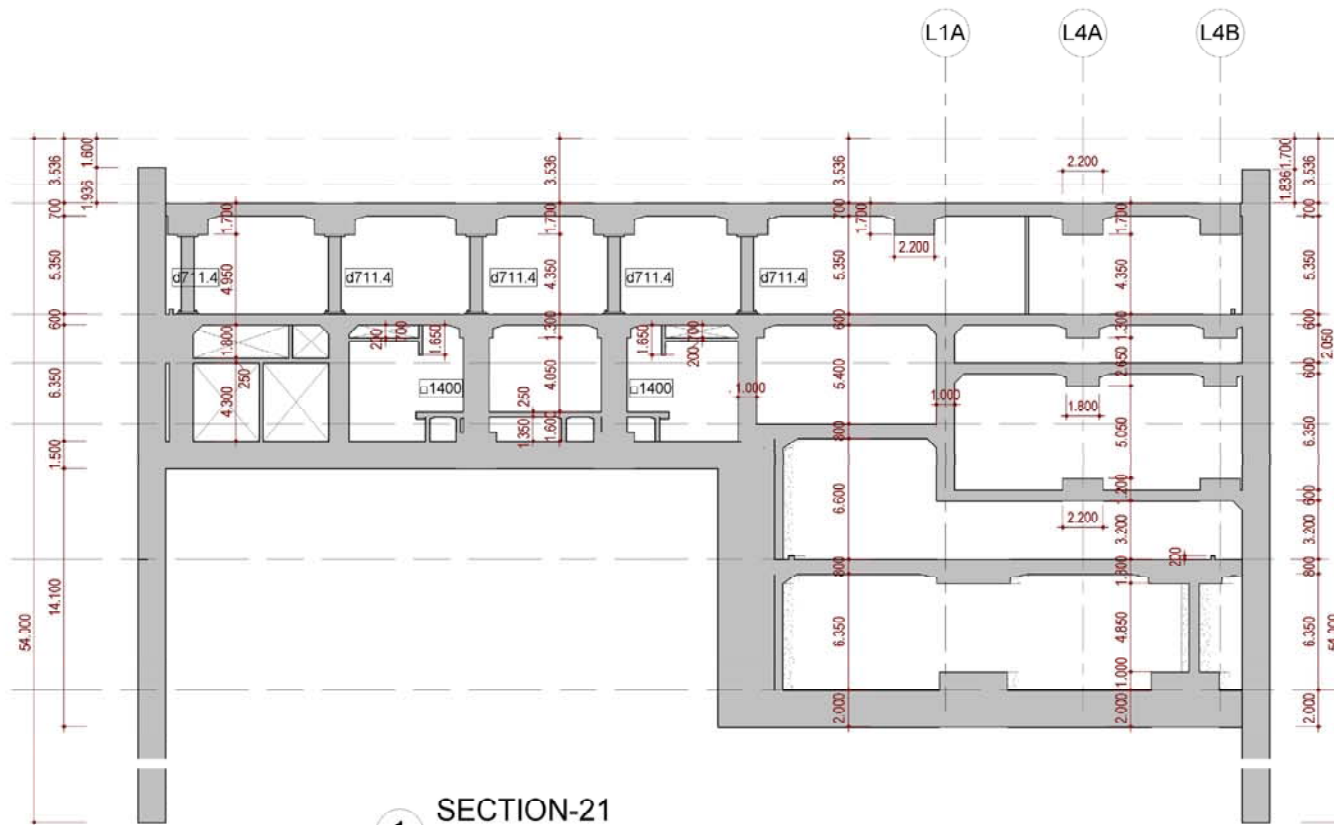




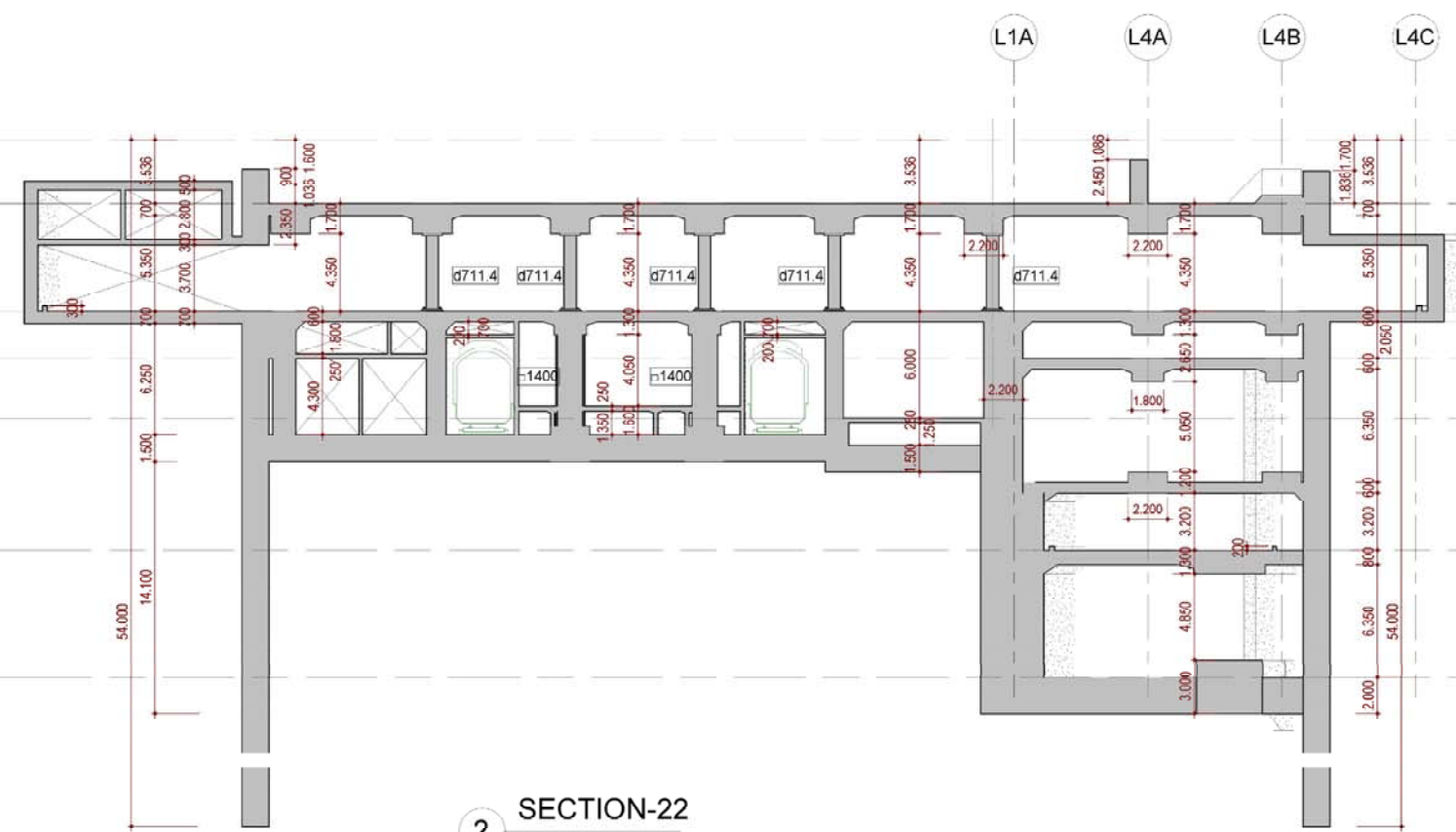
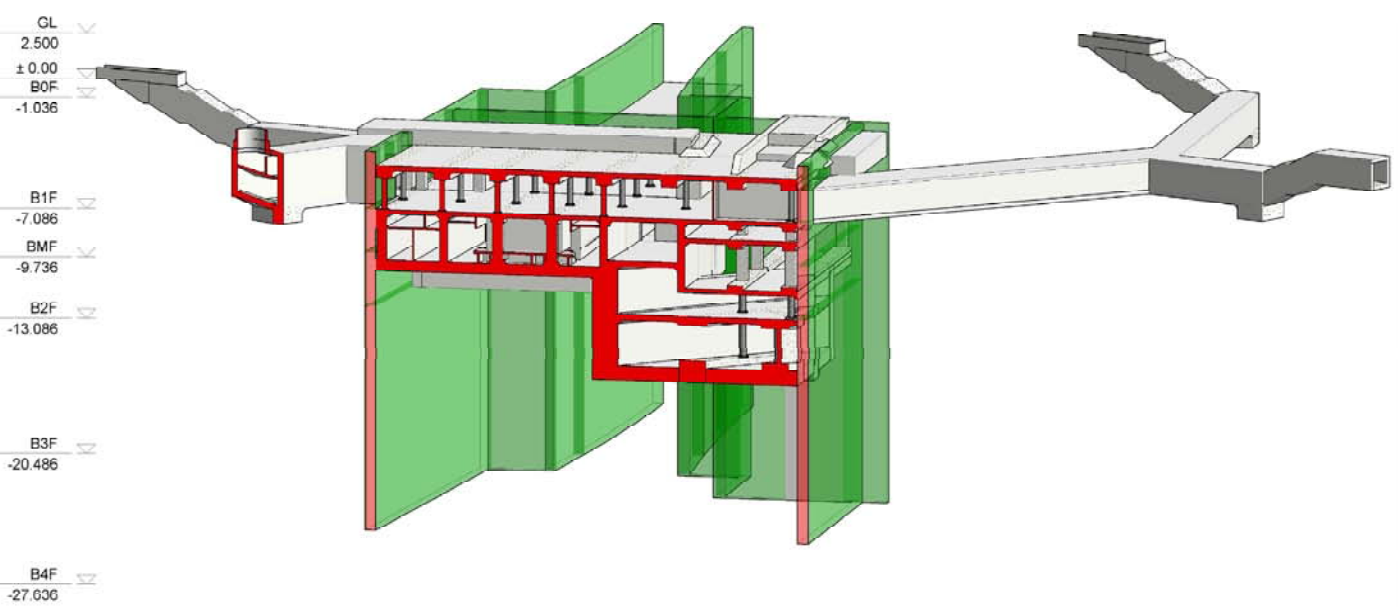




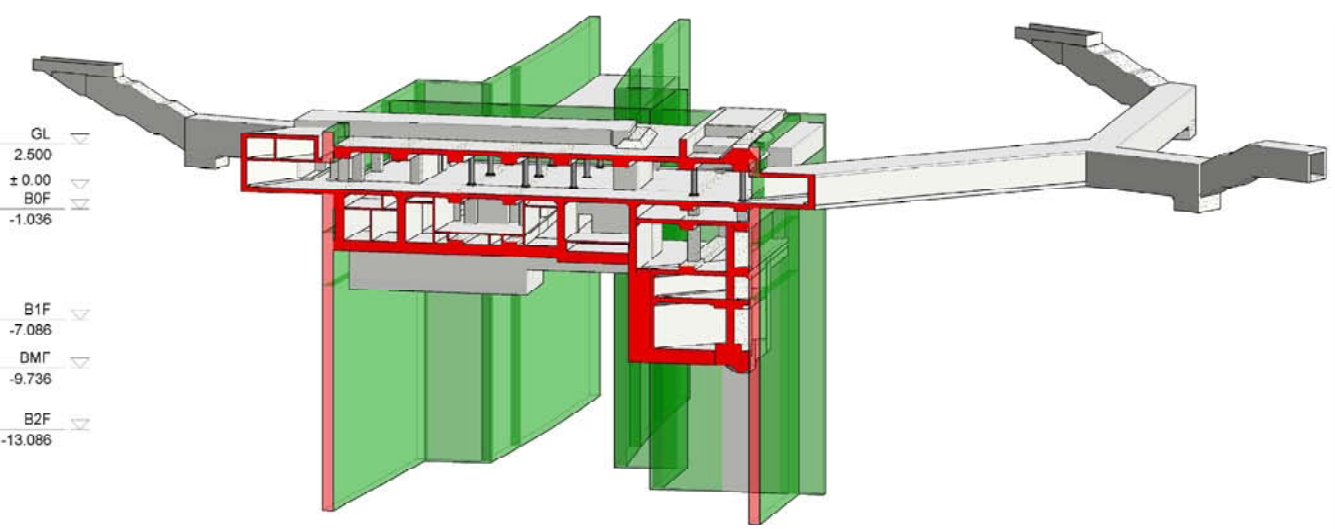


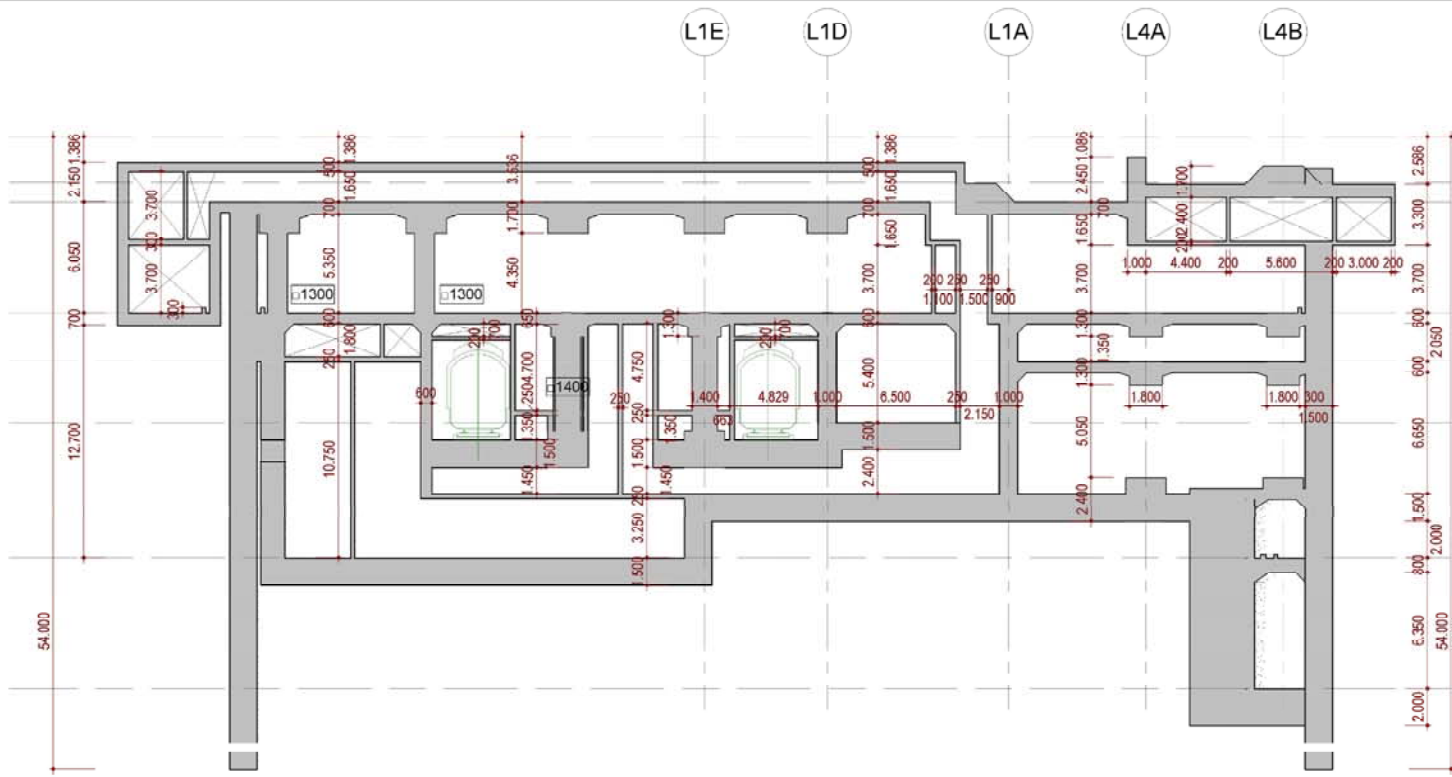


1 SECTION-21
1 : 200



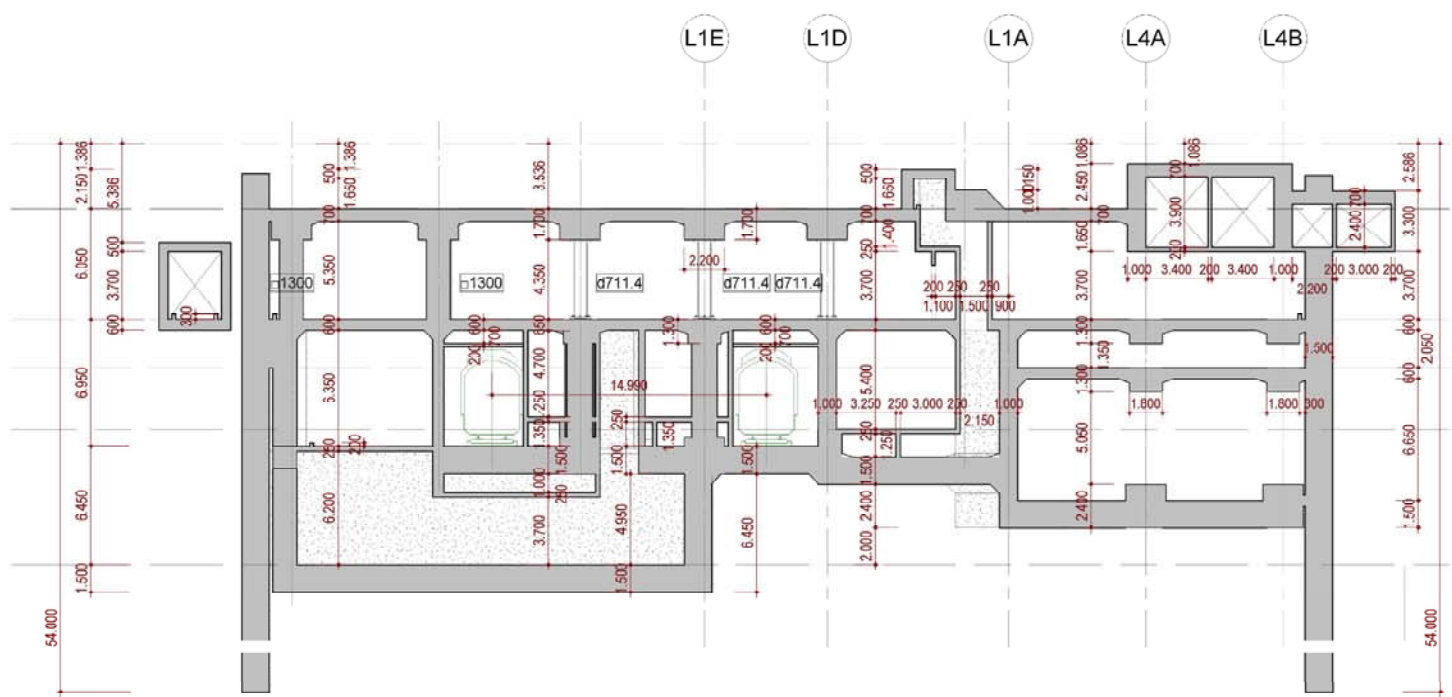
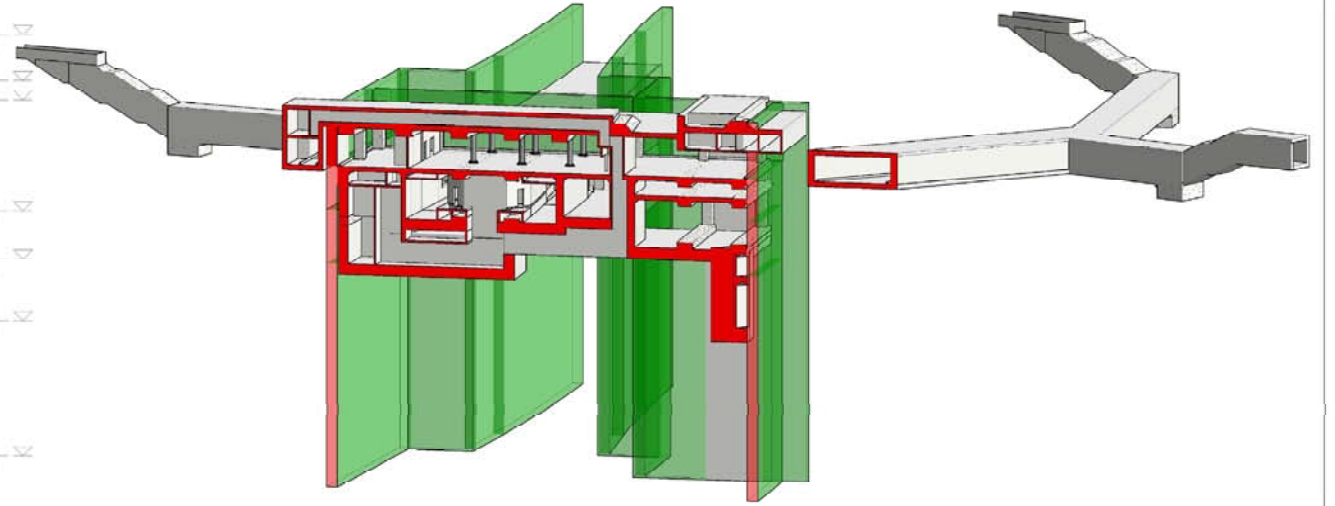
2 SECTION-22
1 : 200





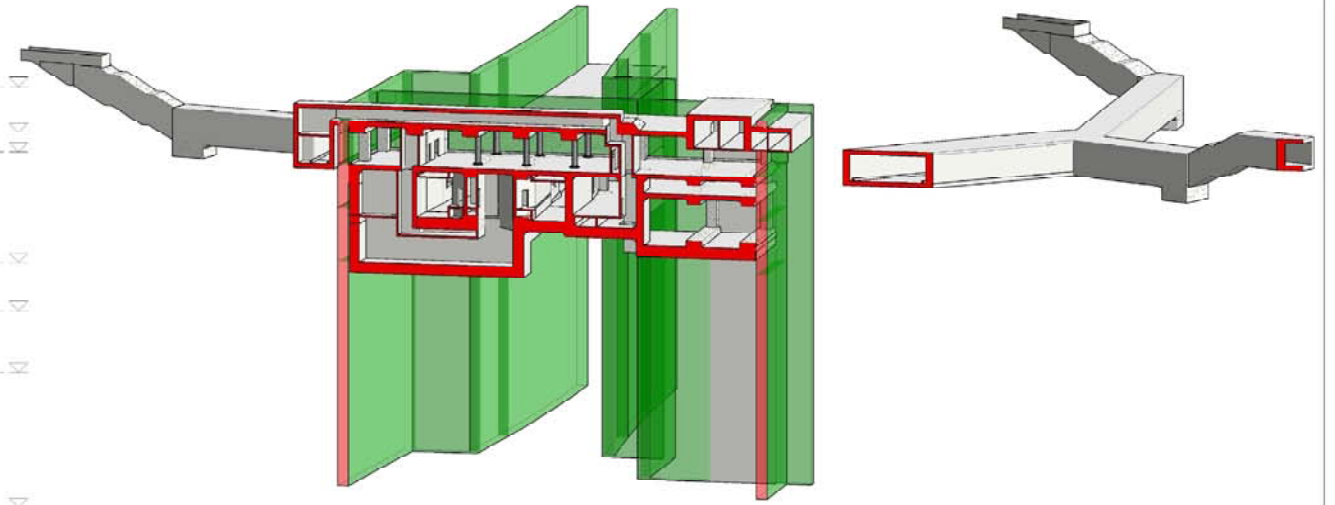
1 SECTION-23
1 : 200

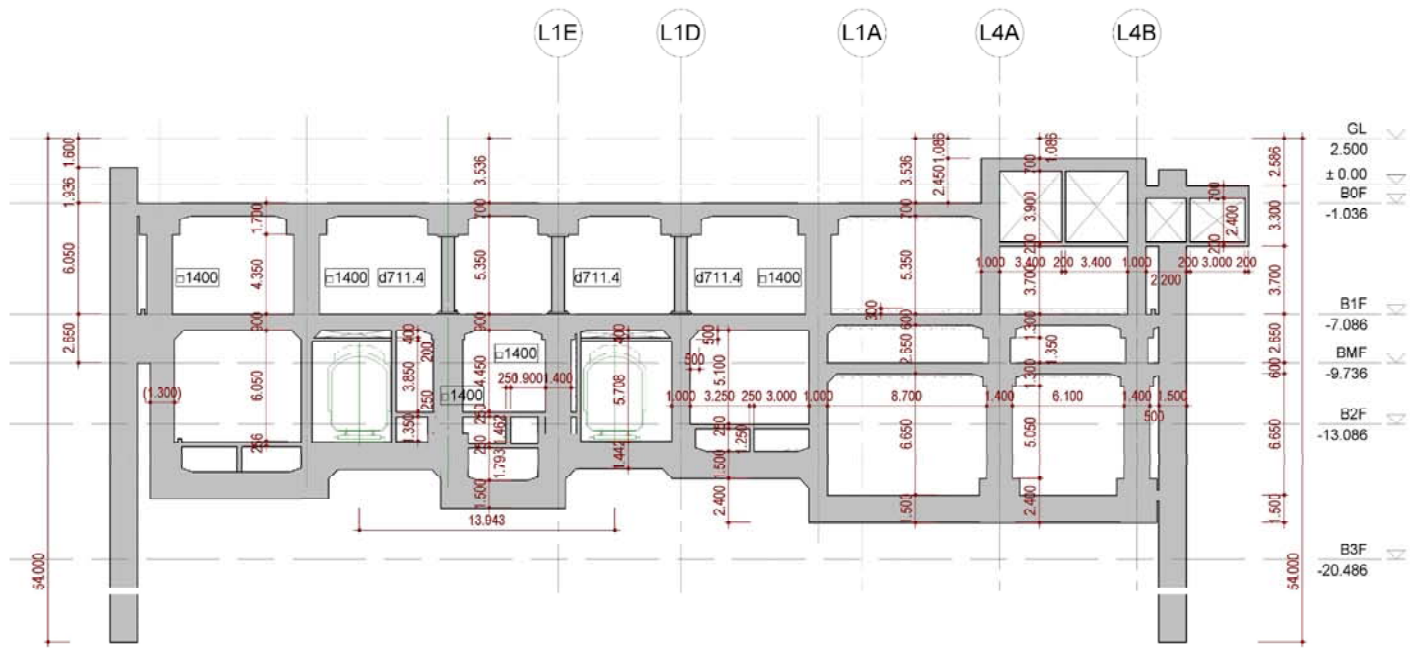
| | |
|--------|---------|
| GL | 2.500 |
| ± 0.00 | |
| BOF | -1.036 |
| B1F | -7.086 |
| BMF | -9.736 |
| B2F | -13.086 |
| B3F | -20.486 |
| B4F | -27.636 |



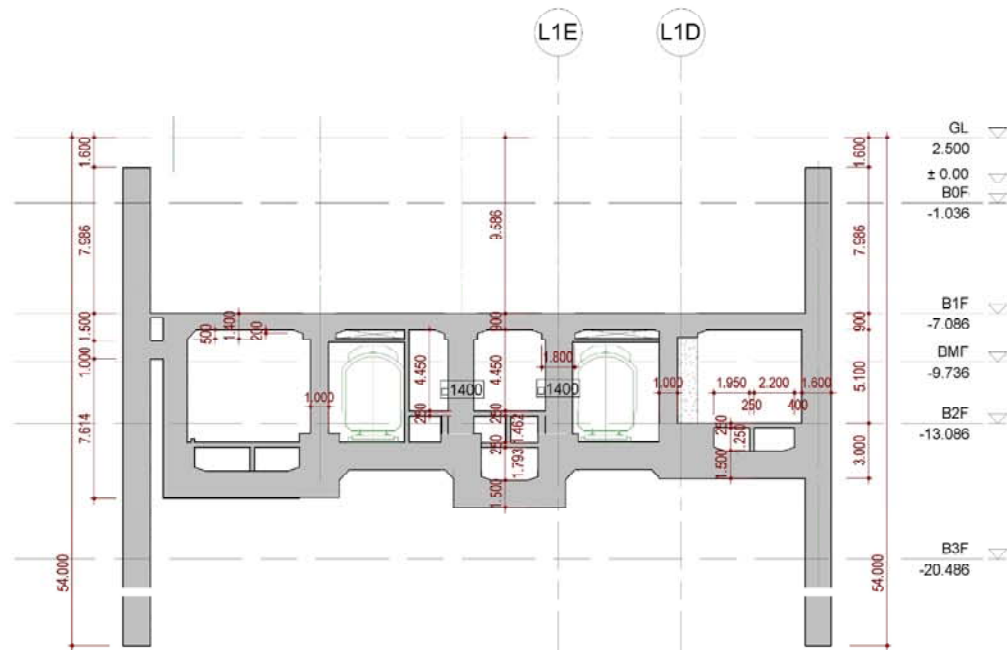
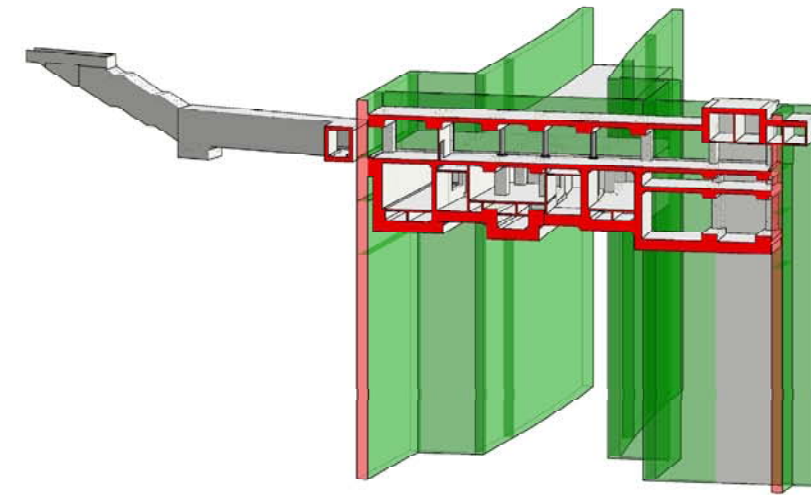
2 SECTION-24
1 : 200

| | |
|--------|---------|
| GL | 2.500 |
| ± 0.00 | |
| BOF | -1.036 |
| B1F | -7.086 |
| DMF | -9.736 |
| B2F | -13.086 |
| B3F | -20.486 |

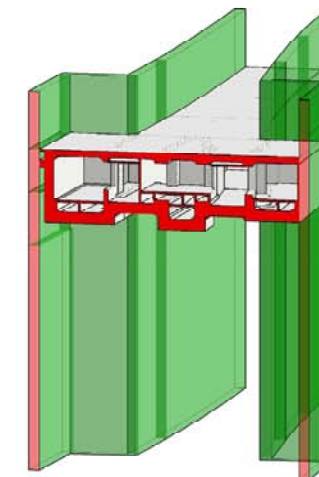


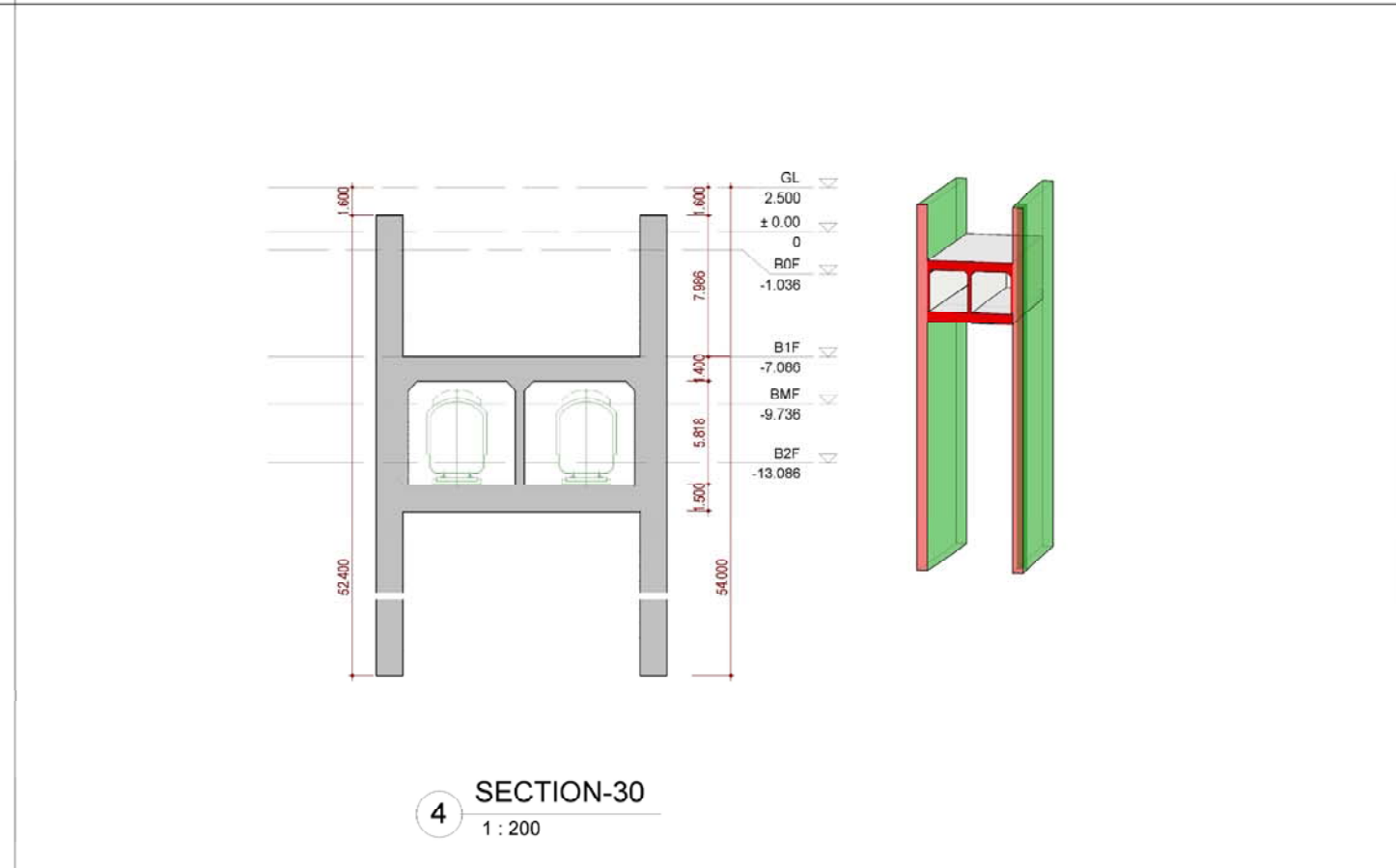
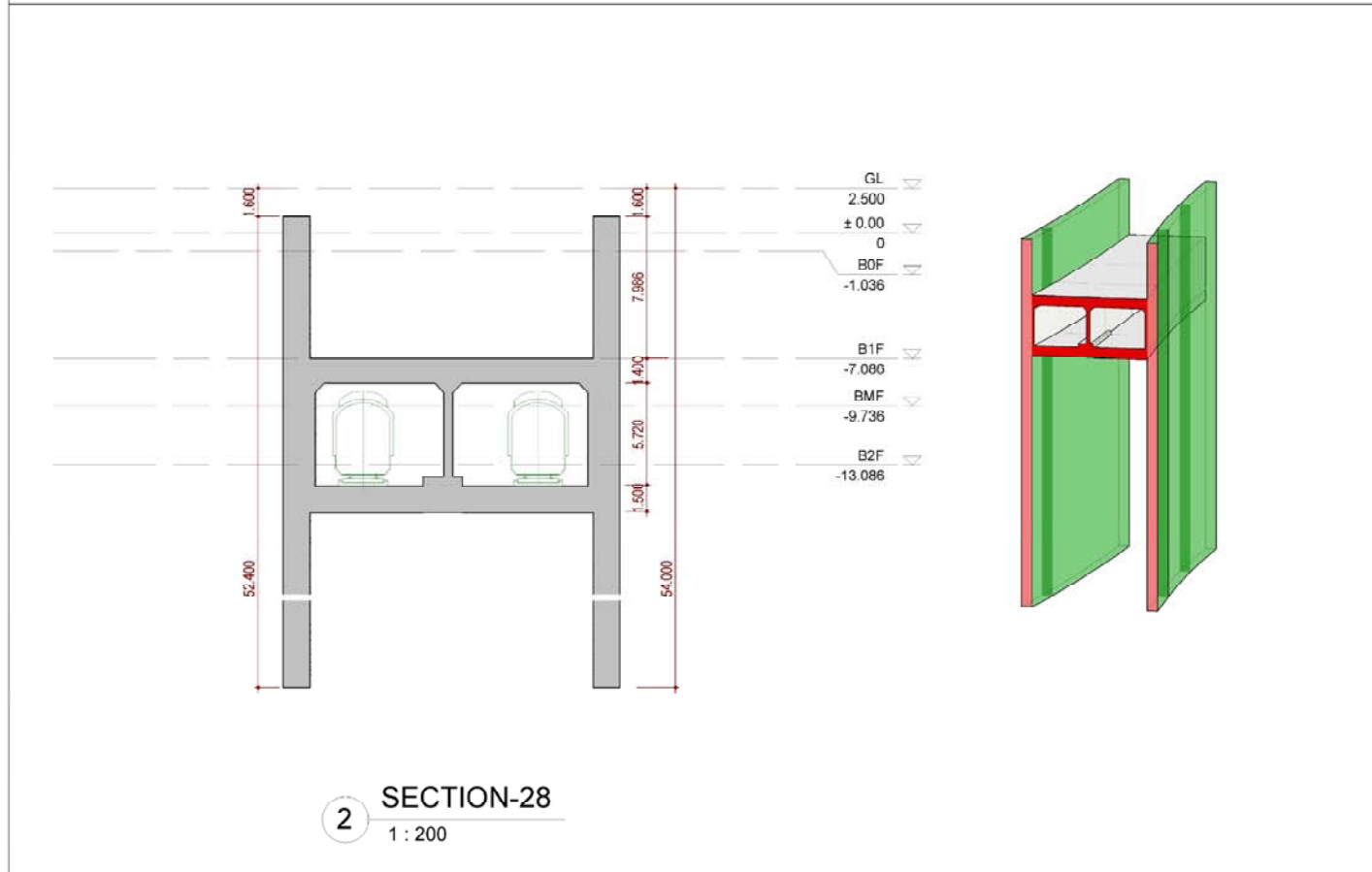
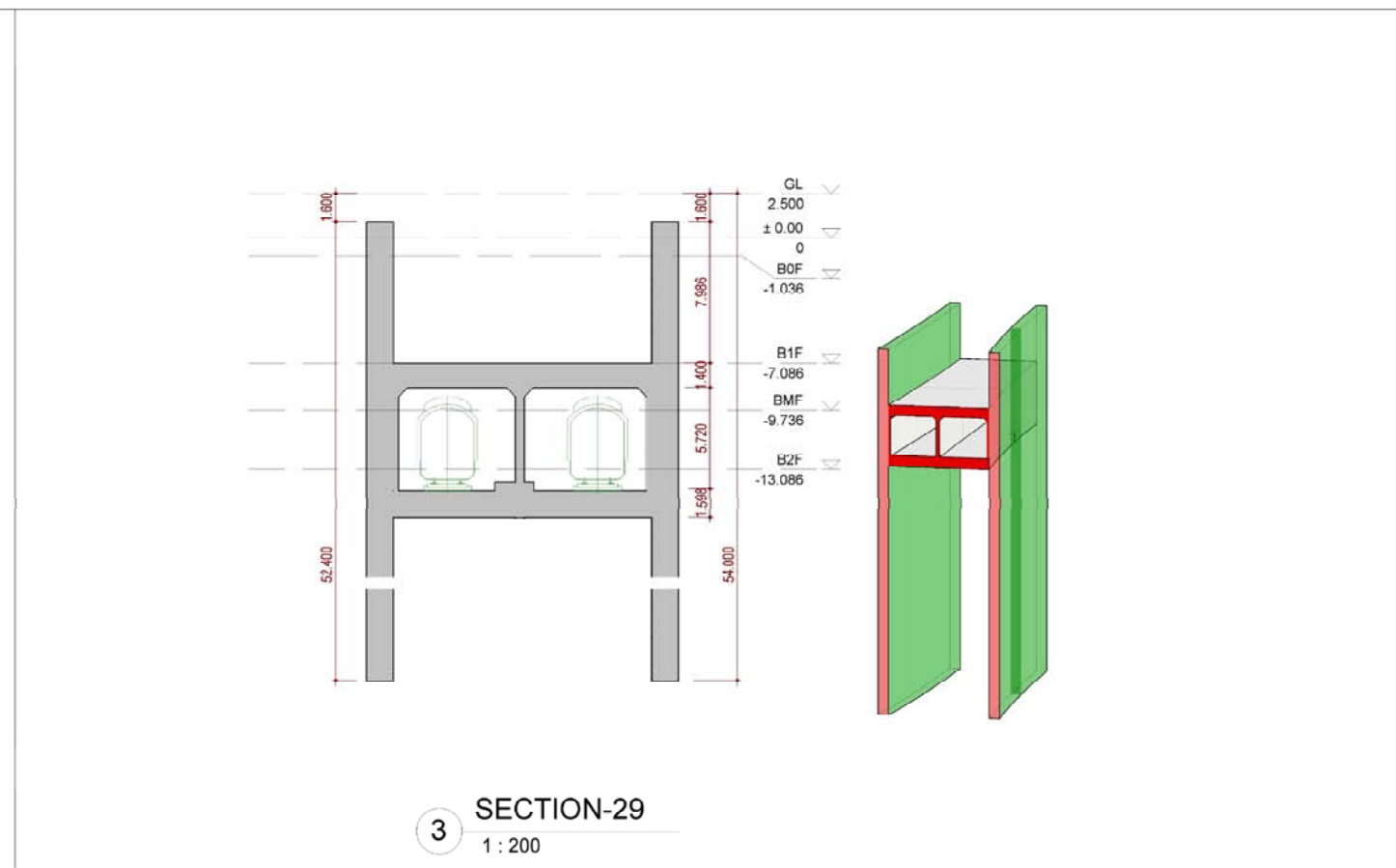
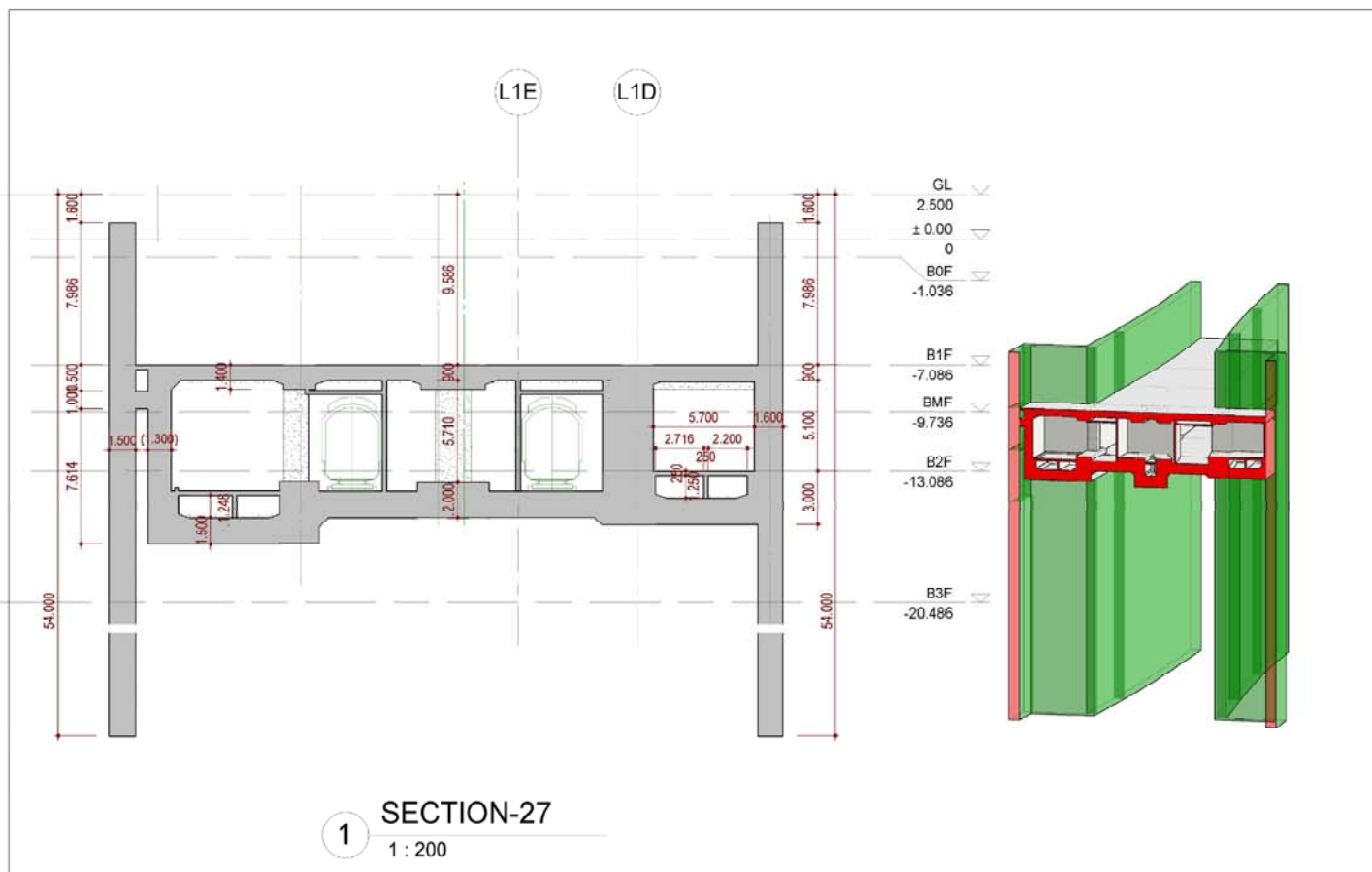


1 SECTION-25
1 : 200



2 SECTION-26
1 : 200

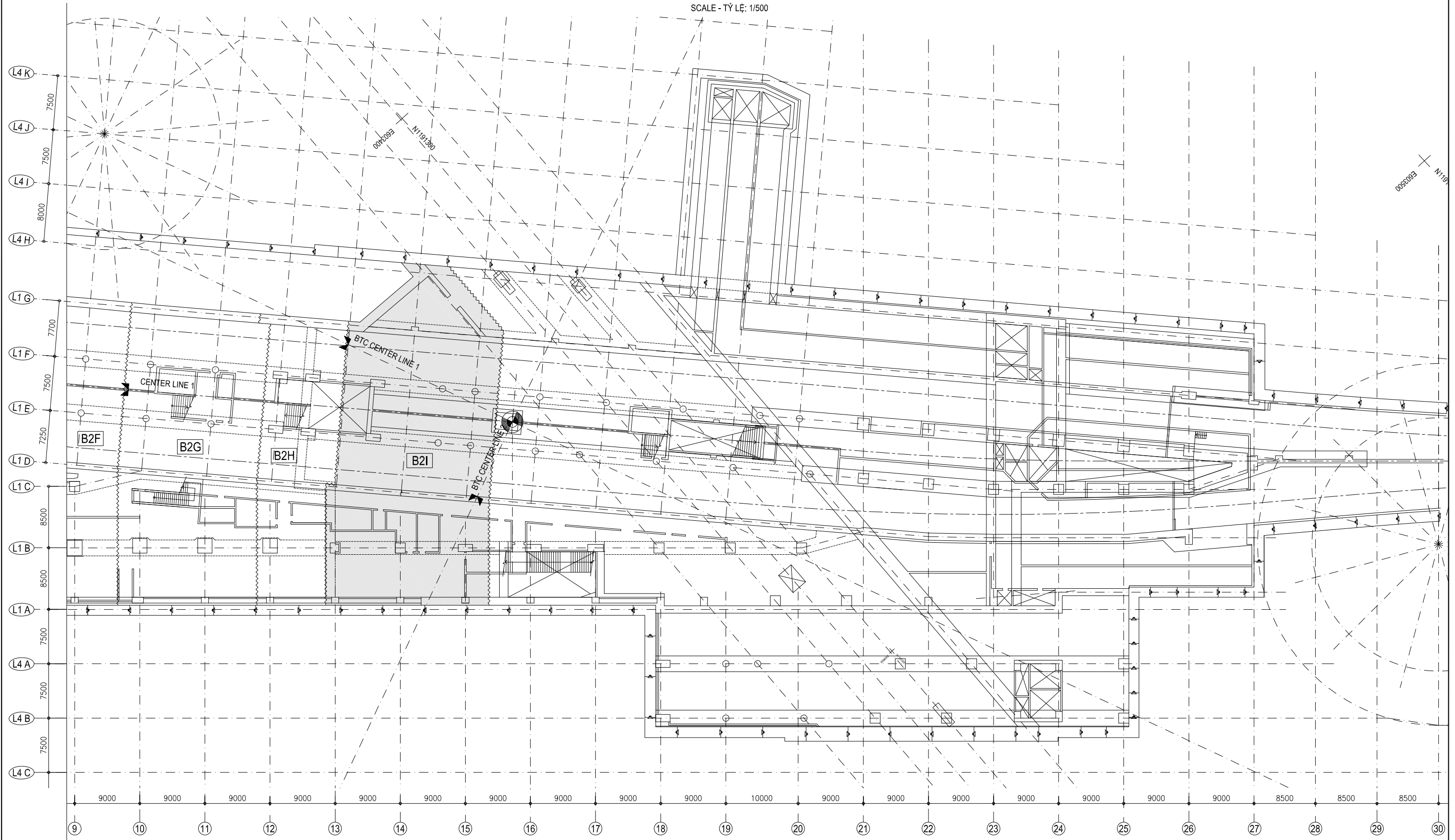




B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- CONSTRUCTION JOINT

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I- MỐI NỐI THI CÔNG

SCALE - TỶ LỆ: 1/500



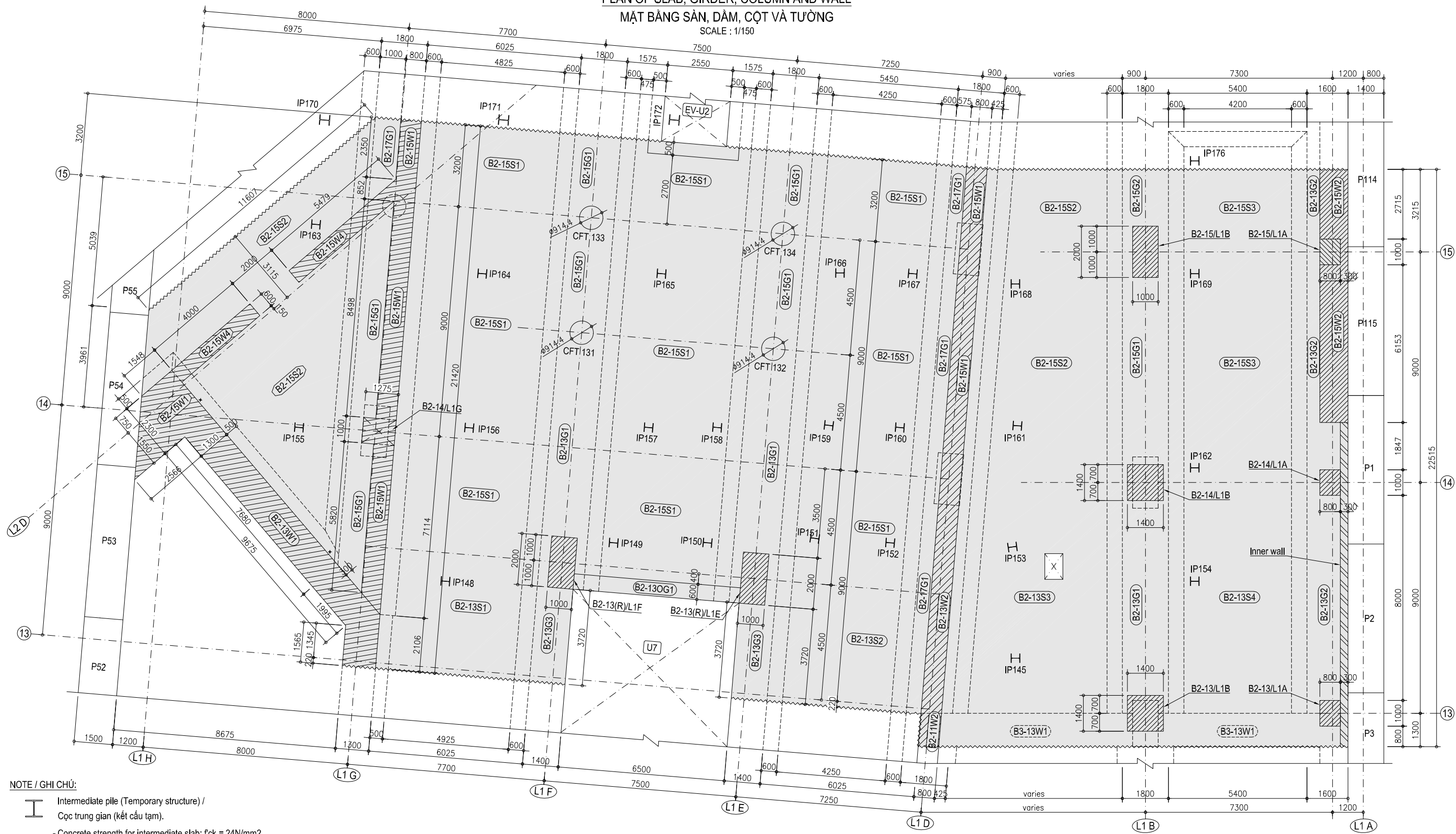
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL PLAN (01/06)



SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG KẾT CẤU (01/06)

PLAN OF SLAB, GIRDER, COLUMN AND WALL

MẶT BẰNG SÀN, DÀM, CỘT VÀ TƯỜNG

SCALE : 1/150

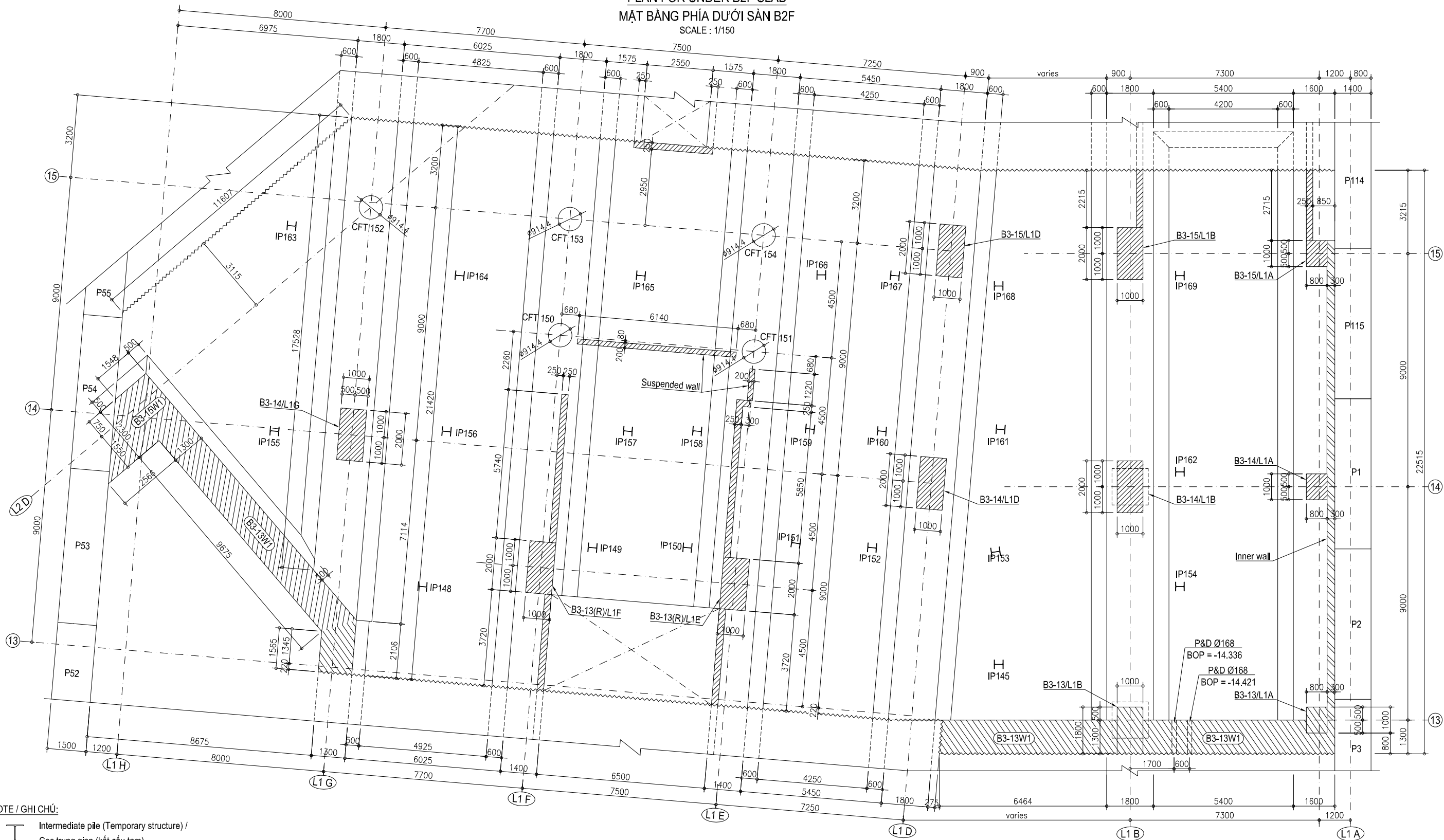




- NOTE / GHI CHÚ:
-  Intermediate pile (Temporary structure) / Cọc trung gian (kết cấu tạm).
 - Concrete strength for intermediate slab: $f'_{ck} = 24\text{N/mm}^2$.
Cường độ bê tông sàn trung gian: $f'_{ck} = 24\text{N/mm}^2$.
 -  Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL PLAN (02/06)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG KẾT CẤU (02/06)

PLAN FOR UNDER B2F SLAB
MẶT BẰNG PHÍA DƯỚI SÀN B2F
SCALE: 1/150

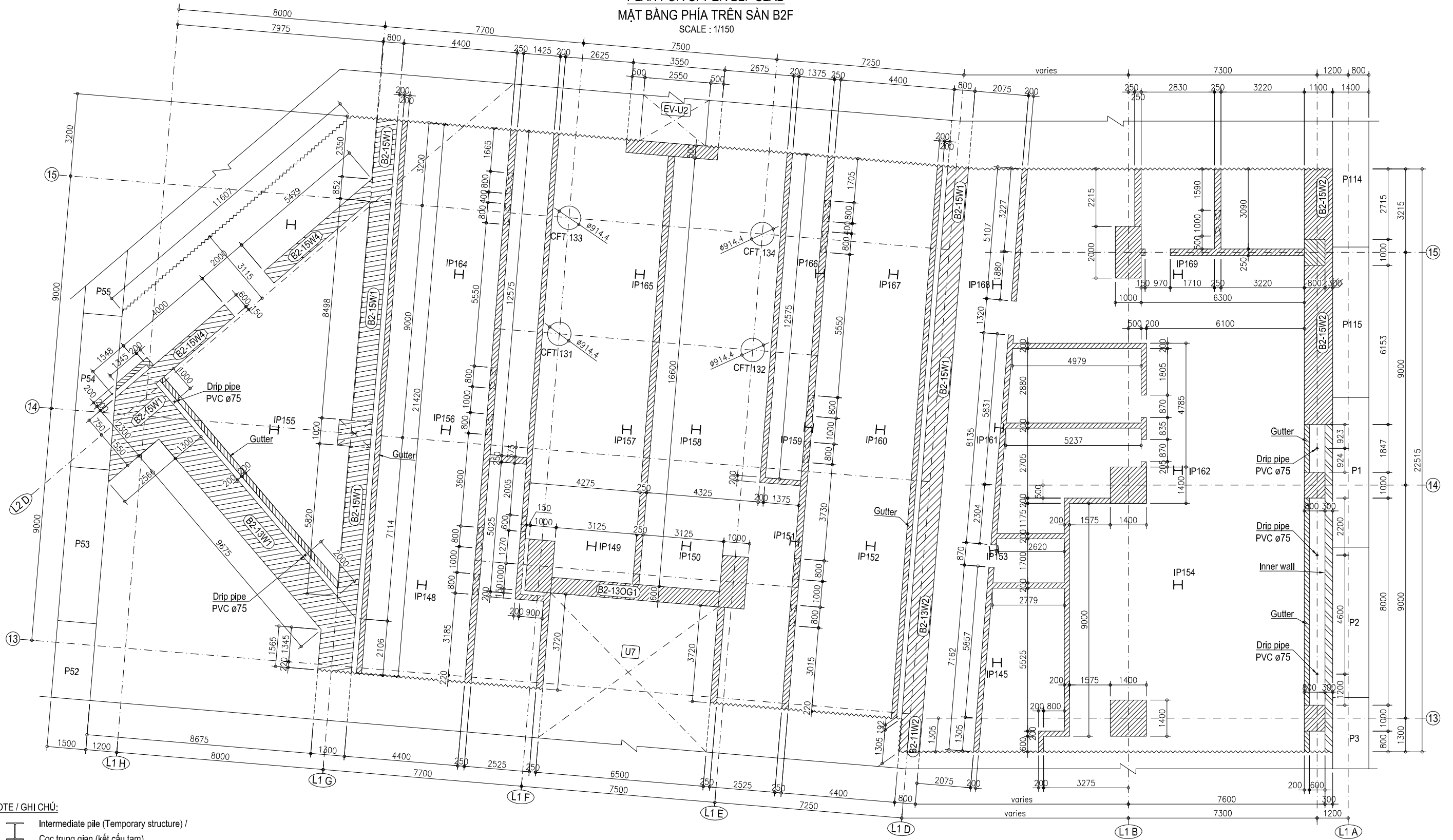


- NOTE / GHI CHÚ:
-  Intermediate pile (Temporary structure) / Cọc trung gian (kết cấu tạm).
 -  Construction joint / Mối nối thi công
 - BOP: Bottom of pipe / đáy ống

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL PLAN (03/06)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG KẾT CẤU (03/06)

PLAN FOR UPPER B2F SLAB
MẶT BẰNG PHÍA TRÊN SÀN B2F
SCALE: 1/150



NOTE / GHI CHÚ:

- Intermediate pile (Temporary structure) / Cọc trung gian (kết cấu tạm).
- Construction joint / Mối nối thi công

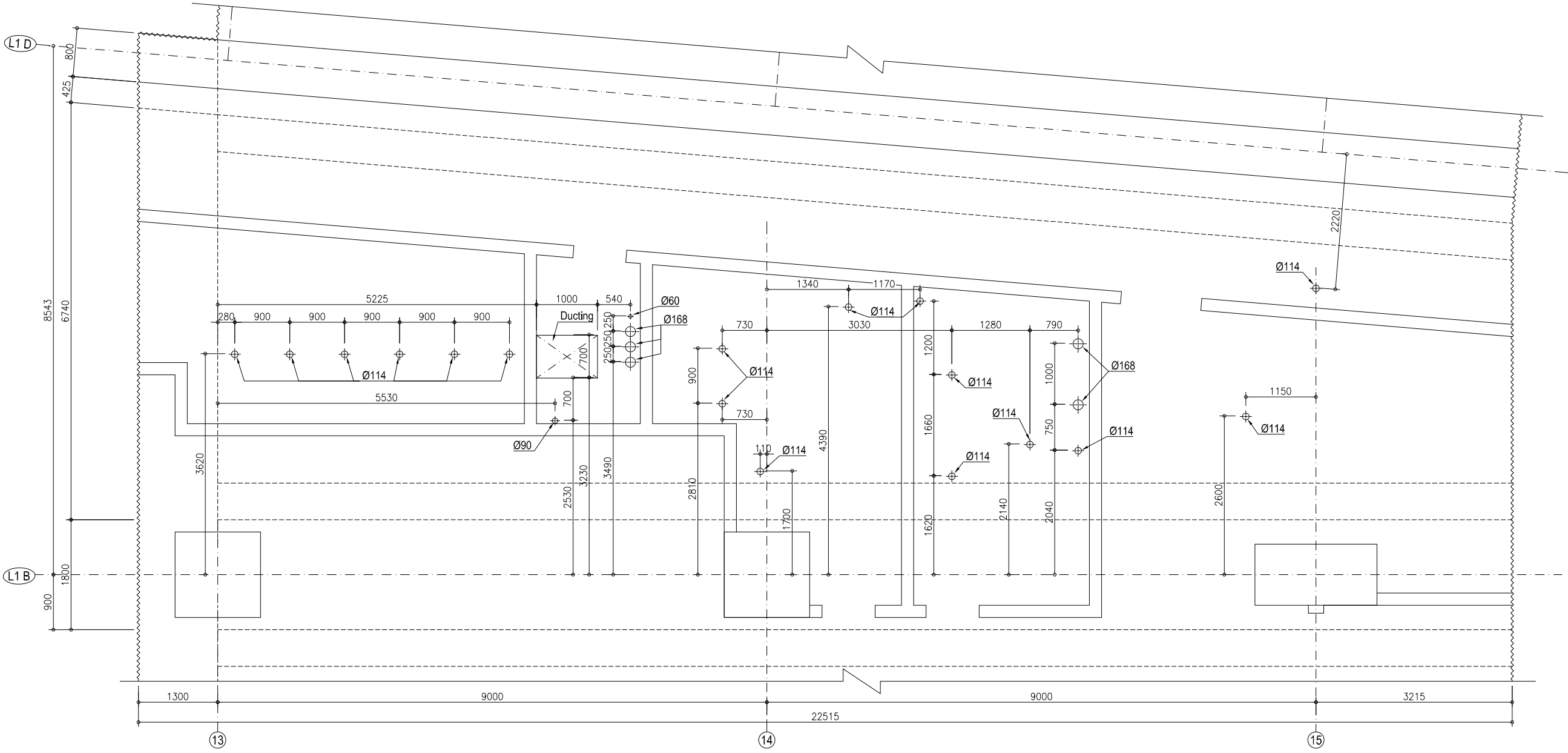
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL PLAN (04/06)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG KẾT CẤU (04/06)

PLAN FLOOR OPENING

MẶT BẰNG LỖ MỜ SÀN

SCALE: 1/75



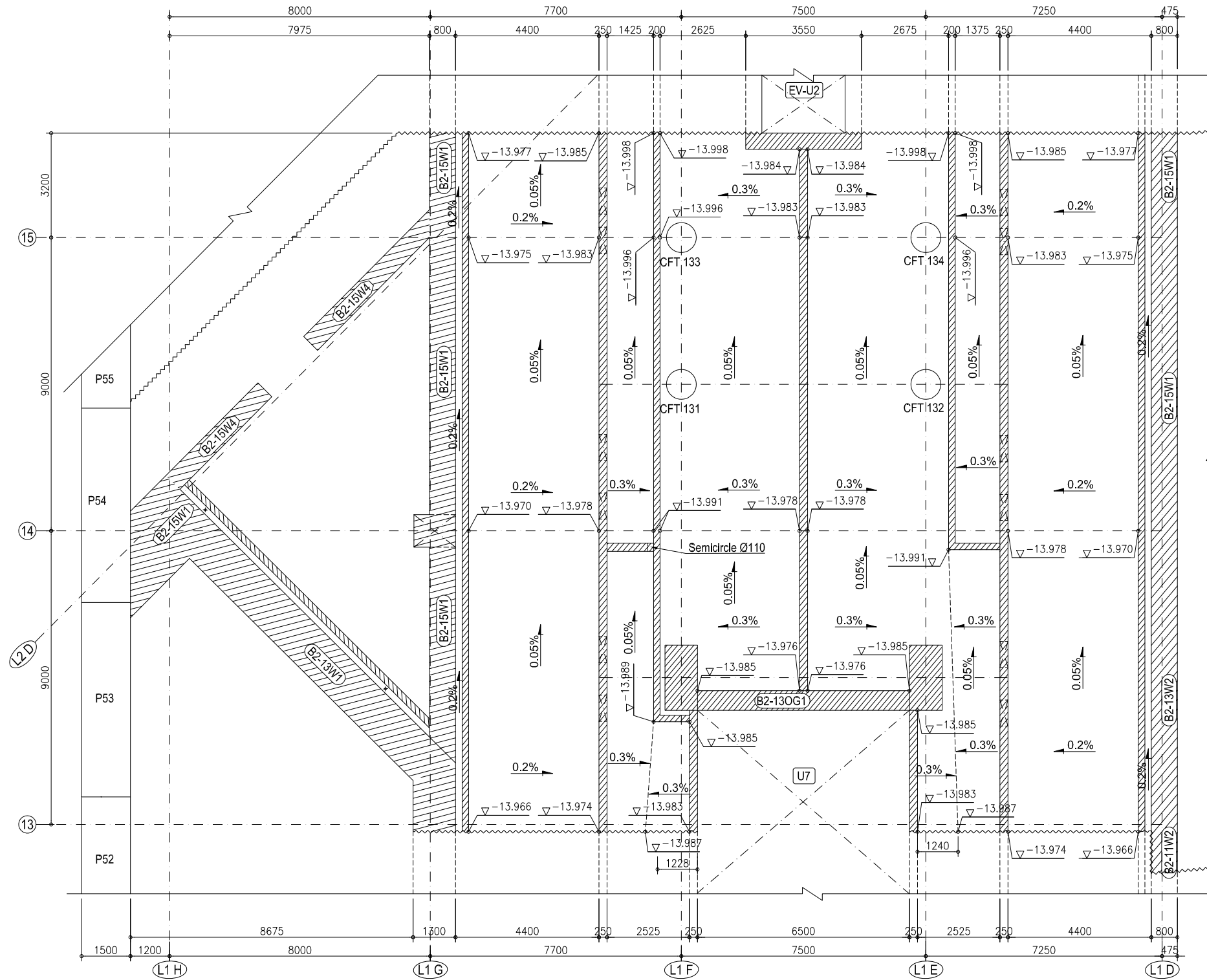
NOTES / CHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL PLAN (05/06)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG KẾT CẤU (05/06)

ELEVATION INCLUDING EXTRA CONCRETE  
 CAO ĐỘ MẶT SÀN BAO GỒM BÊ TÔNG BỔ SUNG  
 SCALE : 1/150



NOTES / CHI CHÚ:

- Concrete for base slab:  $f'_{ck} = 24\text{N/mm}^2$ .  
 Bê tông sàn đáy:  $f'_{ck} = 24\text{N/mm}^2$ .
- Extra concrete shall be cast at the same time with slab concrete.  
 Bê tông bù sẽ được đổ cùng thời gian với bê tông sàn.
- ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

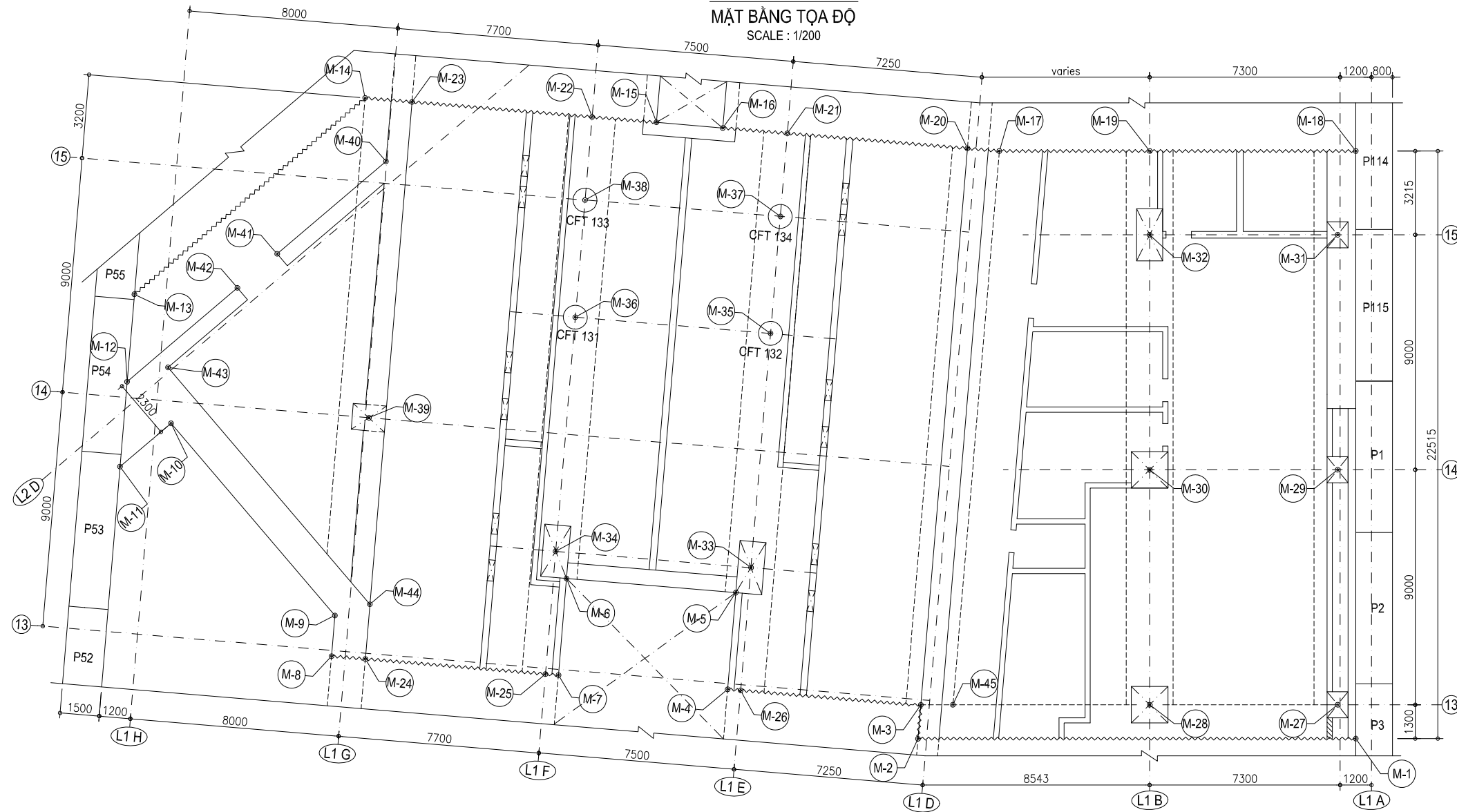
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL PLAN (06/06)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG KẾT CẤU (06/06)

COORDINATE PLAN

MẶT BẰNG TỌA ĐỘ

SCALE : 1/200



NOTES / CHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

COORDINATES OF THE POINTS / TỌA ĐỘ ĐIỂM

| POINT NAME | COORDINATE | |
|------------|-------------|------------|
| | NORTH X (m) | EAST Y (m) |
| M-1 | 1191246.699 | 603442.344 |
| M-2 | 1191258.055 | 603430.004 |
| M-3 | 1191258.938 | 603430.965 |
| M-4 | 1191264.385 | 603425.919 |
| M-5 | 1191266.902 | 603428.657 |
| M-6 | 1191271.687 | 603424.258 |
| M-7 | 1191269.169 | 603421.520 |
| M-8 | 1191275.593 | 603415.614 |
| M-9 | 1191276.652 | 603416.767 |

| POINT NAME | COORDINATE | |
|------------|-------------|------------|
| | NORTH X (m) | EAST Y (m) |
| M-10 | 1191286.320 | 603417.135 |
| M-11 | 1191286.417 | 603414.571 |
| M-12 | 1191288.627 | 603416.975 |
| M-13 | 1191290.900 | 603419.447 |
| M-14 | 1191290.458 | 603431.045 |
| M-15 | 1191282.213 | 603438.625 |
| M-16 | 1191280.336 | 603440.351 |
| M-17 | 1191272.511 | 603447.545 |
| M-18 | 1191263.267 | 603457.590 |

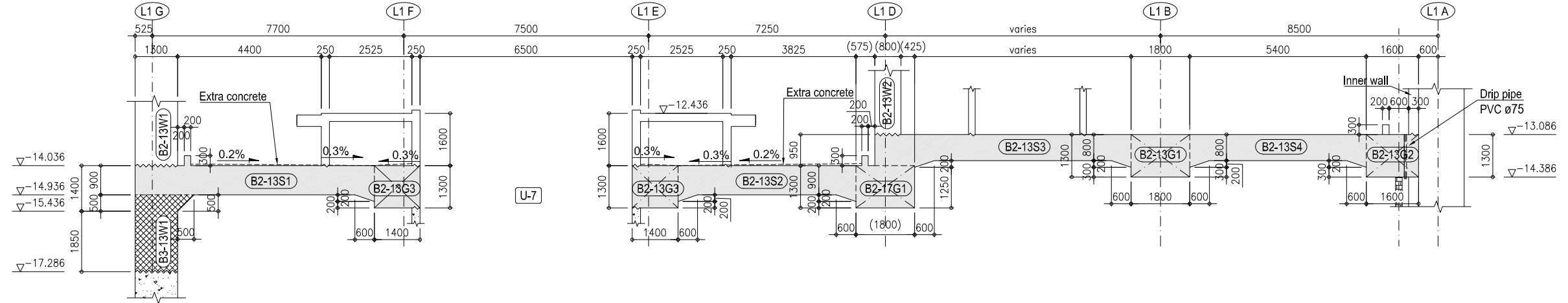
| POINT NAME | COORDINATE | |
|------------|-------------|------------|
| | NORTH X (m) | EAST Y (m) |
| M-19 | 1191268.617 | 603451.777 |
| M-20 | 1191273.416 | 603446.713 |
| M-21 | 1191278.513 | 603442.026 |
| M-22 | 1191284.035 | 603436.950 |
| M-23 | 1191289.133 | 603432.263 |
| M-24 | 1191274.636 | 603416.494 |
| M-25 | 1191269.537 | 603421.182 |
| M-26 | 1191264.017 | 603426.257 |
| M-27 | 1191248.130 | 603442.709 |

| POINT NAME | COORDINATE | |
|------------|-------------|------------|
| | NORTH X (m) | EAST Y (m) |
| M-28 | 1191253.005 | 603437.411 |
| M-29 | 1191254.753 | 603448.803 |
| M-30 | 1191259.628 | 603443.505 |
| M-31 | 1191261.375 | 603454.898 |
| M-32 | 1191266.251 | 603449.600 |
| M-33 | 1191267.212 | 603429.732 |
| M-34 | 1191272.731 | 603424.657 |
| M-35 | 1191273.302 | 603436.358 |
| M-36 | 1191278.824 | 603431.282 |

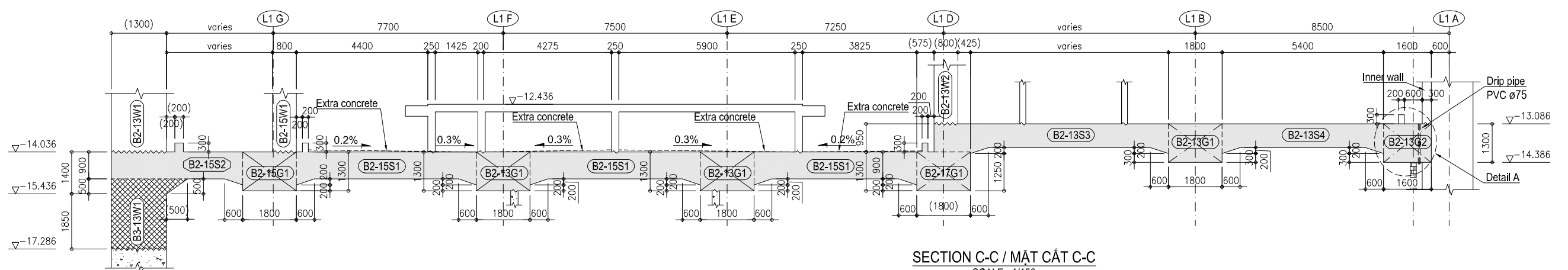
| POINT NAME | COORDINATE | |
|------------|-------------|------------|
| | NORTH X (m) | EAST Y (m) |
| M-37 | 1191276.348 | 603439.671 |
| M-38 | 1191281.869 | 603434.594 |
| M-39 | 1191281.345 | 603422.851 |
| M-40 | 1191288.131 | 603429.992 |
| M-41 | 1191288.340 | 603424.517 |
| M-42 | 1191288.416 | 603422.519 |
| M-43 | 1191287.969 | 603418.499 |
| M-44 | 1191276.061 | 603418.045 |
| M-45 | 1191258.105 | 603431.869 |

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL SECTION (01/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT CẮT KẾT CẤU (01/03)

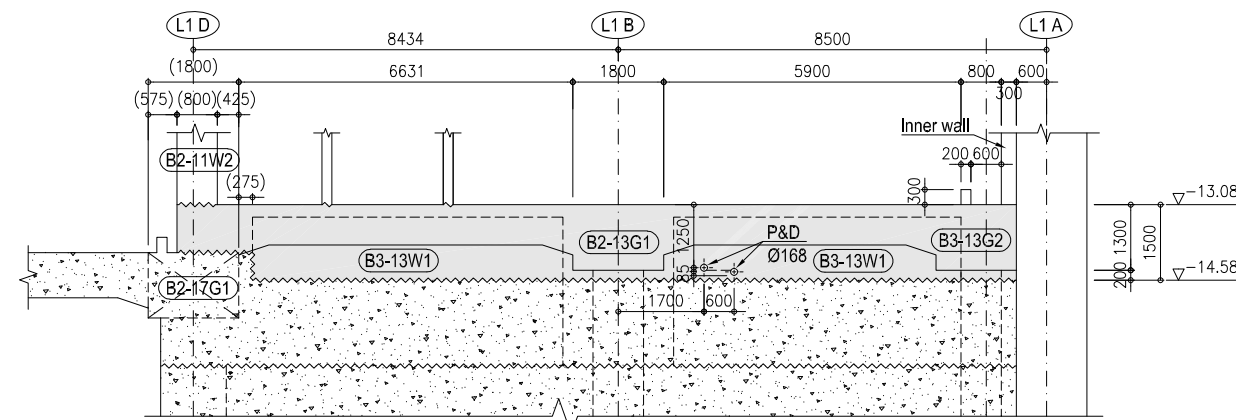
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
SCALE : 1/150



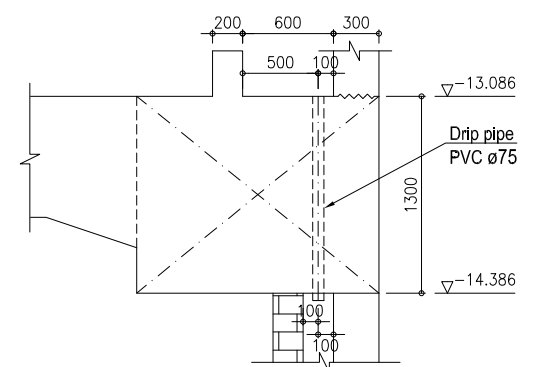
SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE : 1/150



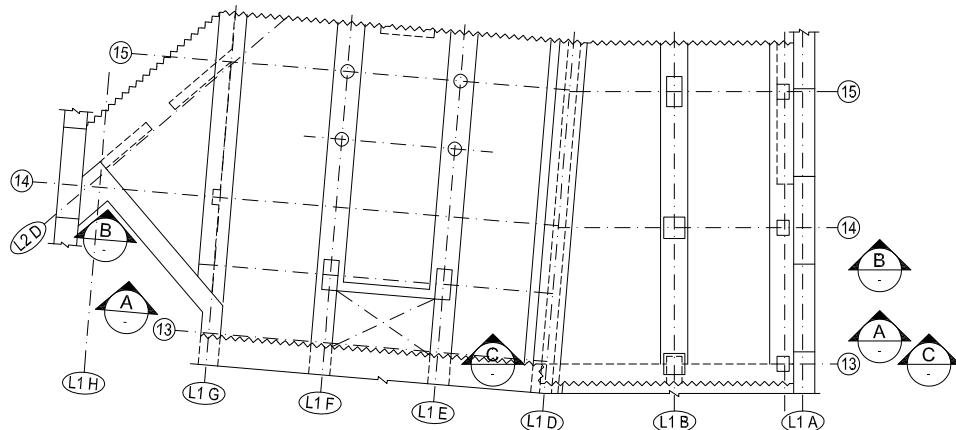
SECTION C-C / MẶT CẮT C-C
SCALE : 1/150



DETAIL A / CHI TIẾT A
SCALE : 1/50



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ

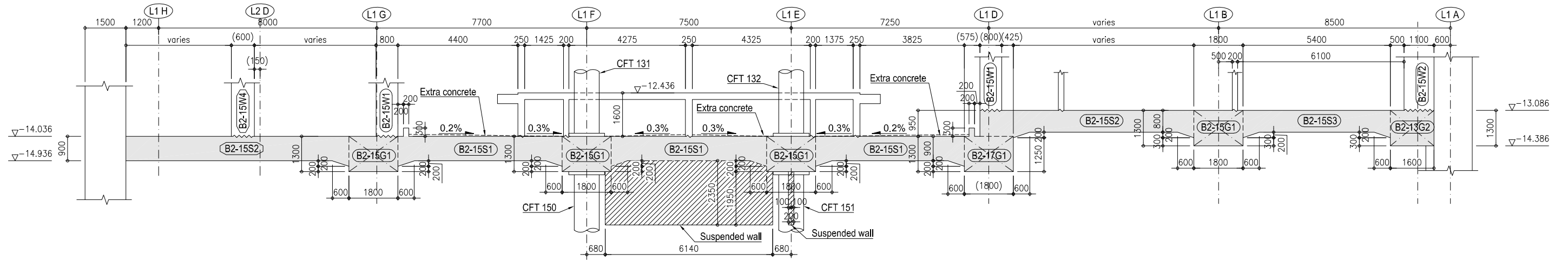


NOTE / GHI CHÚ:

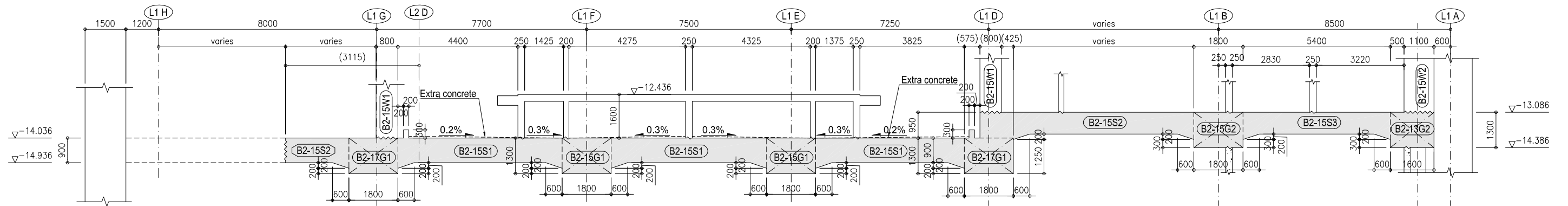
- Concrete strength for intermediate slab: $f'_{ck} = 24\text{N/mm}^2$.
Cường độ bê tông sàn trung gian: $f'_{ck} = 24\text{N/mm}^2$.
- Construction joint / Mỗi nối thi công
- The value in () is determined following perpendicular direction.
Giá trị trong () được xác định theo hướng vuông góc.
- Concrete for wall $f'_{ck} = 40\text{N/mm}^2$.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STRUCTURAL SECTION (02/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT CẮT KẾT CẤU (02/03)

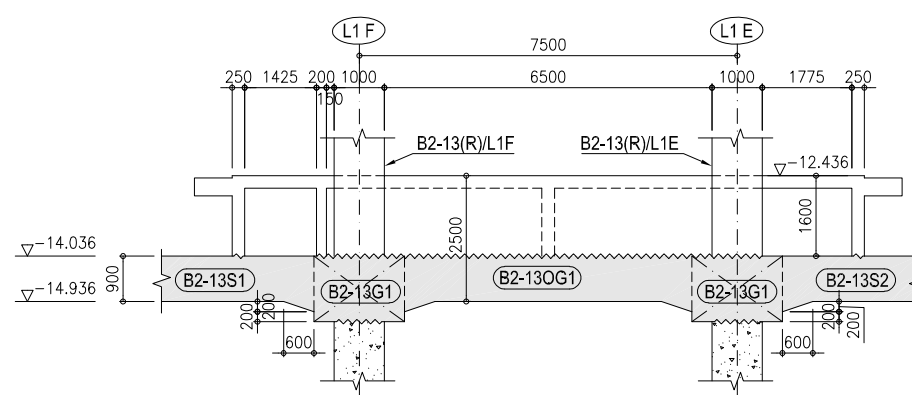
SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
SCALE : 1/150



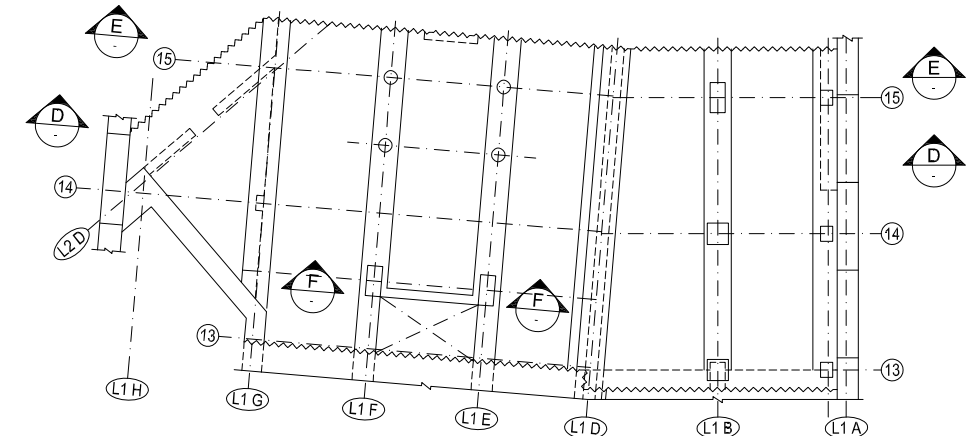
SECTION E-E / MẶT CẮT E-E
SCALE : 1/150



SECTION F-F / MẶT CẮT F-F
SCALE : 1/150



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ

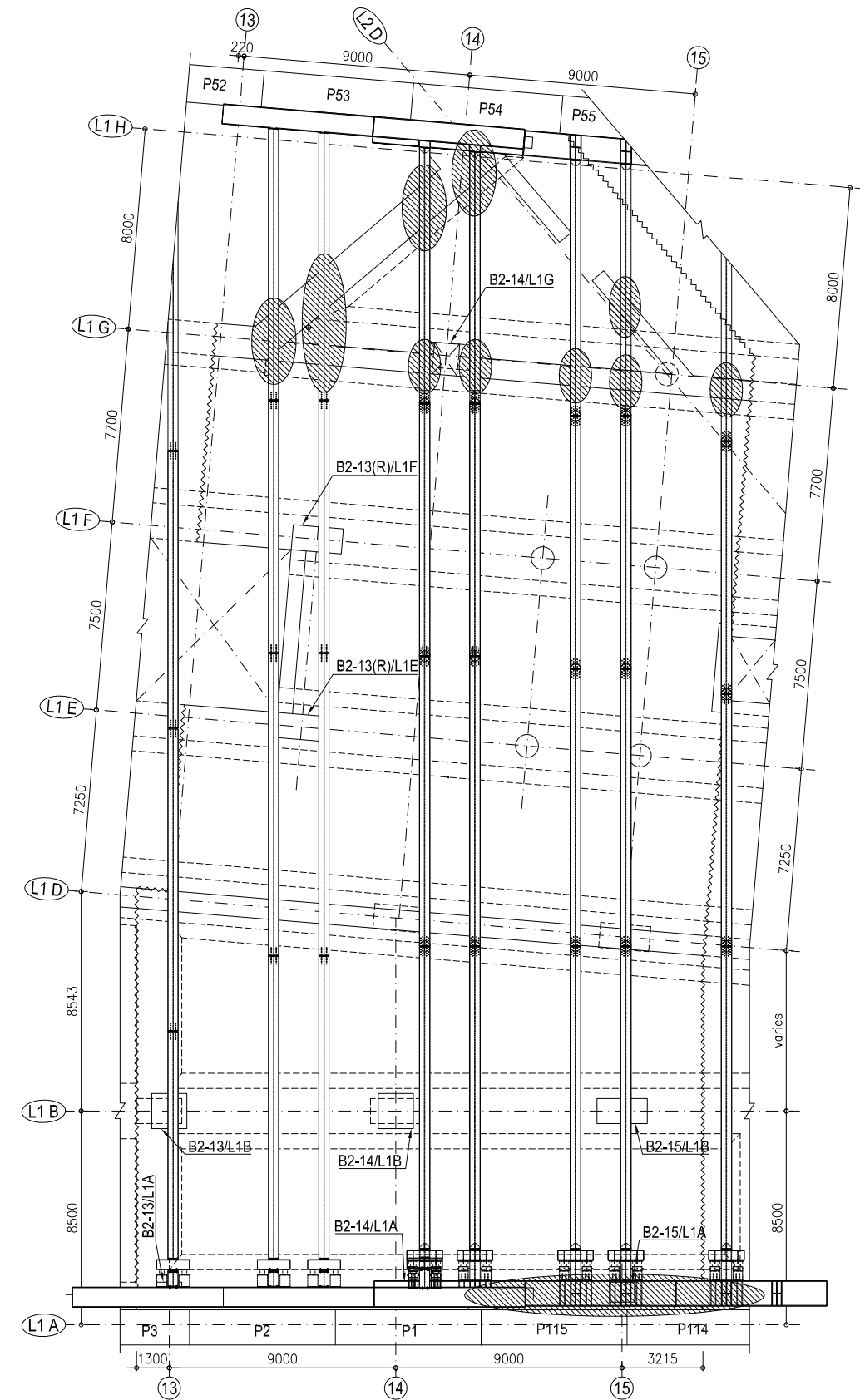


NOTE / GHI CHÚ:

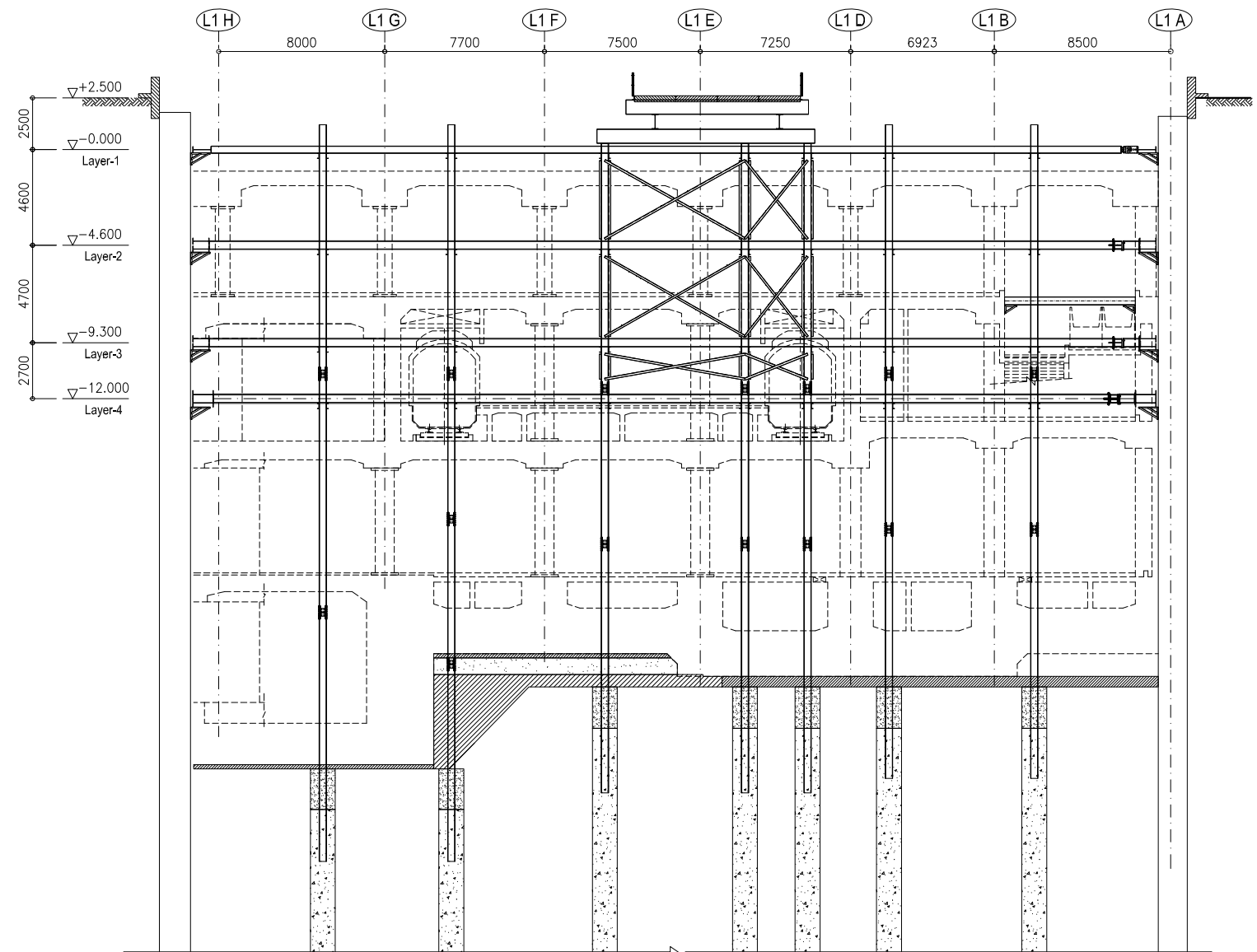
- Concrete strength for intermediate slab: $f_{ck} = 24\text{N/mm}^2$.
Cường độ bê tông sàn trung gian: $f_{ck} = 24\text{N/mm}^2$.
- Construction joint / Mối nối thi công
- The value in () is determined following perpendicular direction.
Giá trị trong () được xác định theo hướng vuông góc.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - PHYSICAL INTERFERENCE WITH TEMPORARY STRUCTURE
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - VA CHẠM VỚI KẾT CẤU TẠM



PLAN VIEW / MẶT BẰNG
 SCALE : 1/250



SECTION 15 / MẶT CẮT 15
 SCALE : 1/300



NOTES / CHI CHÚ:

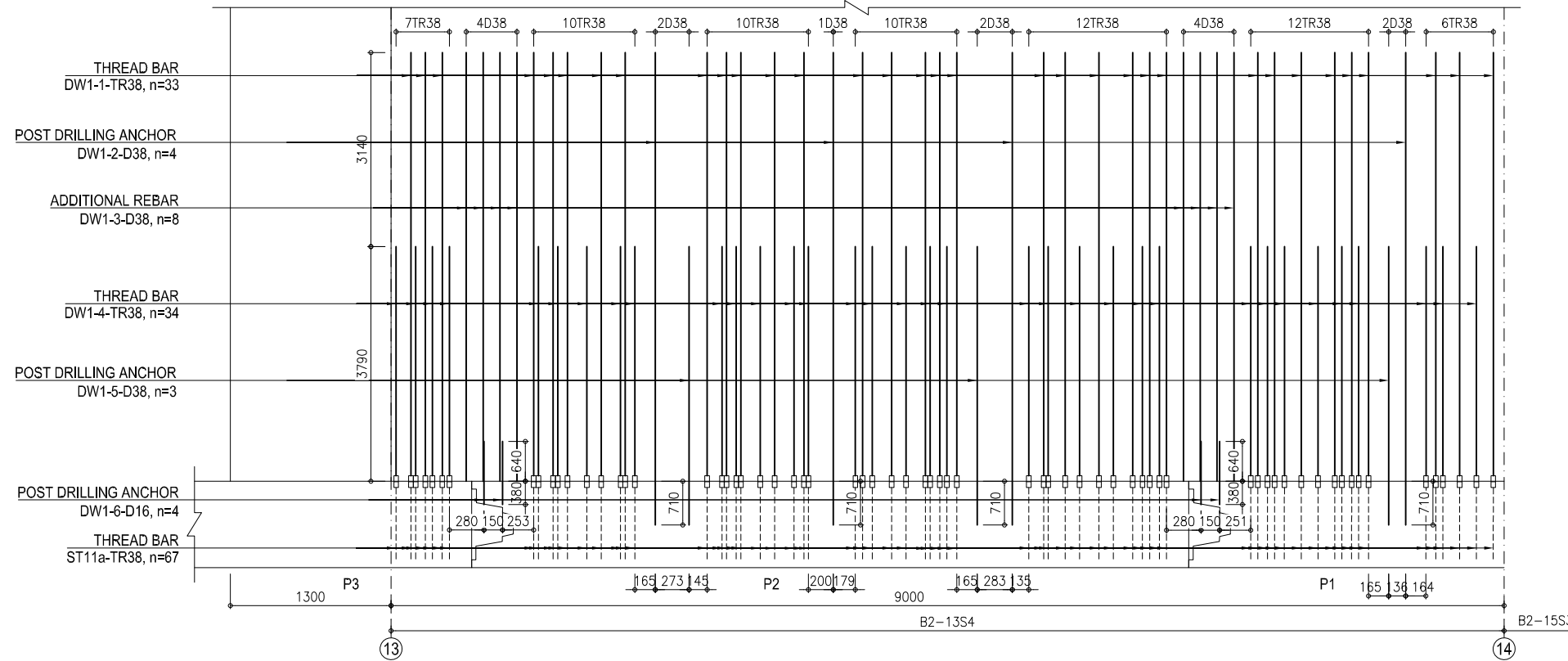
-  - Physical interference with temporary structure
Va chạm với kết cấu tạm
-  Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ARRANGEMENT OF STARTER BARS ON THE D-WALL (01/05)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHỜ CỦA TƯỜNG VÂY (01/05)

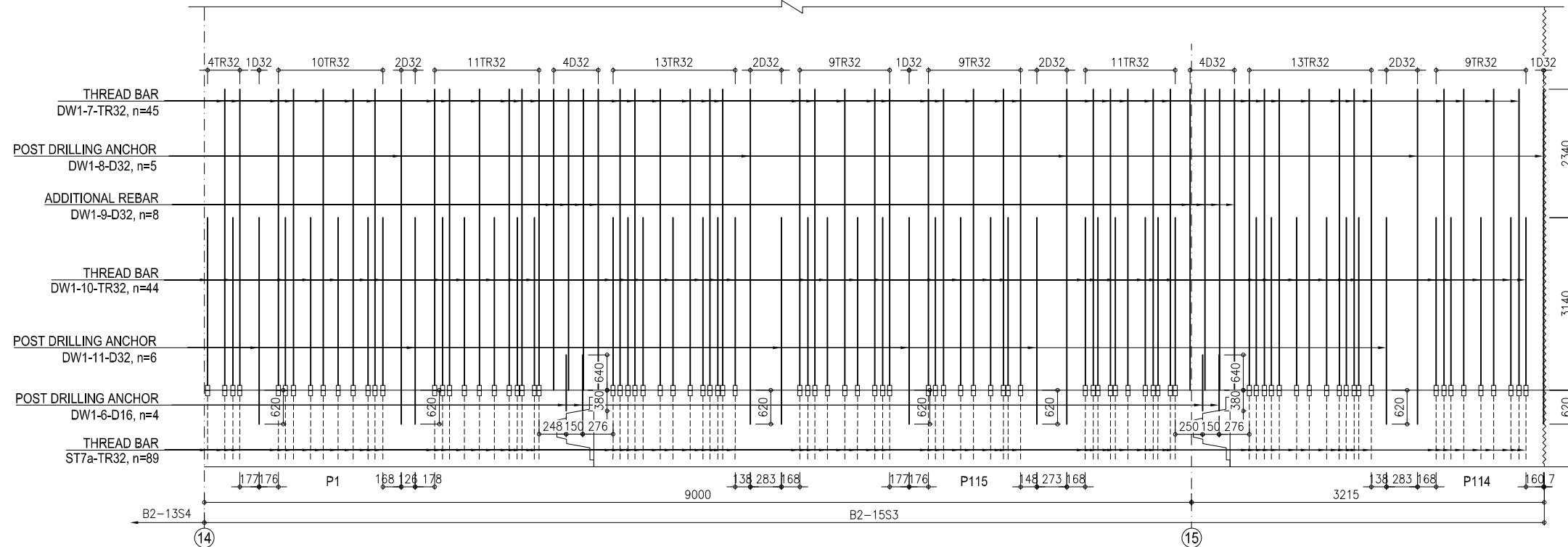
BOTTOM LAYER (P1 ~ P3) / LỚP PHÍA DƯỚI (P1 ~ P3)

VERTICAL SCALE : 1/100
TRANSVERSE SCALE : 1/50

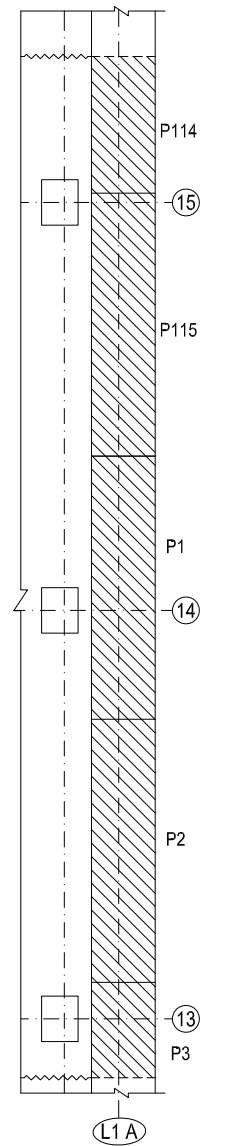


BOTTOM LAYER (P114 ~ P1) / LỚP PHÍA DƯỚI (P114 ~ P1)

VERTICAL SCALE : 1/100
TRANSVERSE SCALE : 1/50



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



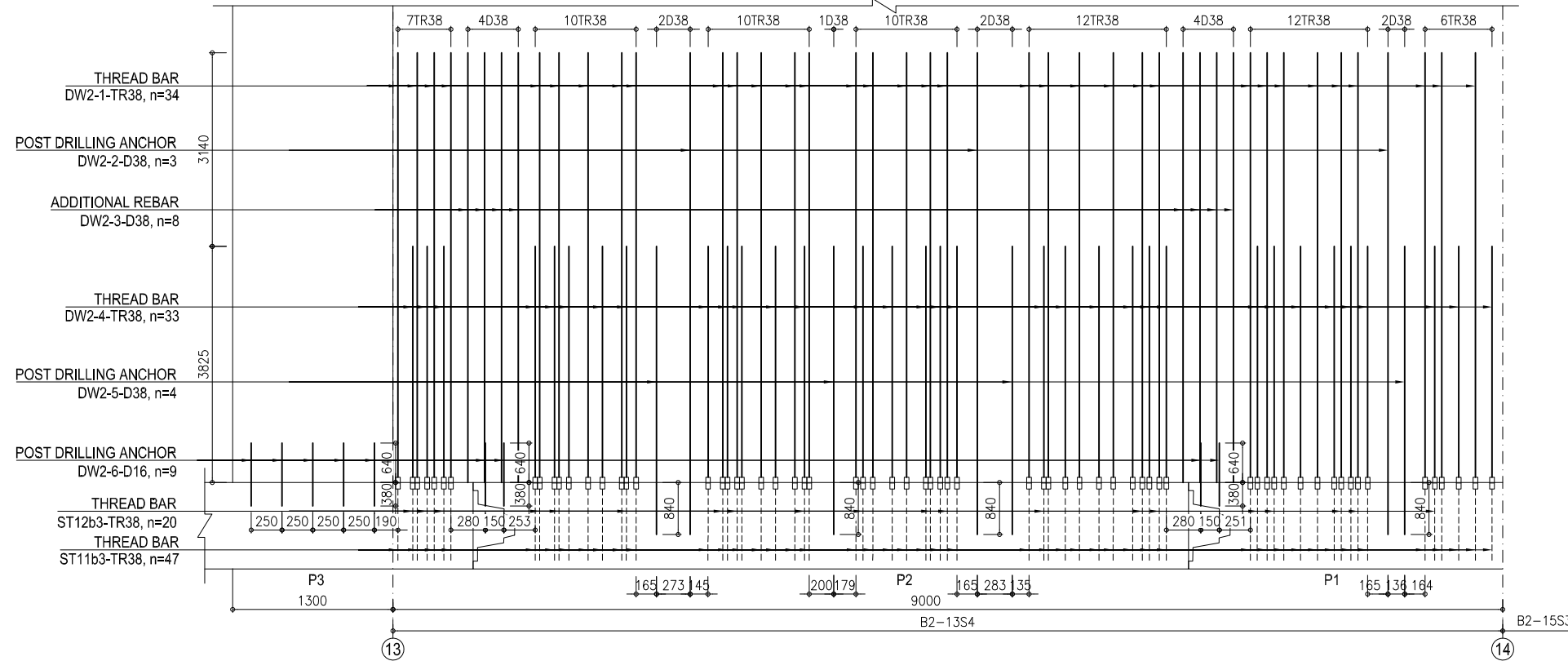
NOTES / GHI CHÚ:
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ARRANGEMENT OF STARTER BARS ON THE D-WALL (02/05)**

**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHỜ CỦA TƯỜNG VÂY (02/05)**

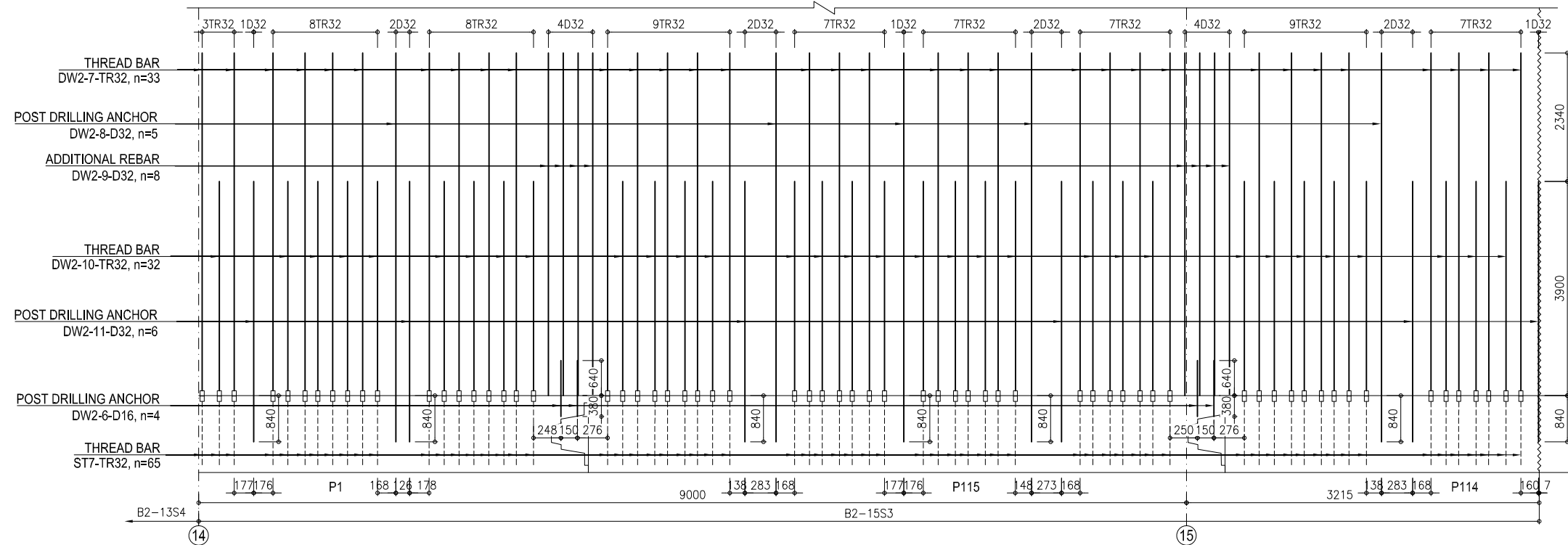
**TOP LAYER 1 (P1 ~ P3) / LỚP 1 PHÍA TRÊN (P1 ~ P3)**

VERTICAL SCALE : 1/100  
TRANSVERSE SCALE : 1/50

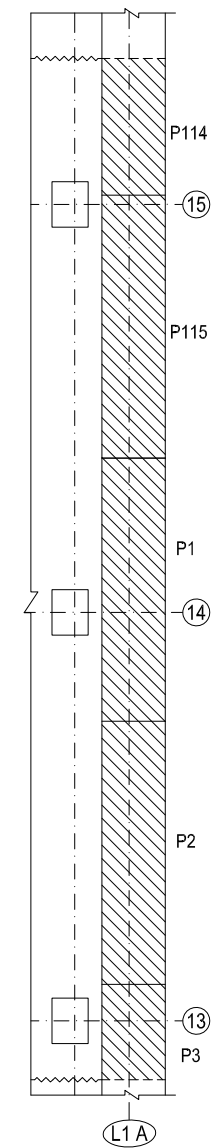


**TOP LAYER 1 (P114 ~ P1) / LỚP 1 PHÍA TRÊN (P114 ~ P1)**

VERTICAL SCALE : 1/100  
TRANSVERSE SCALE : 1/50



**KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ**



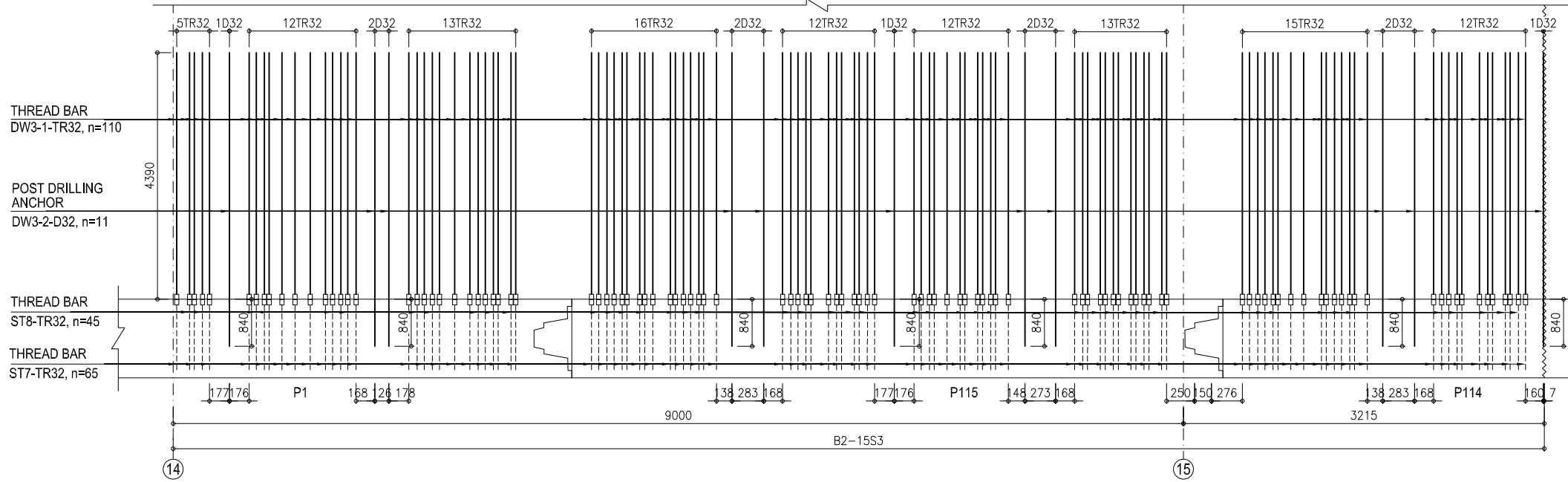
**NOTES / GHI CHÚ:**

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ARRANGEMENT OF STARTER BARS ON THE D-WALL (03/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHỜ CỦA TƯỜNG VÂY (03/05)

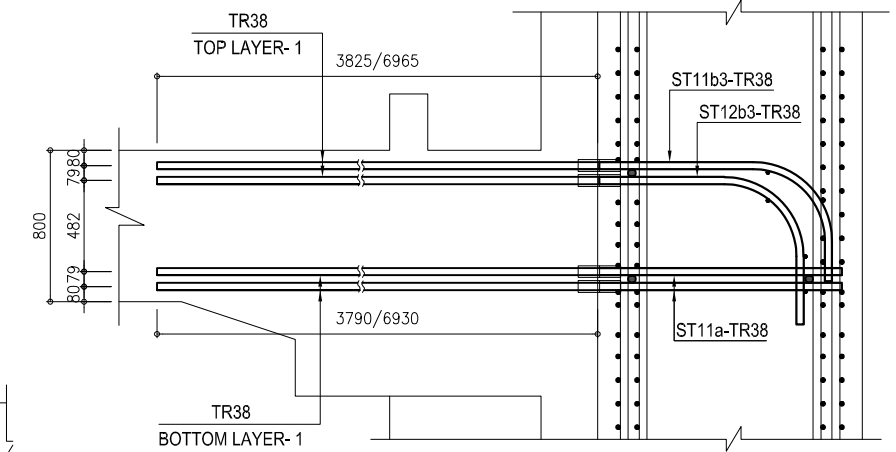
TOP LAYER 2 (P114 ~ P1) / LỚP 2 PHÍA TRÊN (P114 ~ P1)

VERTICAL SCALE : 1/100
 TRANSVERSE SCALE : 1/50



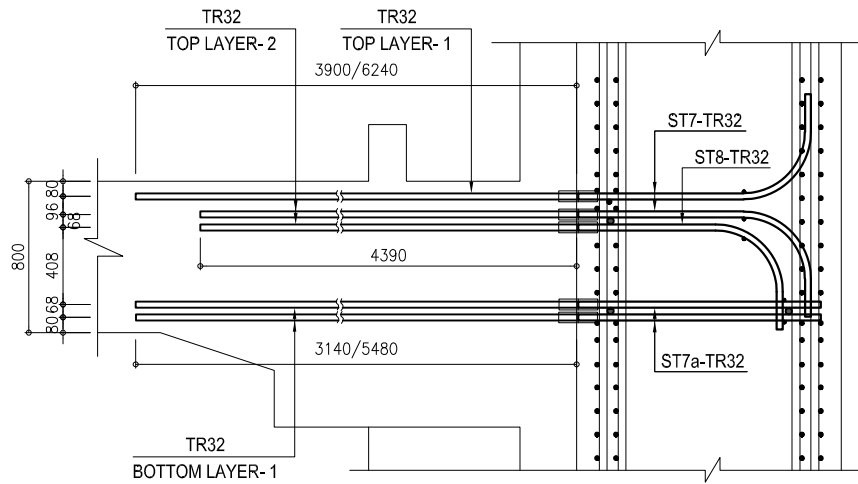
KEY PLAN OF STARTER BAR (B2-13S4)

SỢ HỌA THÉP CHỜ (B2-13S4)
 SCALE: 1/40



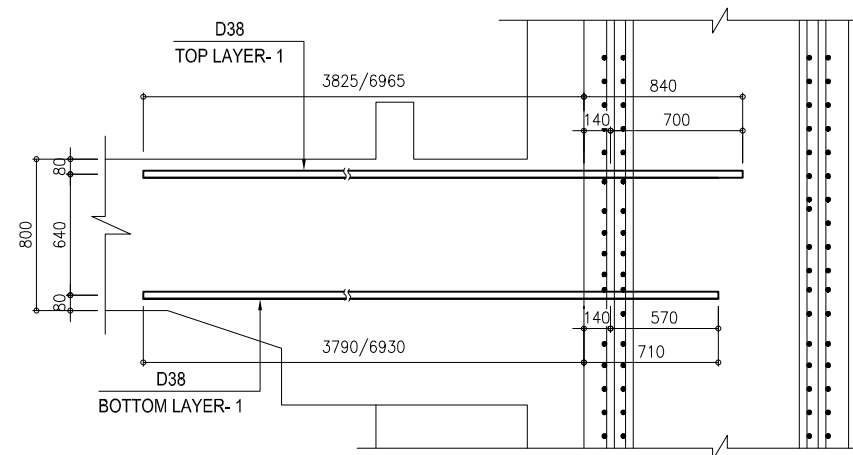
KEY PLAN OF STARTER BAR (B2-15S3)

SỢ HỌA THÉP CHỜ (B2-15S3)
 SCALE: 1/40



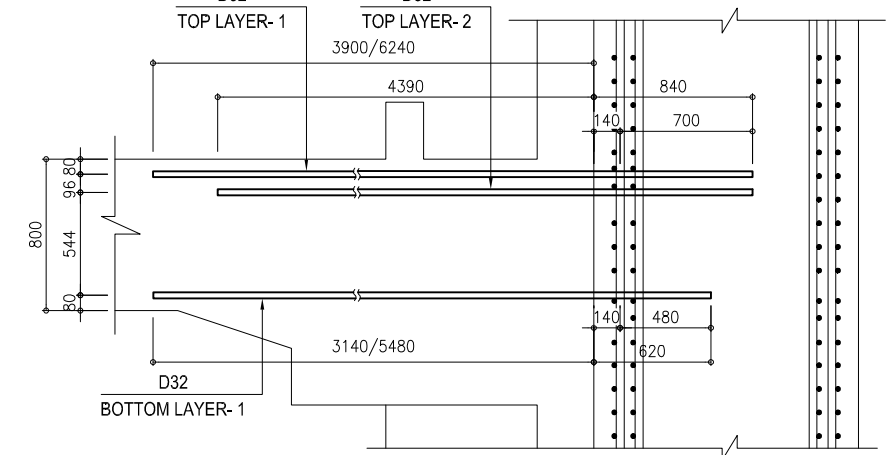
KEY PLAN OF POST DRILLING BAR (B2-13S4)

SỢ HỌA THÉP KHOAN (B2-13S4)
 SCALE: 1/40

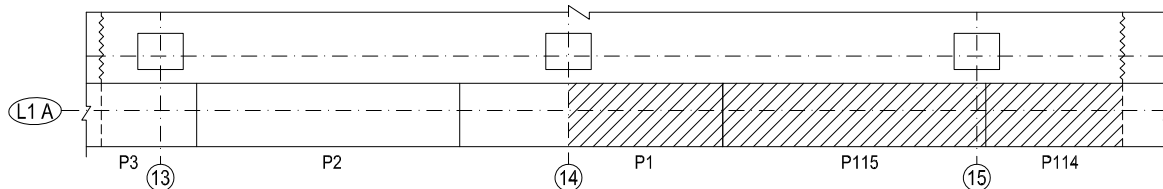


KEY PLAN OF POST DRILLING BAR (B2-15S3)

SỢ HỌA THÉP KHOAN (B2-15S3)
 SCALE: 1/40



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ

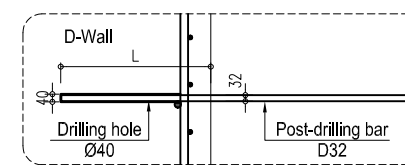


NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

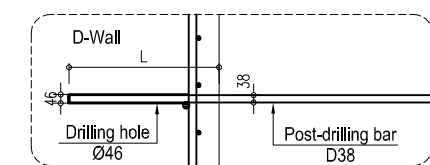
**DETAIL OF DRILLING HOLE**

**CHI TIẾT LỖ KHOAN**  
 SCALE: 1/40



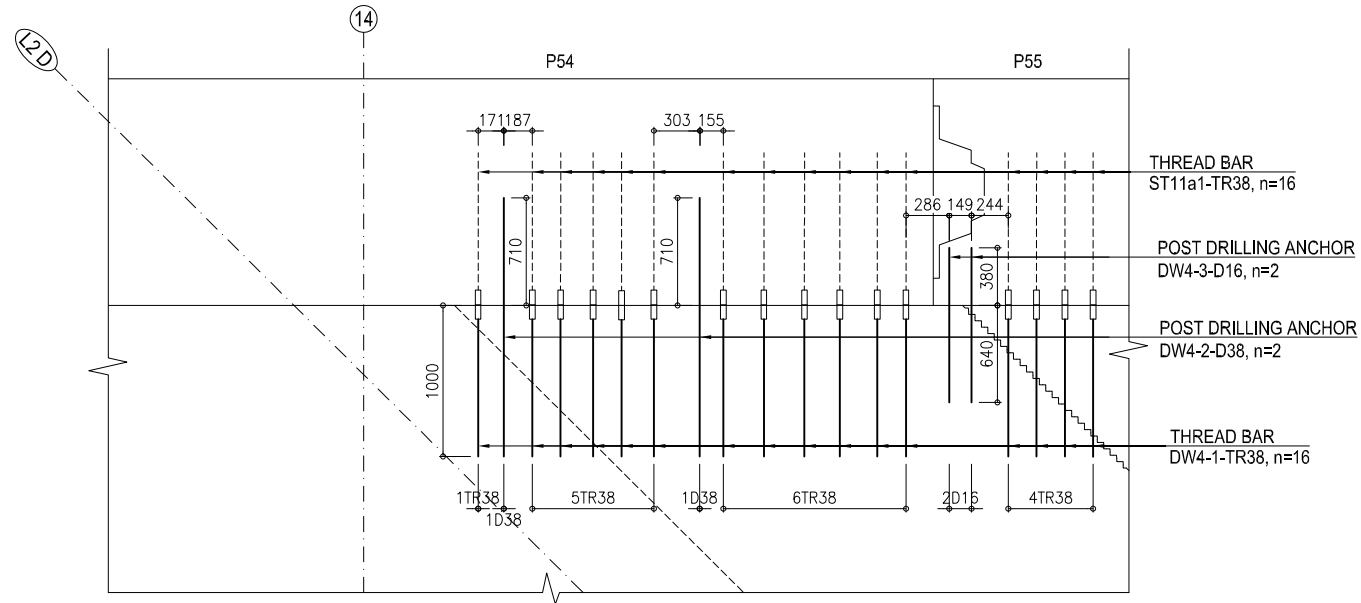
**DETAIL OF DRILLING HOLE**

**CHI TIẾT LỖ KHOAN**  
 SCALE: 1/40

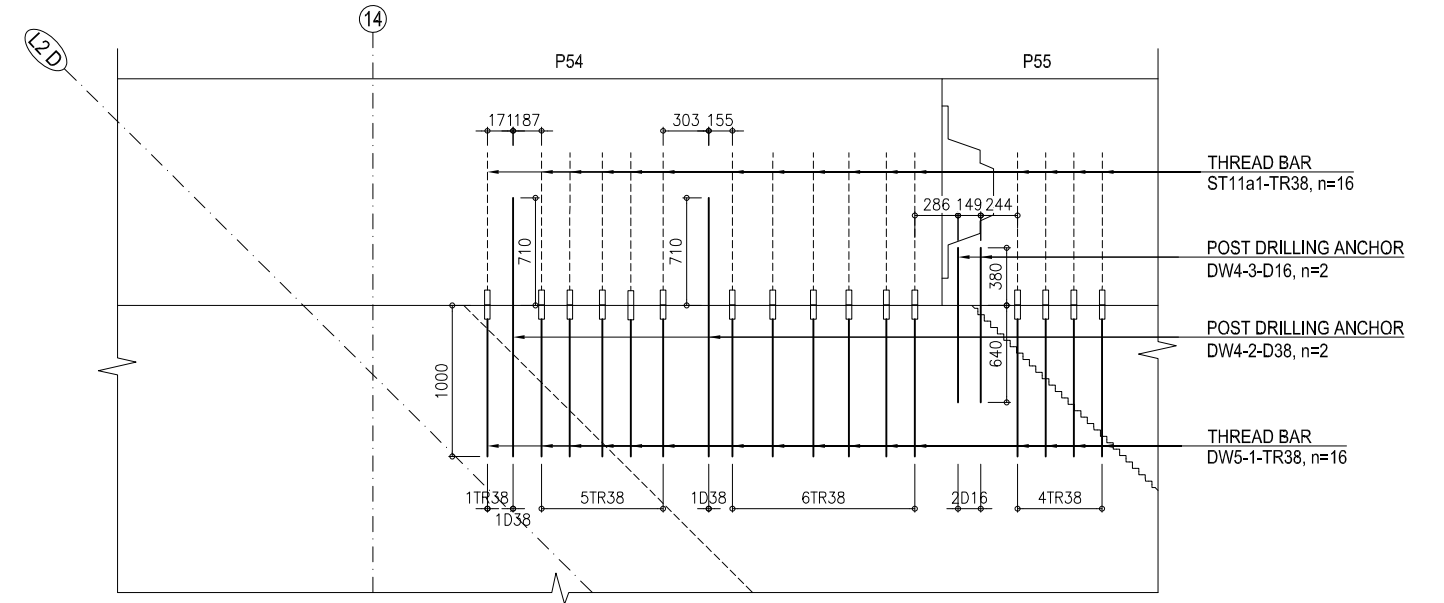


**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ARRANGEMENT OF STARTER BARS ON THE D-WALL (04/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHỜ CỦA TƯỜNG VÂY (04/05)**

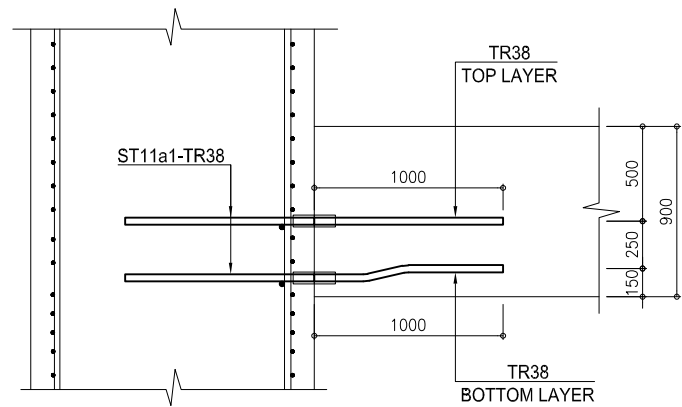
**BOTTOM LAYER / LỚP PHÍA DƯỚI (P54, P55)**  
SCALE : 1/50



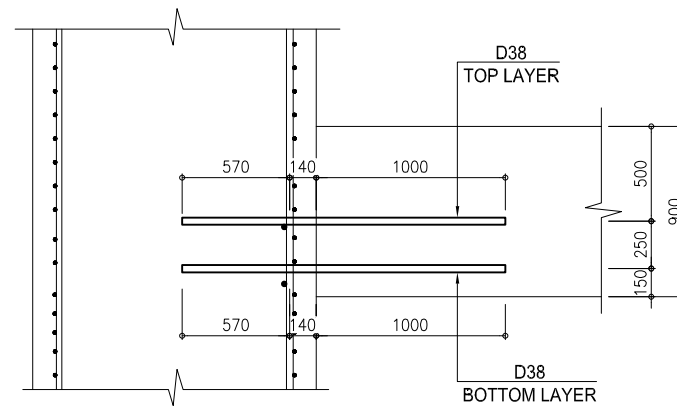
**TOP LAYER / LỚP PHÍA TRÊN (P54, P55)**  
SCALE : 1/50



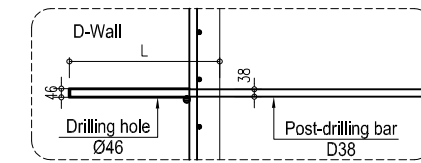
**KEY PLAN OF STARTER BAR**  
**SỢ HỌA THÉP CHỜ**  
SCALE: 1/40



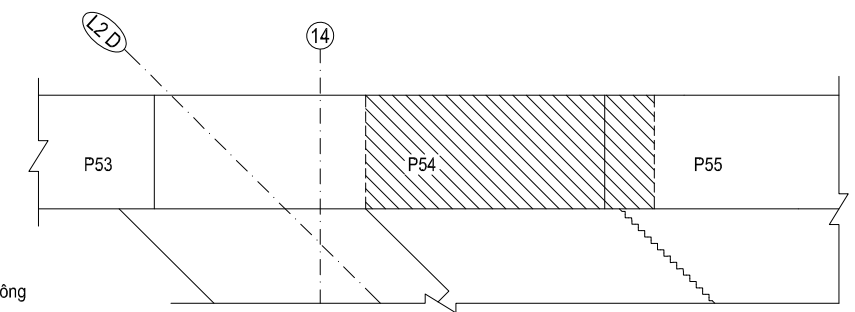
**KEY PLAN OF POST DRILLING BAR**  
**SỢ HỌA THÉP KHOAN**  
SCALE: 1/40



**DETAIL OF DRILLING HOLE**  
**CHI TIẾT LỖ KHOAN**  
SCALE: 1/40



**KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ**



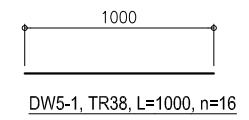
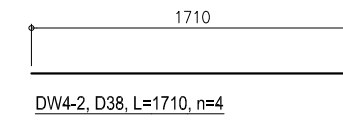
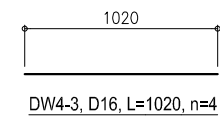
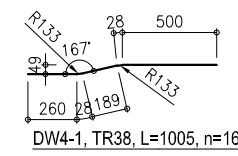
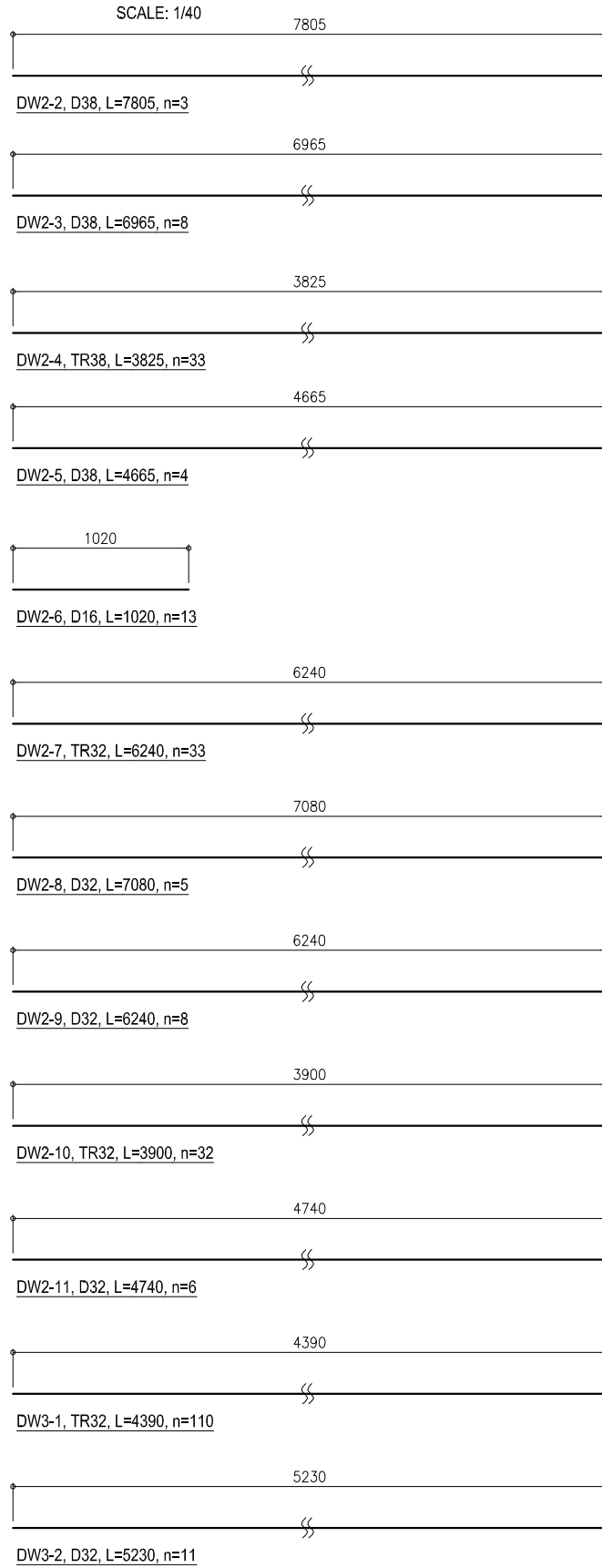
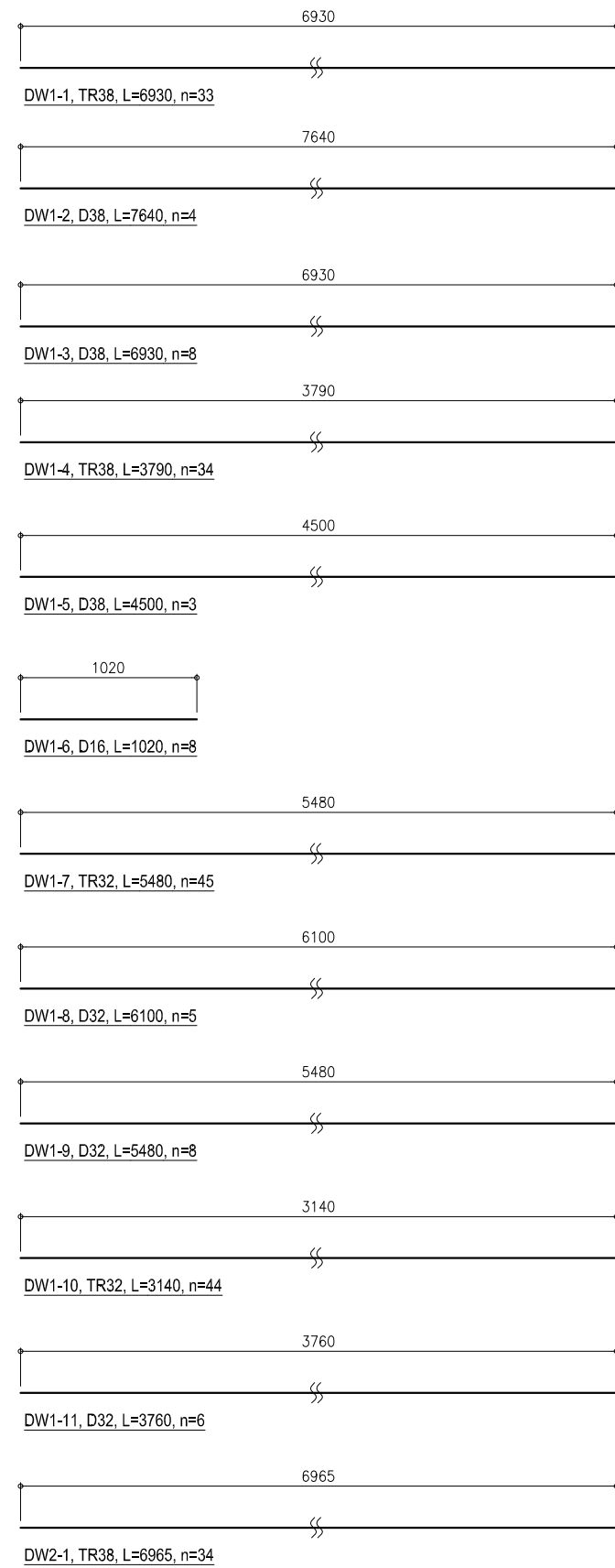
**NOTES / GHI CHÚ:**

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

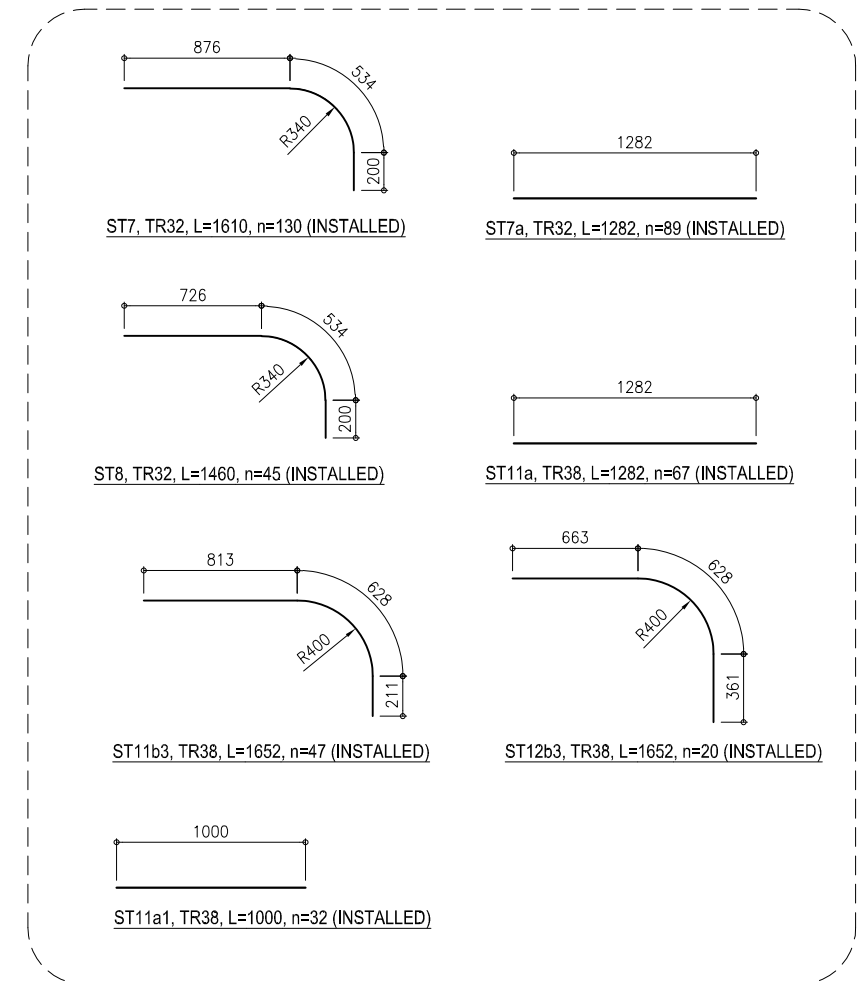
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ARRANGEMENT OF STARTER BARS ON THE D-WALL (05/05)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHỜ CỦA TƯỜNG VÂY (05/05)

REBAR DETAIL OF D-WALL / CHI TIẾT THÉP CHỜ TƯỜNG VÂY



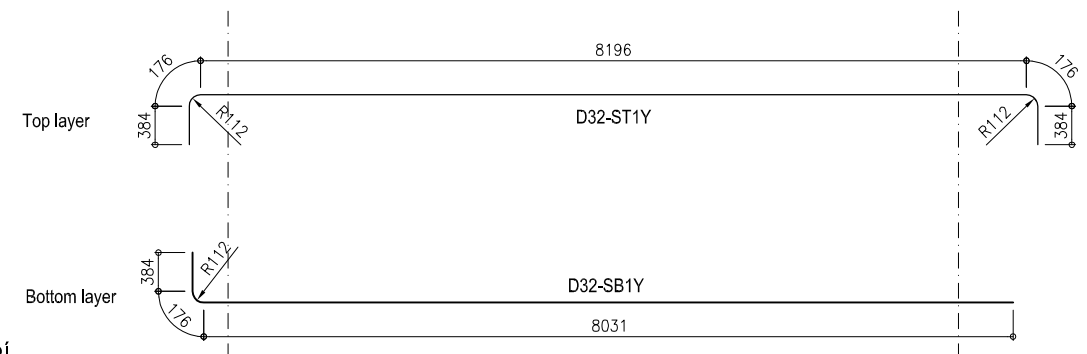
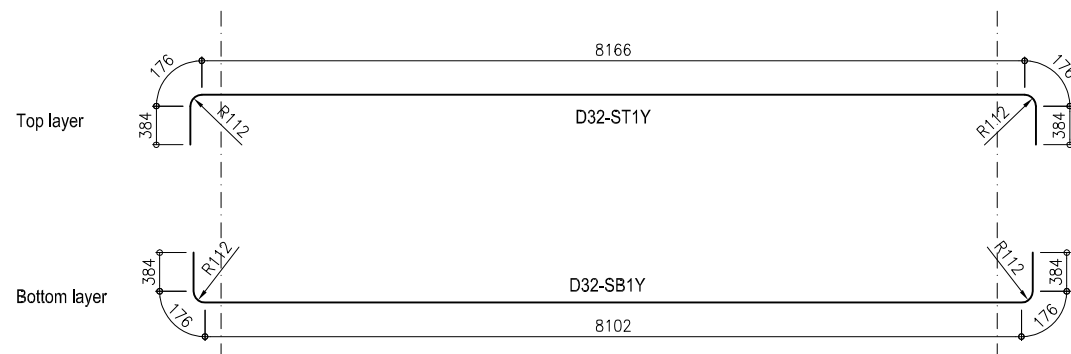
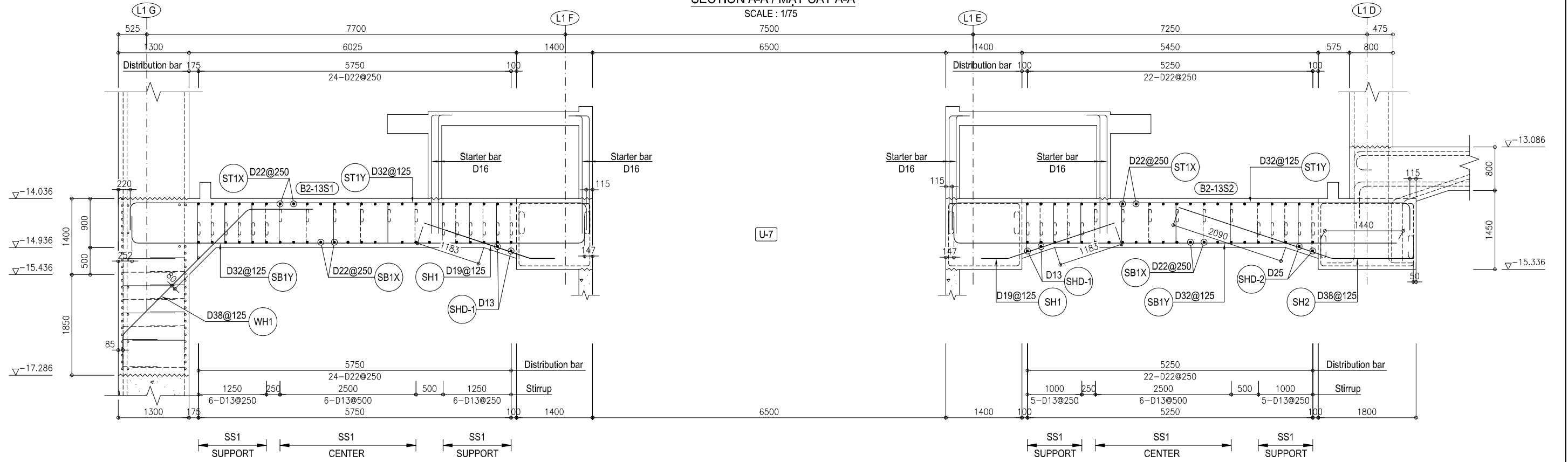
STARTER BAR FROM D-WALL



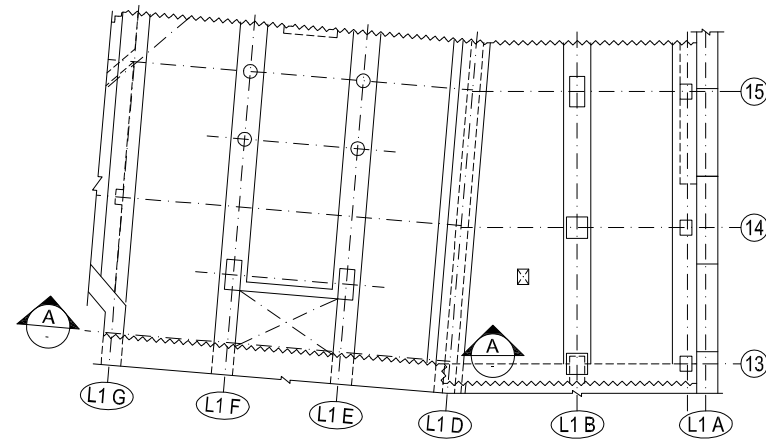
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR CROSS SECTION (01/06)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT NGANG (01/06)

SECTION A-A / MẶT CẮT A-A

SCALE : 1/75



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ

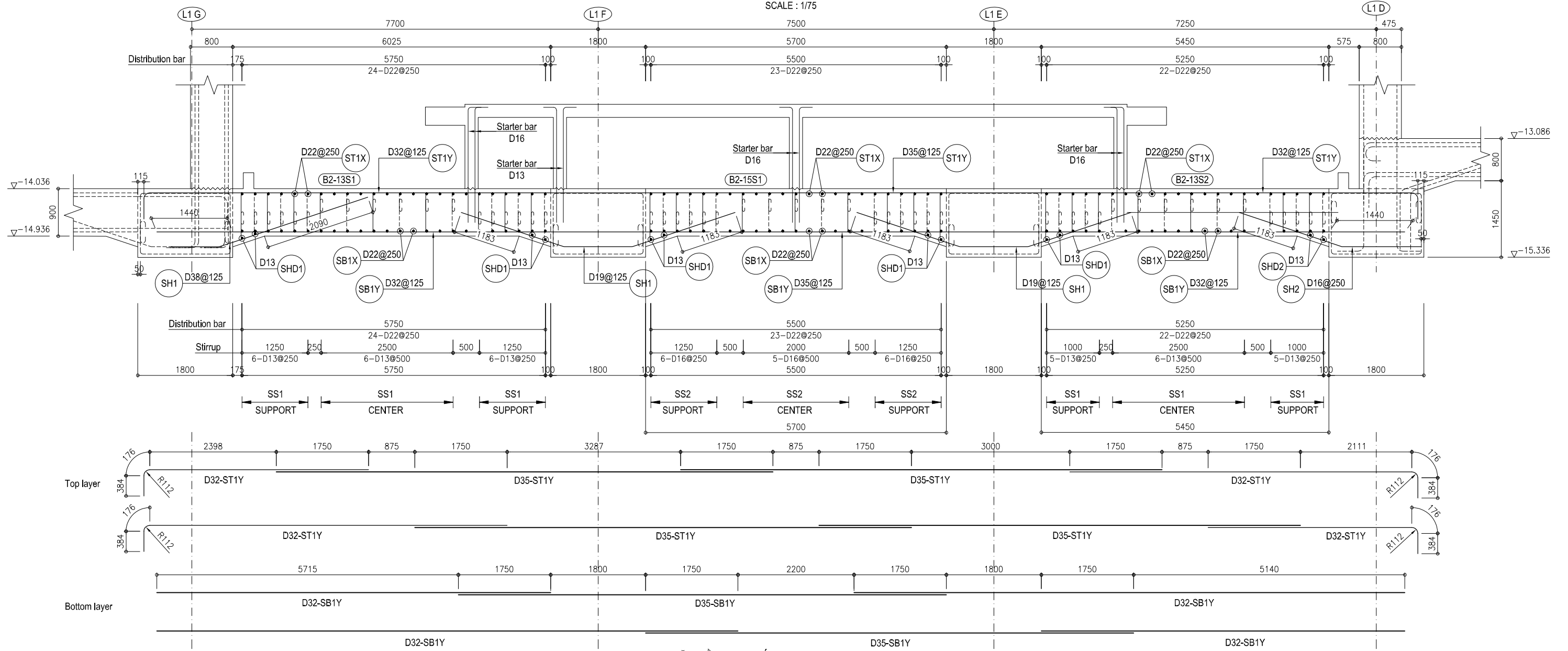


NOTES / GHI CHÚ:

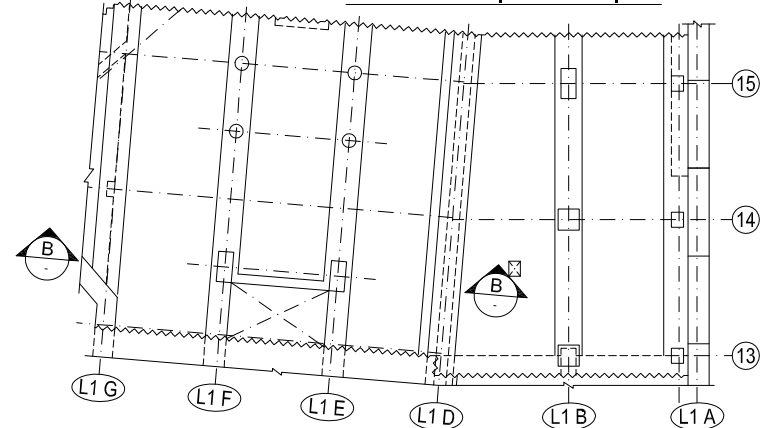
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is Ld (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là Ld (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR CROSS SECTION (02/06)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỘT THÉP TRÊN MẶT CẮT NGANG (02/06)

SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE : 1/75



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



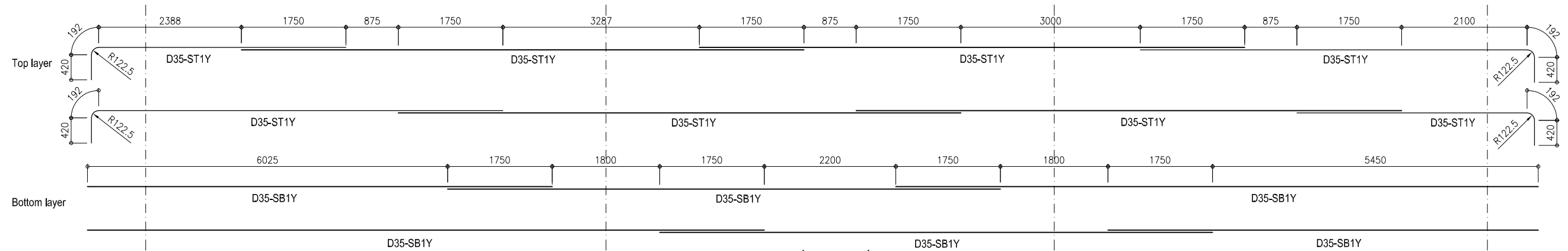
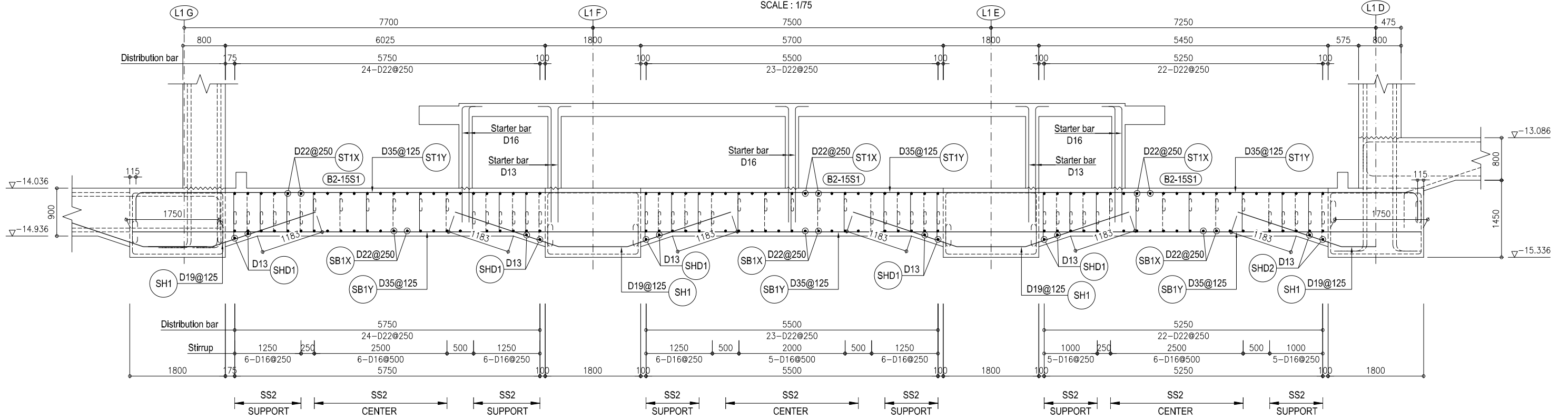
NOTES / GHI CHÚ:

- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

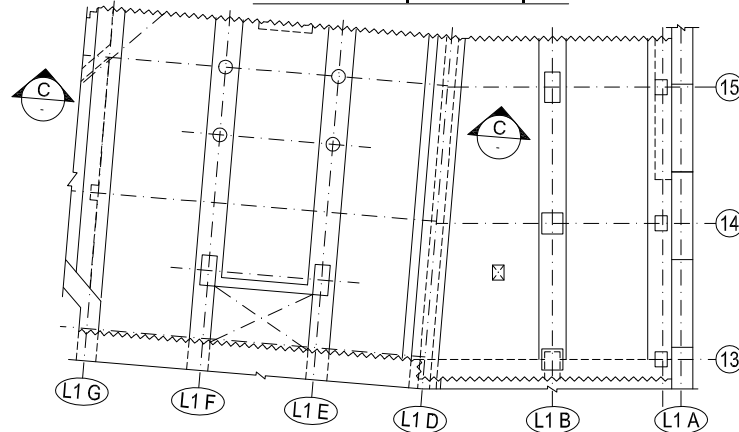
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR CROSS SECTION (03/06)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT NGANG (03/06)

SECTION C-C / MẶT CẮT C-C

SCALE : 1/75



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



NOTES / GHI CHÚ:

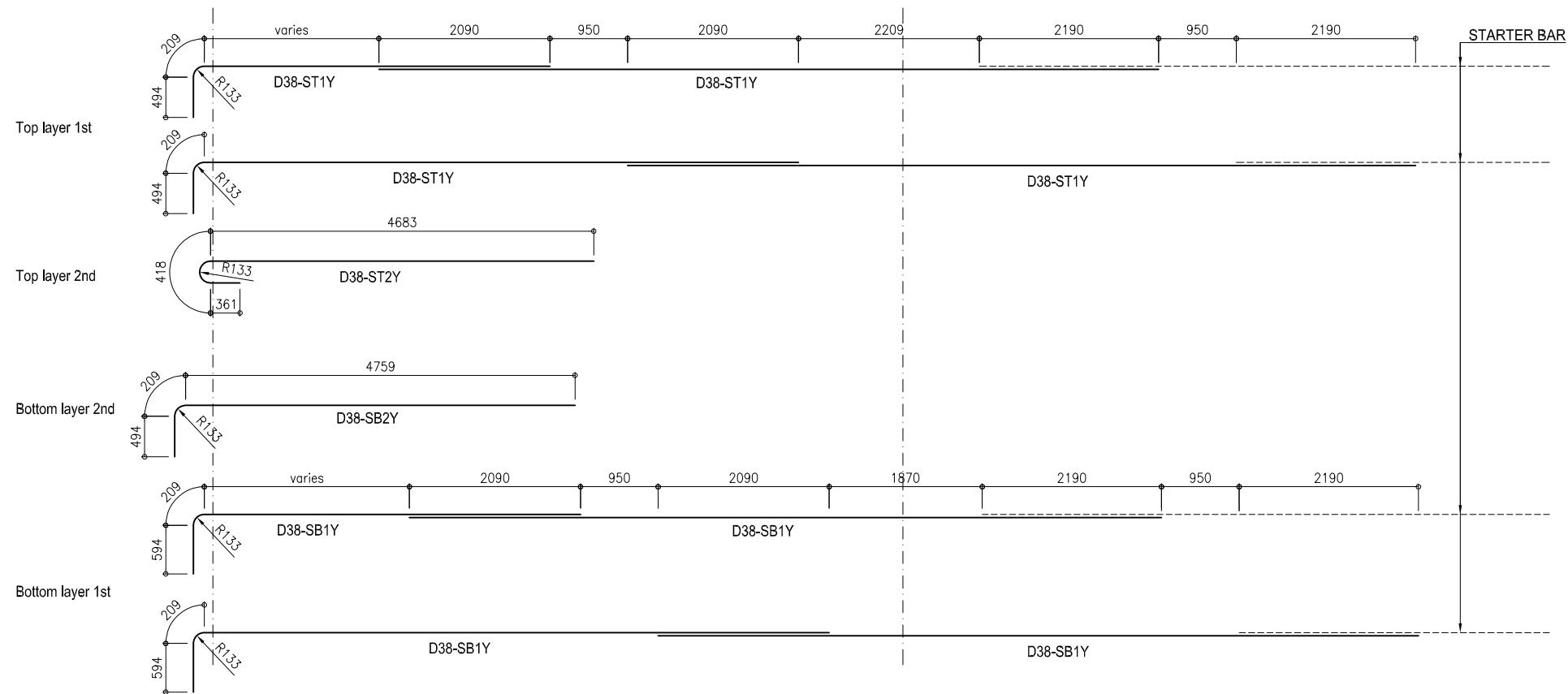
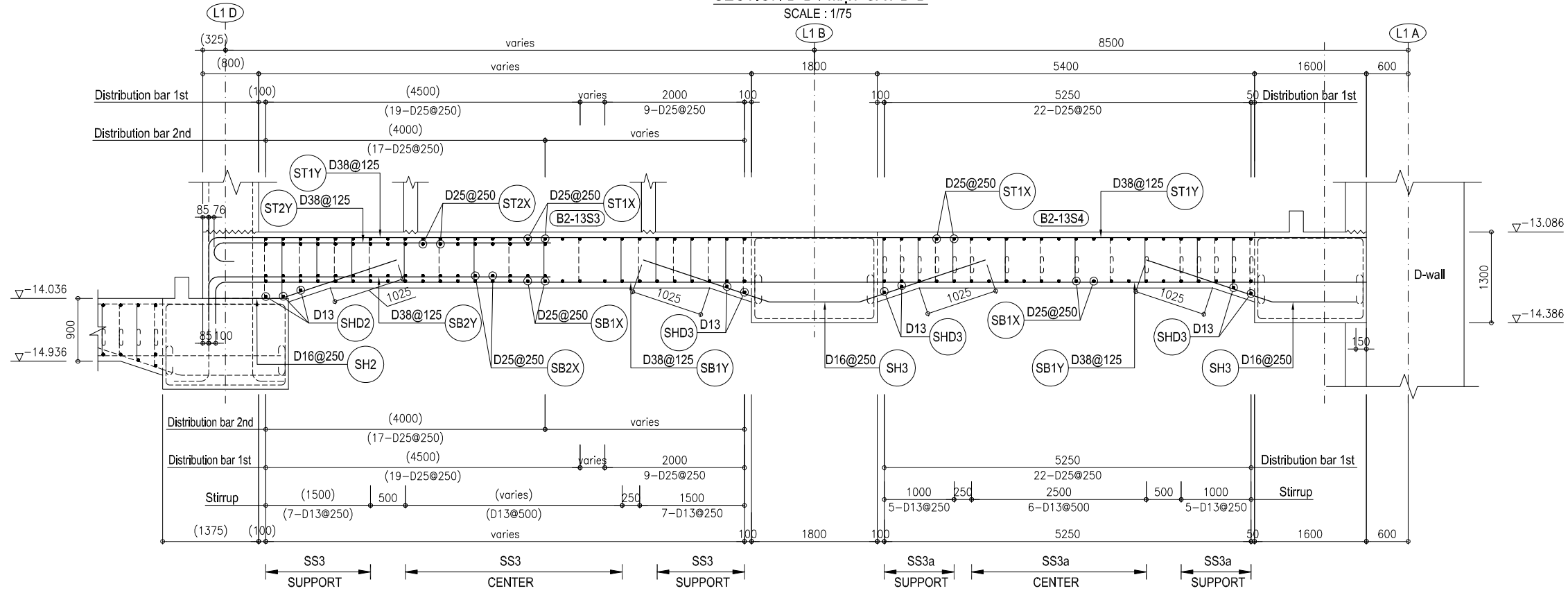
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR CROSS SECTION (04/06)

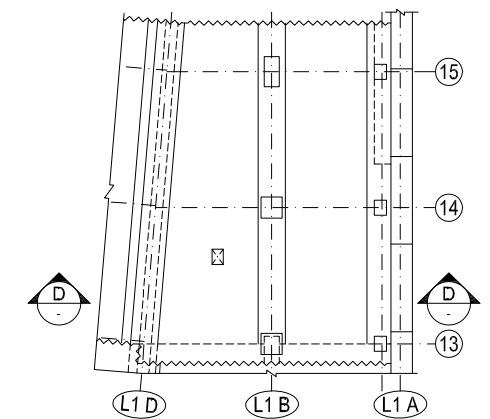
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT NGANG (04/06)

SECTION D-D / MẶT CẮT D-D

SCALE : 1/75



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



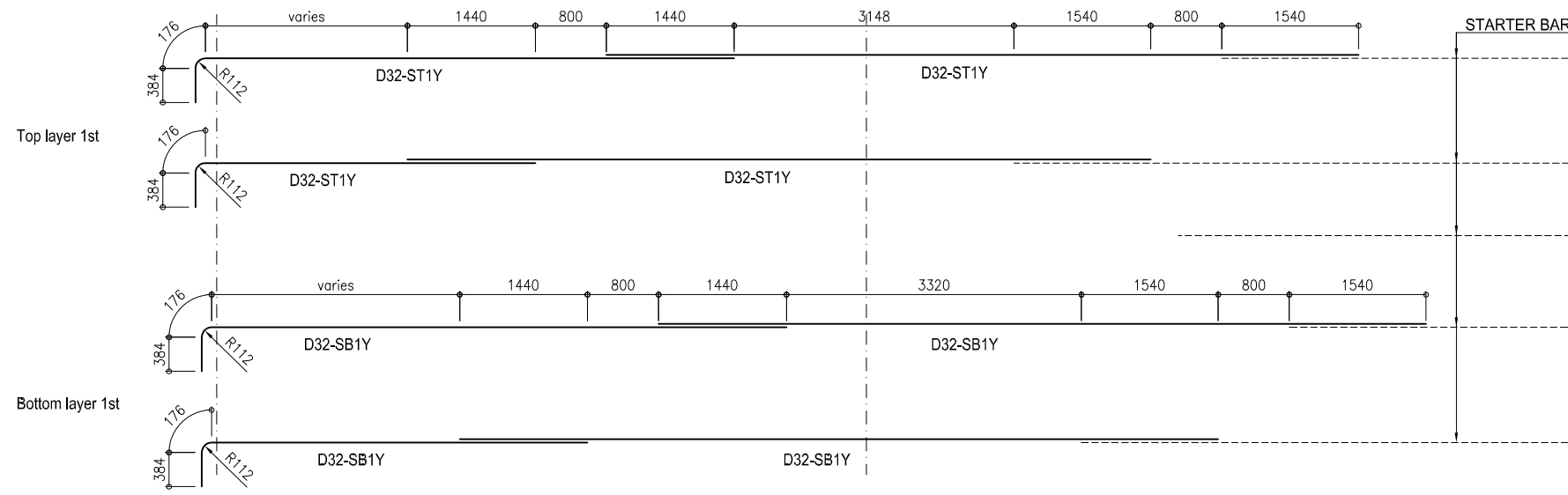
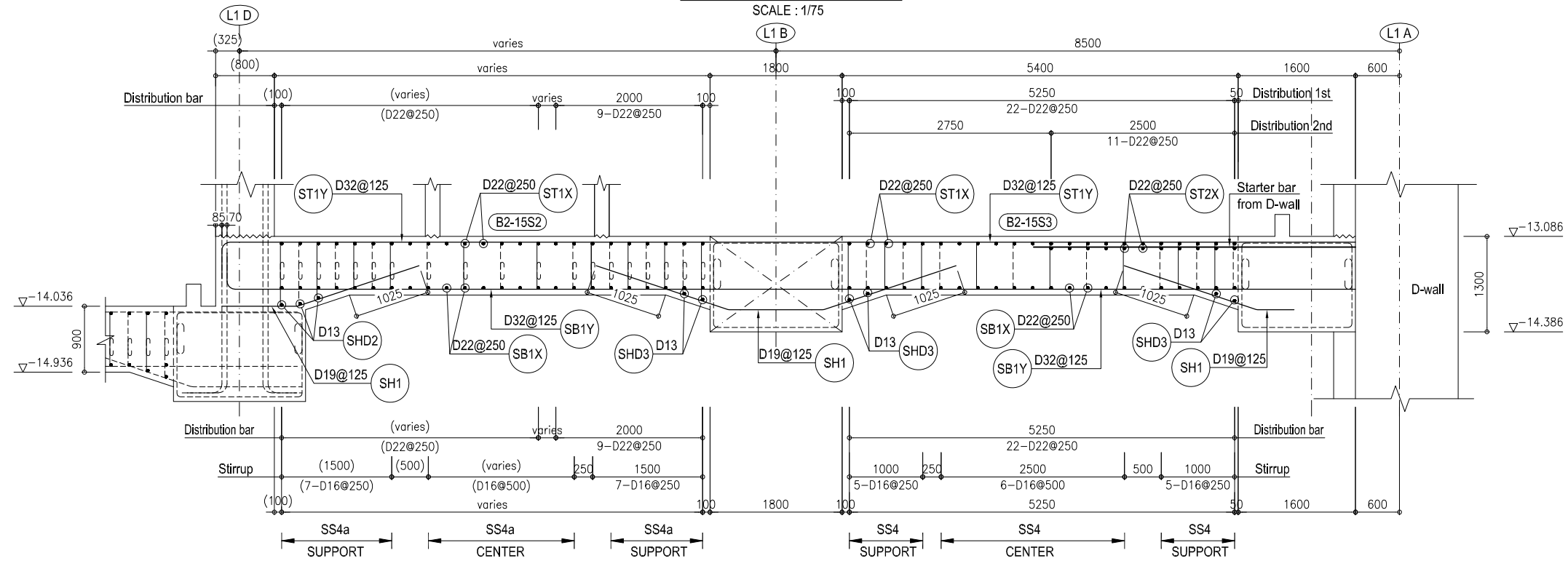
NOTES / GHI CHÚ:

1. The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
2. ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.
3. The value in () is determined following direction axis L1D.
Giá trị trong () được xác định theo hướng trục L1D.

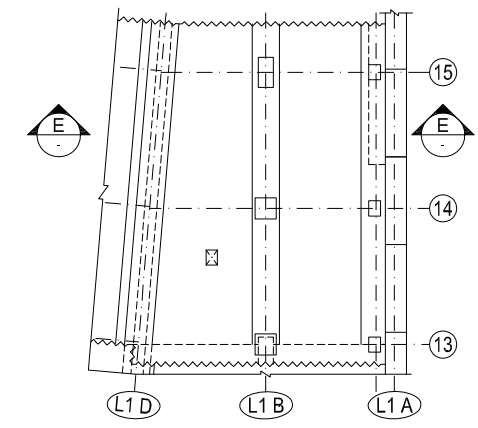
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR CROSS SECTION (05/06)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT NGANG (05/06)

SECTION E-E / MẶT CẮT E-E

SCALE : 1/75



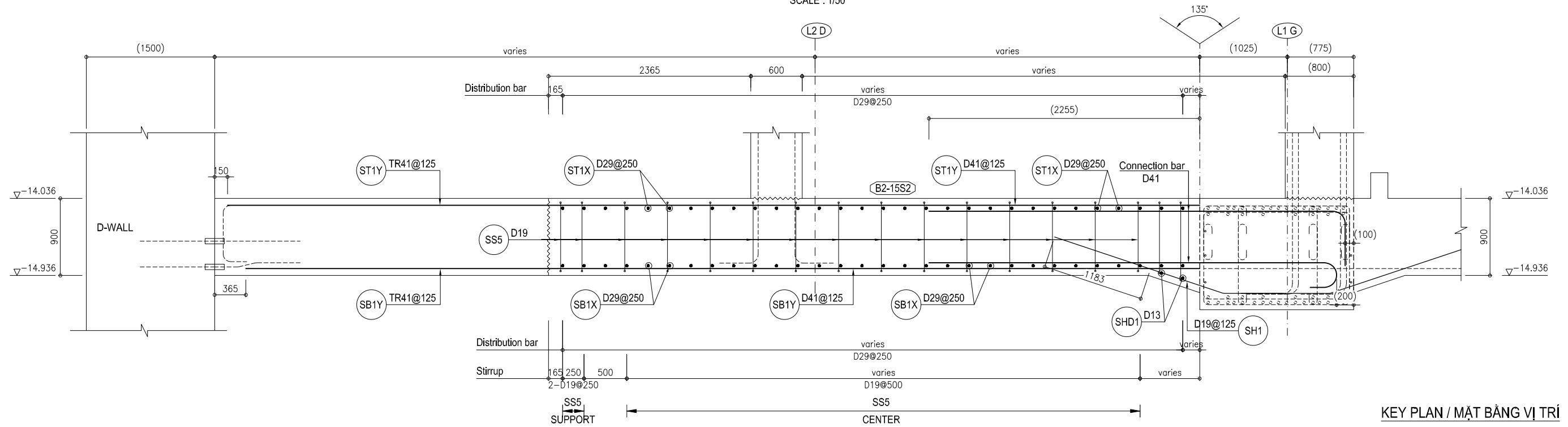
KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



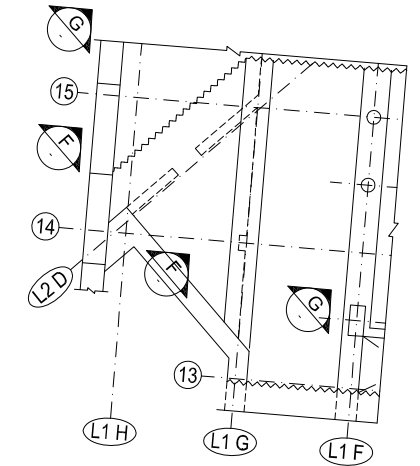
- NOTES / GHI CHÚ:**
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
 - ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.
 - The value in () is determined following direction axis L1D.
 Giá trị trong () được xác định theo hướng trục L1D.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR CROSS SECTION (06/06)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT NGANG (06/06)

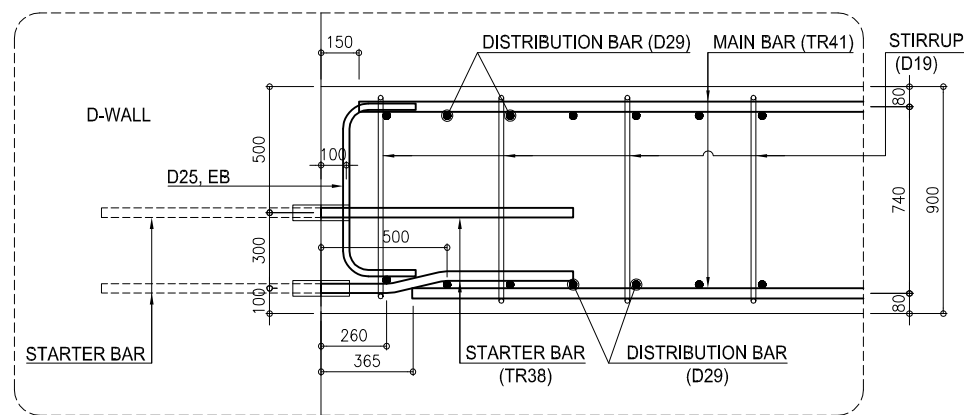
SECTION G-G / MẶT CẮT G-G
SCALE : 1/50



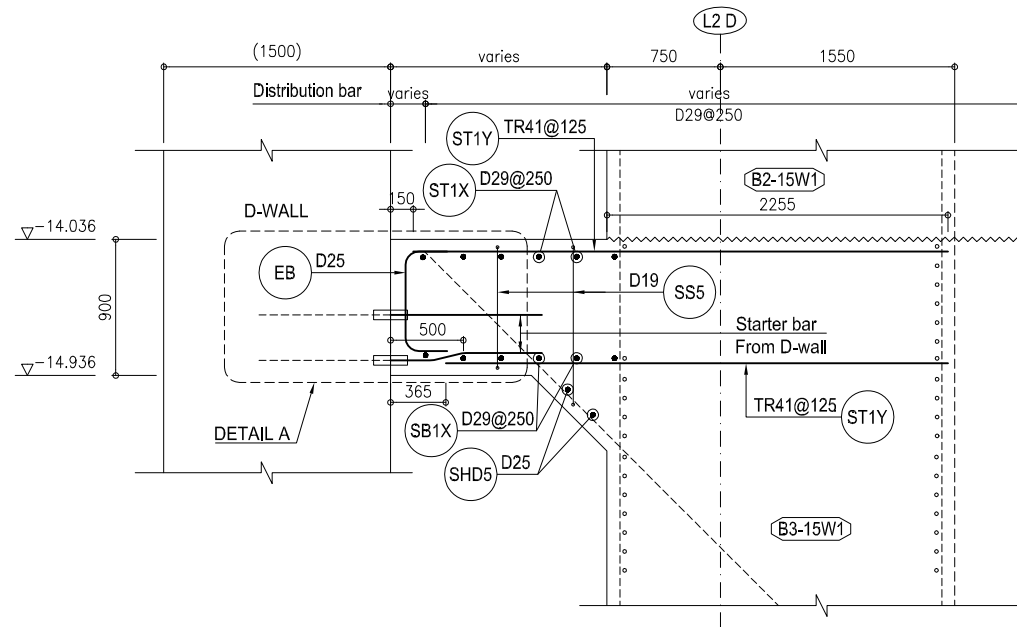
KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



DETAIL A / CHI TIẾT A
SCALE : 1/30



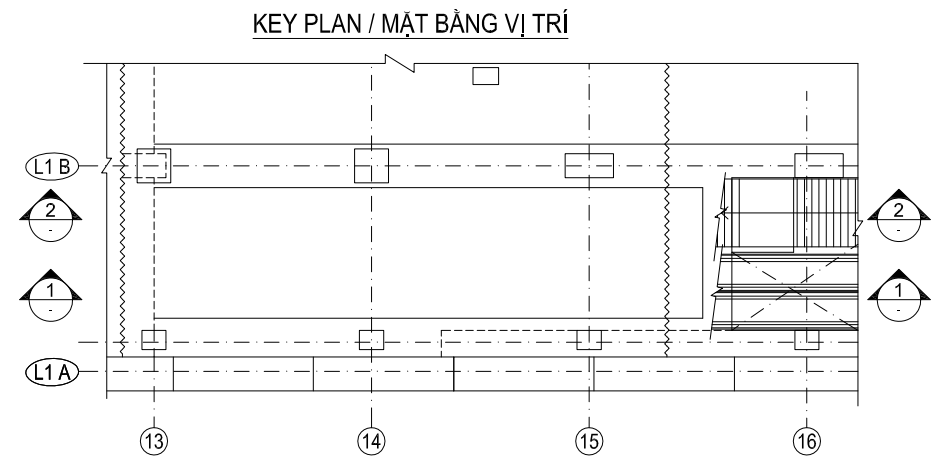
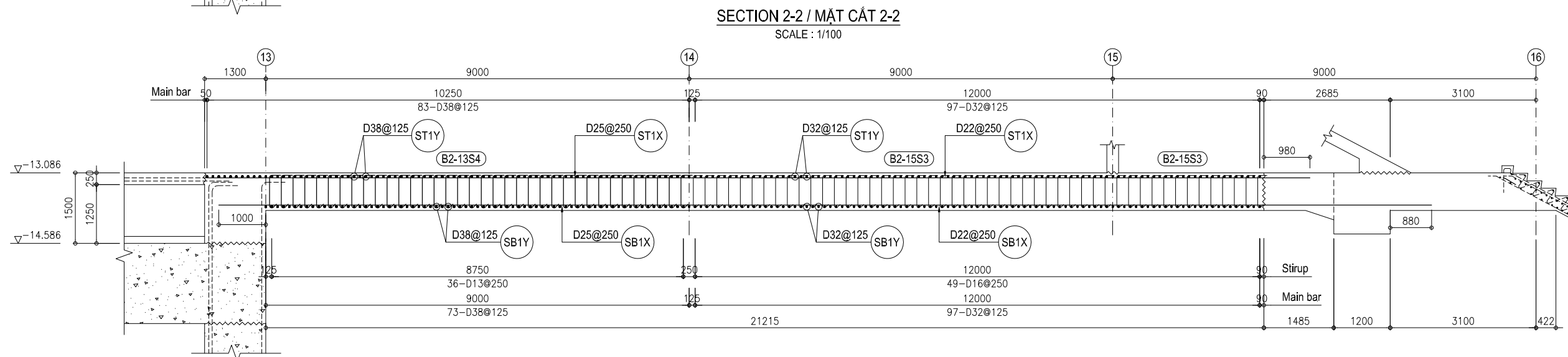
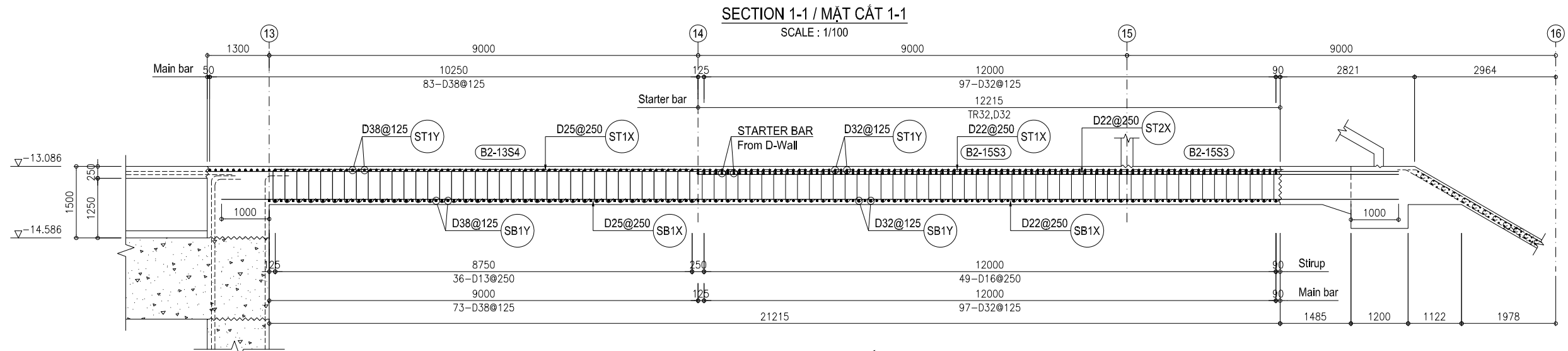
SECTION F-F / MẶT CẮT F-F
SCALE : 1/50



NOTES / GHI CHÚ:

- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.
- The value in () is determined following direction axis L1D.
Giá trị trong () được xác định theo hướng trục L1D.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR LONGITUDINAL SECTION (01/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT DỌC (01/03)

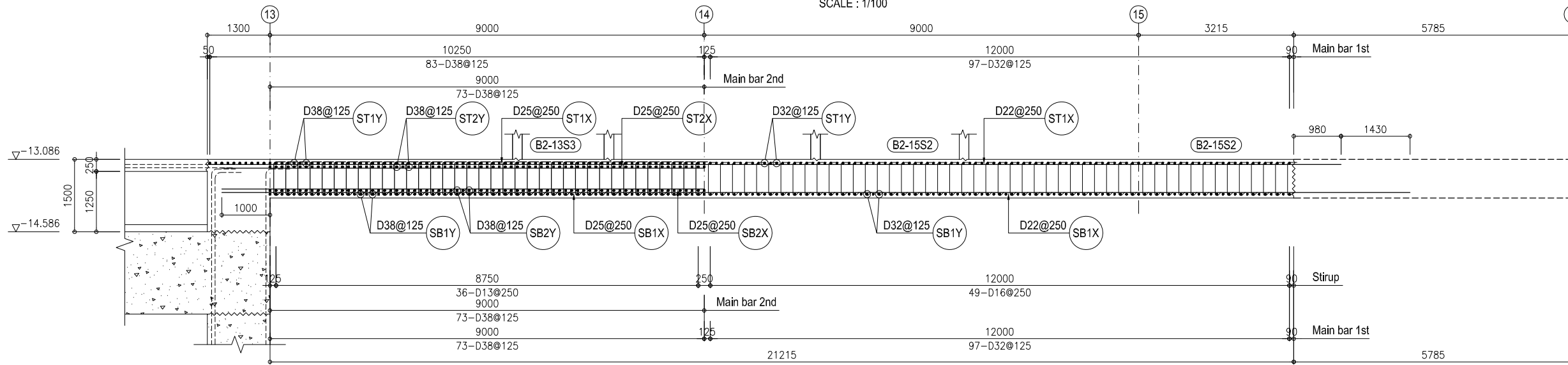


NOTES / GHI CHÚ:

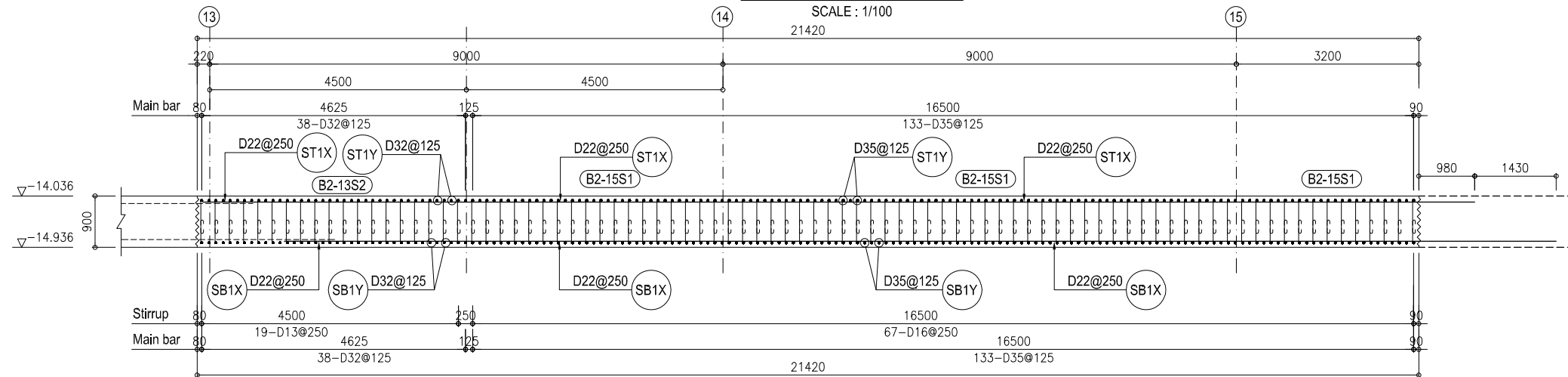
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mỗi nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- ~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR LONGITUDINAL SECTION (02/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT DỌC (02/03)

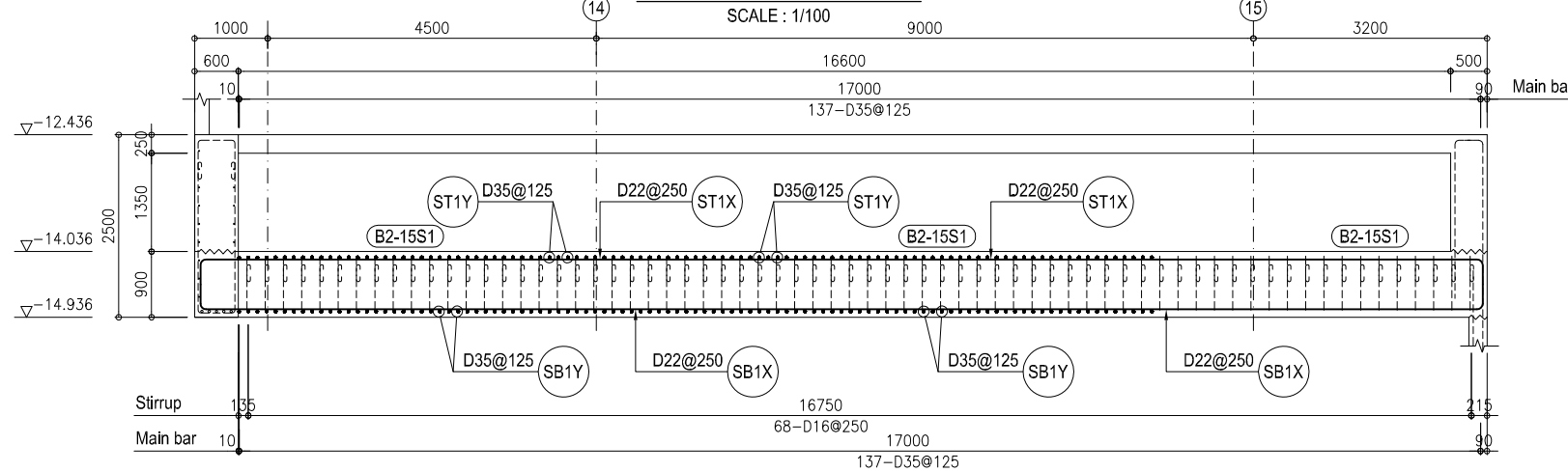
SECTION 3-3 / MẶT CẮT 3-3
SCALE : 1/100



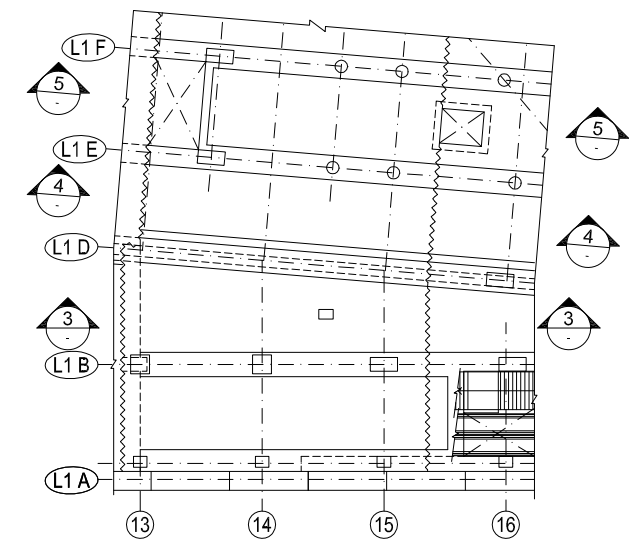
SECTION 4-4 / MẶT CẮT 4-4
SCALE : 1/100



SECTION 5-5 / MẶT CẮT 5-5
SCALE : 1/100



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ

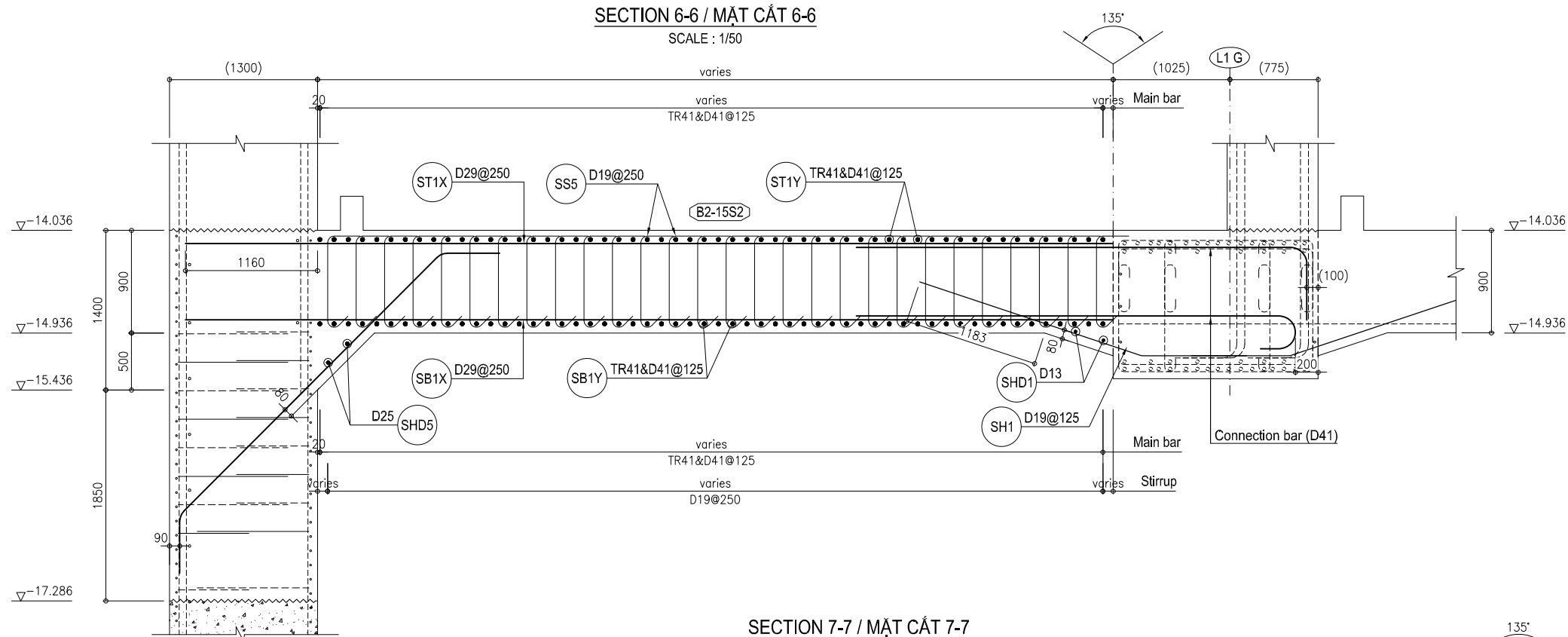


NOTES / GHI CHÚ:

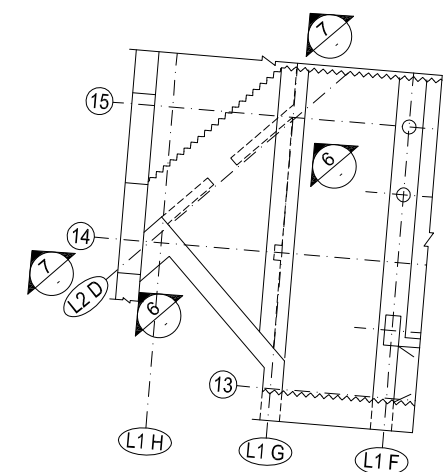
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR LONGITUDINAL SECTION (03/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT CẮT DỌC (03/03)

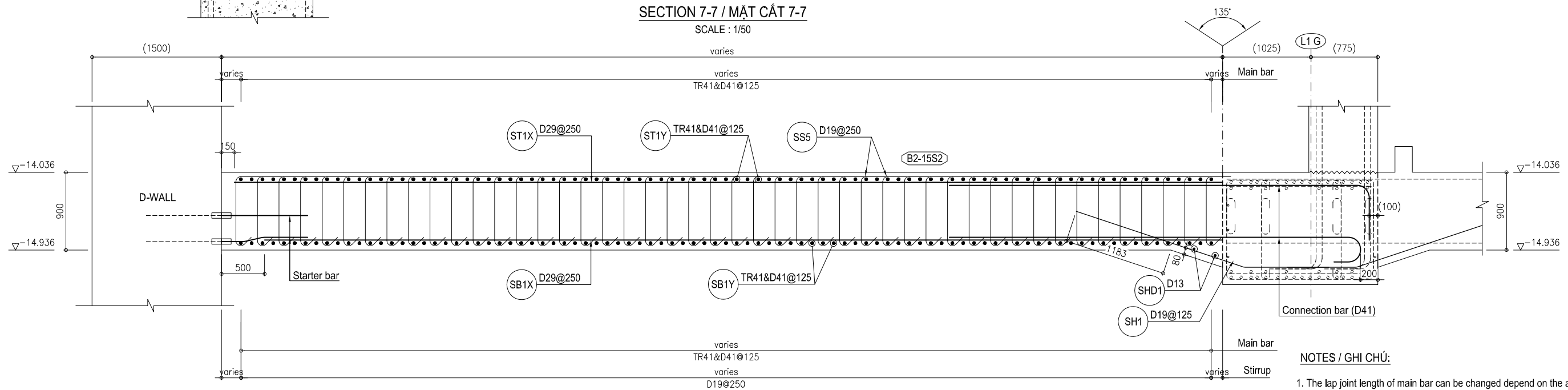
SECTION 6-6 / MẶT CẮT 6-6
SCALE : 1/50



KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



SECTION 7-7 / MẶT CẮT 7-7
SCALE : 1/50



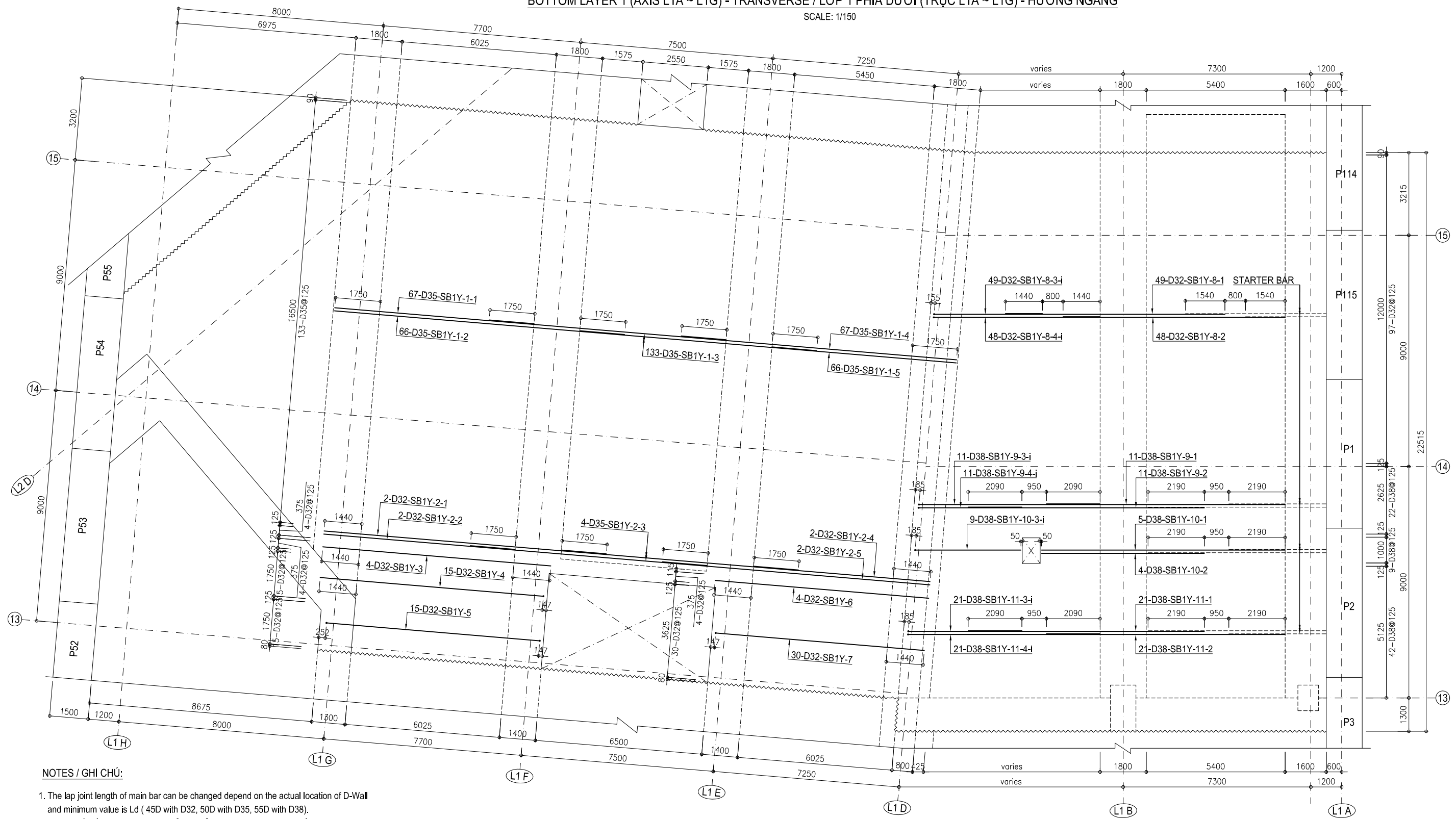
NOTES / GHI CHÚ:

1. The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
Độ dài mỗi nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
2. ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.
3. The value in () is determined following direction axis L1G.
Giá trị trong () được xác định theo hướng trục L1G.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (01/09)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (01/09)

BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - TRANSVERSE / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG NGANG

SCALE: 1/150



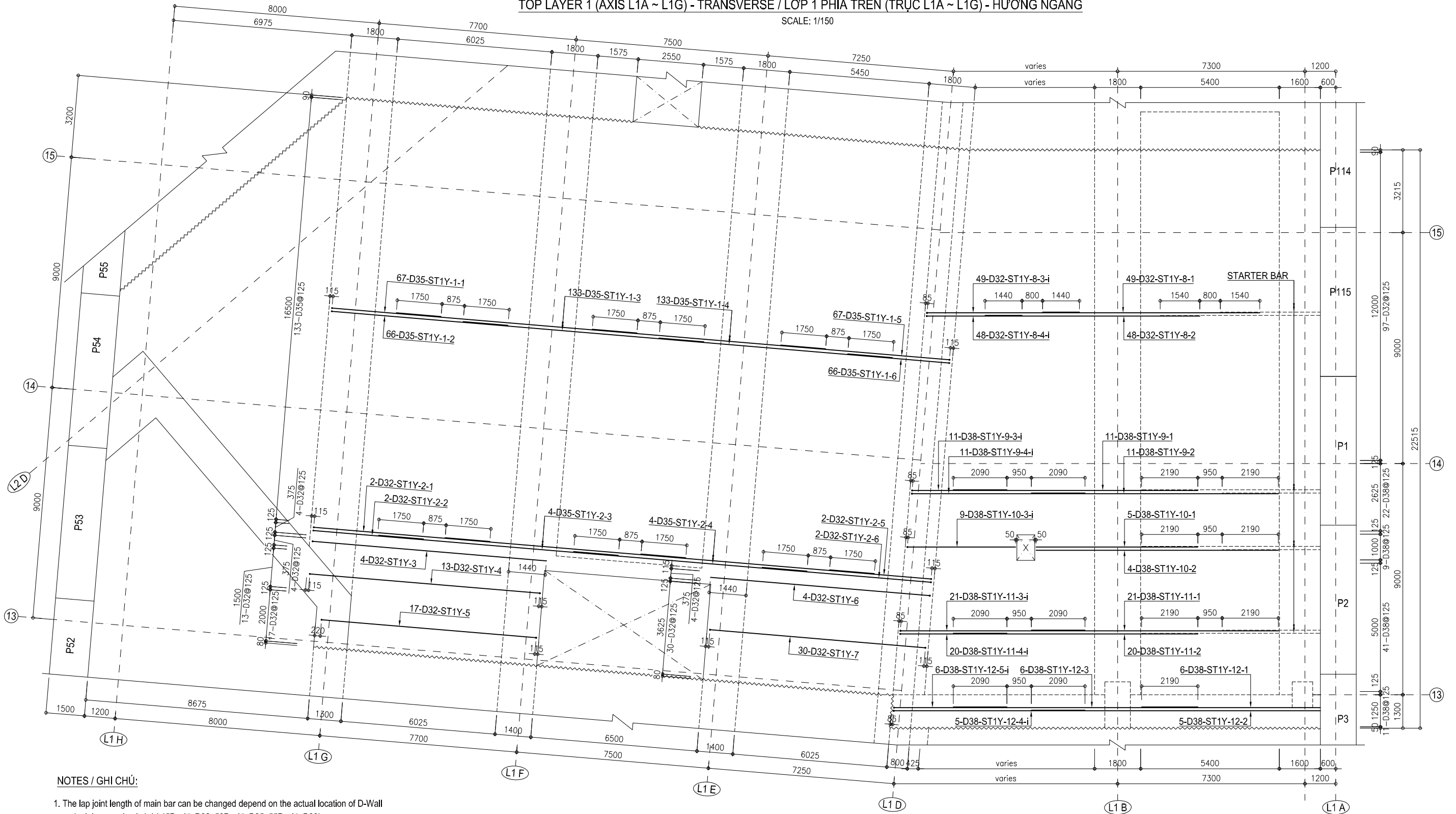
NOTES / GHI CHÚ:

- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (02/09)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (02/09)

TOP LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - TRANSVERSE / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG NGANG

SCALE: 1/150



NOTES / GHI CHÚ:

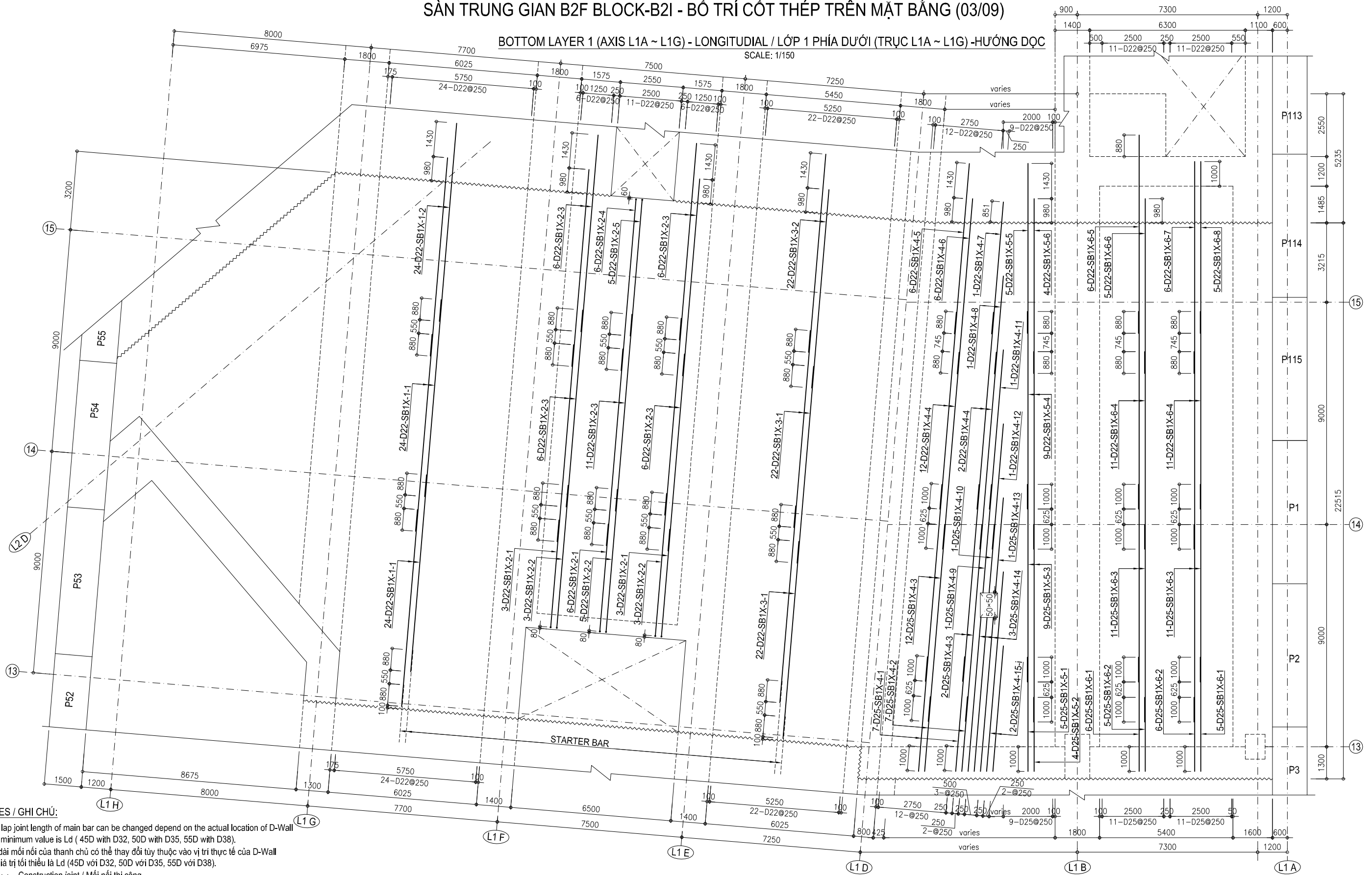
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mỗi nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (03/09)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (03/09)

BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC

SCALE: 1/150



NOTES / GHI CHÚ:

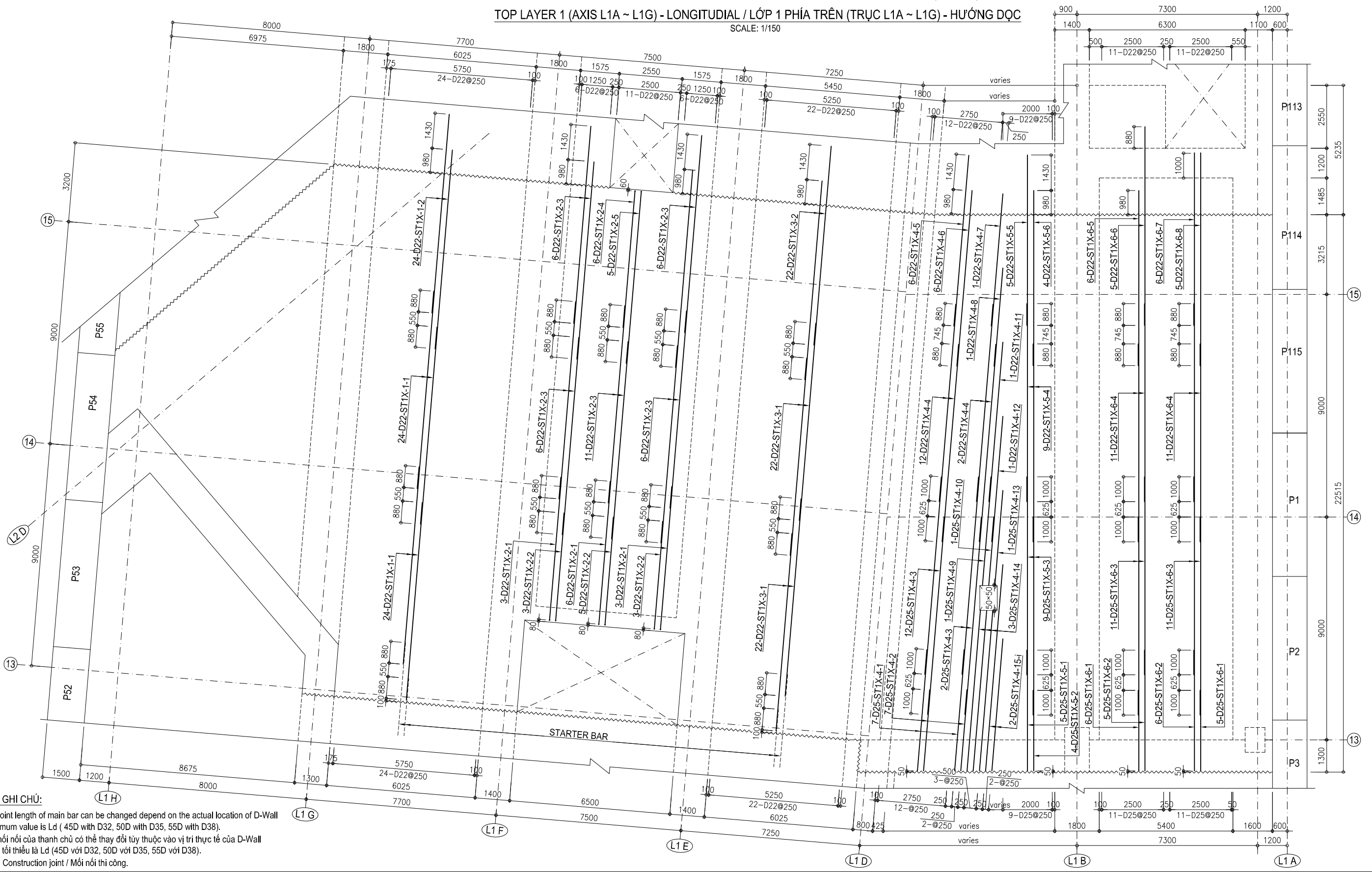
1. The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
2. Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (04/09)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (04/09)

TOP LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC

SCALE: 1/150

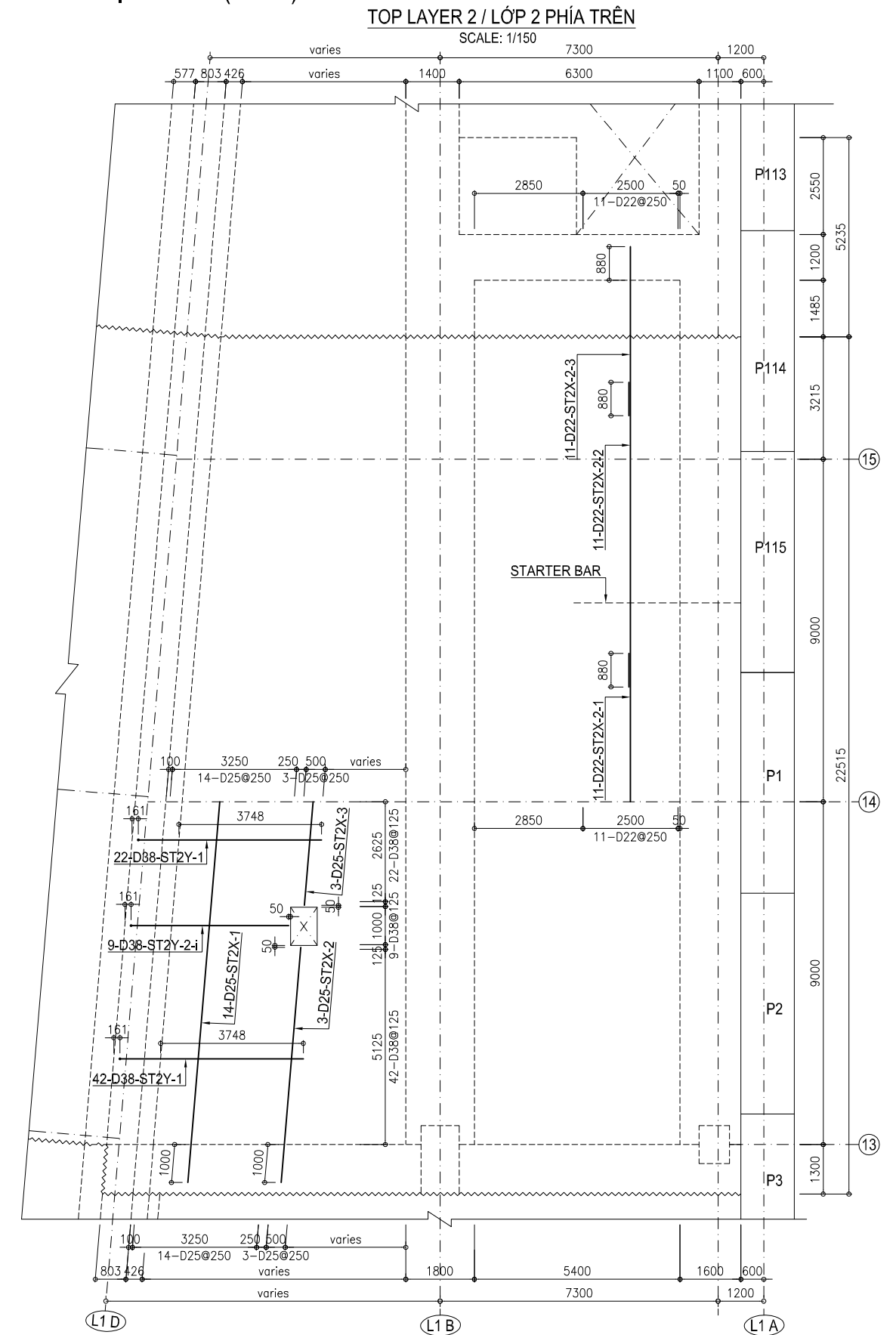
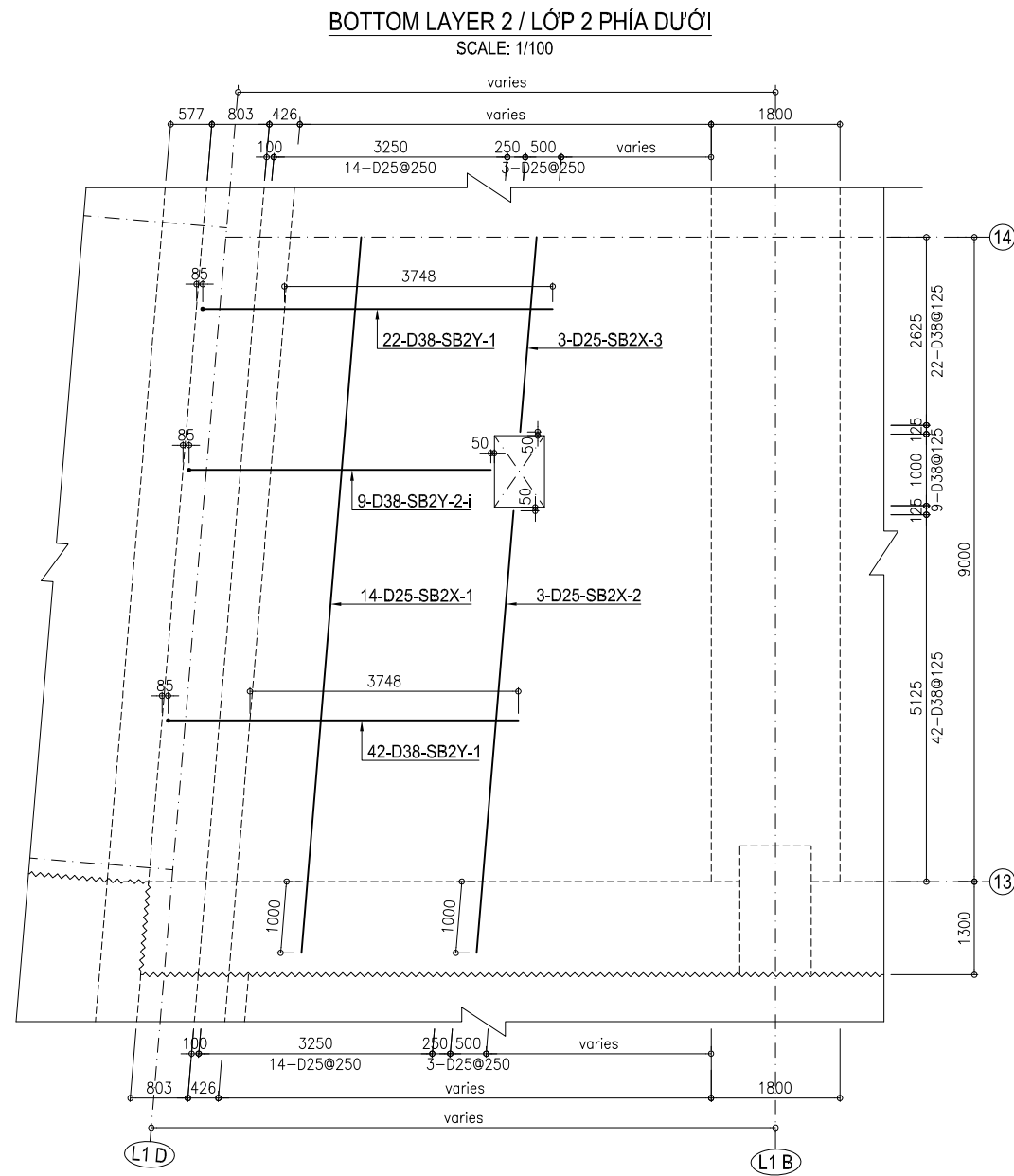


NOTES / GHI CHÚ:

- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (05/09)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (05/09)

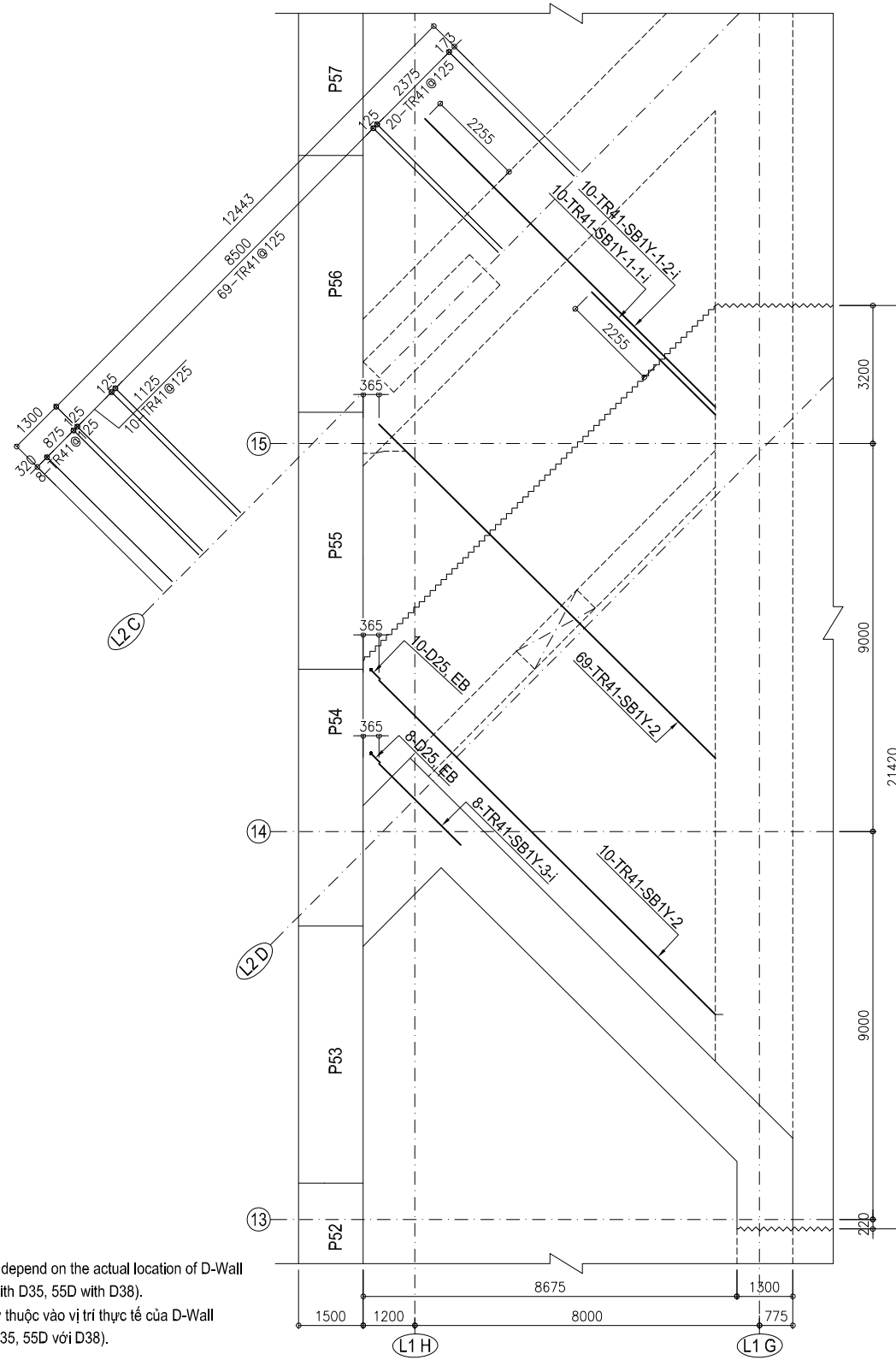


NOTES / GHI CHÚ:

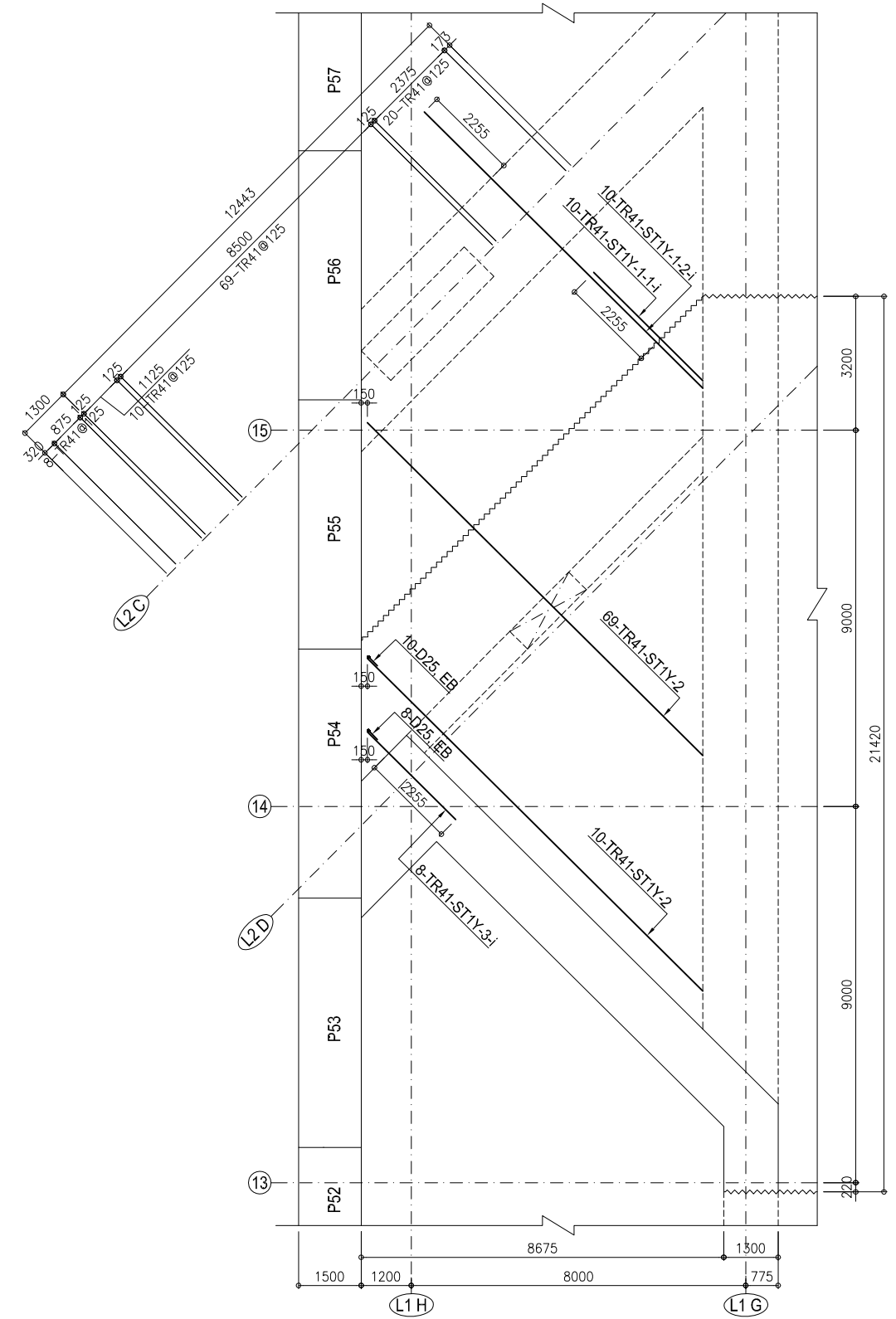
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (06/09)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (06/09)

BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - MAIN BAR / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1G ~ L1H) - THÉP CHỦ
 SCALE: 1/150



TOP LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - MAIN BAR / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1G ~ L1H) - THÉP CHỦ
 SCALE: 1/150

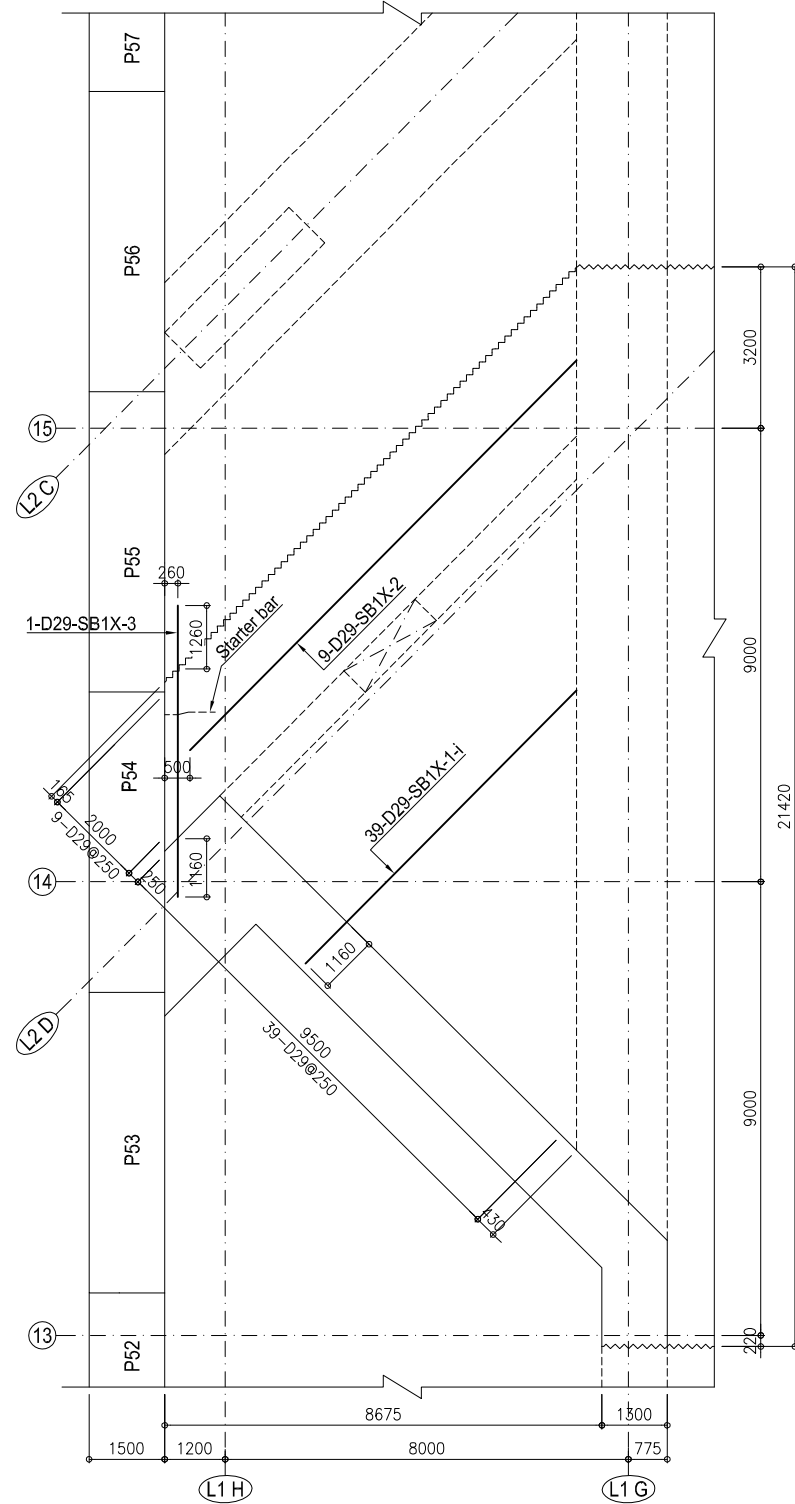


NOTES / GHI CHÚ:

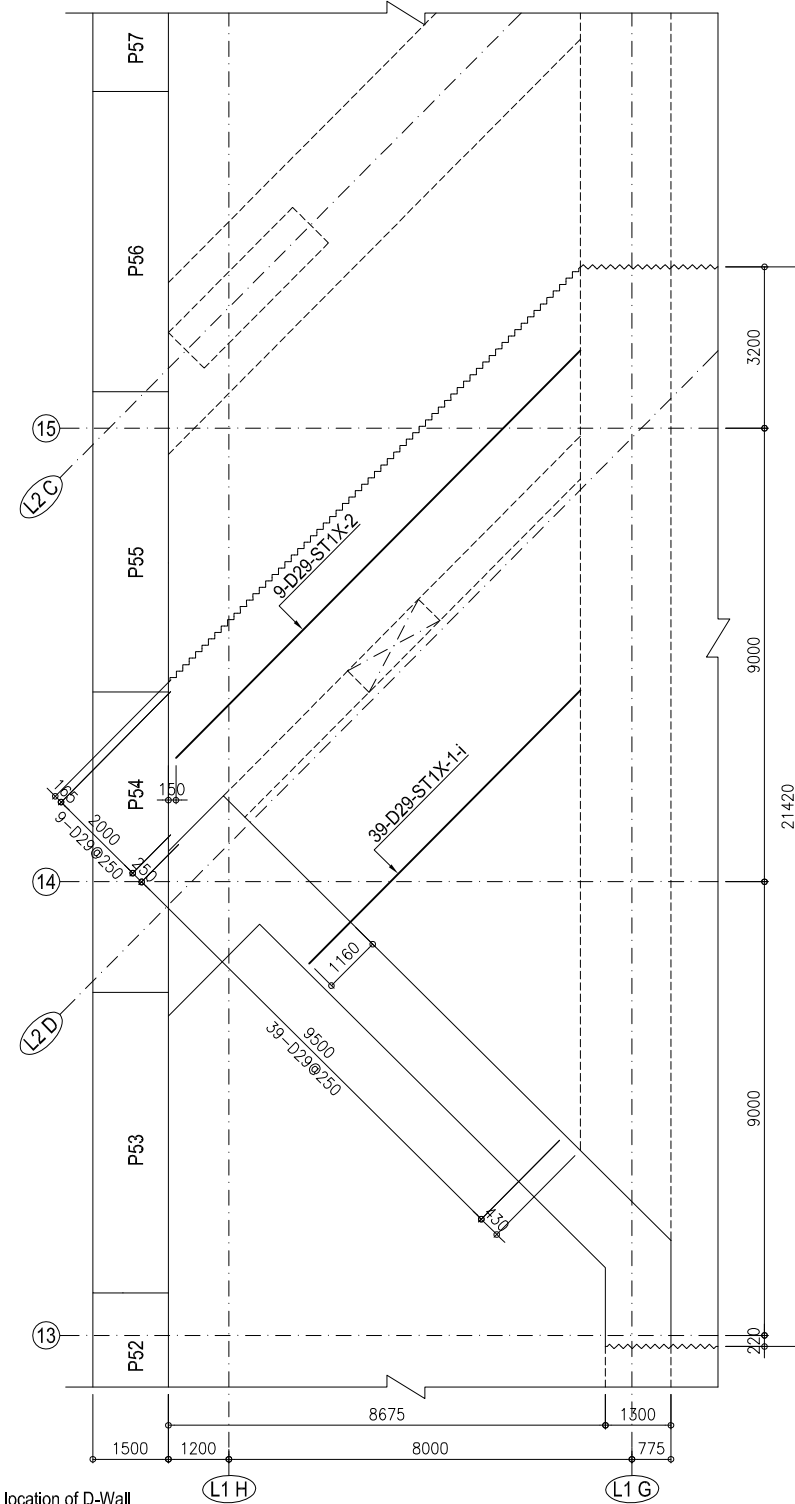
1. The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mỗi nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
2. ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (07/09)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (07/09)

BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - DISTRIBUTION BAR / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1G ~ L1H) - THÉP PHÂN BỐ
 SCALE: 1/150



TOP LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - DISTRIBUTION BAR / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1G ~ L1H) - THÉP PHÂN BỐ
 SCALE: 1/150

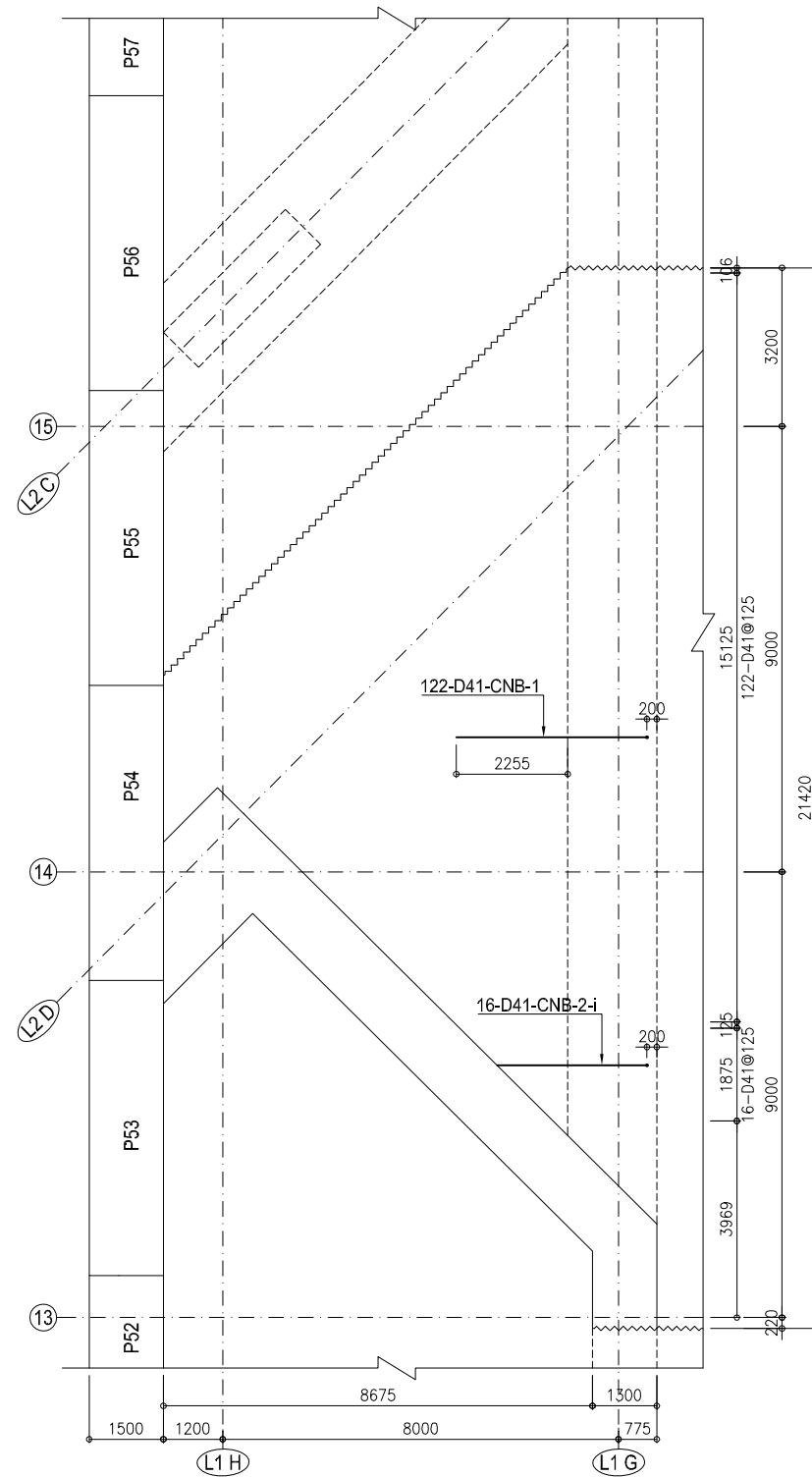


NOTES / GHI CHÚ:

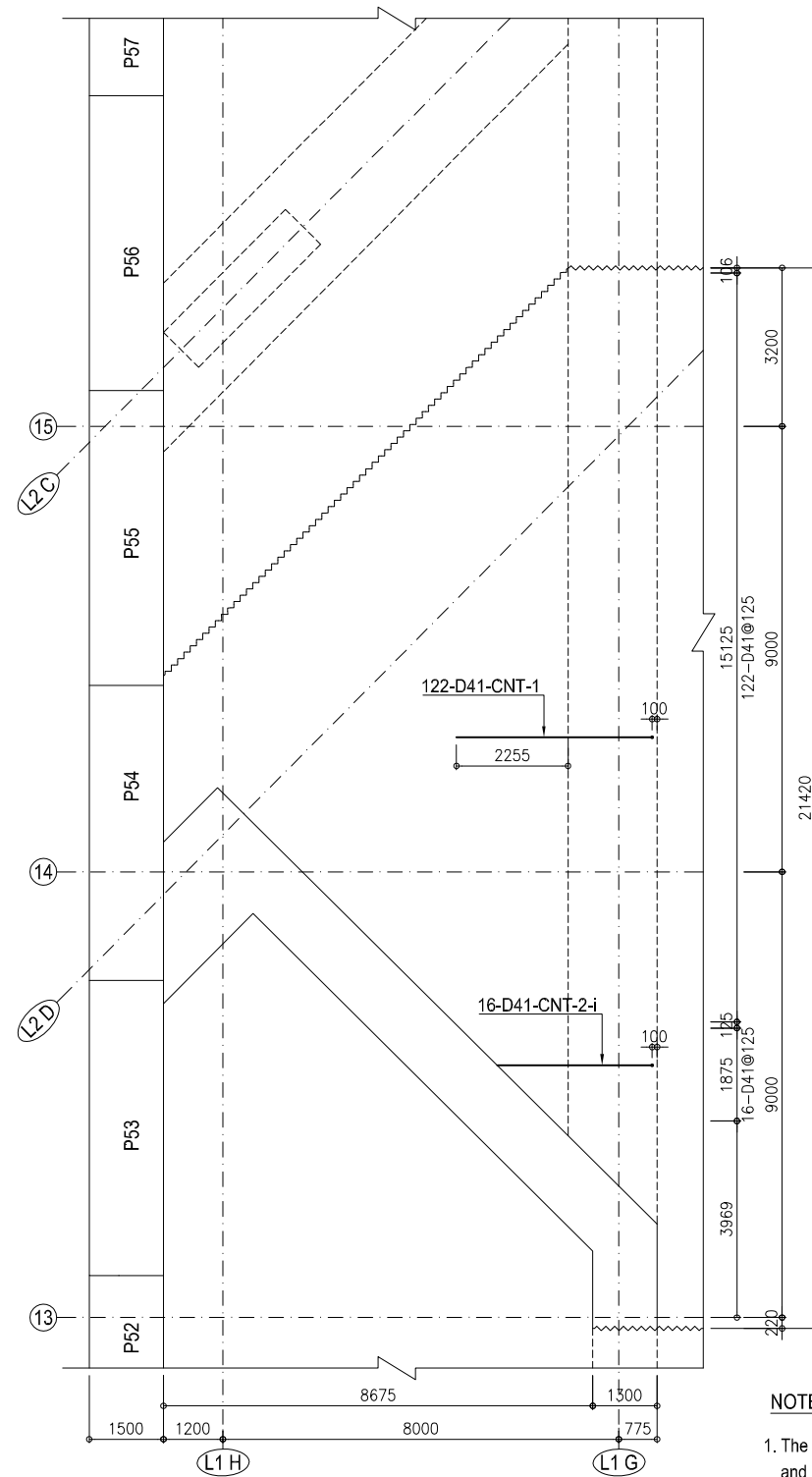
- The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
- ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (08/09)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (08/09)

CONNECTION BAR FOR BOTTOM LAYER / THÉP KẾT NỐI LỚP PHÍA DƯỚI
 SCALE: 1/150



CONNECTION BAR FOR TOP LAYER / THÉP KẾT NỐI LỚP PHÍA TRÊN
 SCALE: 1/150



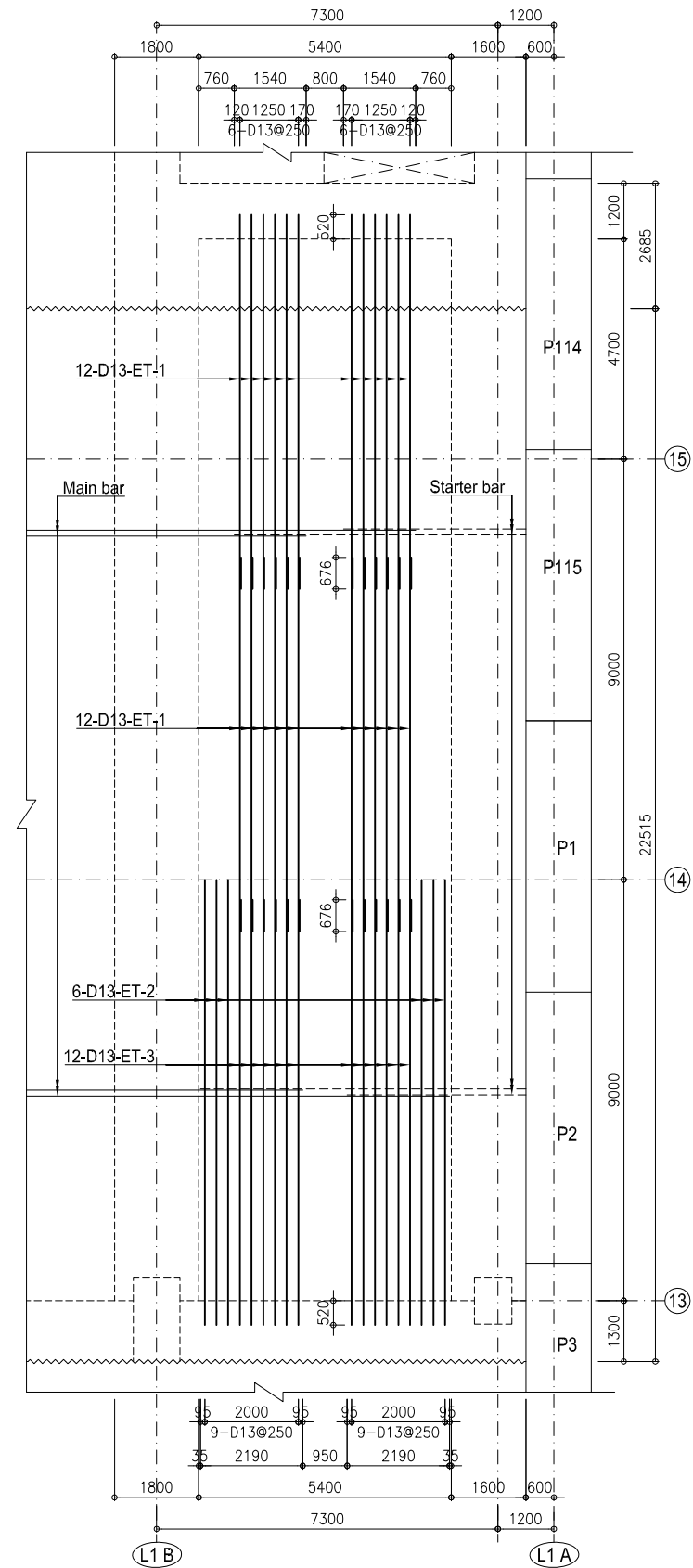
NOTES / GHI CHÚ:

1. The lap joint length of main bar can be changed depend on the actual location of D-Wall and minimum value is L_d (45D with D32, 50D with D35, 55D with D38).
 Độ dài mối nối của thanh chủ có thể thay đổi tùy thuộc vào vị trí thực tế của D-Wall và giá trị tối thiểu là L_d (45D với D32, 50D với D35, 55D với D38).
2. ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT IN PLAN VIEW (09/09)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG (09/09)

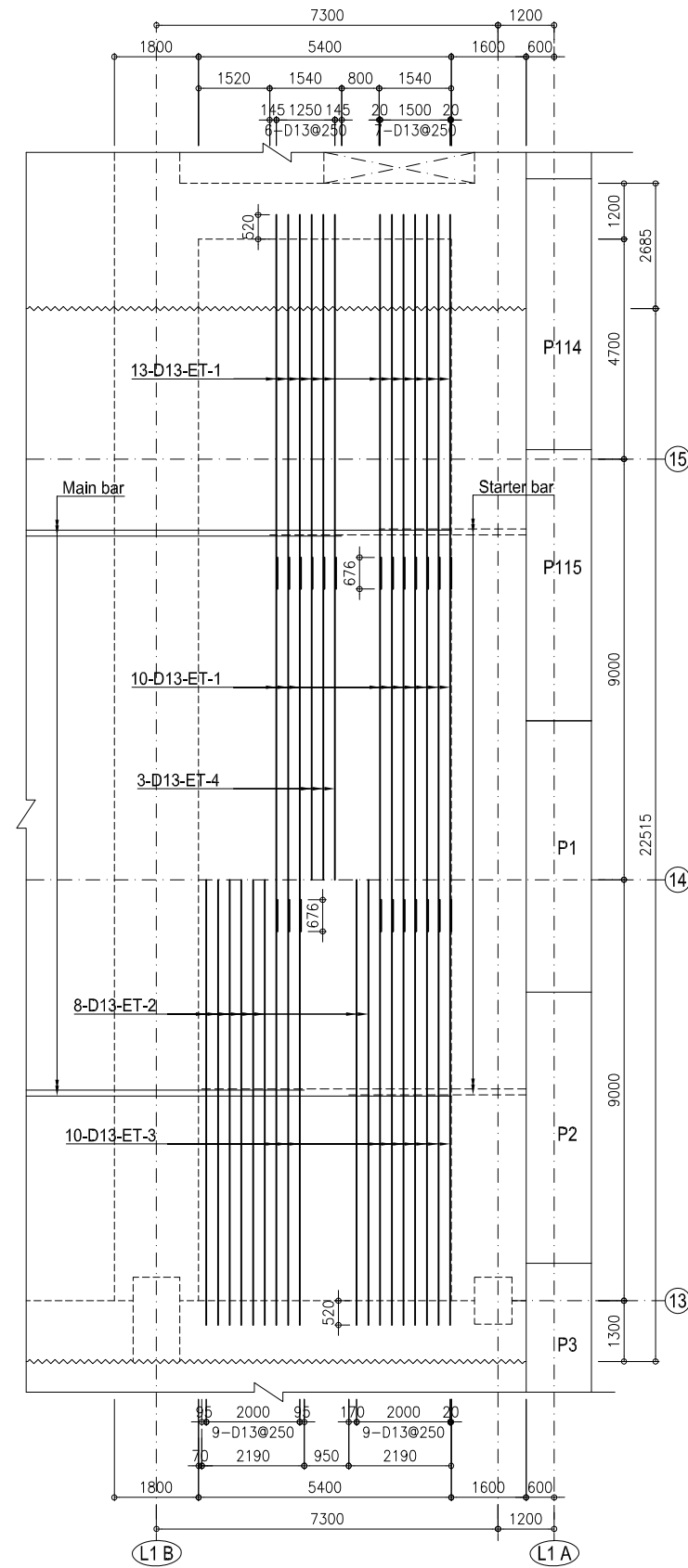
ADDITIONAL REBAR TOP LAYER / THÉP BỔ SUNG LỚP PHÍA TRÊN

SCALE: 1/150



ADDITIONAL REBAR BOTTOM LAYER / THÉP BỔ SUNG LỚP PHÍA DƯỚI

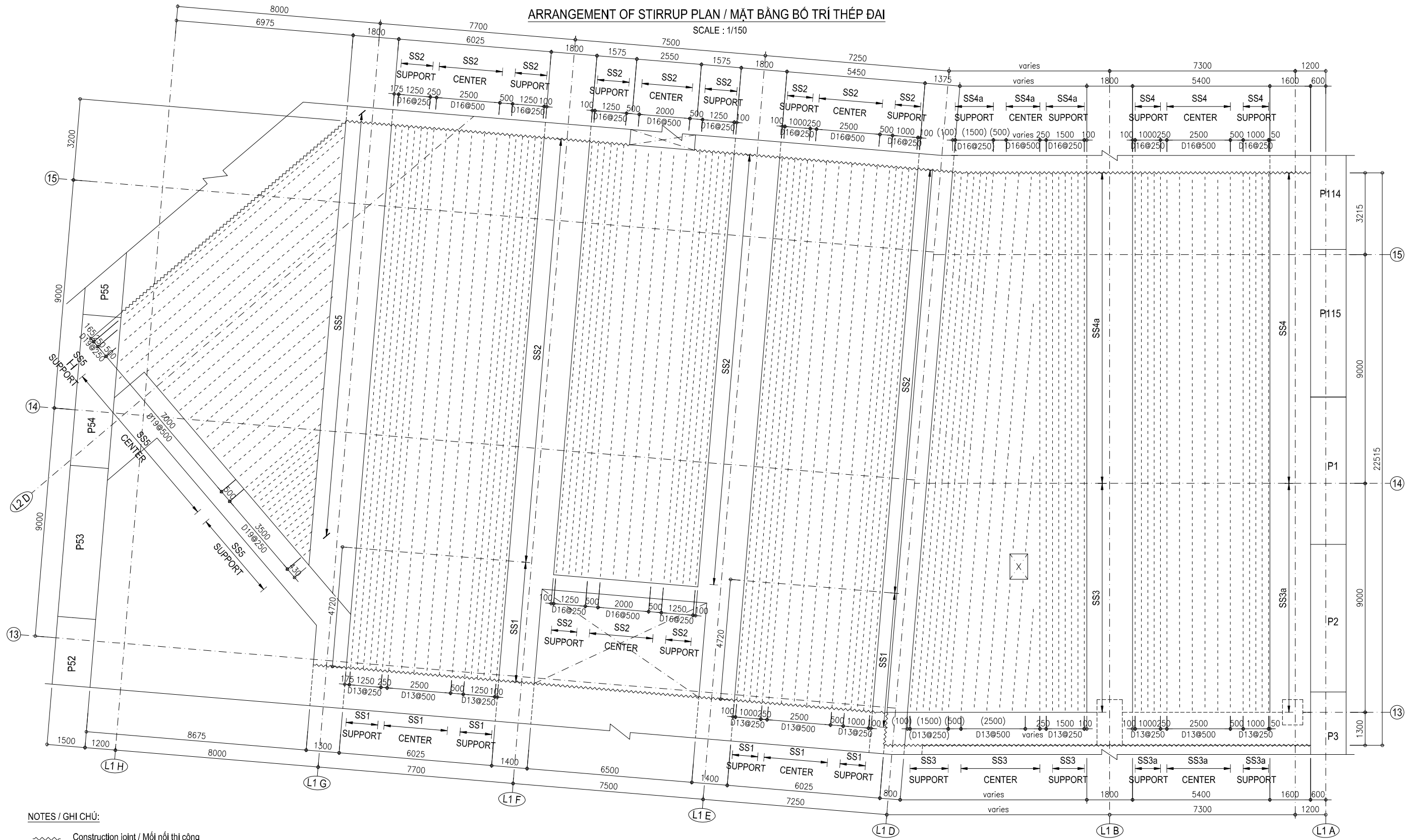
SCALE: 1/150



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT OF STIRRUP (01/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐAI SÀN (01/03)

ARRANGEMENT OF STIRRUP PLAN / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI

SCALE : 1/150



NOTES / GHI CHÚ:

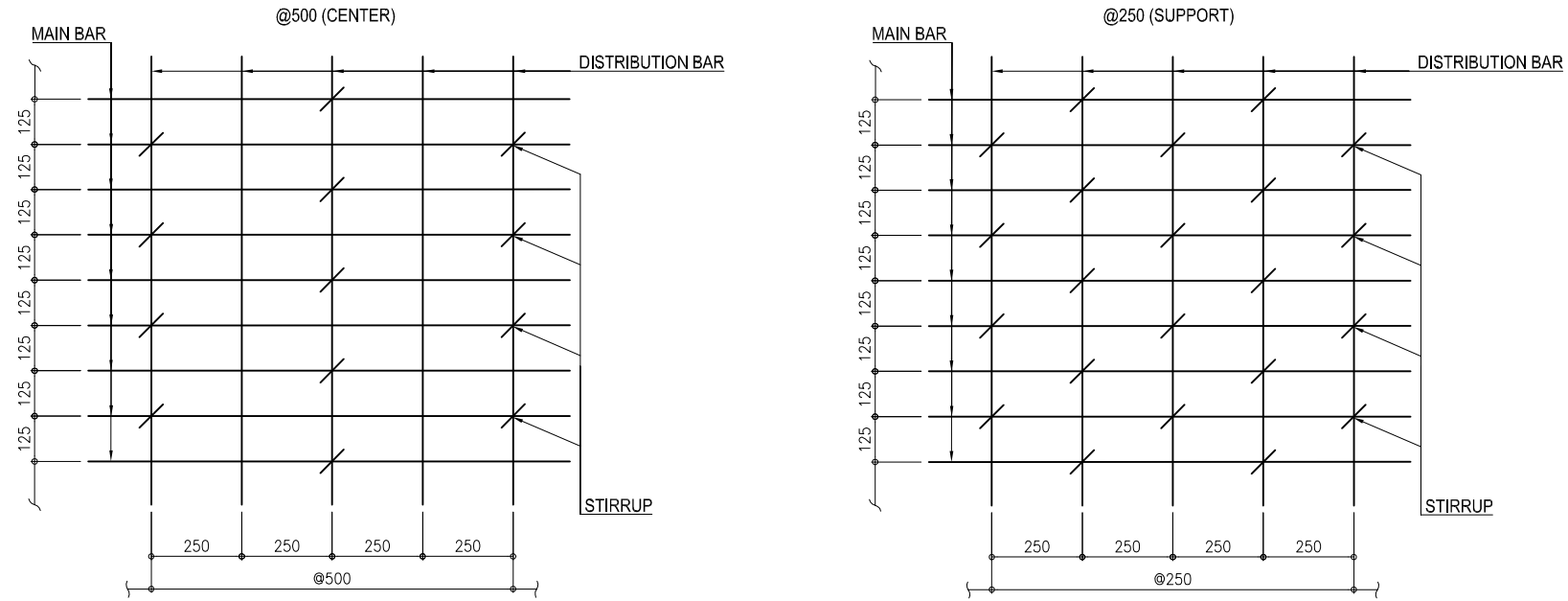
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT OF STIRRUP (02/03)**

**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐAI SÀN (02/03)**

**ARRANGEMENT OF STIRRUP PLAN / MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP ĐAI**

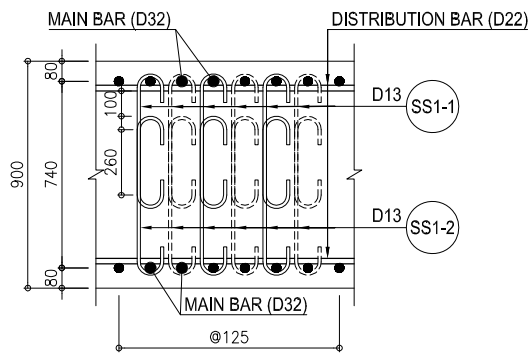
SCALE: 1/20



**DETAIL OF STIRRUP SS1 (CENTER)**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS1 (GIỮA)**

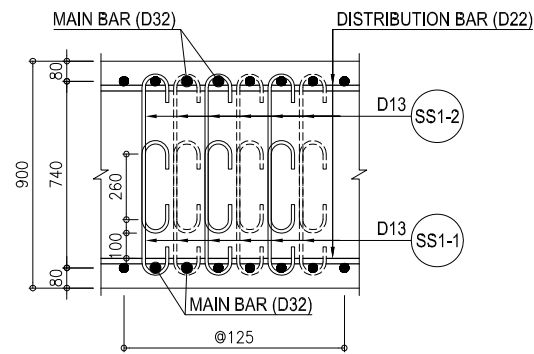
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS1 (SUPPORT)**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS1 (BIÊN)**

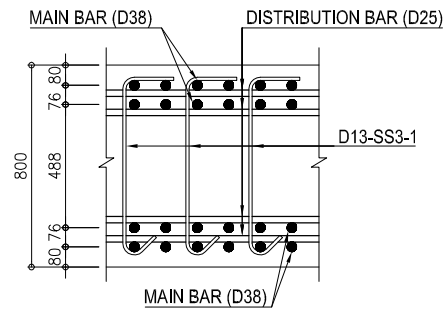
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS3**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS3**

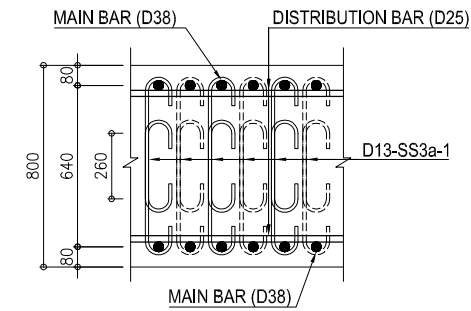
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS3a**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS3a**

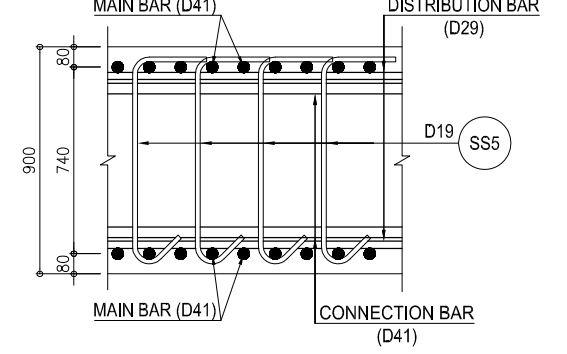
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS5**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS5**

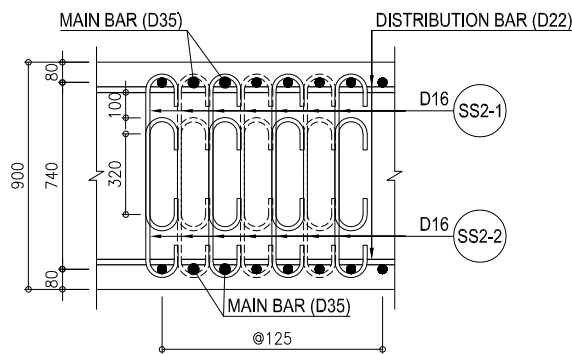
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS2 (CENTER)**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS2 (GIỮA)**

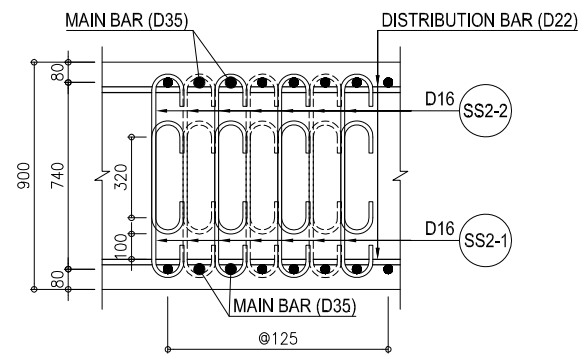
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS2 (SUPPORT)**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS2 (BIÊN)**

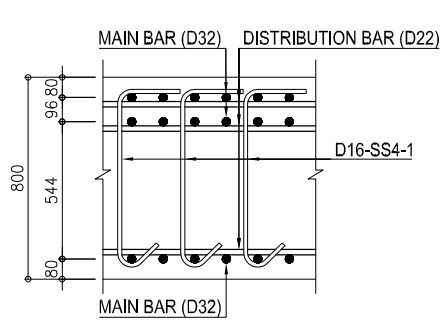
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS4**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS4**

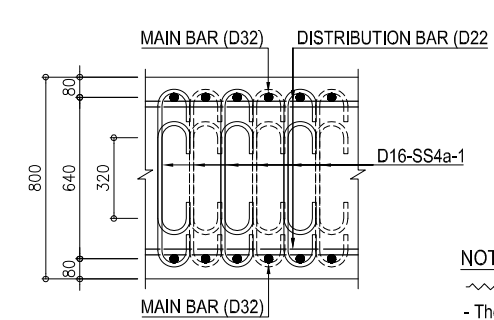
SCALE: 1/30



**DETAIL OF STIRRUP SS4a**

**CHI TIẾT THÉP ĐAI SS4a**

SCALE: 1/30



**NOTES / GHI CHÚ:**

Construction joint / Mối nối thi công

- The stirrup bar at lap splice location of main bar shall be shipped to nearest main bar  
Thép đai tại vị trí mối nối chồng của thép chủ sẽ được dịch chuyển sang vị trí thép chủ bên cạnh.

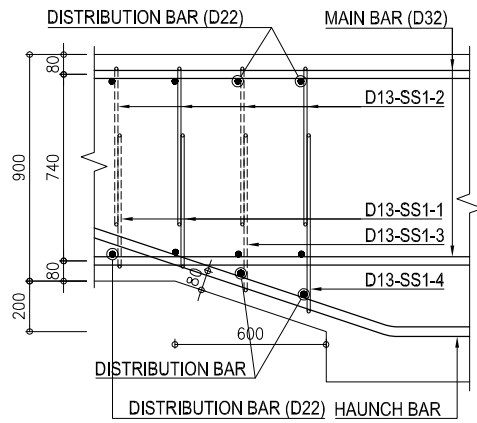
**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT OF STIRRUP (03/03)**

**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỔ TRÍ CỐT THÉP ĐAI SÀN (03/03)**

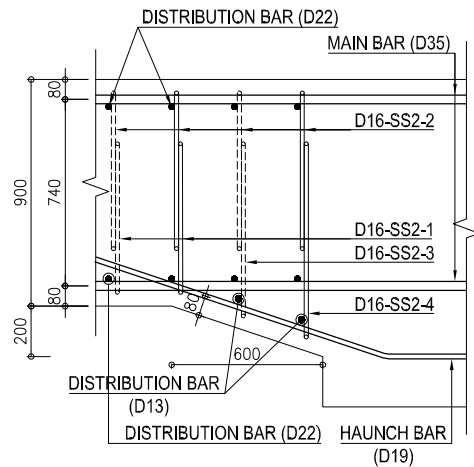
DETAIL OF STIRRUP AT THE HAUNCH OF GIRDER  
CHI TIẾT THÉP ĐAI TẠI VỊ TRÍ VÁT CỦA DẦM

DETAIL OF STIRRUP AT THE HAUNCH OF THE WALL  
CHI TIẾT THÉP ĐAI TẠI VỊ TRÍ VÁT CỦA TƯỜNG

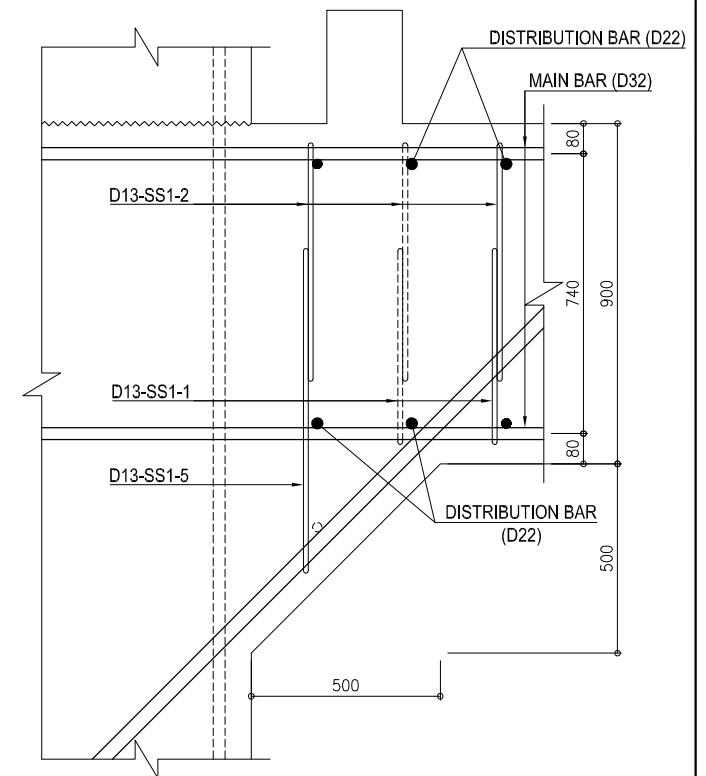
DETAIL OF STIRRUP SS1  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS1  
SCALE: 1/30



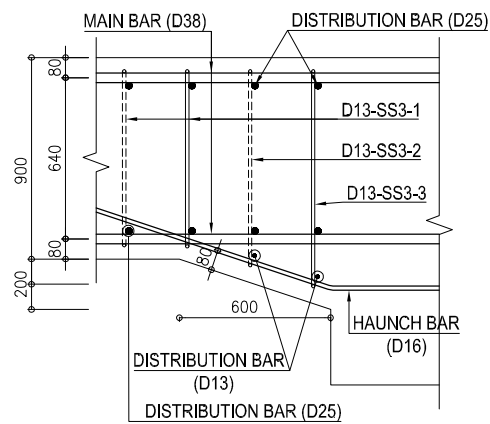
DETAIL OF STIRRUP SS2  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS2  
SCALE: 1/30



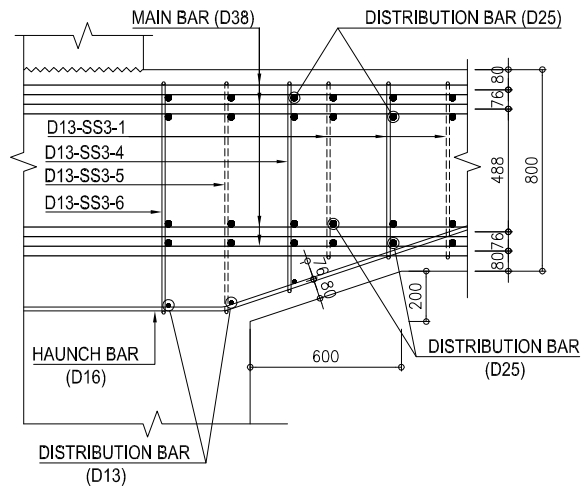
DETAIL OF STIRRUP SS1  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS1  
SCALE: 1/20



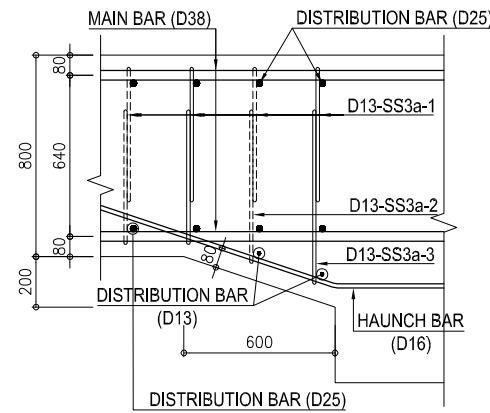
DETAIL OF STIRRUP SS3 (L1B AXIS LEFT SIDE)  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS3 ( BÊN TRÁI TRỤC L1B)  
SCALE: 1/30



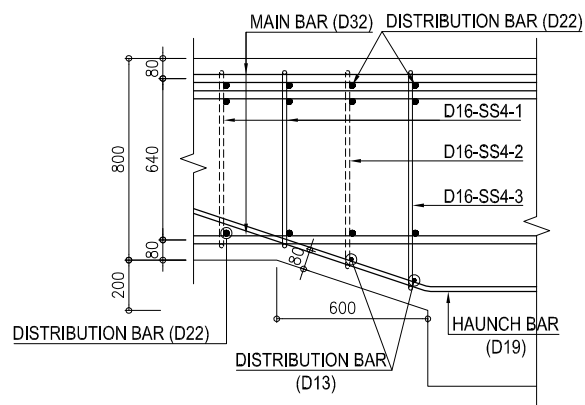
DETAIL OF STIRRUP SS3 (L1D AXIS)  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS3 (TRỤC L1D)  
SCALE: 1/30



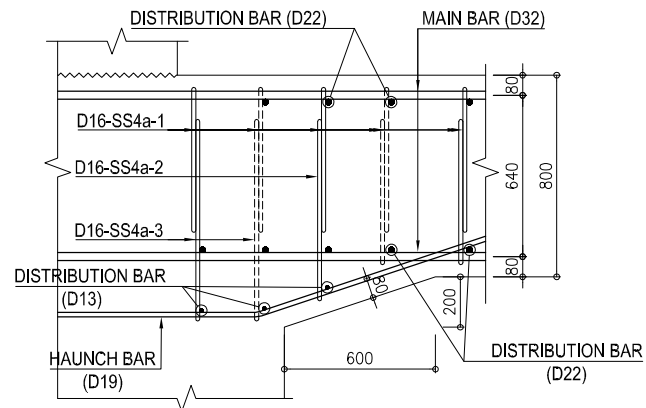
DETAIL OF STIRRUP SS3a (L1B RIGHT SIDE & L1A AXIS)  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS3a ( BÊN PHẢI TRỤC L1B & TRỤC L1A)  
SCALE: 1/30



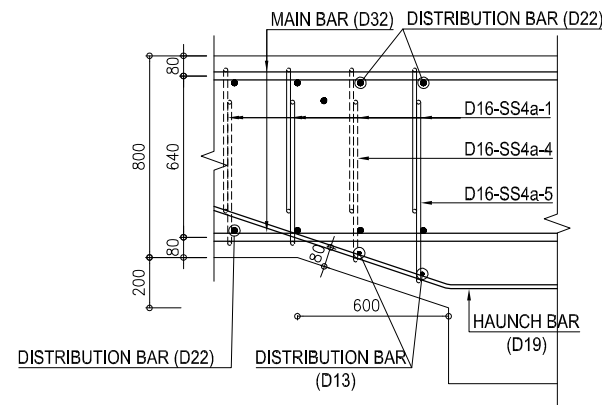
DETAIL OF STIRRUP SS4 (L1B AXIS RIGHT SIDE & L1A AXIS)  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS4 (TRỤC L1B BÊN PHẢI & TRỤC L1A)  
SCALE: 1/30



DETAIL OF STIRRUP SS4a (L1D AXIS)  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS4a (TRỤC L1D)  
SCALE: 1/30



DETAIL OF STIRRUP SS4a (L1B AXIS LEFT SIDE)  
CHI TIẾT THÉP ĐAI SS4a (BÊN TRÁI TRỤC L1B)  
SCALE: 1/30



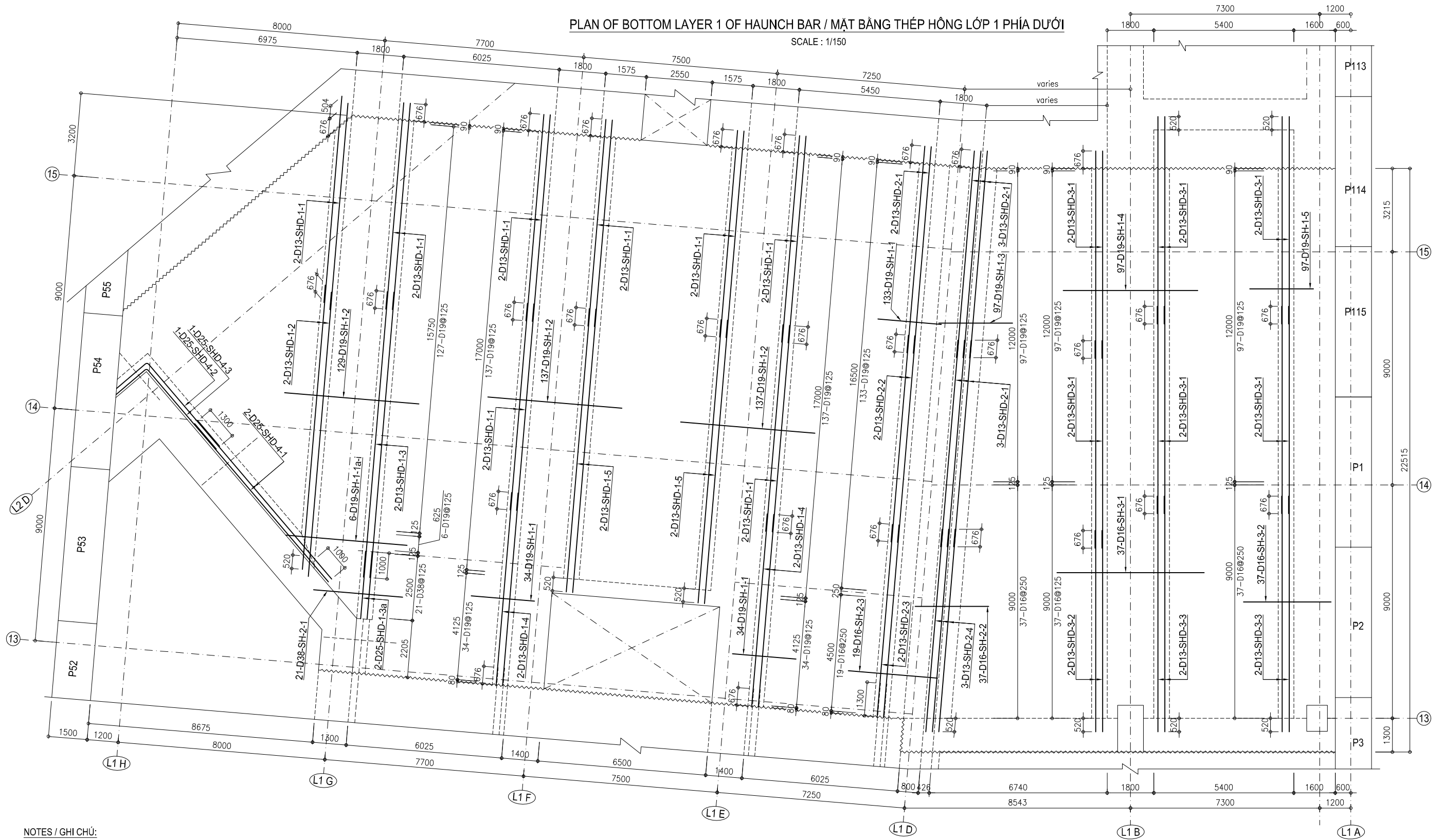
NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - PLAN OF HAUNCH BAR (01/02)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG THÉP HÔNG (01/02)

PLAN OF BOTTOM LAYER 1 OF HAUNCH BAR / MẶT BẰNG THÉP HÔNG LỚP 1 PHÍA DƯỚI

SCALE : 1/150



NOTES / GHI CHÚ:

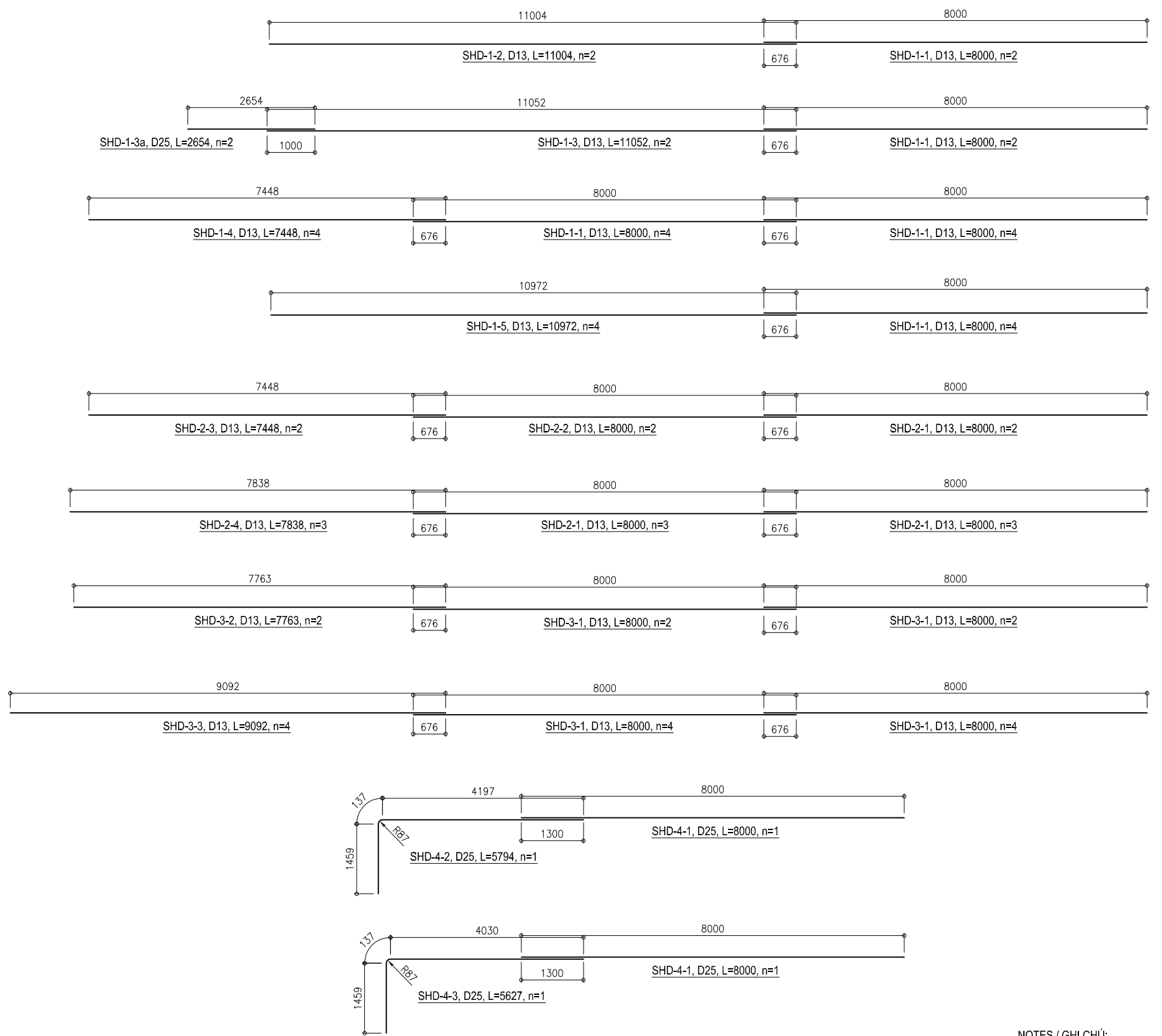
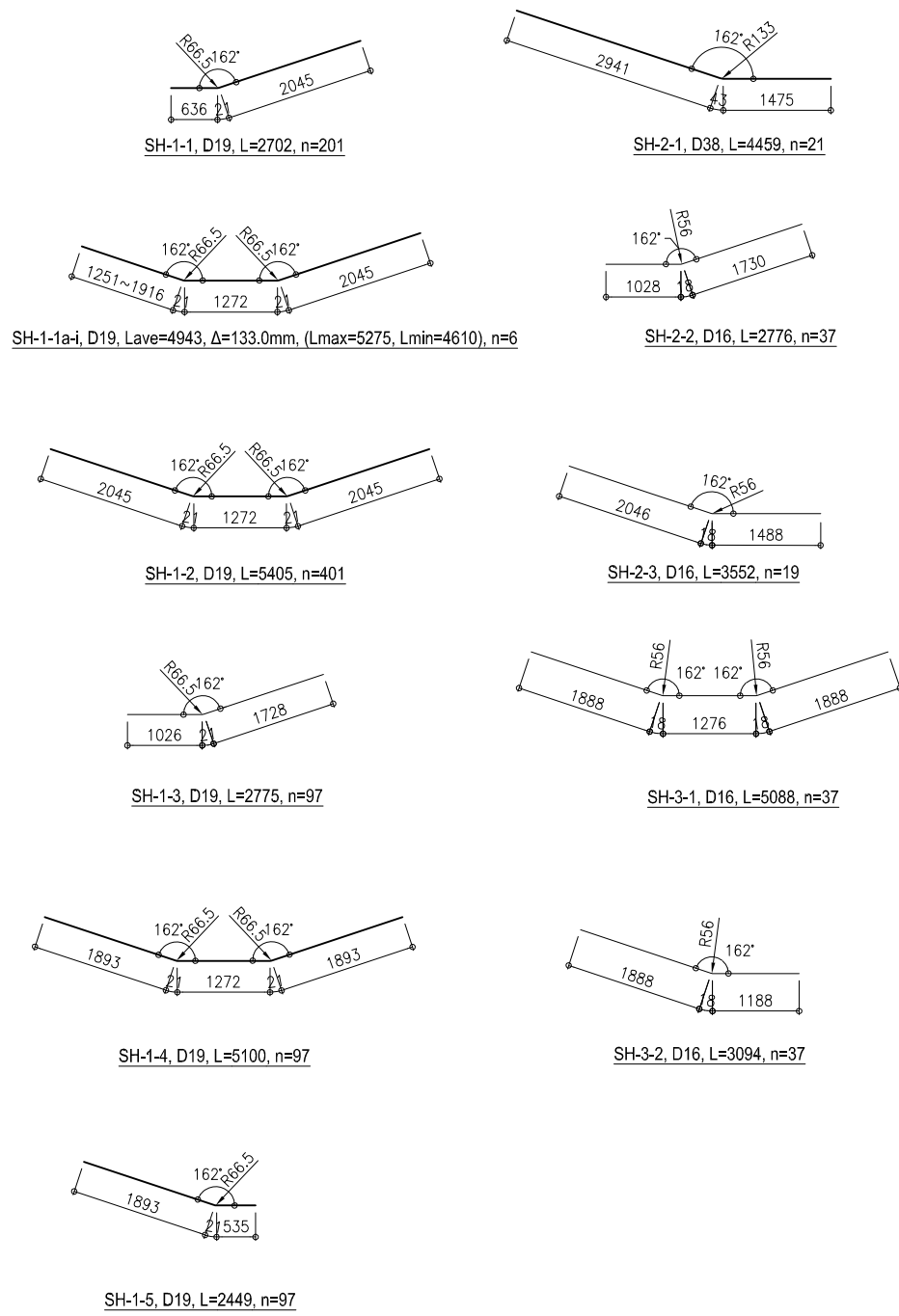
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

# B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - PLAN OF HAUNCH BAR (02/02)

## SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - MẶT BẰNG THÉP HÔNG (02/02)

### REBAR DETAIL OF HAUNCH BAR / CHI TIẾT CỐT THÉP HÔNG

SCALE : 1/100



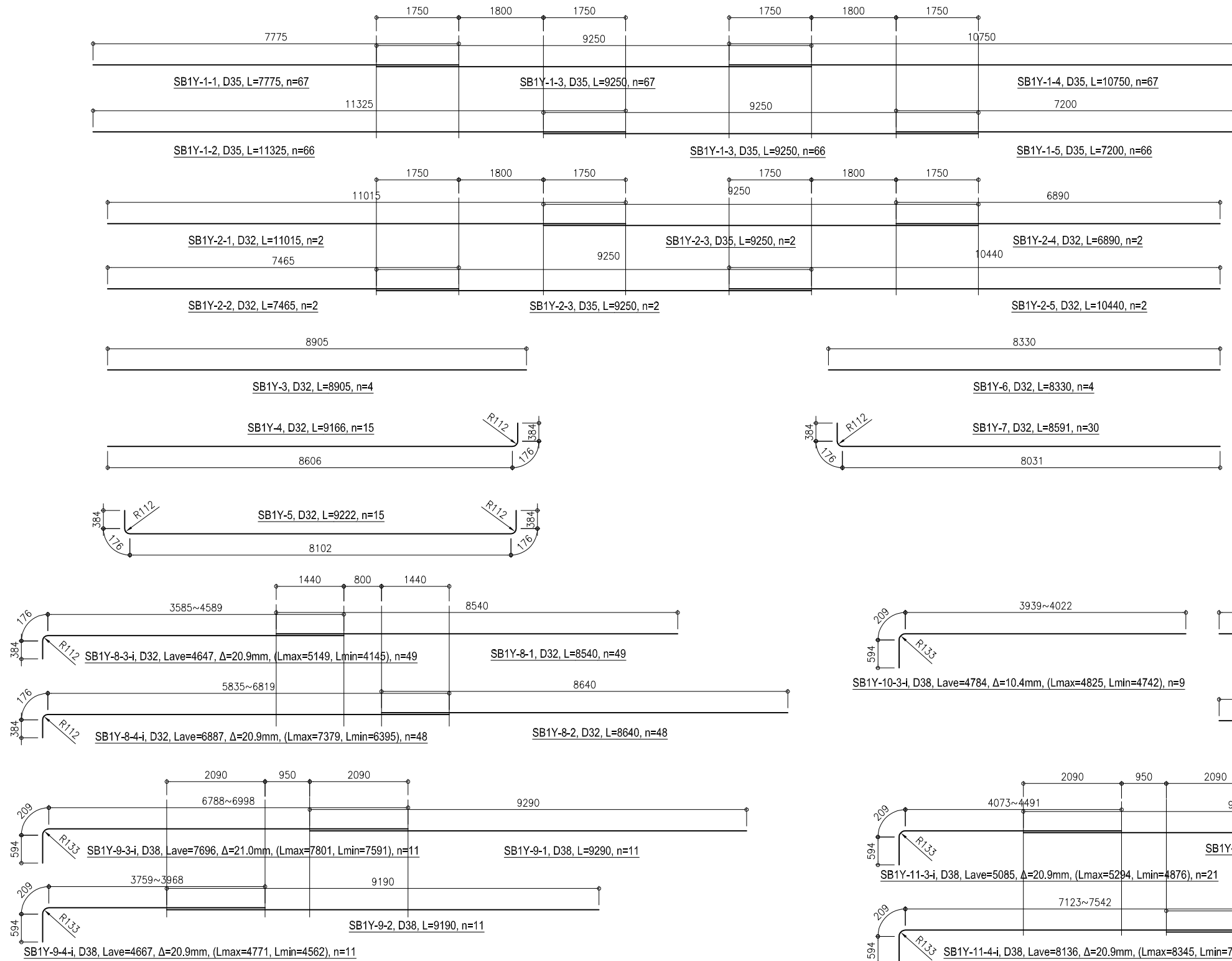
NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (01/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (01/08)

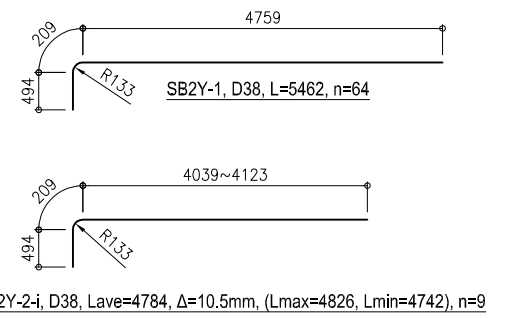
BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - TRANSVERSE / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG NGANG

SCALE: 1/100



BOTTOM LAYER 2 (TRANSVERSE) / LỚP 2 PHÍA DƯỚI (HƯỚNG NGANG)

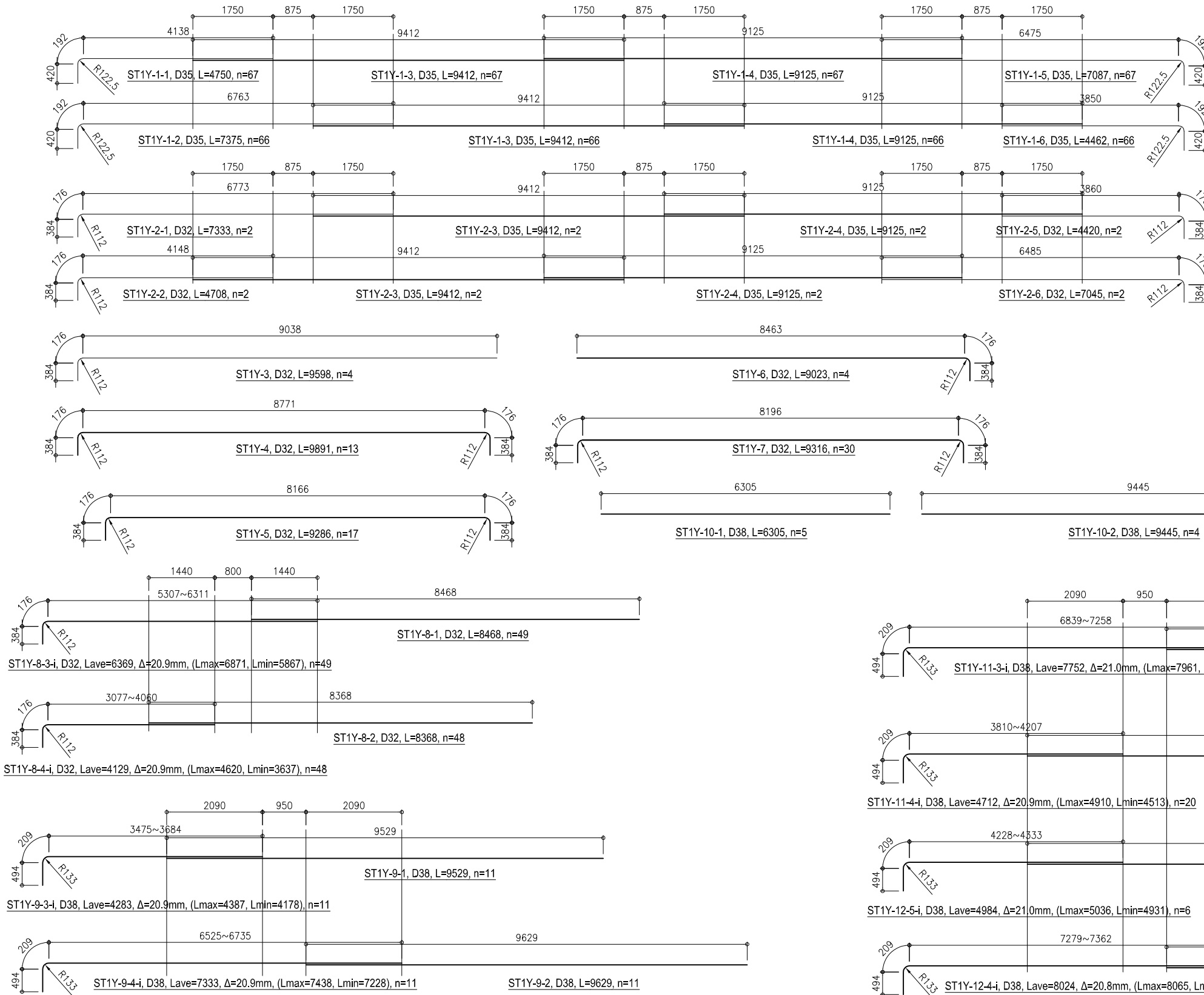
SCALE: 1/100



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (02/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (02/08)

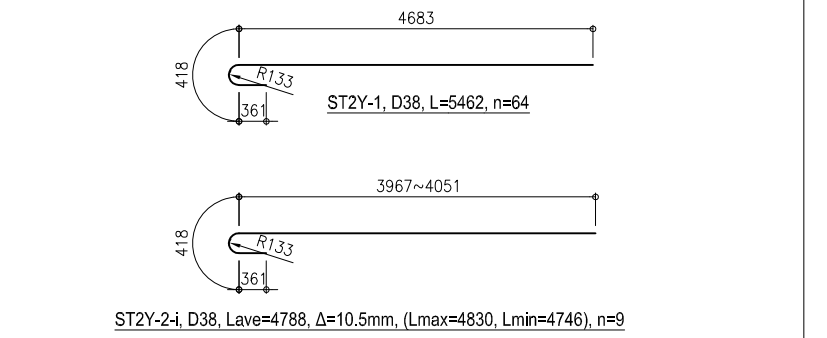
TOP LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - TRANSVERSE / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG NGANG

SCALE: 1/100



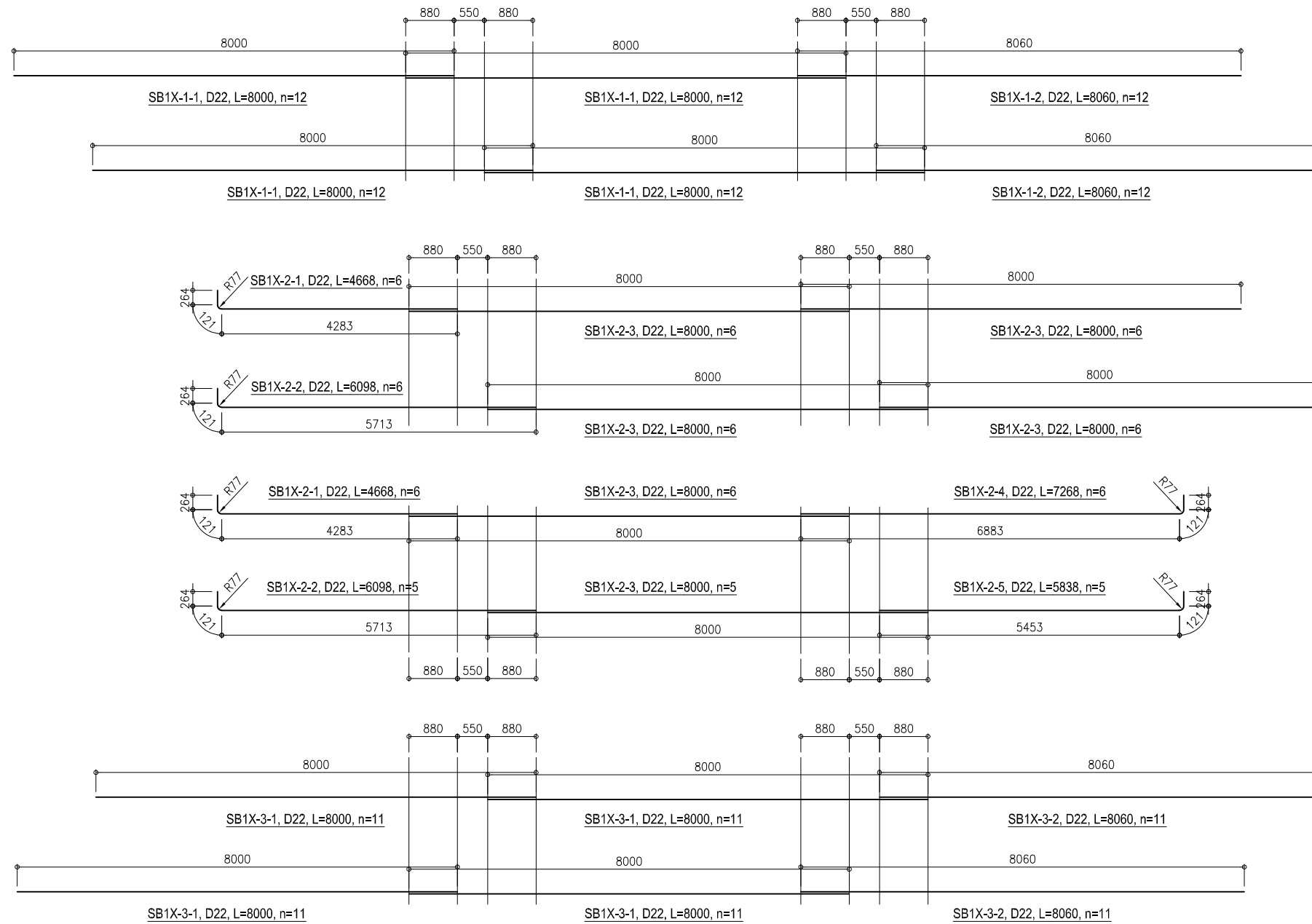
TOP LAYER 2 (TRANSVERSE) / LỚP 2 PHÍA TRÊN (HƯỚNG NGANG)

SCALE: 1/100



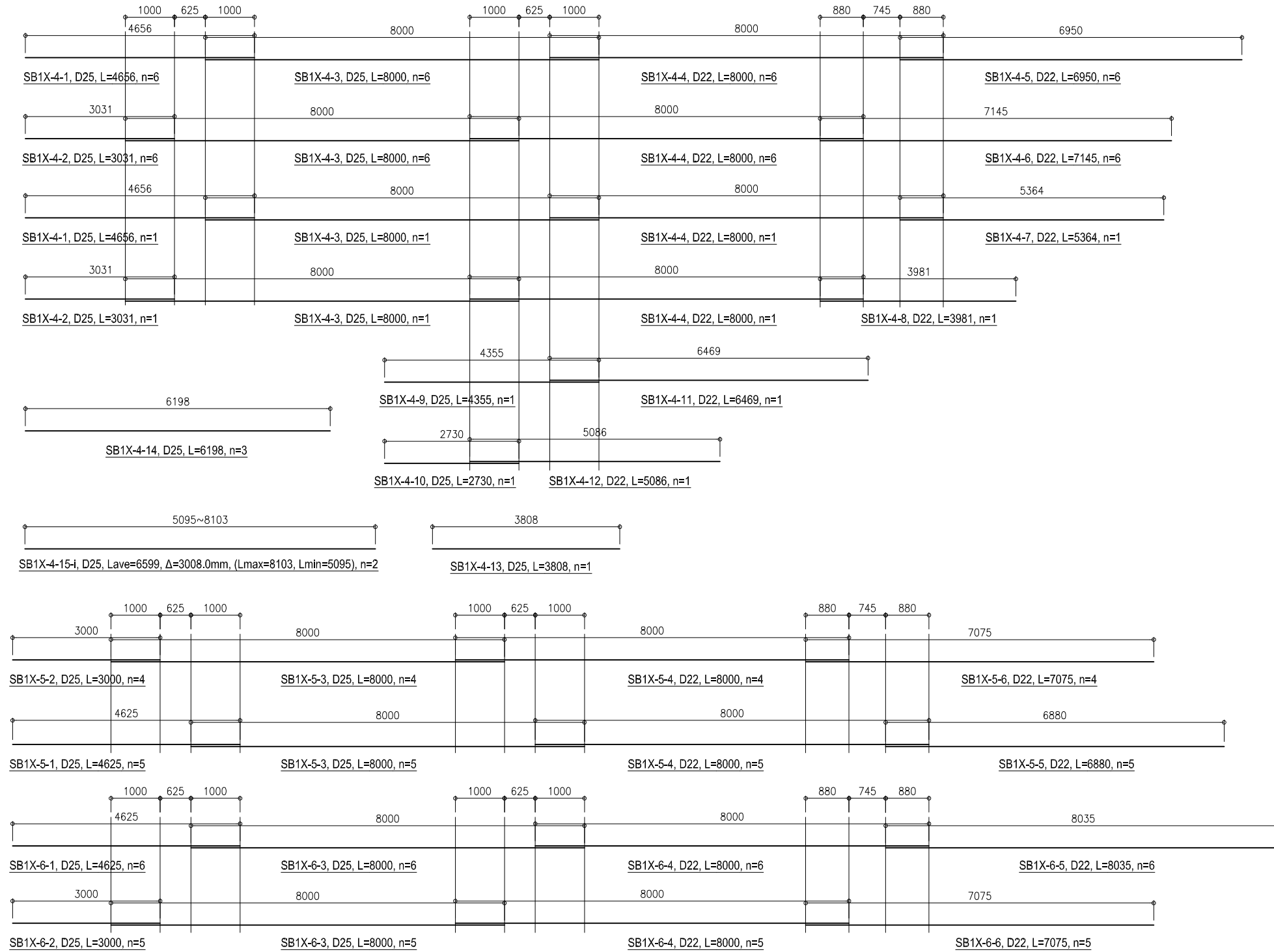
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (03/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (03/08)

BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC
 SCALE: 1/100



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (04/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (04/08)

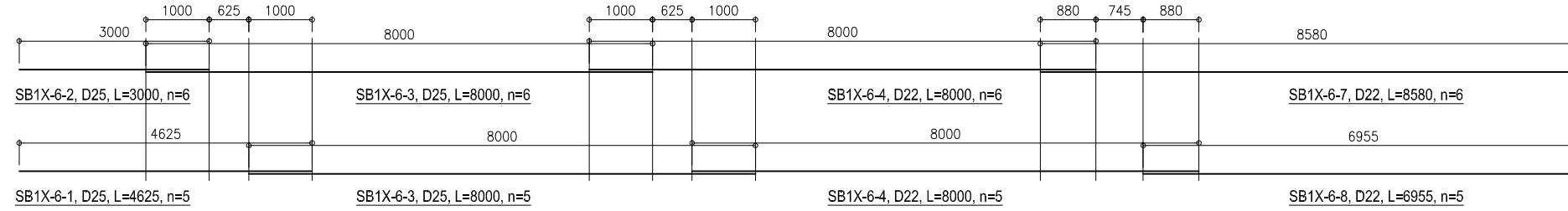
BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC
 SCALE: 1/100



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (05/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (05/08)

BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC

SCALE: 1/100



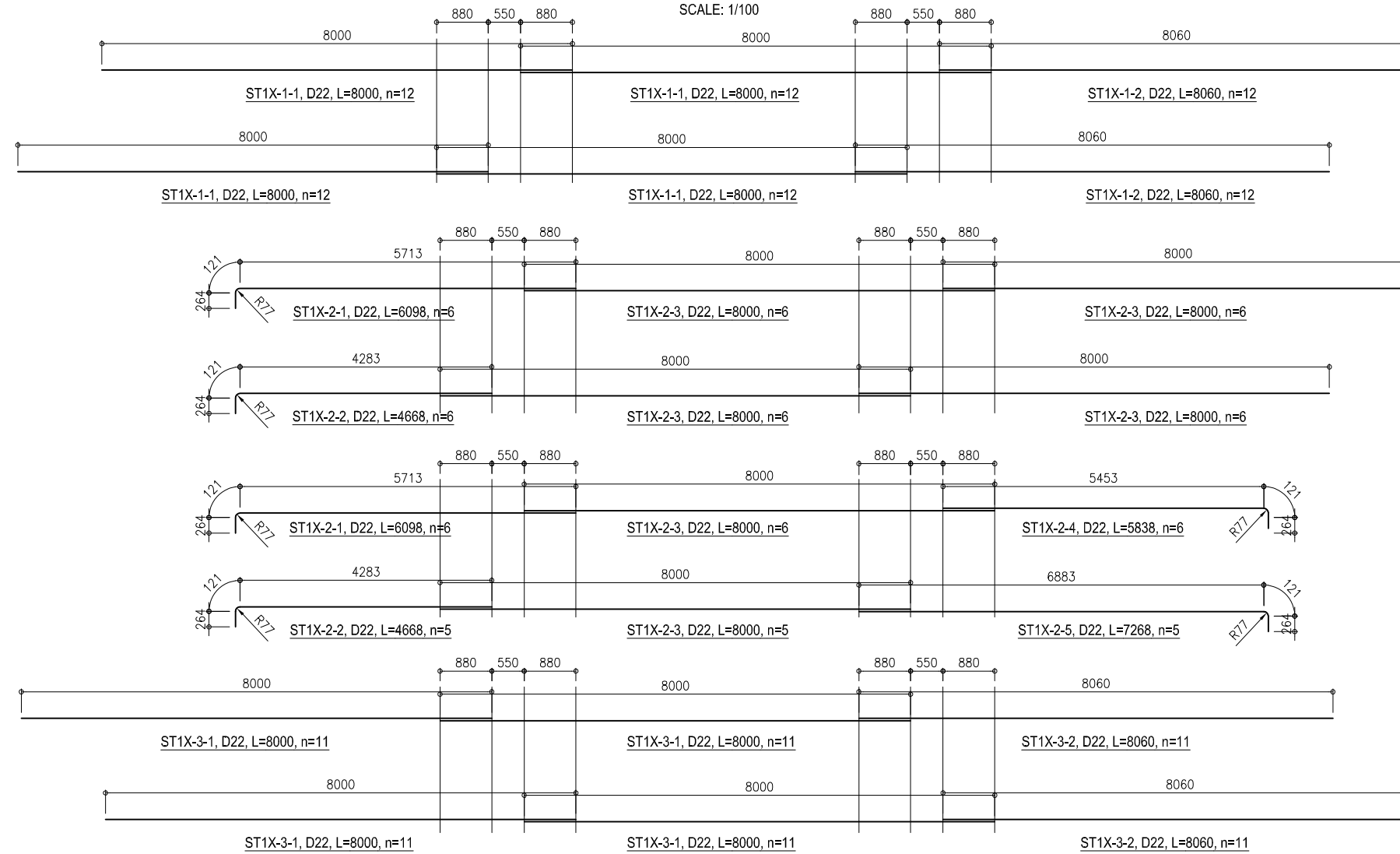
BOTTOM LAYER 2 (LONGITUDIAL) / LỚP 2 PHÍA DƯỚI (HƯỚNG DỌC)

SCALE: 1/100



TOP LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC

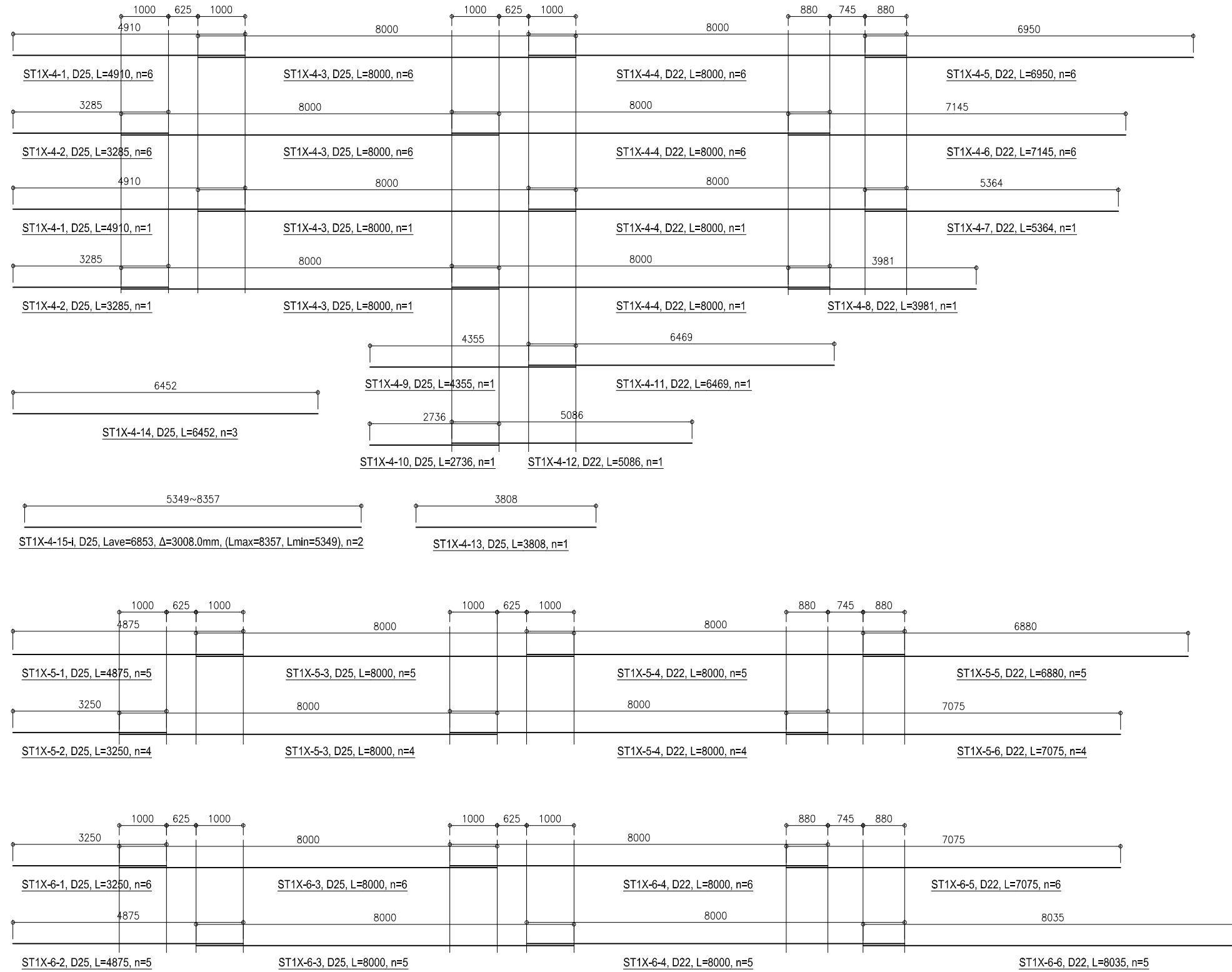
SCALE: 1/100



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (06/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (06/08)

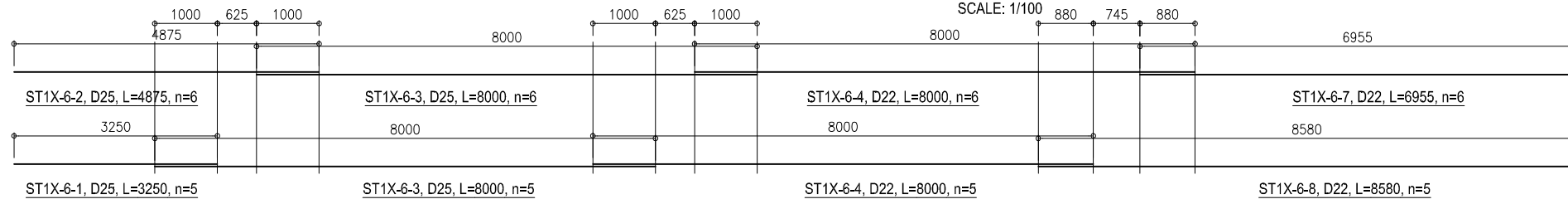
TOP LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC

SCALE: 1/100

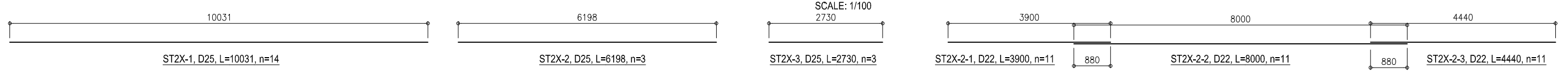


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (07/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (07/08)

TOP LAYER 1 (AXIS L1A ~ L1G) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1A ~ L1G) - HƯỚNG DỌC

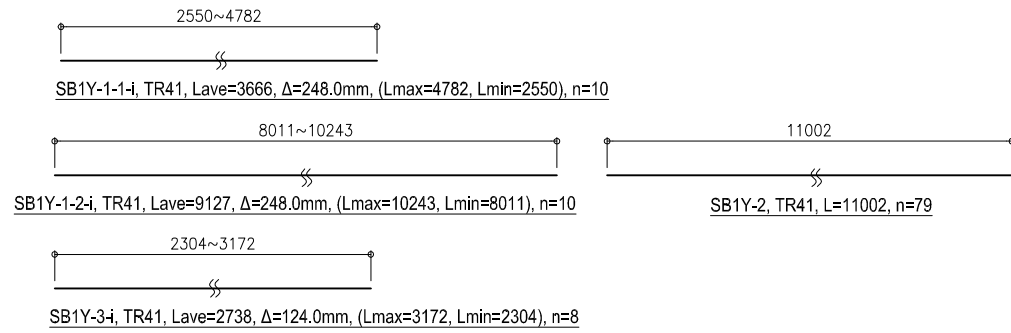


TOP LAYER 2 (LONGITUDIAL) / LỚP 2 PHÍA TRÊN (HƯỚNG DỌC)



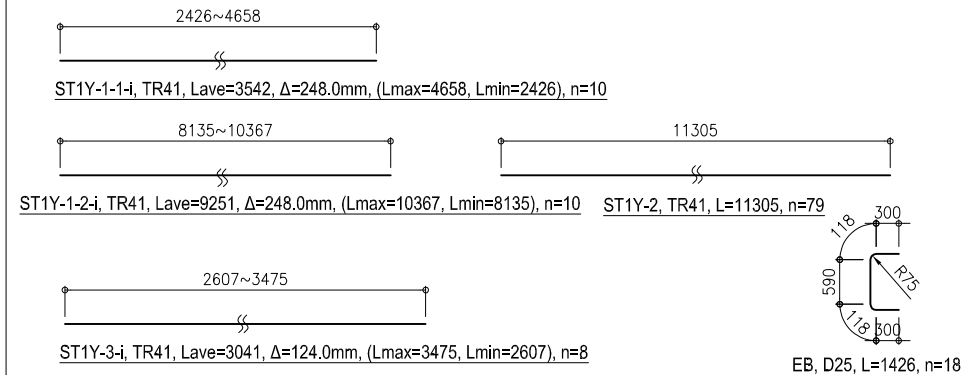
**BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - TRANSVERSE
 LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1G ~ L1H) - HƯỚNG NGANG**

SCALE: 1/100



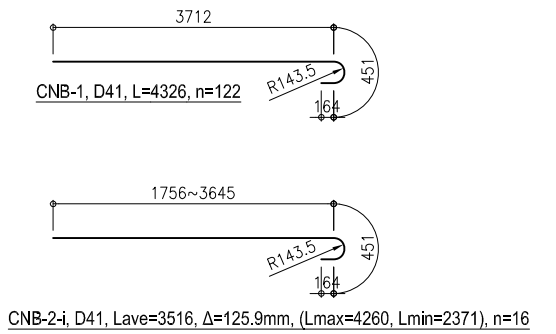
**TOP LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - TRANSVERSE
 LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1G ~ L1H) - HƯỚNG NGANG**

SCALE: 1/100



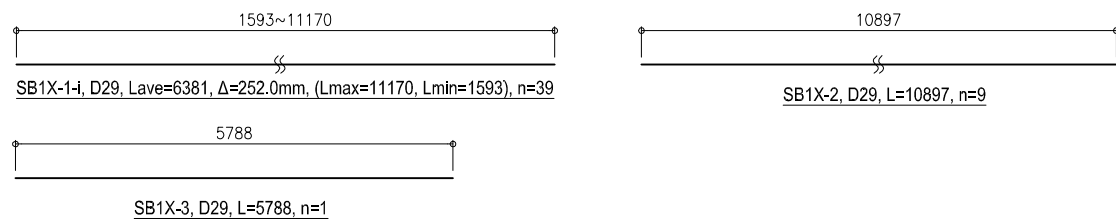
CONNECT REBAR BOTTOM LAYER / THÉP KẾT NỐI LỚP PHÍA DƯỚI

SCALE: 1/100



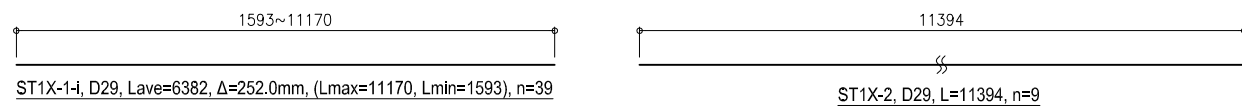
BOTTOM LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA DƯỚI (TRỤC L1G ~ L1H) - HƯỚNG DỌC

SCALE: 1/100



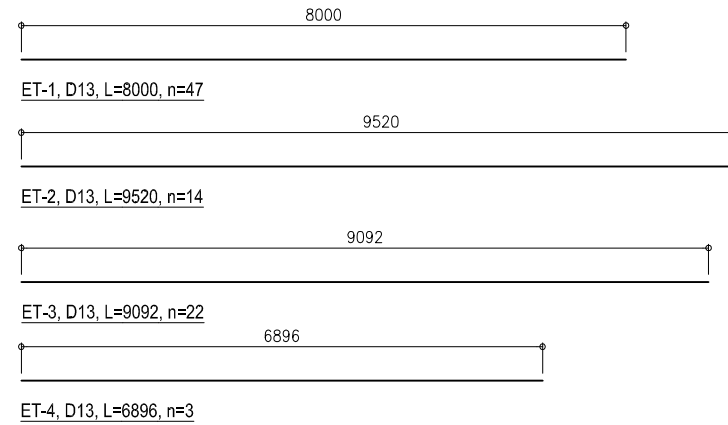
TOP LAYER 1 (AXIS L1G ~ L1H) - LONGITUDIAL / LỚP 1 PHÍA TRÊN (TRỤC L1G ~ L1H) - HƯỚNG DỌC

SCALE: 1/100



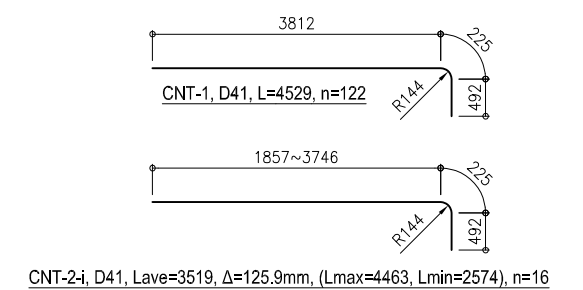
ADDITIONAL REBAR / THÉP BỔ SUNG

SCALE: 1/100



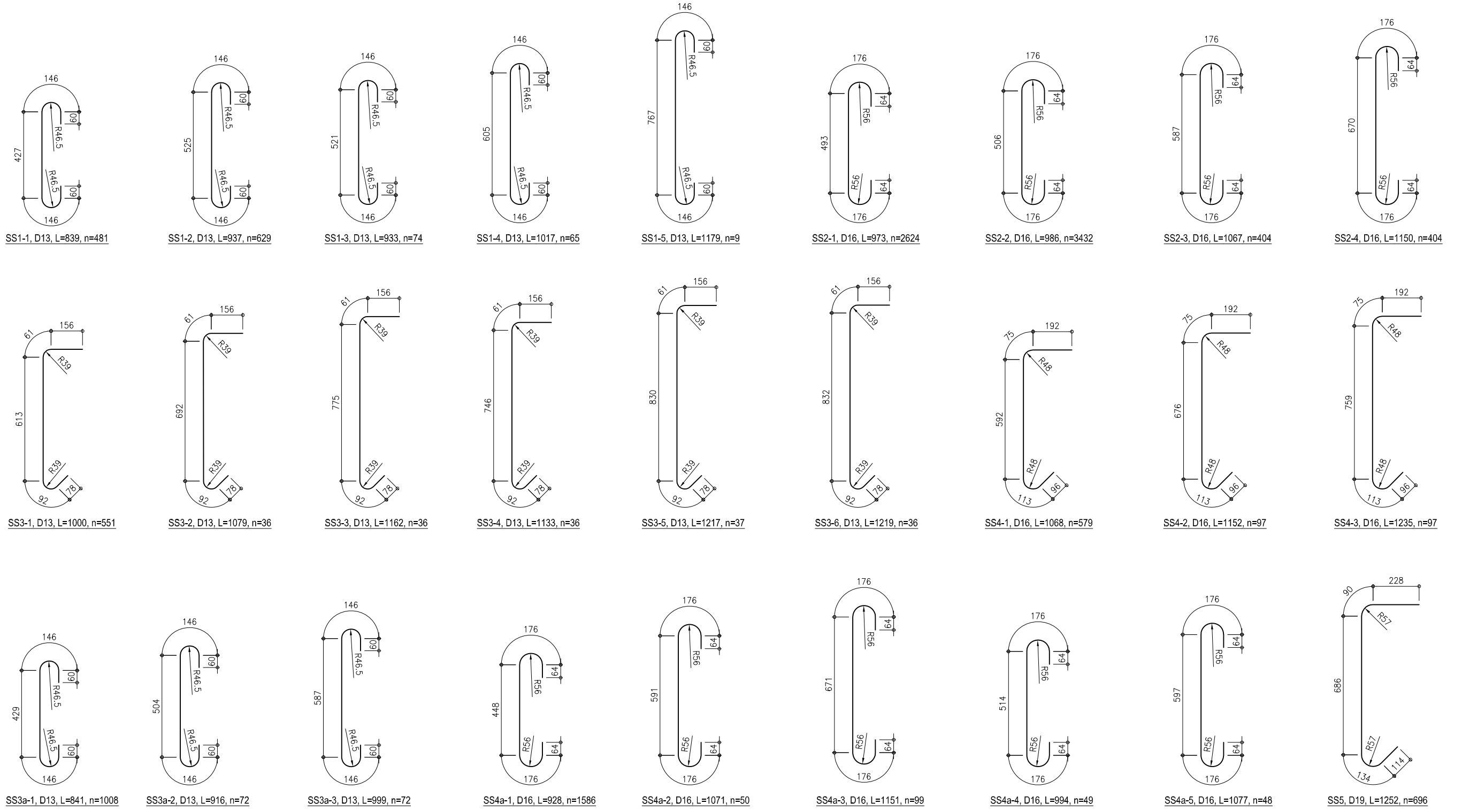
CONNECT REBAR TOP LAYER / THÉP KẾT NỐI LỚP PHÍA TRÊN

SCALE: 1/100



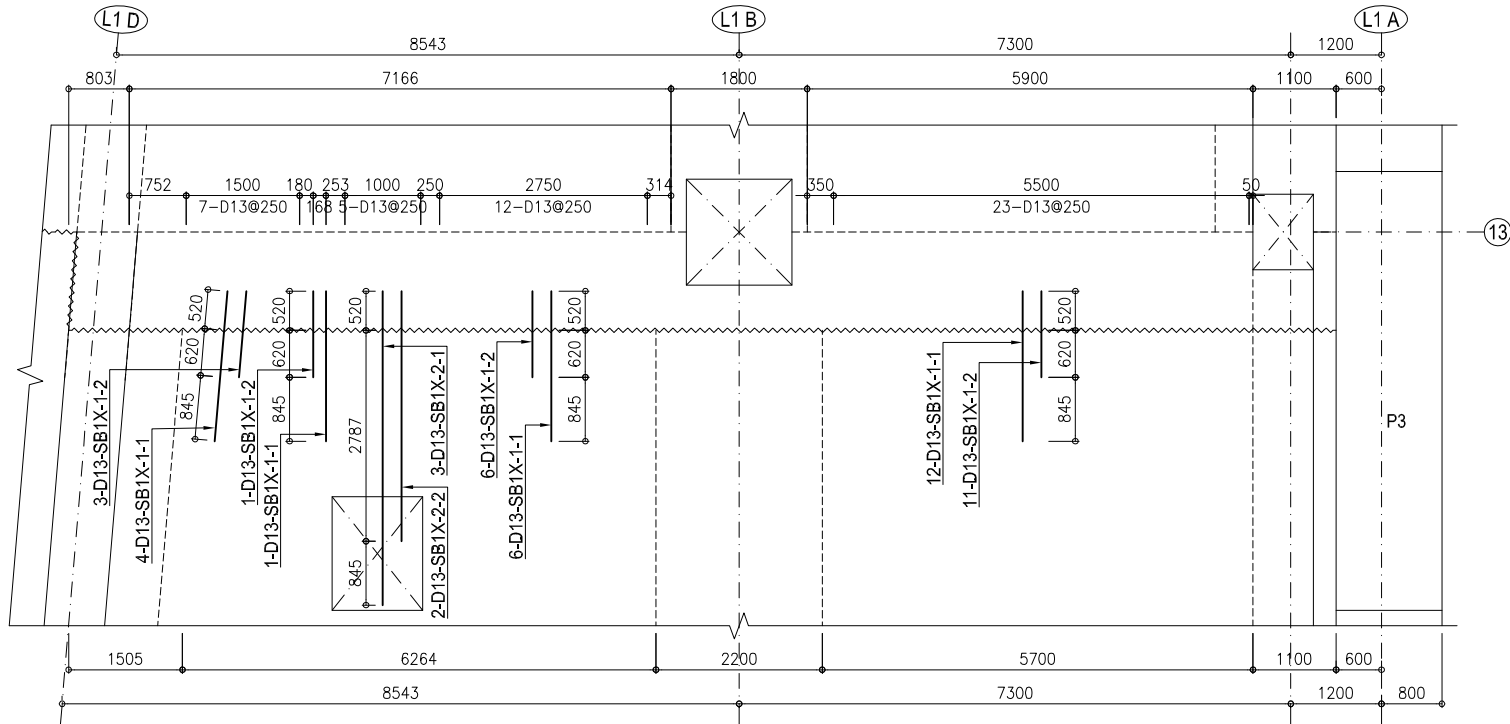
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL FOR SLAB (08/08)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỐT THÉP CHO SÀN (08/08)

STIRRUP DETAIL OF SLAB / THÉP ĐAI SÀN
 SCALE : 1/20

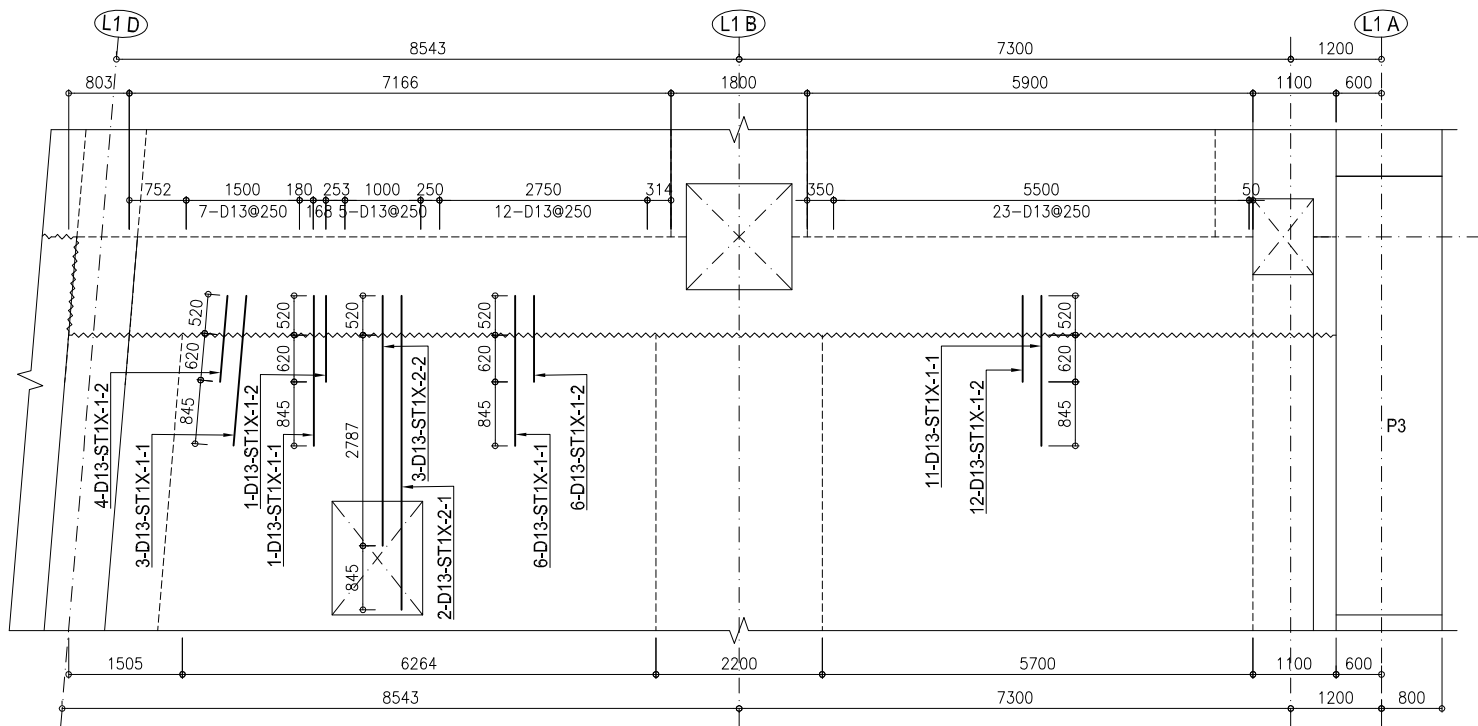


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR DOUBLE SLAB & MIDDLE WALL UNDER DOUBLE SLAB BLOCK B2H
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - THÉP CHỜ SÀN ĐÔI & TƯỜNG GIỮA PHÍA DƯỚI SÀN ĐÔI KHỐI B2H

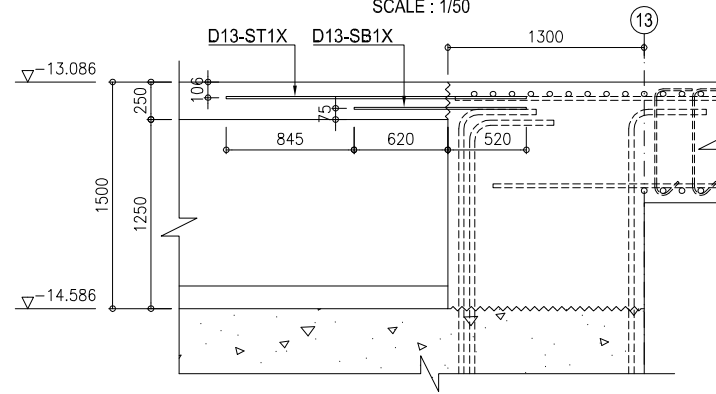
BOTTOM LAYER / LỚP PHÍA DƯỚI
SCALE : 1/100



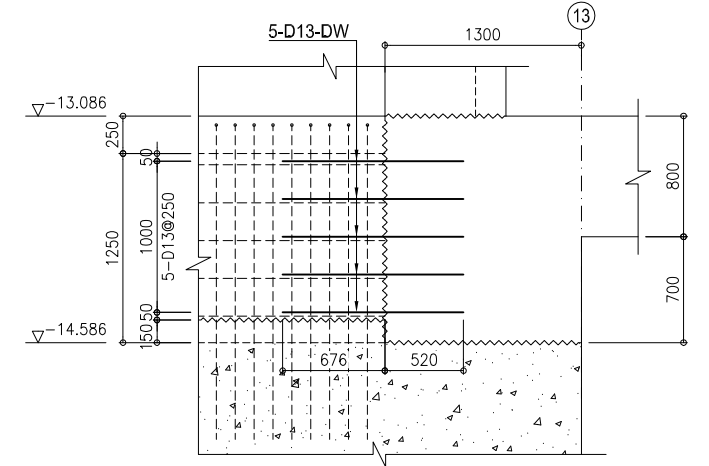
TOP LAYER / LỚP PHÍA TRÊN
SCALE : 1/100



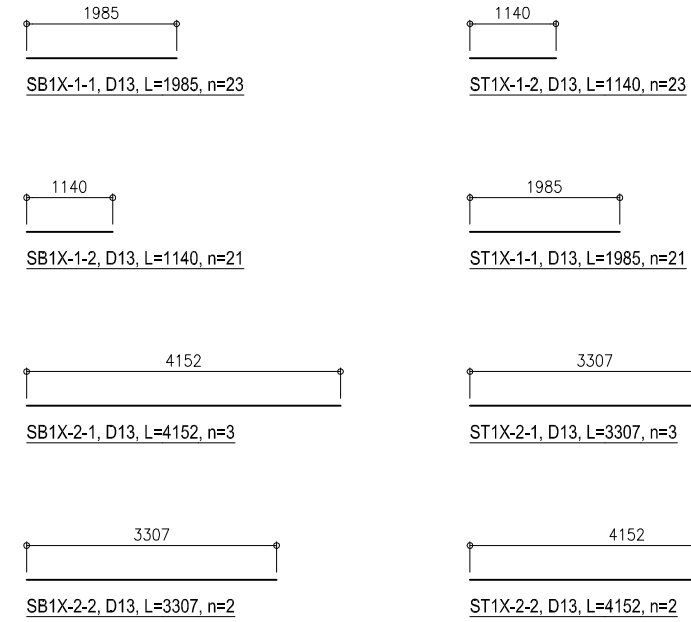
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
SCALE : 1/50



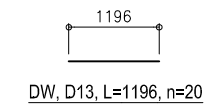
SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2
SCALE : 1/50



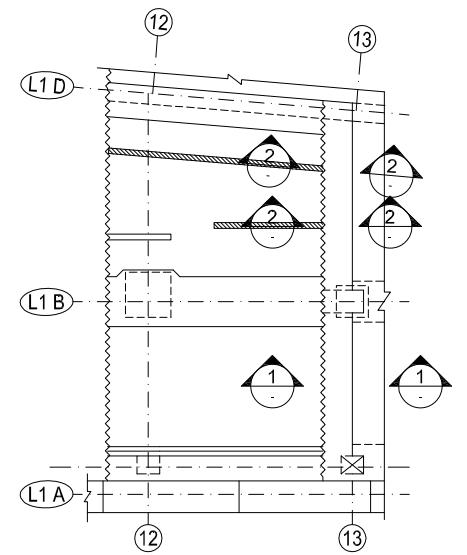
STARTER BAR FOR DOUBLE SLAB / THÉP CHỜ SÀN ĐÔI
SCALE : 1/100



STARTER BAR FOR MIDDLE WALL UNDER DOUBLE SLAB / THÉP CHỜ TƯỜNG GIỮA PHÍA DƯỚI SÀN ĐÔI
SCALE : 1/100



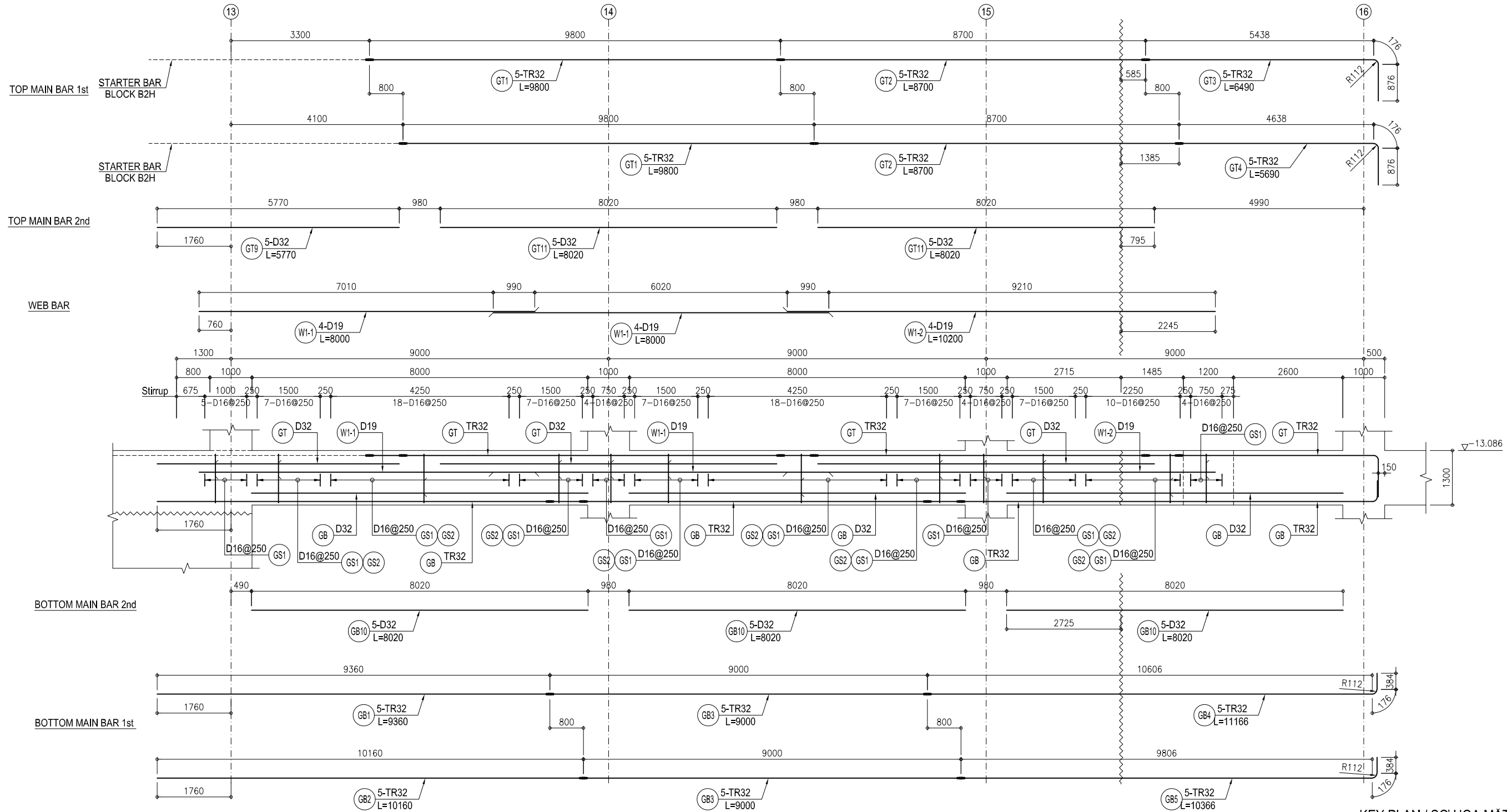
KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



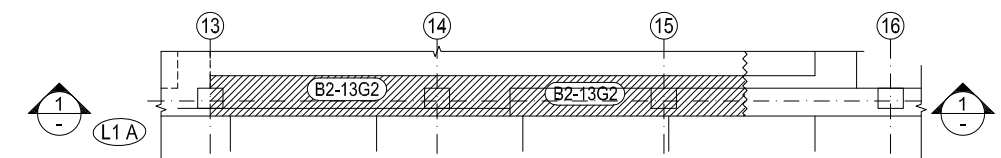
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công.

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1A (01/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1A (01/05)**

LONGITUDINAL SECTION (1-1) / MẶT CẮT DỌC (1-1)  
 SCALE: 1/100



KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG

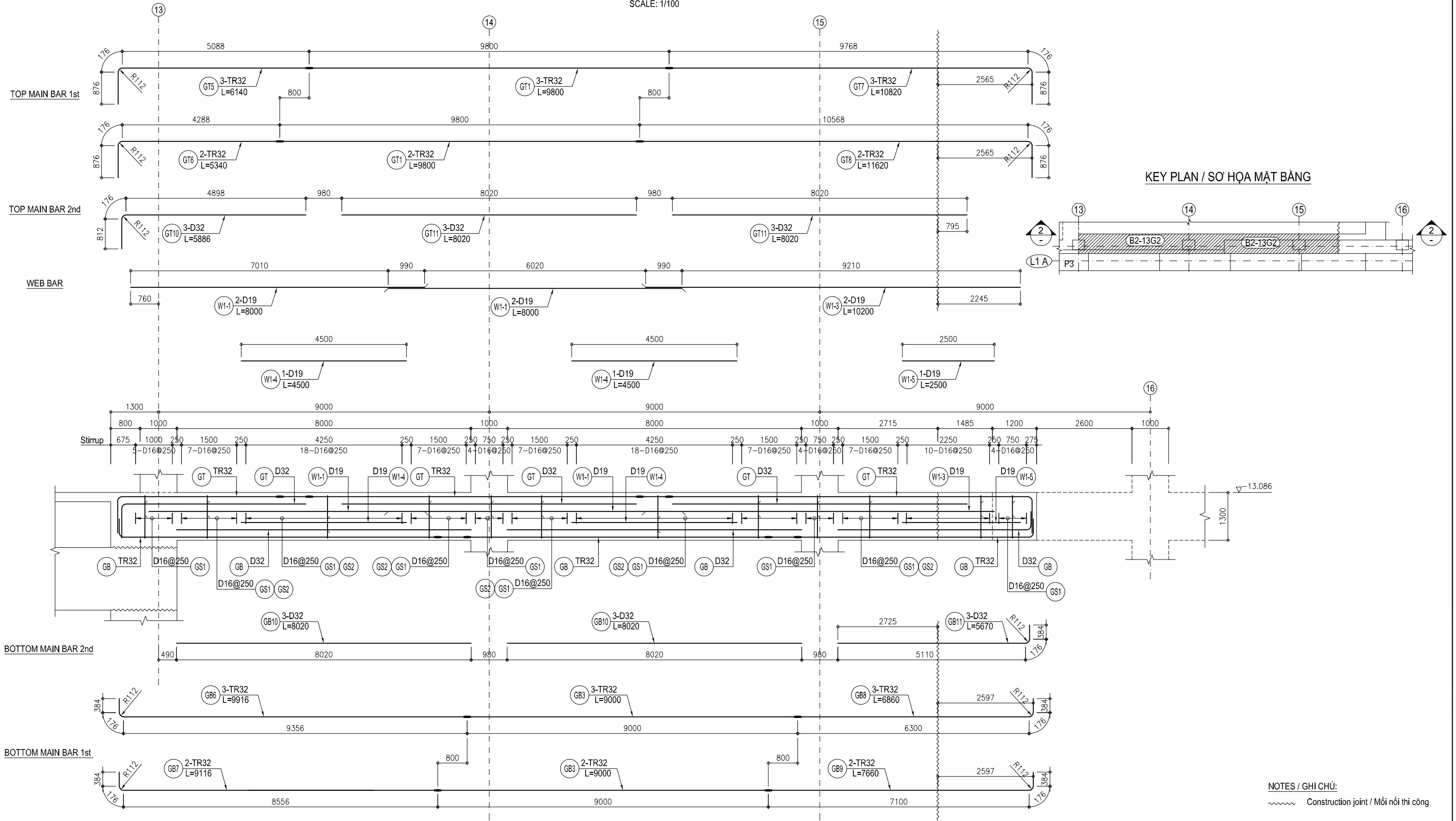


NOTES / GHI CHÚ:  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1A (02/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1A (02/05)

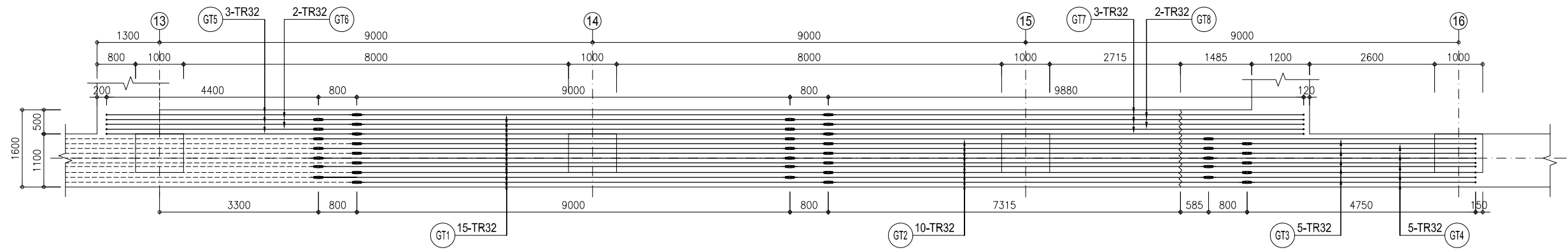
LONGITUDINAL SECTION (2-2) / MẶT CẮT DỌC (2-2)

SCALE: 1/100

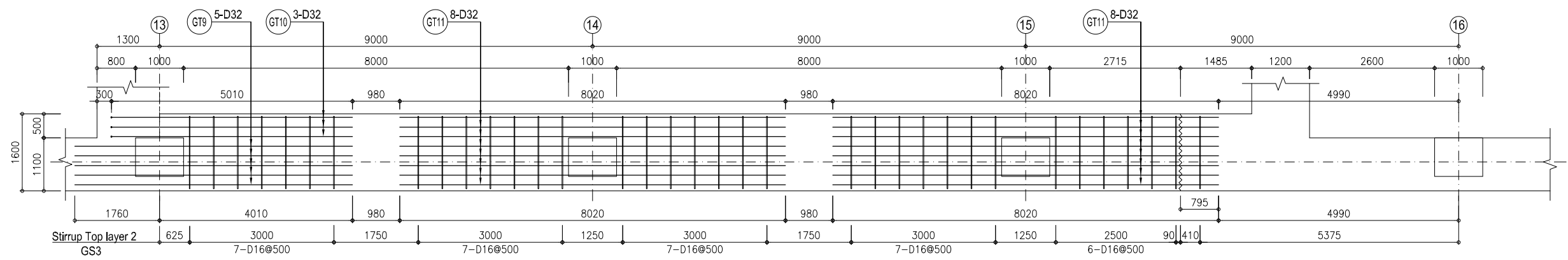


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1A (03/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1A (03/05)

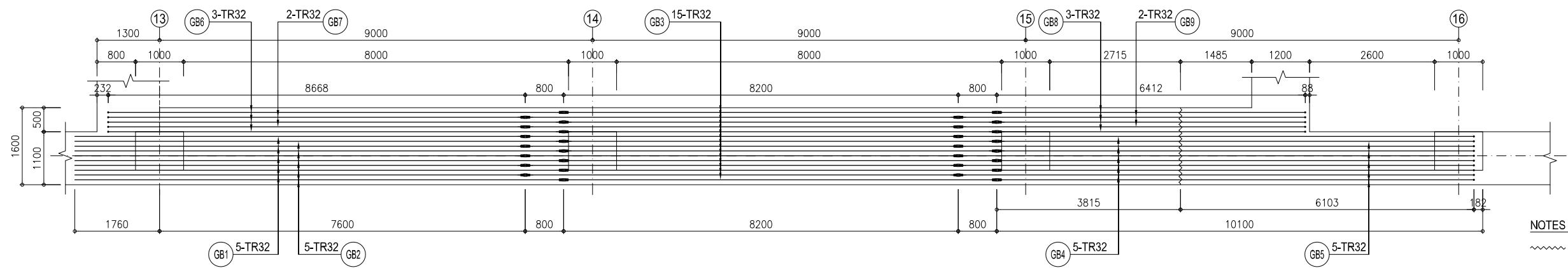
TOP LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA TRÊN
 SCALE: 1/100



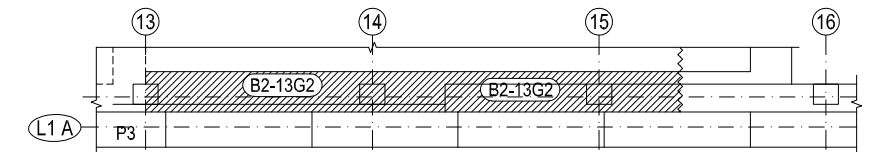
TOP LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA TRÊN
 SCALE: 1/100



BOTTOM LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA DƯỚI
 SCALE: 1/100



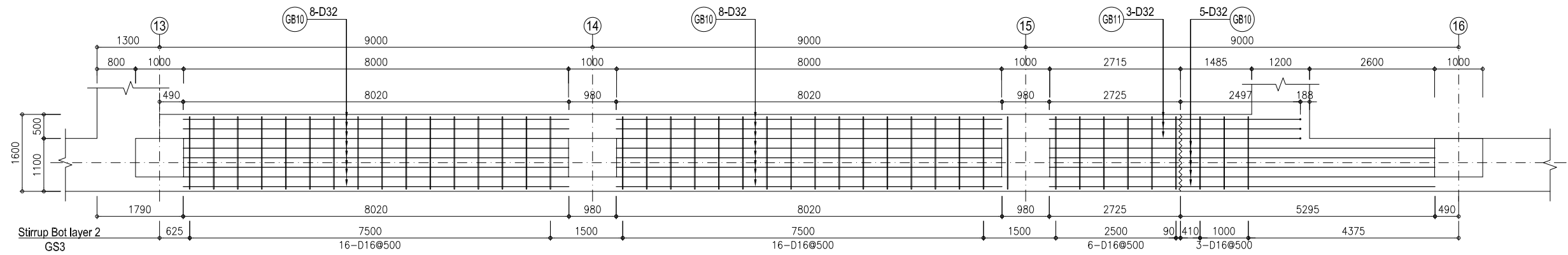
KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



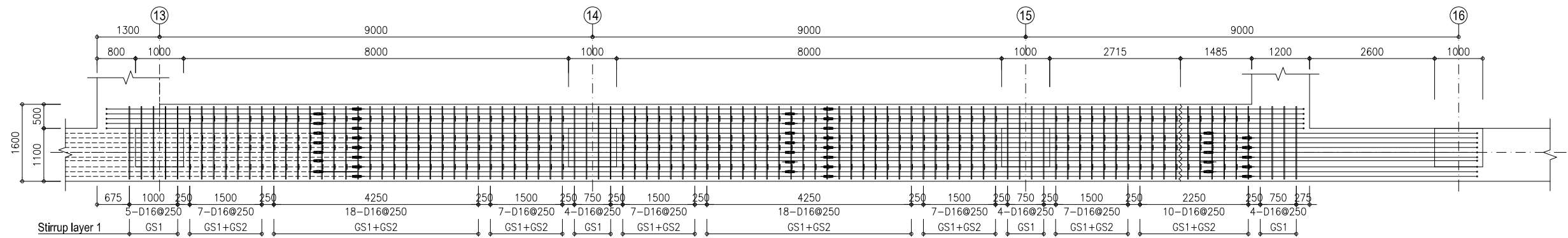
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1A (04/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1A (04/05)**

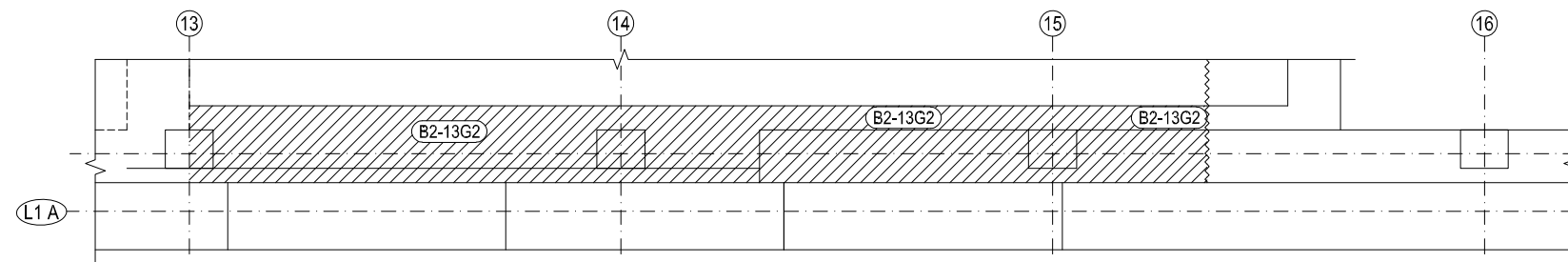
**BOTTOM LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA DƯỚI**  
 SCALE: 1/100



**STIRRUP PLAN VIEW / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI**  
 SCALE: 1/100



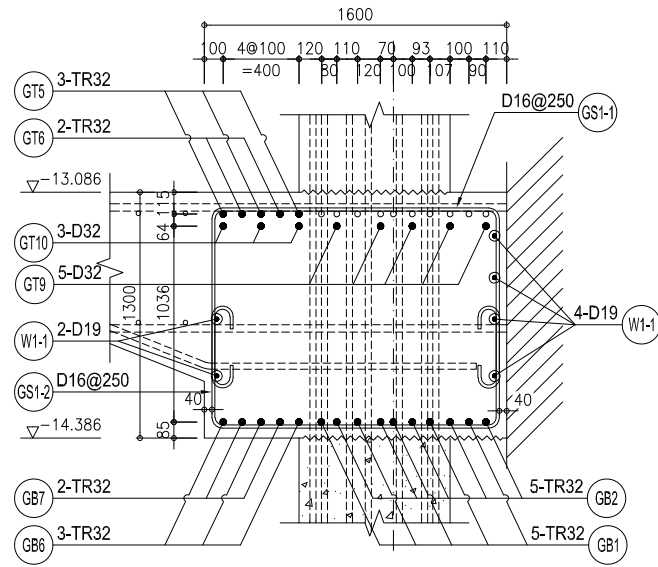
**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**



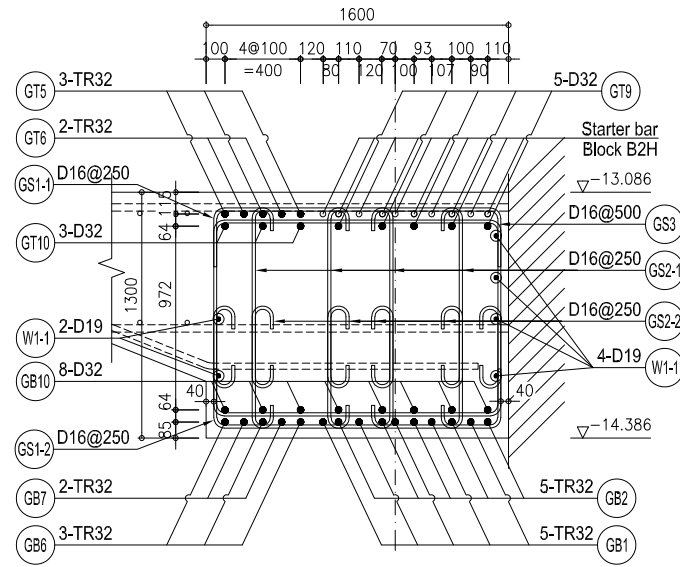
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1A (05/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1A (05/05)

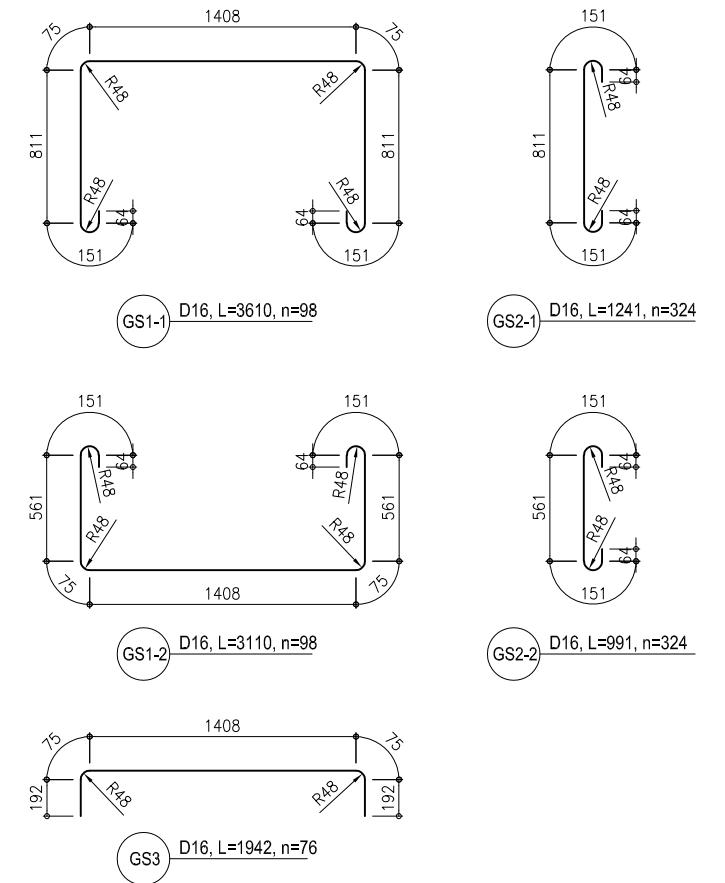
SECTION A-A - SUPPORT / MẶT CẮT A-A - BIÊN
SCALE: 1/40



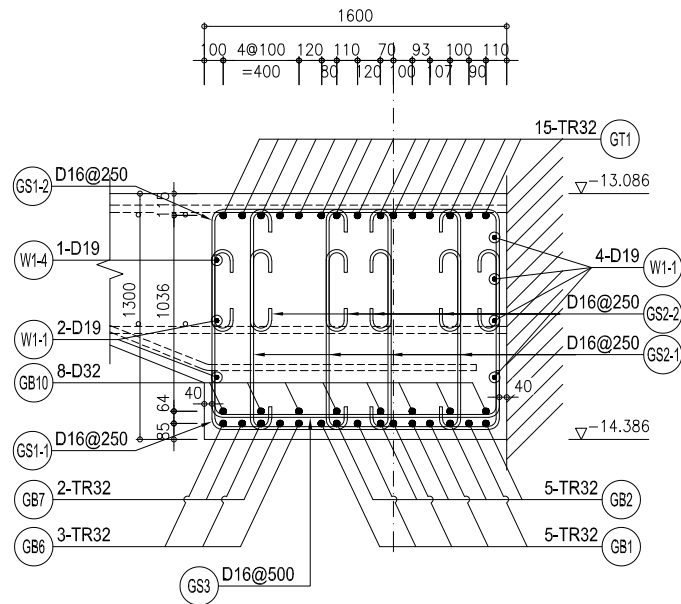
SECTION B-B - SUPPORT / MẶT CẮT B-B - BIÊN
SCALE: 1/40



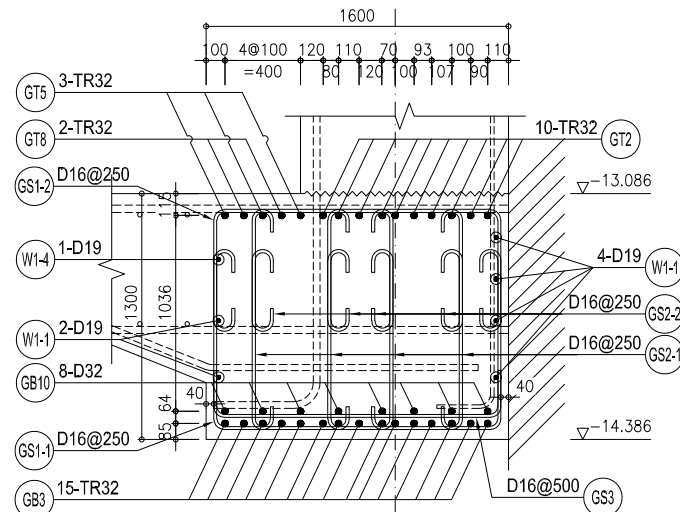
REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP
SCALE: 1/40



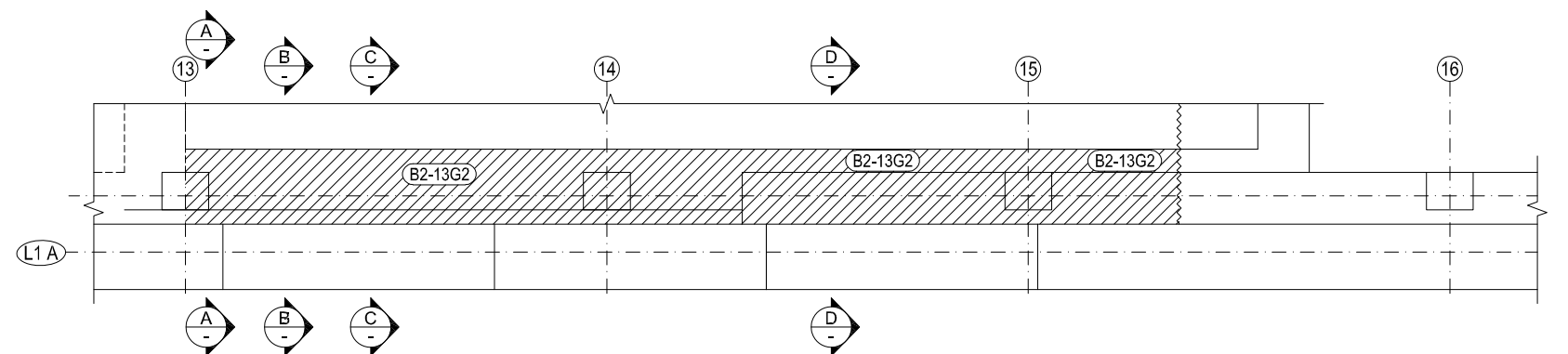
SECTION C-C - CENTER / MẶT CẮT C-C - GIỮA
SCALE: 1/40



SECTION D-D - CENTER / MẶT CẮT D-D - GIỮA
SCALE: 1/40



KEY PLAN / SƠ HOẠ MẶT BẰNG



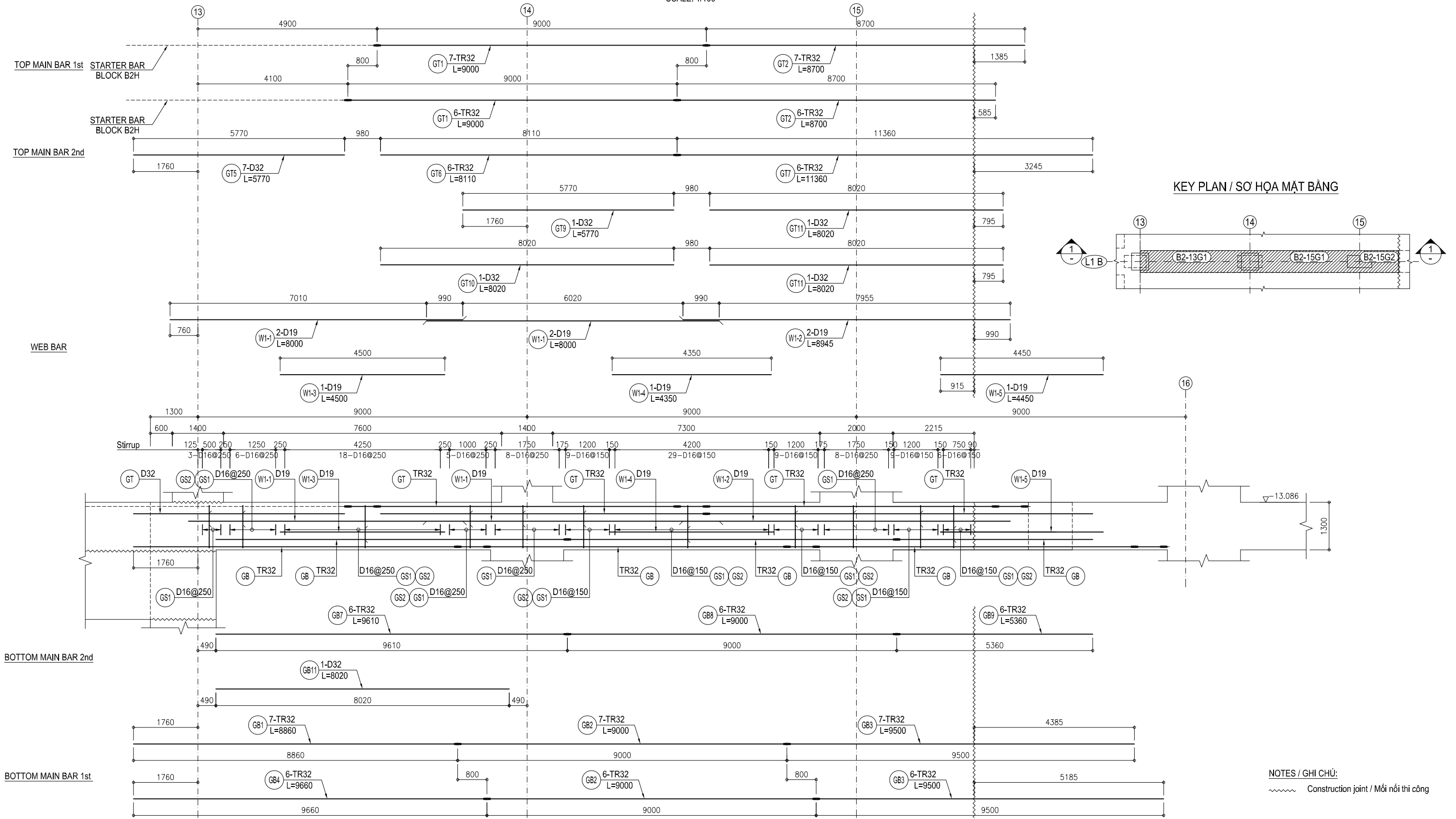
NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1B (01/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1B (01/05)**

LONGITUDINAL SECTION (1-1) / MẶT CẮT DỌC (1-1)

SCALE: 1/100

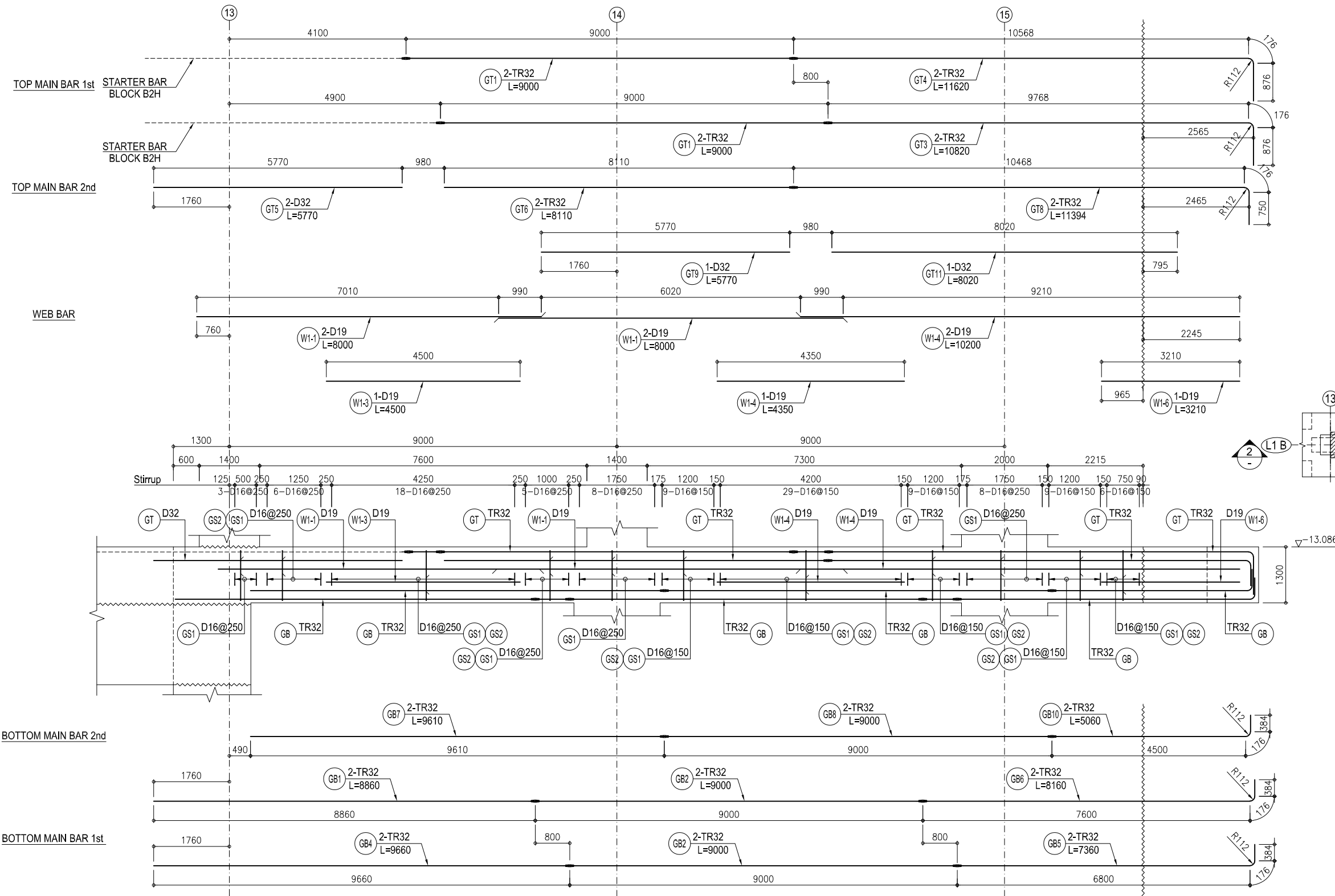


**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1B (02/05)**

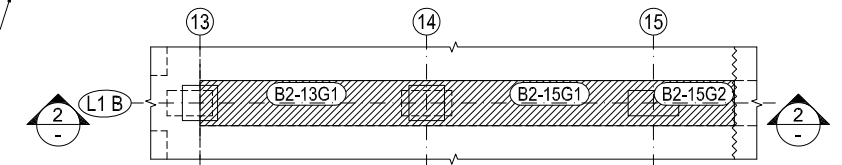
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1B (02/05)**

**LONGITUDINAL SECTION (2-2) / MẶT CẮT DỌC (2-2)**

SCALE: 1/100



**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**

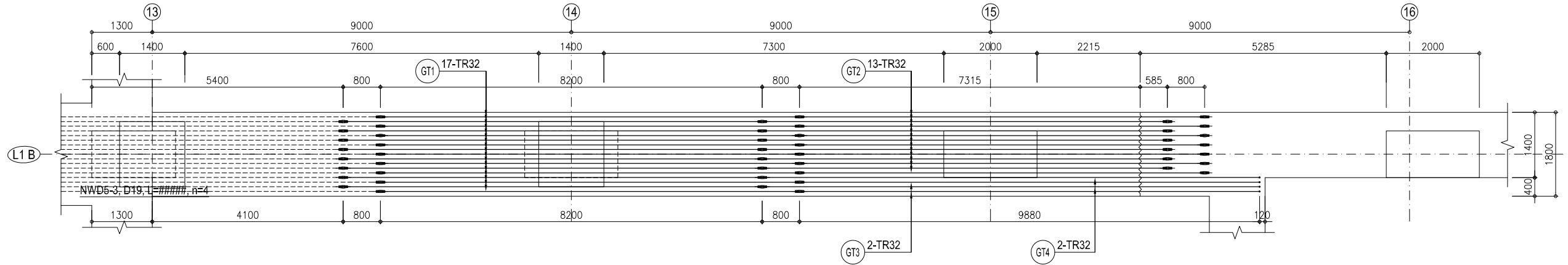


**NOTES / GHI CHÚ:**

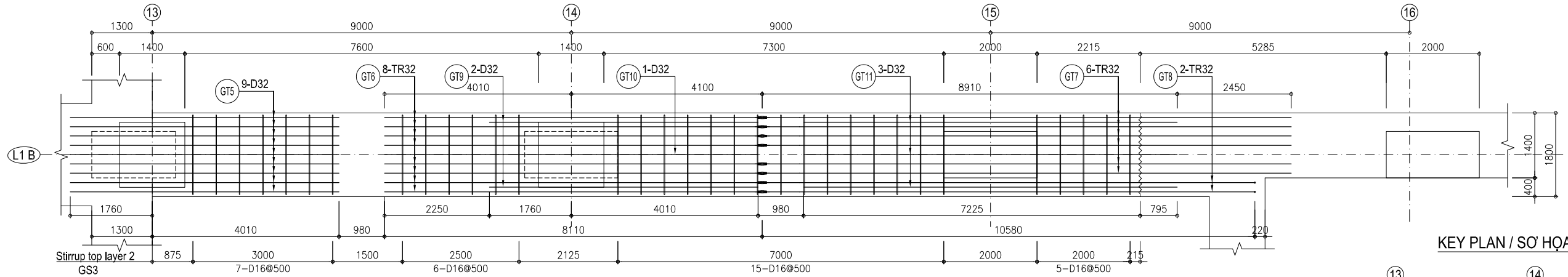
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1B (03/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1B (03/05)

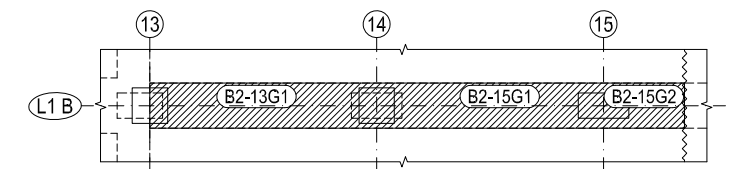
TOP LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA TRÊN
 SCALE: 1/100



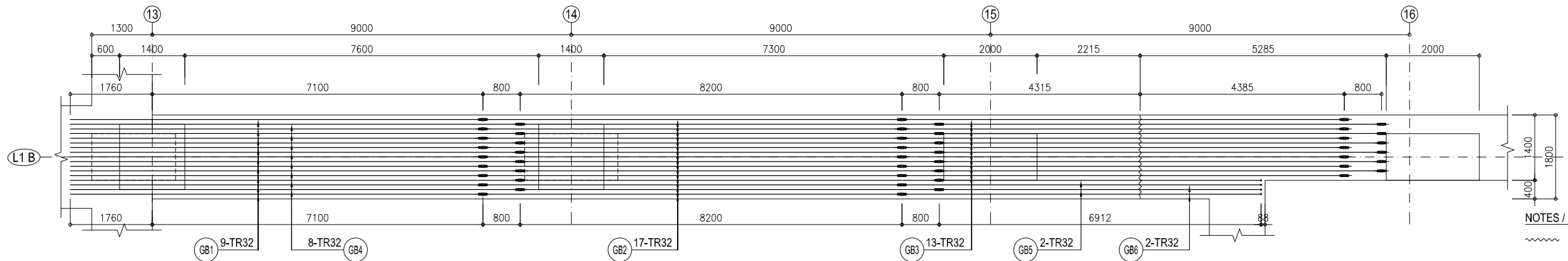
TOP LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA TRÊN
 SCALE: 1/100



KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



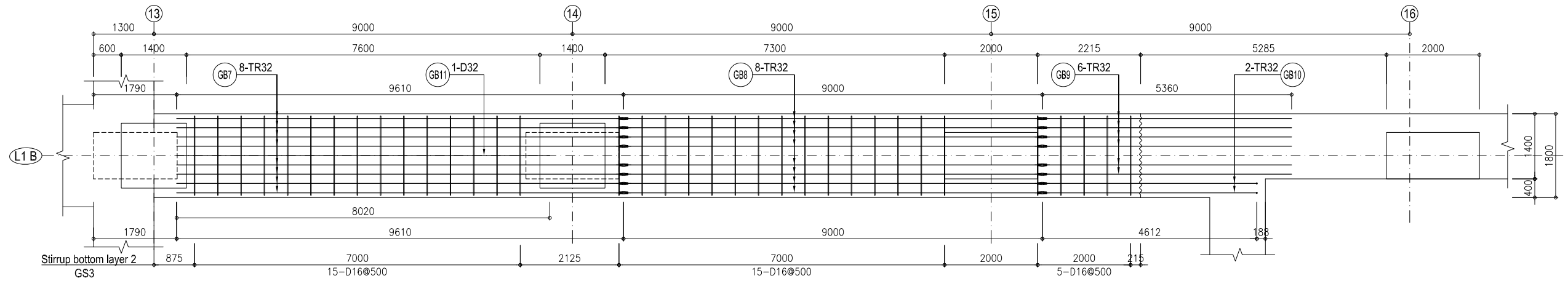
BOTTOM LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA DƯỚI
 SCALE: 1/100



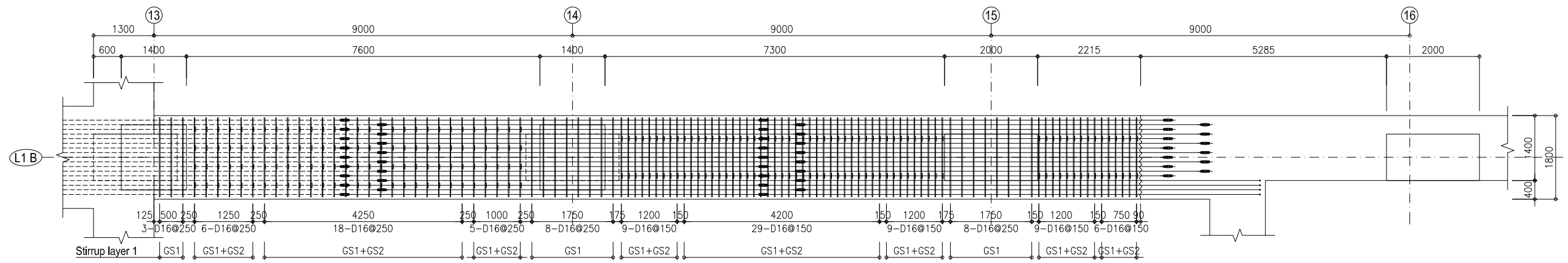
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1B (04/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1B (04/05)**

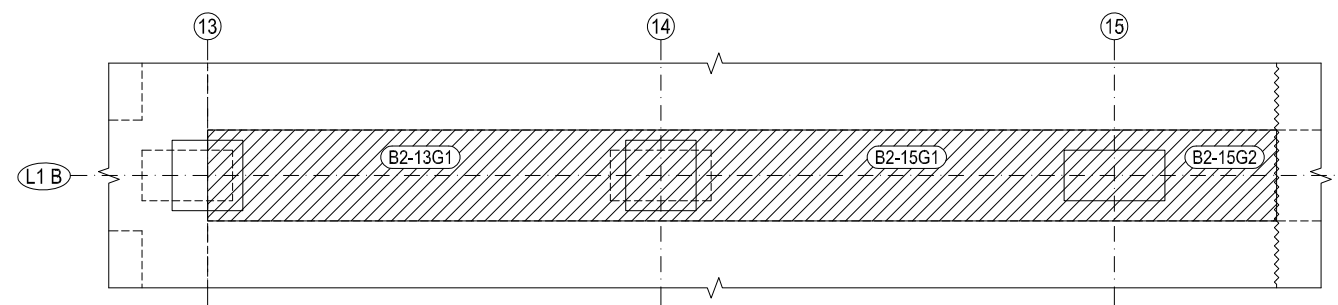
**BOTTOM LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA DƯỚI**  
 SCALE: 1/100



**STIRRUP PLAN VIEW / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI**  
 SCALE: 1/100



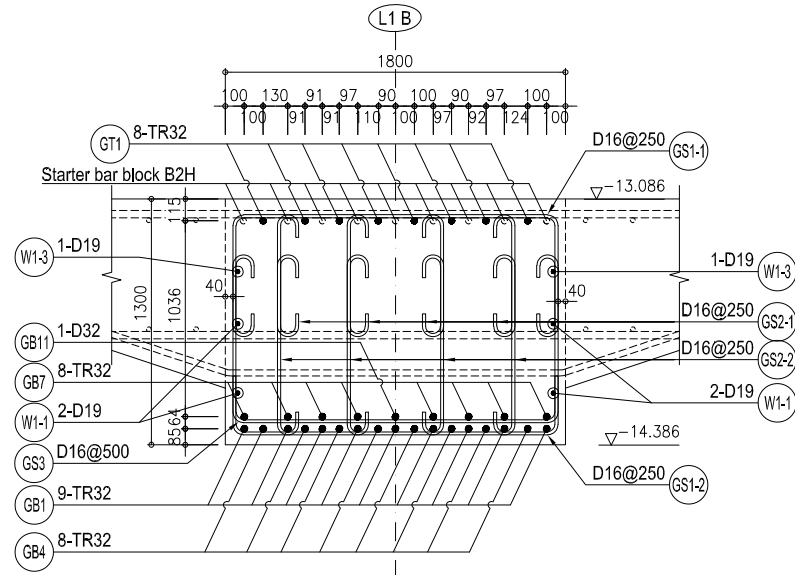
**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**



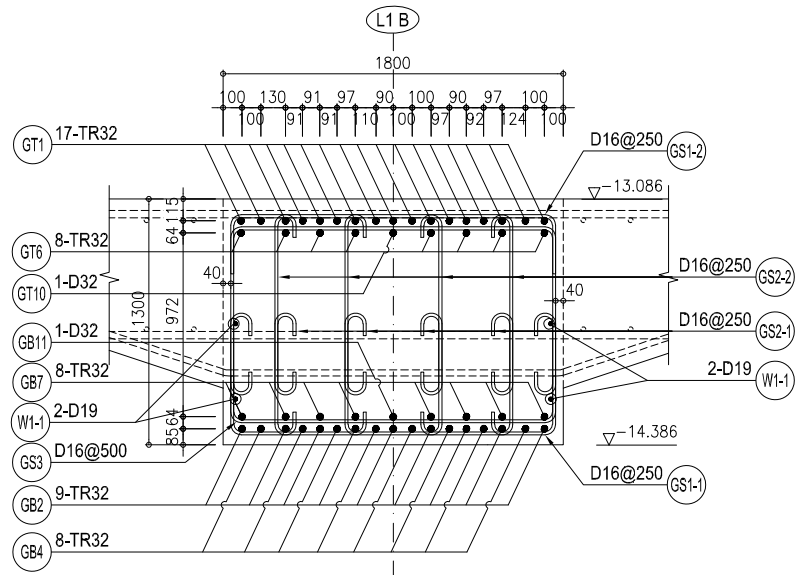
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1B (05/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1B (05/05)

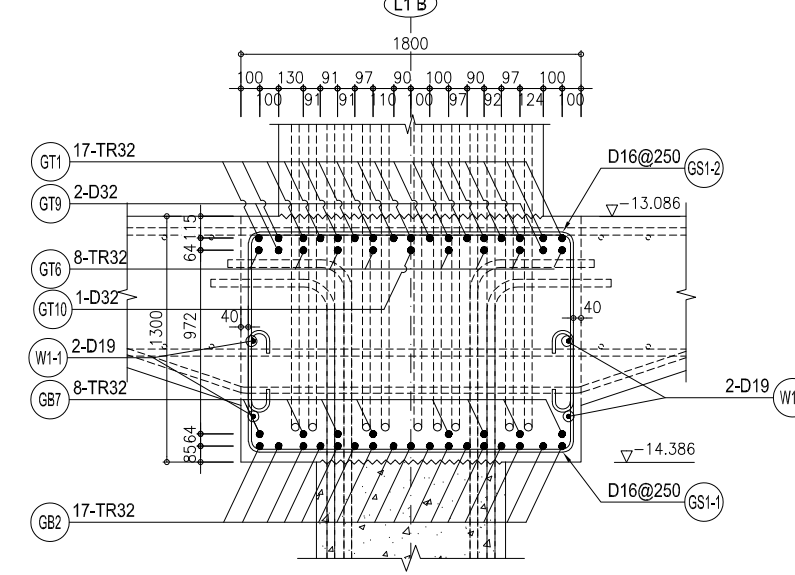
SECTION A-A - CENTER / MẶT CẮT A-A - GIỮA
SCALE: 1/40



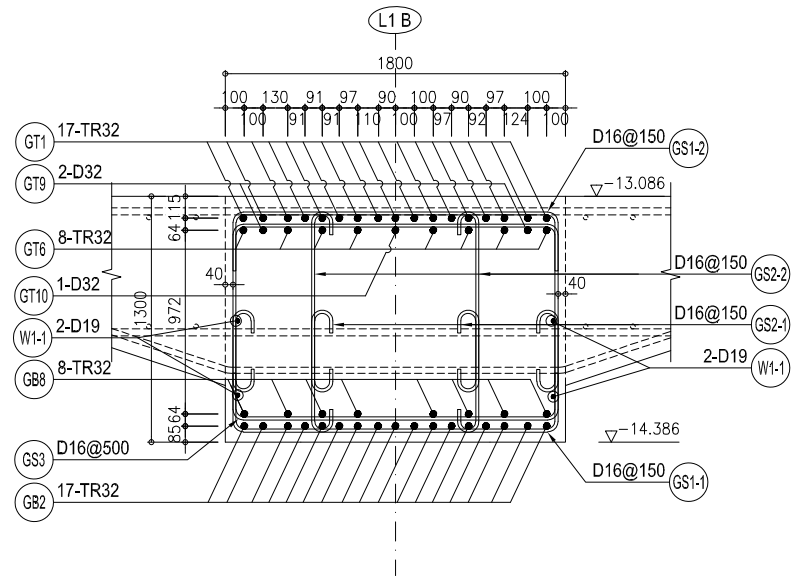
SECTION B-B - SUPPORT / MẶT CẮT B-B - BIÊN
SCALE: 1/40



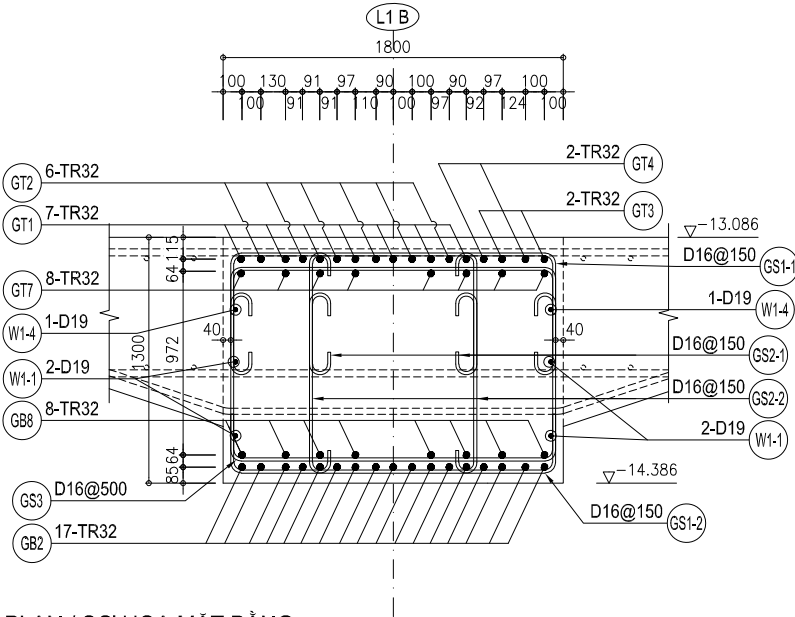
SECTION C-C - SUPPORT / MẶT CẮT C-C - BIÊN
SCALE: 1/40



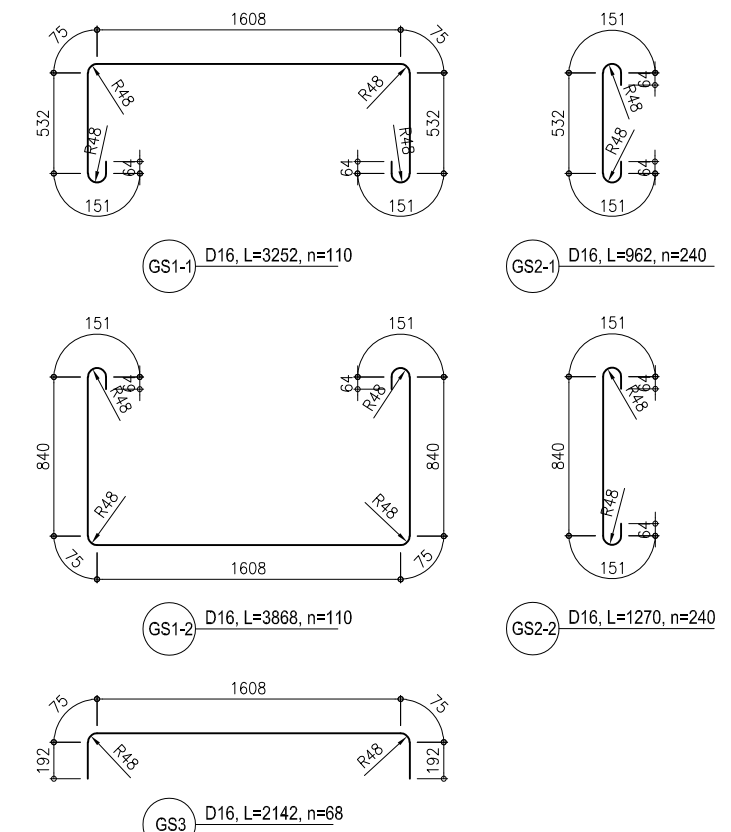
SECTION D-D - SUPPORT / MẶT CẮT D-D - BIÊN
SCALE: 1/40



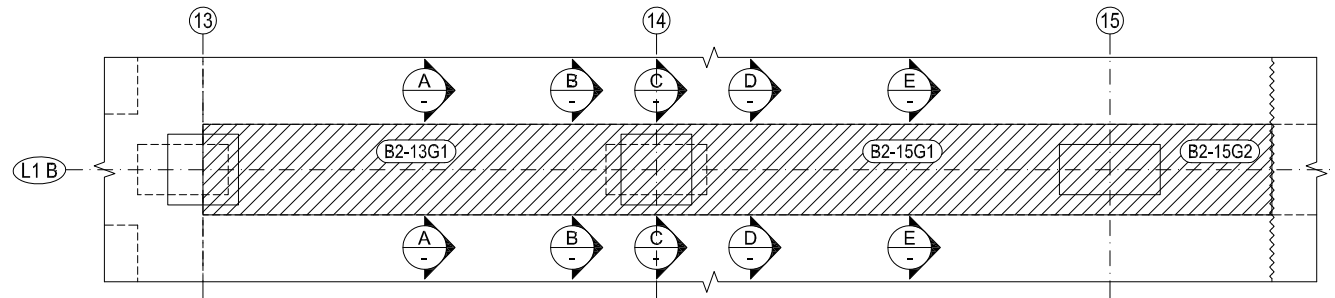
SECTION E-E - CENTER / MẶT CẮT E-E - GIỮA
SCALE: 1/40



REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP
SCALE: 1/40



KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG

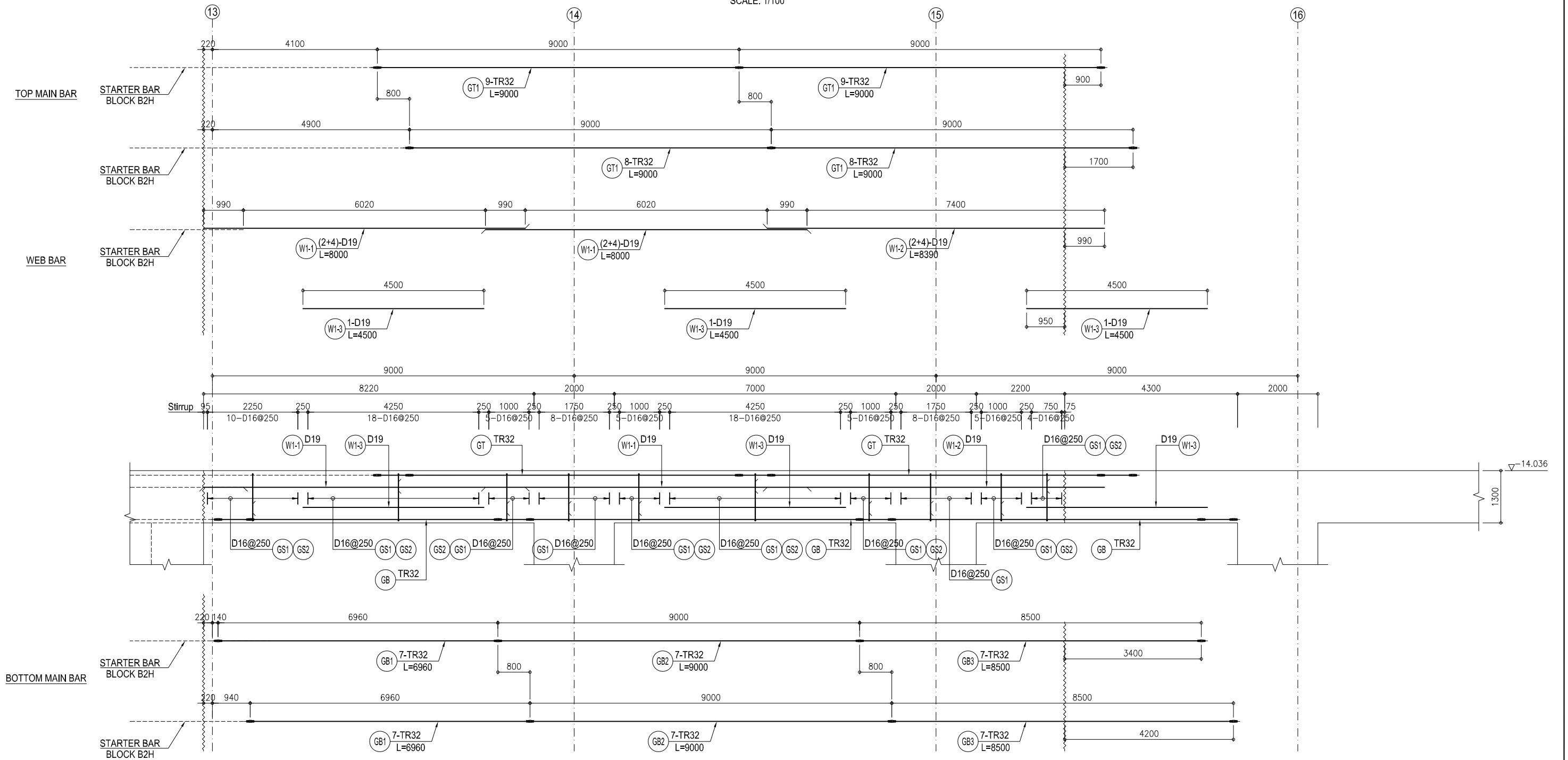


NOTES / GHI CHÚ:

Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1D (01/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1D (01/03)

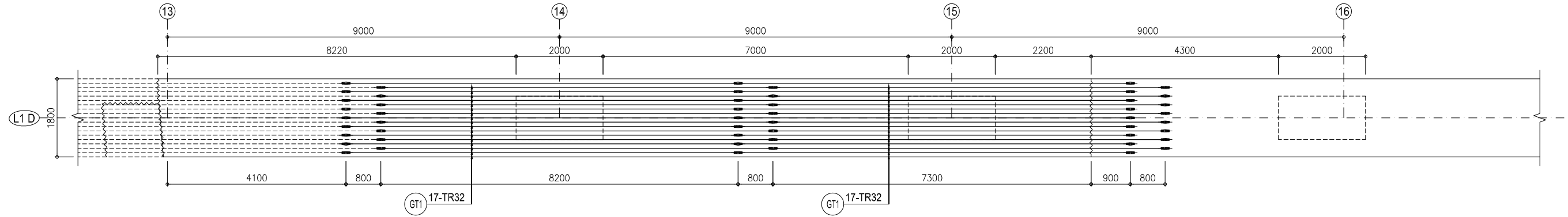
LONGITUDINAL SECTION / MẶT CẮT DỌC
 SCALE: 1/100



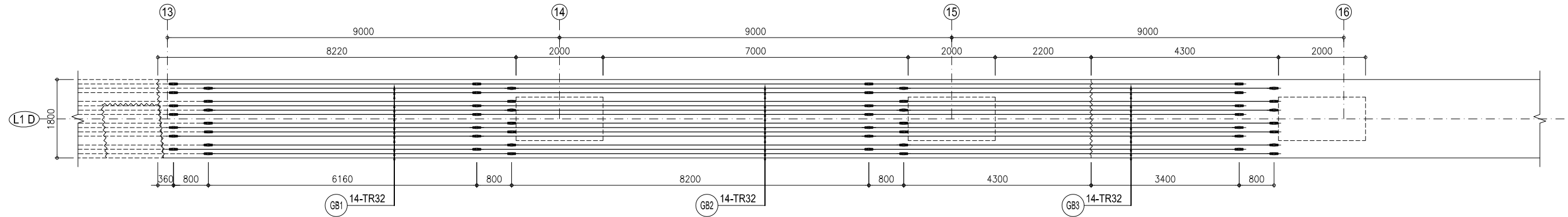
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1D (02/03)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1D (02/03)**

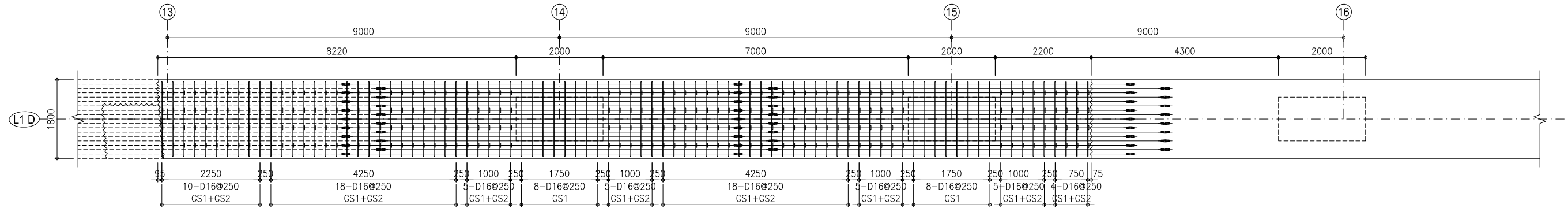
**TOP PLAN VIEW / MẶT BẰNG PHÍA TRÊN**  
 SCALE: 1/100



**BOTTOM PLAN VIEW / MẶT BẰNG PHÍA DƯỚI**  
 SCALE: 1/100



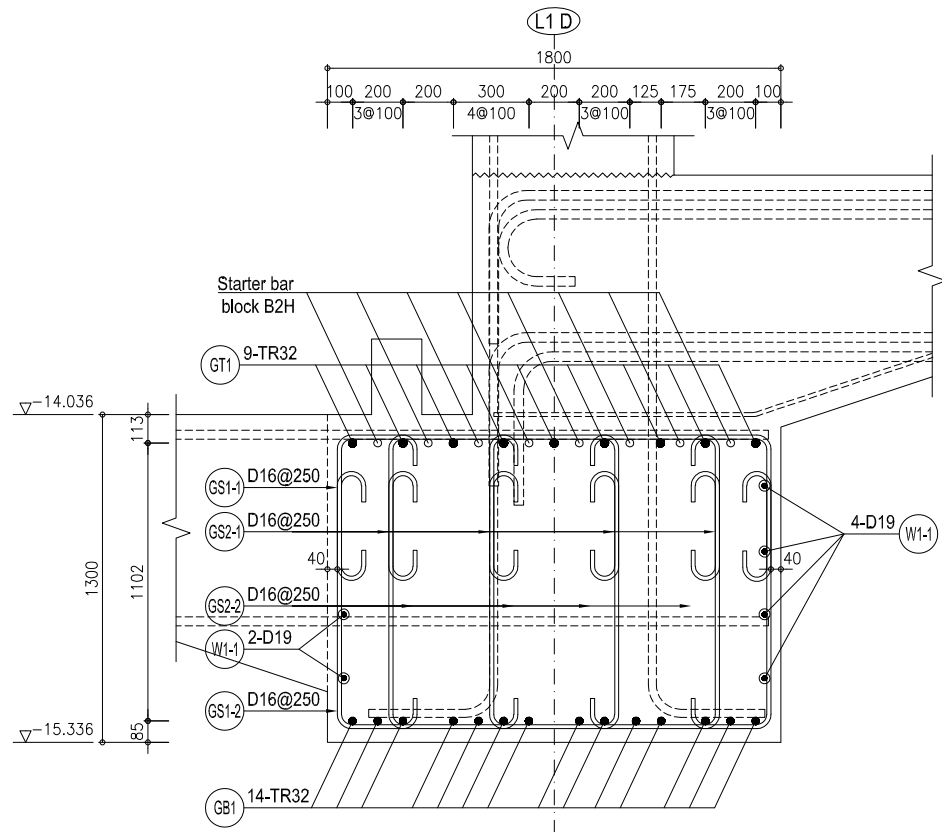
**STIRRUP PLAN VIEW / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI**  
 SCALE: 1/100



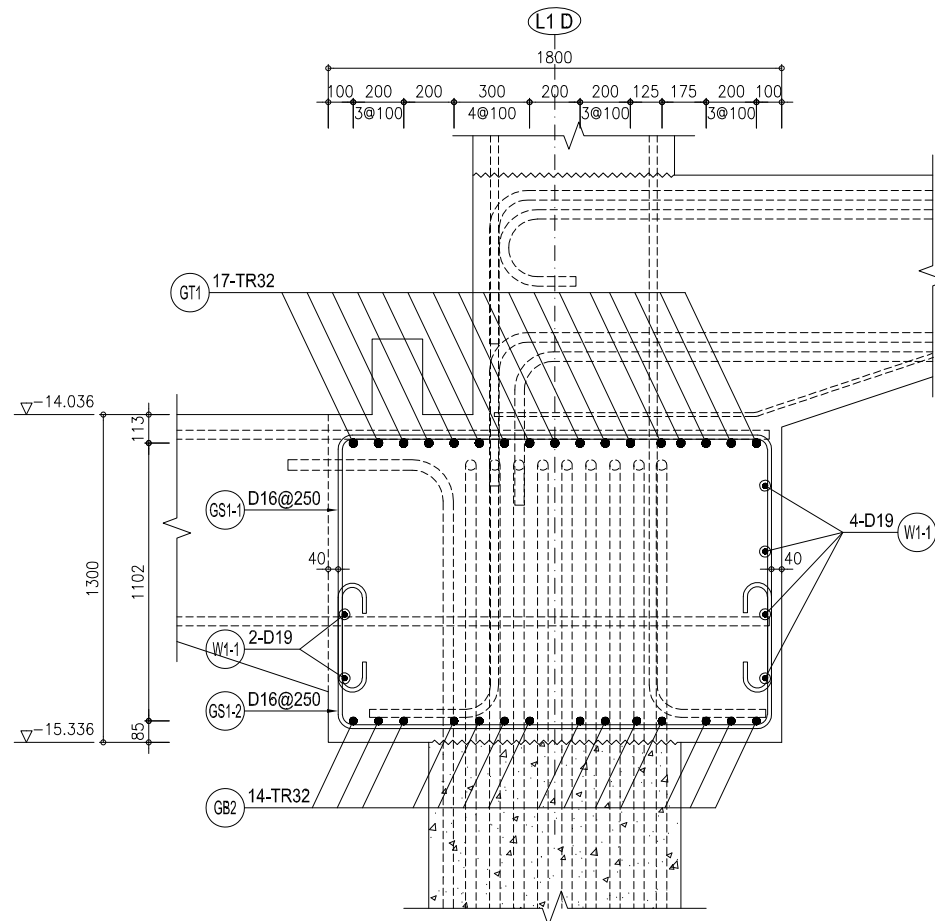
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B21 - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1D (03/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B21 - BỐ TRÍ CỐT THÉP DÀM TẠI TRỤC L1D (03/03)

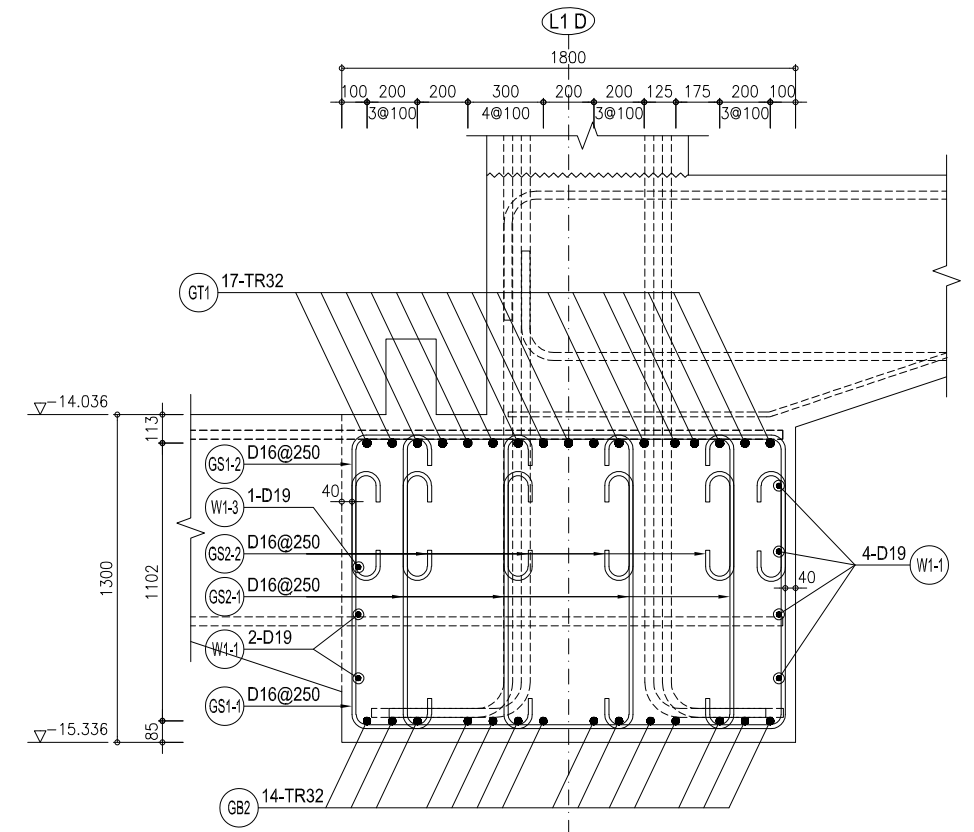
SECTION A-A - CENTER / MẶT CẮT A-A - GIỮA
SCALE: 1/30



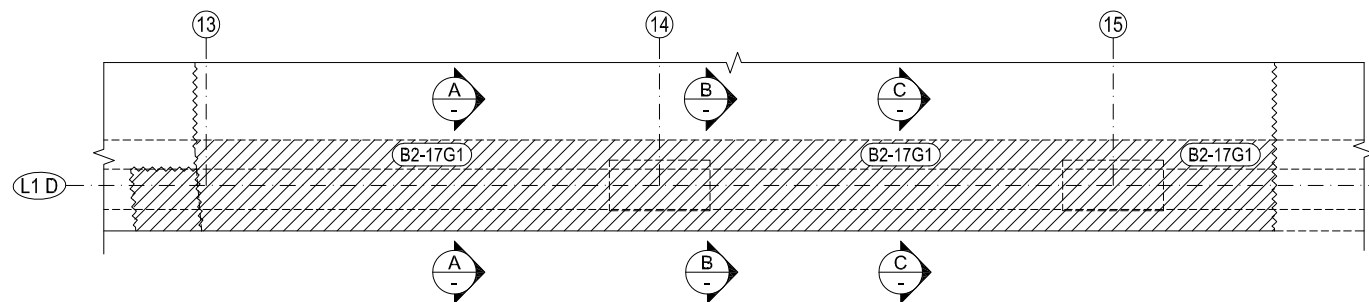
SECTION B-B - SUPPORT / MẶT CẮT B-B - BIÊN
SCALE: 1/30



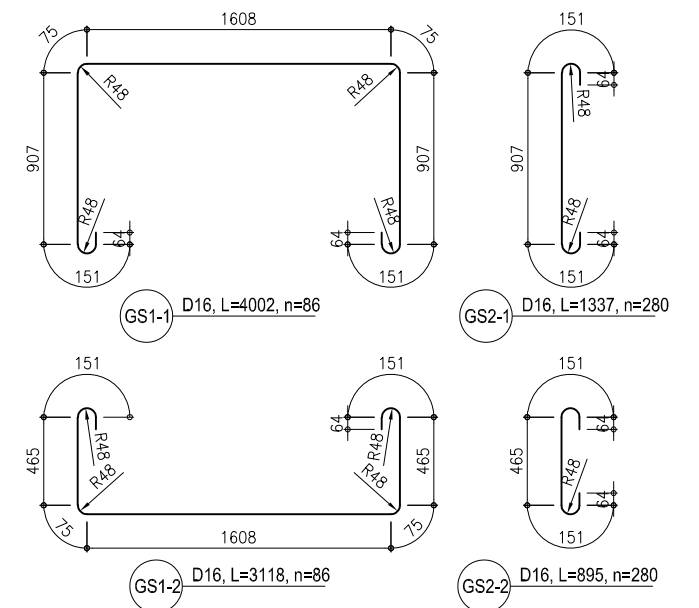
SECTION C-C - CENTER / MẶT CẮT C-C - GIỮA
SCALE: 1/30



KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP
SCALE: 1/40



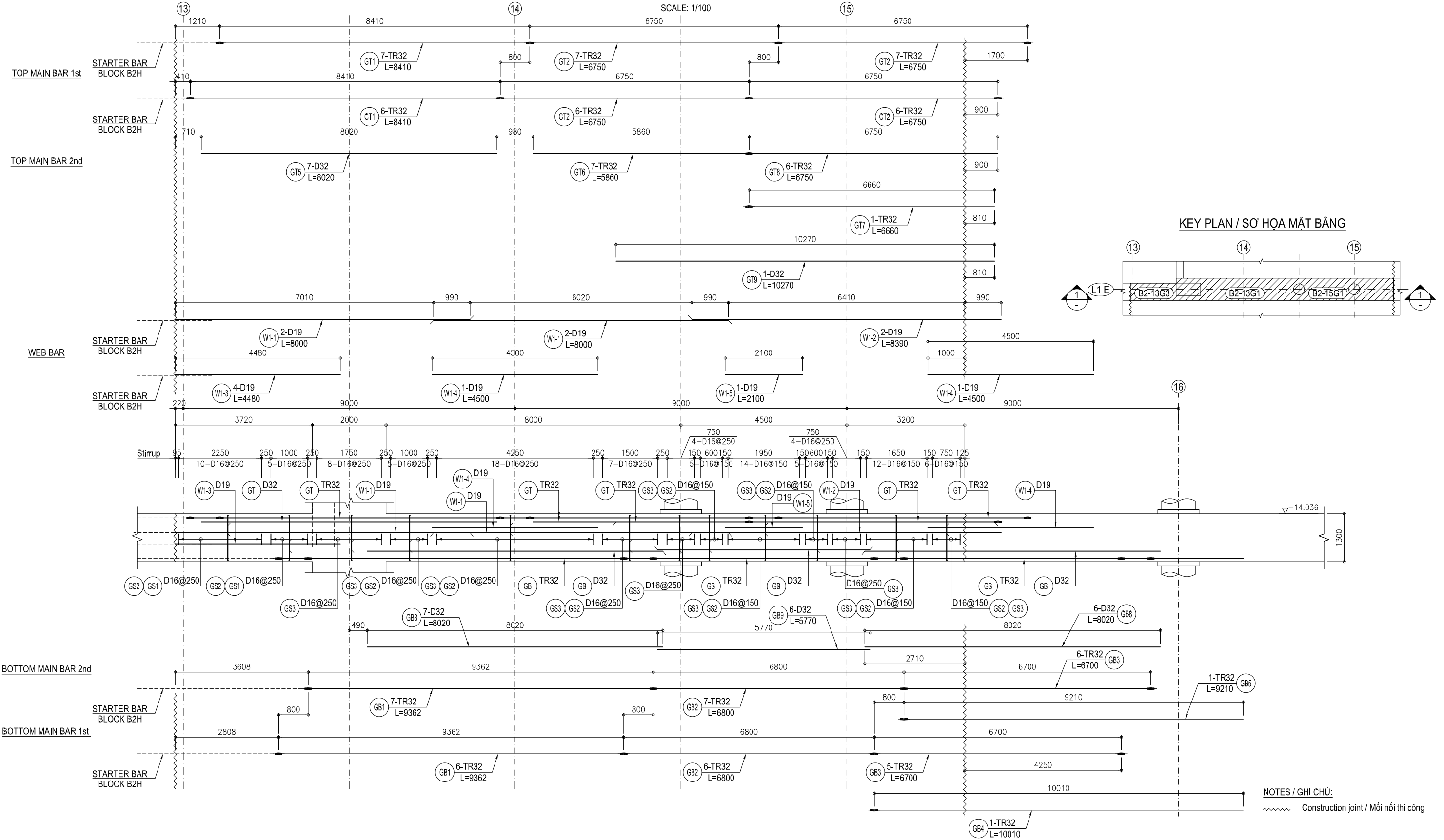
NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1E (01/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1E (01/05)**

LONGITUDINAL SECTION (1-1) / MẶT CẮT DỌC (1-1)

SCALE: 1/100

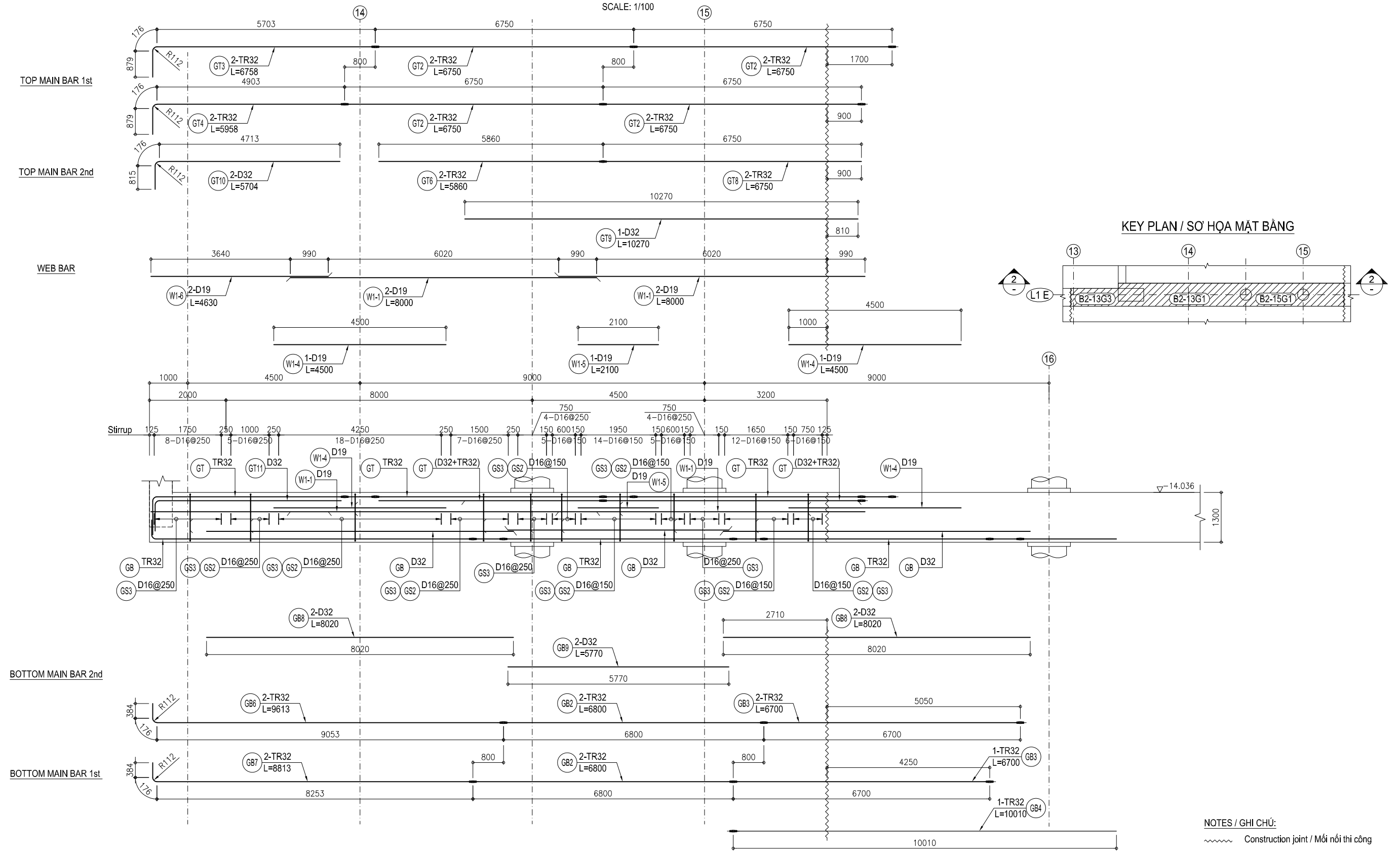


**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1E (02/05)**

**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1E (02/05)**

**LONGITUDINAL SECTION (2-2) / MẶT CẮT DỌC (2-2)**

SCALE: 1/100

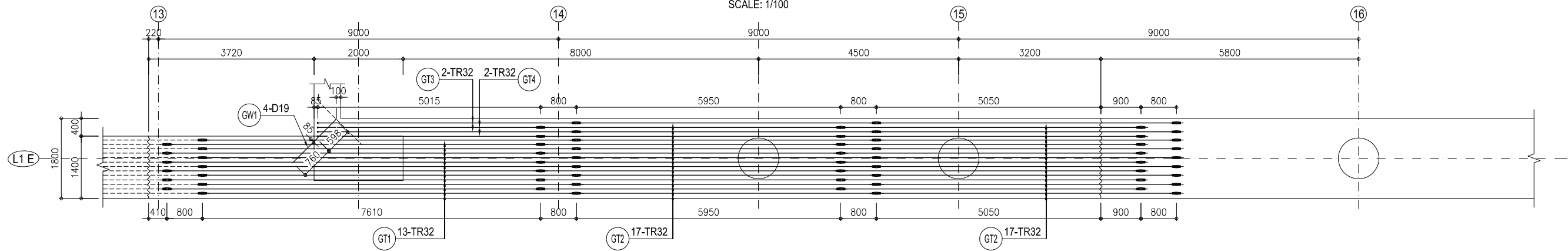


NOTES / GHI CHÚ:  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1E (03/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1E (03/05)

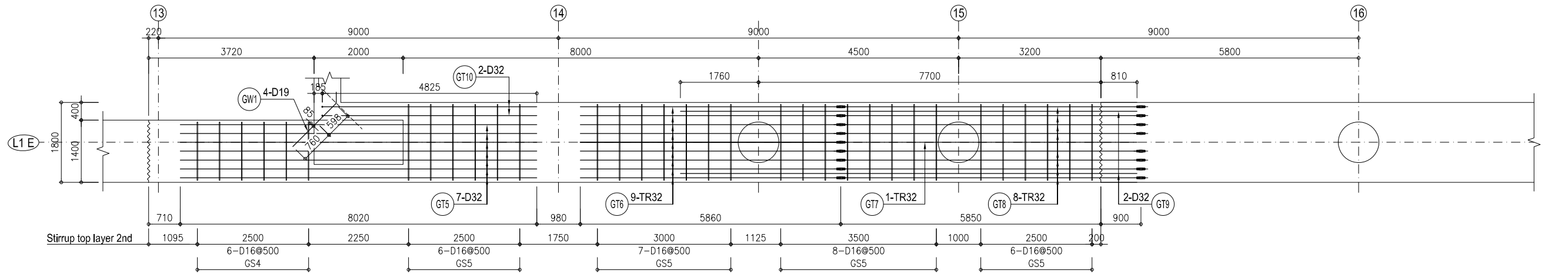
TOP LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA TRÊN

SCALE: 1/100



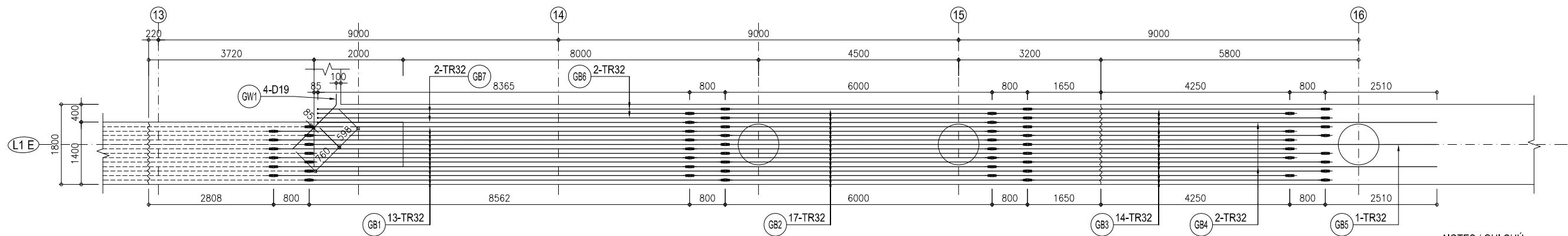
TOP LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA TRÊN

SCALE: 1/100



BOTTOM LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA DƯỚI

SCALE: 1/100

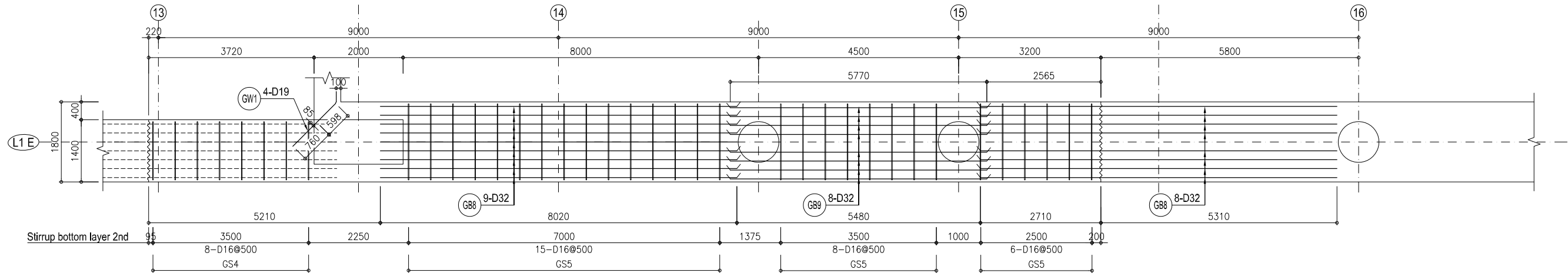


NOTES / GHI CHÚ:

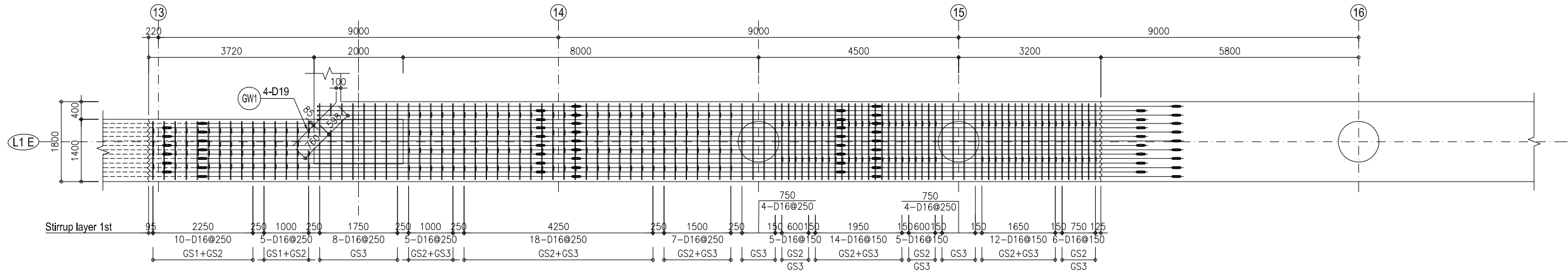
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1E (04/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1E (04/05)**

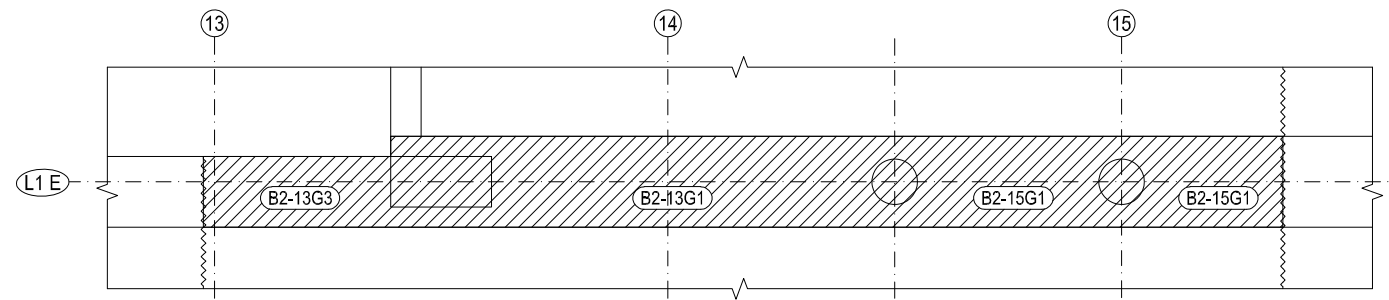
**BOTTOM LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA DƯỚI**  
 SCALE: 1/100



**STIRRUP PLAN VIEW / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI**  
 SCALE: 1/100



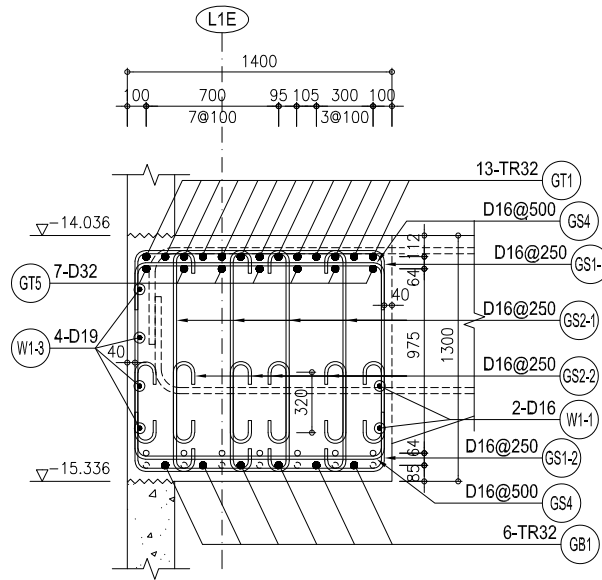
**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**



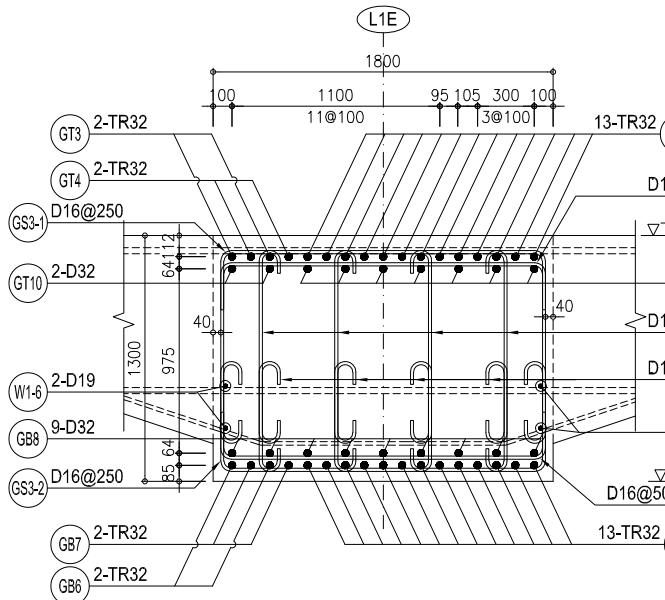
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1E (05/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DÀM TẠI TRỤC L1E (05/05)

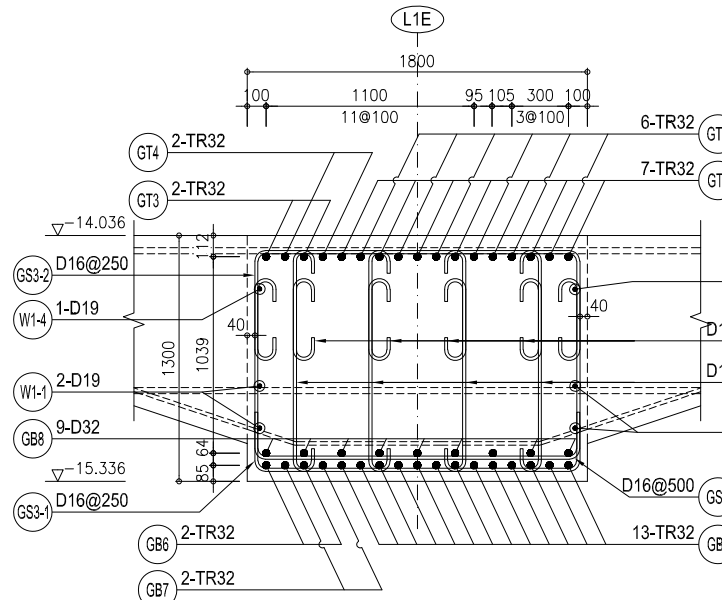
SECTION A-A - SUPPORT / MẶT CẮT A-A - BIÊN
SCALE: 1/40



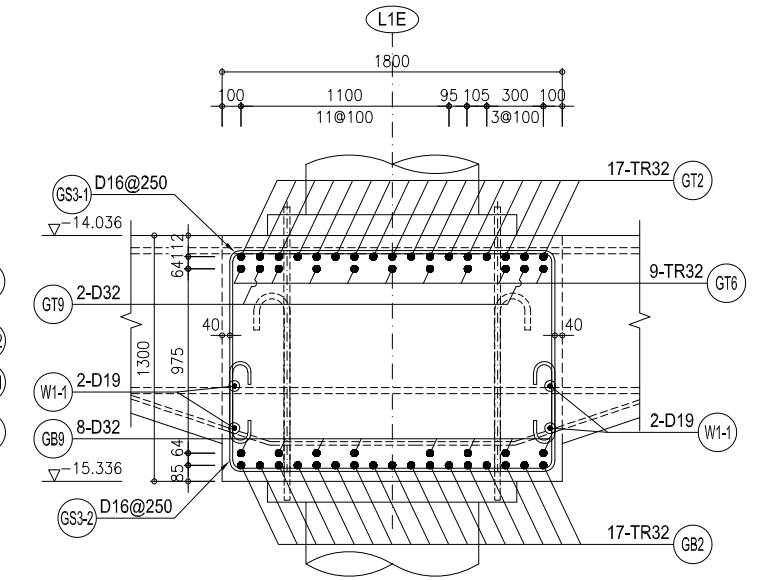
SECTION B-B - SUPPORT / MẶT CẮT B-B - BIÊN
SCALE: 1/40



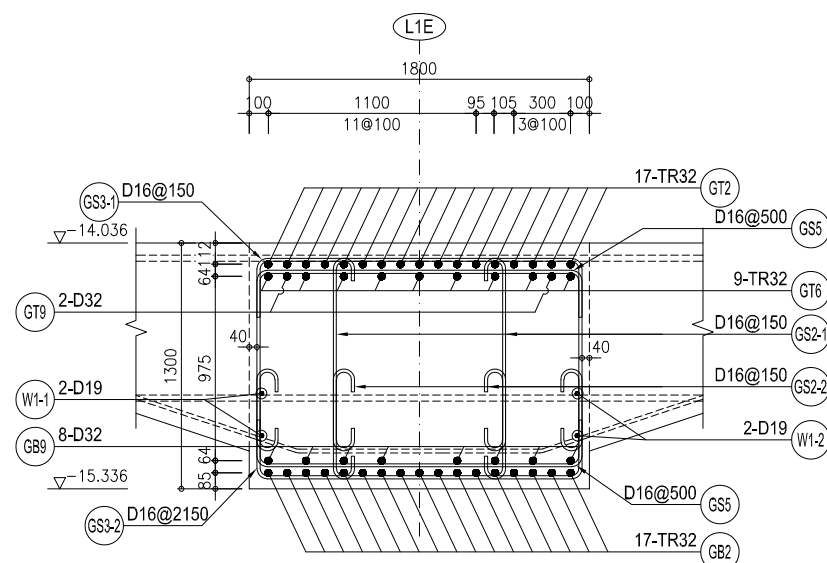
SECTION C-C - CENTER / MẶT CẮT C-C - GIỮA
SCALE: 1/40



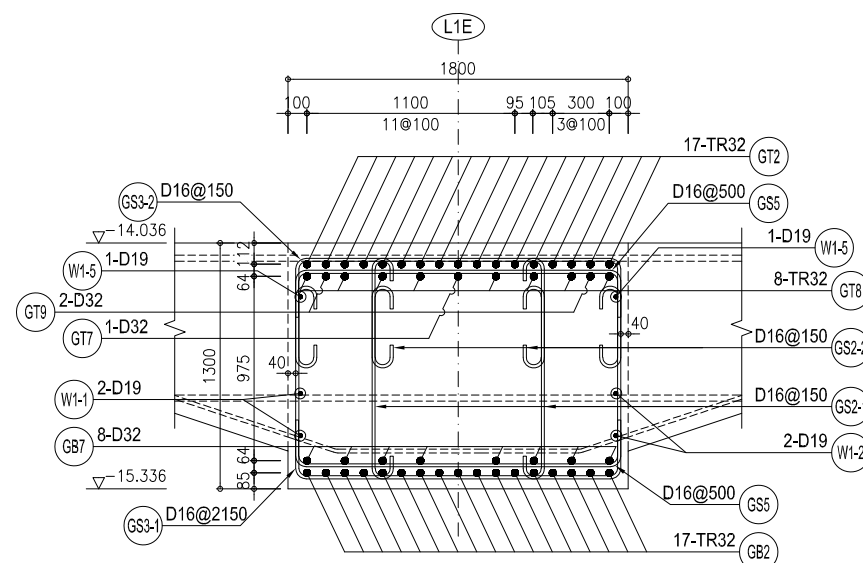
SECTION D-D - SUPPORT / MẶT CẮT D-D - BIÊN
SCALE: 1/40



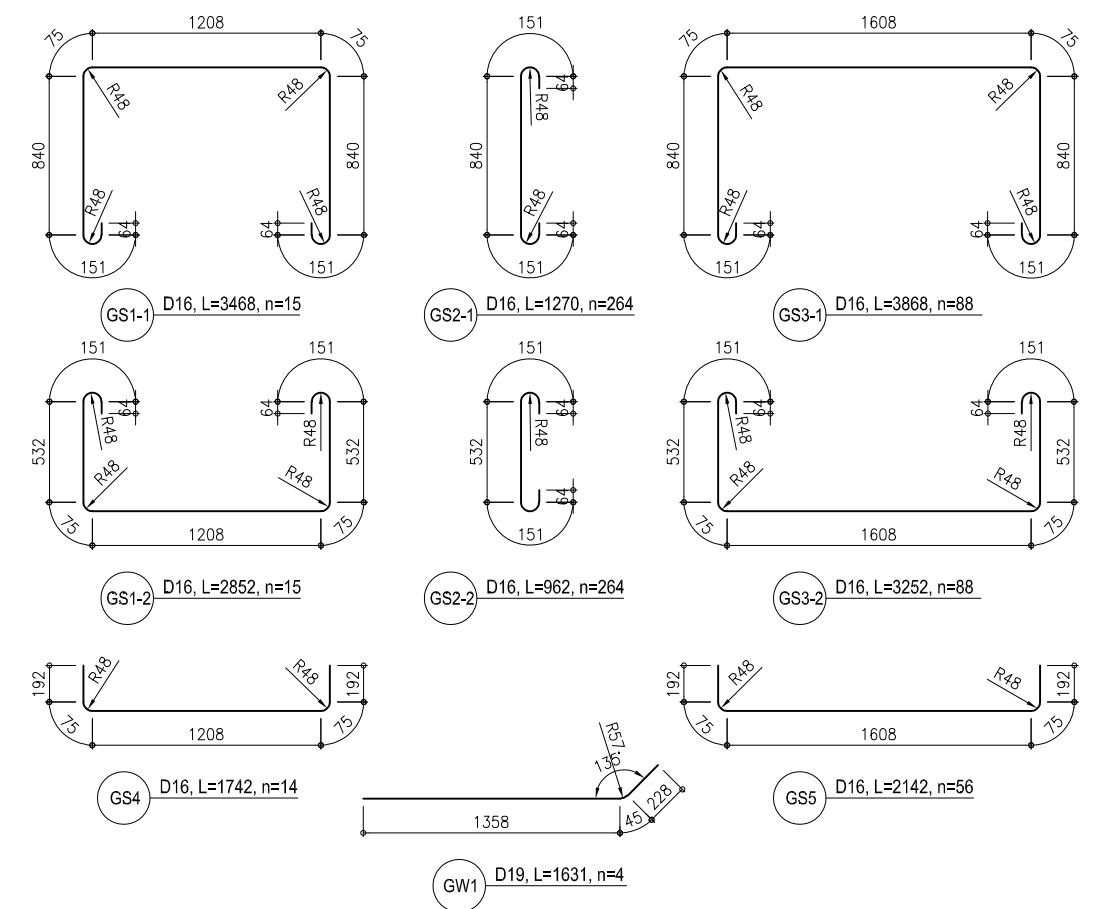
SECTION E-E - SUPPORT / MẶT CẮT E-E - BIÊN
SCALE: 1/40



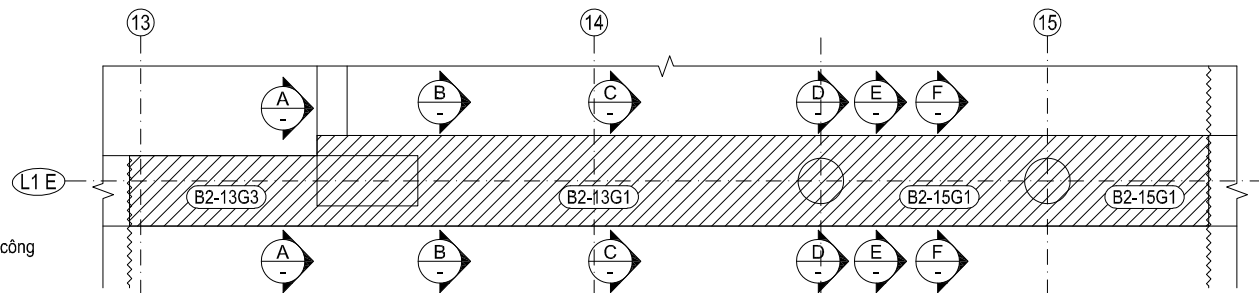
SECTION F-F - CENTER / MẶT CẮT F-F - GIỮA
SCALE: 1/40



REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP
SCALE: 1/40



KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG

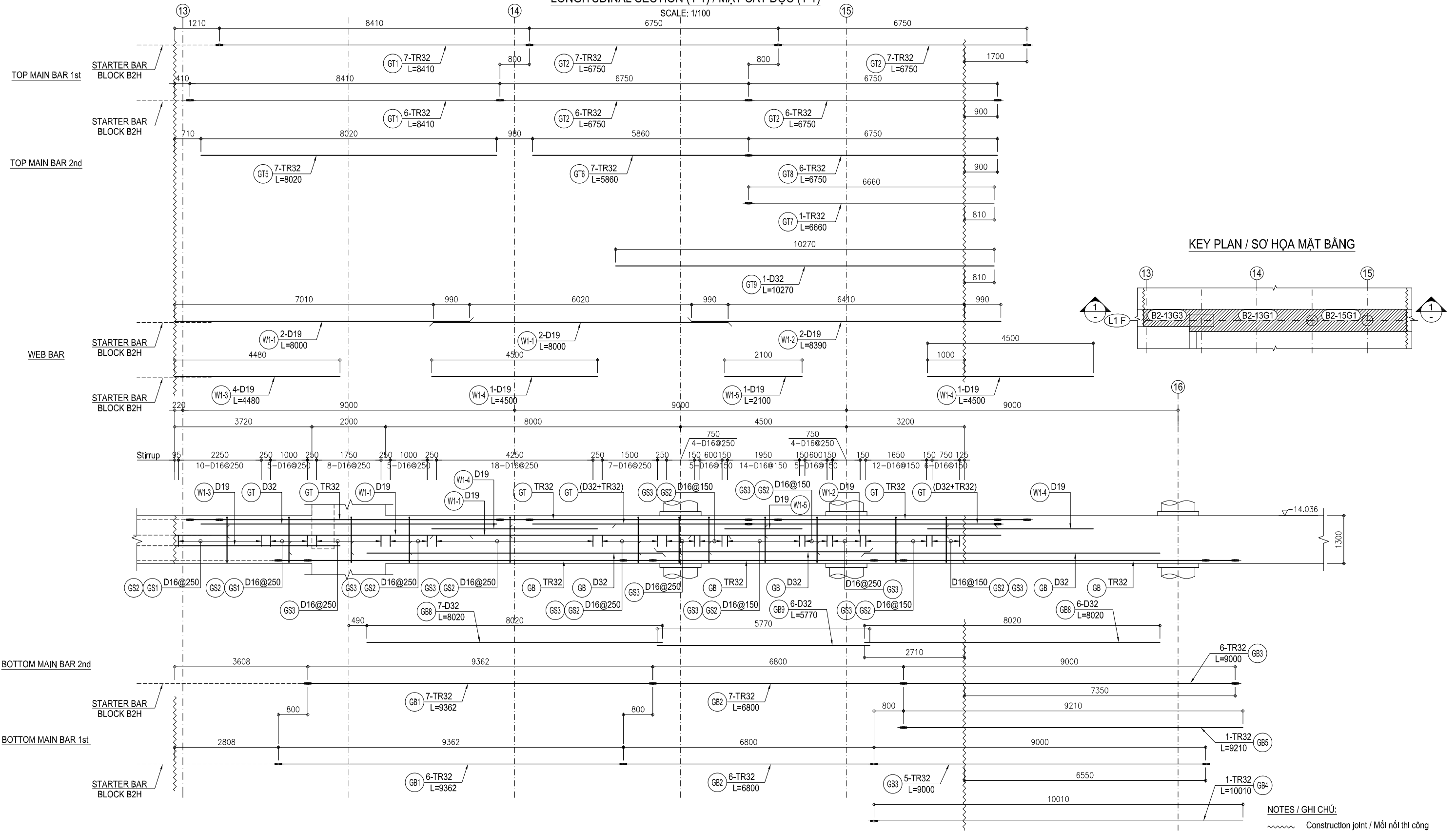


NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1F (01/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1F (01/05)**

**LONGITUDINAL SECTION (1-1) / MẶT CẮT DỌC (1-1)**

SCALE: 1/100

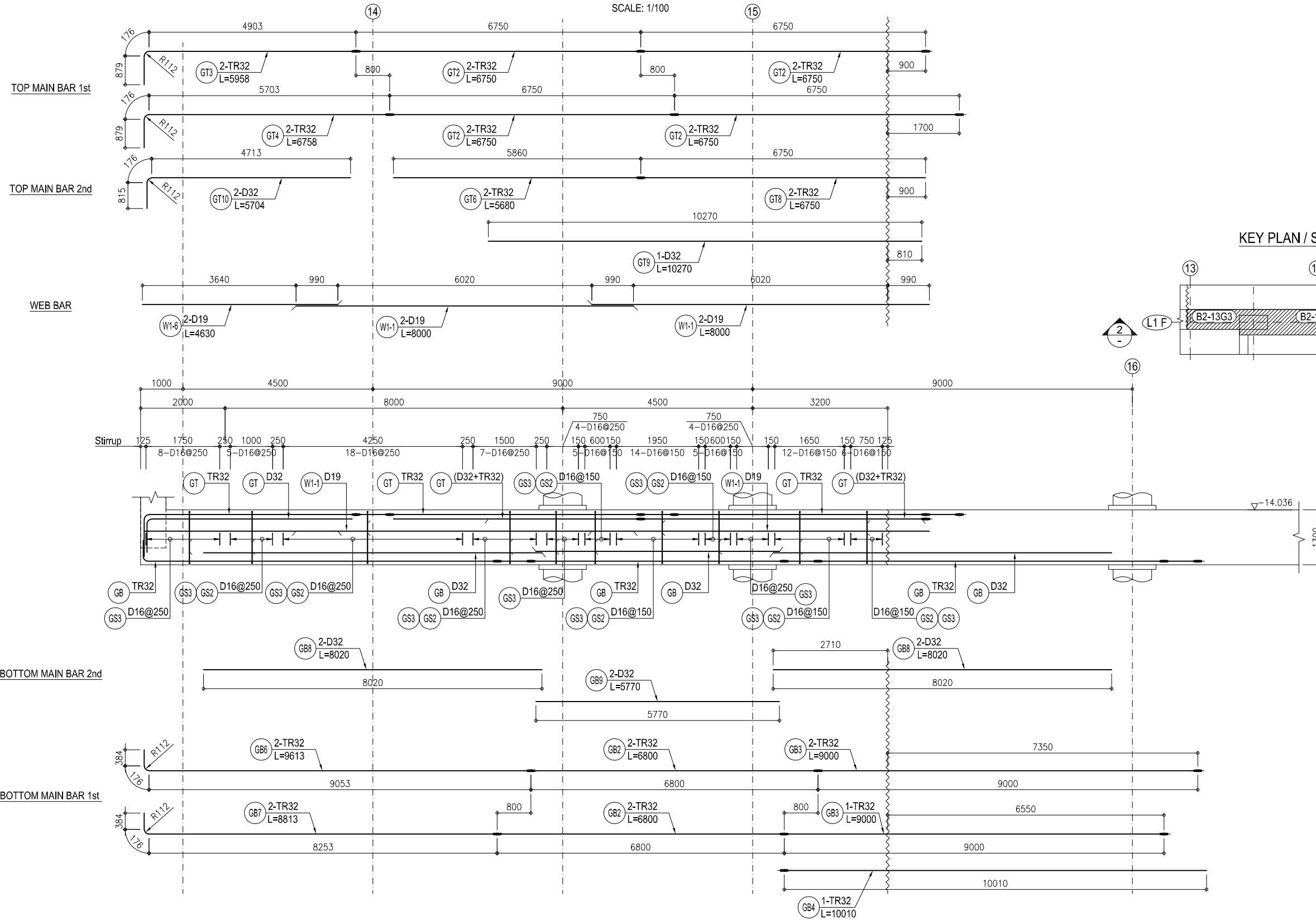


**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1F (02/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1F (02/05)

LONGITUDINAL SECTION (2-2) / MẶT CẮT DỌC (2-2)

SCALE: 1/100

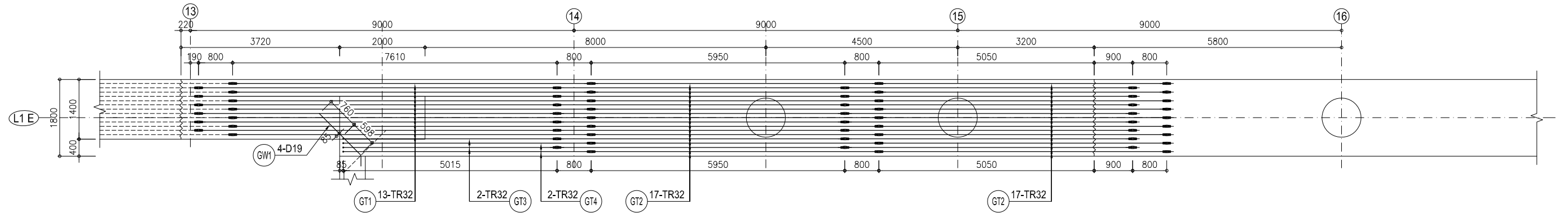


NOTES / GHI CHÚ:

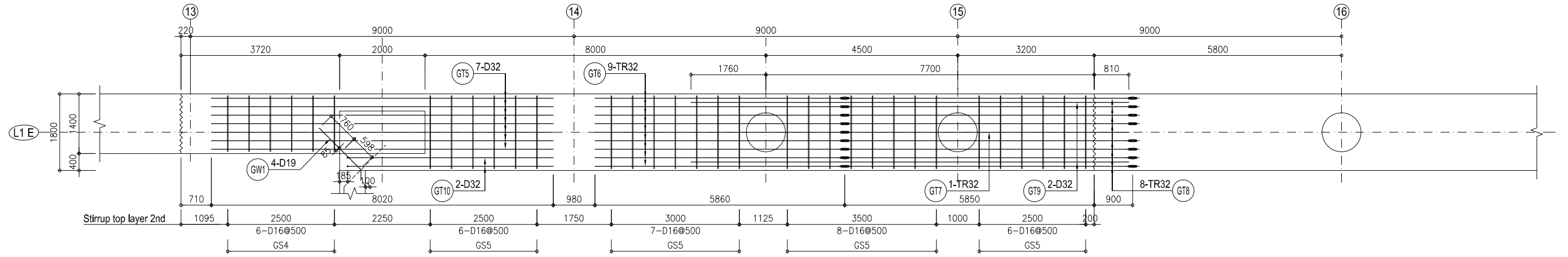
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1F (03/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1F (03/05)**

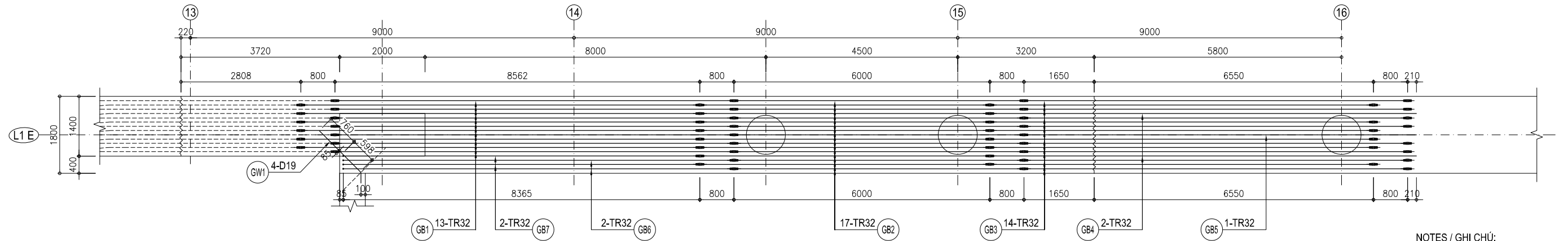
**TOP LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA TRÊN**  
 SCALE: 1/100



**TOP LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA TRÊN**  
 SCALE: 1/100



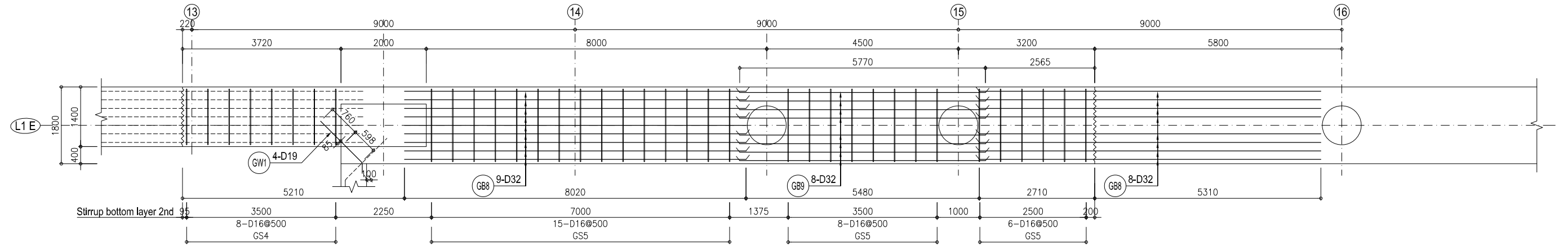
**BOTTOM LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA DƯỚI**  
 SCALE: 1/100



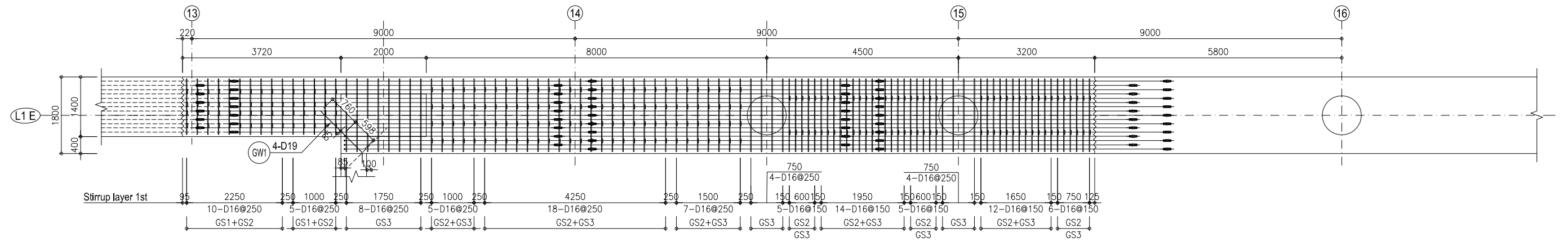
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1F (04/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1F (04/05)

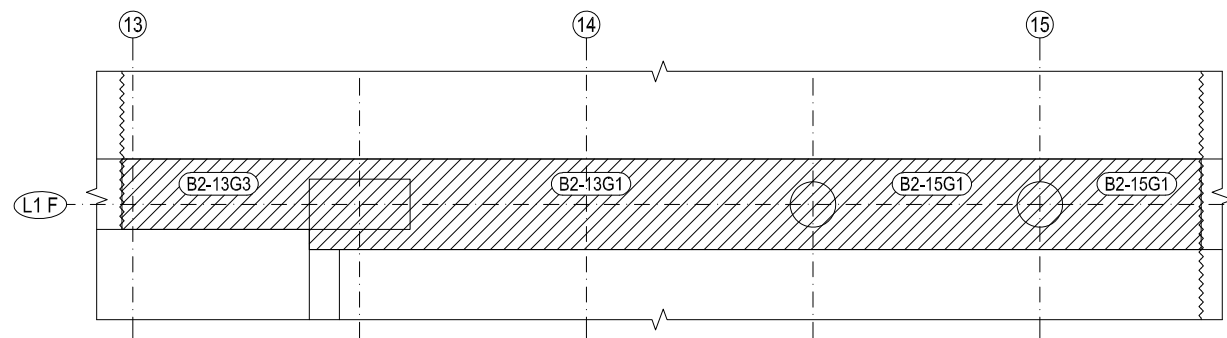
BOTTOM LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA DƯỚI
 SCALE: 1/100



STIRRUP PLAN VIEW / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI
 SCALE: 1/100



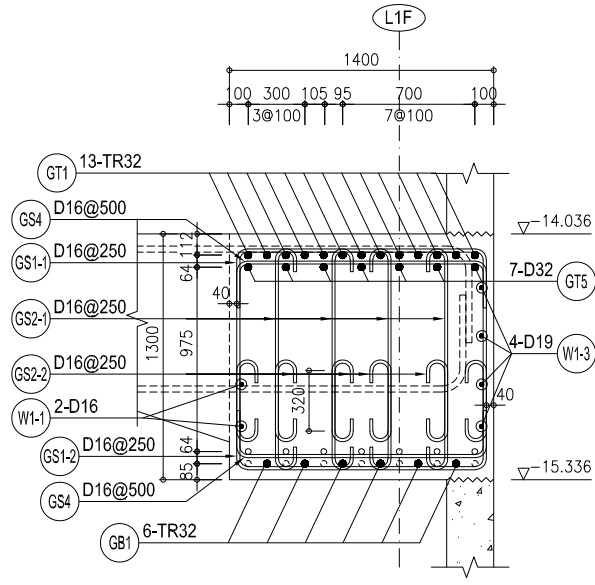
KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



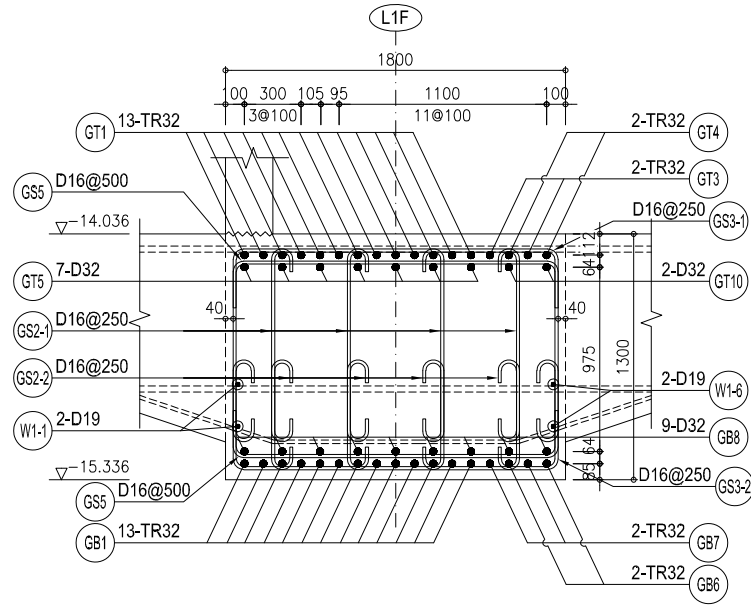
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1F (05/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1F (05/05)**

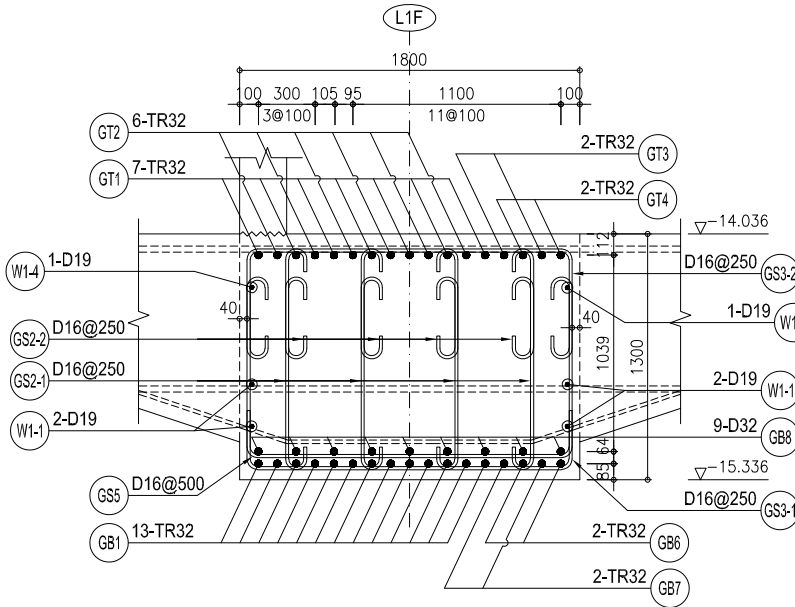
**SECTION A-A - SUPPORT / MẶT CẮT A-A - BIÊN**  
SCALE: 1/40



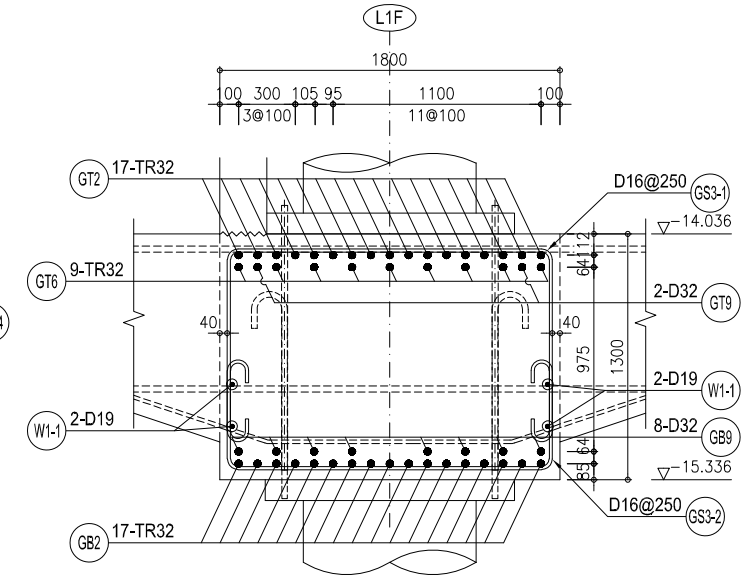
**SECTION B-B - SUPPORT / MẶT CẮT B-B - BIÊN**  
SCALE: 1/40



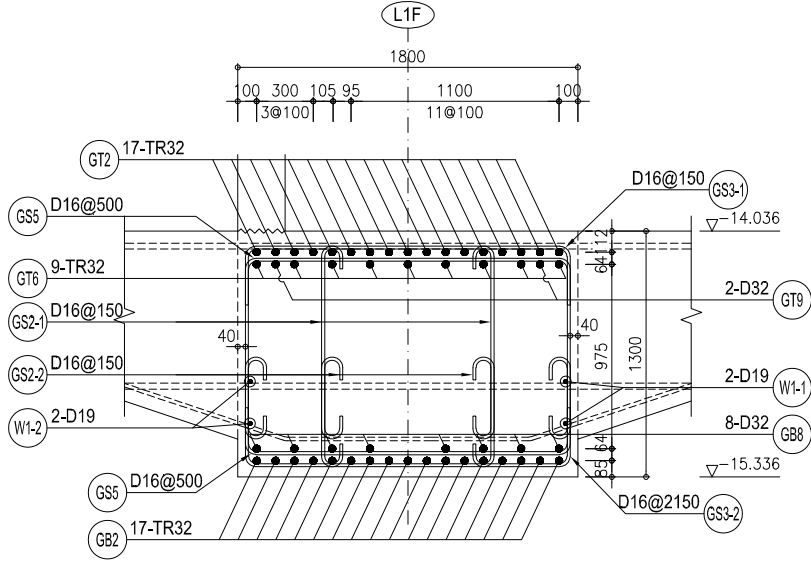
**SECTION C-C - CENTER / MẶT CẮT C-C - GIỮA**  
SCALE: 1/40



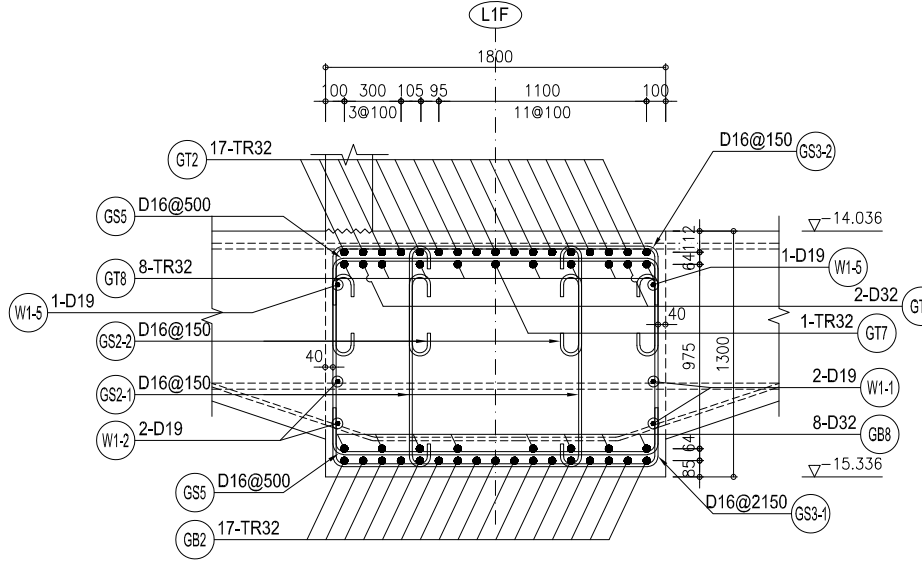
**SECTION D-D - SUPPORT / MẶT CẮT D-D - BIÊN**  
SCALE: 1/40



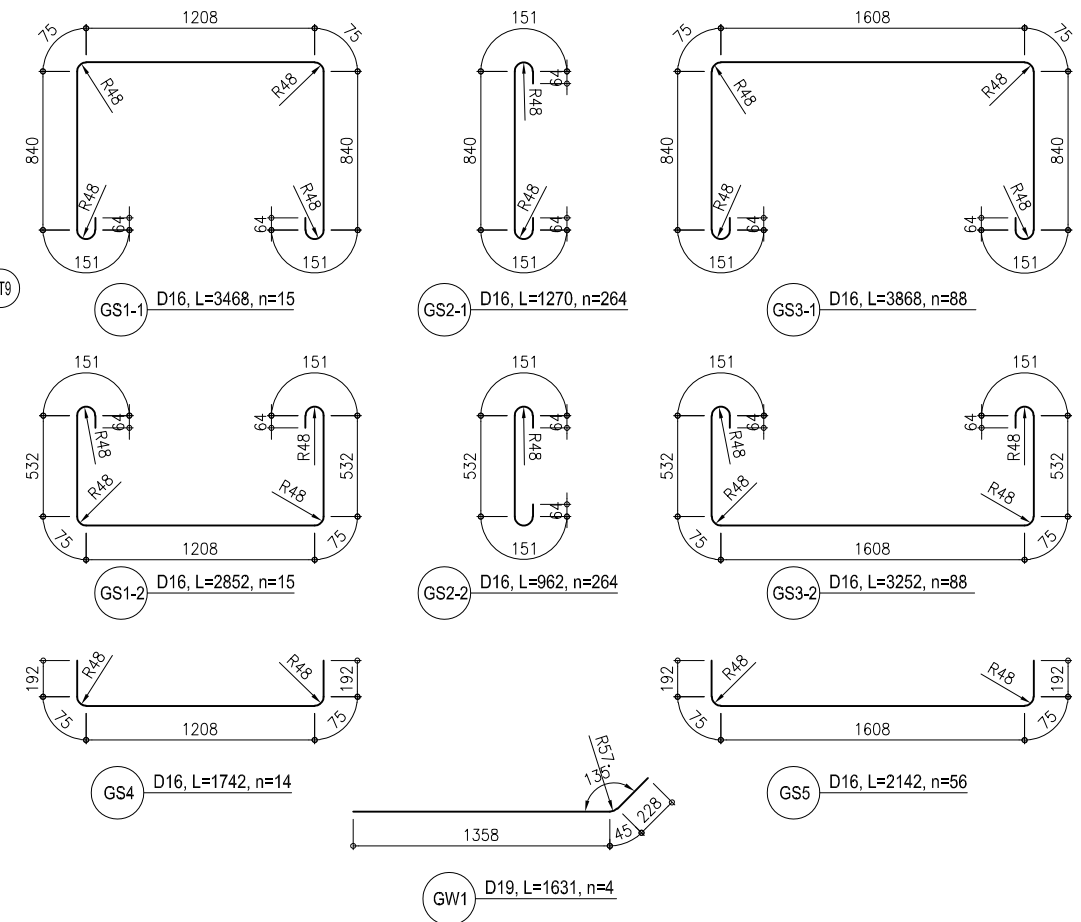
**SECTION E-E - SUPPORT / MẶT CẮT E-E - BIÊN**  
SCALE: 1/40



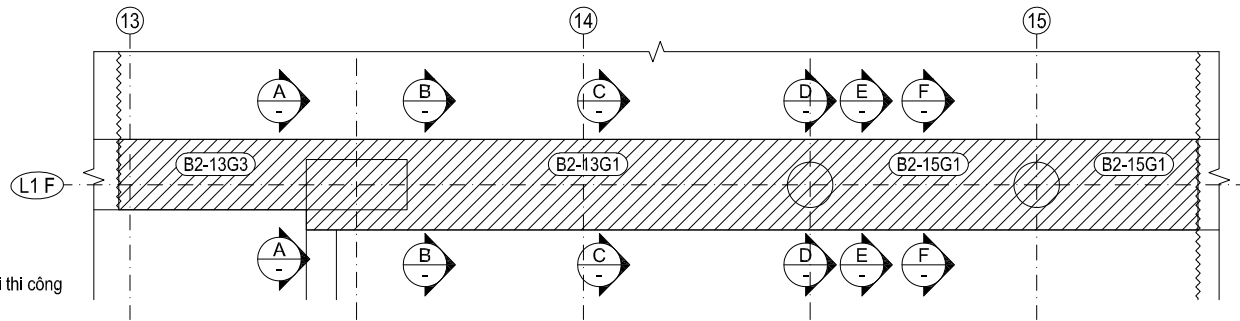
**SECTION F-F - CENTER / MẶT CẮT F-F - GIỮA**  
SCALE: 1/40



**REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP**  
SCALE: 1/40



**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**

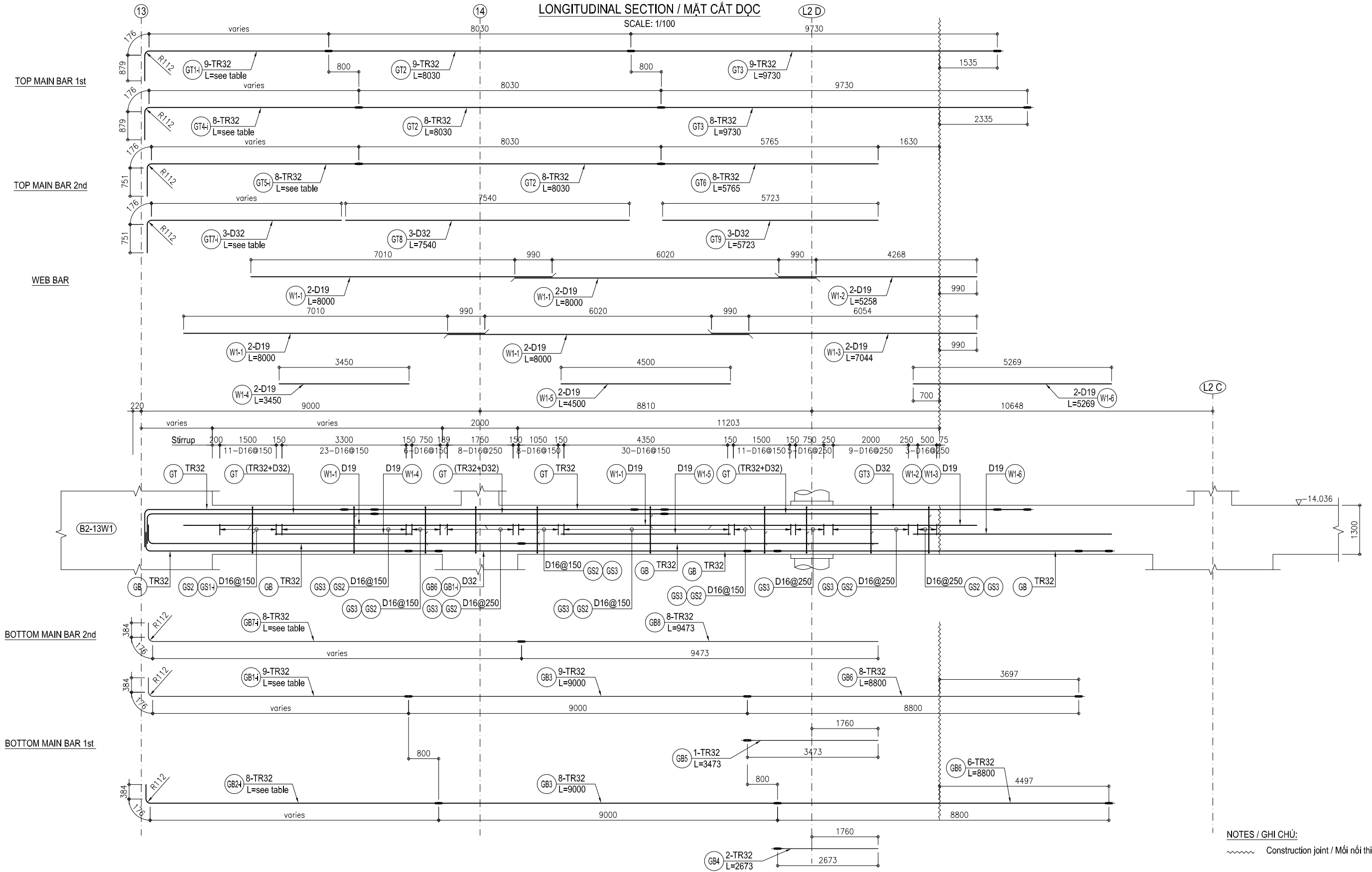


**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1G (01/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1G (01/05)

LONGITUDINAL SECTION / MẶT CẮT DỌC

SCALE: 1/100

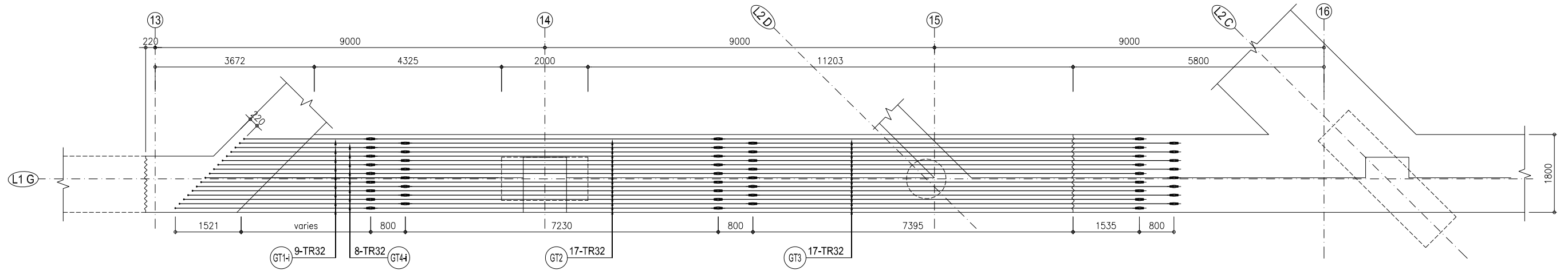


NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1G (02/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1G (02/05)**

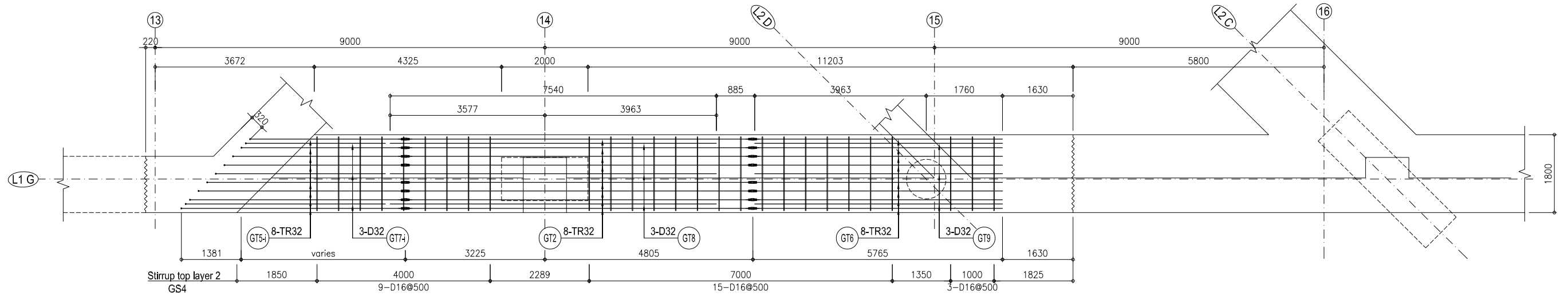
**TOP LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA TRÊN**

SCALE: 1/100



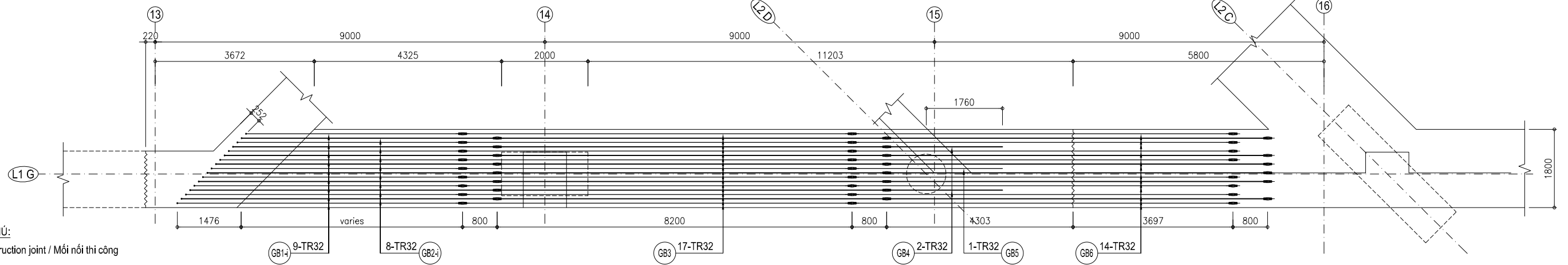
**TOP LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA TRÊN**

SCALE: 1/100



**BOTTOM LAYER -1 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -1 PHÍA DƯỚI**

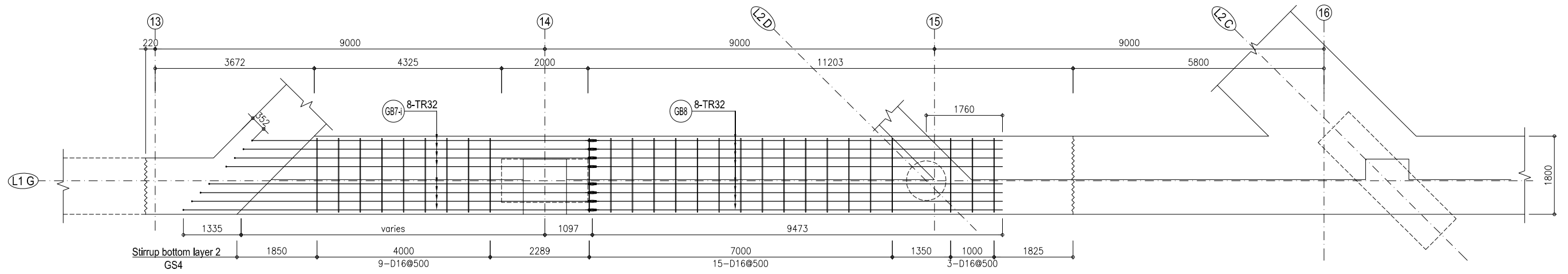
SCALE: 1/100



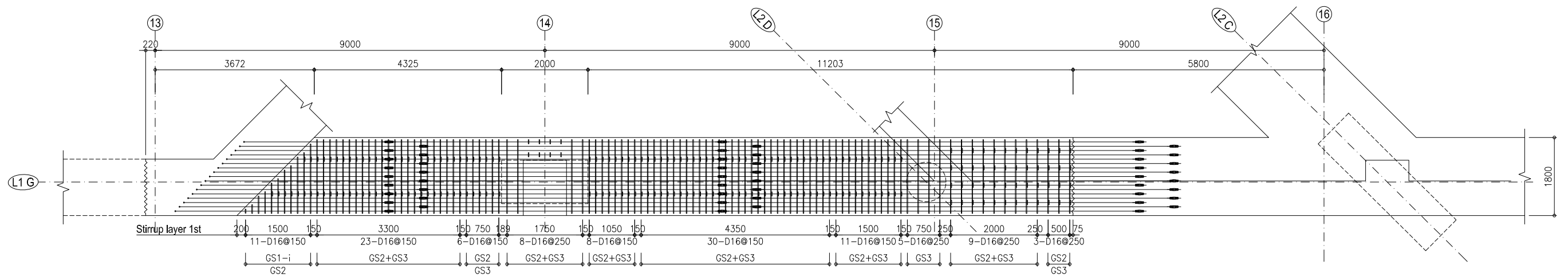
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1G (03/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DÀM TẠI TRỤC L1G (03/05)

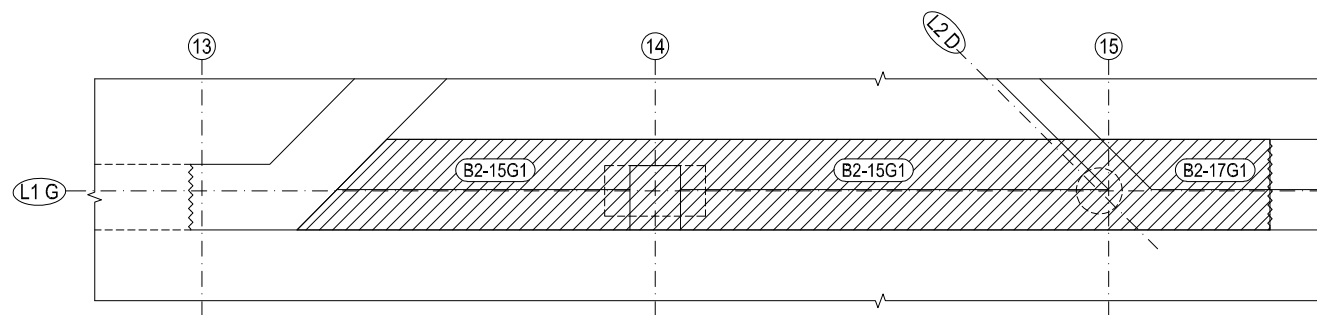
BOTTOM LAYER -2 PLAN VIEW / MẶT BẰNG LỚP -2 PHÍA DƯỚI
 SCALE: 1/100



STIRRUP PLAN VIEW / MẶT BẰNG BỐ TRÍ THÉP ĐAI
 SCALE: 1/100



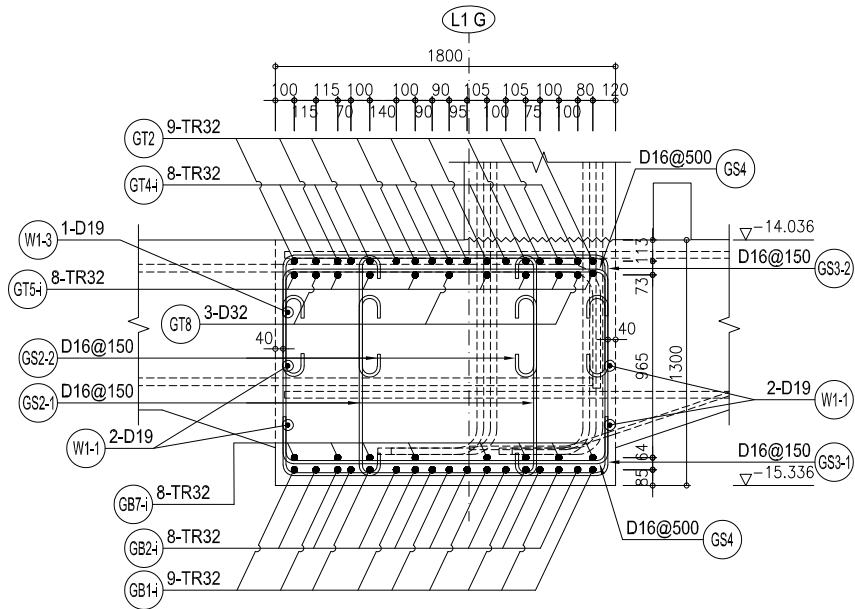
KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



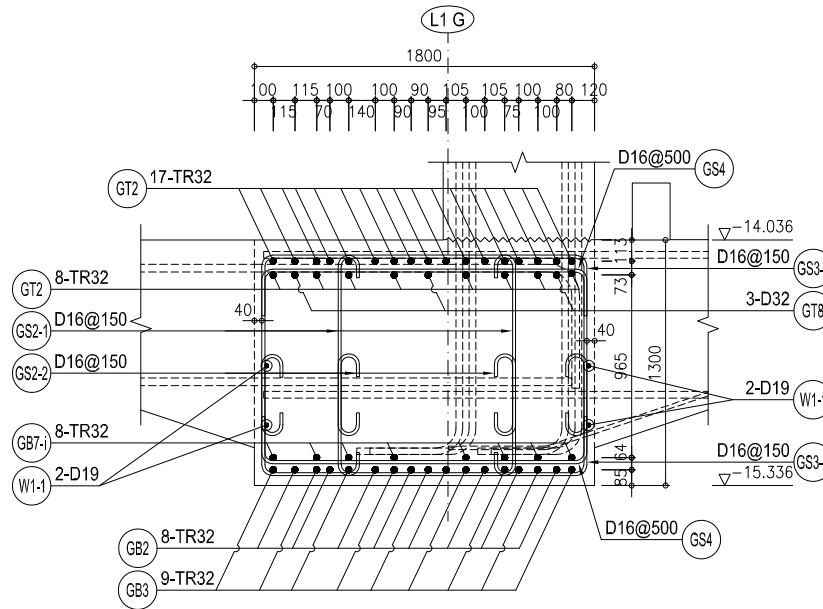
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1G (04/05)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DÀM TẠI TRỤC L1G (04/05)**

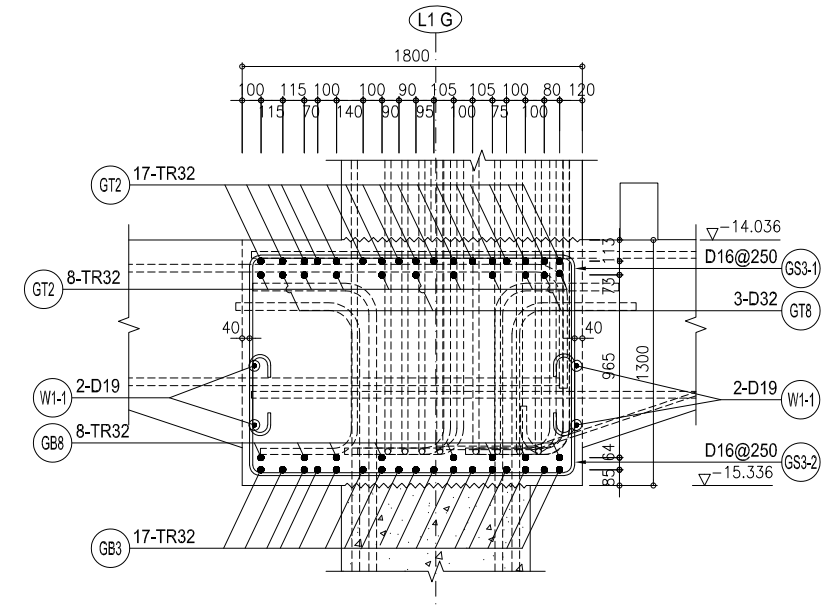
**SECTION A-A - CENTER / MẶT CẮT A-A - GIỮA**  
SCALE: 1/40



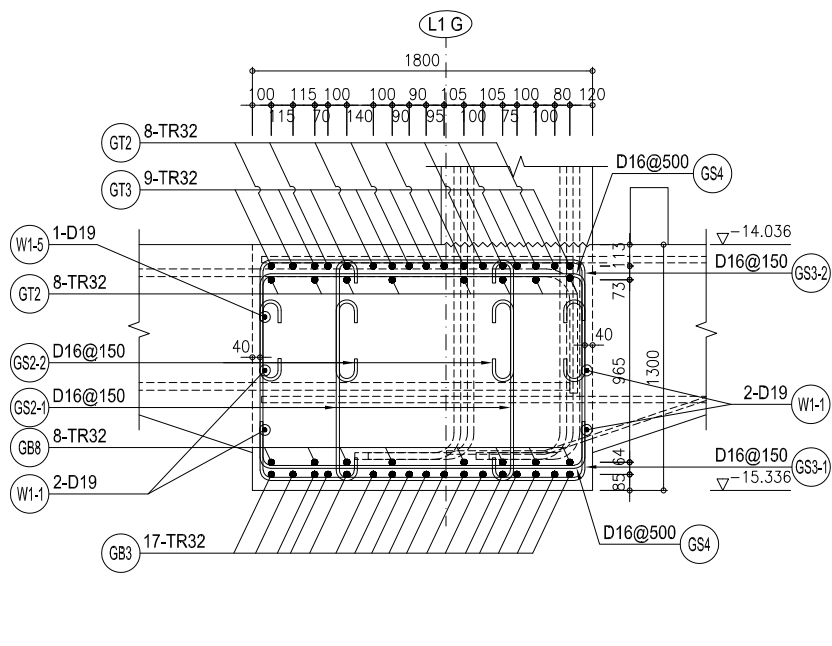
**SECTION B-B - SUPPORT / MẶT CẮT B-B - BIÊN**  
SCALE: 1/40



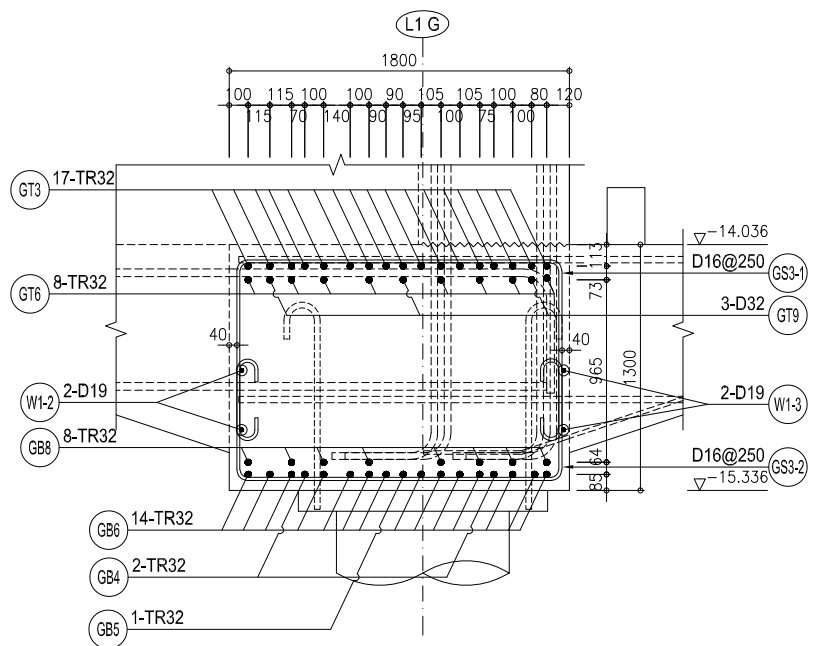
**SECTION C-C - SUPPORT / MẶT CẮT C-C - BIÊN**  
SCALE: 1/40



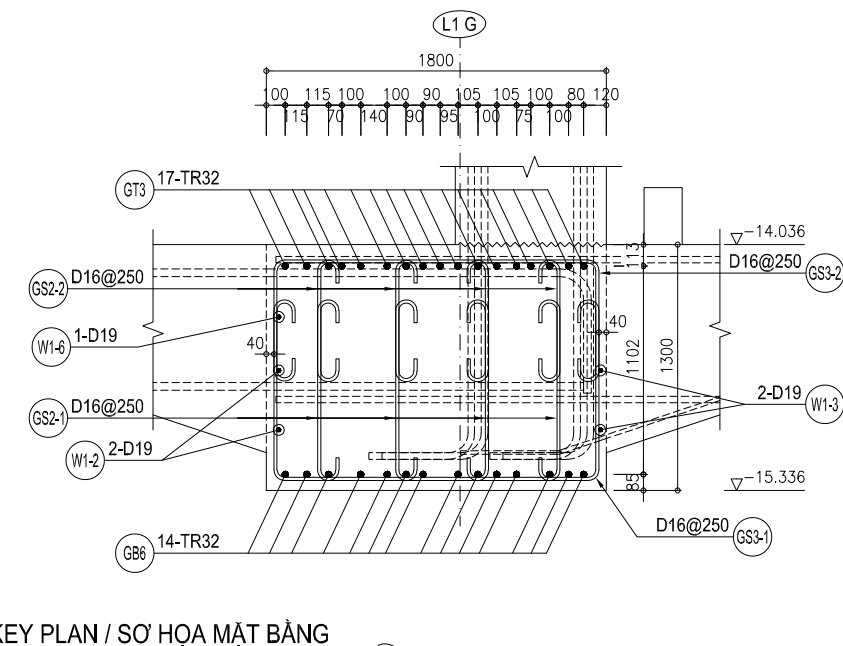
**SECTION D-D - CENTER / MẶT CẮT D-D - GIỮA**  
SCALE: 1/40



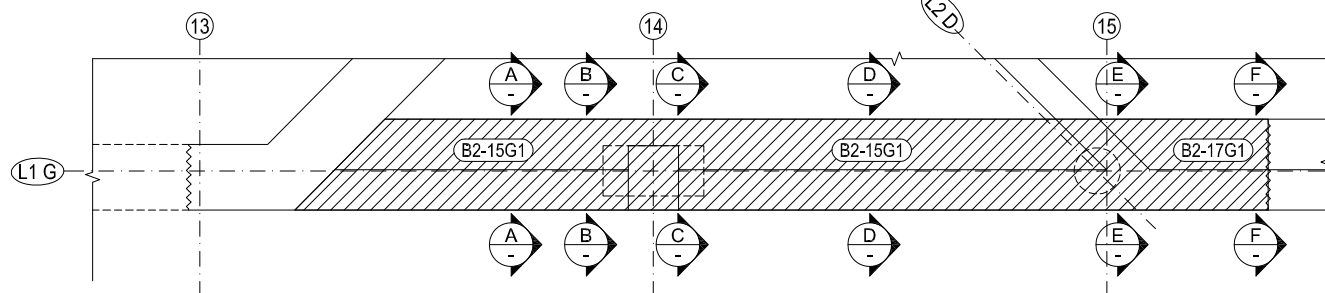
**SECTION E-E - SUPPORT / MẶT CẮT E-E - BIÊN**  
SCALE: 1/40



**SECTION F-F - CENTER / MẶT CẮT F-F - GIỮA**  
SCALE: 1/40



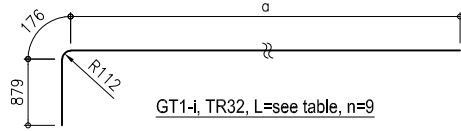
**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**



**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER AT AXIS L1G (05/05)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM TẠI TRỤC L1G (05/05)

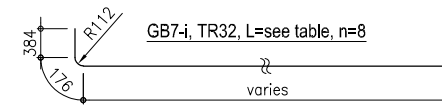
REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP
 SCALE: 1/100



| GT1-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+879+176 (mm) |
| GT1-1 | 1 | 2,812 | 3,867 |
| GT1-2 | 1 | 3,010 | 4,065 |
| GT1-3 | 1 | 3,208 | 4,263 |
| GT1-4 | 1 | 3,406 | 4,461 |
| GT1-5 | 1 | 3,604 | 4,659 |
| GT1-6 | 1 | 3,802 | 4,857 |
| GT1-7 | 1 | 4,000 | 5,055 |
| GT1-8 | 1 | 4,198 | 5,253 |
| GT1-9 | 1 | 4,396 | 5,451 |
| AVERAGE | | | 4,659 |



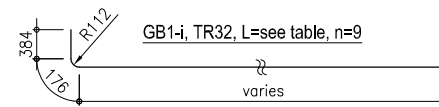
| GT7-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+751+176 (mm) |
| GT7-1 | 1 | 3,109 | 4,036 |
| GT7-2 | 1 | 3,804 | 4,731 |
| GT7-3 | 1 | 4,499 | 5,426 |
| AVERAGE | | | 4,731 |



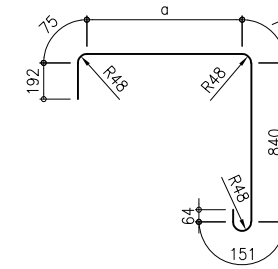
| GB7-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+384+176 (mm) |
| GB7-1 | 1 | 7,748 | 8,308 |
| GB7-2 | 1 | 7,946 | 8,506 |
| GB7-3 | 1 | 8,144 | 8,704 |
| GB7-4 | 1 | 8,342 | 8,902 |
| GB7-5 | 1 | 8,740 | 9,300 |
| GB7-6 | 1 | 8,938 | 9,498 |
| GB7-7 | 1 | 9,136 | 9,696 |
| GB7-8 | 1 | 9,334 | 9,894 |
| AVERAGE | | | 9,101 |



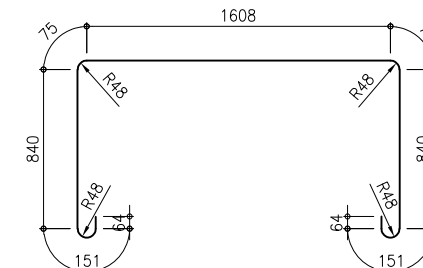
| GT4-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+879+176 (mm) |
| GT4-1 | 1 | 3,711 | 4,766 |
| GT4-2 | 1 | 3,909 | 4,964 |
| GT4-3 | 1 | 4,107 | 5,162 |
| GT4-4 | 1 | 4,305 | 5,360 |
| GT4-5 | 1 | 4,503 | 5,558 |
| GT4-6 | 1 | 4,701 | 5,756 |
| GT4-7 | 1 | 4,899 | 5,954 |
| GT4-8 | 1 | 5,097 | 6,152 |
| AVERAGE | | | 5,459 |



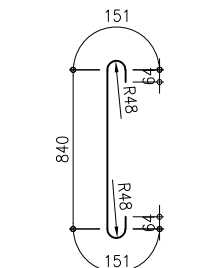
| GB1-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+384+176 (mm) |
| GB1-1 | 1 | 4,889 | 5,449 |
| GB1-2 | 1 | 5,087 | 5,647 |
| GB1-3 | 1 | 5,285 | 5,845 |
| GB1-4 | 1 | 5,483 | 6,043 |
| GB1-5 | 1 | 5,681 | 6,241 |
| GB1-6 | 1 | 5,879 | 6,439 |
| GB1-7 | 1 | 6,077 | 6,637 |
| GB1-8 | 1 | 6,275 | 6,835 |
| GB1-9 | 1 | 6,473 | 7,033 |
| AVERAGE | | | 6,241 |



GS1-i D16, L=see table, n=10



GS3-1 D16, L=3868, n=99



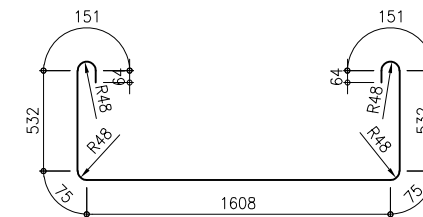
GS2-1 D16, L=1270, n=234



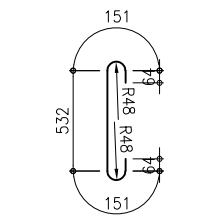
| GT5-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+751+176 (mm) |
| GT5-1 | 1 | 3,471 | 4,398 |
| GT5-2 | 1 | 3,669 | 4,596 |
| GT5-3 | 1 | 3,867 | 4,794 |
| GT5-4 | 1 | 4,065 | 4,992 |
| GT5-5 | 1 | 4,463 | 5,390 |
| GT5-6 | 1 | 4,661 | 5,588 |
| GT5-7 | 1 | 4,859 | 5,786 |
| GT5-8 | 1 | 5,057 | 5,984 |
| AVERAGE | | | 5,191 |



| GB2-i | | | |
|---------|-----------|--------|------------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+384+176 (mm) |
| GB2-1 | 1 | 5,788 | 6,348 |
| GB2-2 | 1 | 5,986 | 6,546 |
| GB2-3 | 1 | 6,184 | 6,744 |
| GB2-4 | 1 | 6,382 | 6,942 |
| GB2-5 | 1 | 6,580 | 7,140 |
| GB2-6 | 1 | 6,778 | 7,338 |
| GB2-7 | 1 | 6,976 | 7,536 |
| GB2-8 | 1 | 7,174 | 7,734 |
| AVERAGE | | | 7,041 |

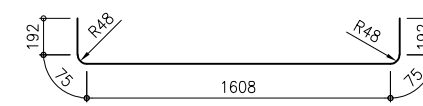


GS3-2 D16, L=3252, n=99



GS2-2 D16, L=962, n=234

| GS1-i | | | |
|---------|-----------|--------|---------------|
| NAME | No. (pcs) | a (mm) | L=a+1397 (mm) |
| GS1-1 | 1 | 120 | 1,517 |
| GS1-2 | 1 | 271 | 1,668 |
| GS1-3 | 1 | 422 | 1,819 |
| GS1-4 | 1 | 573 | 1,970 |
| GS1-5 | 1 | 724 | 2,121 |
| GS1-6 | 1 | 875 | 2,272 |
| GS1-7 | 1 | 1,026 | 2,423 |
| GS1-8 | 1 | 1,177 | 2,574 |
| GS1-9 | 1 | 1,328 | 2,725 |
| GS1-10 | 1 | 1,479 | 2,876 |
| AVERAGE | | | 2,197 |

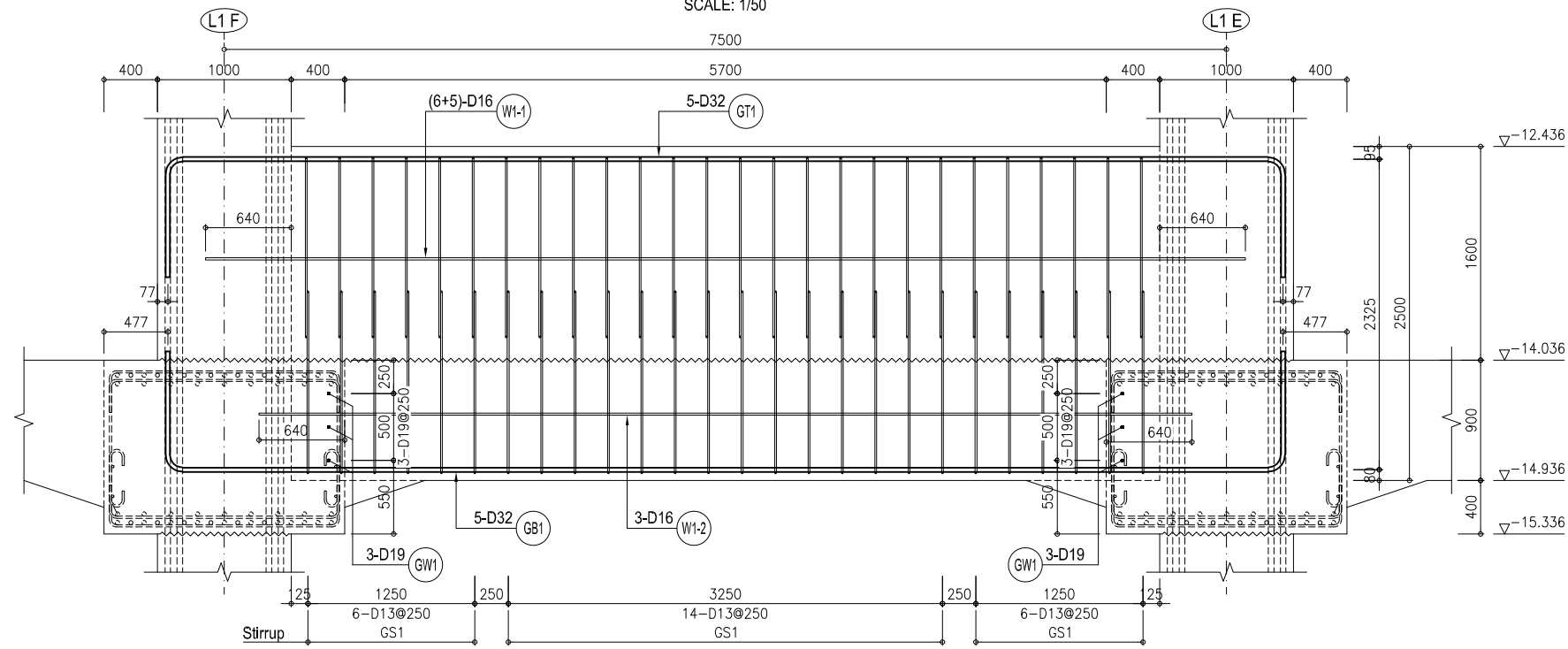


GS4 D16, L=2142, n=54

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER B2-13OG1 (01/02)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM B2-13OG1 (01/02)

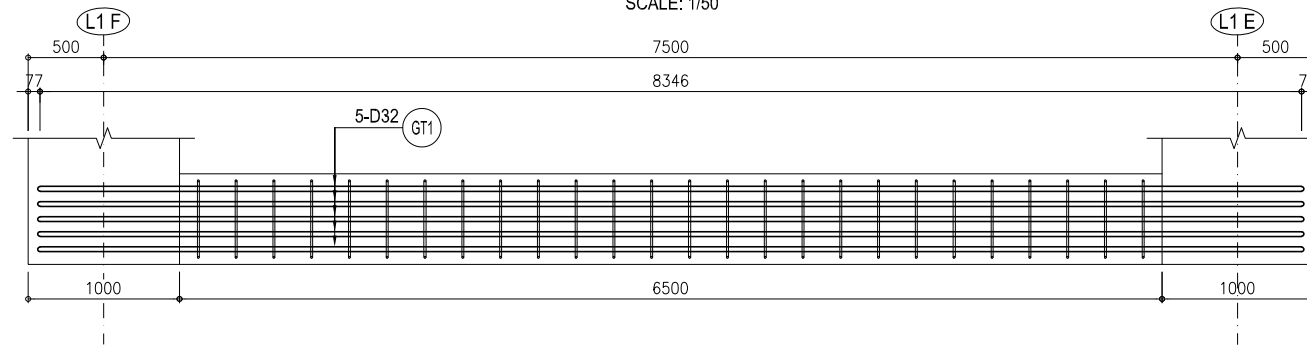
LONGITUDINAL SECTION / MẶT CẮT DỌC

SCALE: 1/50



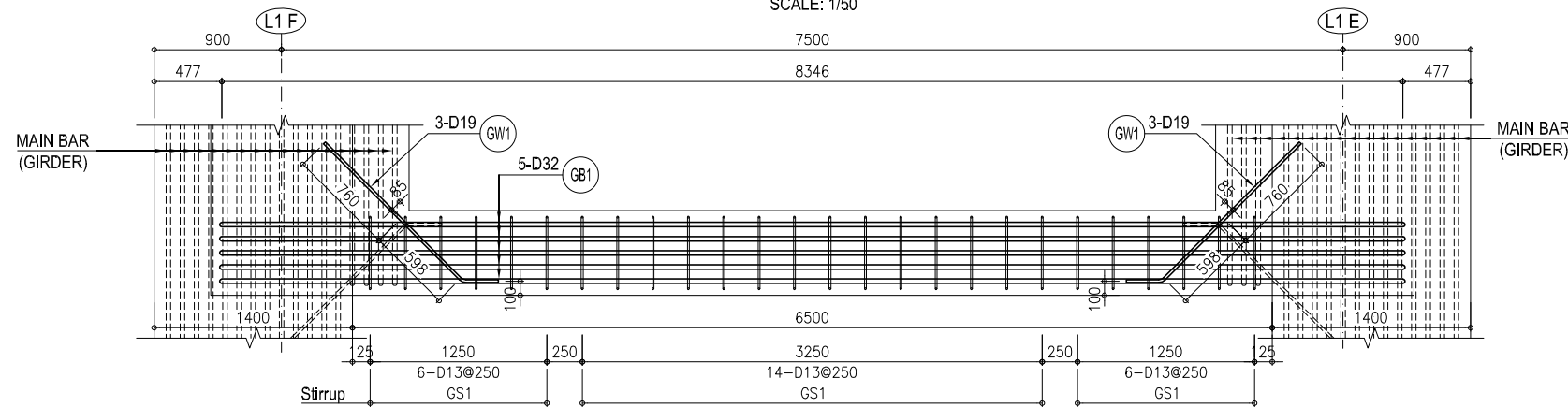
TOP LAYER PLAN VIEW / MẶT BẰNG PHÍA TRÊN

SCALE: 1/50

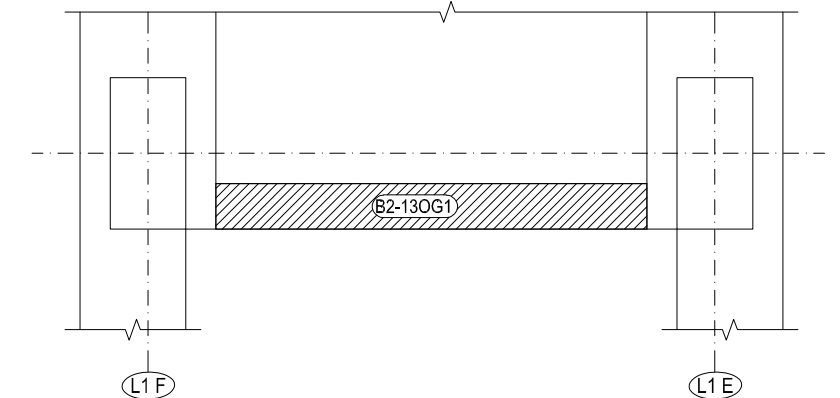


BOTTOM LAYER PLAN VIEW / MẶT BẰNG PHÍA DƯỚI

SCALE: 1/50



KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG

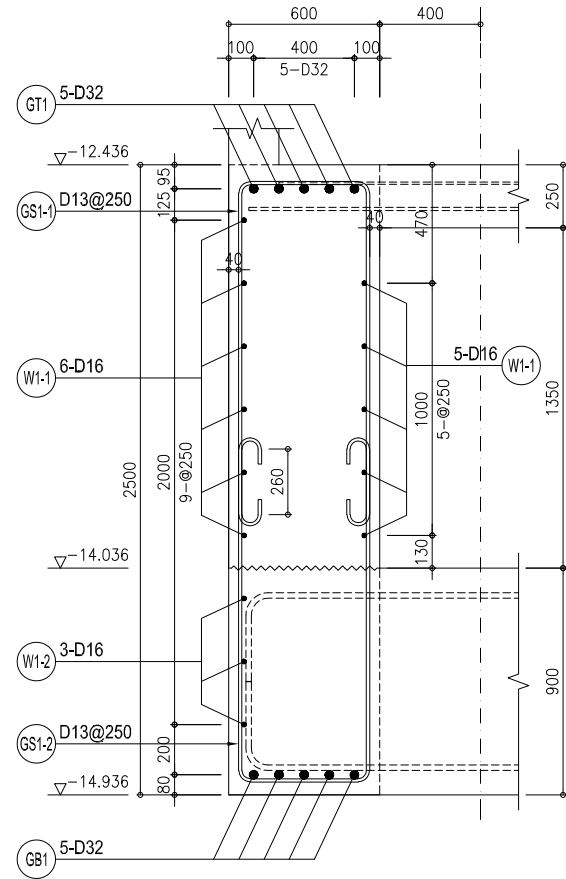


NOTES / GHI CHÚ:

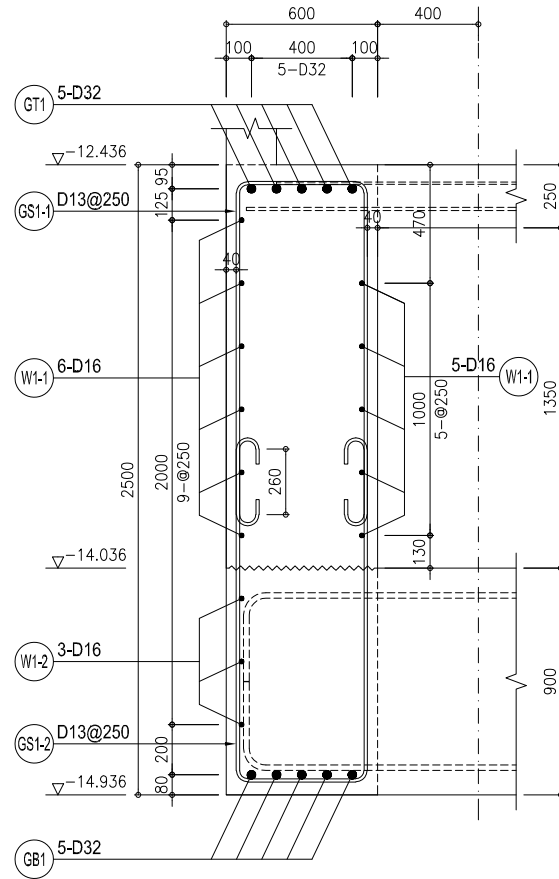
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GIRDER B2-13OG1 (02/02)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP DẦM B2-13OG1 (02/02)**

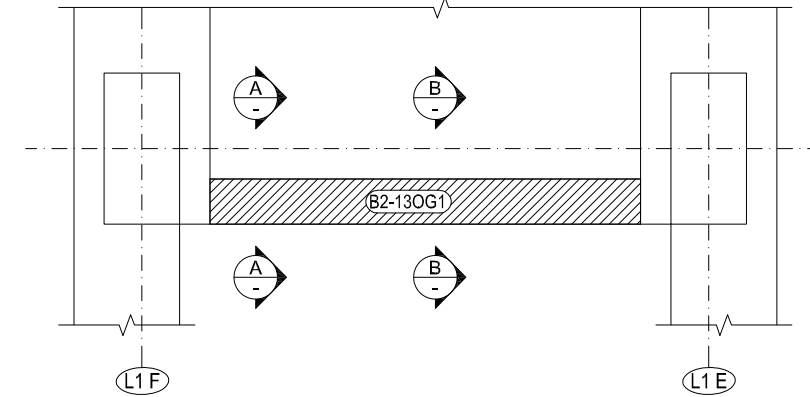
**SECTION A-A - SUPPORT / MẶT CẮT A-A - BIÊN**  
SCALE: 1/30



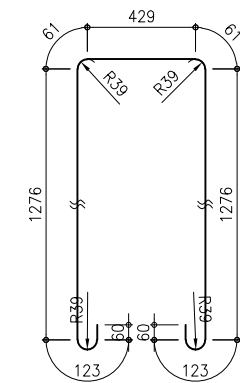
**SECTION B-B - CENTER / MẶT CẮT B-B - GIỮA**  
SCALE: 1/30



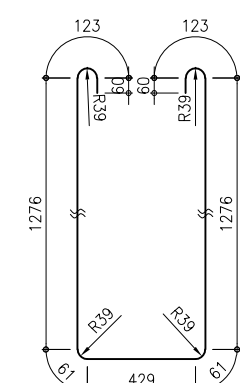
**KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG**



**REBAR DETAIL / CHI TIẾT THÉP**  
SCALE: 1/50



GS1-1 D13, L=3469, n=26

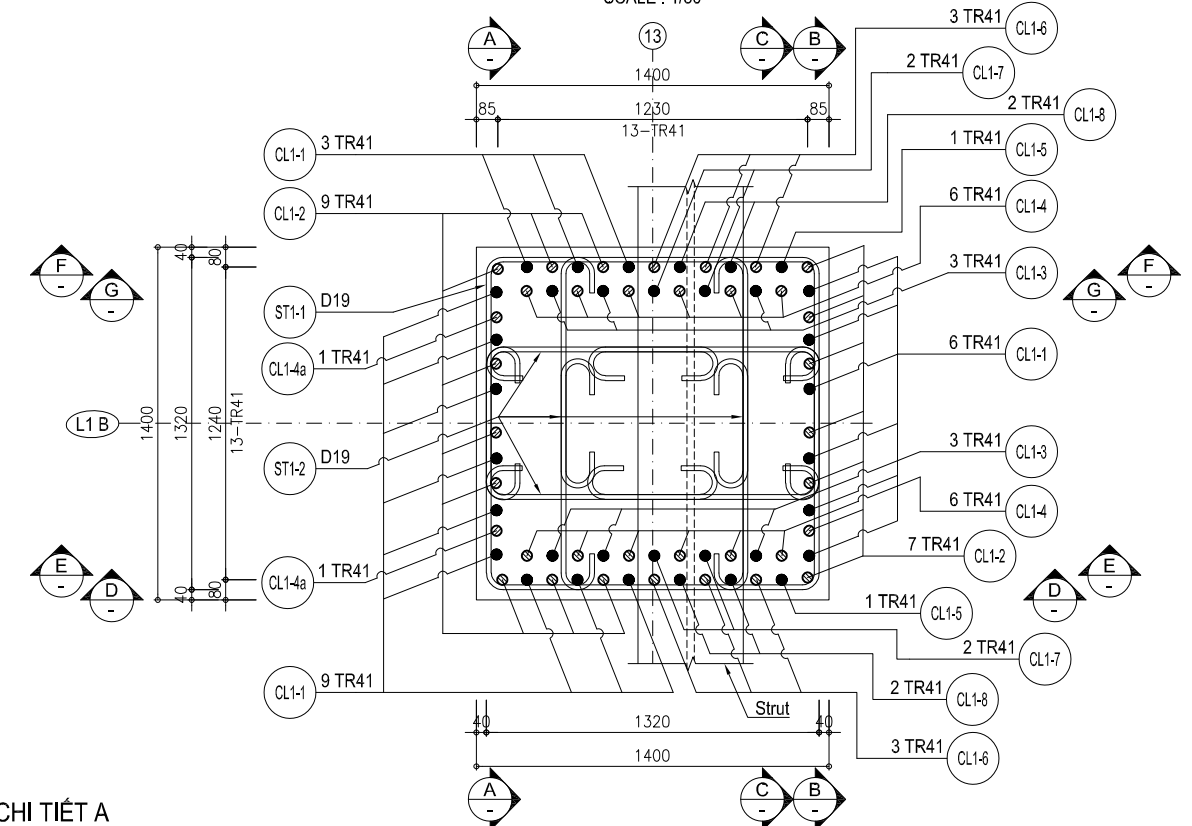
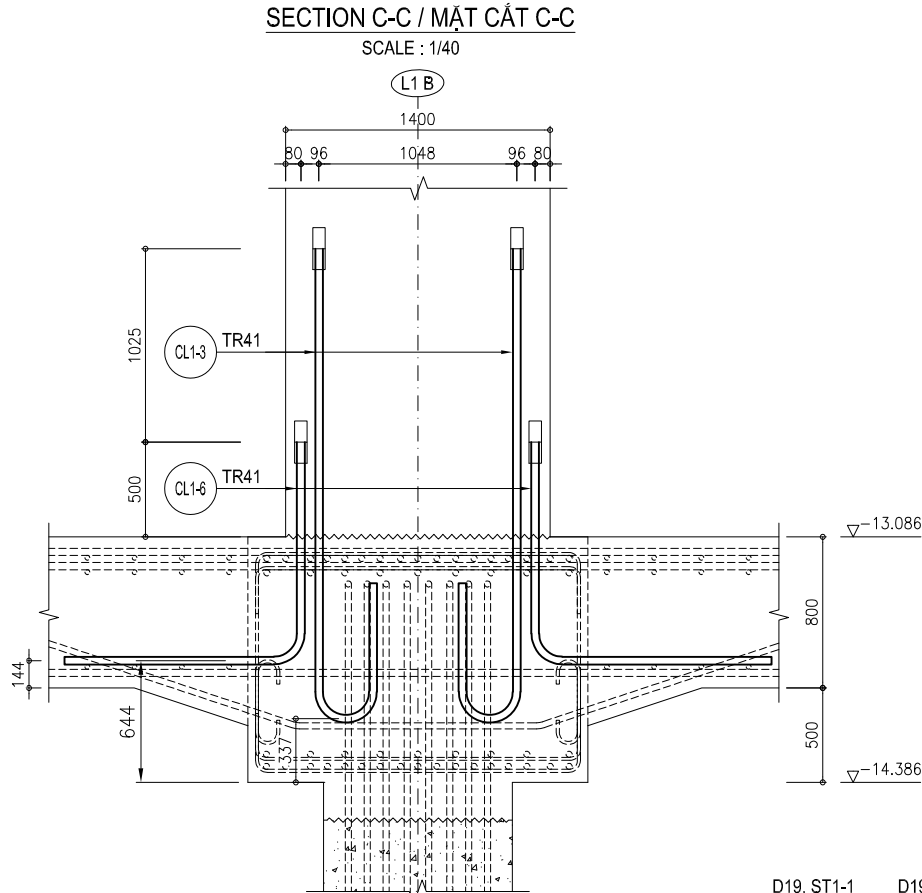
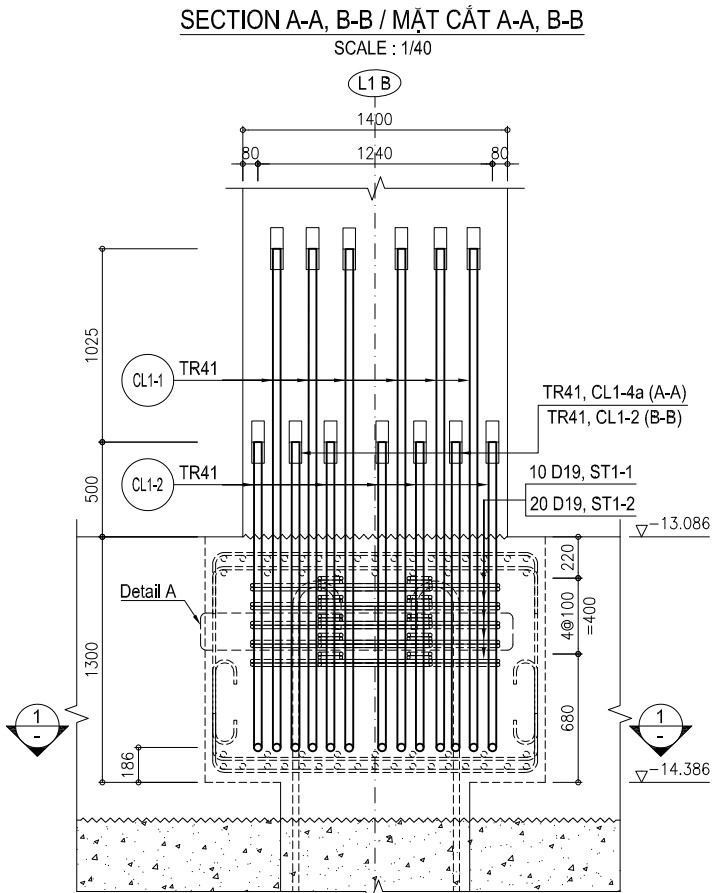


GS1-2 D13, L=3469, n=26

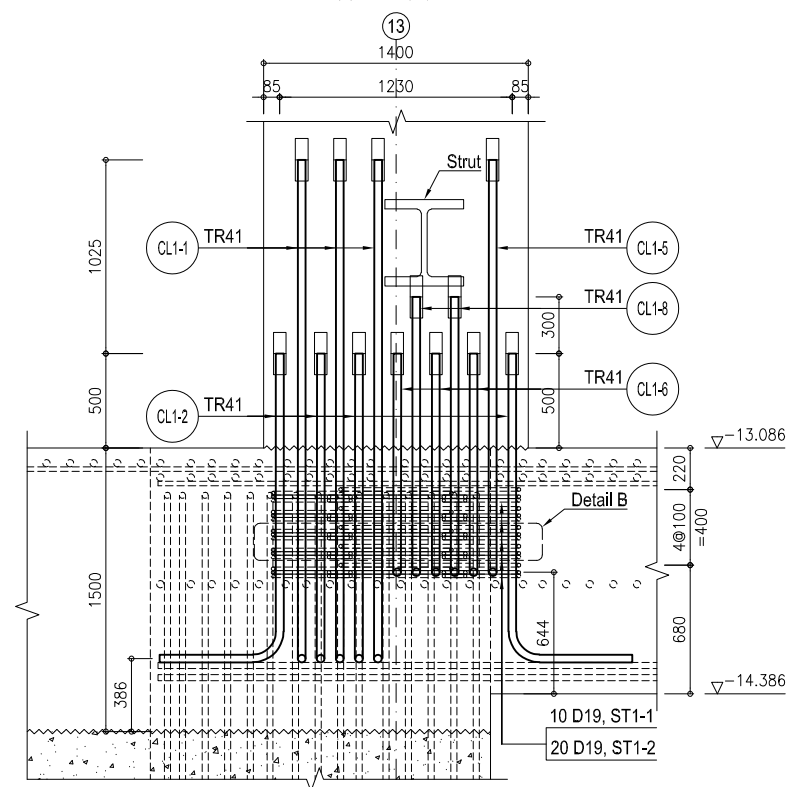
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR COLUMN [B2-13/L1B]
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CỘT [B2-13/L1B]

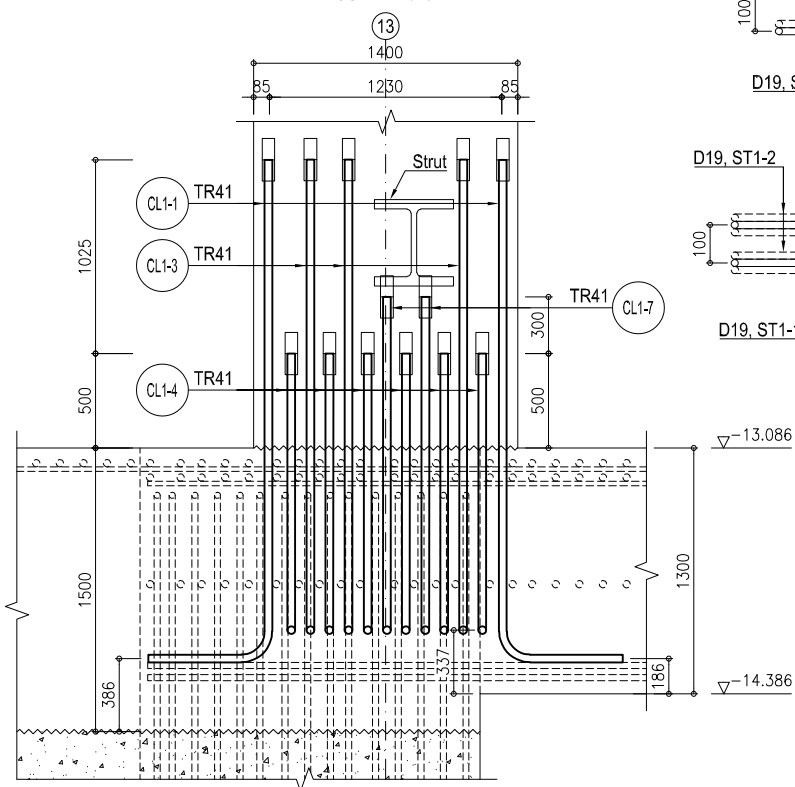
CROSS SECTION OF COLUMN [B2-13/L1B]
MẶT CẮT NGANG CỘT [B2-13/L1B]
 SCALE : 1/30



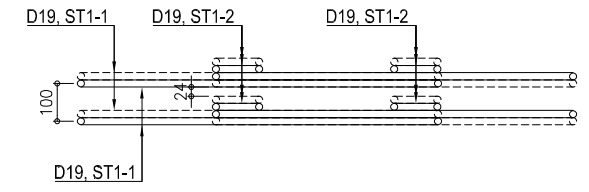
SECTION D-D, F-F / MẶT CẮT D-D, F-F
 SCALE : 1/40



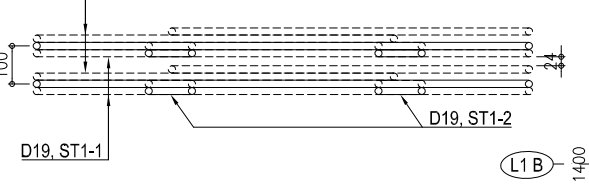
SECTION E-E, G-G / MẶT CẮT E-E, G-G
 SCALE : 1/40



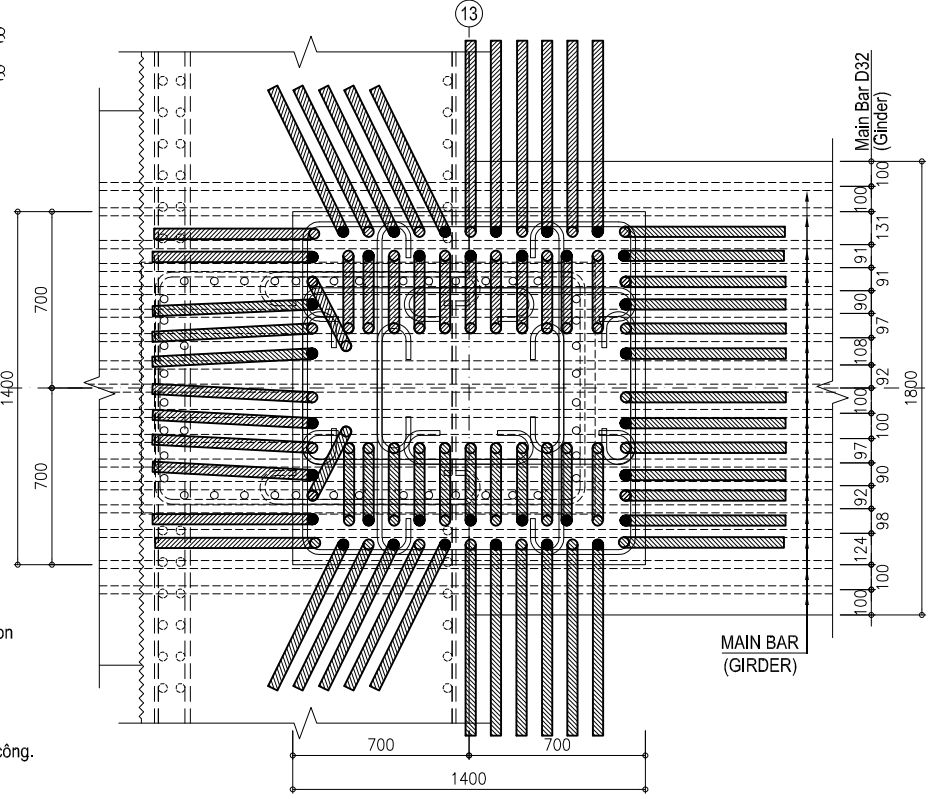
DETAIL A / CHI TIẾT A
 SCALE : 1/20



DETAIL B / CHI TIẾT B
 SCALE : 1/20



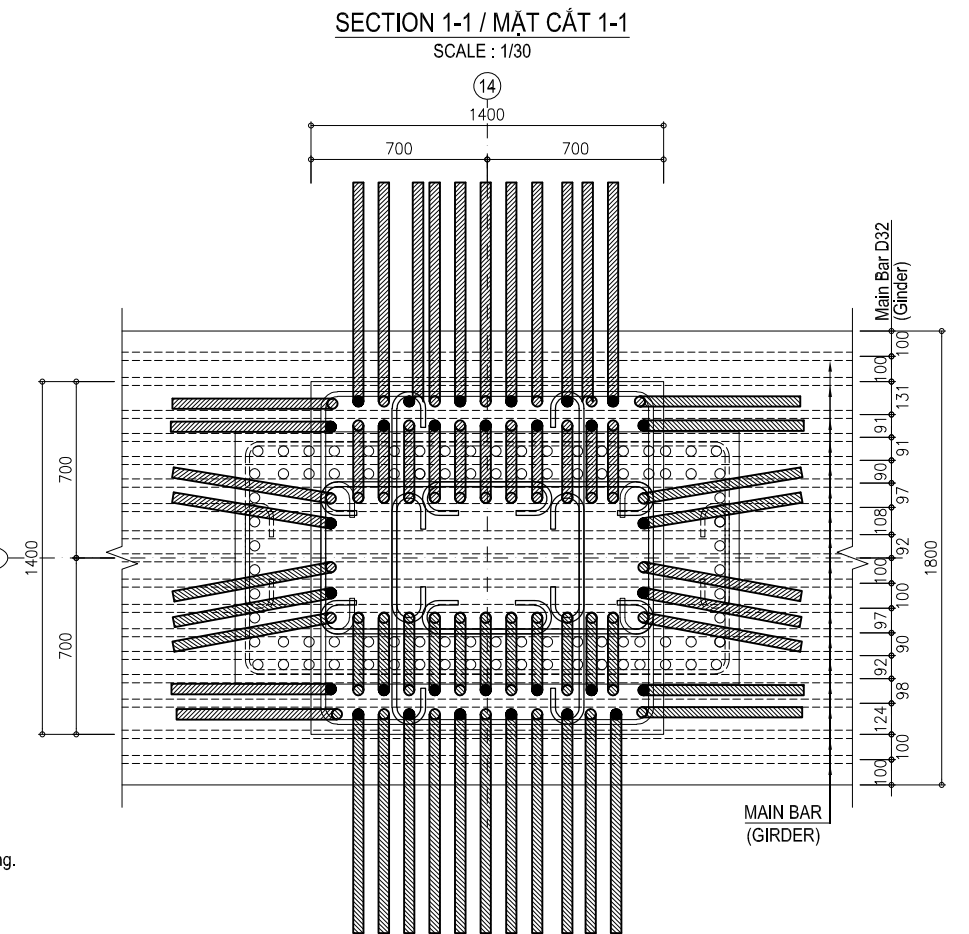
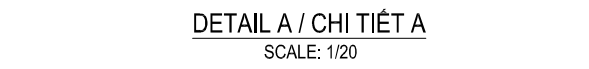
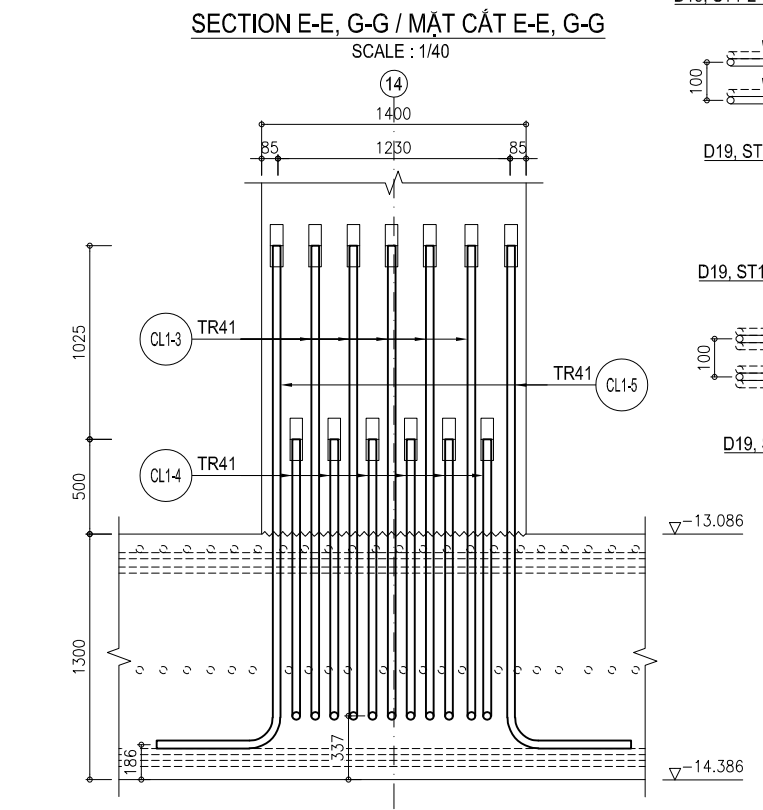
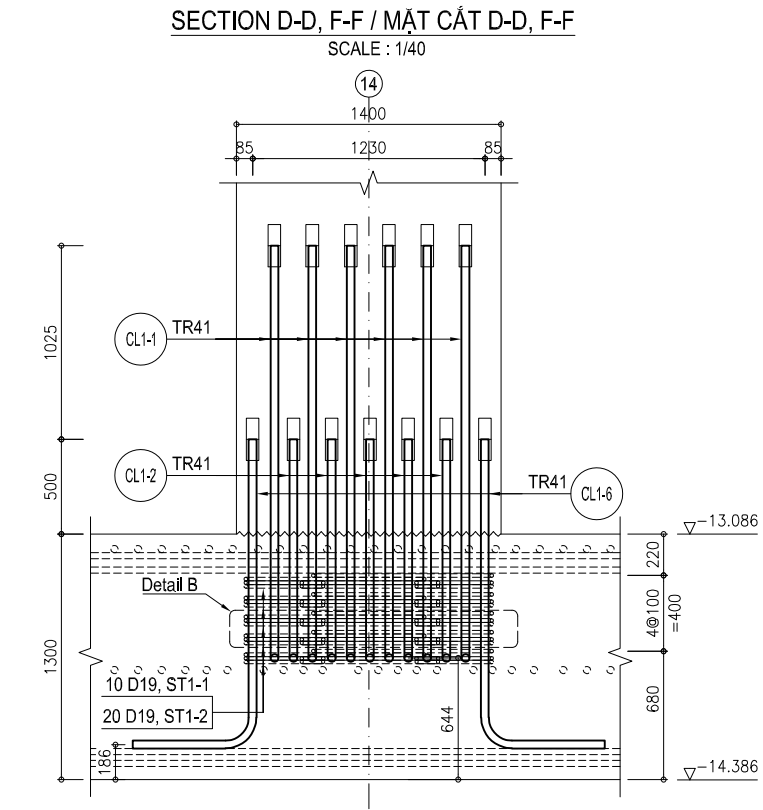
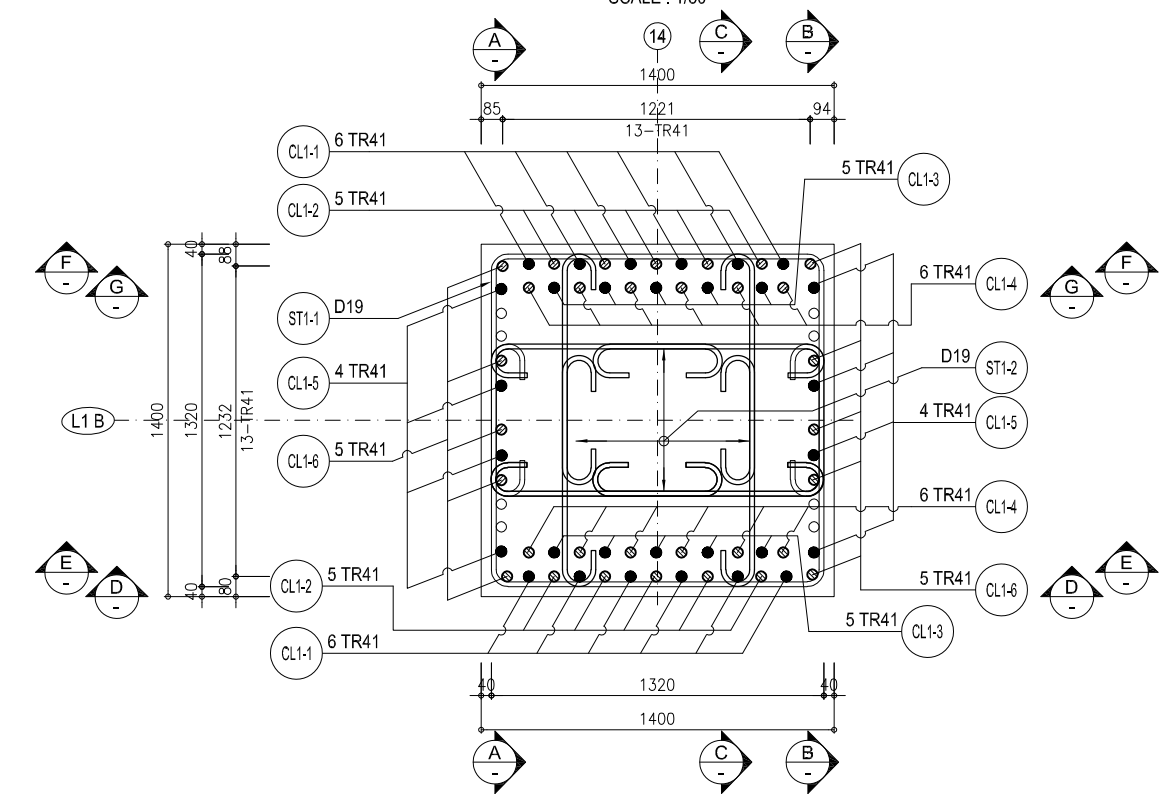
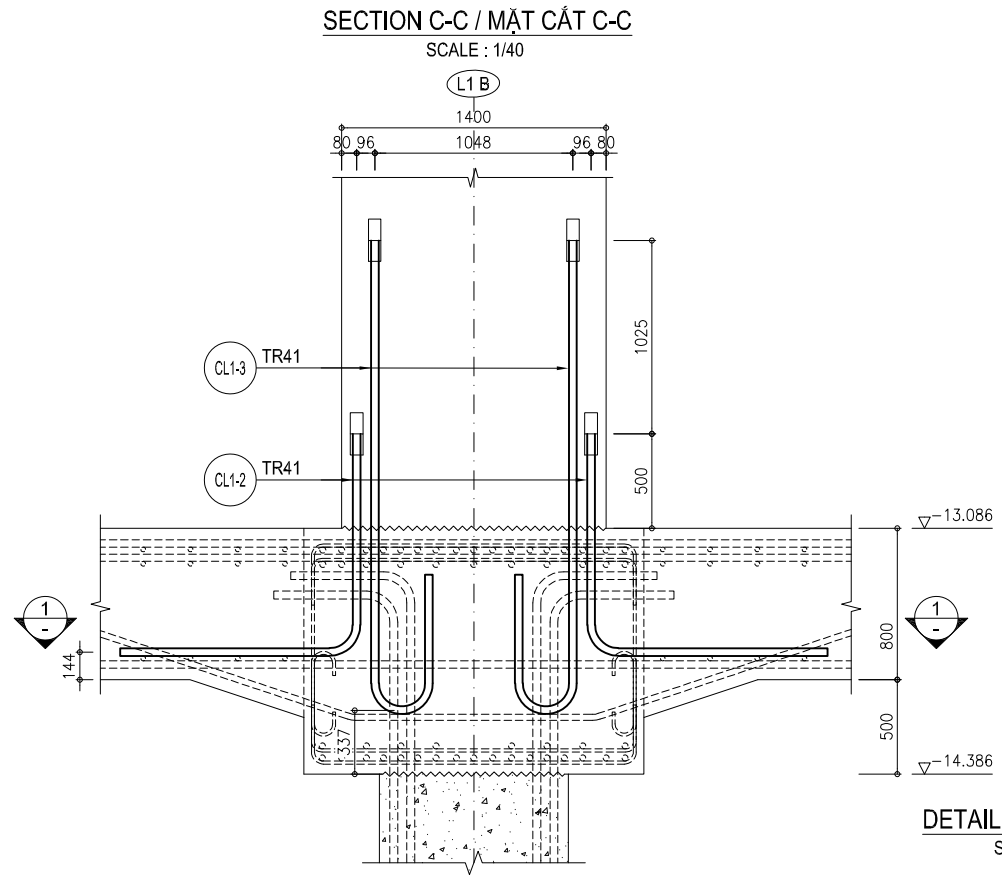
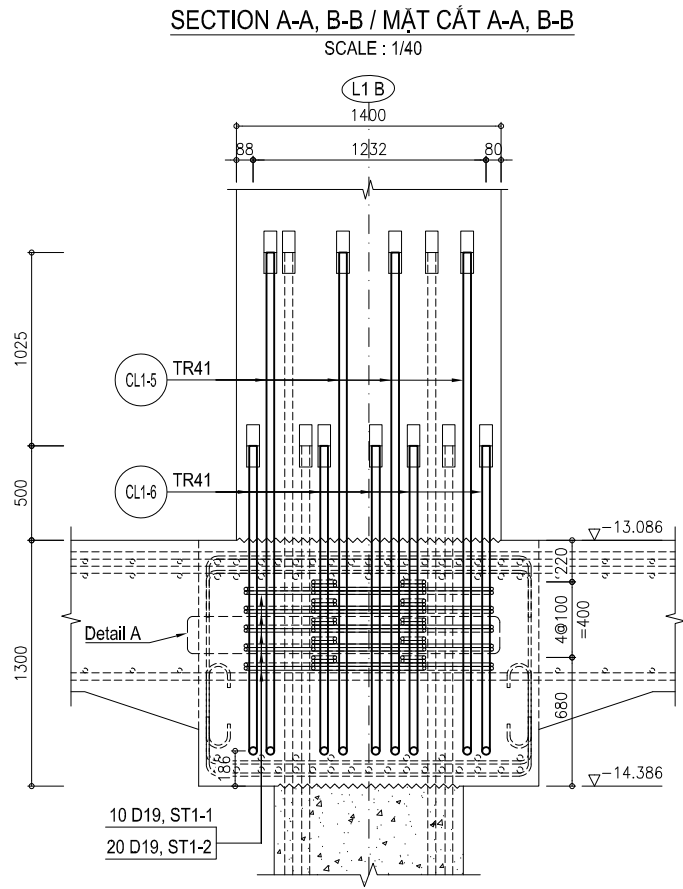
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
 SCALE : 1/30



- NOTES / GHI CHÚ:**
- Column rebar can be adjusted depend on the site condition
Thép chủ của cột có thể được điều chỉnh tùy theo tình trạng thực tế của công trường
 - Coupler shall be installed at the next stage.
Coupler sẽ được lắp đặt ở giai đoạn tiếp theo.
 - ~~~~~ : C.J (Construction joint) / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR COLUMN [B2-14/L1B]
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CỘT [B2-14/L1B]

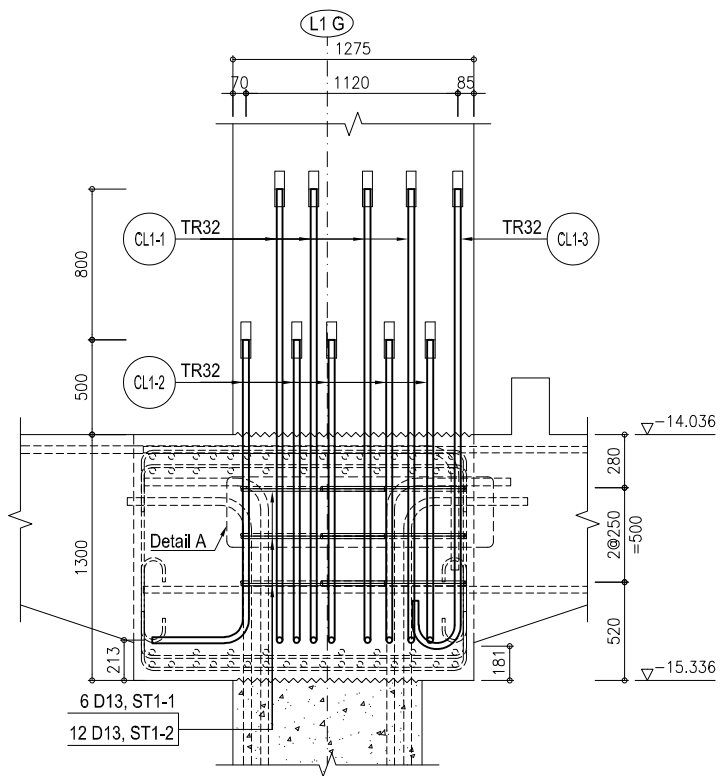
CROSS SECTION OF COLUMN [B2-14/L1B]
MẶT CẮT NGANG CỘT [B2-14/L1B]
 SCALE : 1/30



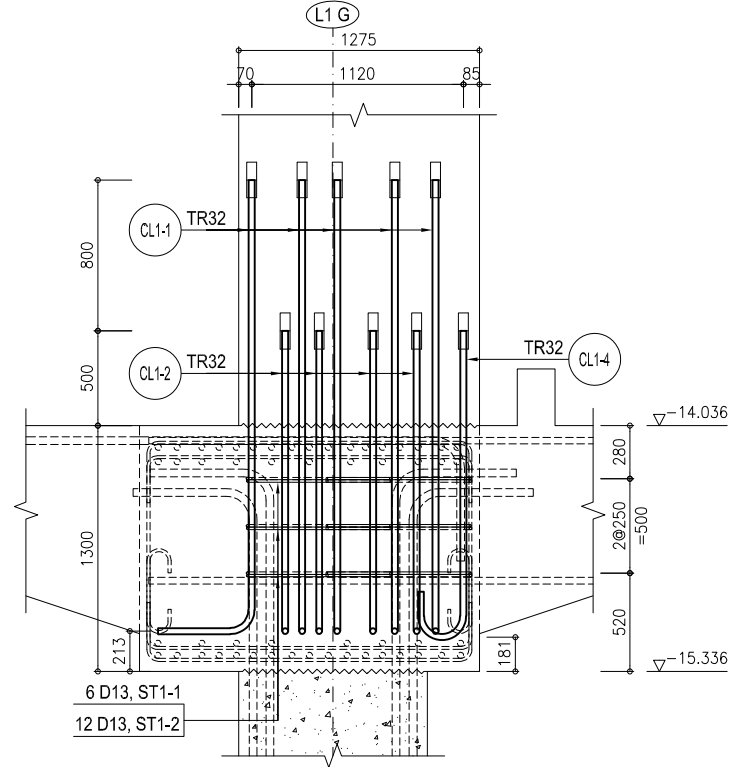
- NOTES / GHI CHÚ:**
- Column rebar can be adjusted depend on the site condition
 Thép chủ của cột có thể được điều chỉnh tùy theo tình trạng thực tế của công trường
 - Coupler shall be installed at the next stage.
 Coupler sẽ được lắp đặt ở giai đoạn tiếp theo.
 - ~~~~~ : C.J (Construction joint) / Mỗi nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR COLUMN [B2-14/L1G]
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỘT THÉP CỘT [B2-14/L1G]

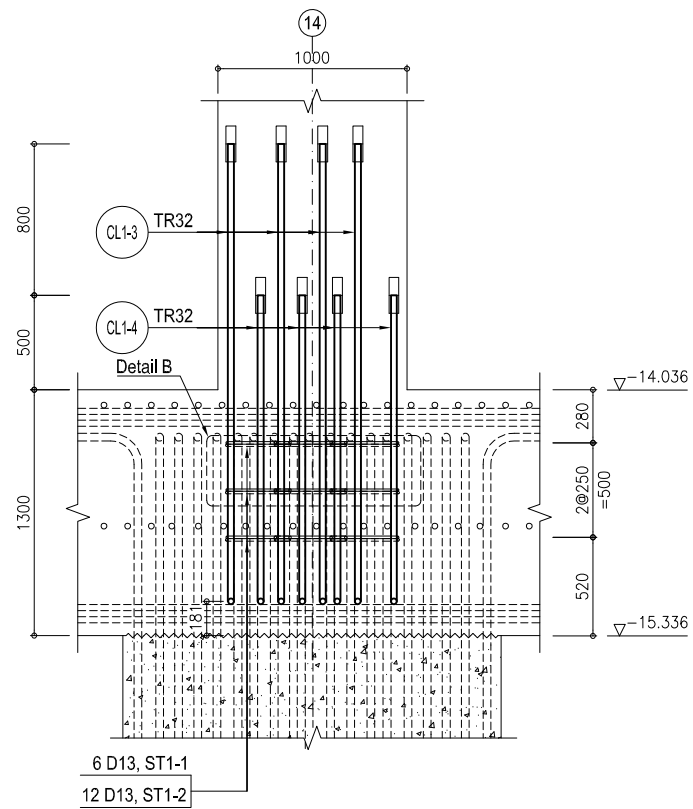
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
SCALE : 1/40



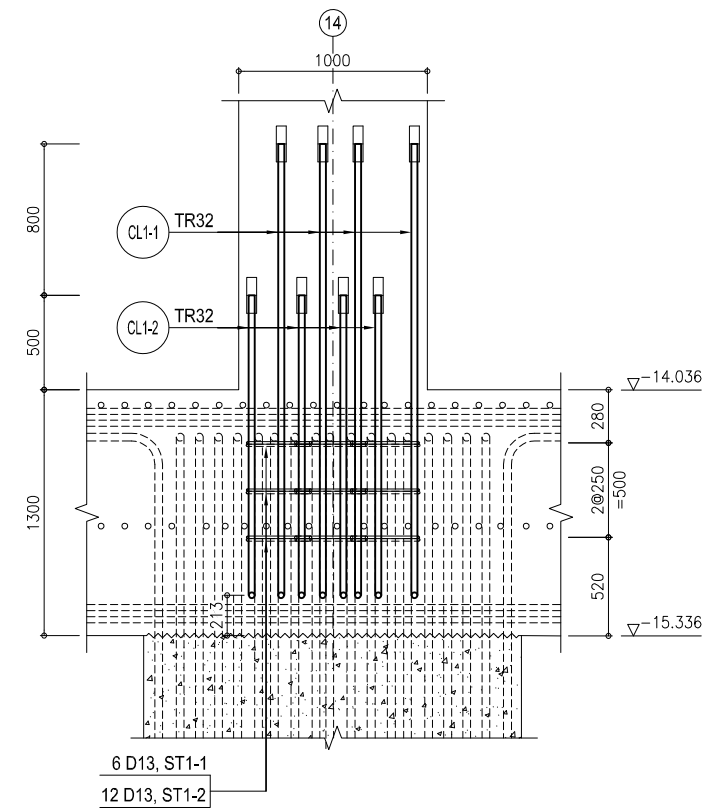
SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE : 1/40



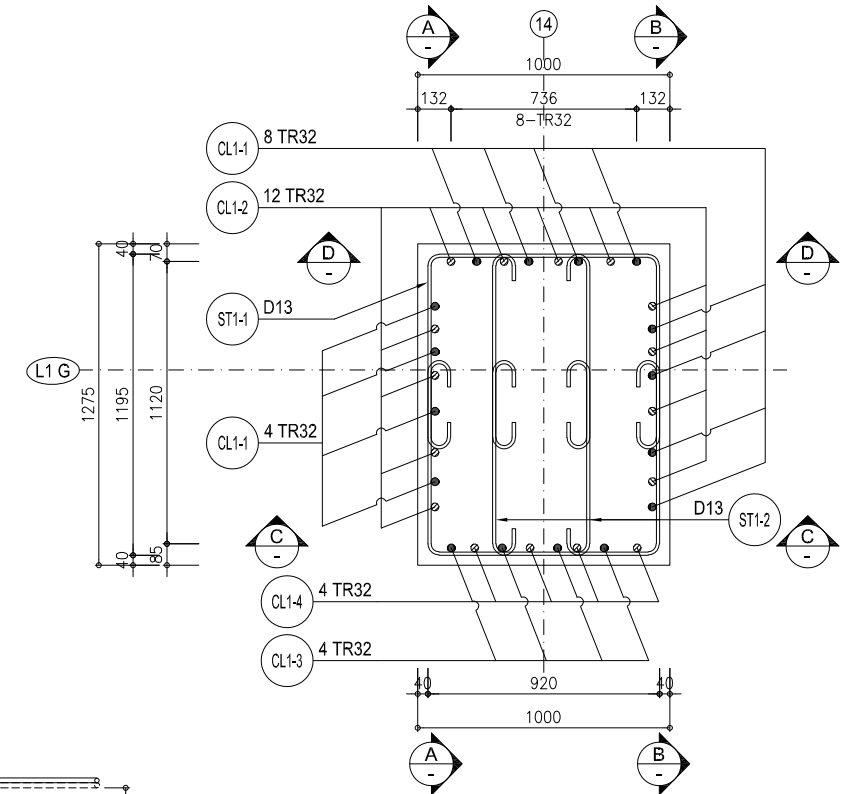
SECTION C-C / MẶT CẮT C-C
SCALE : 1/40



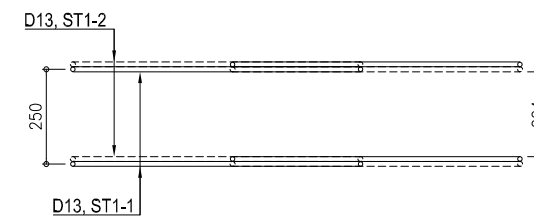
SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
SCALE : 1/40



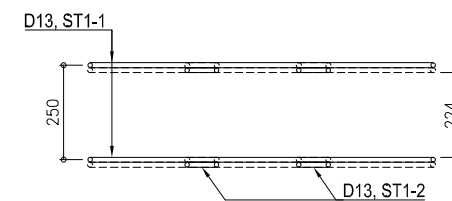
CROSS SECTION OF COLUMN [B2-14/L1G]
MẶT CẮT NGANG CỘT [B2-14/L1G]
SCALE : 1/30



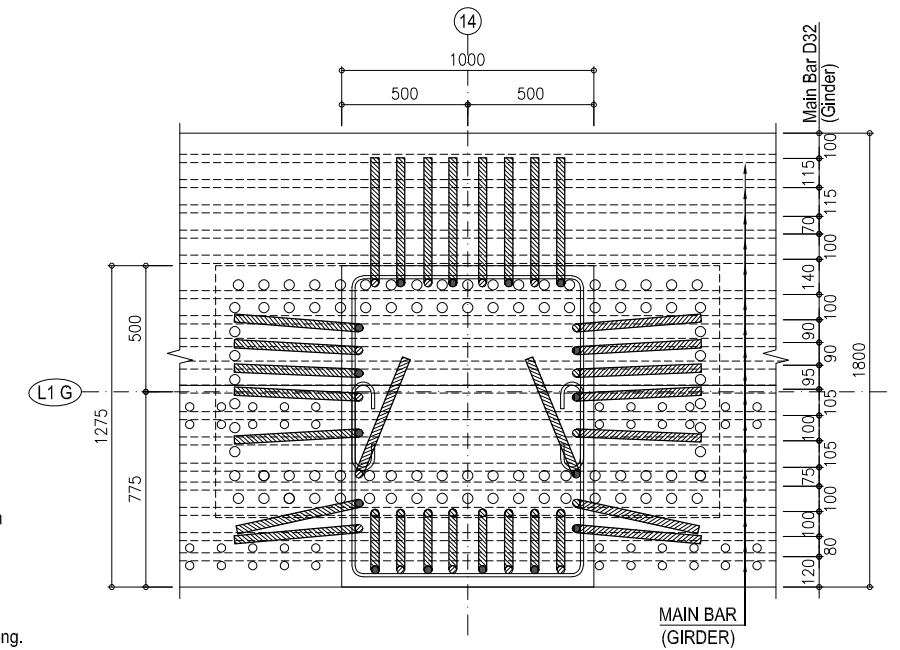
DETAIL A / CHI TIẾT A
SCALE: 1/20



DETAIL B / CHI TIẾT B
SCALE: 1/20



SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
SCALE: 1/30



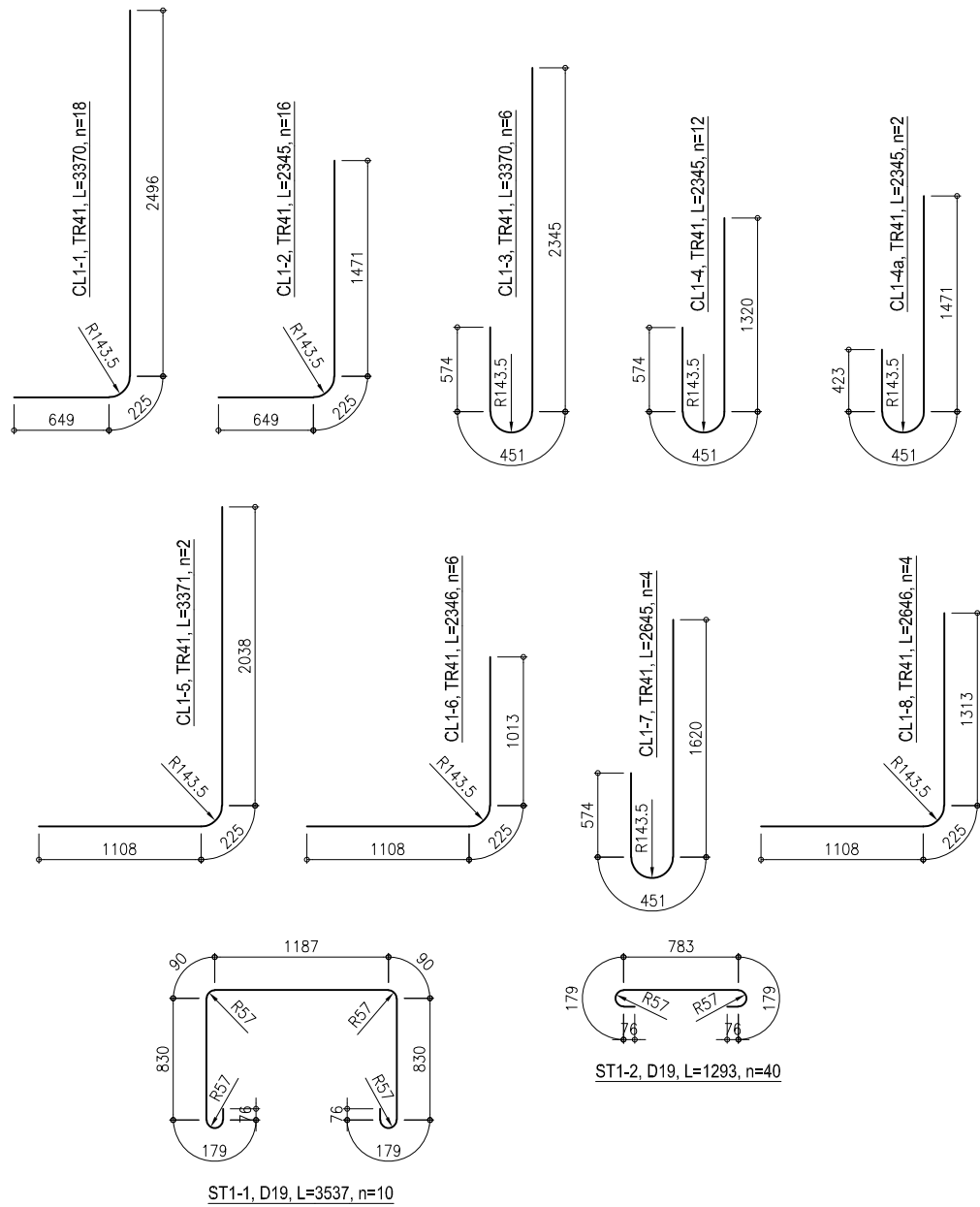
NOTES / GHI CHÚ:

- Column rebar can be adjusted depend on the site condition
Thép chủ của cột có thể được điều chỉnh tùy theo tình trạng thực tế của công trường
- Coupler shall be installed at the next stage.
Coupler sẽ được lắp đặt ở giai đoạn tiếp theo.
- ~~~~~ : C.J (Construction joint) / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR DETAIL OF COLUMN
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CHI TIẾT CỘT THÉP CỘT

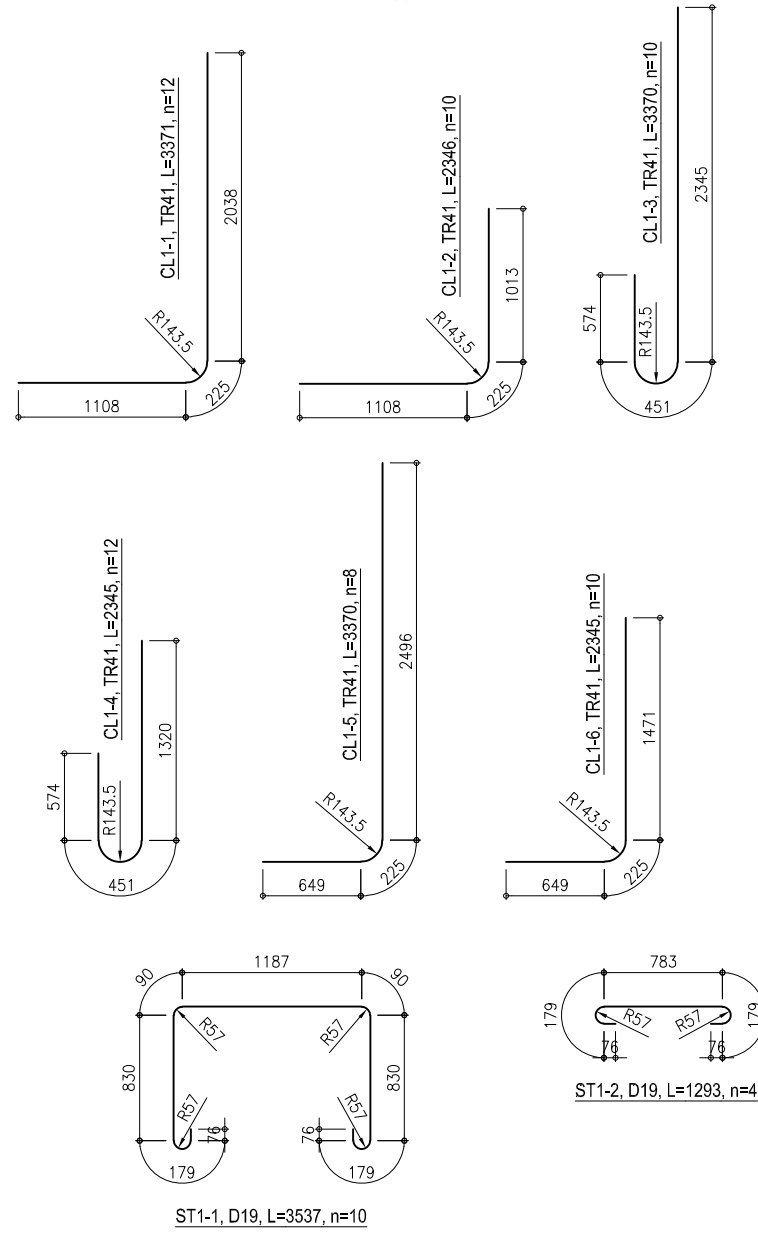
REBAR DETAIL OF COLUMN [B2-13/L1B]
CHI TIẾT THÉP CỘT [B2-13/L1B]

SCALE : 1/50



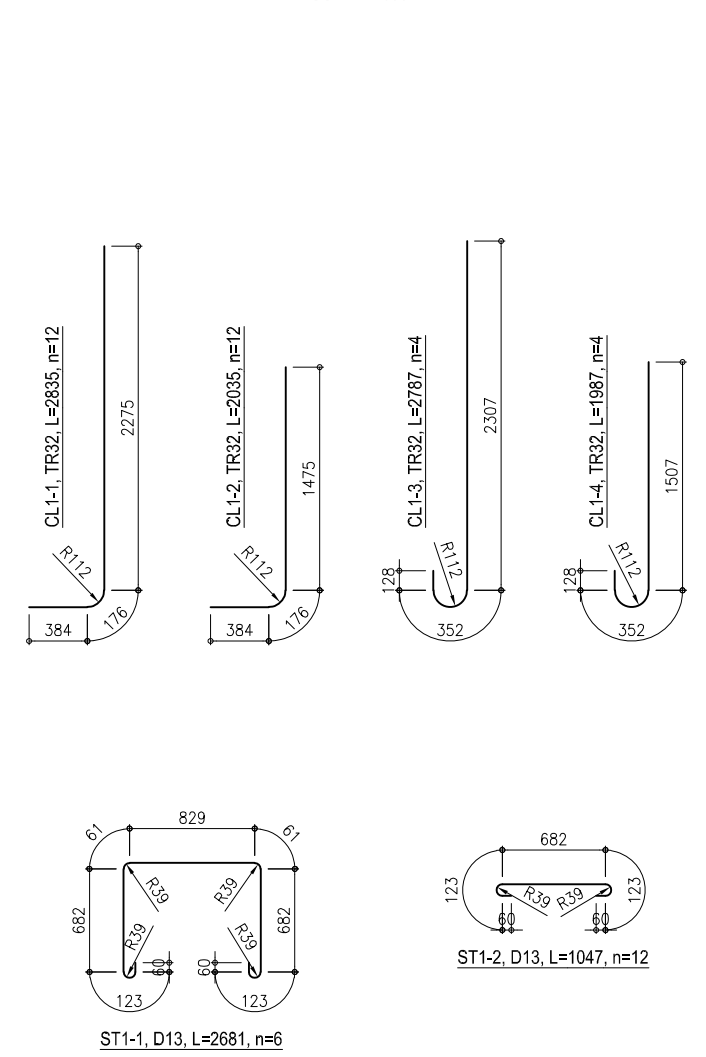
REBAR DETAIL OF COLUMN [B2-14/L1B]
CHI TIẾT THÉP CỘT [B2-14/L1B]

SCALE : 1/50



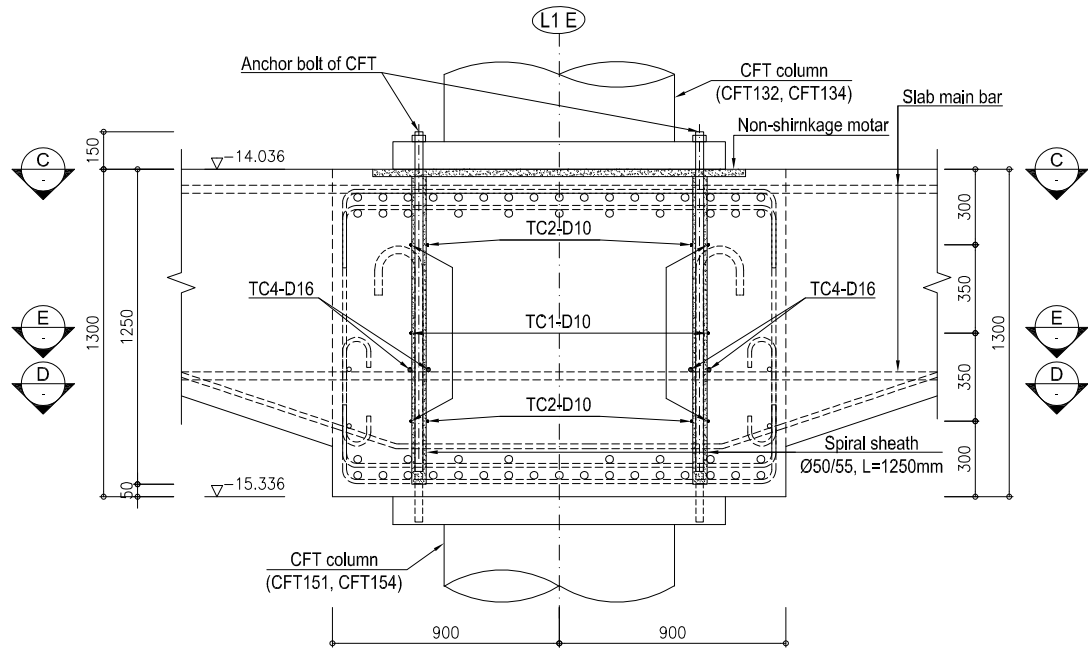
REBAR DETAIL OF COLUMN [B2-14/L1G]
CHI TIẾT THÉP CỘT [B2-14/L1G]

SCALE : 1/50

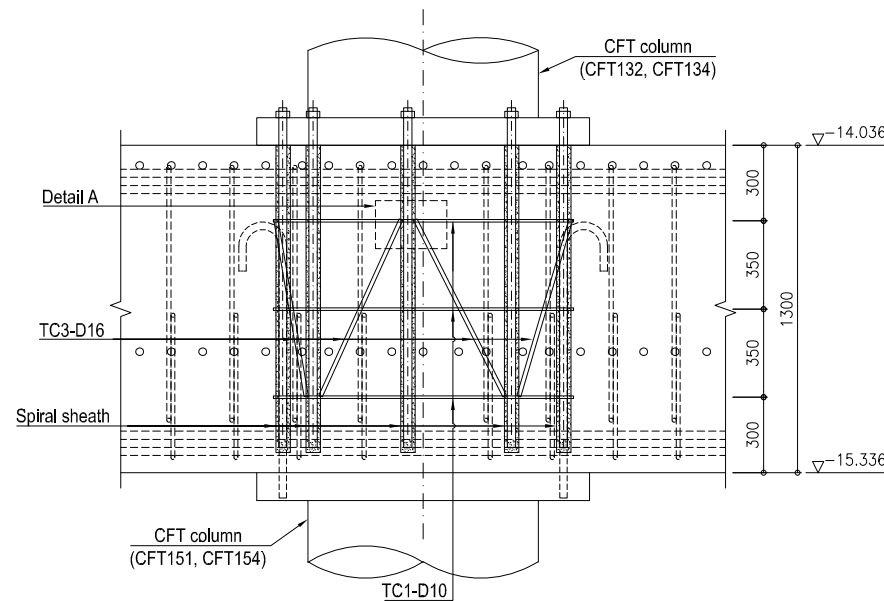


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ANCHOR BOLT ARRANGEMENT FOR CFT COLUMN - 132, 134
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ BU LÔNG NEO CHO CỘT CFT - 132, 134

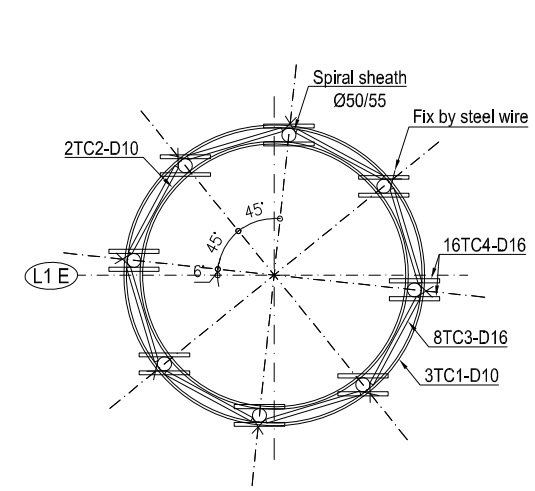
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
SCALE: 1/30



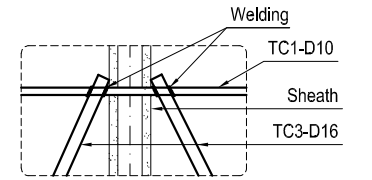
SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE: 1/30



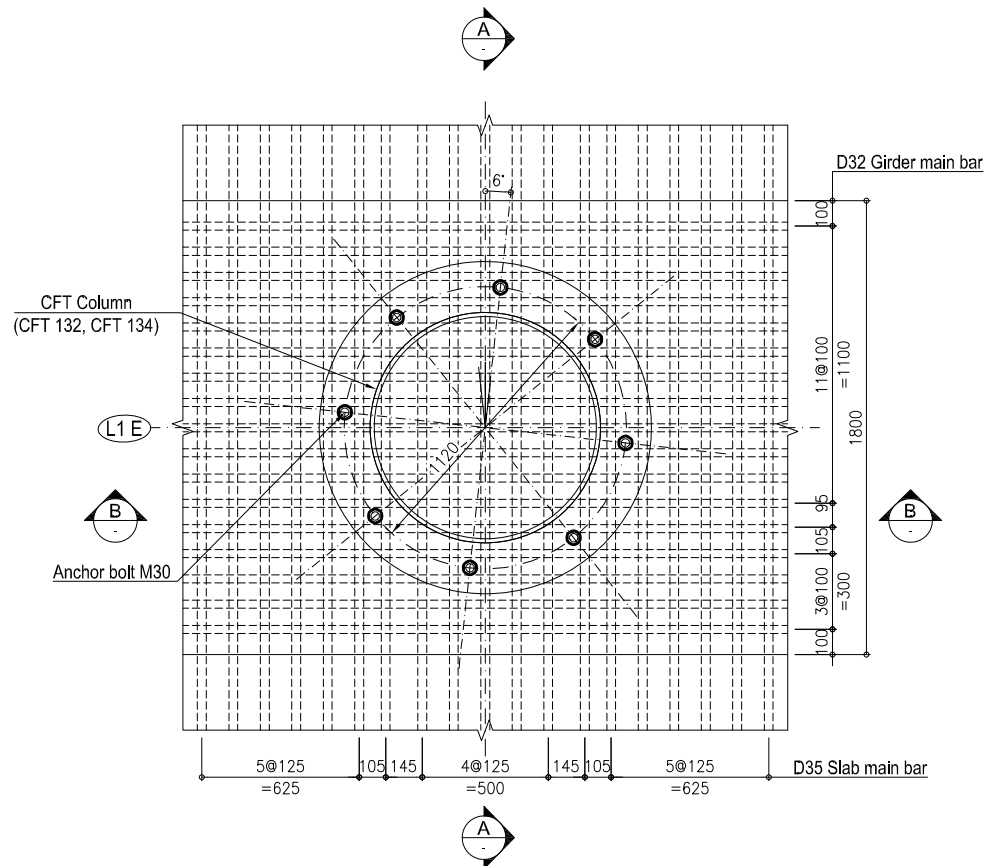
SECTION E-E / MẶT CẮT E-E
SCALE: 1/30



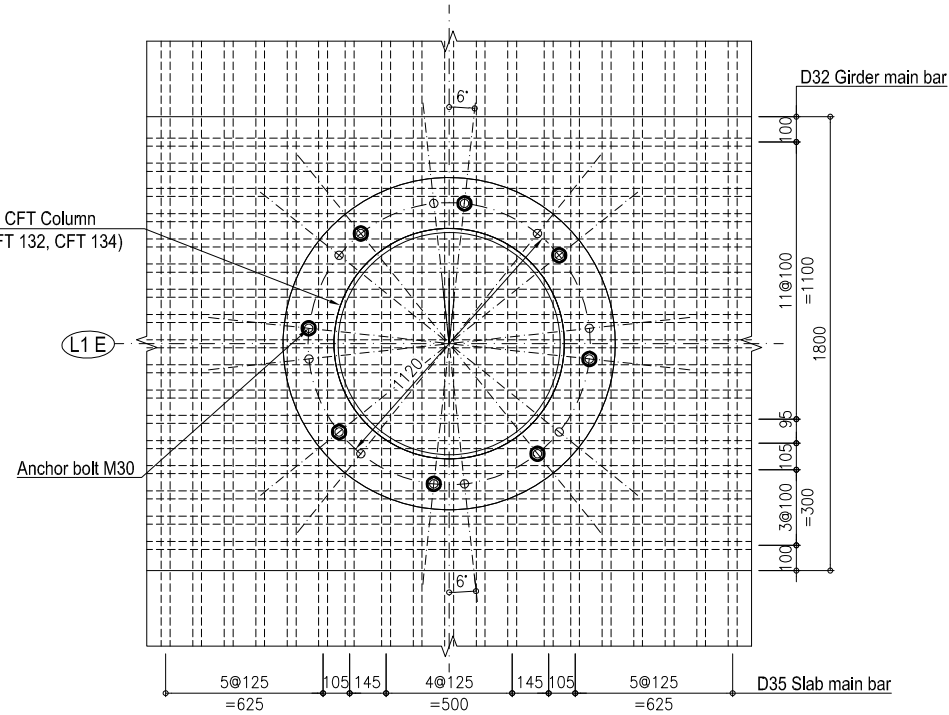
DETAIL A / CHI TIẾT A
SCALE: 1/10



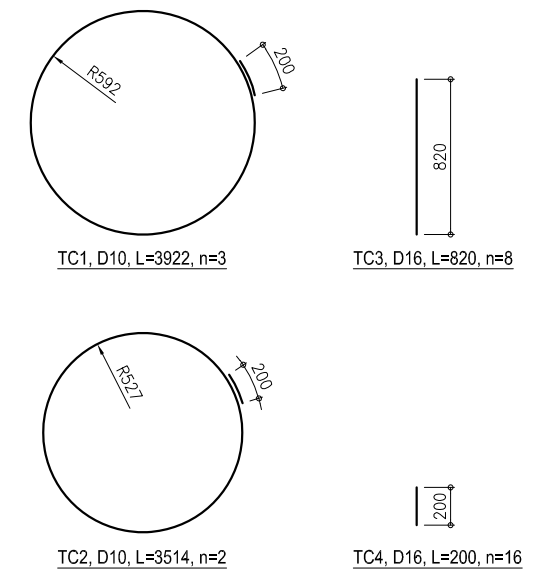
SECTION C-C / MẶT CẮT C-C
SCALE: 1/30



SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
SCALE: 1/30



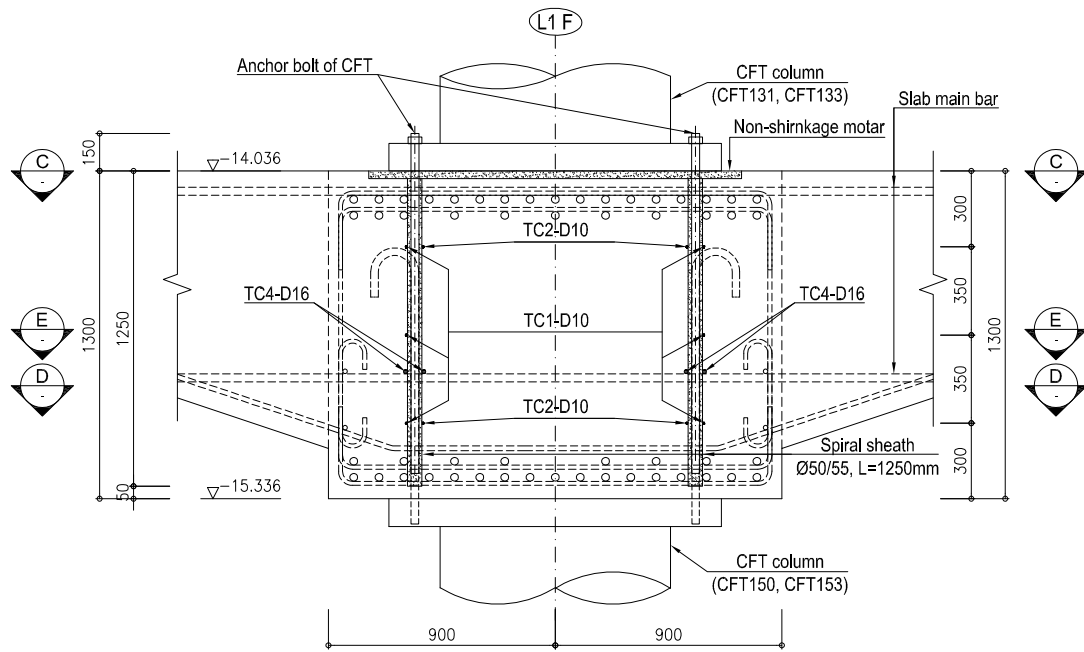
REBAR DETAIL FOR FIXING BAR OF CFT COLUMN
CHI TIẾT CỐT THÉP ĐỊNH VỊ CHO CỘT CFT
SCALE: 1/40



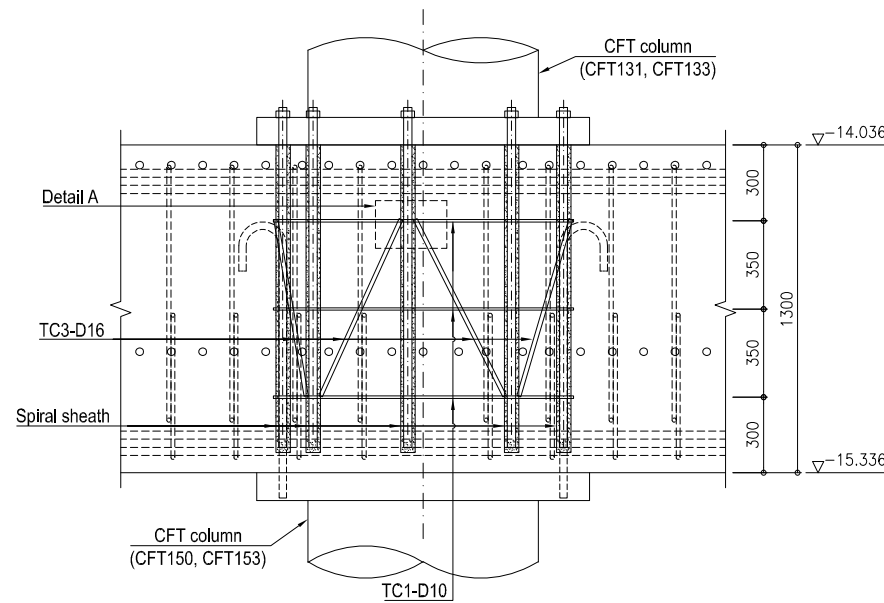
NOTES / CHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - ANCHOR BOLT ARRANGEMENT FOR CFT COLUMN - 131, 133**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ BU LÔNG NEO CHO CỘT CFT - 131, 133**

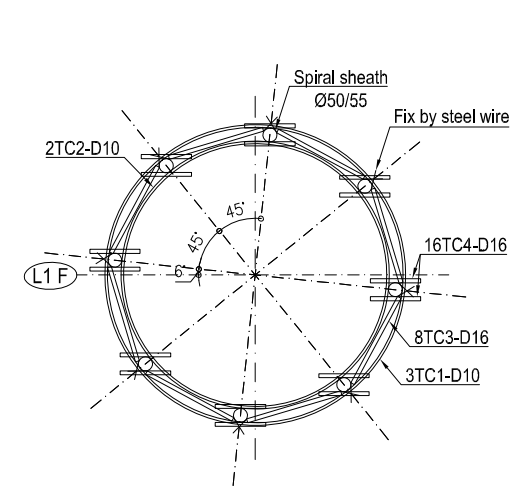
**SECTION A-A / MẶT CẮT A-A**  
SCALE: 1/30



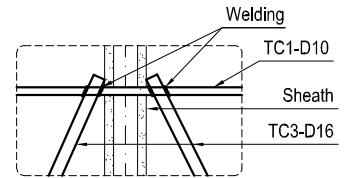
**SECTION B-B / MẶT CẮT B-B**  
SCALE: 1/30



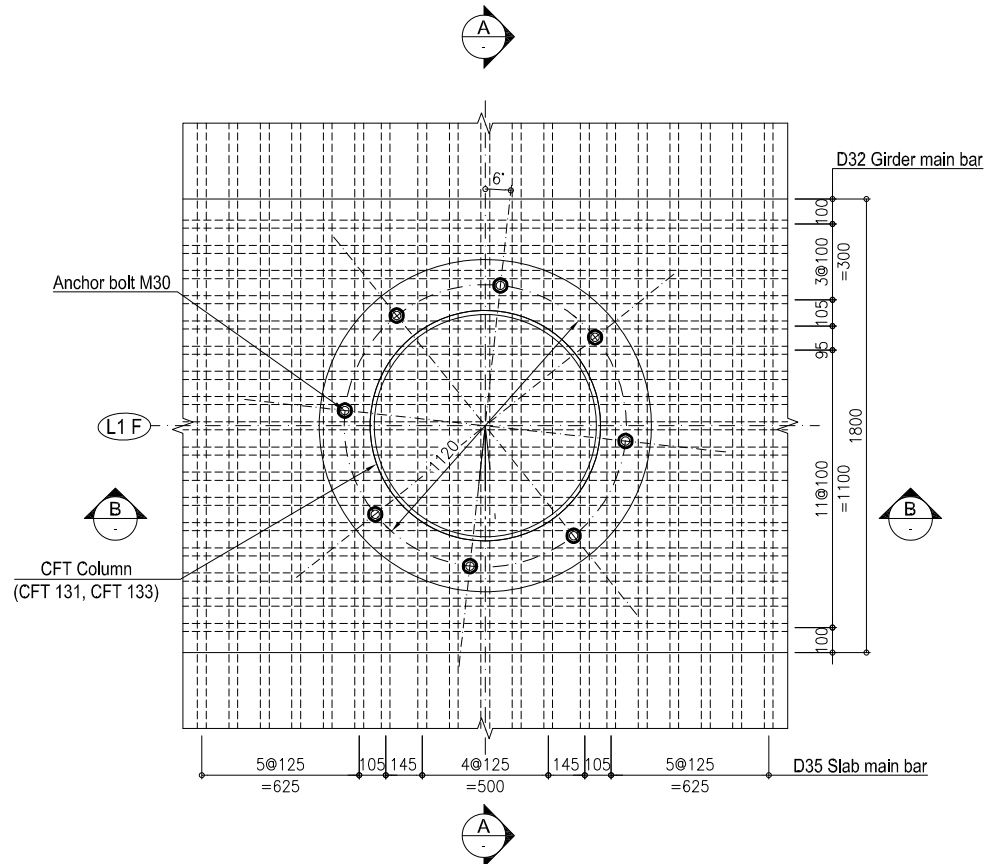
**SECTION E-E / MẶT CẮT E-E**  
SCALE: 1/30



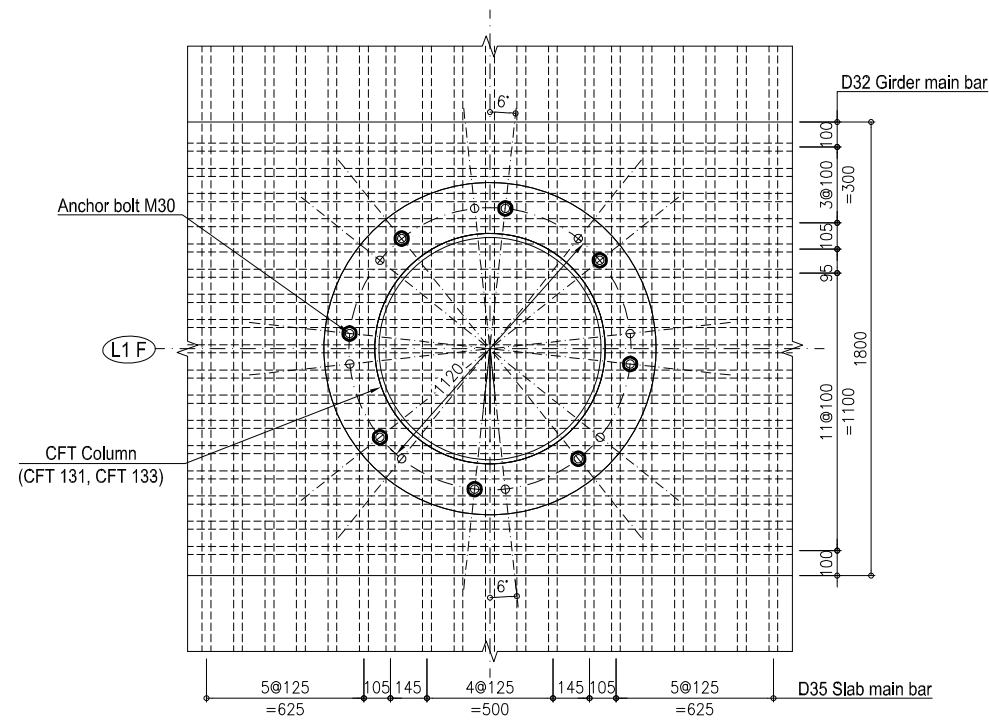
**DETAIL A / CHI TIẾT A**  
SCALE: 1/10



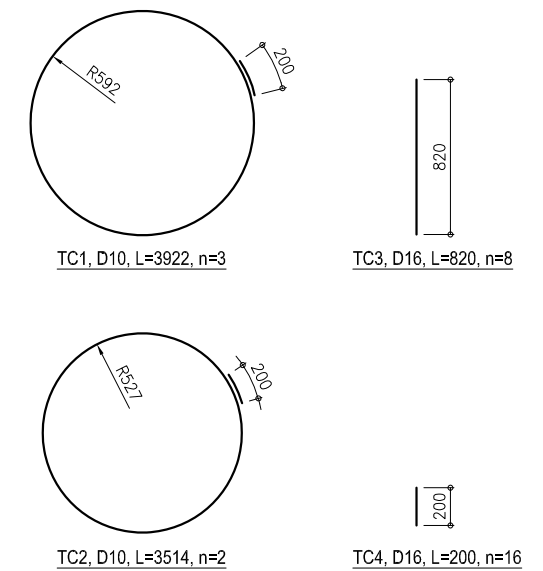
**SECTION C-C / MẶT CẮT C-C**  
SCALE: 1/30



**SECTION D-D / MẶT CẮT D-D**  
SCALE: 1/30



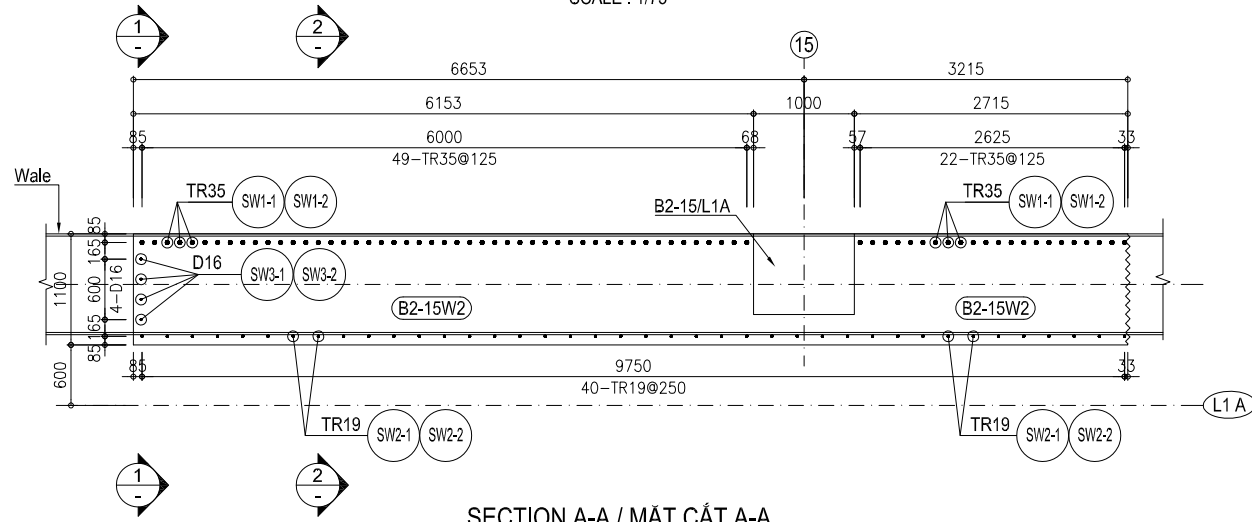
**REBAR DETAIL FOR FIXING BAR OF CFT COLUMN**  
**CHI TIẾT CỐT THÉP ĐỊNH VỊ CHO CỘT CFT**  
SCALE: 1/40



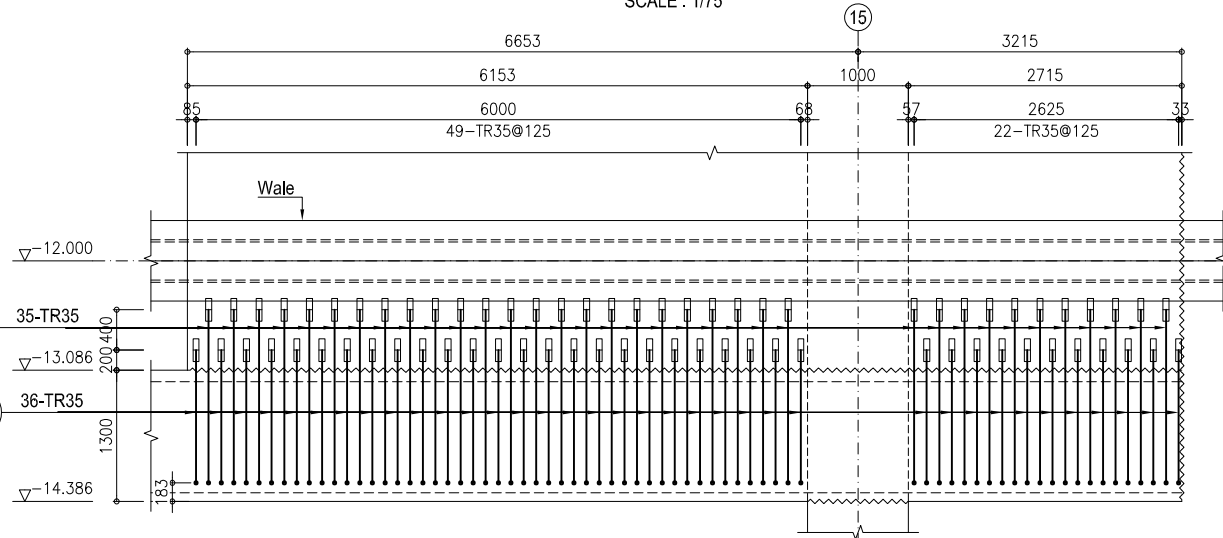
**NOTES / CHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1A
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỐT THÉP CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1A

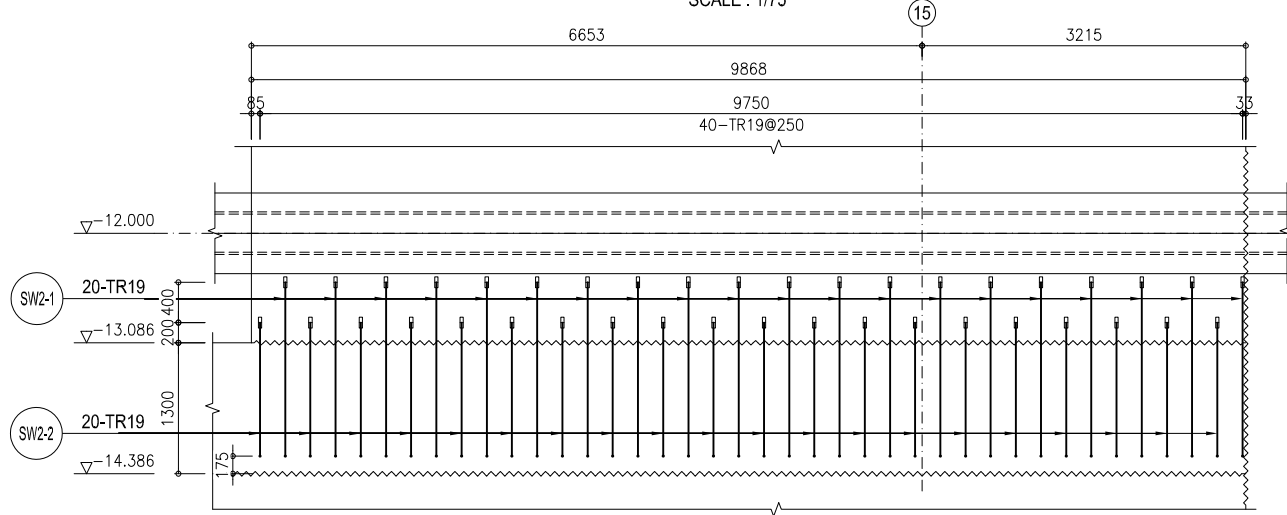
PLAN VIEW STARTER BAR FOR WALL / MẶT BẰNG THÉP CHỜ TƯỜNG
 SCALE : 1/75



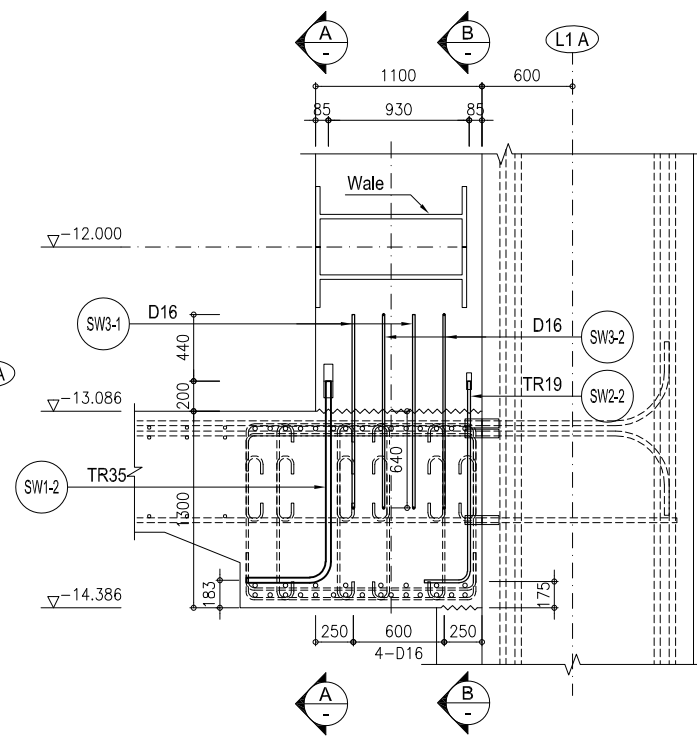
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
 SCALE : 1/75



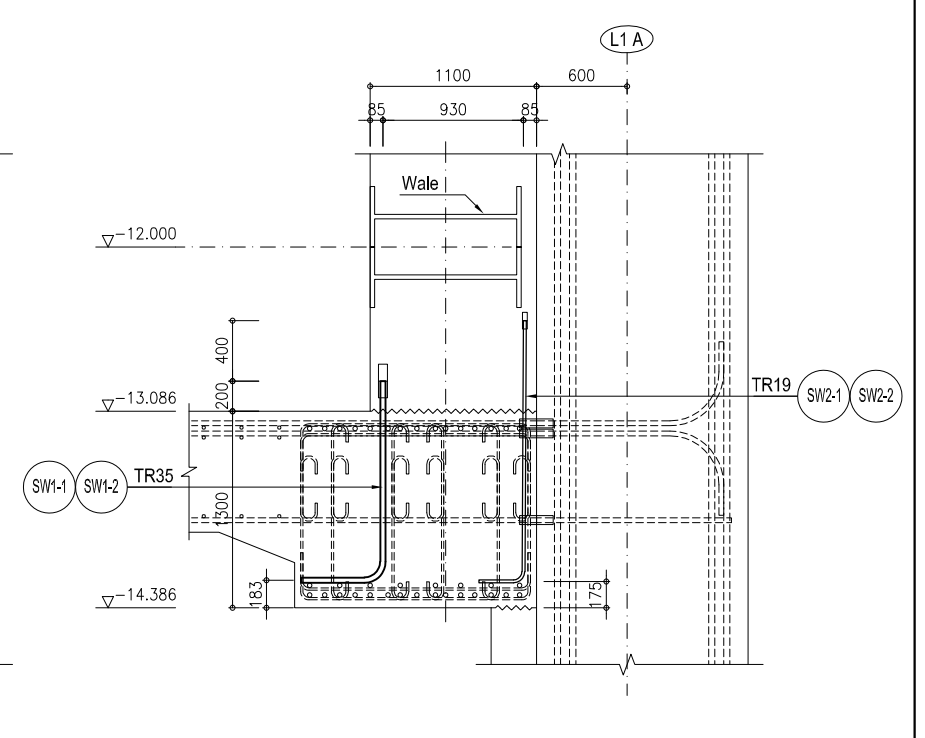
SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
 SCALE : 1/75



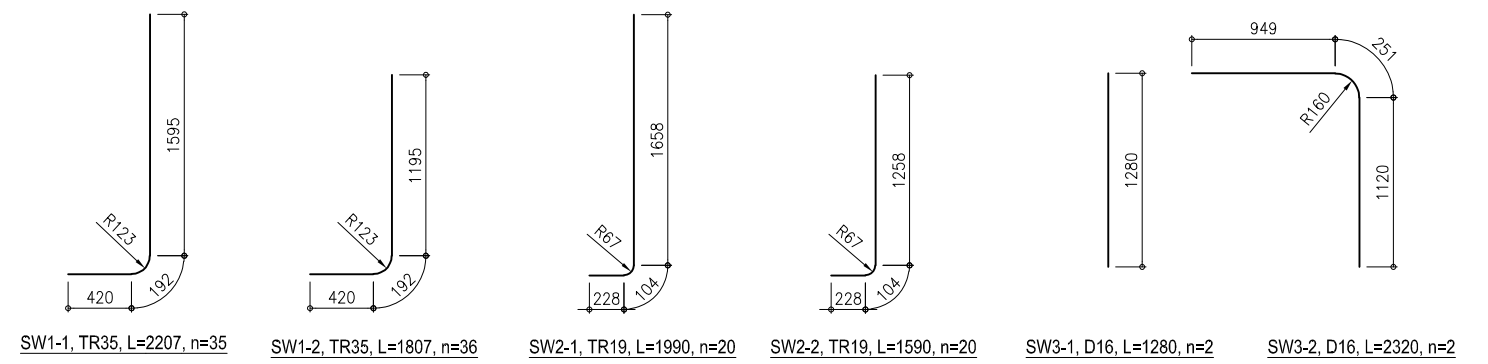
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
 SCALE : 1/50



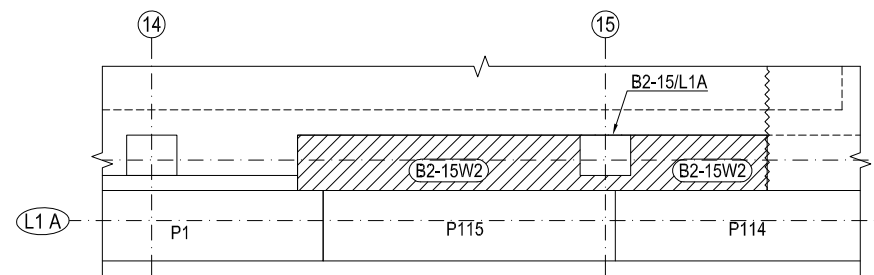
SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2
 SCALE : 1/50



REBAR DETAIL FOR WALL / CHI TIẾT CỐT THÉP CHO TƯỜNG
 SCALE : 1/50



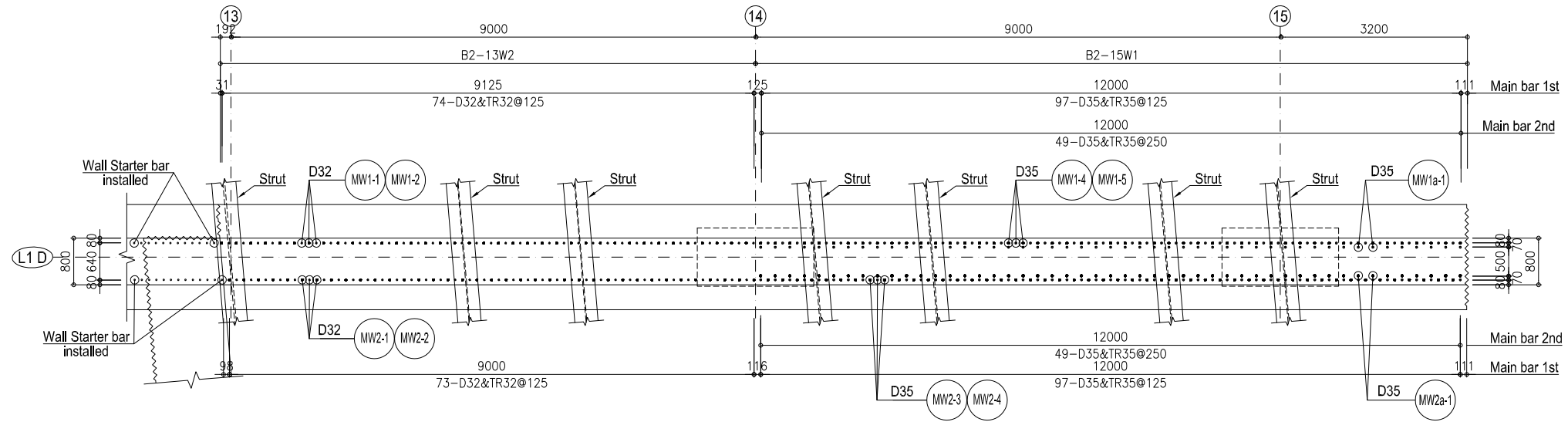
KEY PLAN / SƠ HỌA MẶT BẰNG



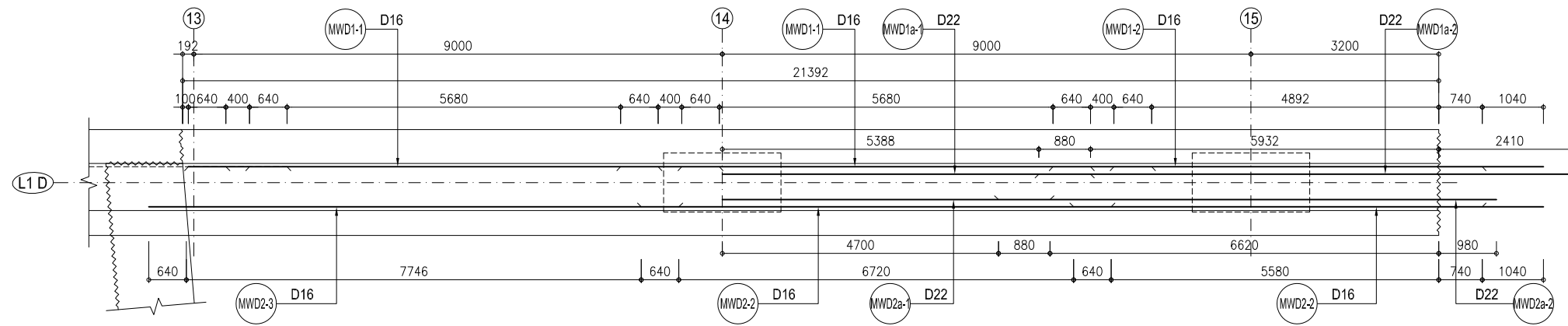
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.  
 SW3-2 will be stretched after removal shoring  
 SW3-2 sẽ được duỗi thẳng sau khi tháo dỡ kết cấu tạm

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1D (01/04)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỖ CHỖ TƯỜNG TẠI TRỤC L1D (01/04)**

**PLAN VIEW STARTER BAR FOR WALL / MẶT BẰNG THÉP CHỖ TƯỜNG**  
 SCALE : 1/100



**PLAN VIEW DISTRIBUTION BAR FOR WALL / MẶT BẰNG THÉP PHÂN BỐ TƯỜNG**  
 SCALE : 1/100

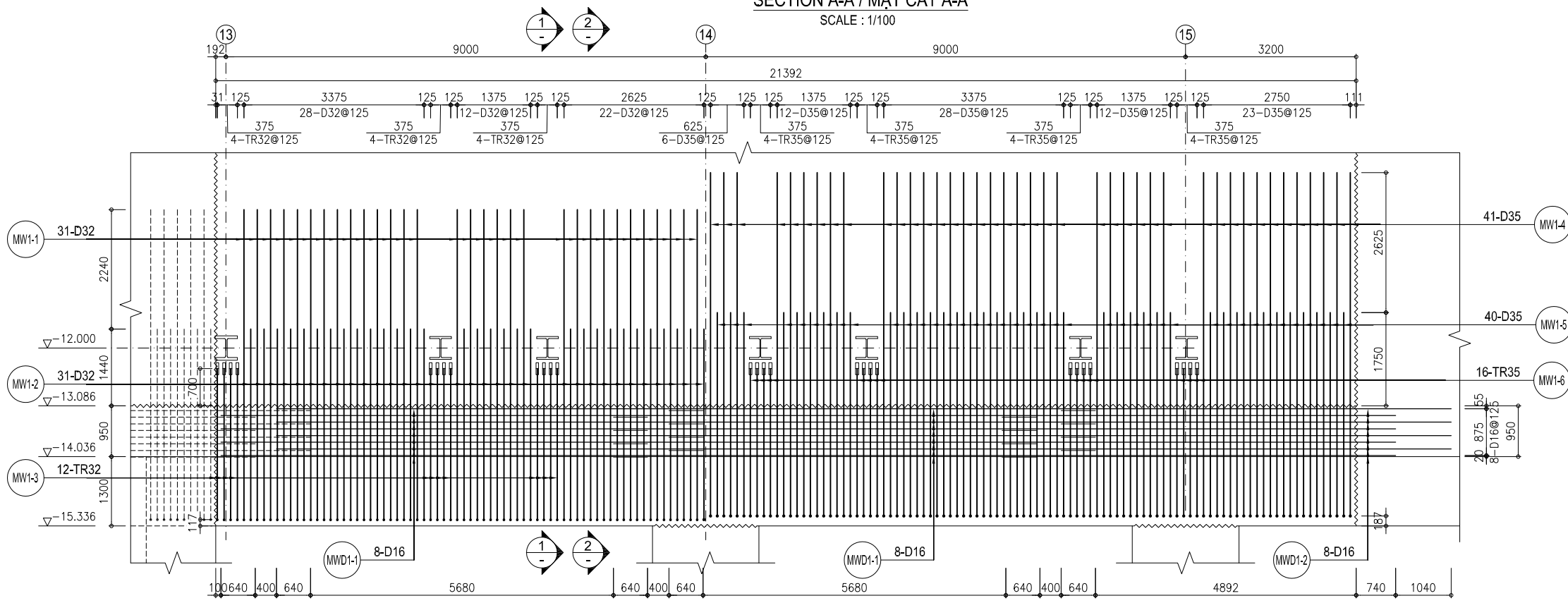


NOTES / GHI CHÚ:

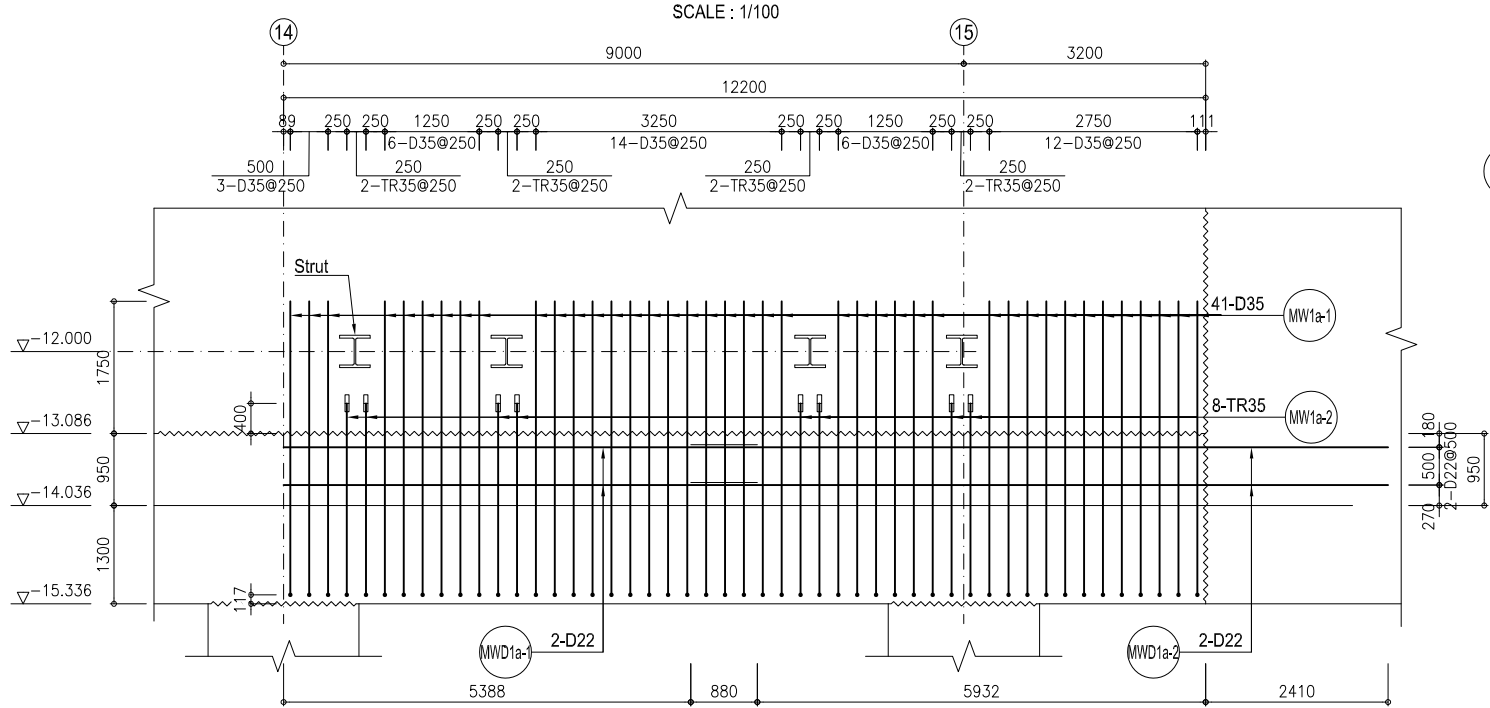
~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1D (02/04)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1D (02/04)

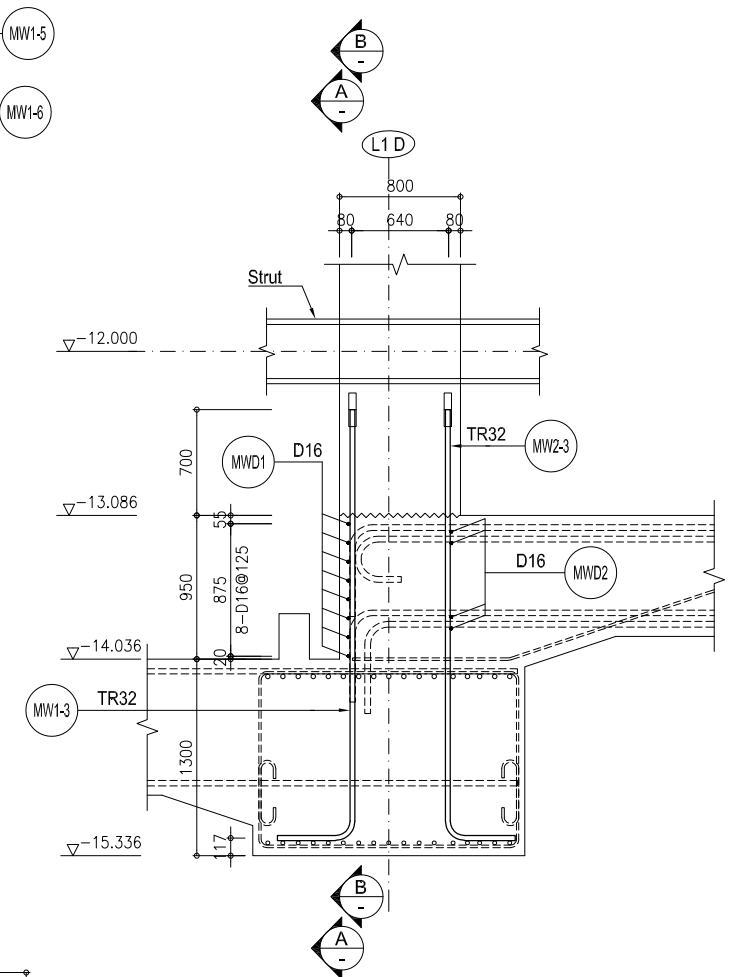
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
SCALE : 1/100



SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE : 1/100



SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
SCALE : 1/50

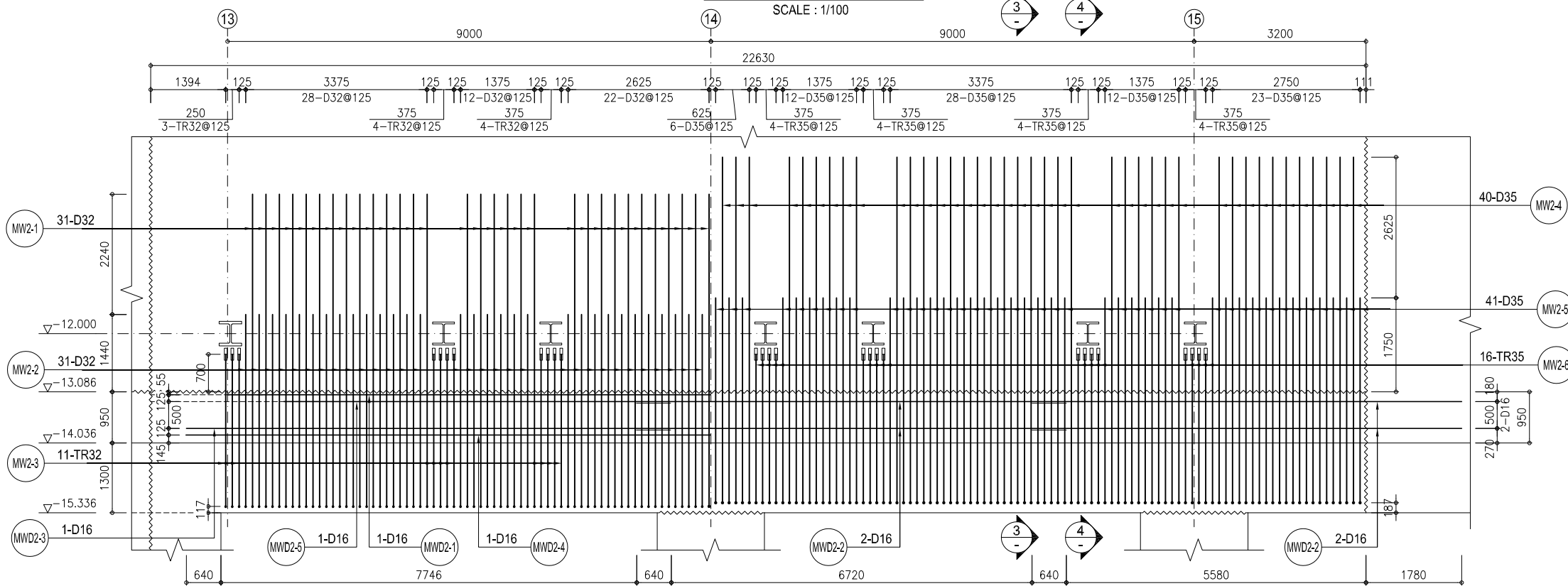


NOTES / GHI CHÚ:

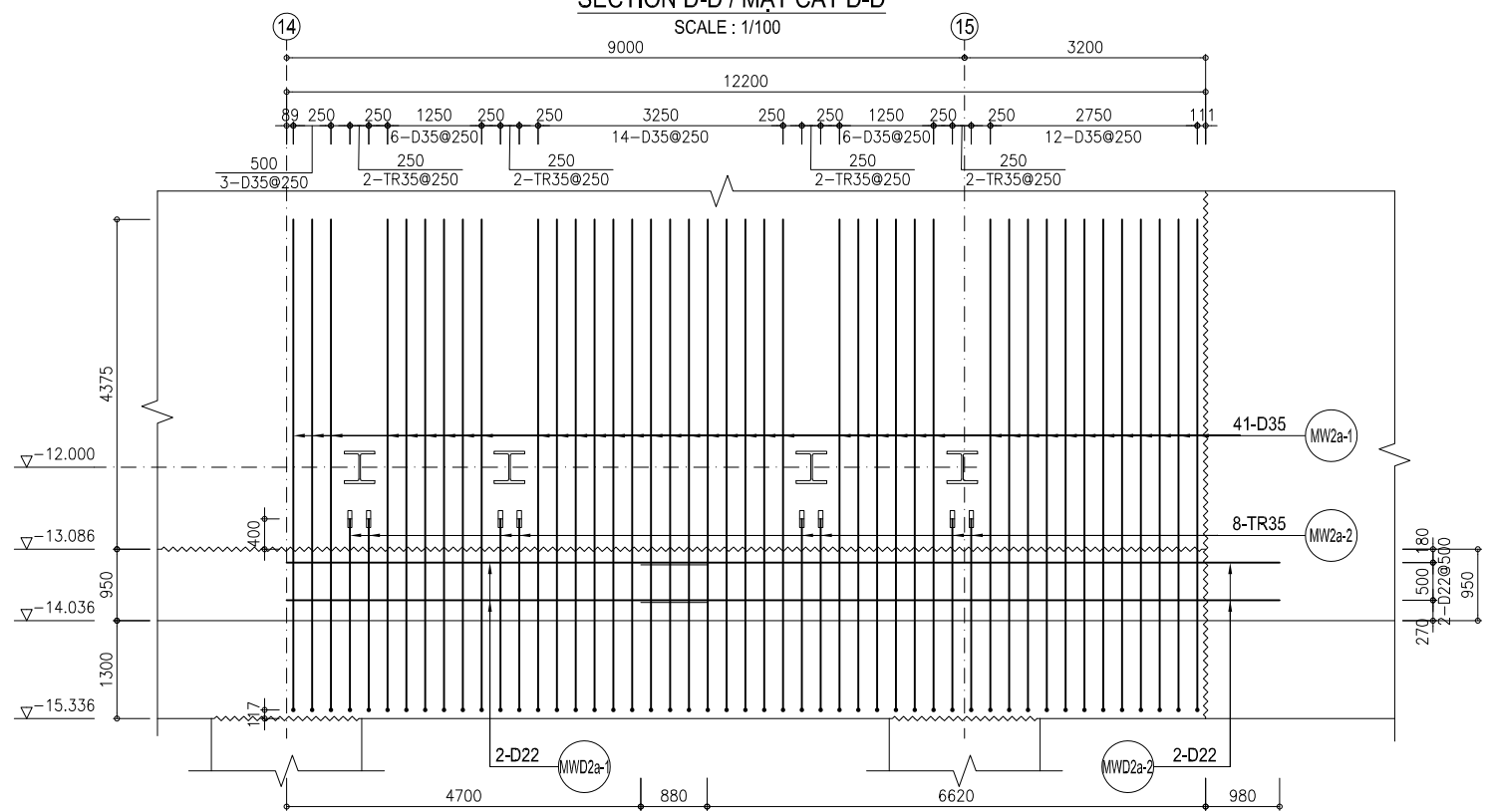
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1D (03/04)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1D (03/04)**

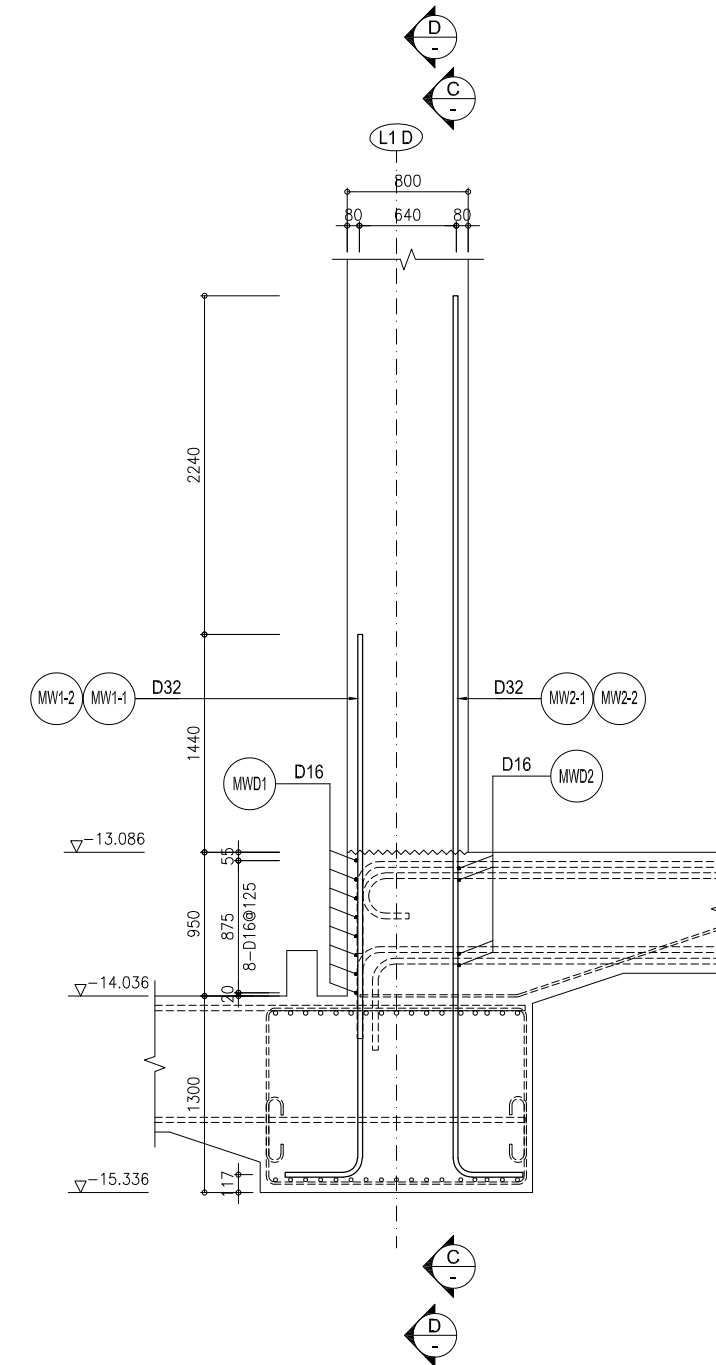
**SECTION C-C / MẶT CẮT C-C**  
SCALE : 1/100



**SECTION D-D / MẶT CẮT D-D**  
SCALE : 1/100



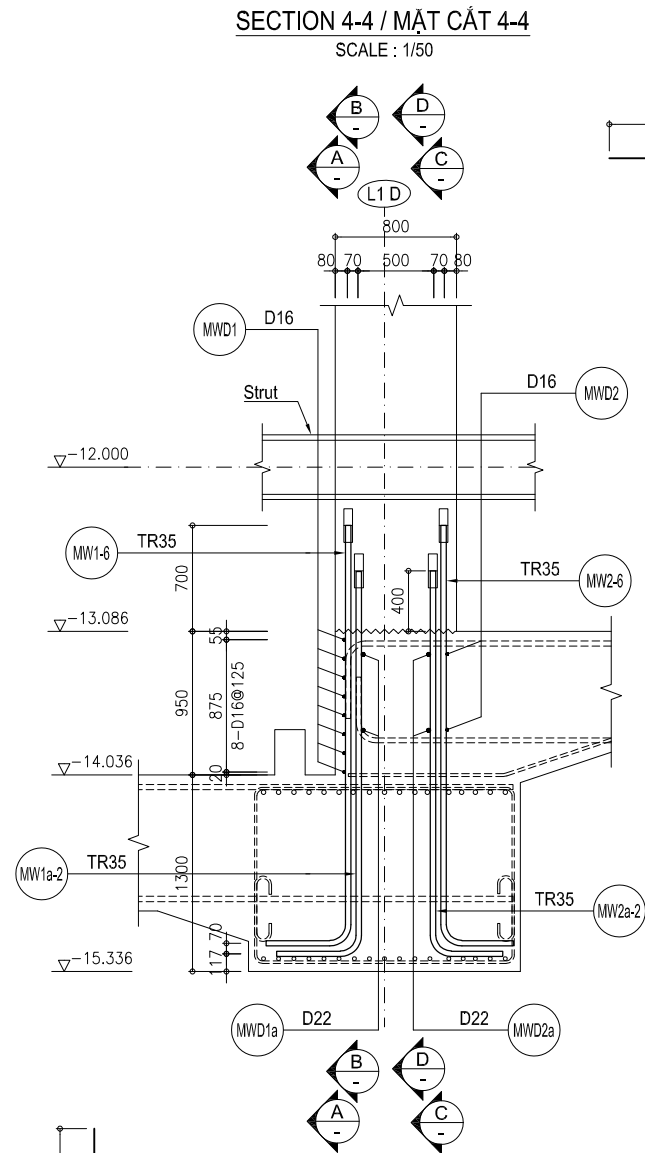
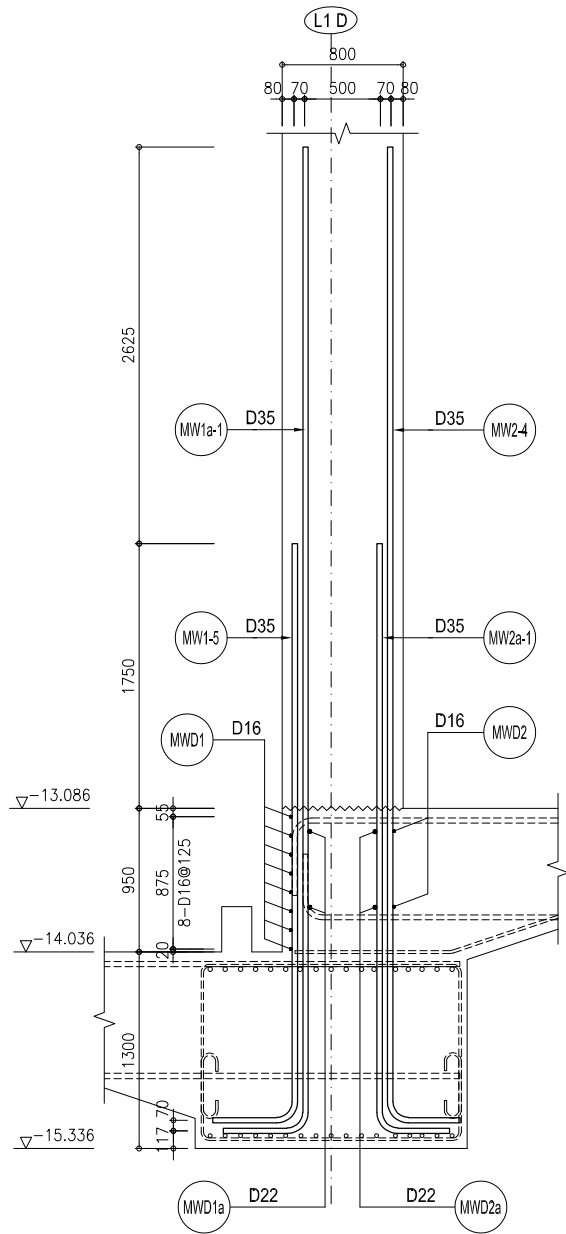
**SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2**  
SCALE : 1/50



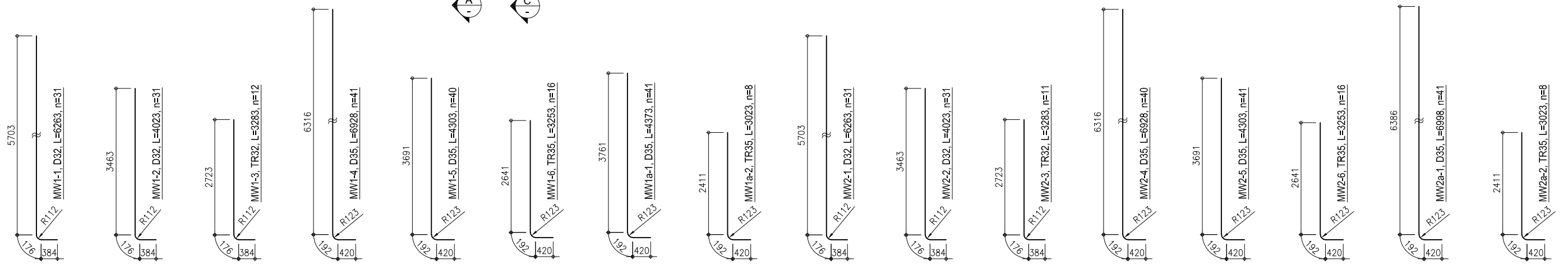
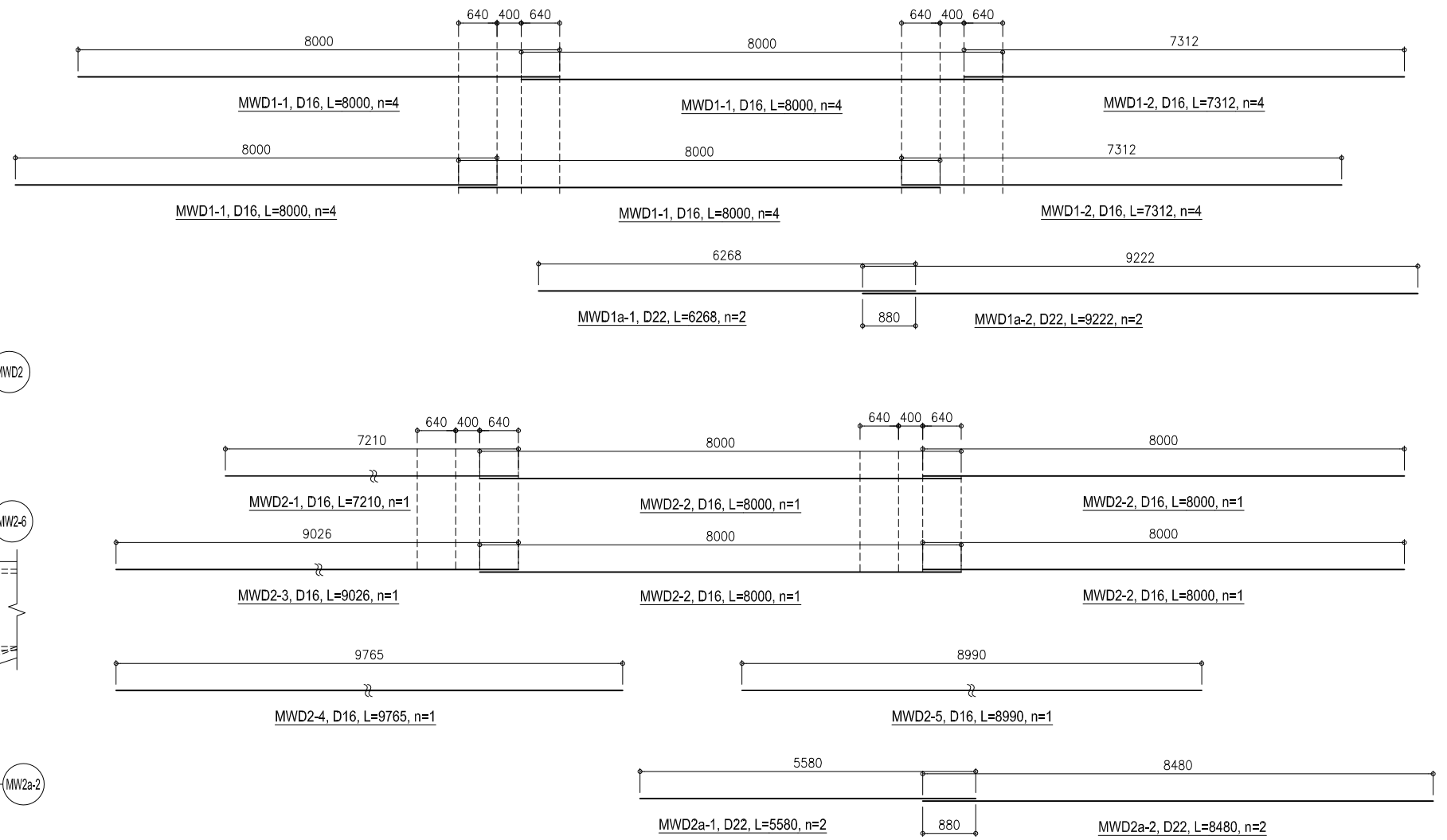
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

SECTION 3-3 / MẶT CẮT 3-3
SCALE : 1/50

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1D (04/04)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỖ CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1D (04/04)



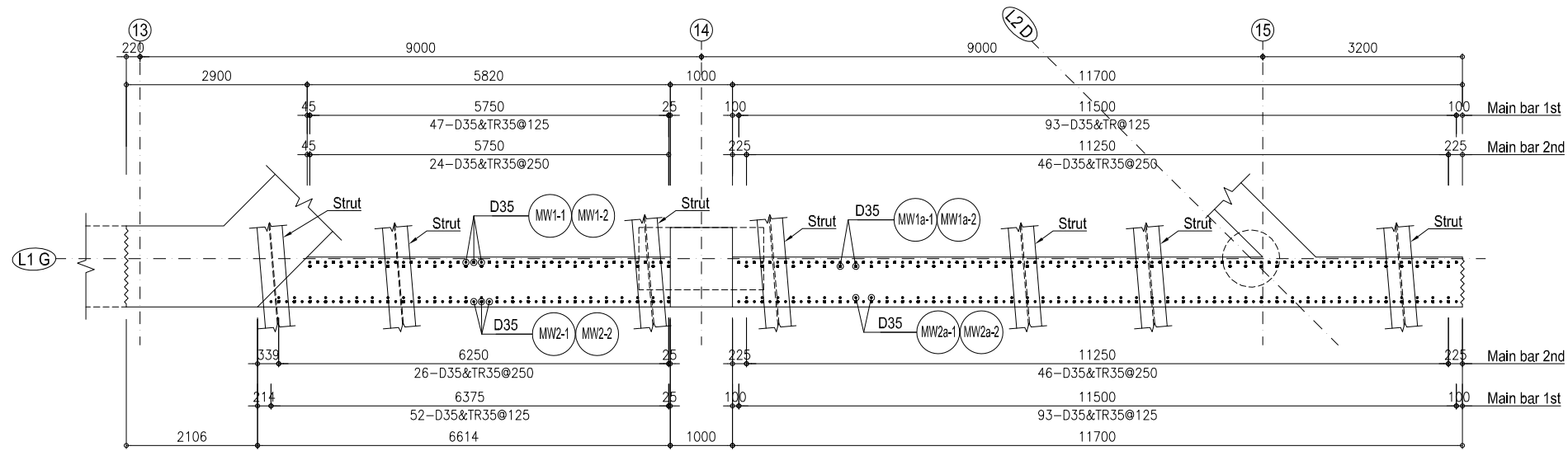
REBAR DETAIL FOR WALL / CHI TIẾT CỘT THÉP CHO TƯỜNG
SCALE : 1/100



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1G (01/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỖ CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1G (01/03)

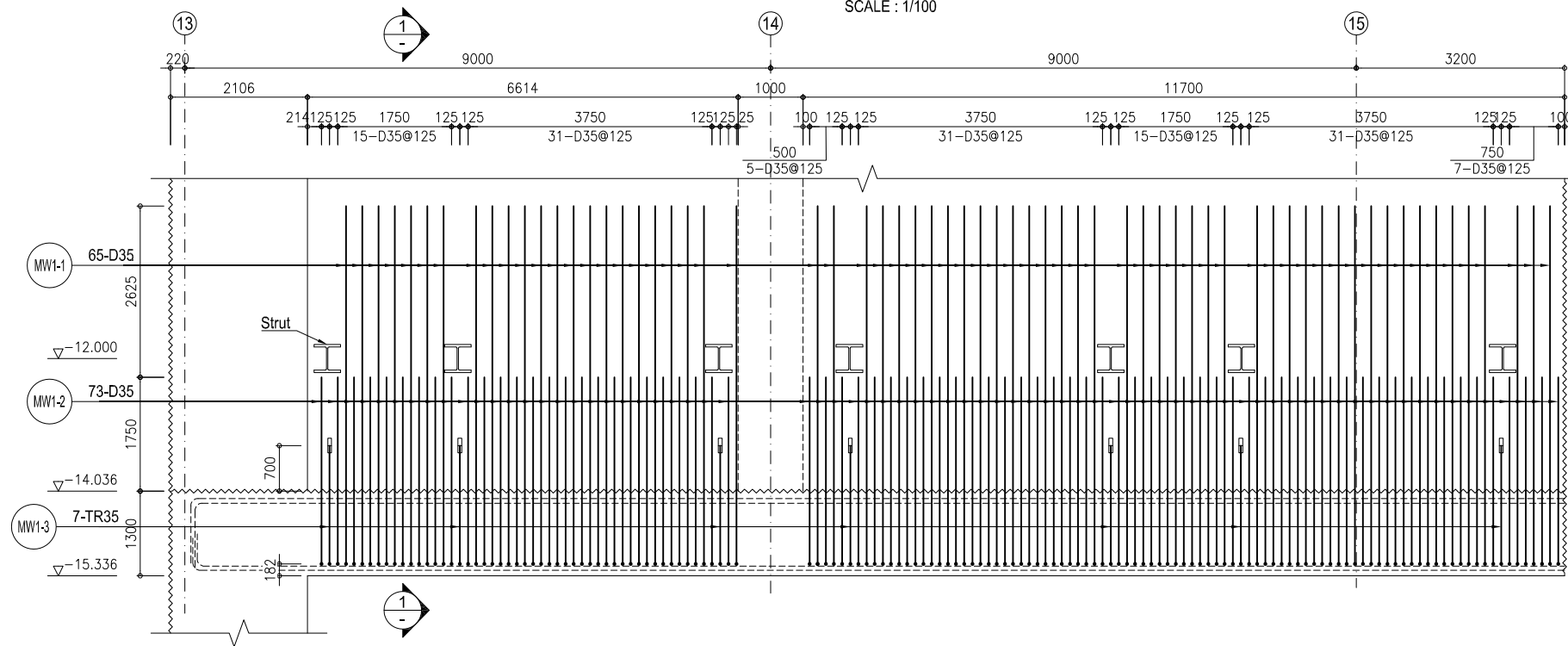
PLAN VIEW STARTER BAR FOR WALL / MẶT BẰNG THÉP CHỖ TƯỜNG

SCALE : 1/100



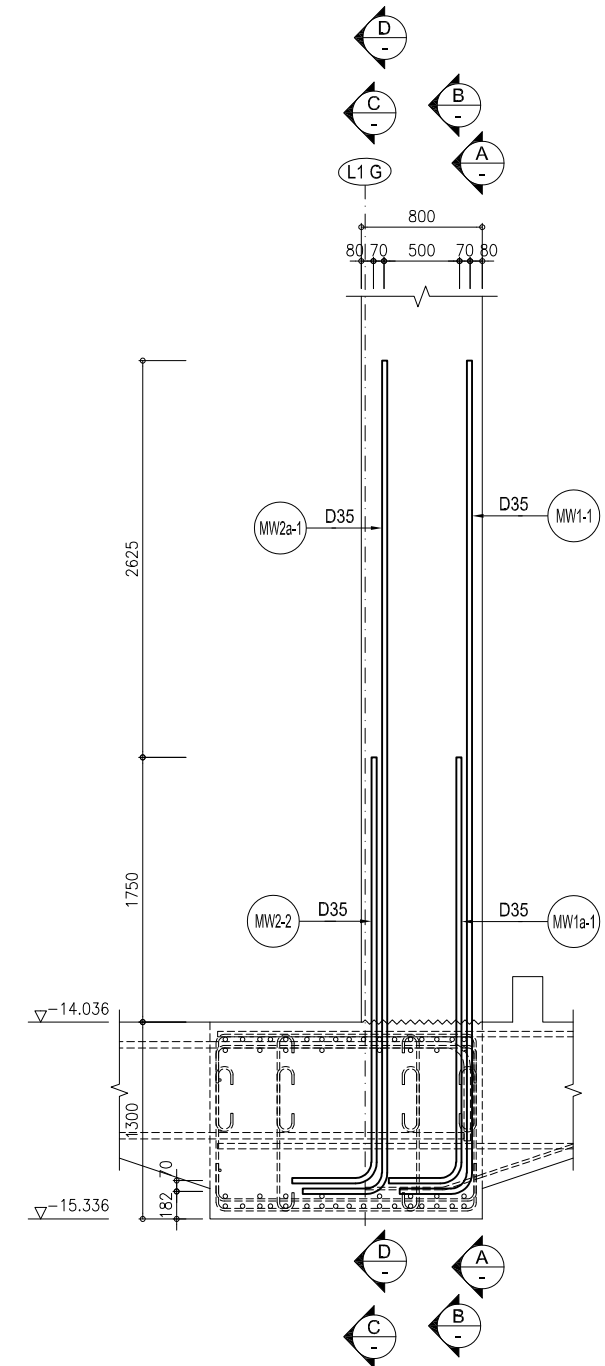
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A

SCALE : 1/100



SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1

SCALE : 1/50

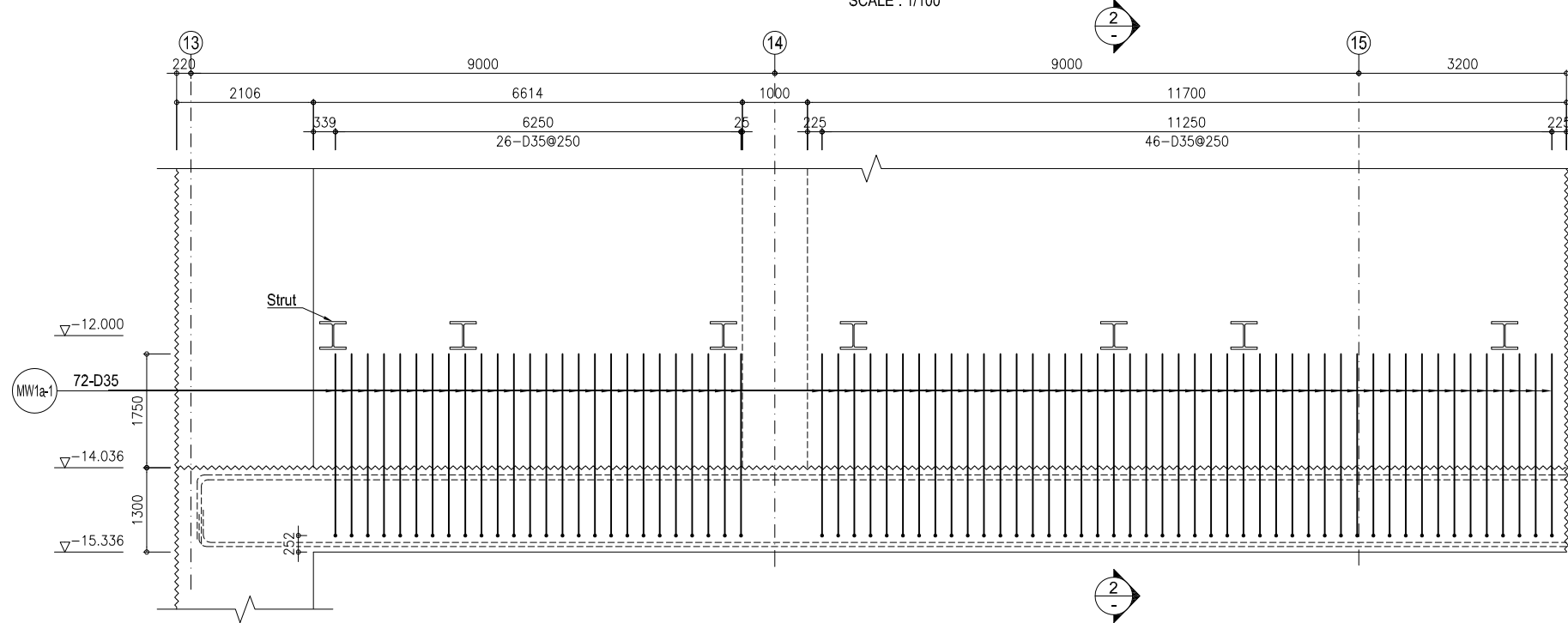


NOTES / GHI CHÚ:

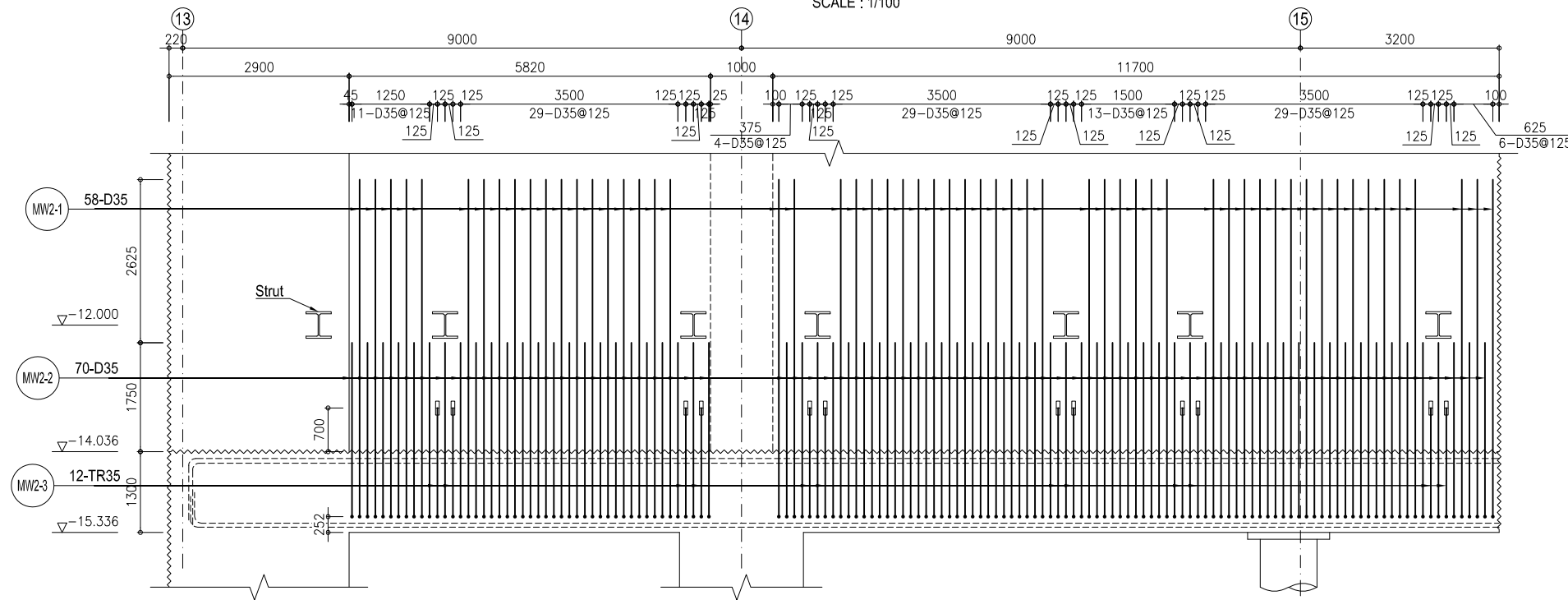
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1G (02/03)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỖ CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1G (02/03)**

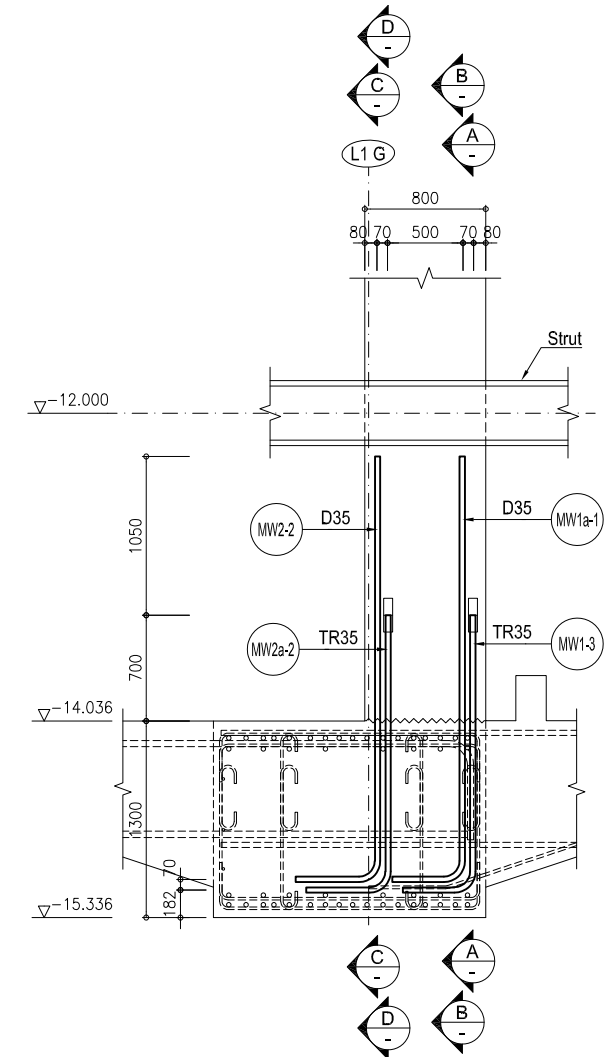
**SECTION B-B / MẶT CẮT B-B**  
SCALE : 1/100



**SECTION C-C / MẶT CẮT C-C**  
SCALE : 1/100



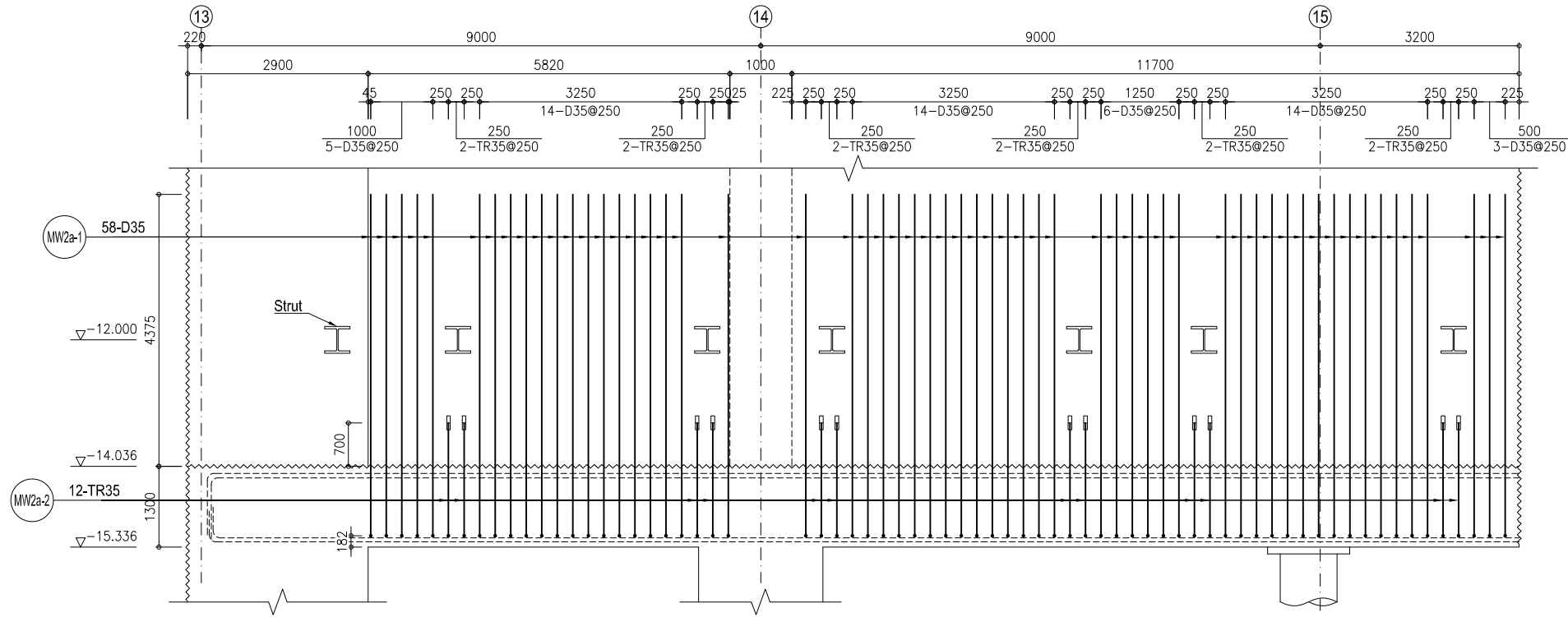
**SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2**  
SCALE : 1/50



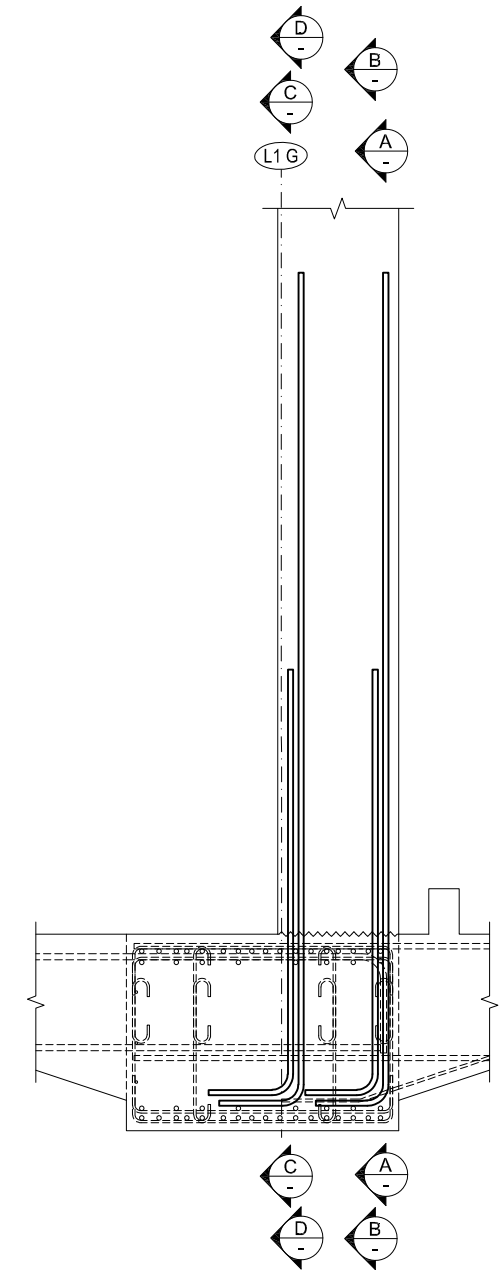
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR FOR WALL AT AXIS L1G (03/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỘT THÉP CHỖ CHỜ CHO TƯỜNG TẠI TRỤC L1G (03/03)

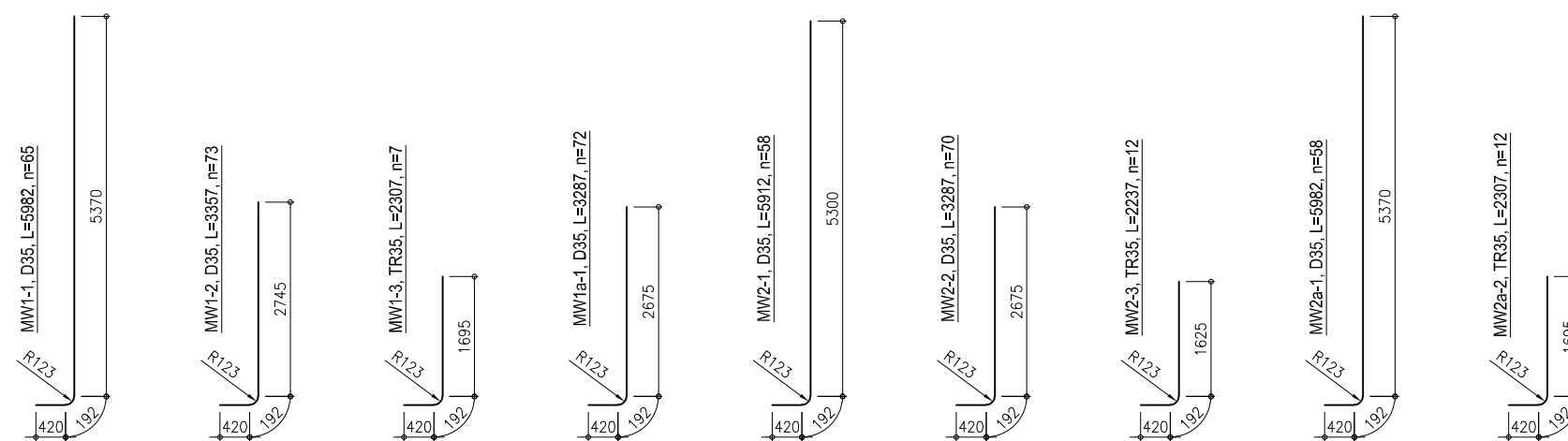
SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
SCALE : 1/100



KEY SECTION / SƠ HỌA MẶT CẮT



REBAR DETAIL FOR WALL / CHI TIẾT CỘT THÉP CHO TƯỜNG
SCALE : 1/100

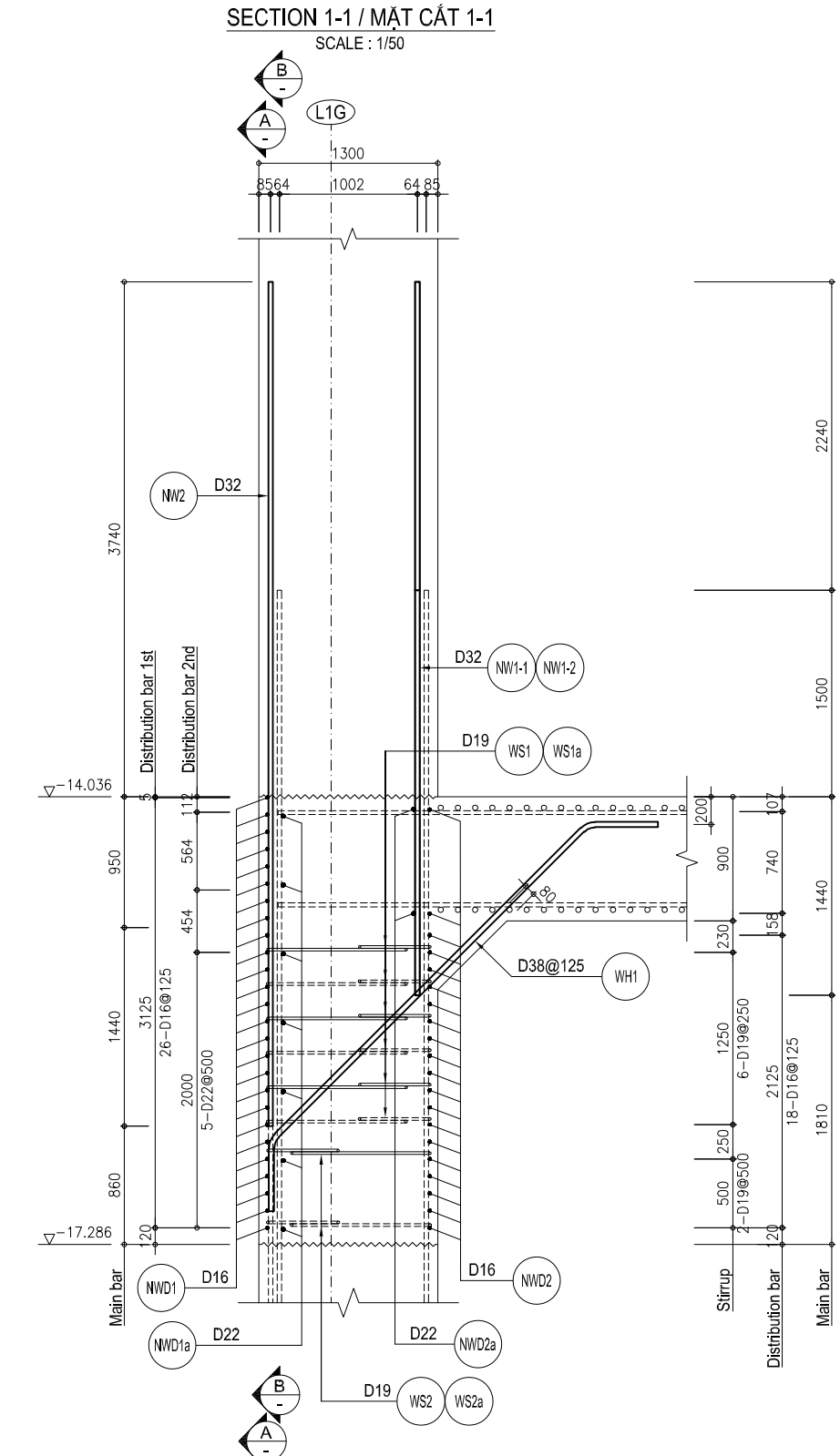
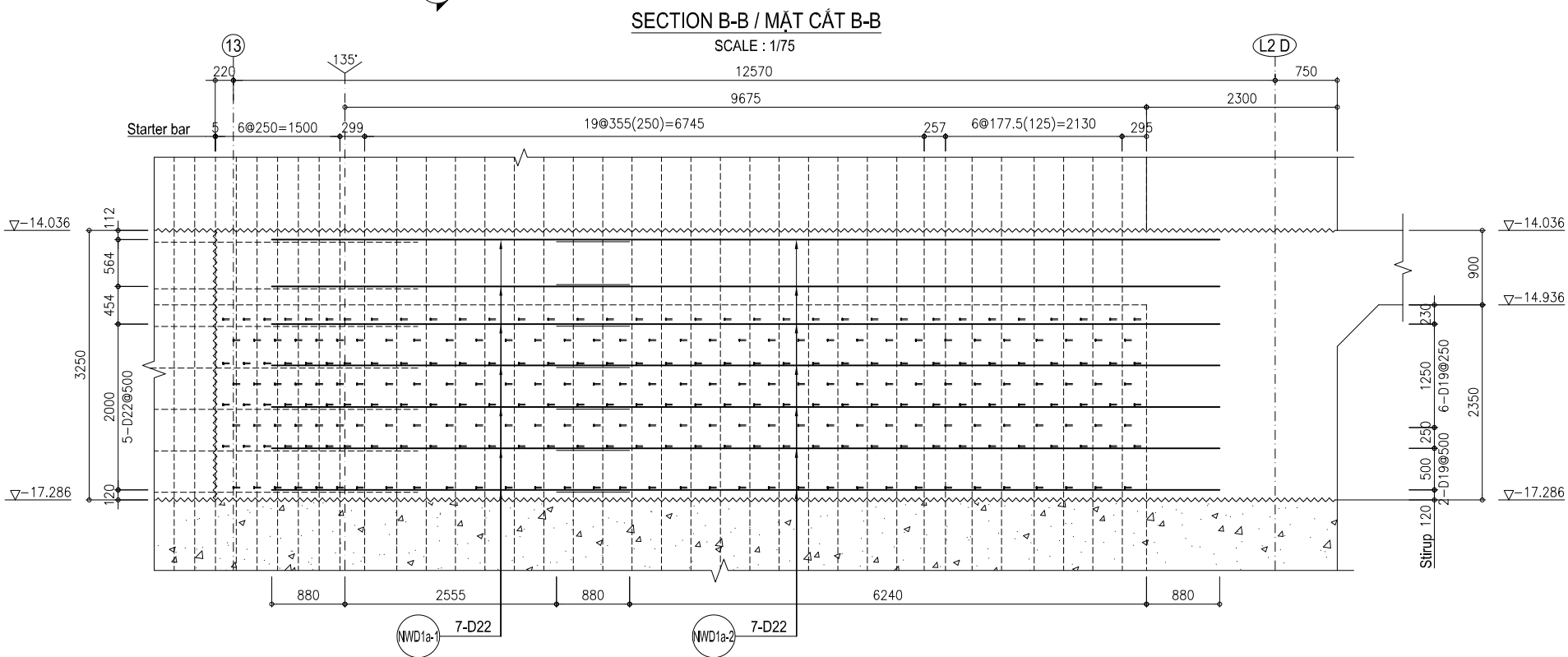
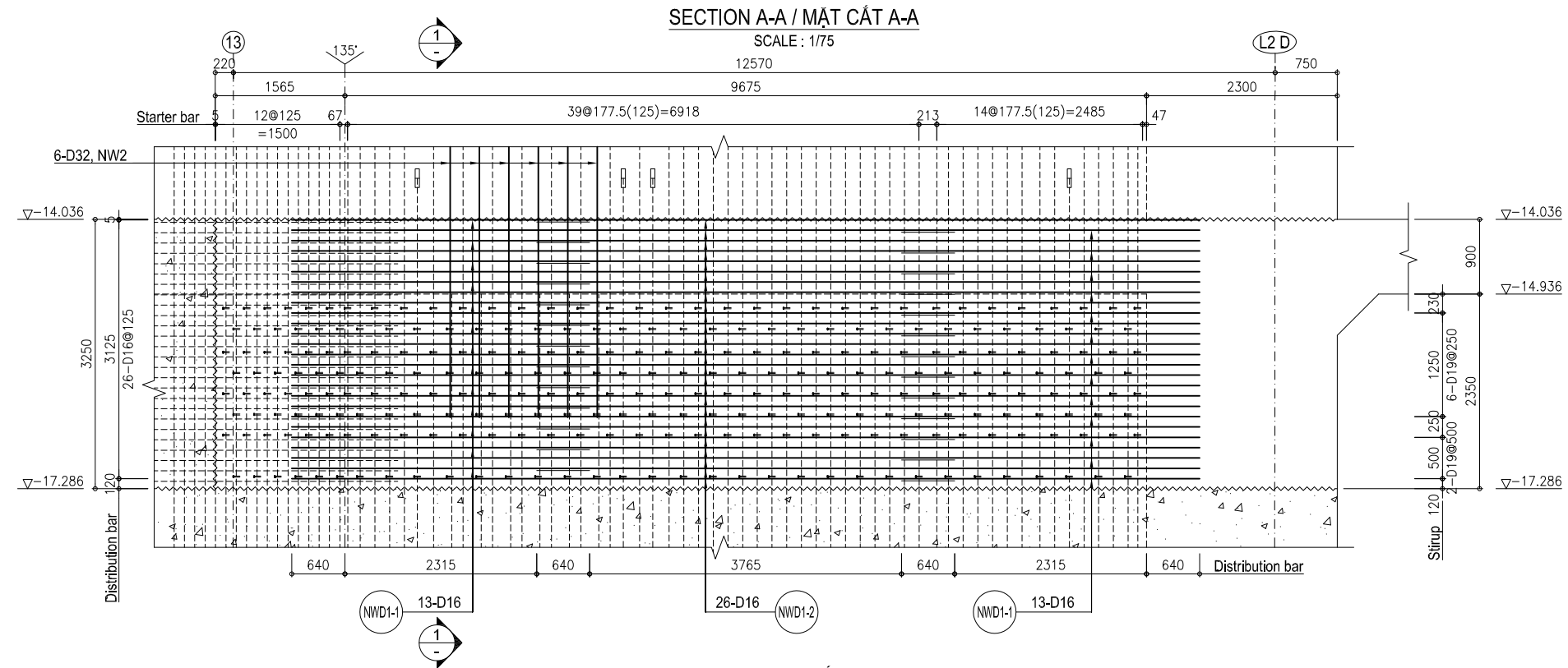


NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.



**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR WALL [B2-13W1] (02/04)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TƯỜNG [B2-13W1] (02/04)**



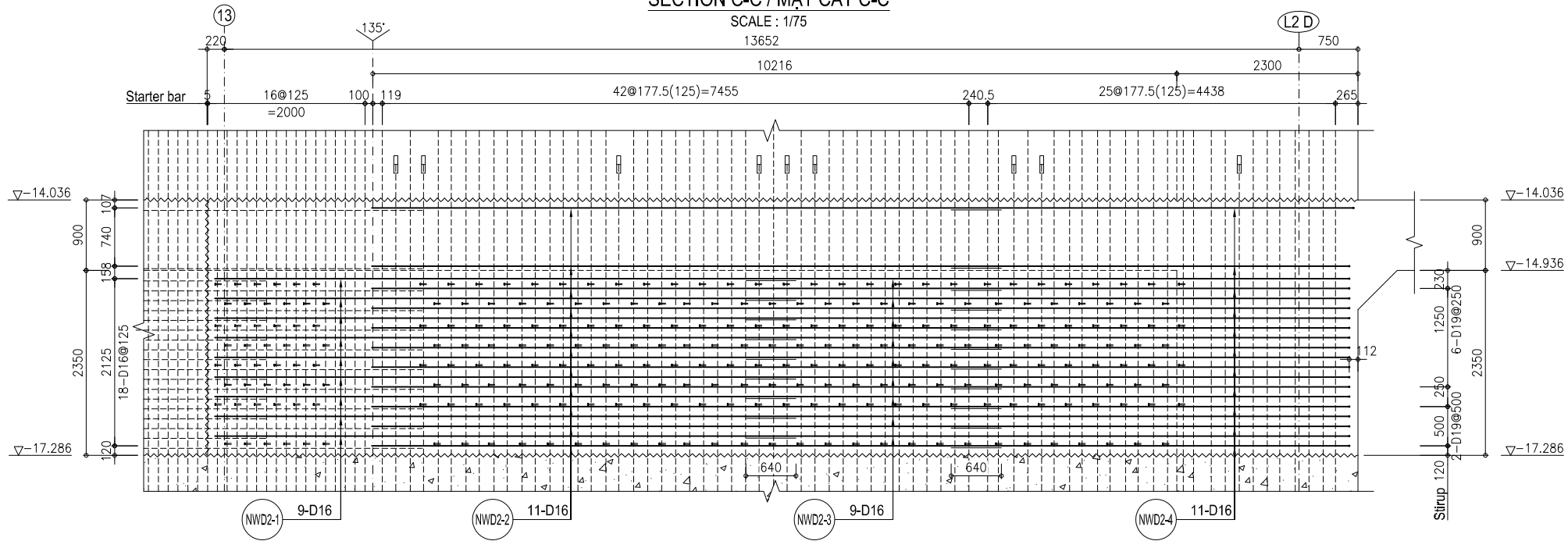
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.  
 The value in () is determined following direction axis L1G.
 Giá trị trong () được xác định theo hướng trục L1G.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR WALL [B2-13W1] (03/04)

SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TƯỜNG [B2-13W1] (03/04)

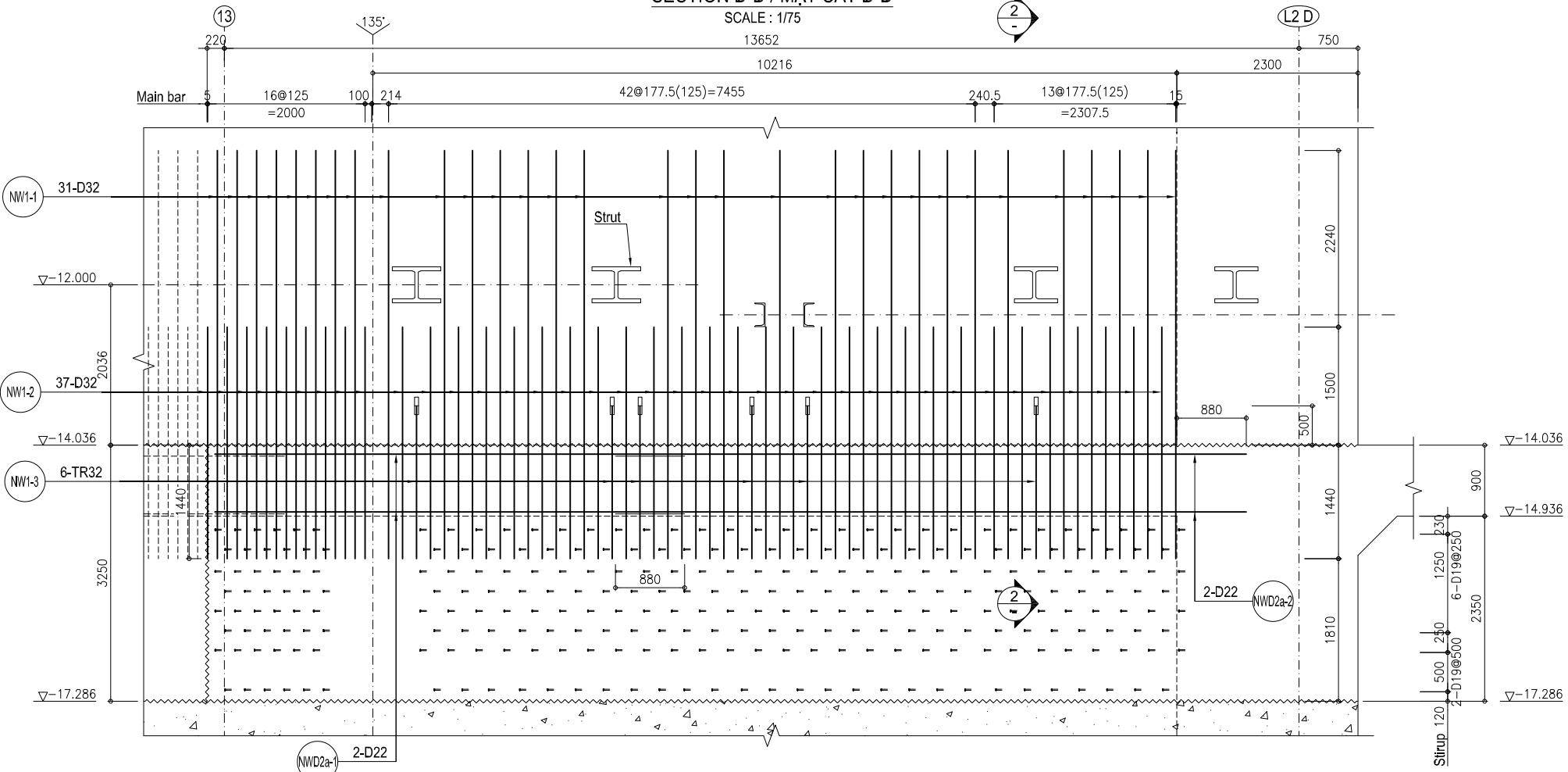
SECTION C-C / MẶT CẮT C-C

SCALE : 1/75



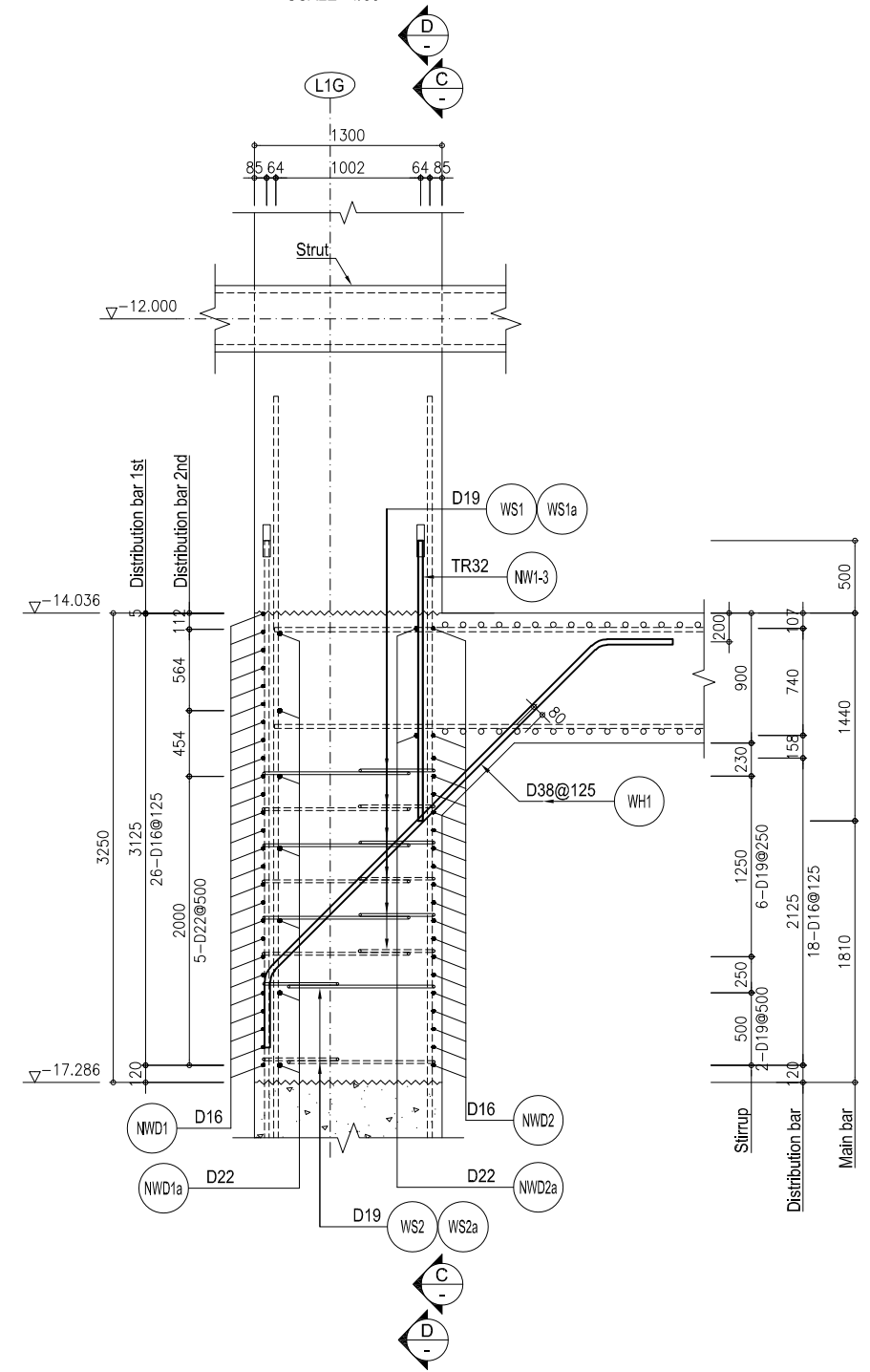
SECTION D-D / MẶT CẮT D-D

SCALE : 1/75



SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2

SCALE : 1/50

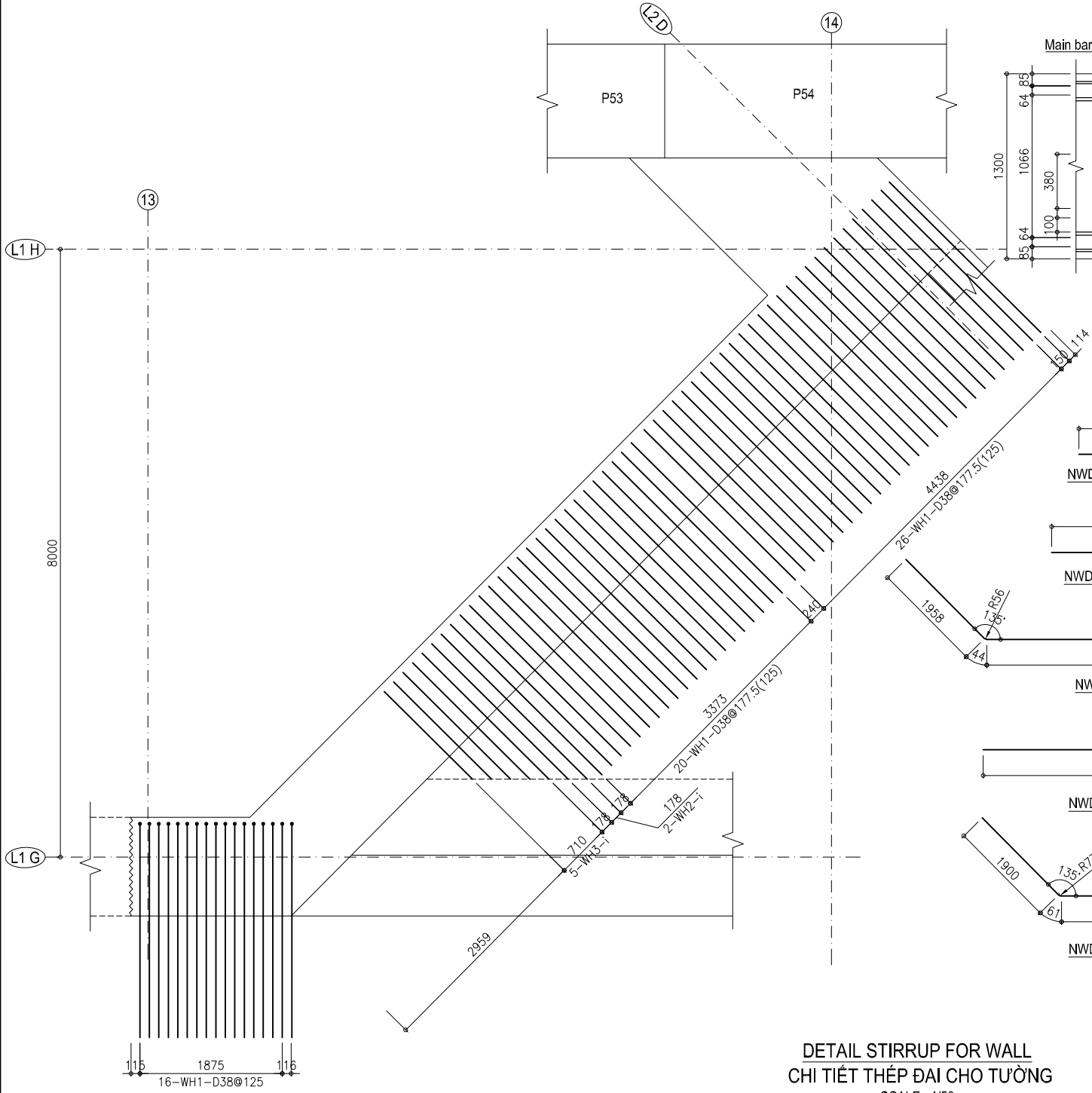


NOTES / GHI CHÚ:

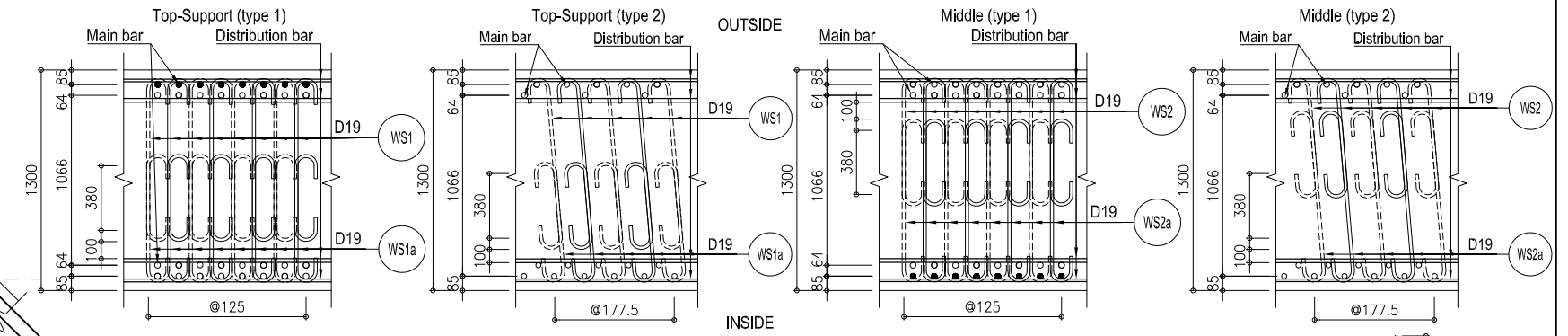
- Construction joint / Mỗi nối thi công.
- The value () is determined following direction axis L1G.
- Giá trị trong () được xác định theo hướng trục L1G.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR WALL [B2-13W1] (04/04)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TƯỜNG [B2-13W1] (04/04)

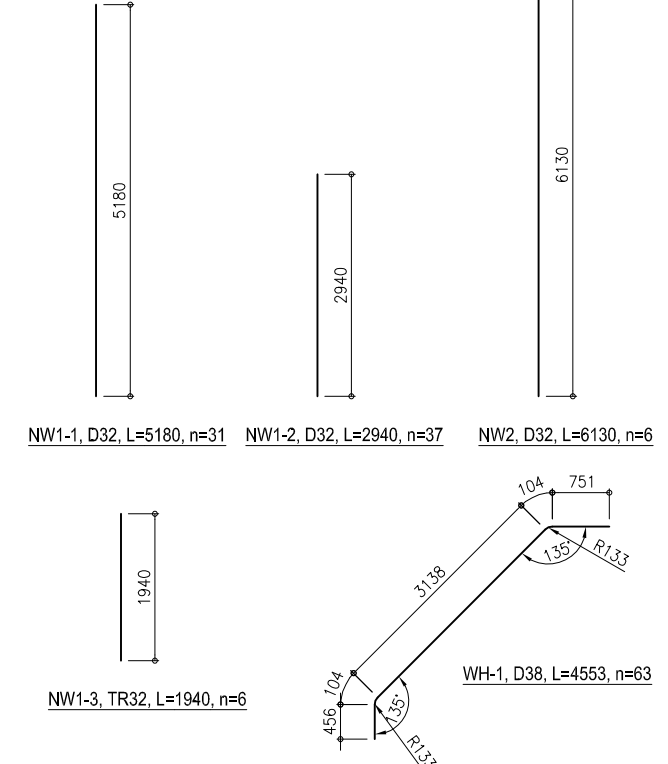
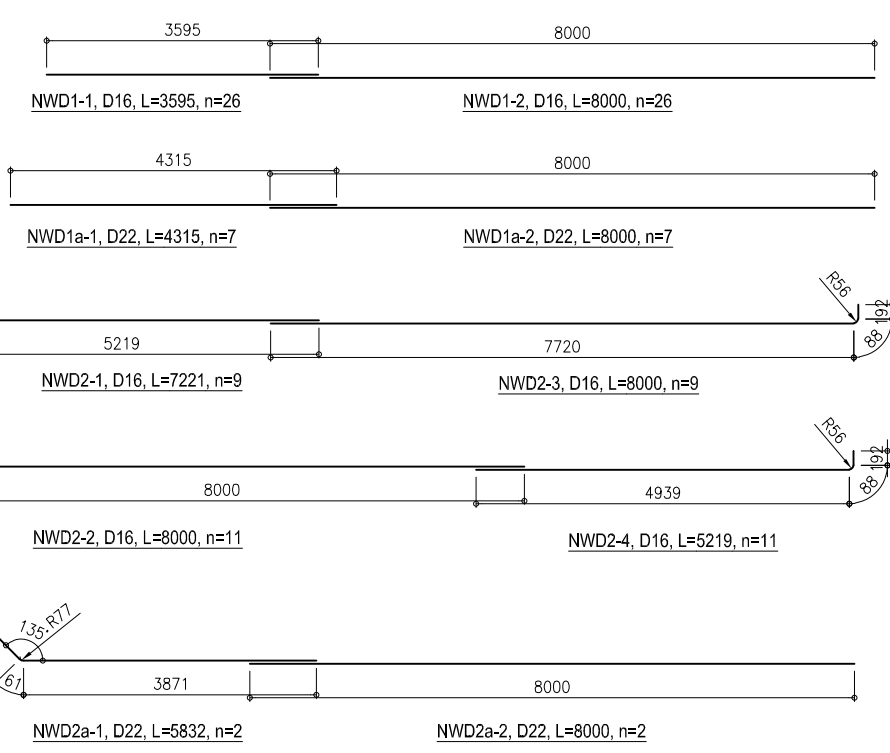
ARRANGEMENT OF HAUNCH BAR FOR WALL / BỐ TRÍ THÉP HÔNG CHO TƯỜNG
 SCALE : 1/75



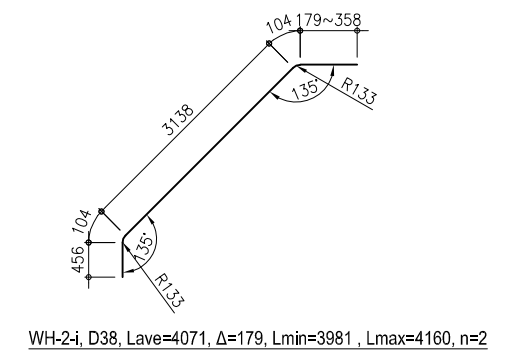
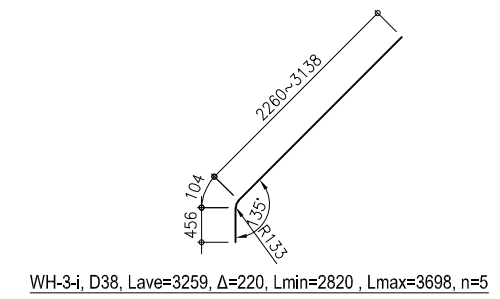
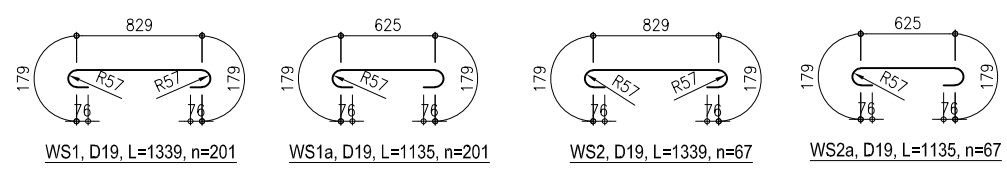
DETAIL OF STIRRUP / CHI TIẾT THÉP ĐAI
 SCALE : 1/40



REBAR DETAIL FOR WALL / CHI TIẾT CỐT THÉP CHO TƯỜNG
 SCALE : 1/100



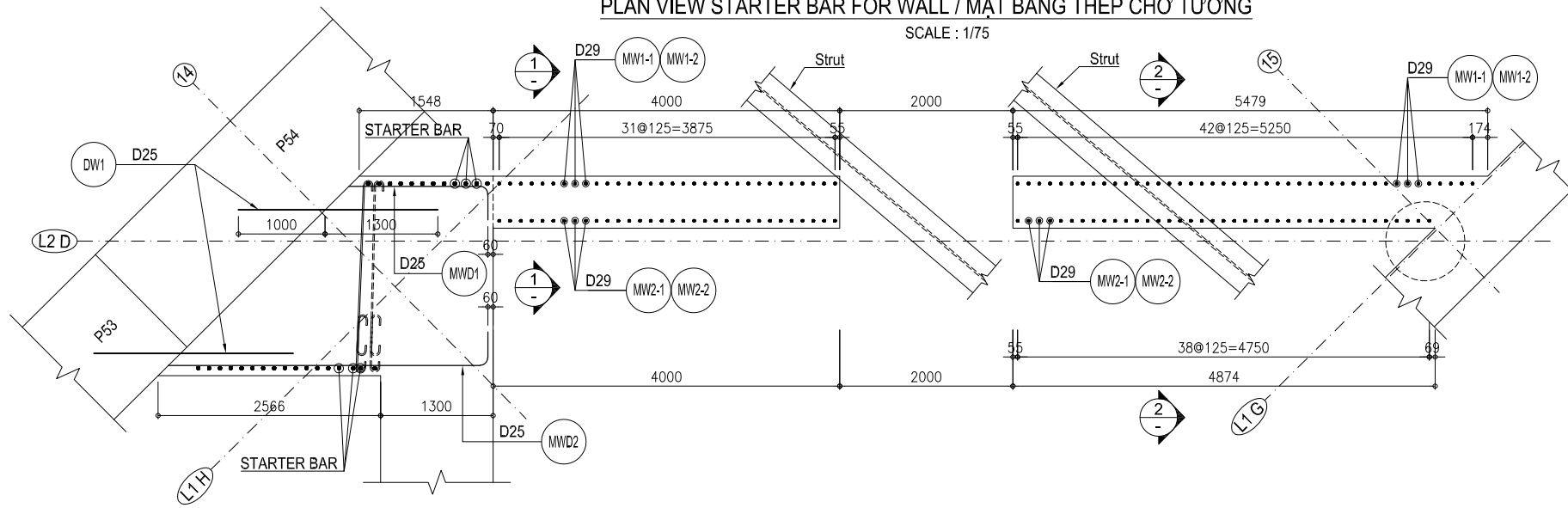
DETAIL STIRRUP FOR WALL / CHI TIẾT THÉP ĐAI CHO TƯỜNG
 SCALE : 1/50



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR WALL AT AXIS L2D (01/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỘT THÉP TƯỜNG TẠI TRỤC L2D (01/03)

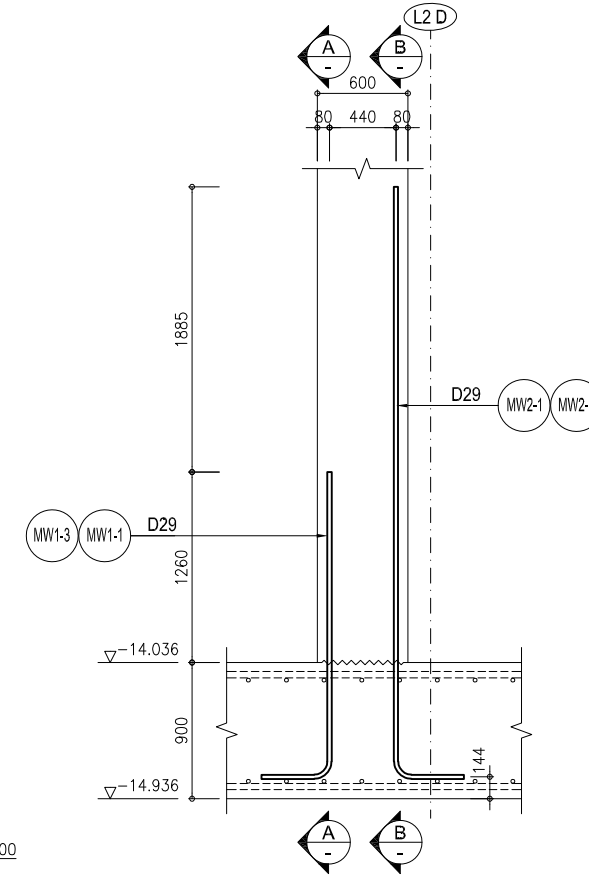
PLAN VIEW STARTER BAR FOR WALL / MẶT BẰNG THÉP CHỜ TƯỜNG

SCALE : 1/75



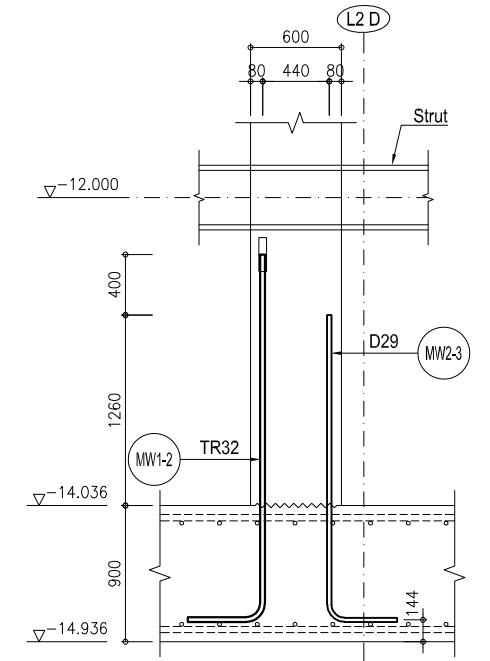
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1

SCALE: 1/50



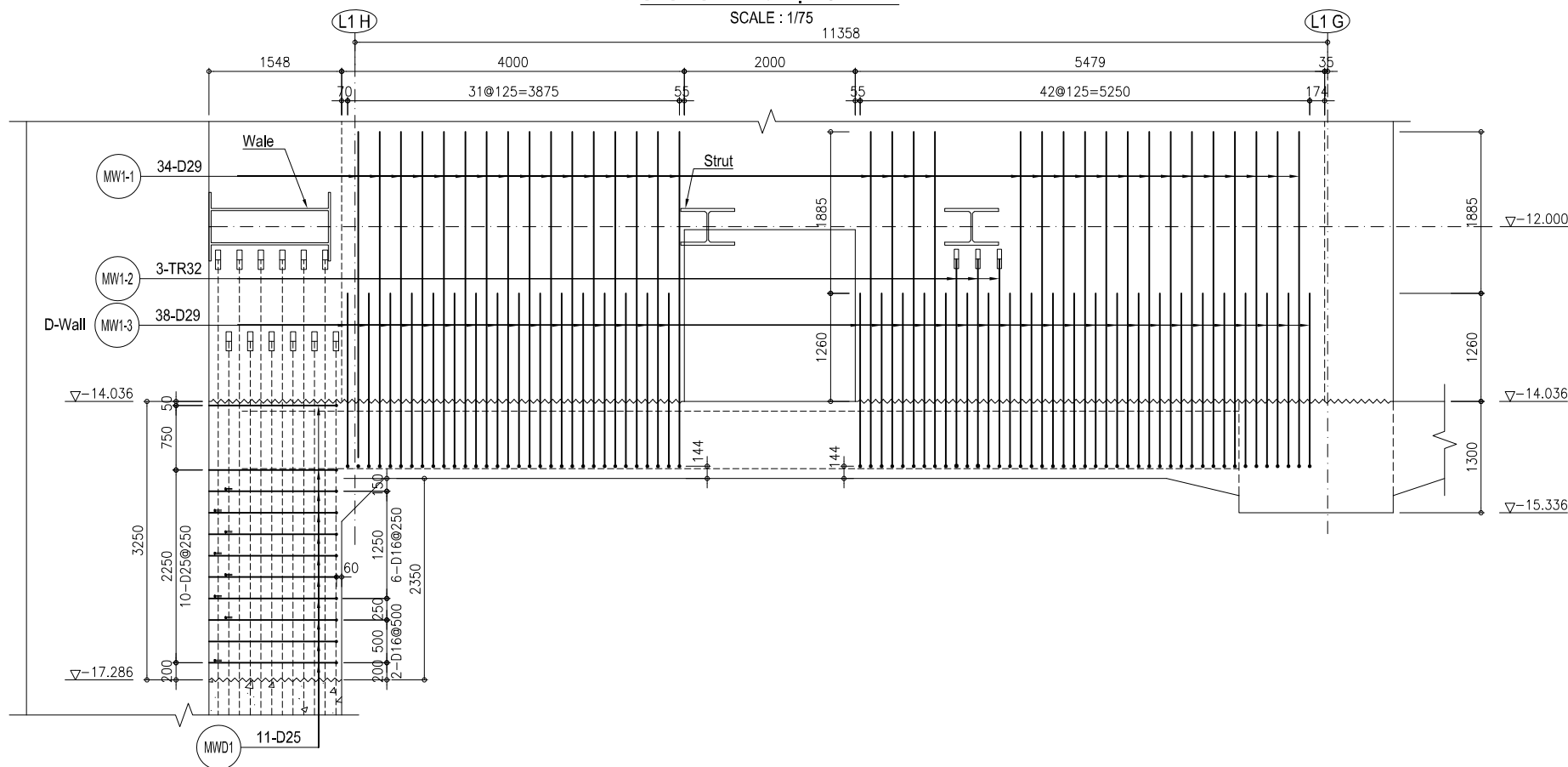
SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2

SCALE: 1/50



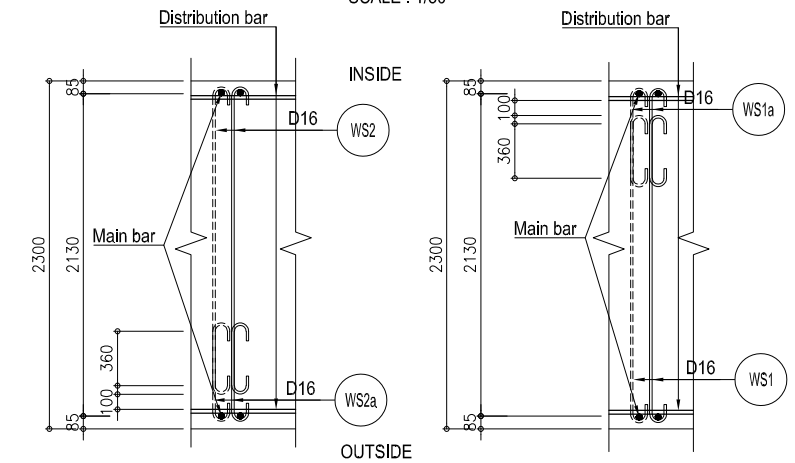
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A

SCALE : 1/75



DETAIL OF STIRRUP / CHI TIẾT THÉP ĐAI

SCALE : 1/50

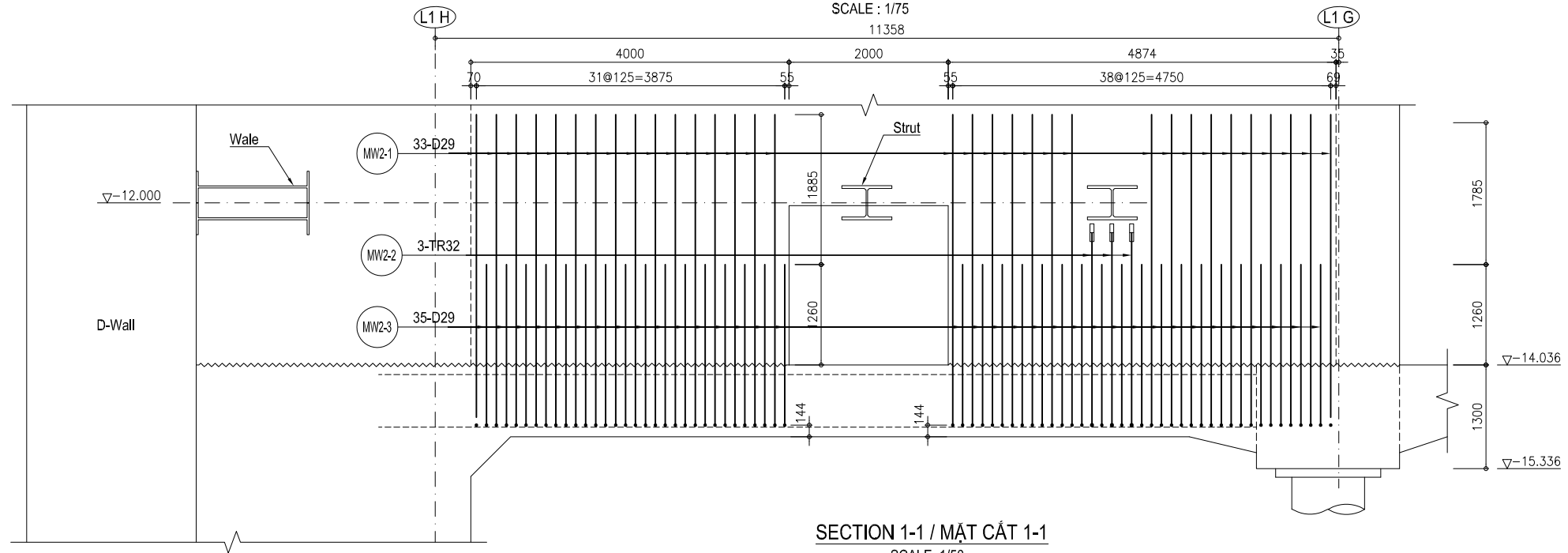


NOTES / GHI CHÚ:

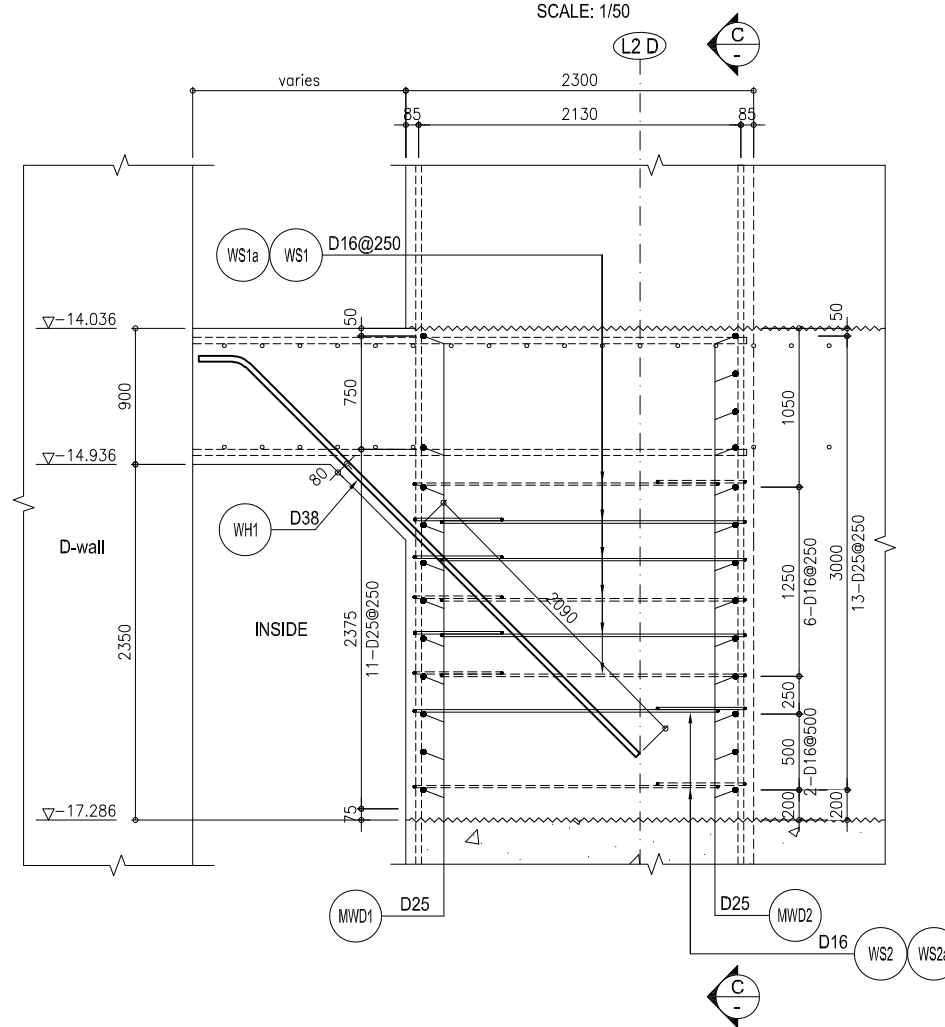
~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công.

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR WALL AT AXIS L2D (02/03)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TƯỜNG TẠI TRỤC L2D (02/03)**

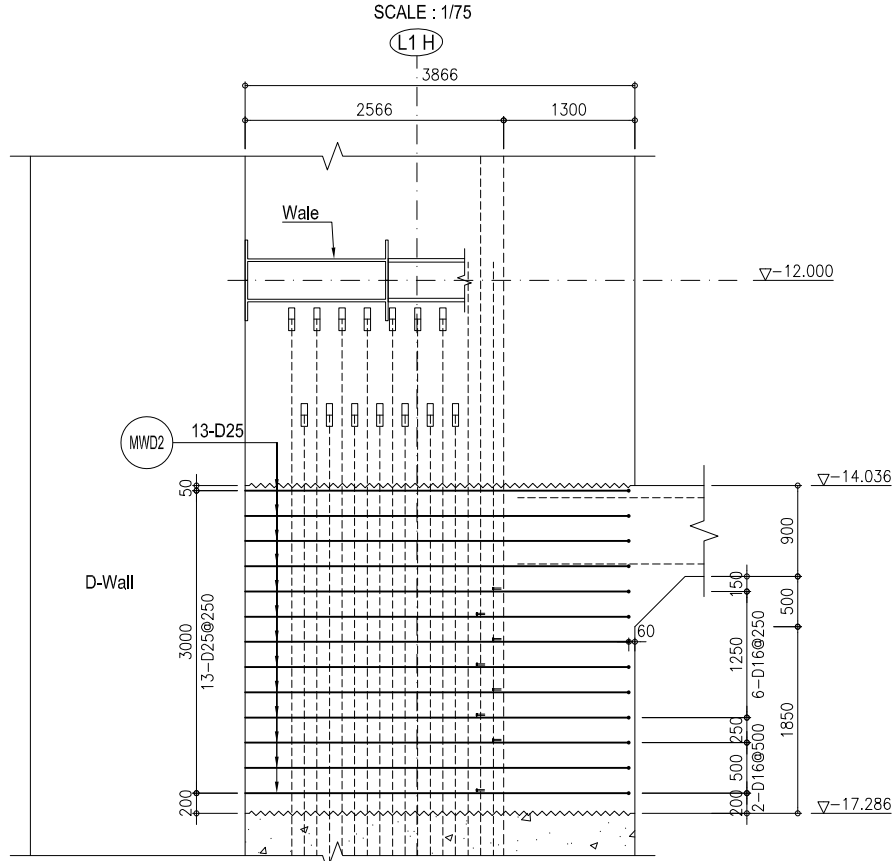
**SECTION B-B / MẶT CẮT B-B**



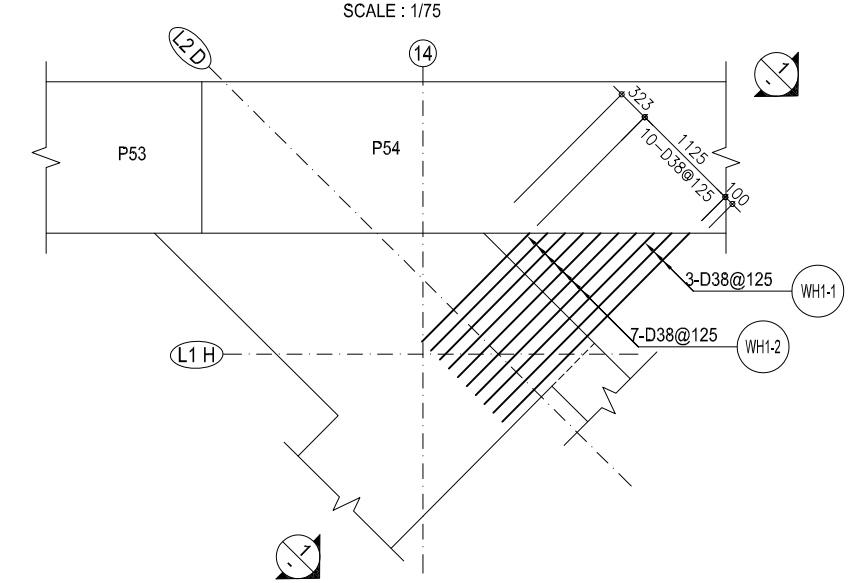
**SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1**



**SECTION C-C / MẶT CẮT C-C**



**ARRANGEMENT OF HAUNCH BAR FOR WALL / BỐ TRÍ THÉP HÔNG CHO TƯỜNG**

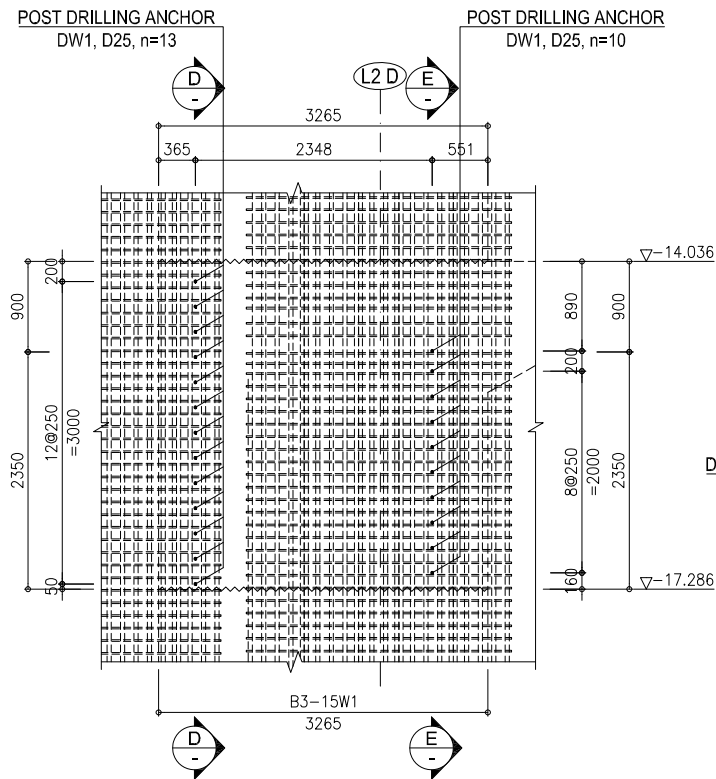


**NOTES / GHI CHÚ:**

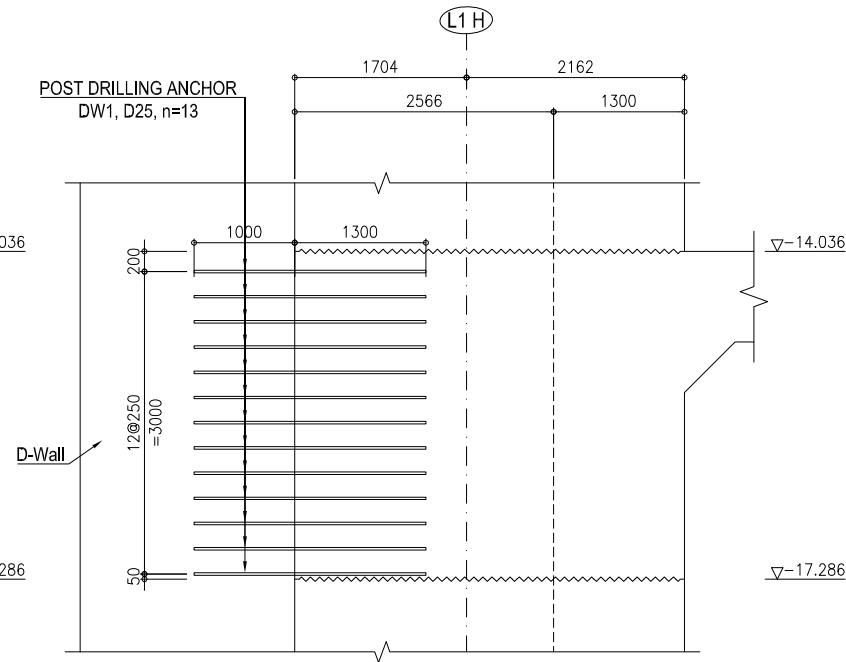
~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR WALL AT AXIS L2D (03/03)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP TƯỜNG TẠI TRỤC L2D (03/03)

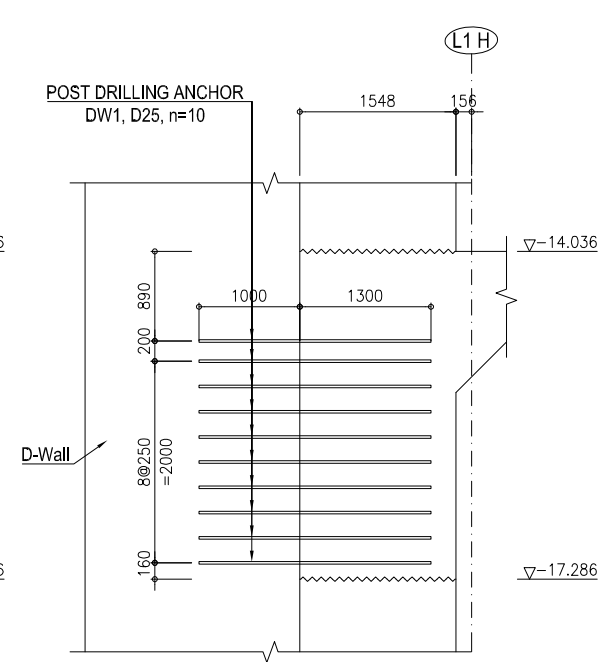
SIDE VIEW POST DRILLING ANCHOR FOR WALL
MẶT NHÌN THÉP KHOAN TƯỜNG
 SCALE : 1/75



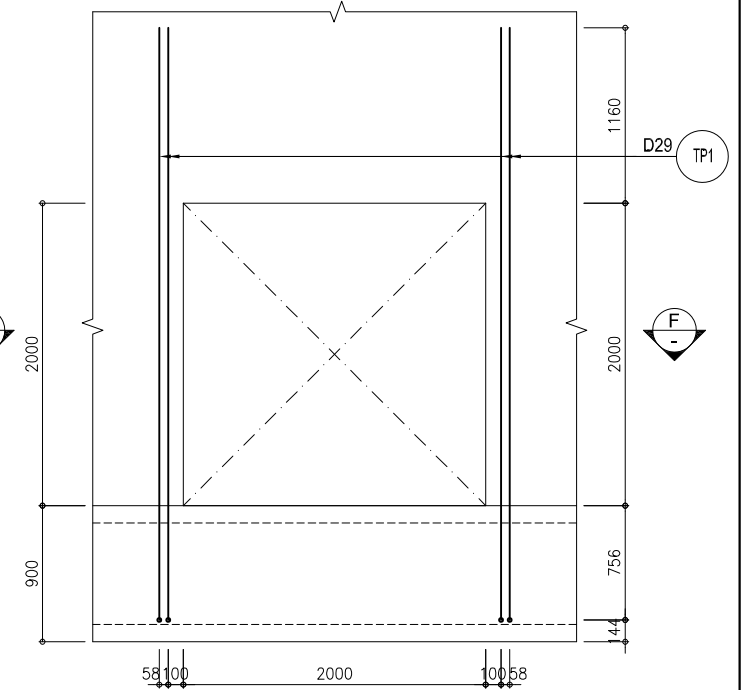
SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
 SCALE : 1/75



SECTION E-E / MẶT CẮT E-E
 SCALE : 1/75



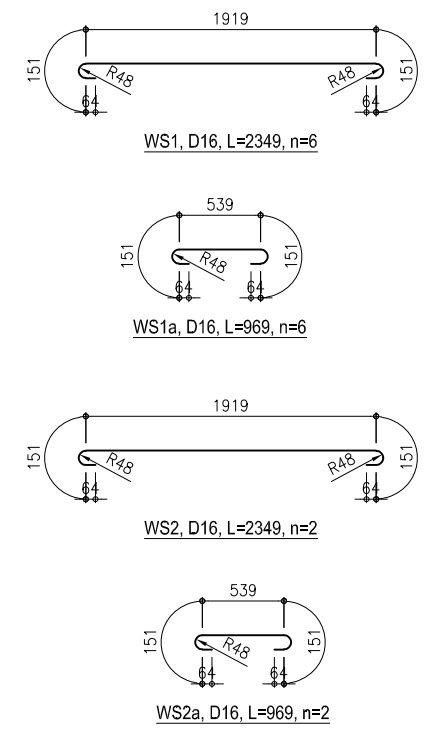
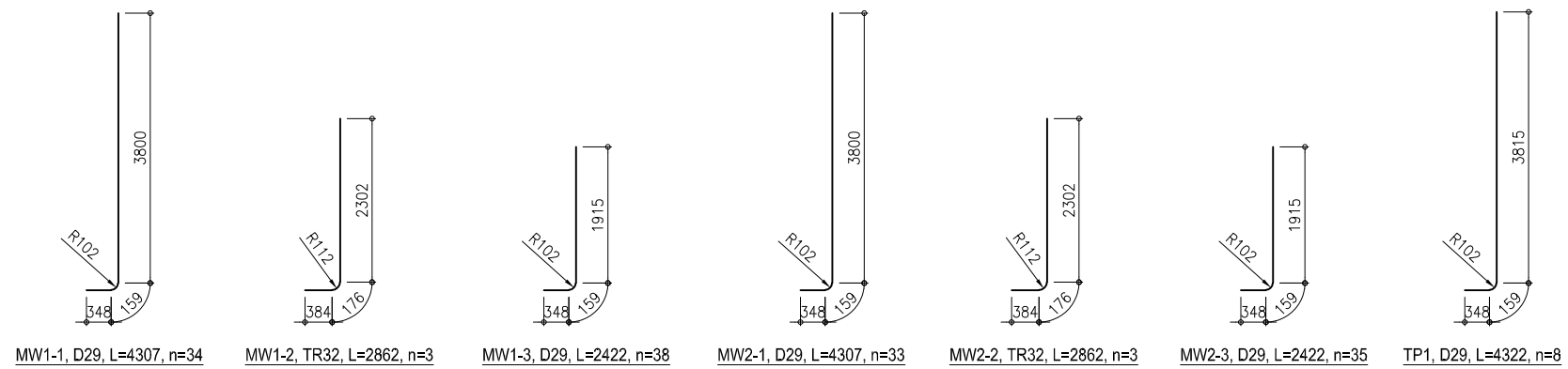
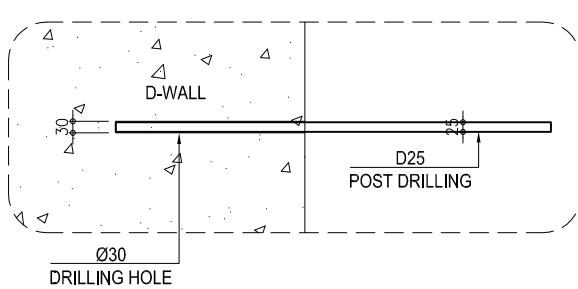
REINFORCING FOR OPENING
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỠ
 SCALE : 1/50



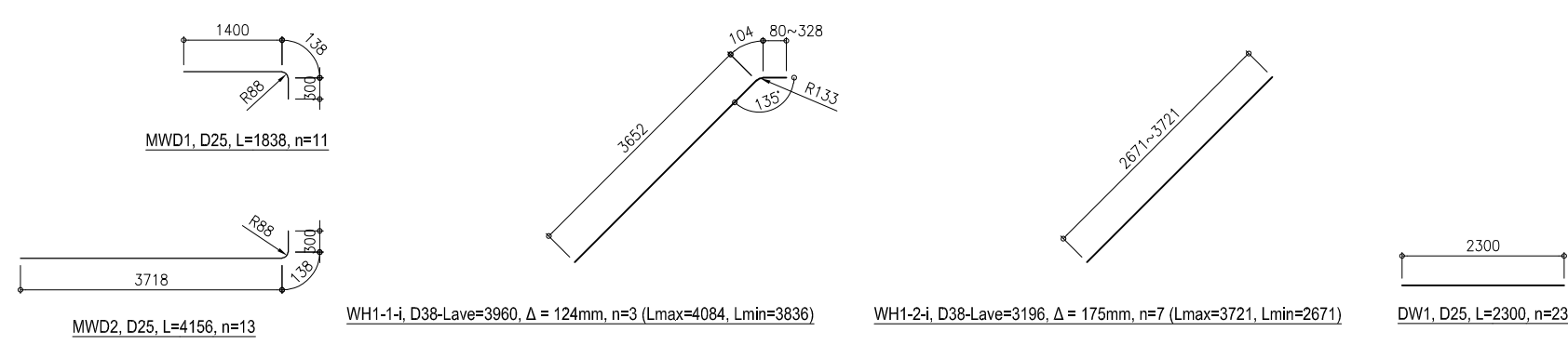
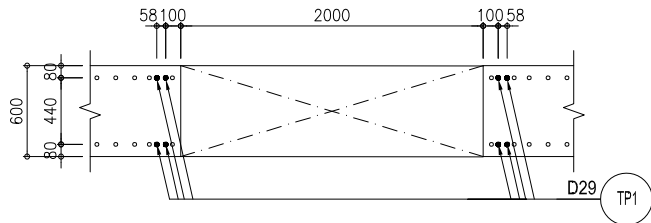
REBAR DETAIL FOR WALL / CHI TIẾT CỐT THÉP CHO TƯỜNG
 SCALE : 1/100

DETAIL STIRRUP FOR WALL
CHI TIẾT THÉP ĐAI CHO TƯỜNG
 SCALE : 1/50

DETAIL OF DRILLING HOLE
CHI TIẾT LỖ KHOAN
 SCALE: 1/20



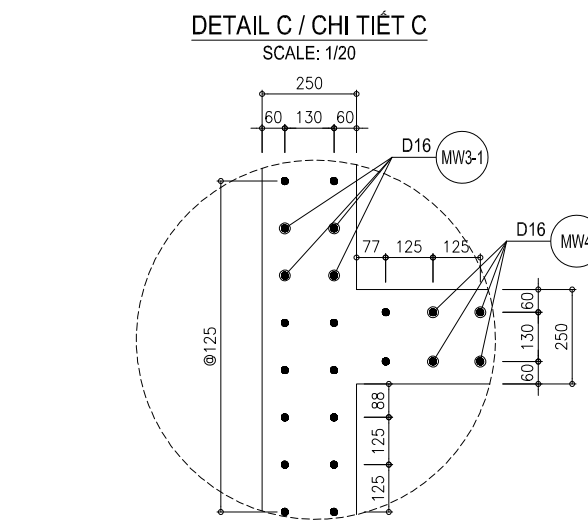
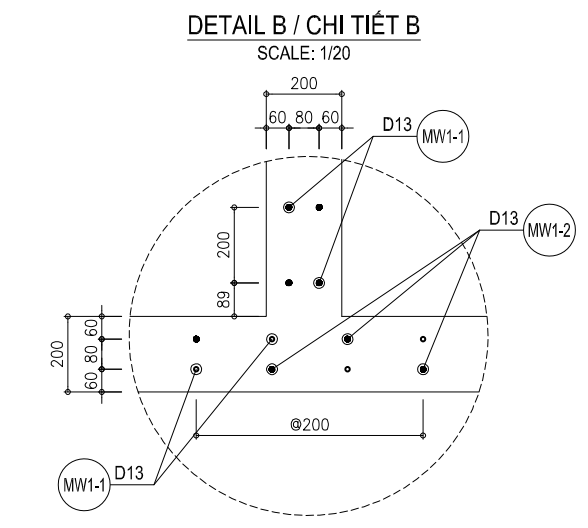
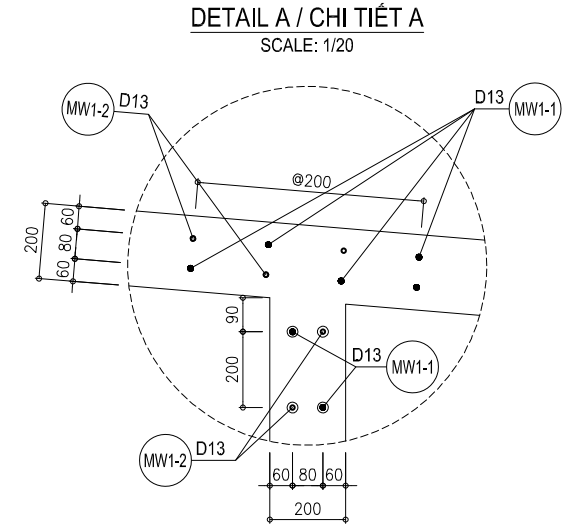
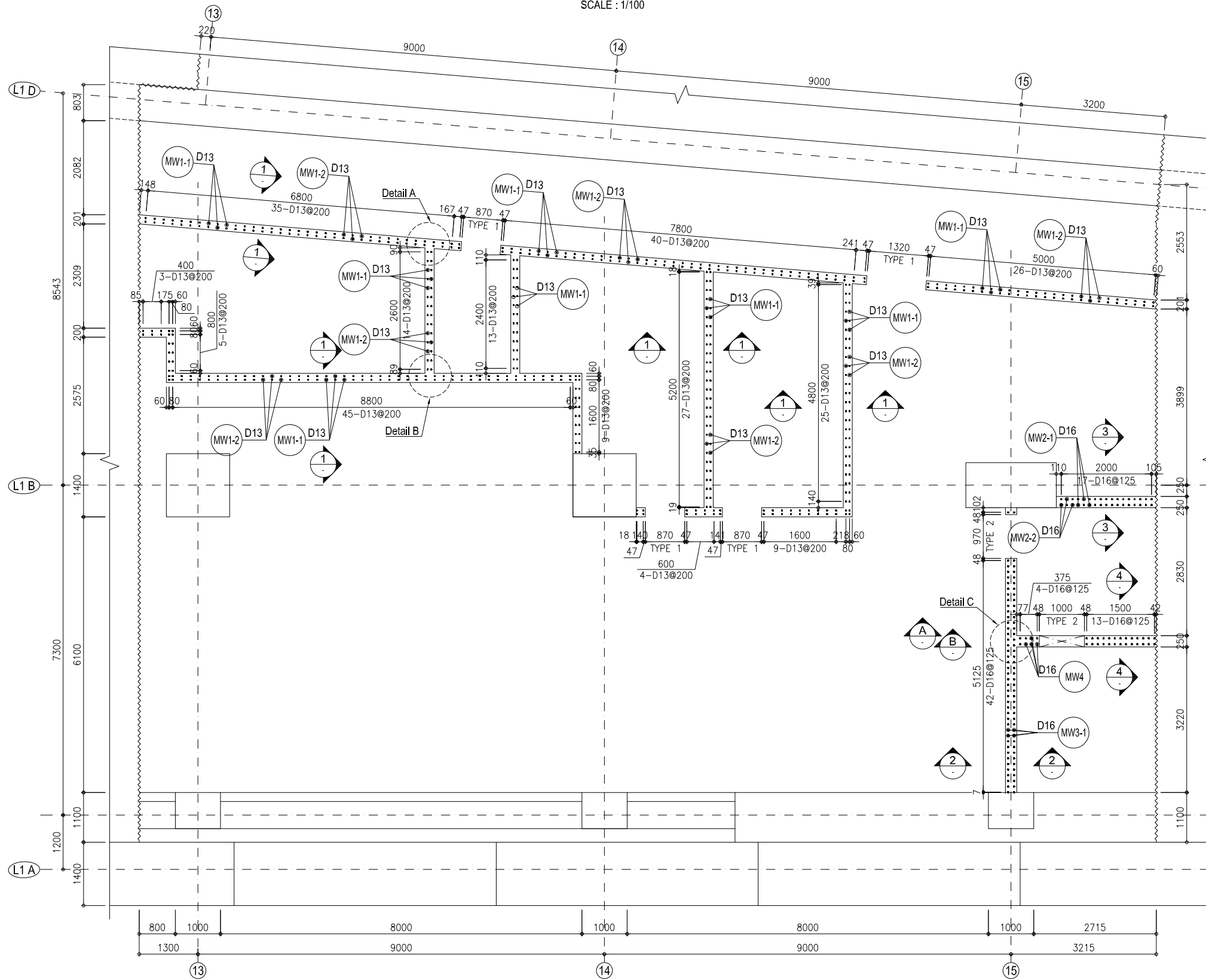
SECTION F-F / MẶT CẮT F-F
 SCALE: 1/50



NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- STARTER BAR FOR MIDDLE WALL UPPER B2F SLAB AT AXIS L1A~L1D (01/02)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỐT THÉP CHỜ TƯỜNG GIỮA PHÍA TRÊN SÀN B2F TRỤC L1A~L1D (01/02)**

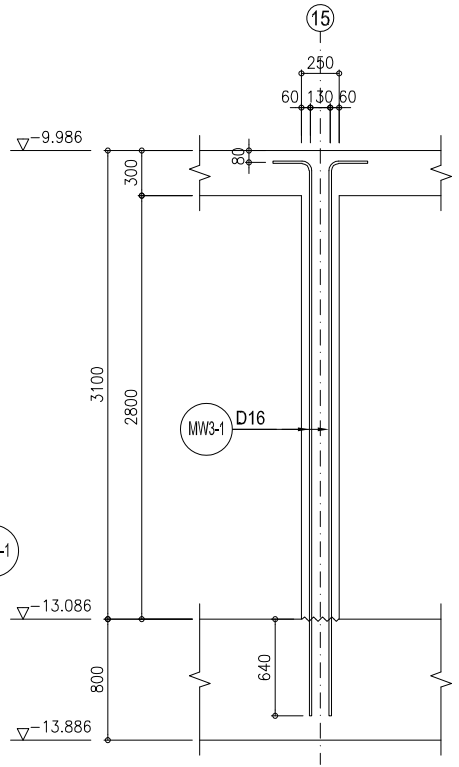
PLAN VIEW ARRANGEMENT OF REBAR FOR MIDDLE WALL  
 MẶT BẰNG BỐ TRÍ CỐT THÉP TƯỜNG GIỮA  
 SCALE : 1/100



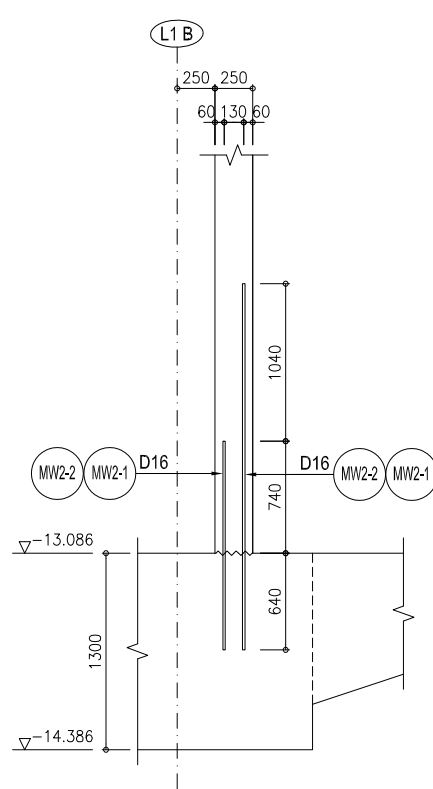
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- STARTER BAR FOR MIDDLE WALL UPPER B2F SLAB AT AXIS L1A~L1D (02/02)
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỐT THÉP CHỜ TƯỜNG GIỮA PHÍA TRÊN SÀN B2F TRỤC L1A~L1D (02/02)

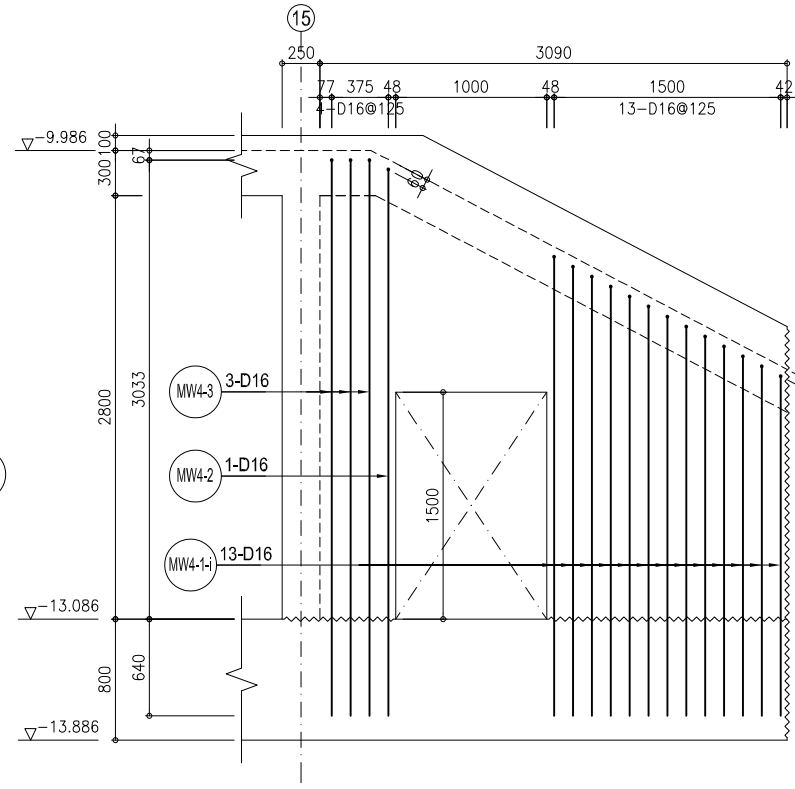
SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2
SCALE: 1/50



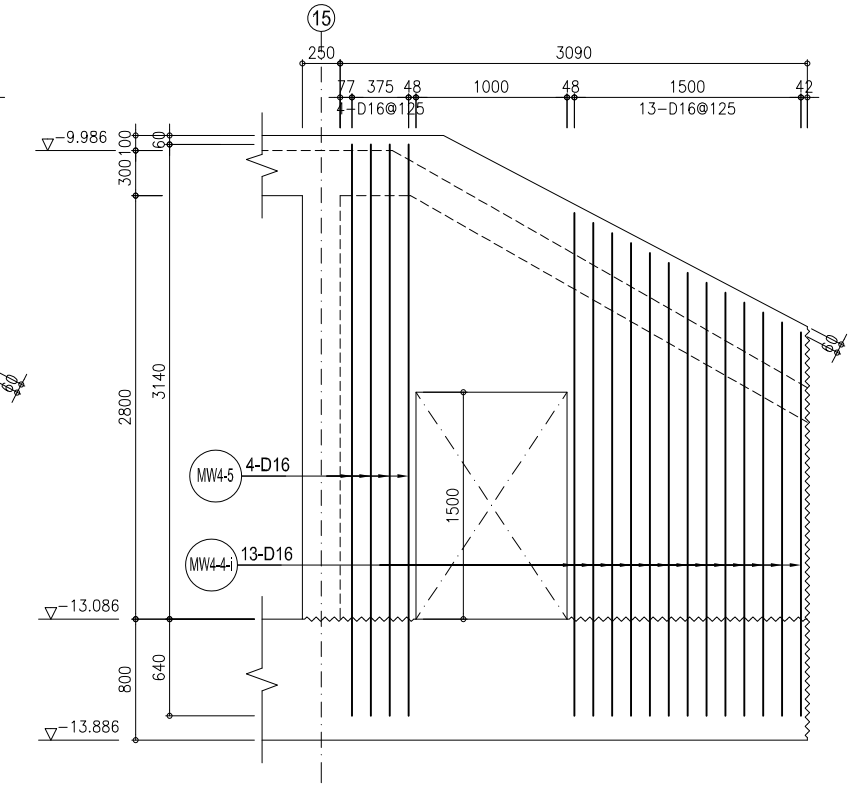
SECTION 3-3 / MẶT CẮT 3-3
SCALE: 1/50



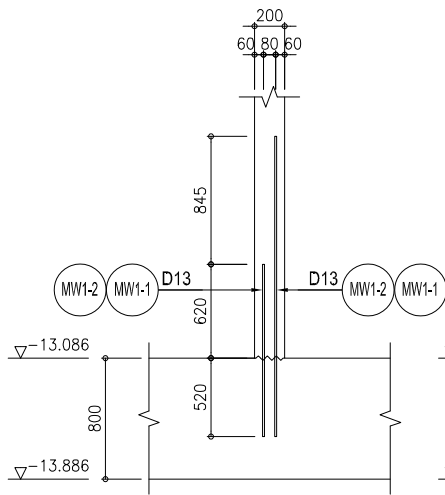
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
SCALE: 1/50



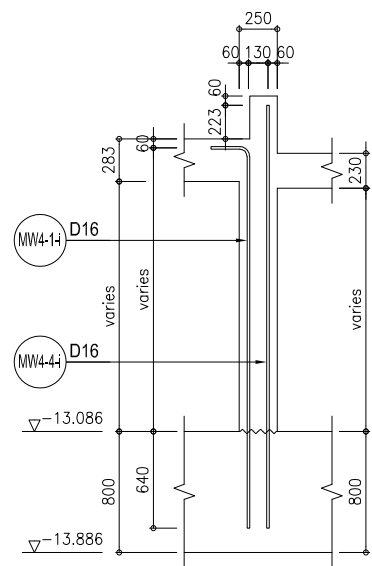
SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE: 1/50



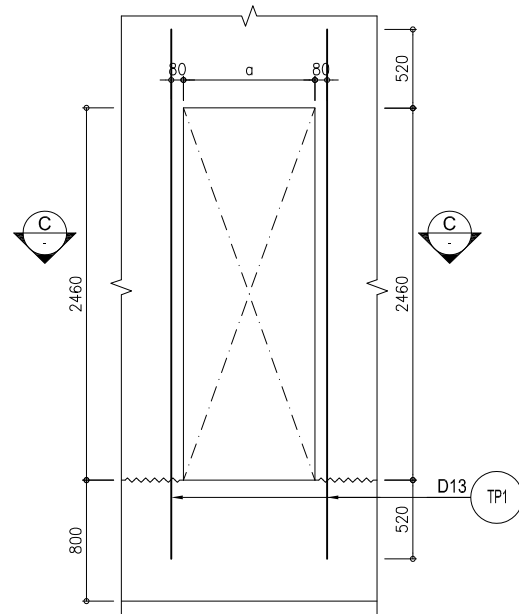
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
SCALE: 1/50



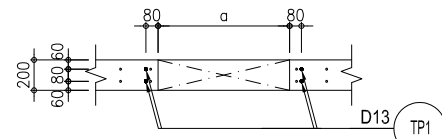
SECTION 4-4 / MẶT CẮT 4-4
SCALE: 1/50



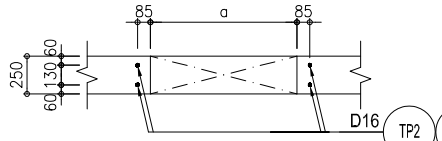
REINFORCING FOR OPENING TYPE 1
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ LOẠI 1
SCALE: 1/50



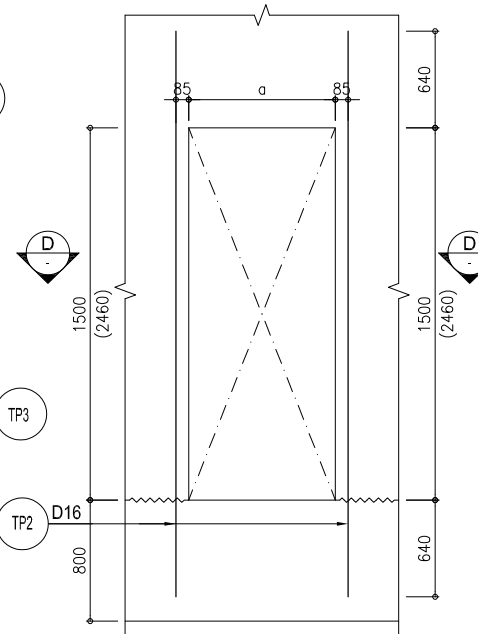
SECTION C-C / MẶT CẮT C-C
SCALE: 1/50



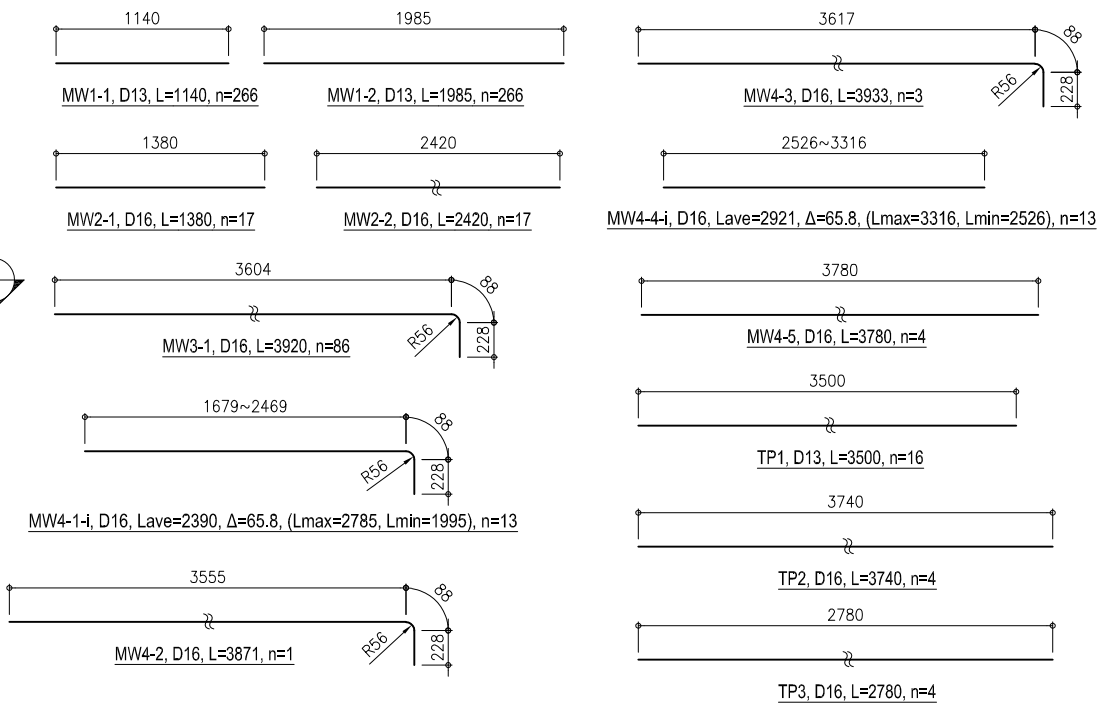
SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
SCALE: 1/50



REINFORCING FOR OPENING TYPE 2
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ LOẠI 2
SCALE: 1/50



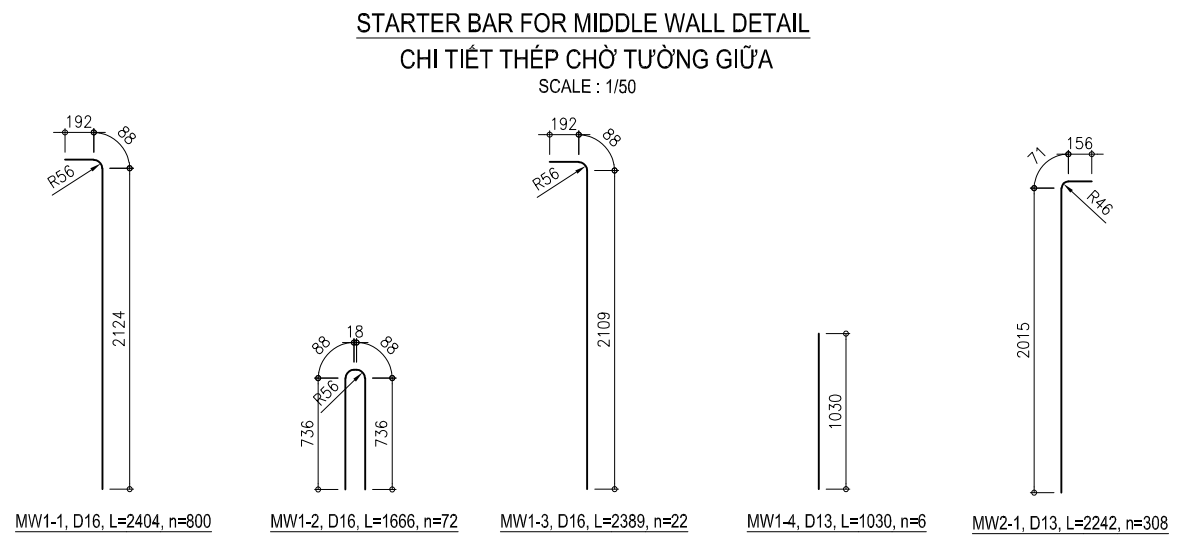
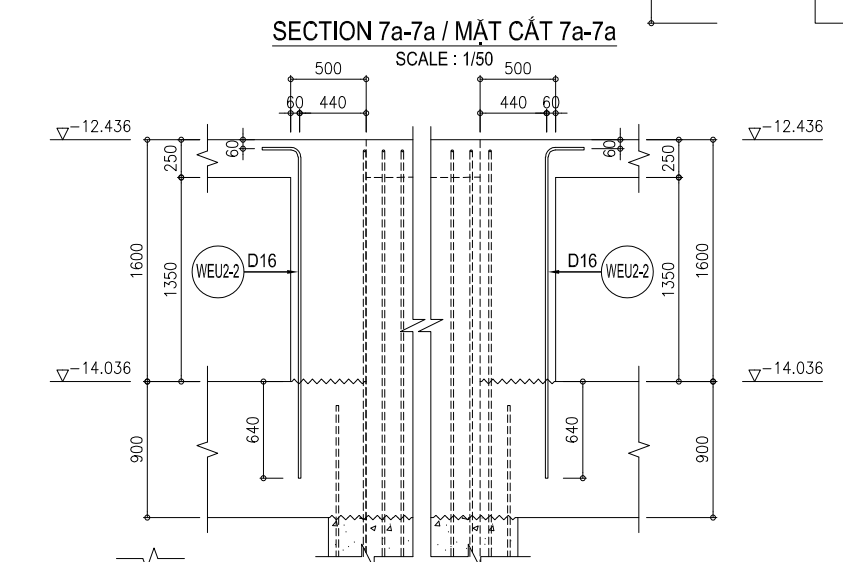
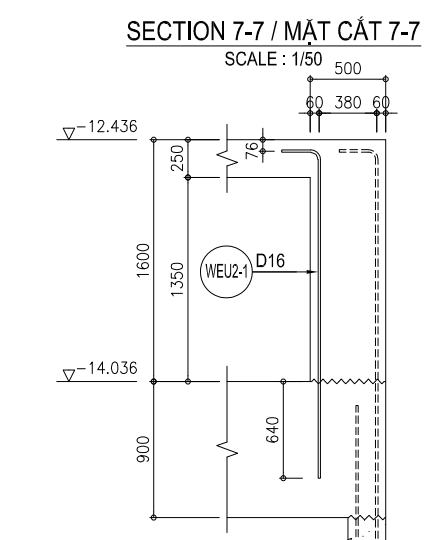
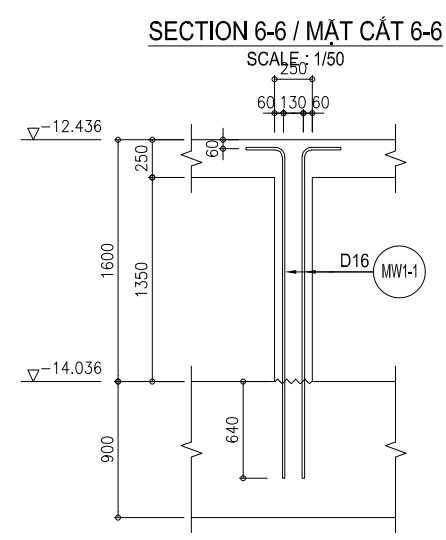
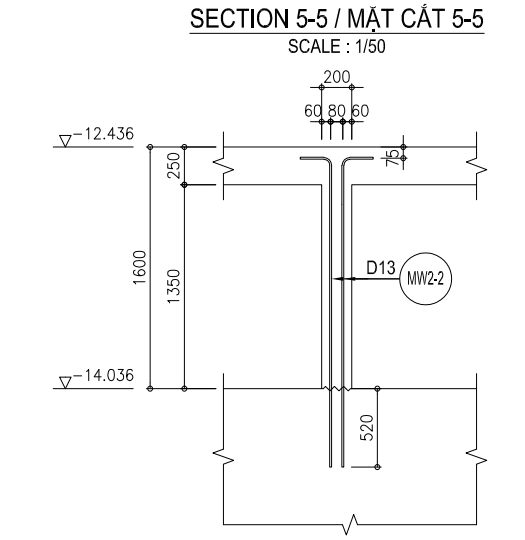
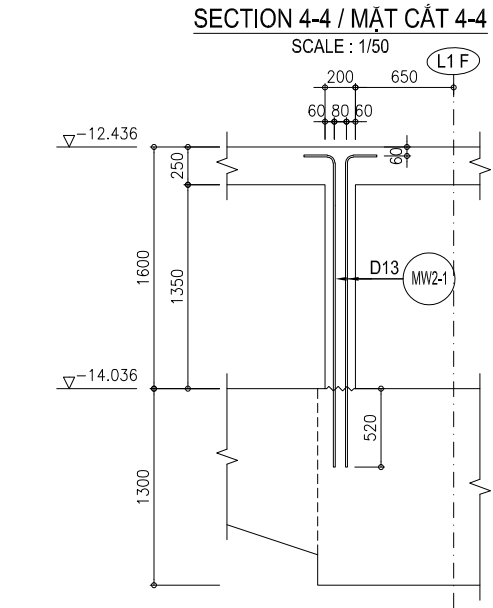
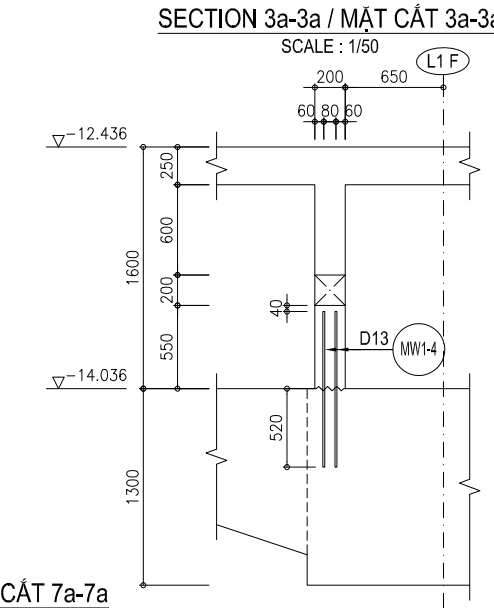
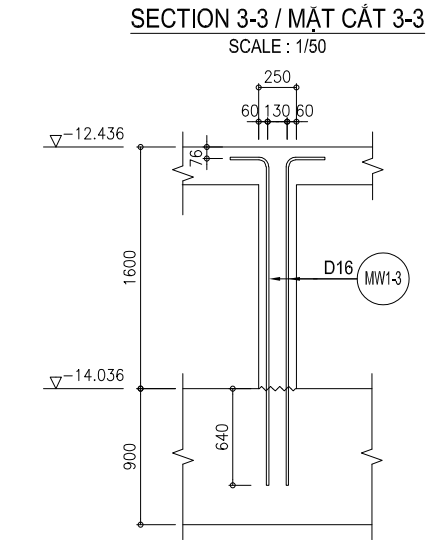
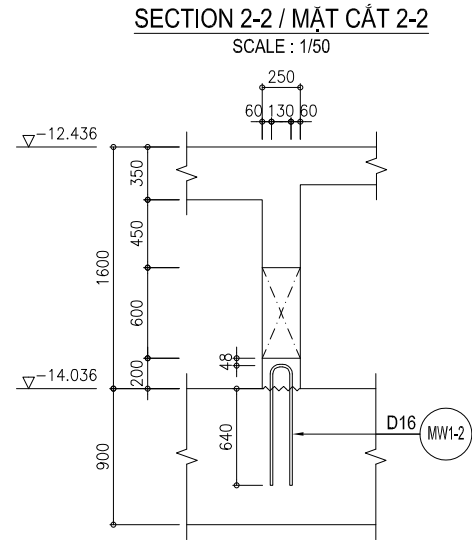
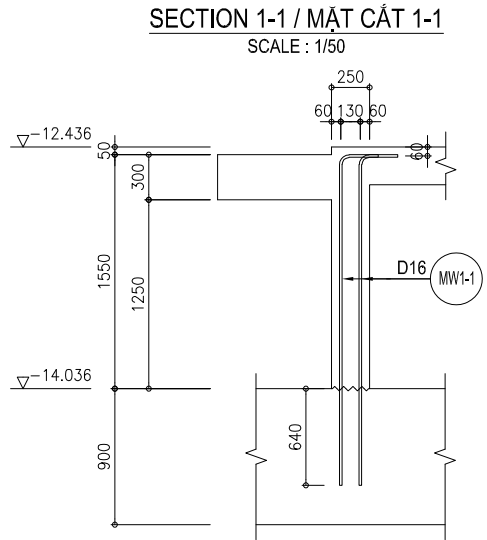
STARTER BAR FOR MIDDLE WALL DETAIL
CHI TIẾT THÉP CHỜ TƯỜNG GIỮA
SCALE: 1/50



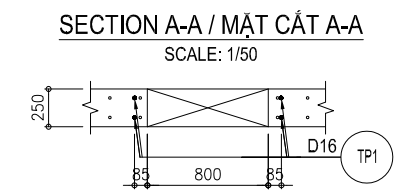
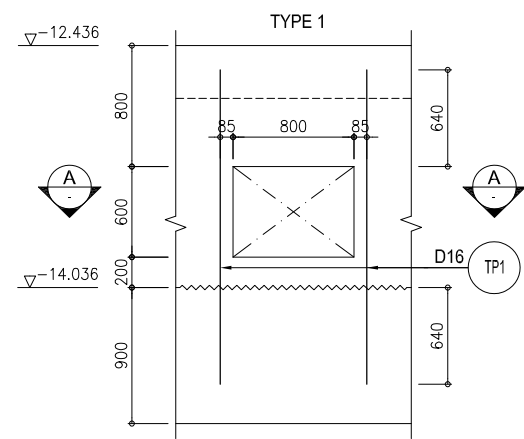
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mỗi nối thi công.



**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- STARTER BAR FOR MIDDLE WALL UPPER B2F SLAB AT AXIS L1D~L1G (02/02)**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - CỐT THÉP CHỜ TƯỜNG GIỮA PHÍA TRÊN SÀN B2F TRỤC L1D~L1G (02/02)**



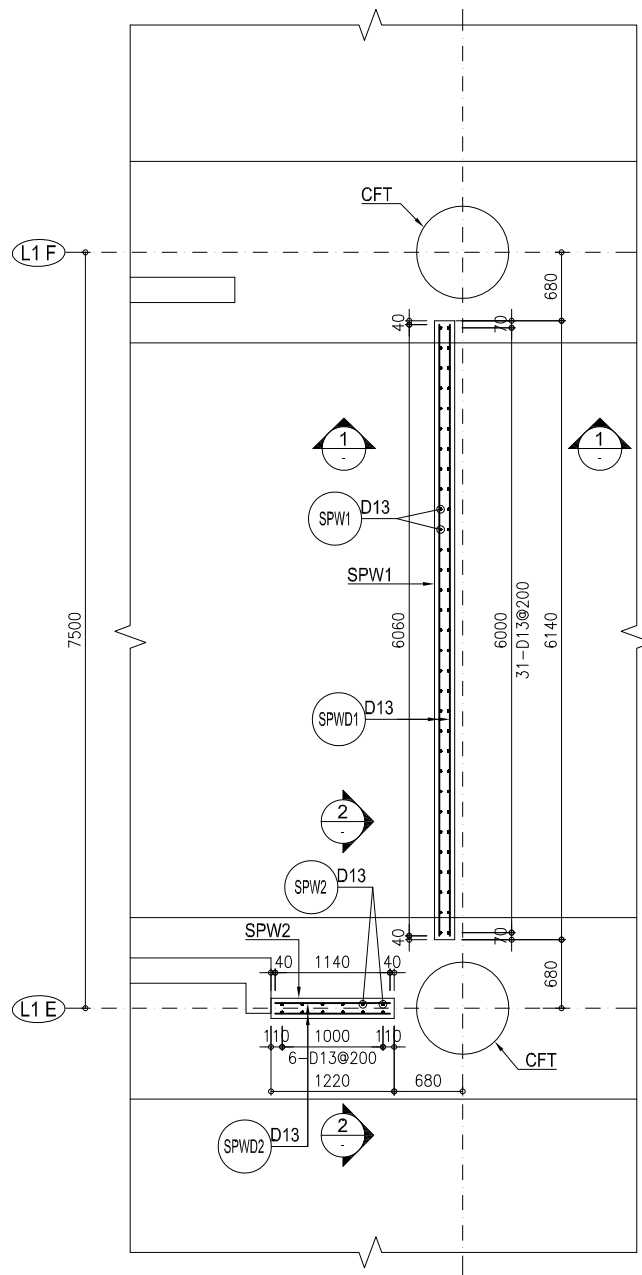
**REINFORCING FOR OPENING**  
**GIA CƯỜNG CHO LỖ MỠ**  
SCALE: 1/50



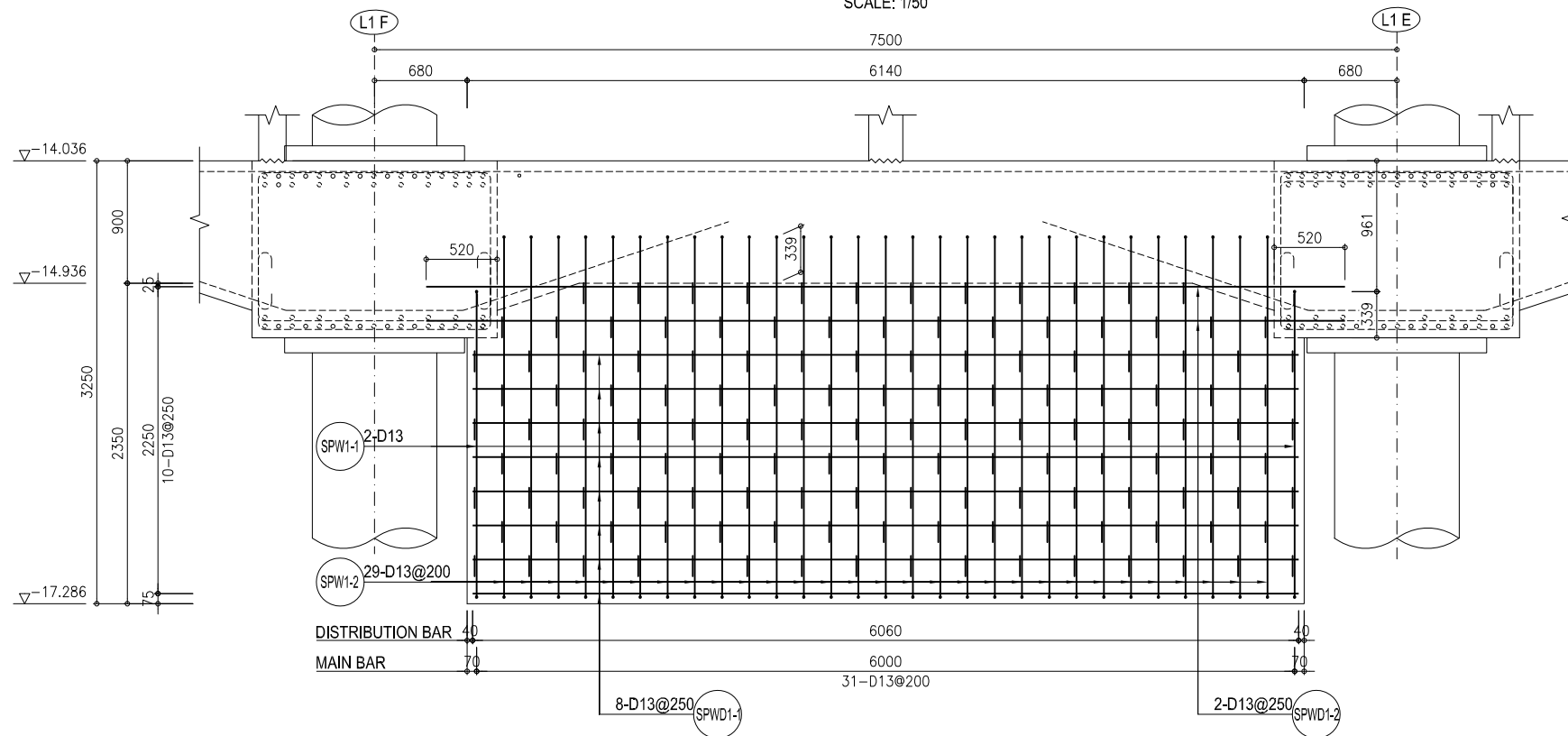
**NOTES / GHI CHÚ:**  
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR SUSPENDED WALL
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHO TƯỜNG TREO

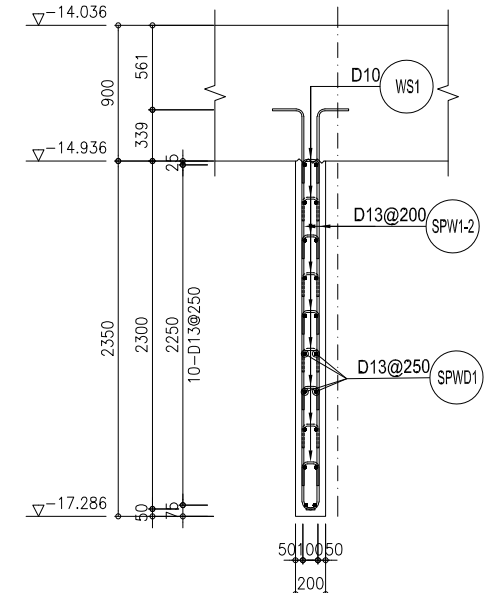
REBAR ARRANGEMENT IN PLAN
BỐ TRÍ CỐT THÉP TRÊN MẶT BẰNG
 SCALE: 1/75



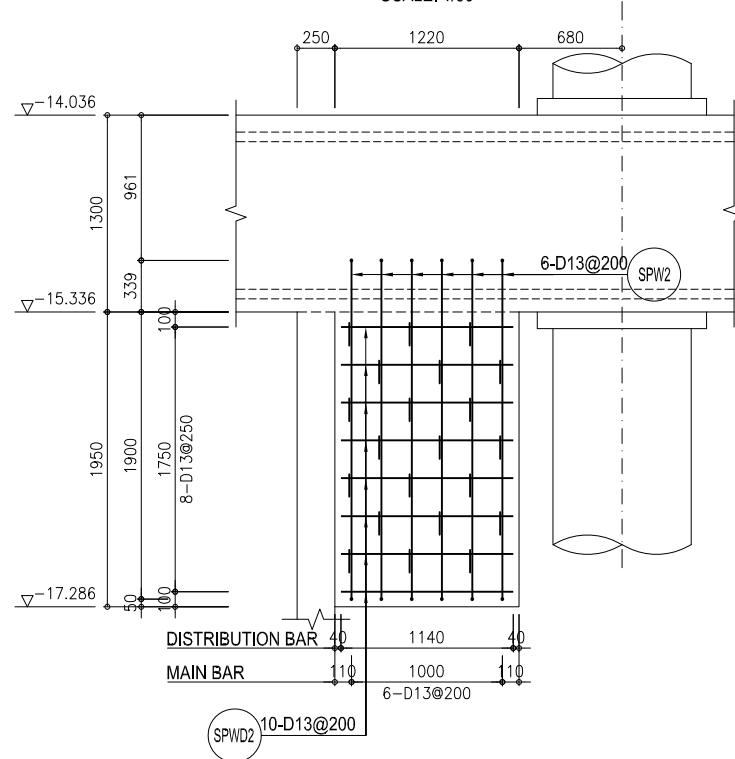
WALL SPW1 / TƯỜNG SPW1
 SCALE: 1/50



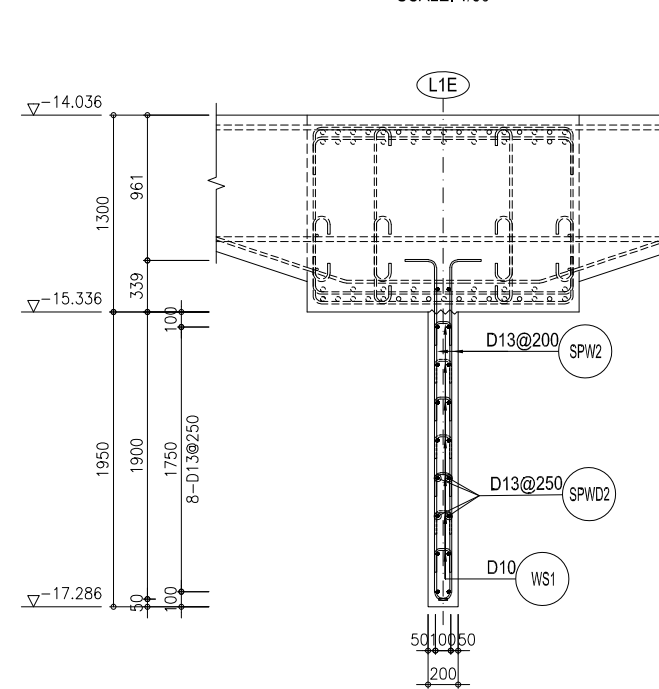
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
 SCALE: 1/50



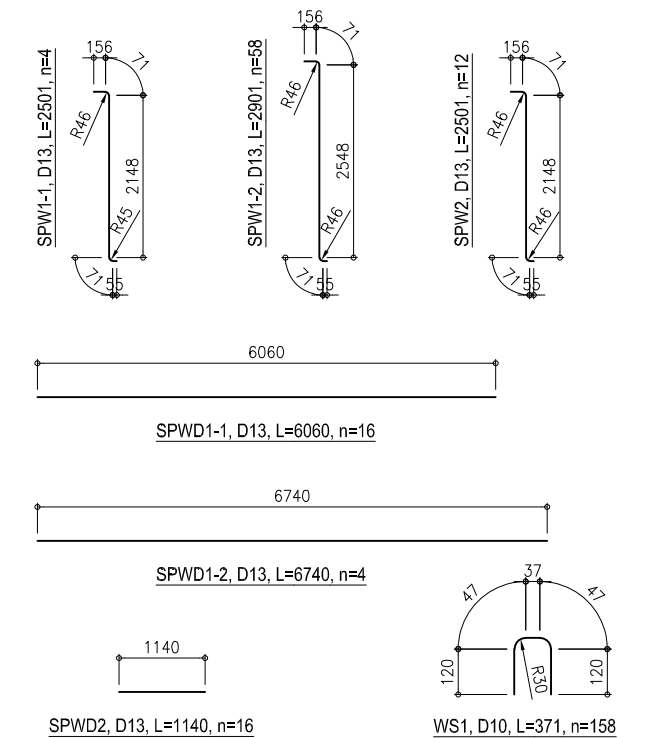
WALL SPW2 / TƯỜNG SPW2
 SCALE: 1/50



SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2
 SCALE: 1/50



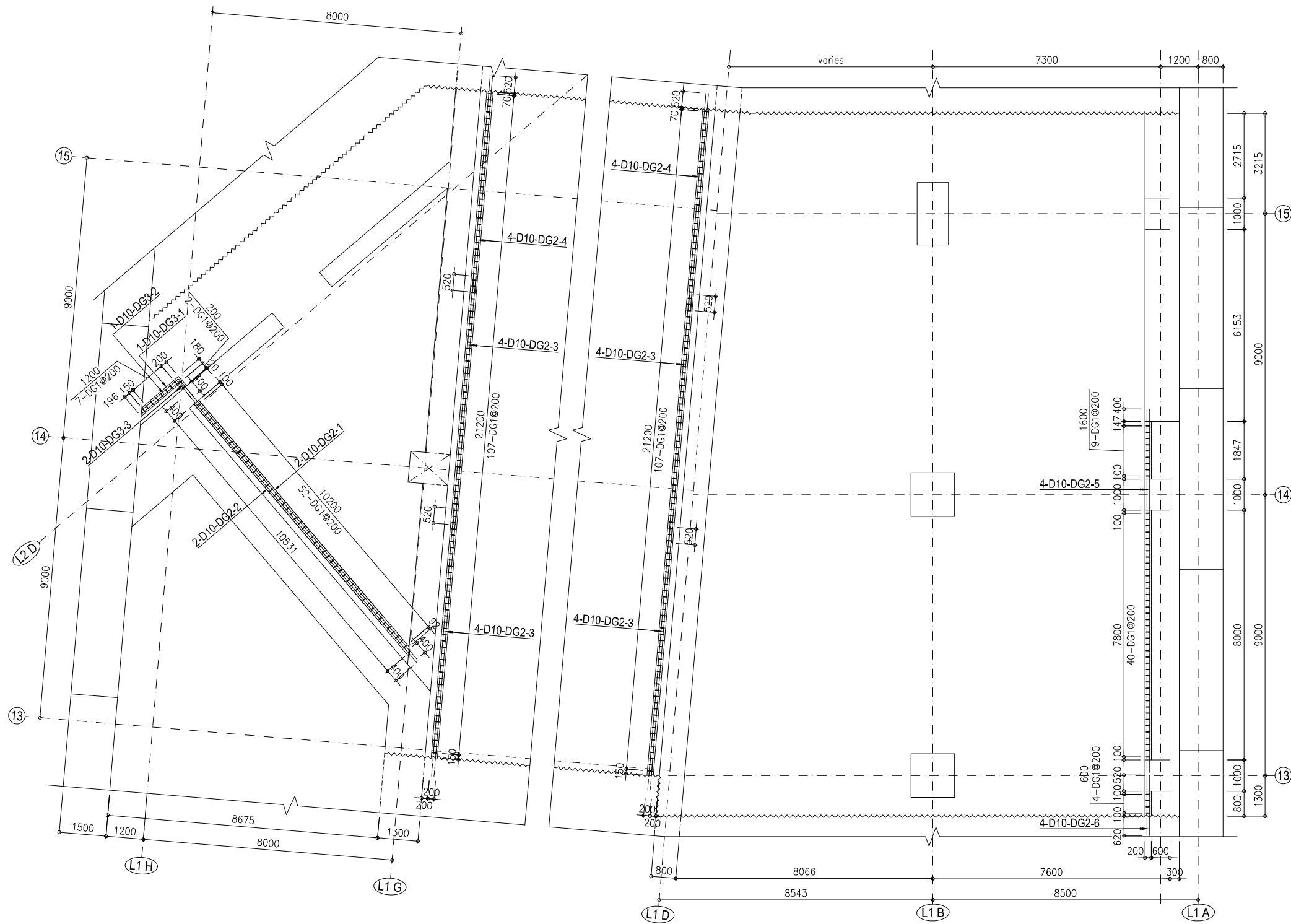
REBAR DETAIL / CHI TIẾT CỐT THÉP
 SCALE: 1/100



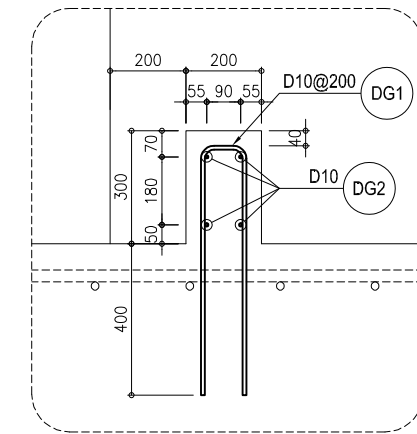
NOTES / GHI CHÚ:
 ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công

**B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - REBAR ARRANGEMENT FOR GUTTER**  
**SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHO RÃNH**

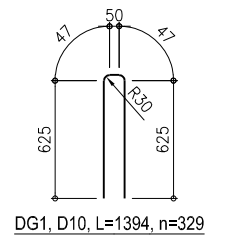
**REBAR ARRANGEMENT FOR GUTTER / BỐ TRÍ THÉP CHO RÃNH NƯỚC**  
 SCALE : 1/150



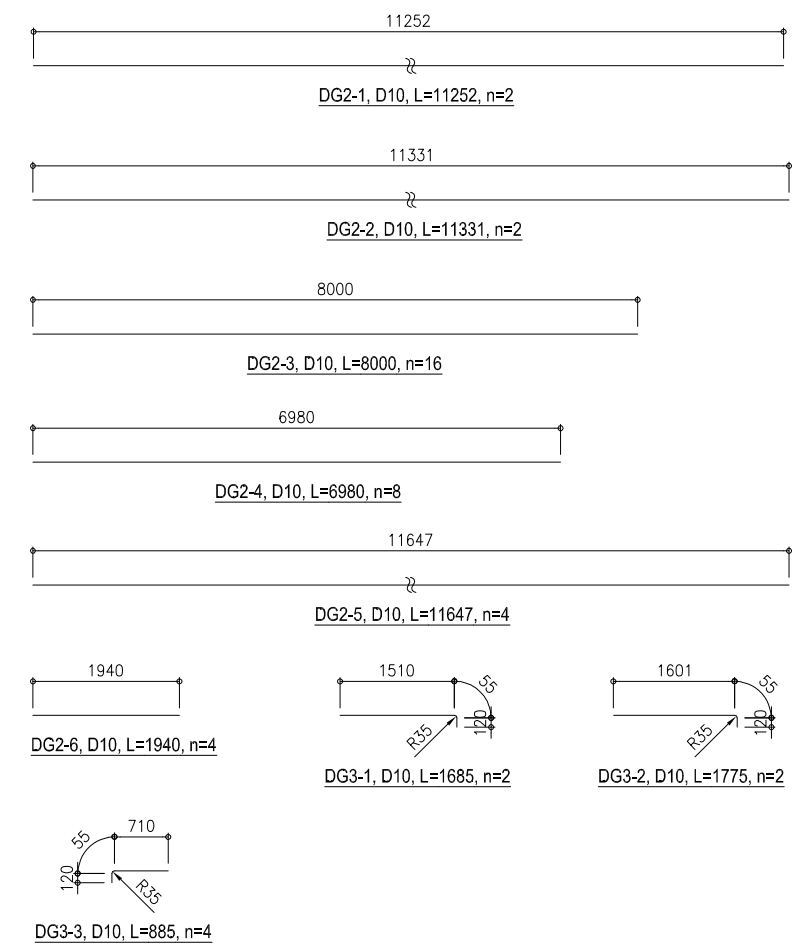
**DETAIL OF GUTTER / CHI TIẾT RÃNH**  
 SCALE : 1/20



**STARTER BAR FOR GUTTER**  
**THÉP CHỖ CHO RÃNH**  
 SCALE : 1/40



**REBAR FOR GUTTER / CỐT THÉP CHO RÃNH**  
 SCALE : 1/100

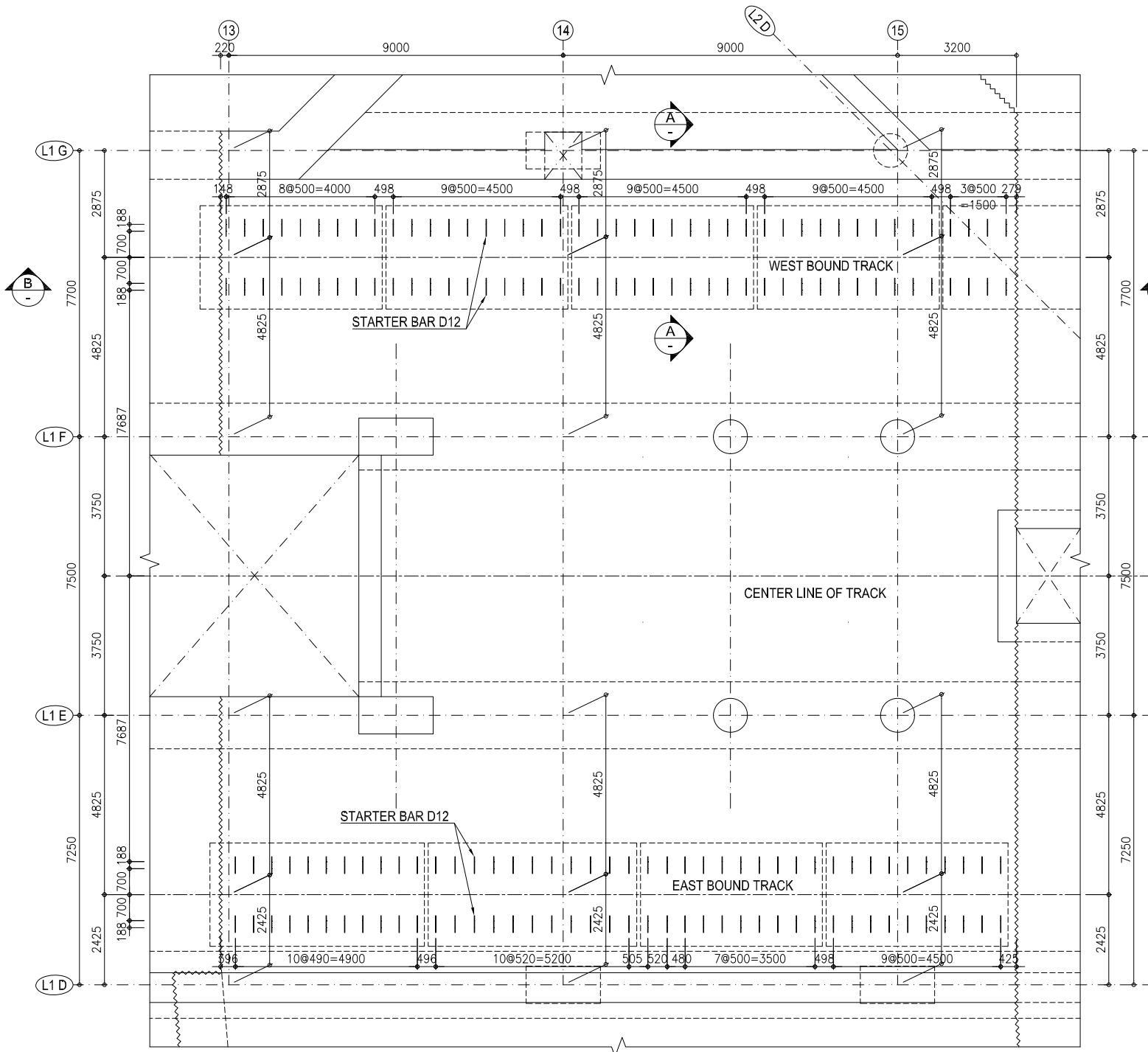


**NOTES / GHI CHÚ:**

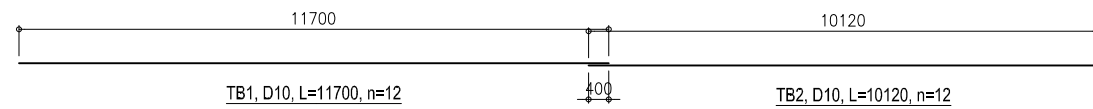
~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - STARTER BAR ARRANGEMENT FOR TRACK BED
SÀN TRUNG GIAN B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ CỐT THÉP CHỜ CHO RAY TÀU

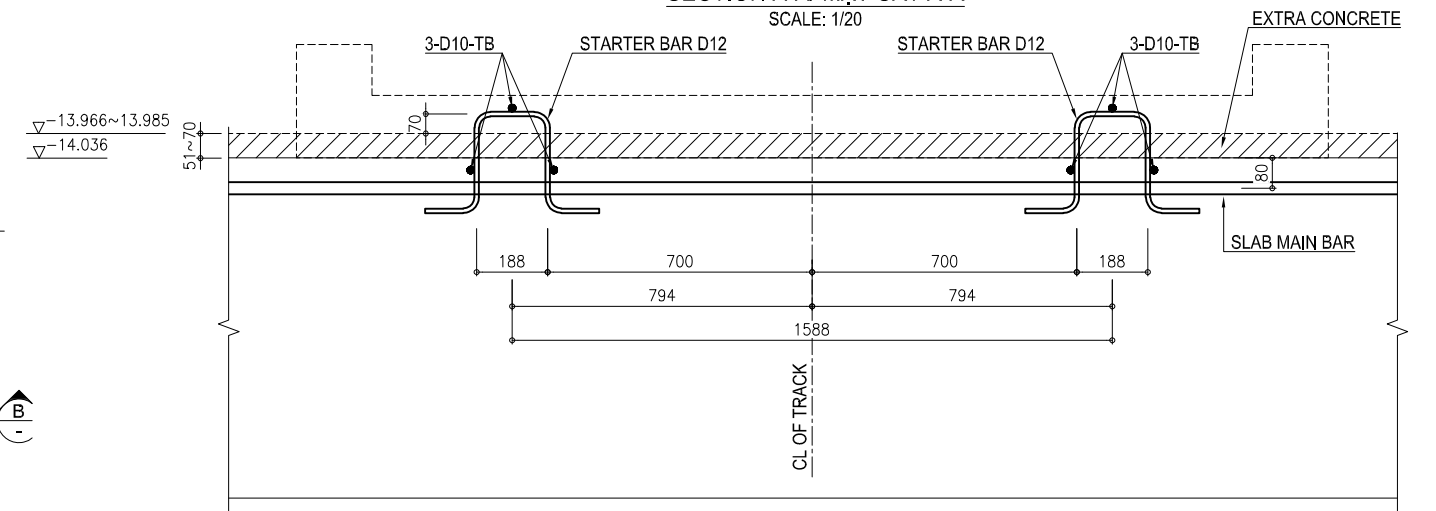
PLAN VIEW / MẶT BẰNG
SCALE: 1/150



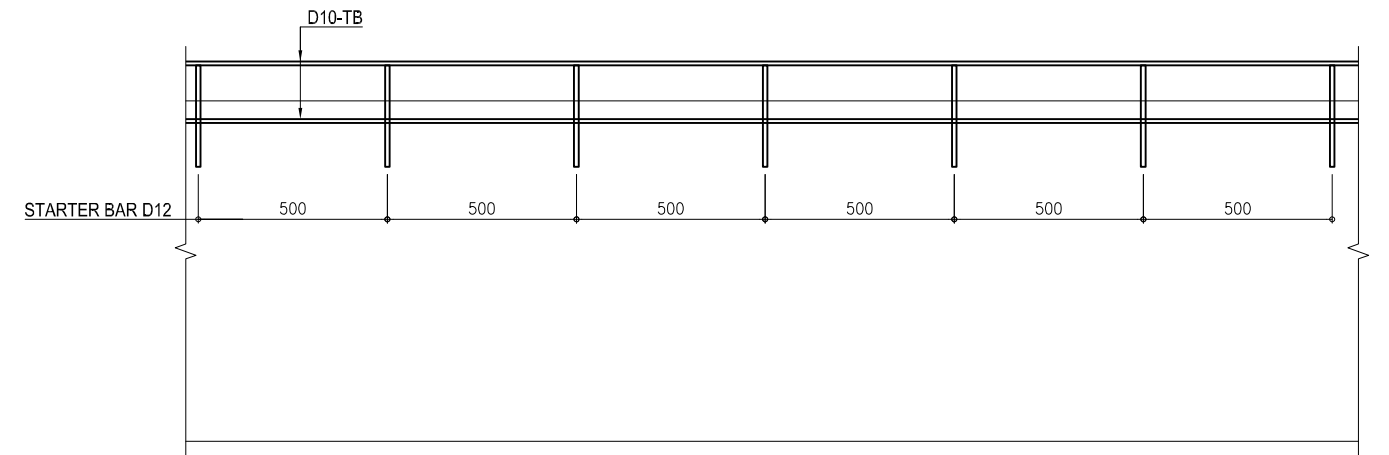
DETAIL OF REBAR D10 / CHI TIẾT THANH THÉP D10
SCALE: 1/150



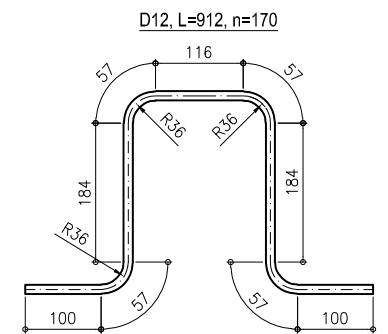
SECTION A-A/ MẶT CẮT A-A
SCALE: 1/20



SECTION B-B/ MẶT CẮT B-B
SCALE: 1/20



DETAIL OF STARTER BAR / CHI TIẾT THÉP CHỜ
SCALE: 1/10



NOTE / CHI CHÚ:

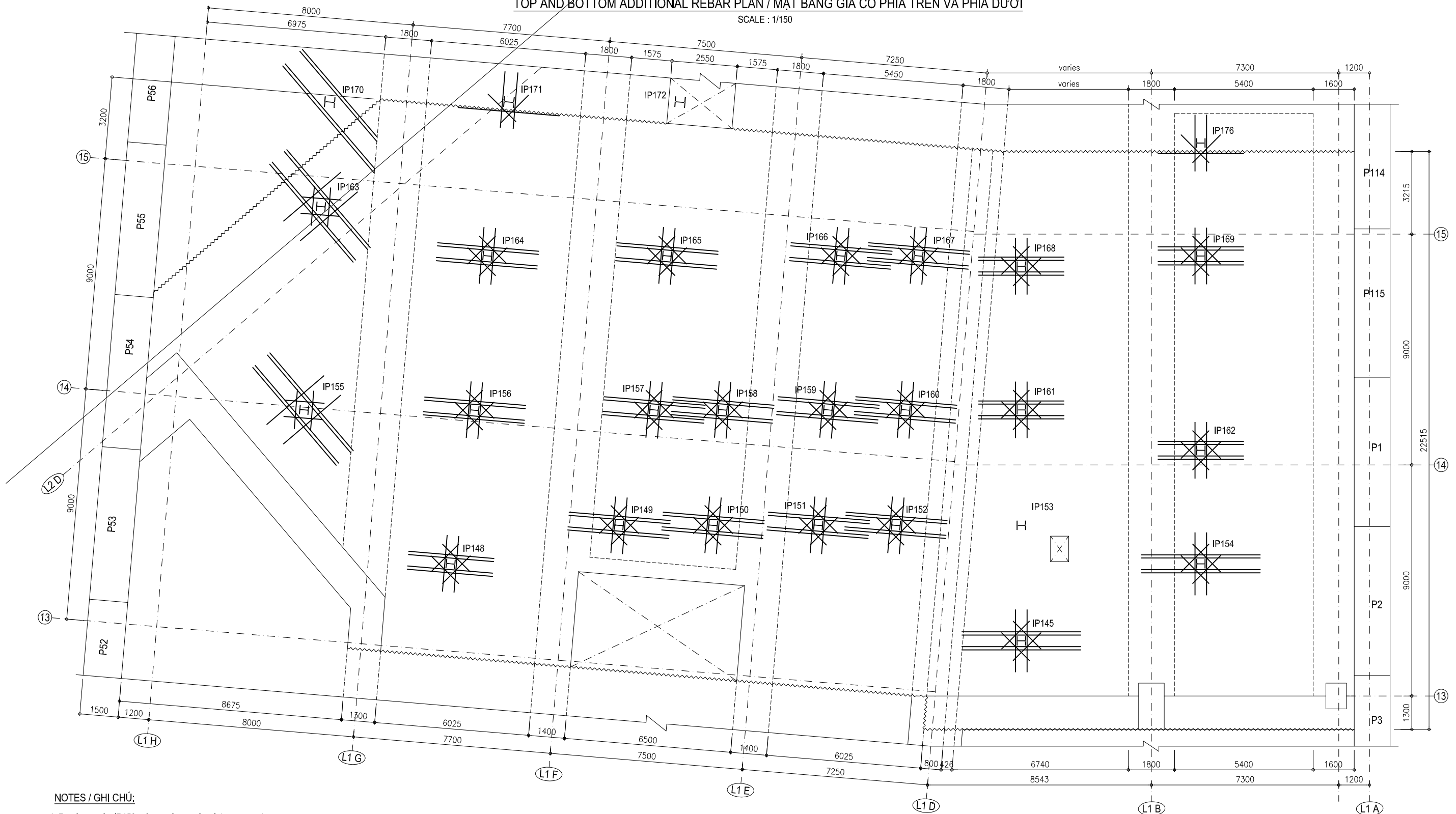
Tolerance of installing starter bars shall be as followings: / Sai số lắp đặt thanh thép chờ nên theo như sau:

- Transverse direction: $\pm 80\text{mm}$. / Phương ngang: $\pm 80\text{mm}$.
- Longitudinal direction: $500 \pm 50\text{mm}$. / Phương dọc: $500 \pm 50\text{mm}$.
- Vertical direction: Embedded height in track bed: $100\text{mm} \pm 40\text{mm}$. / Phương đứng: Chiều cao ngầm trong ray tàu: $100\text{mm} \pm 40\text{mm}$.

Construction joint / Mối nối thi công.

B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR INTERMEDIATE PILE (01/06)
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO CỘC TRUNG GIAN (01/06)

TOP AND BOTTOM ADDITIONAL REBAR PLAN / MẶT BẰNG GIA CỐ PHÍA TRÊN VÀ PHÍA DƯỚI
 SCALE : 1/150



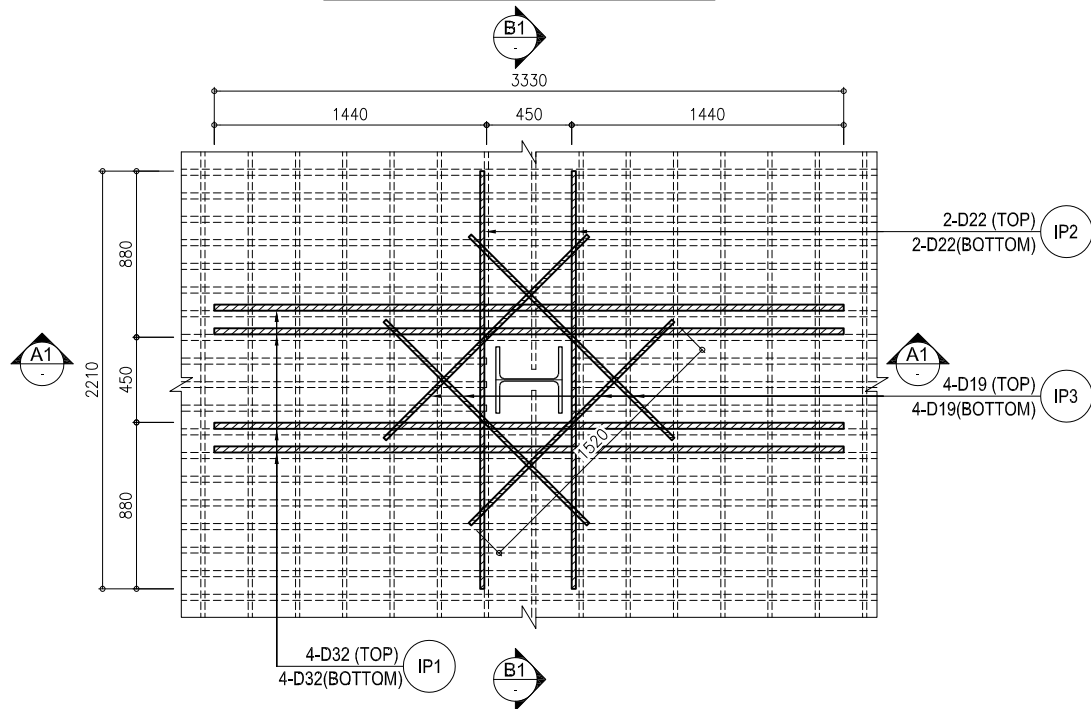
NOTES / GHI CHÚ:

1. Reinforcing for IP153 refer reinforcing for slab opening drawing.
 Gia cường cho cọc IP 153 tham khảo trong bản vẽ gia cường lỗ mở sàn.
2. ~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

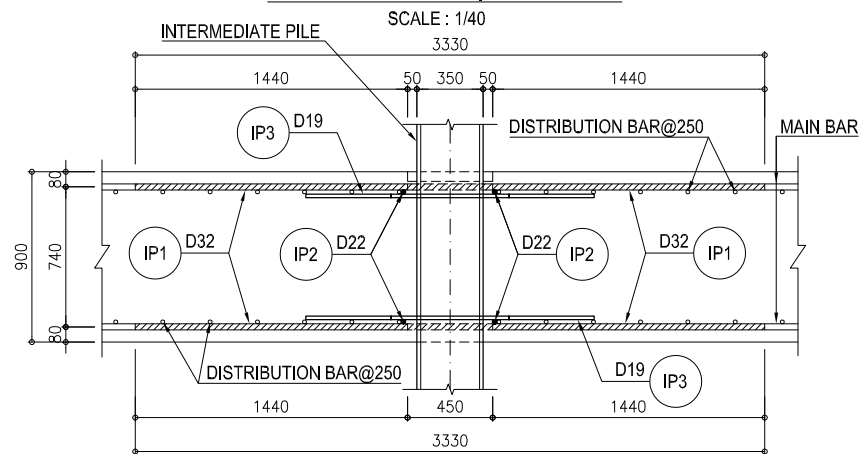
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR INTERMEDIATE PILE (02/06)

SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO CỌC TRUNG GIAN (02/06)

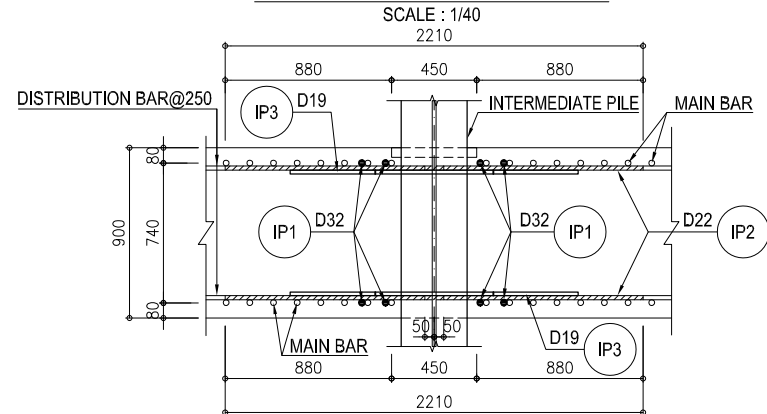
ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP148
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP148
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



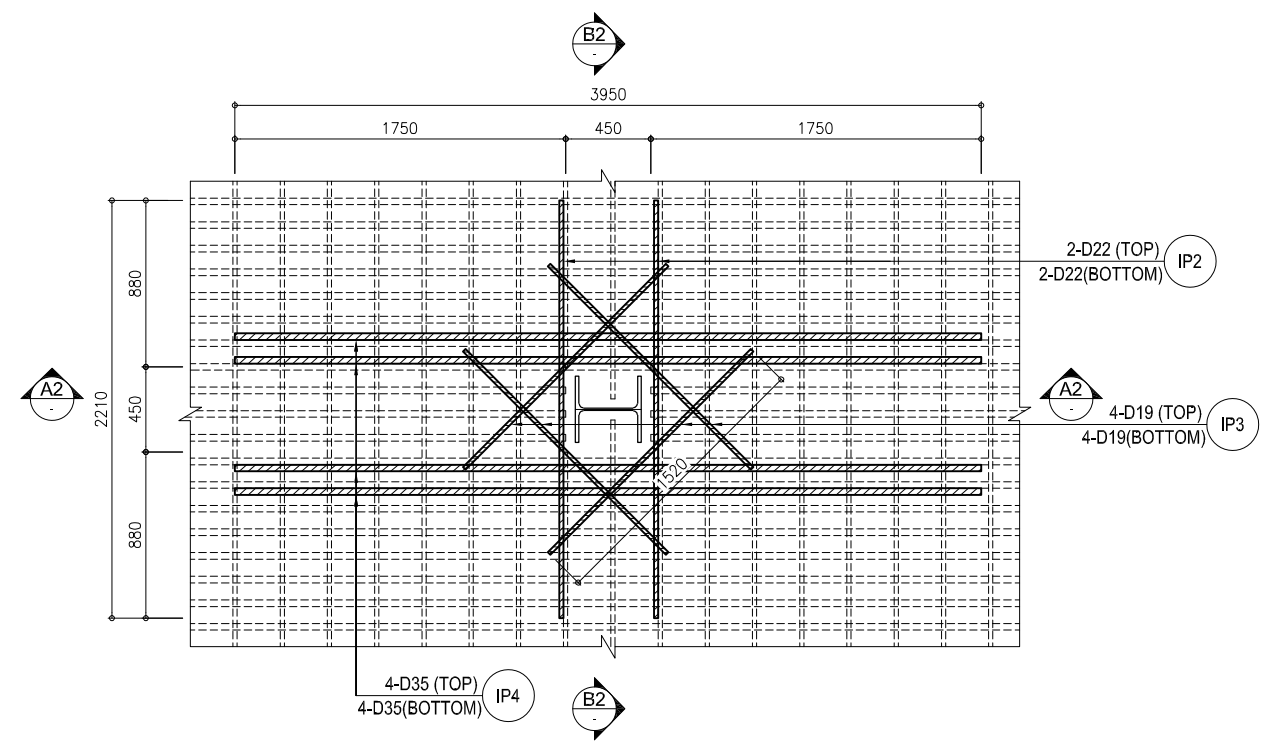
SECTION A1-A1 / MẶT CẮT A1-A1



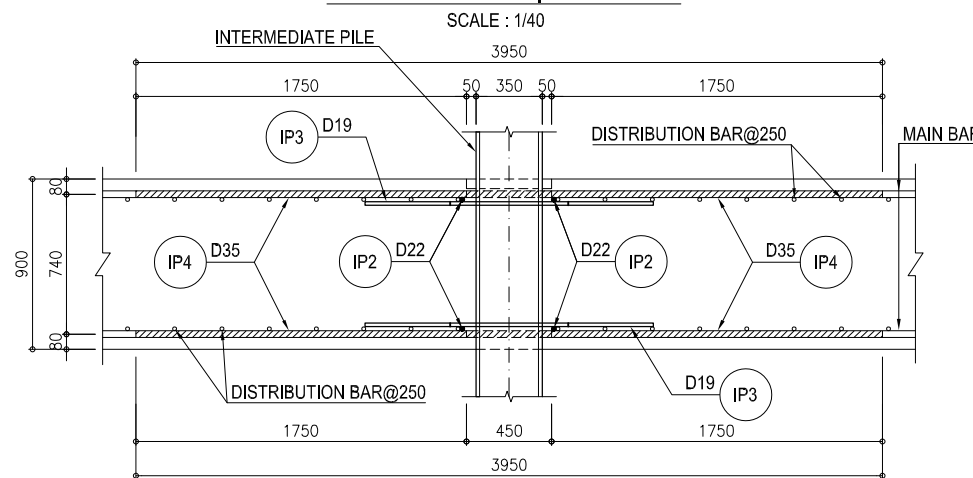
SECTION B1-B1 / MẶT CẮT B1-B1



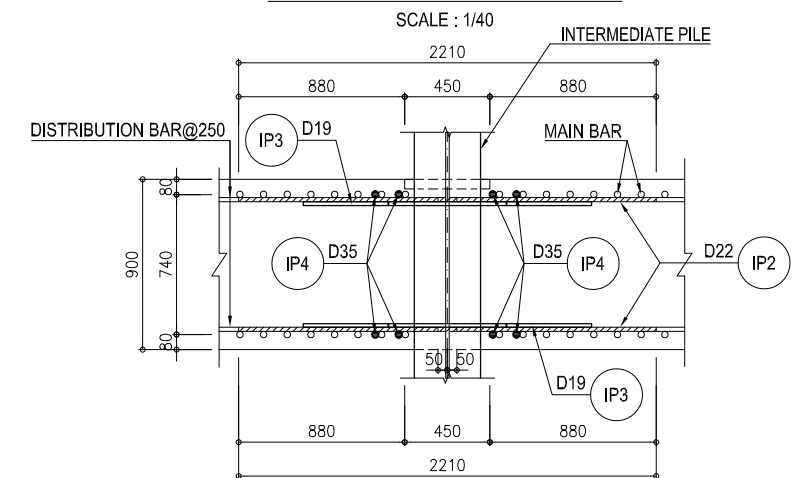
ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP149, IP150, IP151, IP152, IP156, IP157, IP158, IP159, IP160, IP164, IP165, IP166, IP167
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP149, IP150, IP151, IP152, IP156, IP157, IP158, IP159, IP160, IP164, IP165, IP166, IP167
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



SECTION A2-A2 / MẶT CẮT A2-A2

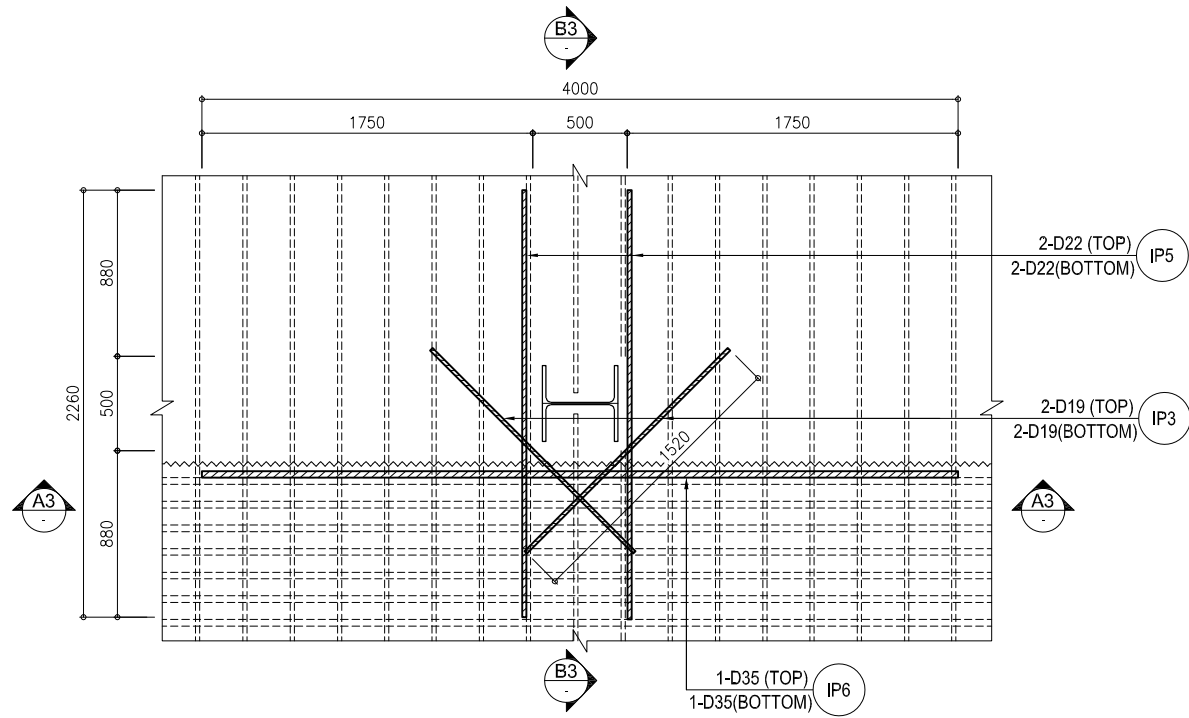


SECTION B2-B2 / MẶT CẮT B2-B2

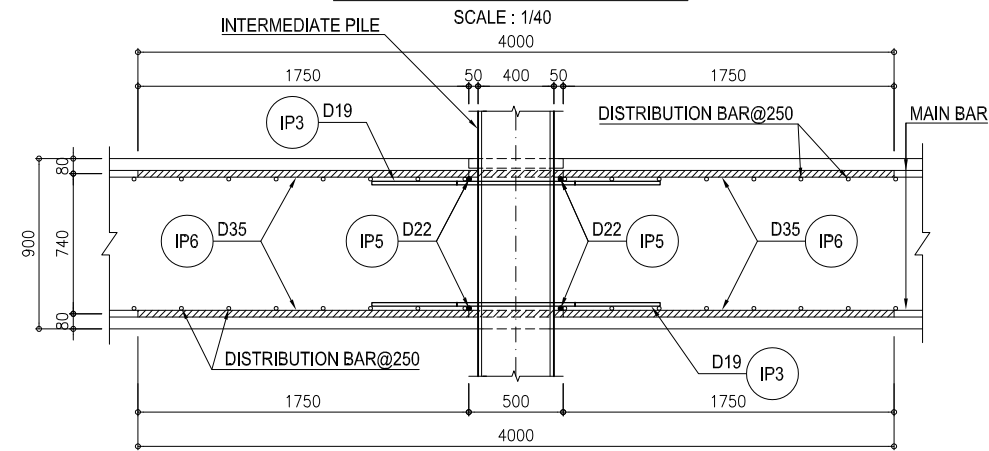


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR INTERMEDIATE PILE (03/06)
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO CỘC TRUNG GIAN (03/06)

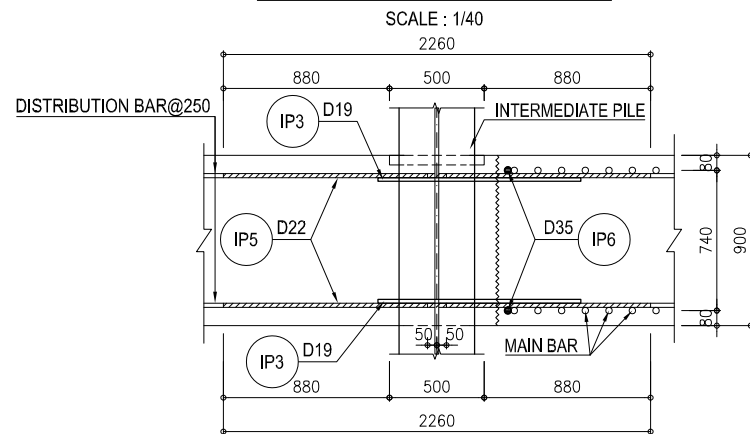
ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP171
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP171
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



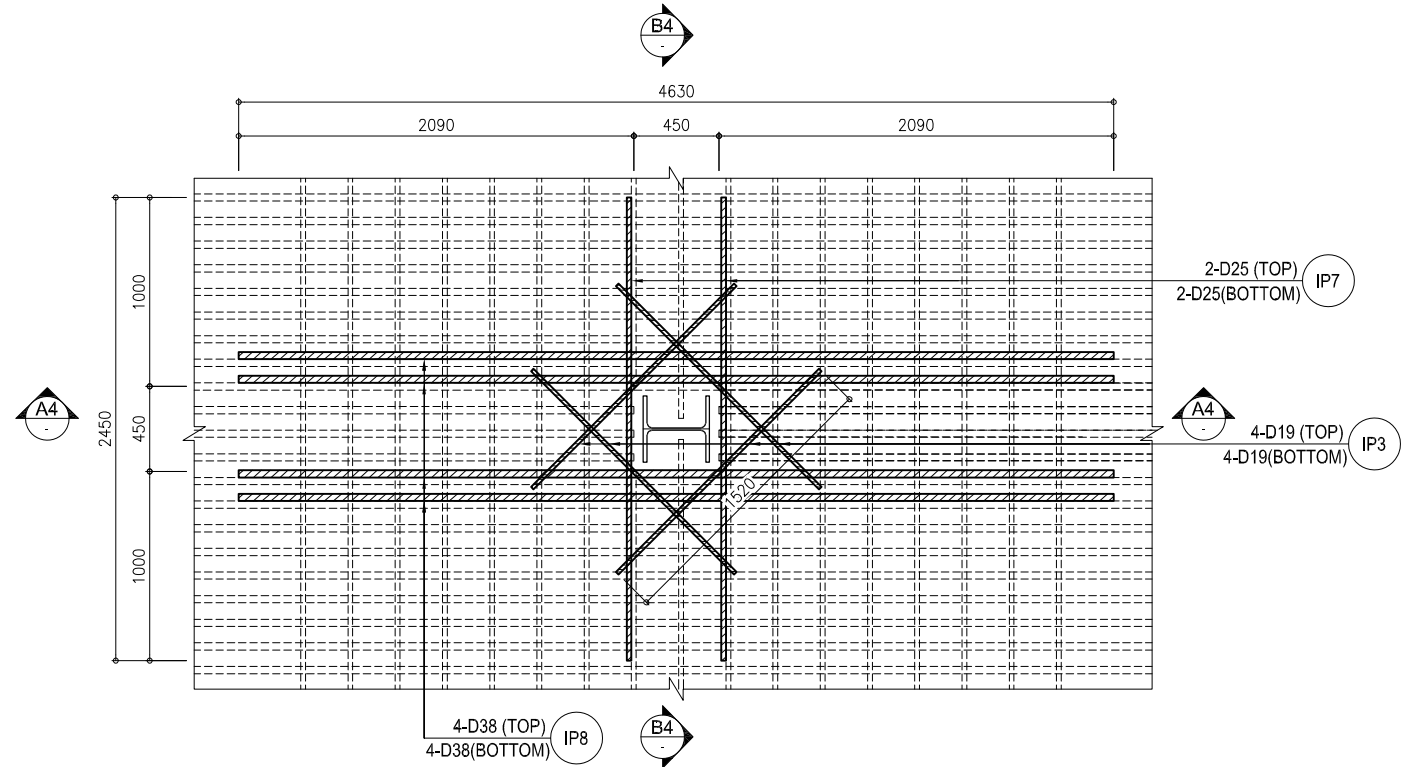
SECTION A3-A3 / MẶT CẮT A3-A3



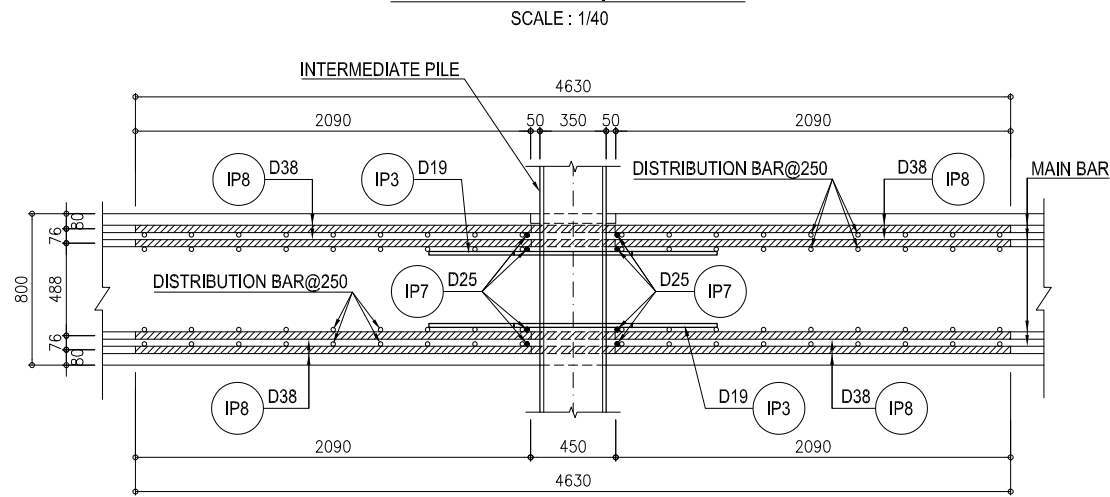
SECTION B3-B3 / MẶT CẮT B3-B3



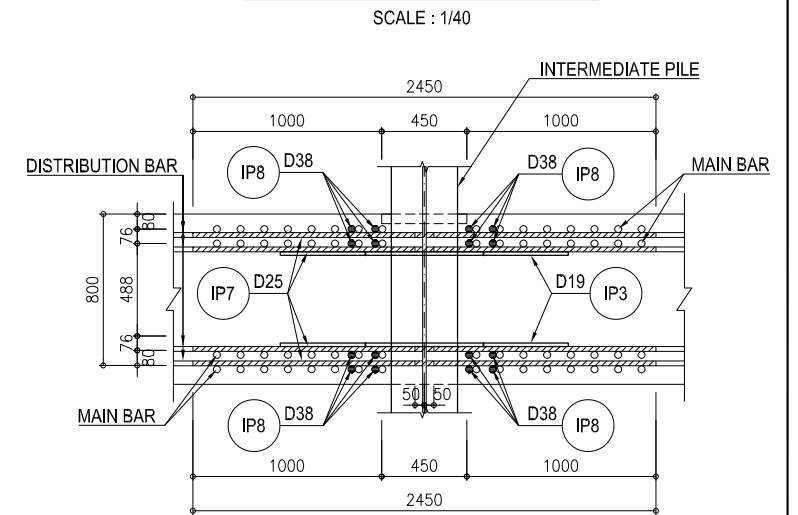
ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP145
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP145
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



SECTION A4-A4 / MẶT CẮT A4-A4



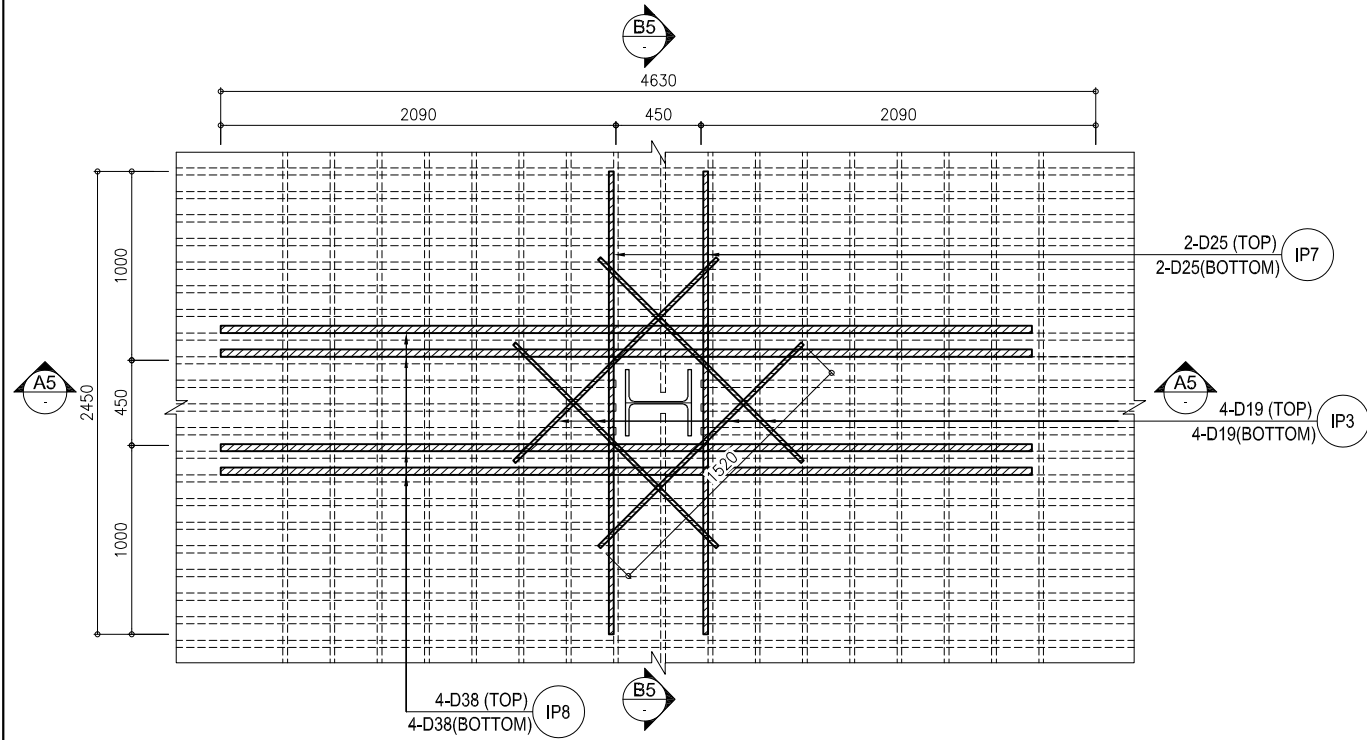
SECTION B4-B4 / MẶT CẮT B4-B4



B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR INTERMEDIATE PILE (04/06)

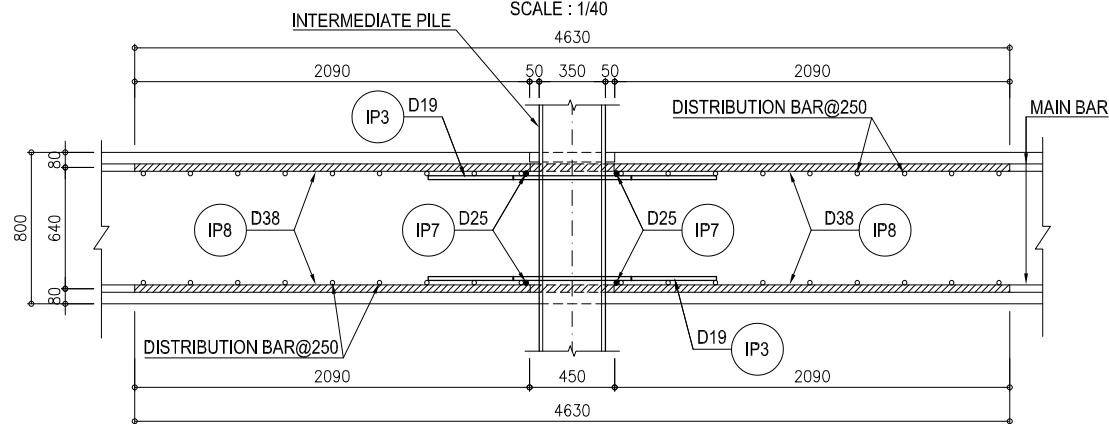
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO CỘC TRUNG GIAN (04/06)

ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP154
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP154
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



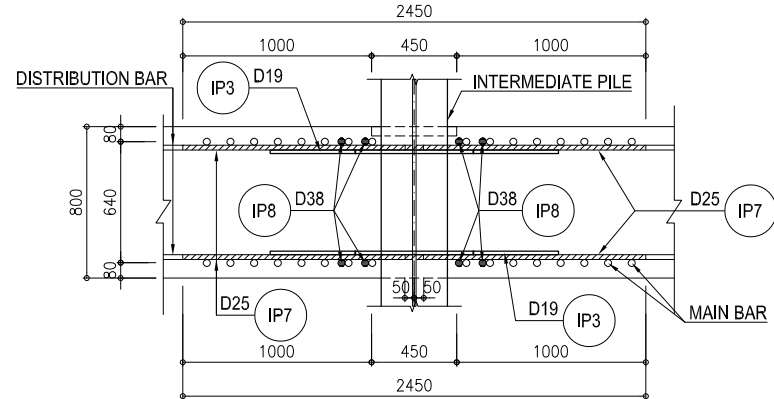
SECTION A5-A5 / MẶT CẮT A5-A5

SCALE : 1/40

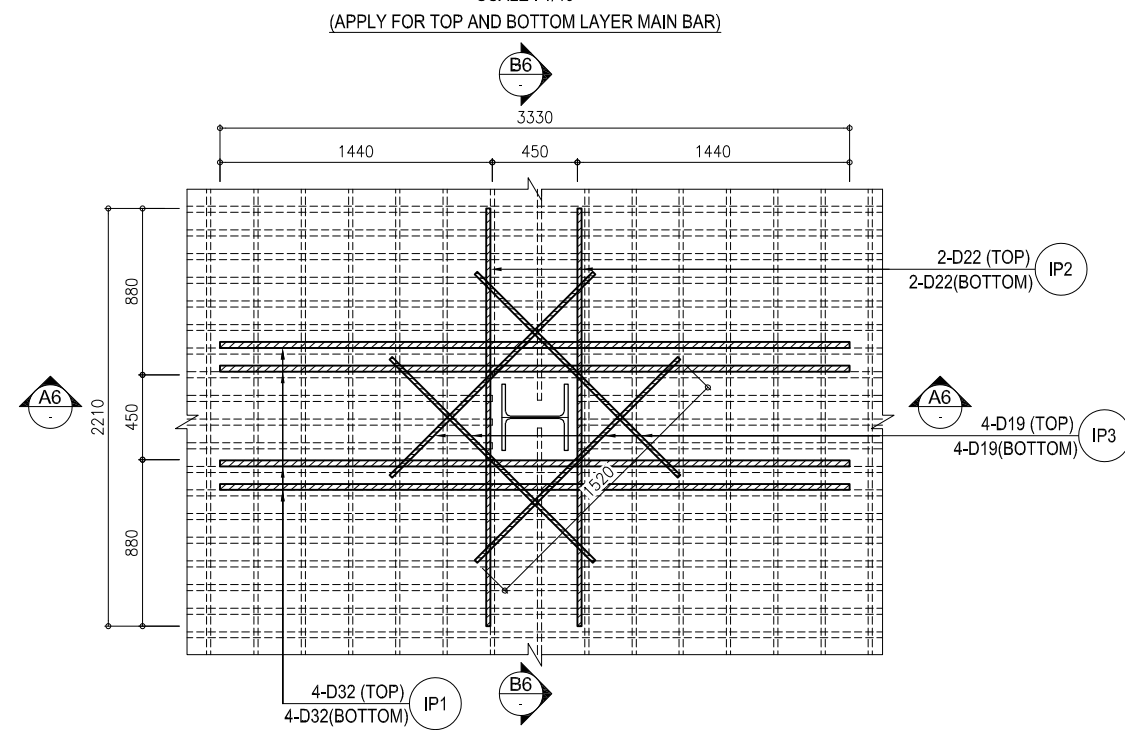


SECTION B5-B5 / MẶT CẮT B5-B5

SCALE : 1/40

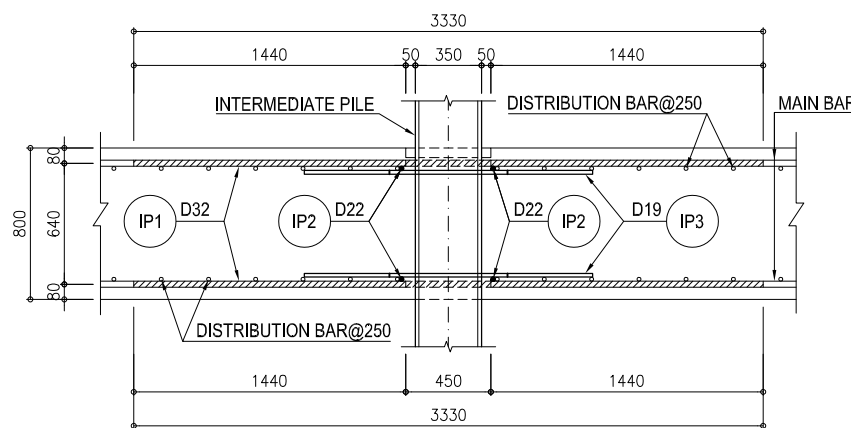


ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP161, IP162, IP168, IP169
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP161, IP162, IP168, IP169
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



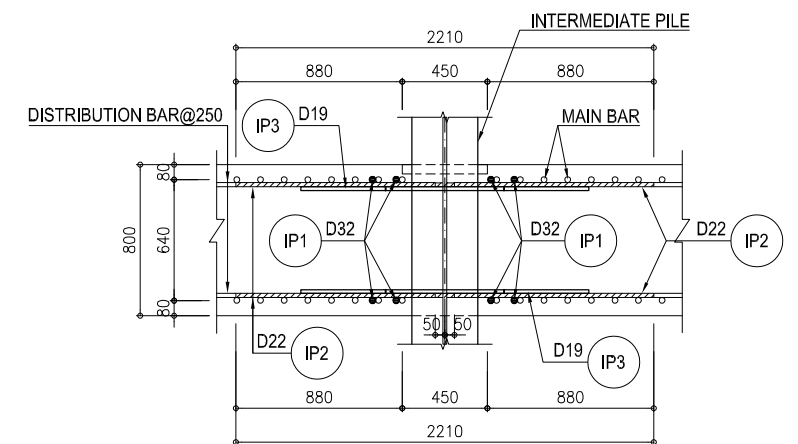
SECTION A6-A6 / MẶT CẮT A6-A6

SCALE : 1/40



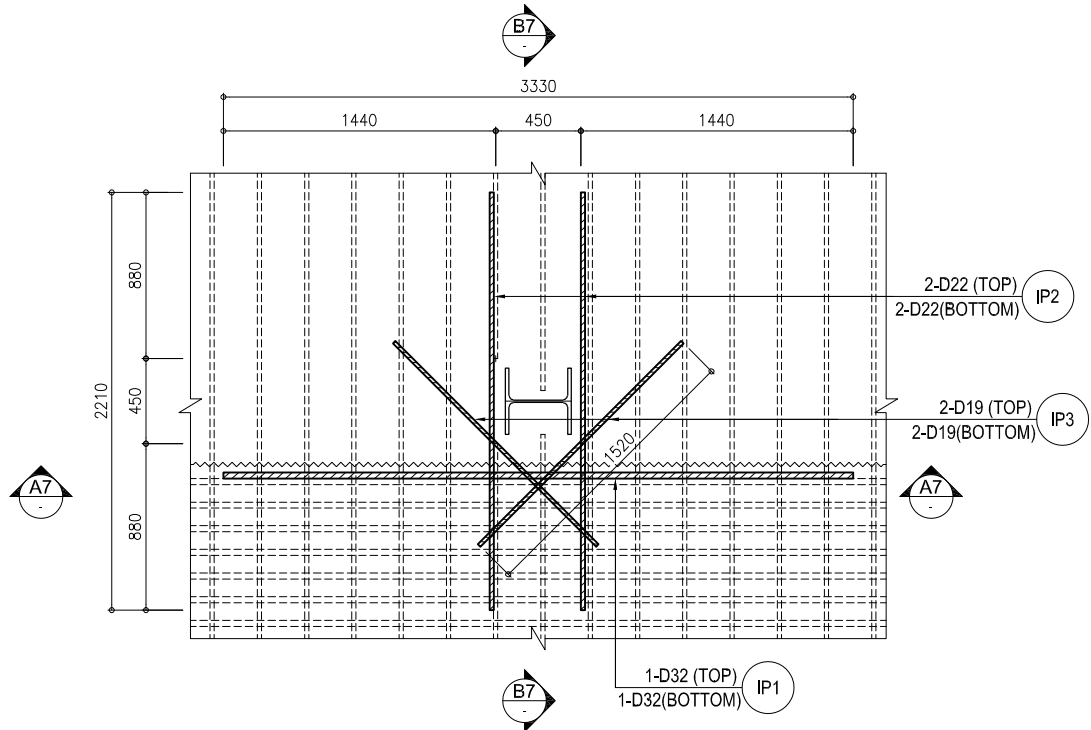
SECTION B6-B6 / MẶT CẮT B6-B6

SCALE : 1/40



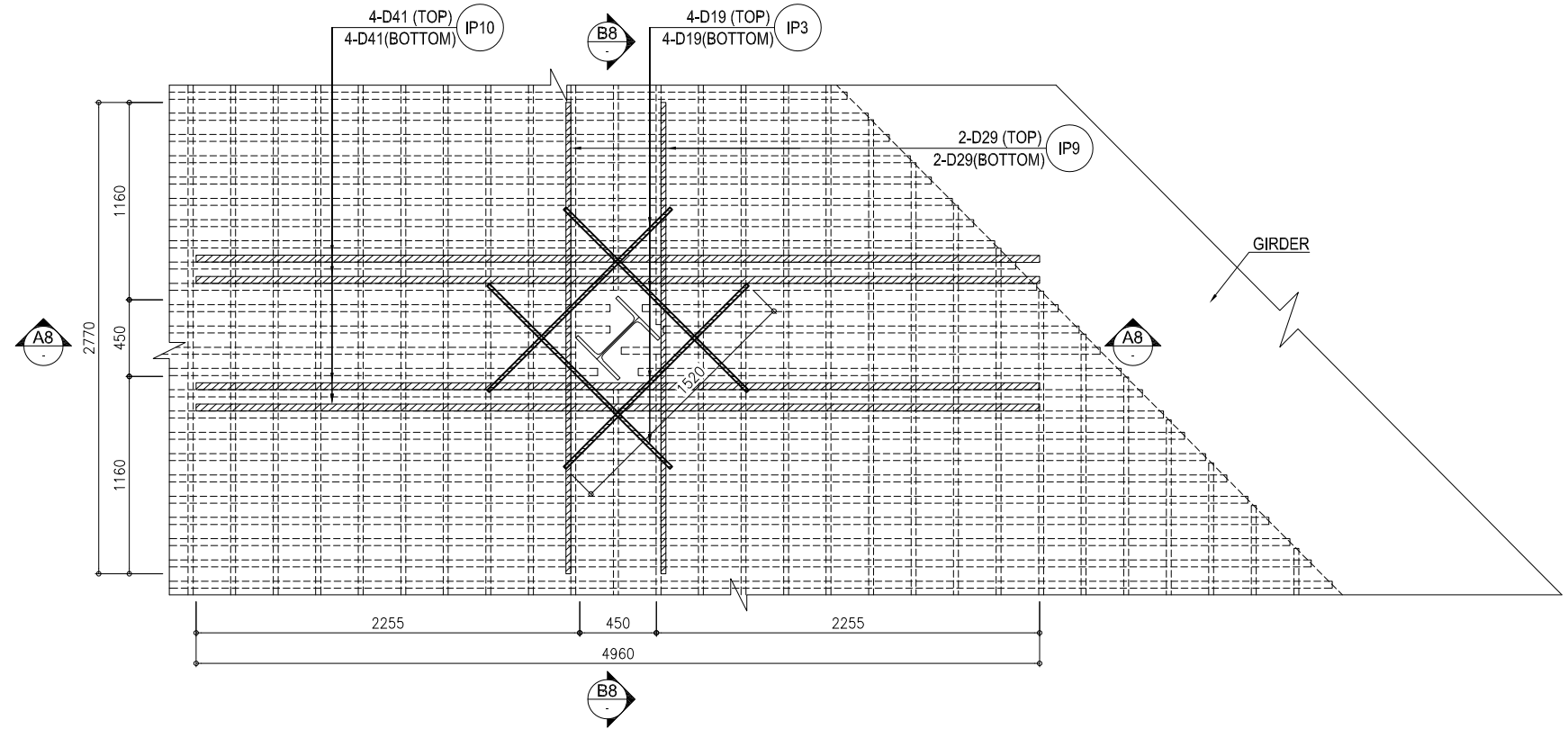
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR INTERMEDIATE PILE (05/06)
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO CỌC TRUNG GIAN (05/06)

ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP176
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP176
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



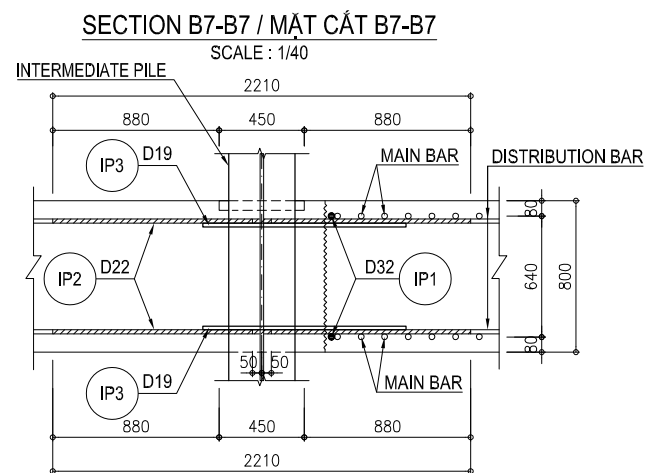
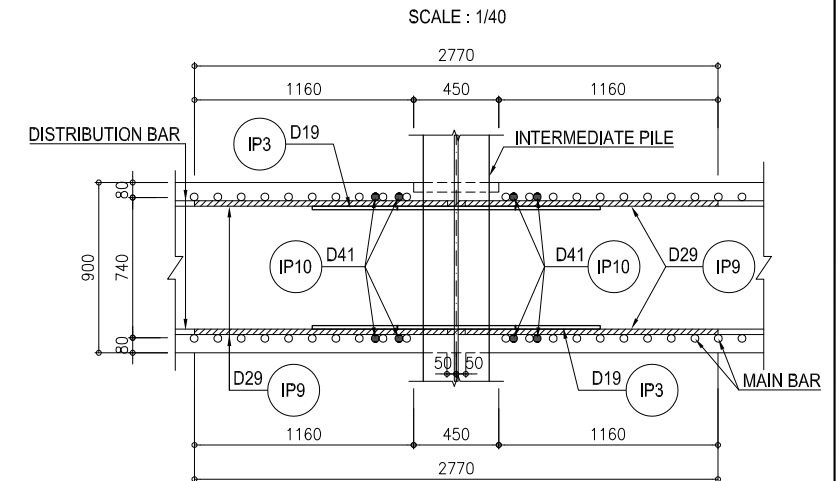
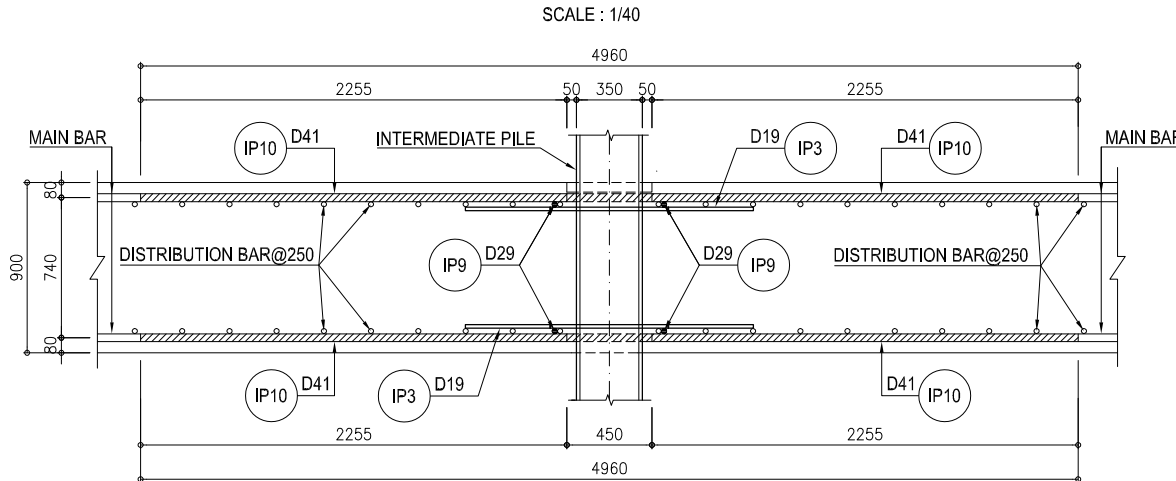
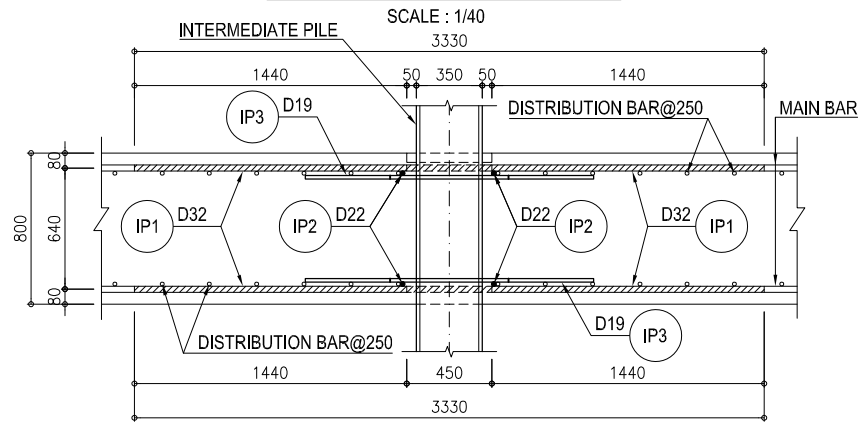
SECTION A7-A7 / MẶT CẮT A7-A7

ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP155, IP163
 CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP155, IP163
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



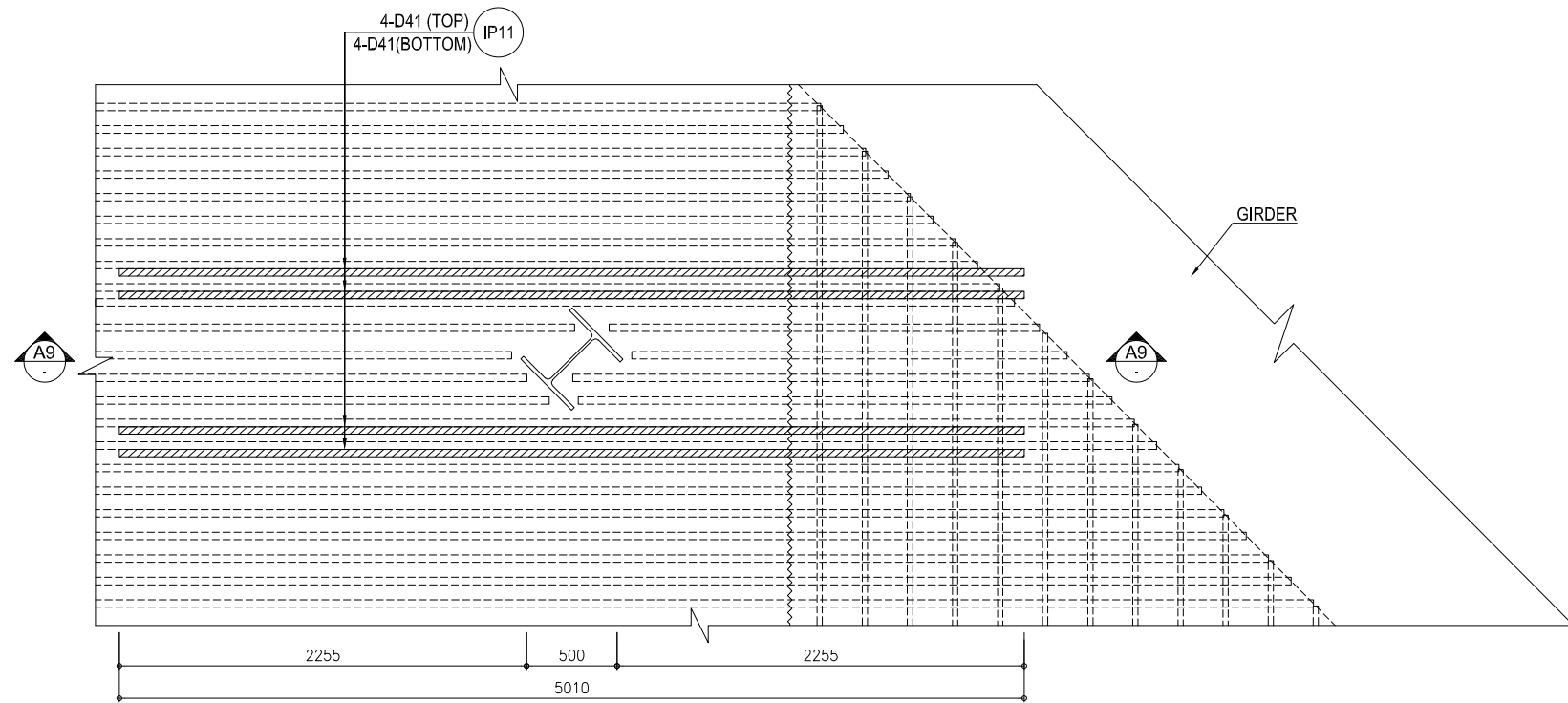
SECTION A8-A8 / MẶT CẮT A8-A8

SECTION B8-B8 / MẶT CẮT B8-B8

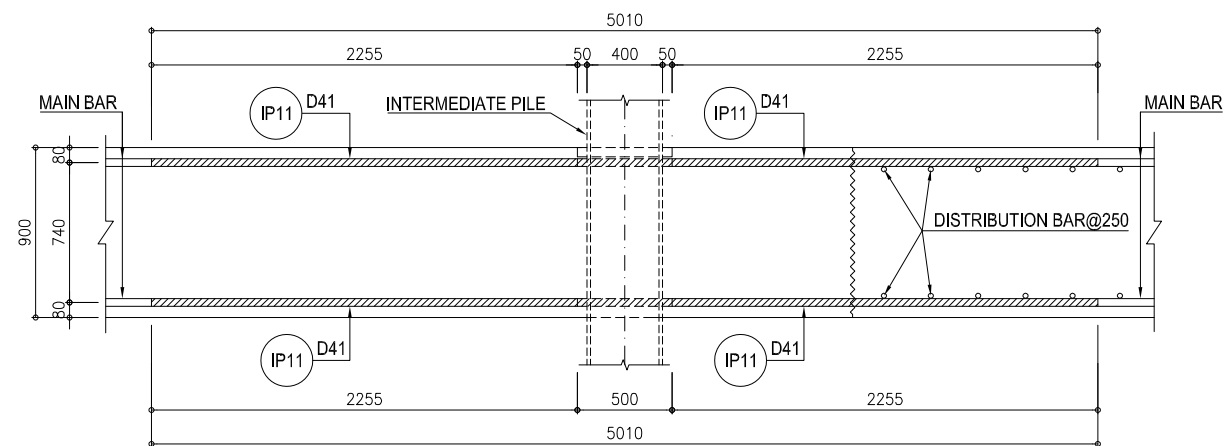


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR INTERMEDIATE PILE (06/06)
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO CỘC TRUNG GIAN (06/06)

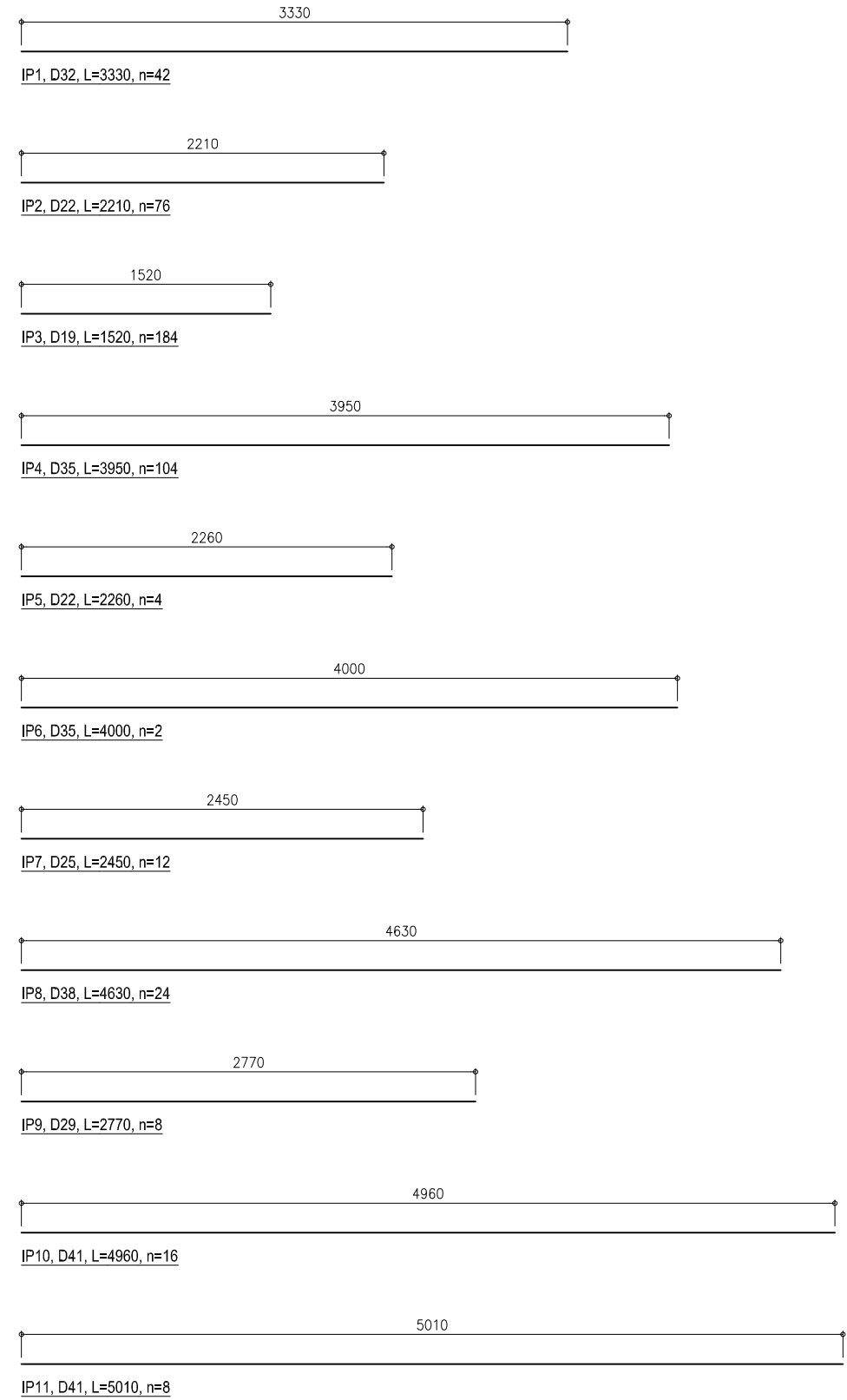
ADDITIONAL REBAR DETAIL FOR IP170
CHI TIẾT CỐT THÉP BỔ SUNG CHO IP170
 SCALE : 1/40
 (APPLY FOR TOP AND BOTTOM LAYER MAIN BAR)



SECTION A9-A9 / MẶT CẮT A9-A9
 SCALE : 1/40

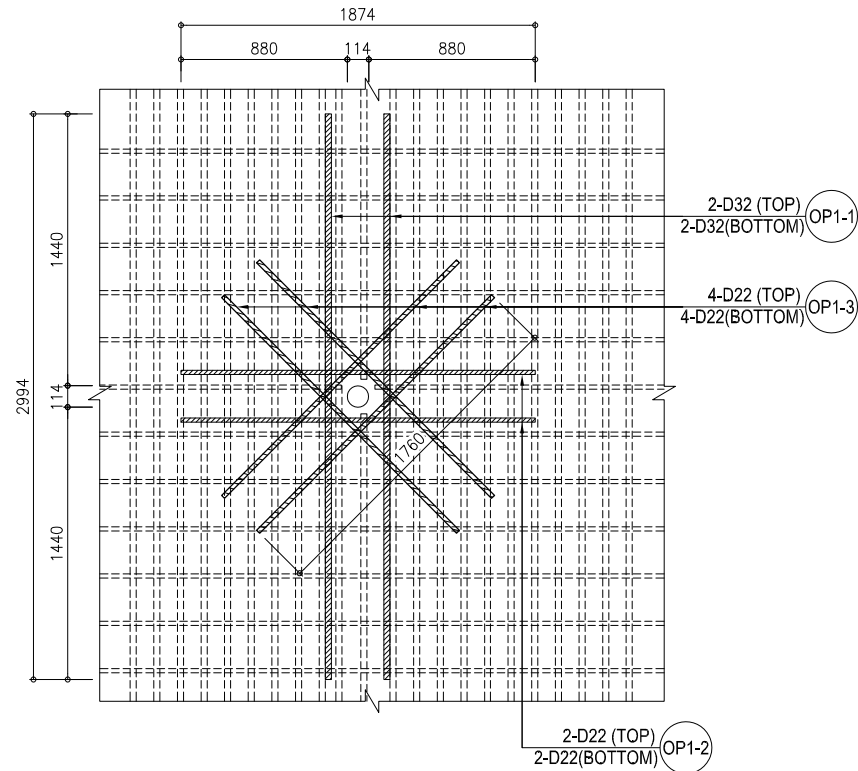


REBAR DETAIL / CHI TIẾT CỐT THÉP
 SCALE : 1/40

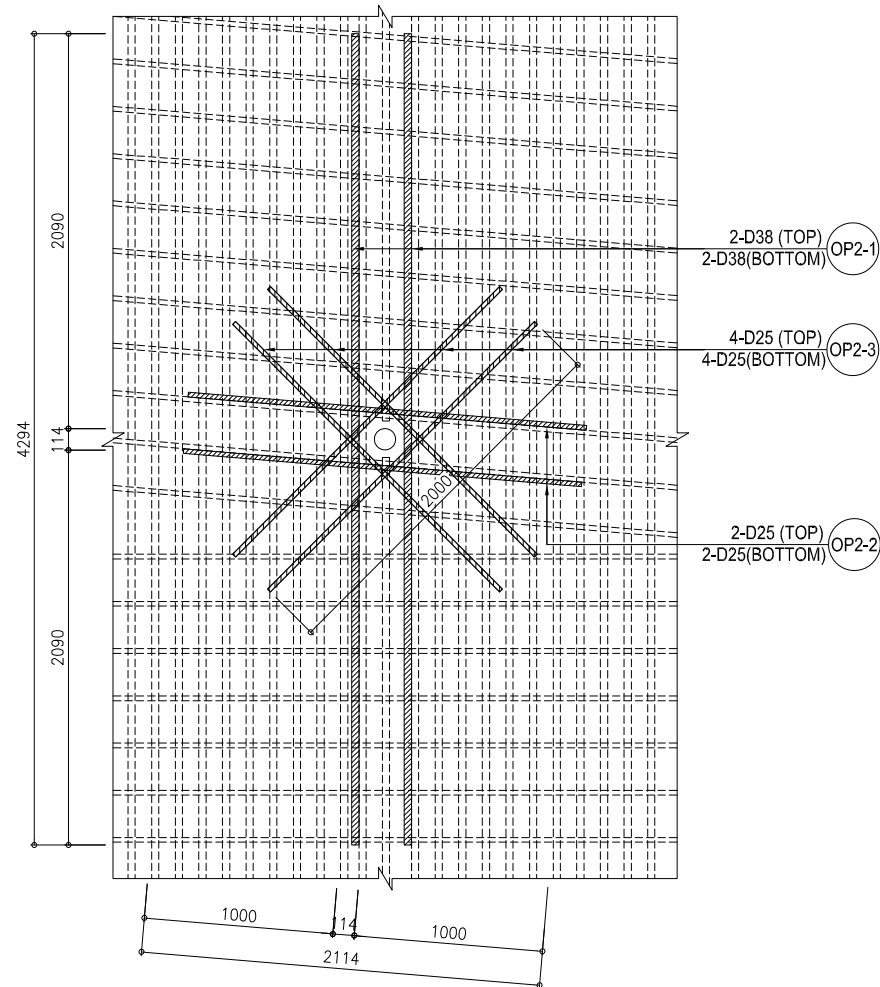


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR FLOOR OPENINGS (01/04)
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN (01/04)

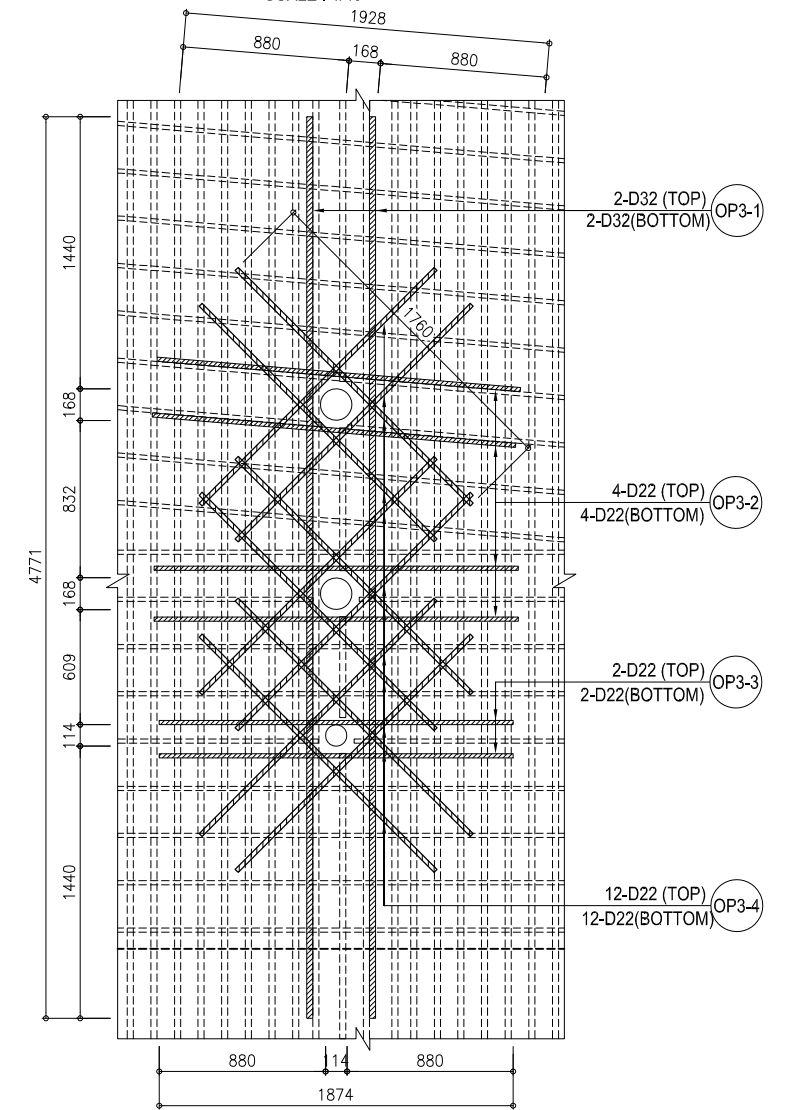
REINFORCEMENT FOR FLOOR OPENING Ø114 (TYPE 1) (5 pcs)
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN Ø114 (TYPE 1) (5 pcs)
 SCALE : 1/40



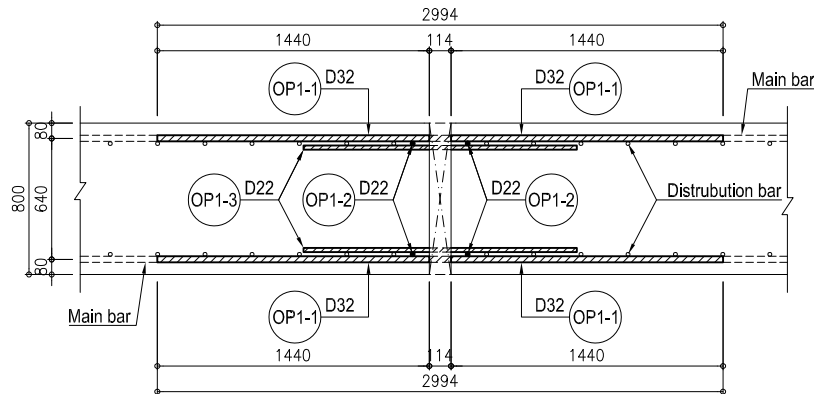
REINFORCEMENT FOR FLOOR OPENING Ø114 (TYPE 2) (6 pcs)
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN Ø114 (TYPE 2) (6 pcs)
 SCALE : 1/40



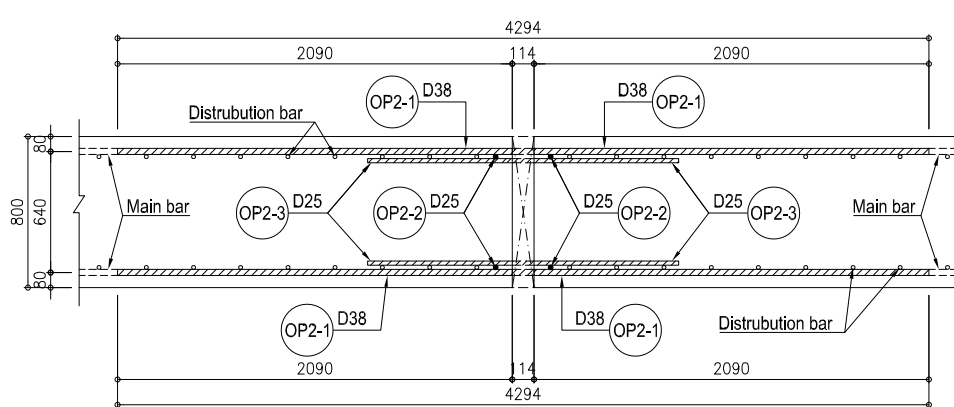
REINFORCEMENT FOR FLOOR OPENING Ø114, Ø168 (TYPE 3)
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN Ø114, Ø168 (TYPE 3)
 SCALE : 1/40



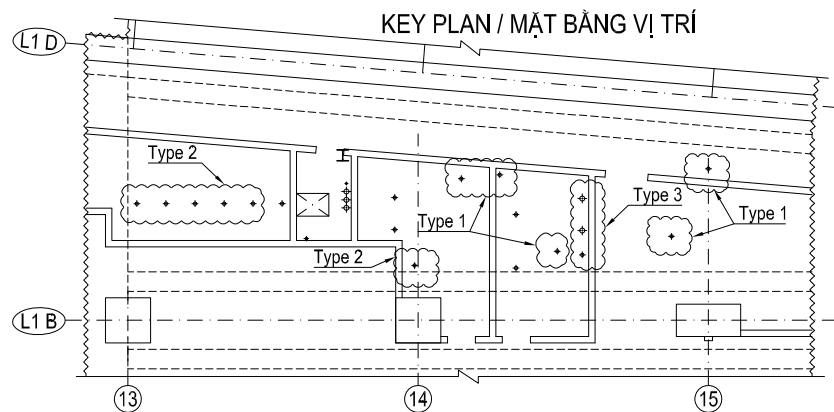
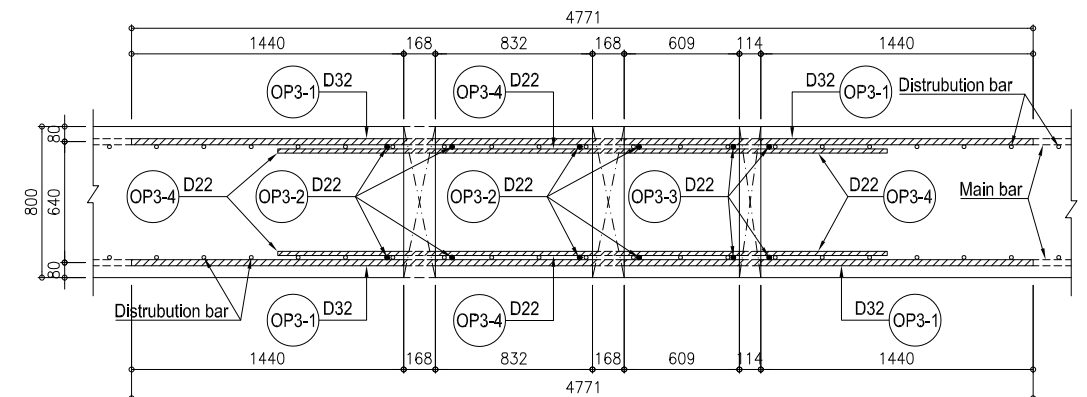
CROSS SECTION FOR REINFORCING BAR Ø114 (TYPE 1) (5 pcs)
MẶT CẮT CHO THÉP GIA CƯỜNG Ø114 (TYPE 1) (5 pcs)
 SCALE : 1/40



CROSS SECTION FOR REINFORCING BAR Ø114 (TYPE 2) (6 pcs)
MẶT CẮT CHO THÉP GIA CƯỜNG Ø114 (TYPE 2) (6 pcs)
 SCALE : 1/40

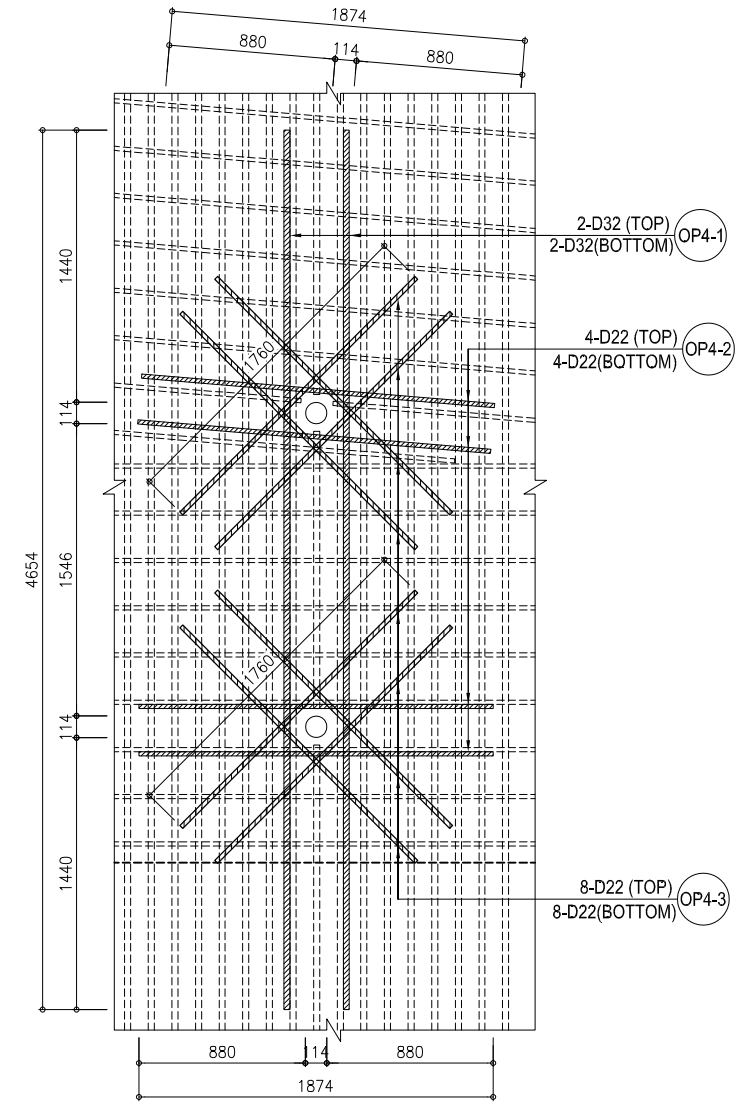


CROSS SECTION FOR REINFORCING BAR Ø114, Ø168 (TYPE 3)
MẶT CẮT CHO THÉP GIA CƯỜNG Ø114, Ø168 (TYPE 3)
 SCALE : 1/40

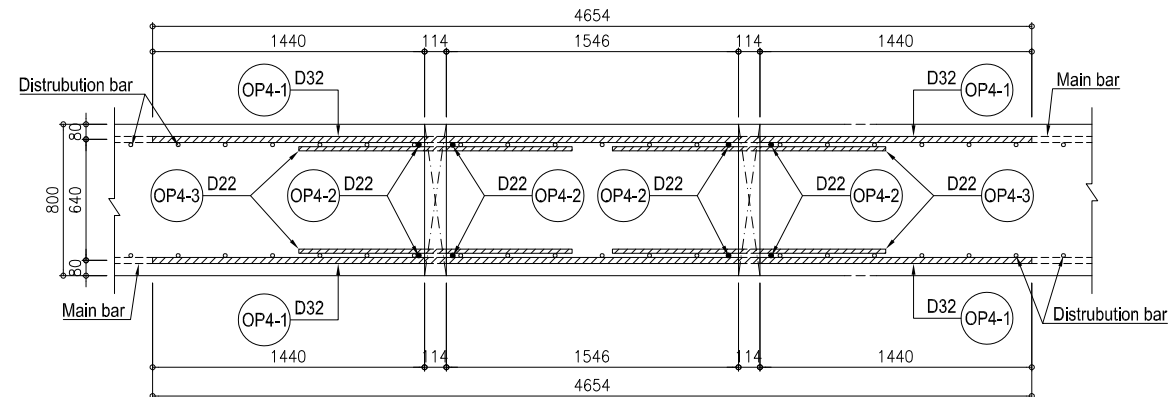


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR FLOOR OPENINGS (02/04)
SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN (02/04)

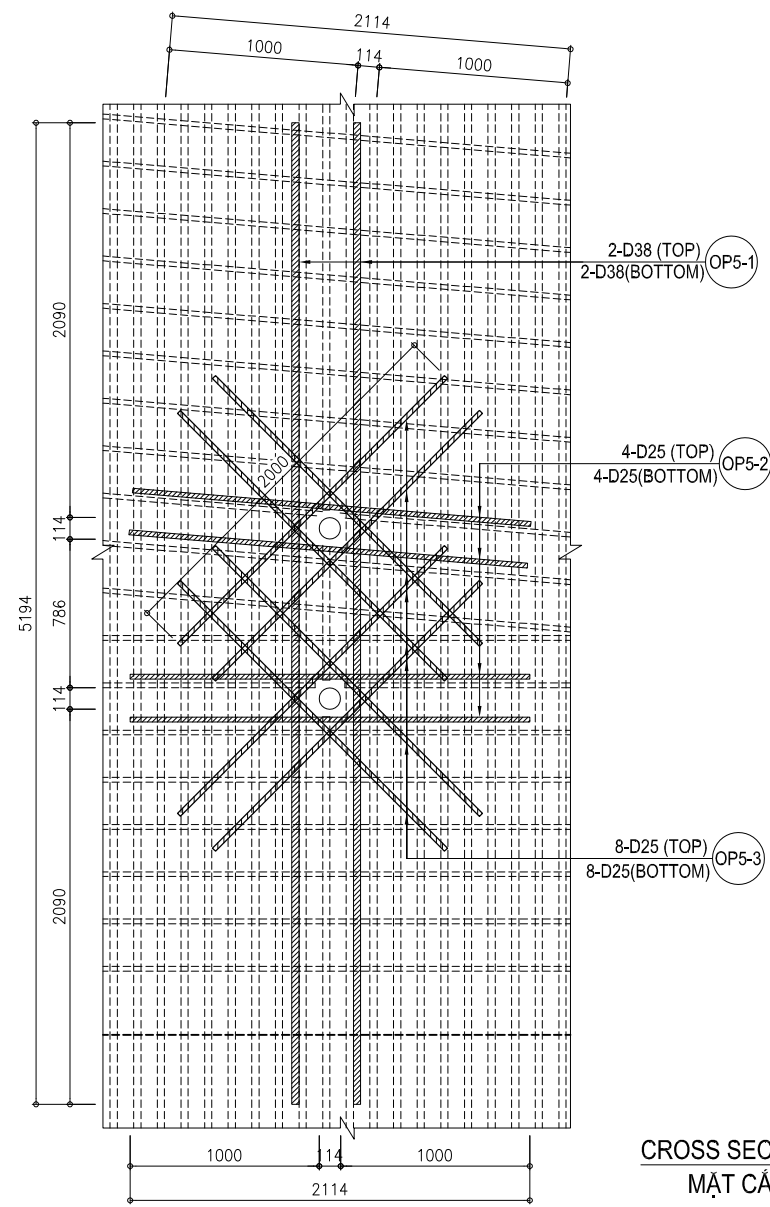
REINFORCEMENT FOR FLOOR OPENING Ø114 (TYPE 4)
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN Ø114 (TYPE 4)
 SCALE : 1/40



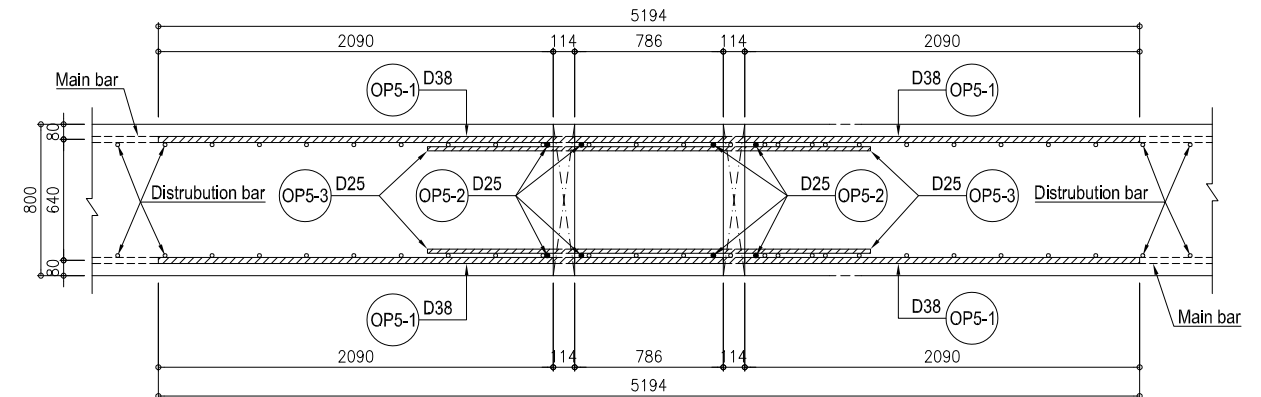
CROSS SECTION FOR REINFORCING BAR Ø114 (TYPE 4)
MẶT CẮT CHO THÉP GIA CƯỜNG Ø114 (TYPE 4)
 SCALE : 1/40



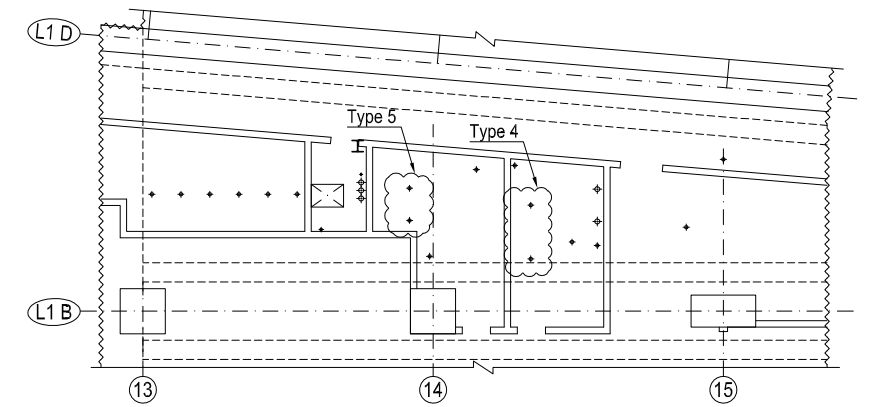
REINFORCEMENT FOR FLOOR OPENING Ø114 (TYPE 5)
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN Ø114 (TYPE 5)
 SCALE : 1/40



CROSS SECTION FOR REINFORCING BAR Ø114 (TYPE 5)
MẶT CẮT CHO THÉP GIA CƯỜNG Ø114 (TYPE 5)
 SCALE : 1/40



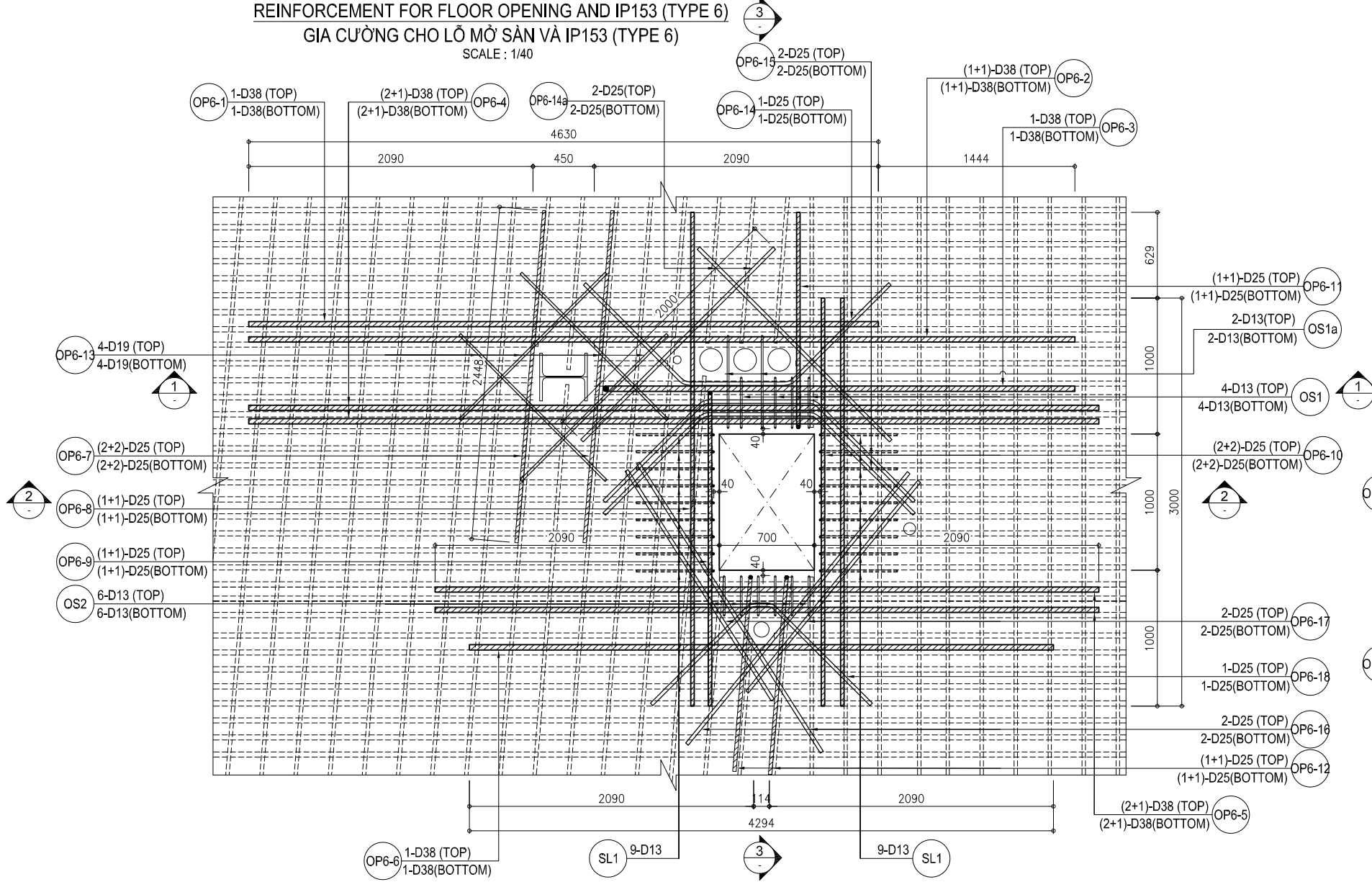
KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



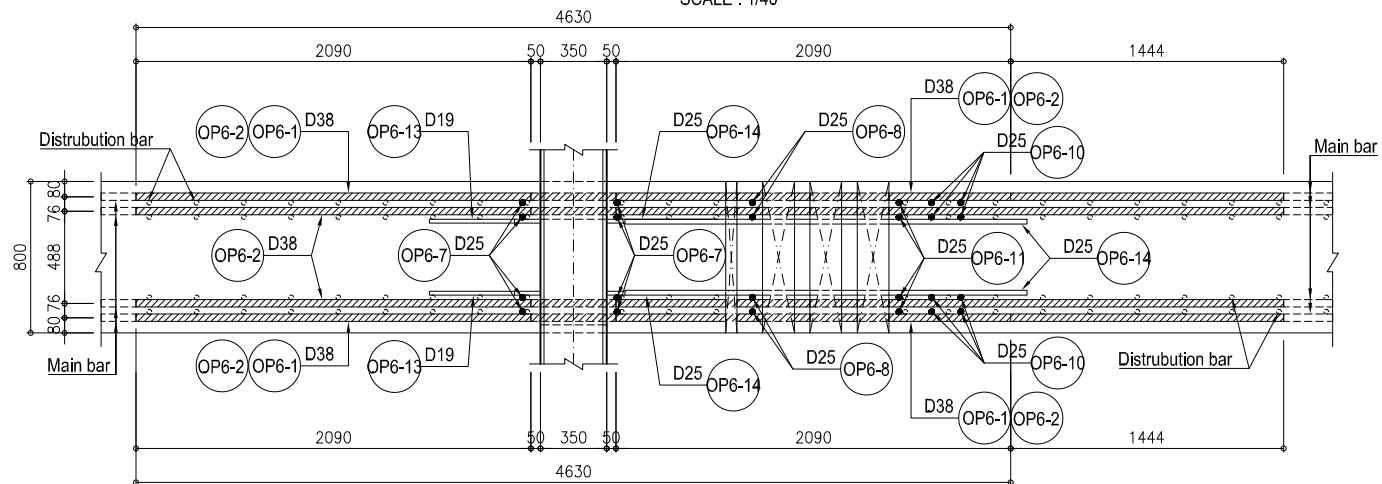
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR FLOOR OPENINGS (03/04)

SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN (03/04)

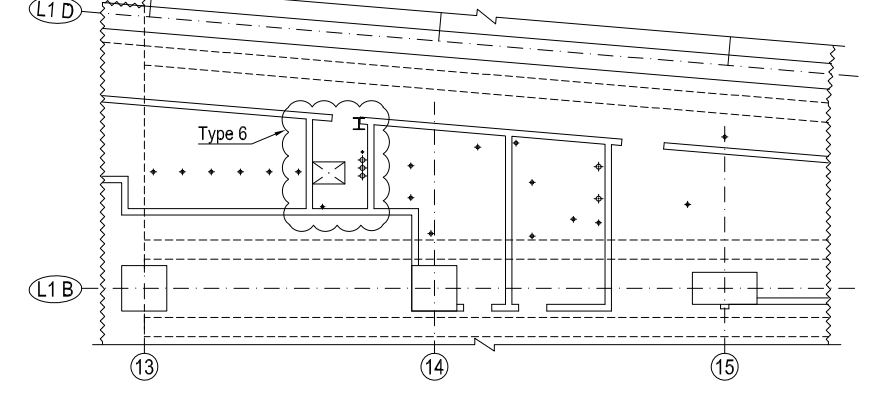
REINFORCEMENT FOR FLOOR OPENING AND IP153 (TYPE 6)
GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN VÀ IP153 (TYPE 6)
 SCALE : 1/40



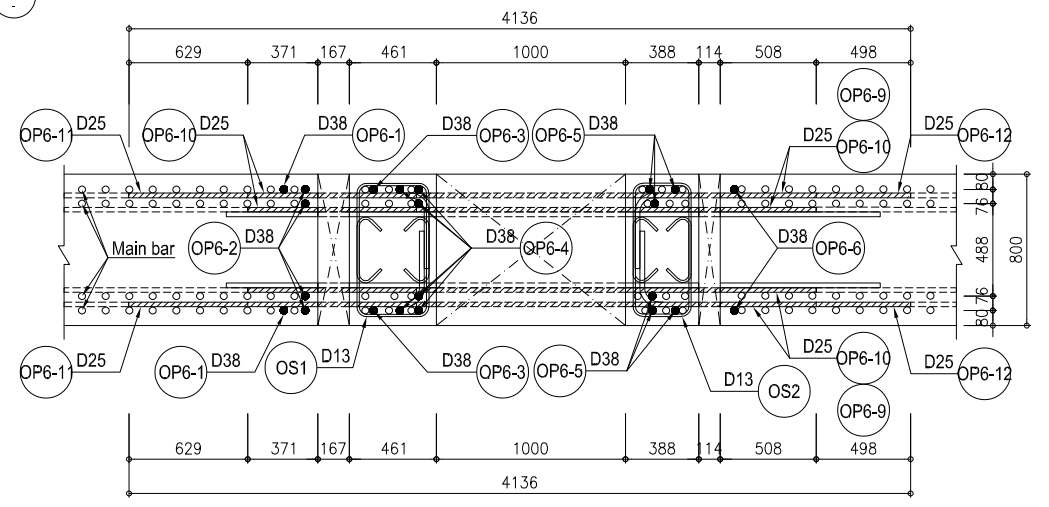
SECTION 1-1 / MẶT CẮT 1-1
 SCALE : 1/40



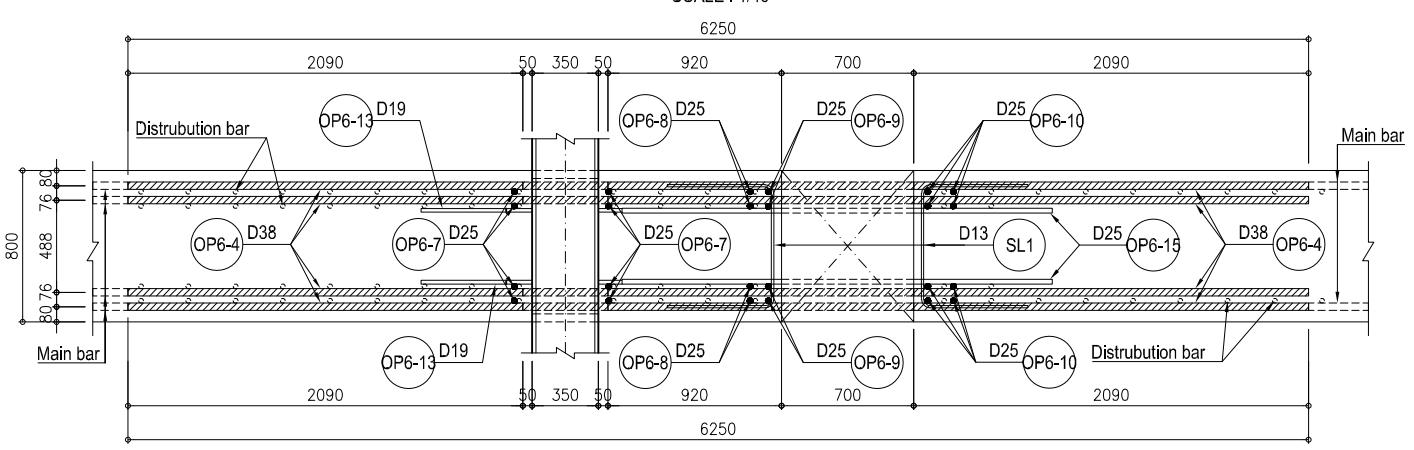
KEY PLAN / MẶT BẰNG VỊ TRÍ



SECTION 3-3 / MẶT CẮT 3-3
 SCALE : 1/40



SECTION 2-2 / MẶT CẮT 2-2
 SCALE : 1/40

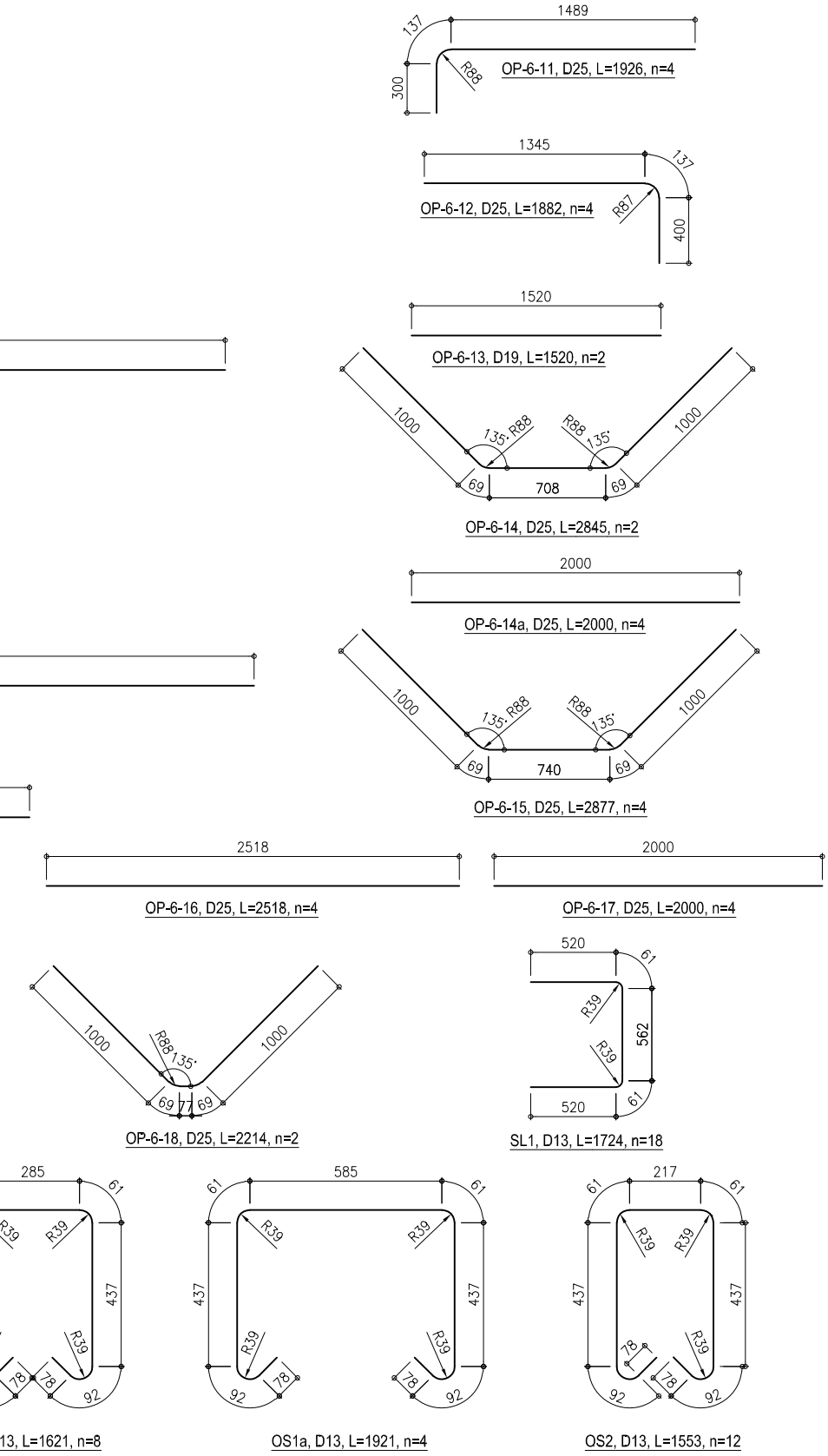
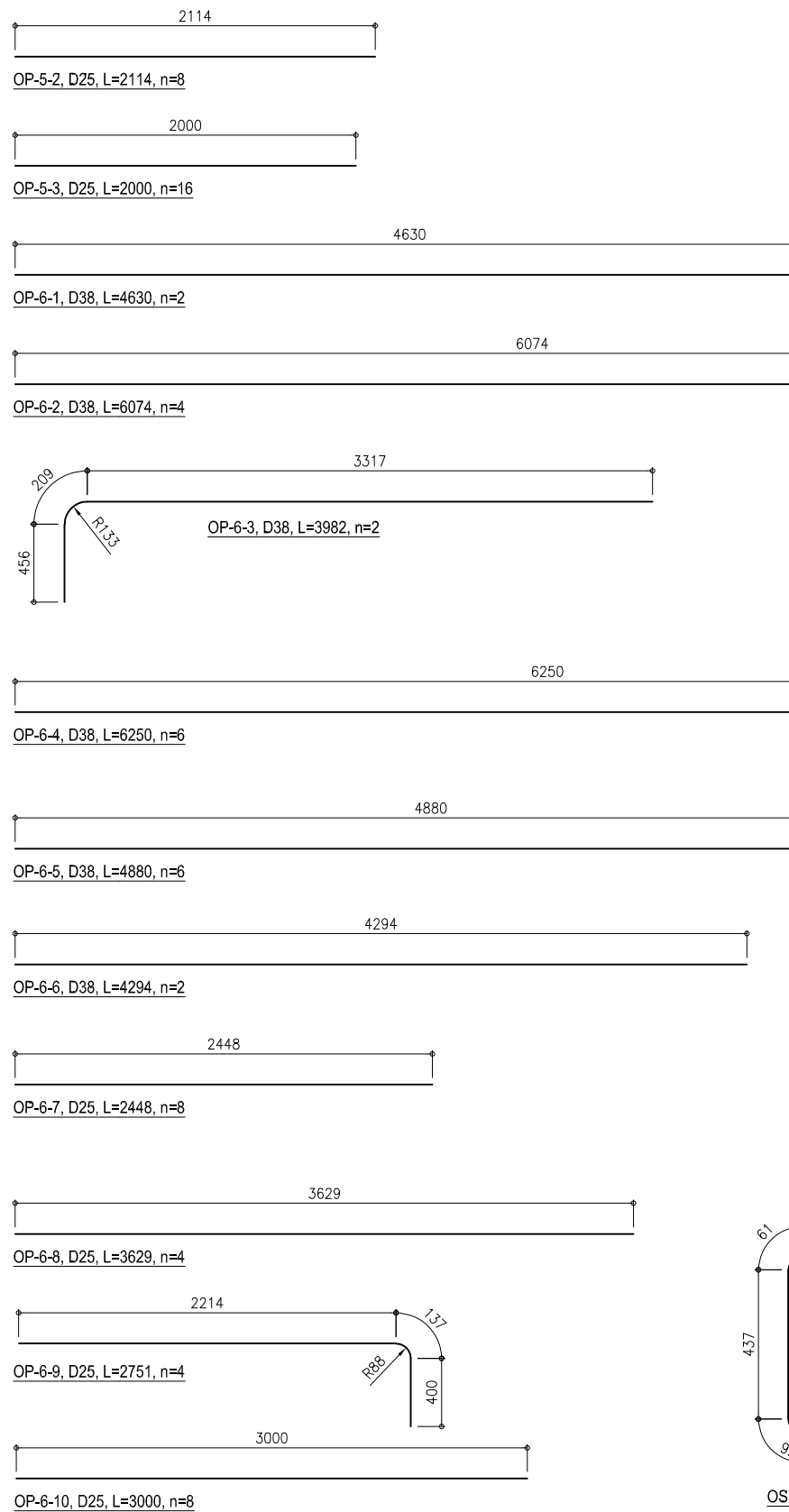
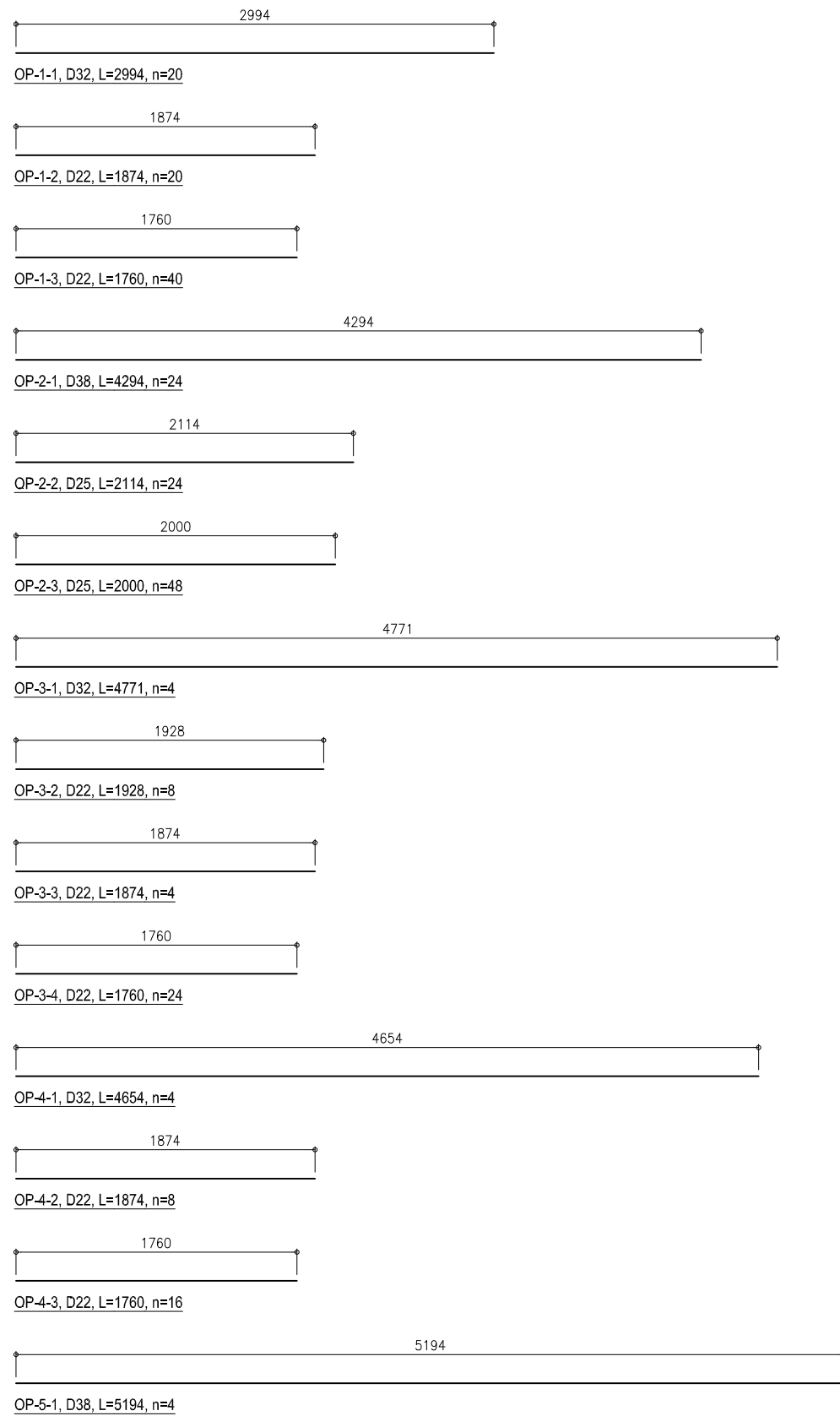


B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I- REINFORCING FOR FLOOR OPENINGS (04/04)

SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I- GIA CƯỜNG CHO LỖ MỜ SÀN (04/04)

DETAIL REBAR / CHI TIẾT CỐT THÉP

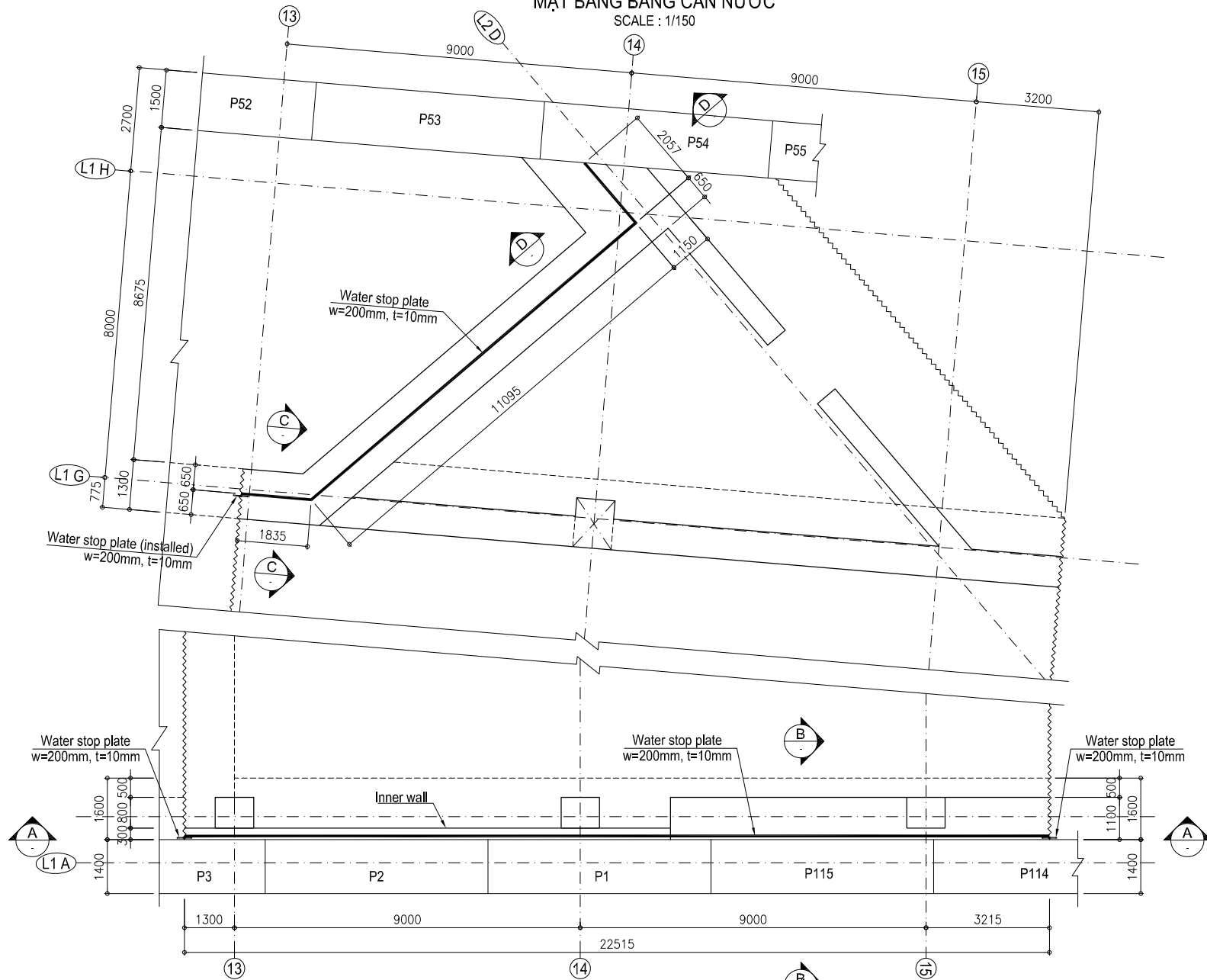
SCALE: 1/40



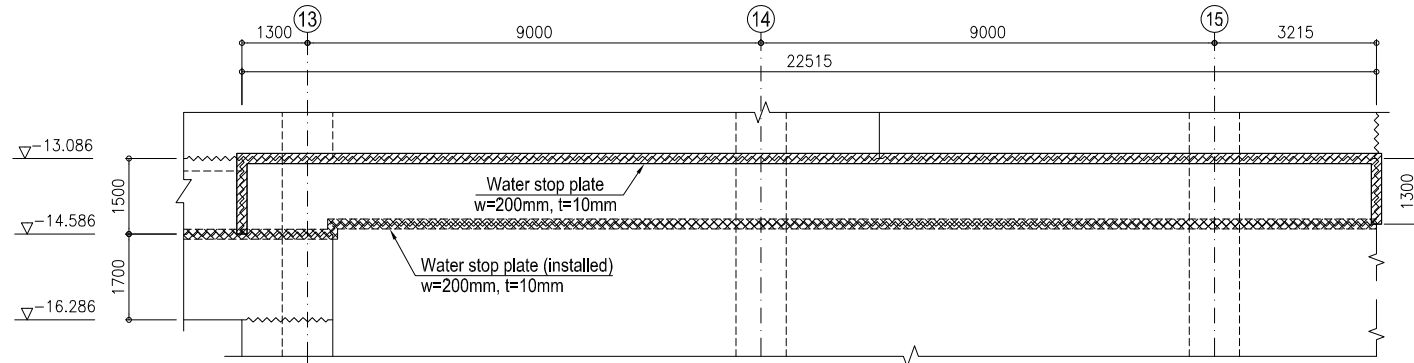
B2F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - WATER STOP PLATE ARRANGEMENT

SÀN GIỮA B2F BLOCK-B2I - BỐ TRÍ BĂNG CẢN NƯỚC

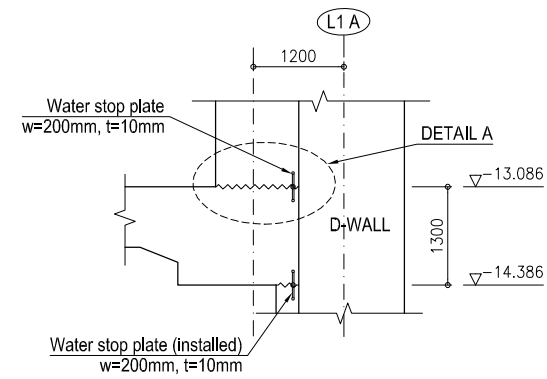
PLAN OF WATER STOP PLATE
MẶT BẰNG BĂNG CẢN NƯỚC
SCALE: 1/150



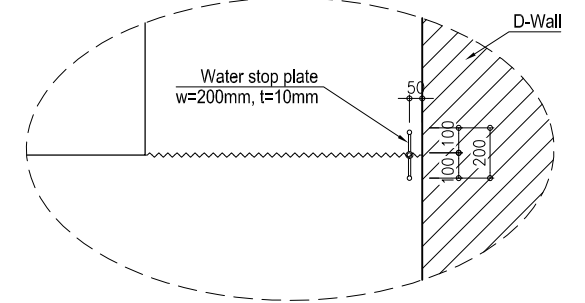
SECTION A-A / MẶT CẮT A-A
SCALE: 1/150



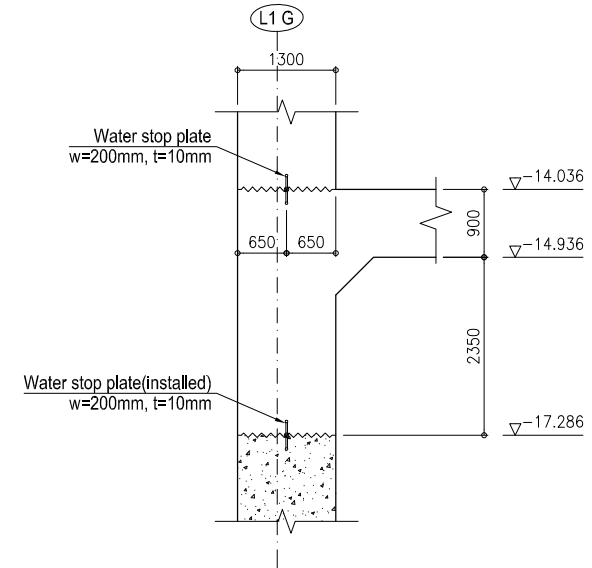
SECTION B-B / MẶT CẮT B-B
SCALE: 1/100



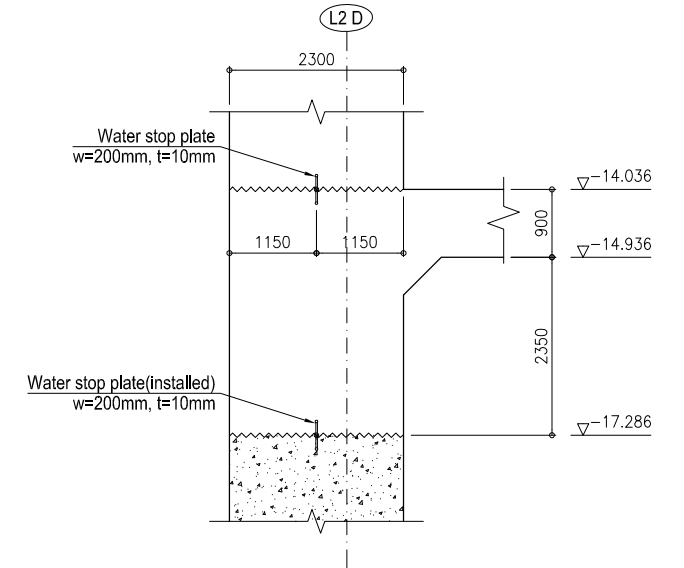
DETAIL A / CHI TIẾT A
SCALE: 1/30



SECTION C-C / MẶT CẮT C-C
SCALE: 1/100



SECTION D-D / MẶT CẮT D-D
SCALE: 1/100



| CATEGORY | DESCRIPTION | UNIT | QUANTITY | REMARK |
|------------------------------------|-----------------------|------|----------|--------|
| Water stop plate (W=200mm, t=10mm) | For slab | (m) | 2.80 | |
| | Between slab and Wall | (m) | 37.50 | |
| | Total | (m) | 40.30 | |

NOTES / GHI CHÚ:

~~~~~ Construction joint / Mối nối thi công.

**B1F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - TOTAL MATERIAL QUANTITY TABLE (01/05)**  
**SÀN GIỮA B1F BLOCK-B2I - BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (01/05)**

| CLASSIFICATION                                                               | BAR ID     | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK    |
|------------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|-----------|
| Starter bars from D-Wall (BOQ No. 5.1.4)                                     | DW1-1      | TR38          | 6,930       | 62.02                | 33             | 2,047       |           |
|                                                                              | DW1-2      | D38           | 7,640       | 68.38                | 4              | 274         |           |
|                                                                              | DW1-3      | D38           | 6,930       | 62.02                | 8              | 496         |           |
|                                                                              | DW1-4      | TR38          | 3,790       | 33.92                | 34             | 1,153       |           |
|                                                                              | DW1-5      | D38           | 4,500       | 40.28                | 3              | 121         |           |
|                                                                              | DW1-6      | D16           | 1,020       | 1.59                 | 8              | 13          |           |
|                                                                              | DW1-7      | TR32          | 5,480       | 34.14                | 45             | 1,536       |           |
|                                                                              | DW1-8      | D32           | 6,100       | 38.00                | 5              | 190         |           |
|                                                                              | DW1-9      | D32           | 5,480       | 34.14                | 8              | 273         |           |
|                                                                              | DW1-10     | TR32          | 3,140       | 19.56                | 44             | 861         |           |
|                                                                              | DW1-11     | D32           | 3,760       | 23.42                | 6              | 141         |           |
|                                                                              | DW2-1      | TR38          | 6,965       | 62.34                | 34             | 2,120       |           |
|                                                                              | DW2-2      | D38           | 7,805       | 69.85                | 3              | 210         |           |
|                                                                              | DW2-3      | D38           | 6,965       | 62.34                | 8              | 499         |           |
|                                                                              | DW2-4      | TR38          | 3,825       | 34.23                | 33             | 1,130       |           |
|                                                                              | DW2-5      | D38           | 4,665       | 41.75                | 4              | 167         |           |
|                                                                              | DW2-6      | D16           | 1,020       | 1.59                 | 13             | 21          |           |
|                                                                              | DW2-7      | TR32          | 6,240       | 38.88                | 33             | 1,283       |           |
|                                                                              | DW2-8      | D32           | 7,080       | 44.11                | 5              | 221         |           |
|                                                                              | DW2-9      | D32           | 6,240       | 38.88                | 8              | 311         |           |
|                                                                              | DW2-10     | TR32          | 3,900       | 24.30                | 32             | 778         |           |
|                                                                              | DW2-11     | D32           | 4,740       | 29.53                | 6              | 177         |           |
|                                                                              | DW3-1      | TR32          | 4,390       | 27.35                | 110            | 3,009       |           |
|                                                                              | DW3-2      | D32           | 5,230       | 32.58                | 11             | 358         |           |
|                                                                              | DW4-1      | TR38          | 1,005       | 8.99                 | 16             | 144         |           |
|                                                                              | DW4-2      | D38           | 1,710       | 15.30                | 4              | 61          |           |
|                                                                              | DW4-3      | D16           | 1,020       | 1.59                 | 4              | 6           |           |
|                                                                              | DW5-1      | TR38          | 1,000       | 8.95                 | 16             | 143         |           |
|                                                                              | ST7        | TR32          | 1,610       | 10.03                | 130            | 1,304       | INSTALLED |
|                                                                              | ST7a       | TR32          | 1,282       | 7.99                 | 89             | 711         | INSTALLED |
|                                                                              | ST8        | TR32          | 1,460       | 9.10                 | 45             | 410         | INSTALLED |
|                                                                              | ST11a      | TR38          | 1,282       | 11.47                | 67             | 768         | INSTALLED |
|                                                                              | ST11b3     | TR38          | 1,652       | 14.79                | 47             | 695         | INSTALLED |
| ST12b3                                                                       | TR38       | 1,652         | 14.79       | 20                   | 296            | INSTALLED   |           |
| ST11a1                                                                       | TR38       | 1,000         | 8.95        | 32                   | 286            | INSTALLED   |           |
| Sub Total                                                                    |            |               |             |                      |                | 22,213      |           |
| Intermediate slab bottom layer-1 (Axis L1A-L1G) - Transverse (BOQ No. 5.1.4) | SB1Y-1-1   | D35           | 7,775       | 58.39                | 67             | 3,912       |           |
|                                                                              | SB1Y-1-2   | D35           | 11,325      | 85.05                | 66             | 5,613       |           |
|                                                                              | SB1Y-1-3   | D35           | 9,250       | 69.47                | 133            | 9,240       |           |
|                                                                              | SB1Y-1-4   | D35           | 10,750      | 80.73                | 67             | 5,409       |           |
|                                                                              | SB1Y-1-5   | D35           | 7,200       | 54.07                | 66             | 3,569       |           |
|                                                                              | SB1Y-2-1   | D32           | 11,015      | 68.62                | 2              | 137         |           |
|                                                                              | SB1Y-2-2   | D32           | 7,465       | 46.51                | 2              | 93          |           |
|                                                                              | SB1Y-2-3   | D35           | 9,250       | 69.47                | 4              | 278         |           |
|                                                                              | SB1Y-2-4   | D32           | 6,890       | 42.92                | 2              | 86          |           |
|                                                                              | SB1Y-2-5   | D32           | 10,440      | 65.04                | 2              | 130         |           |
|                                                                              | SB1Y-3     | D32           | 8,905       | 55.48                | 4              | 222         |           |
|                                                                              | SB1Y-4     | D32           | 9,166       | 57.10                | 15             | 857         |           |
|                                                                              | SB1Y-5     | D32           | 9,222       | 57.45                | 15             | 862         |           |
|                                                                              | SB1Y-6     | D32           | 8,330       | 51.90                | 4              | 208         |           |
|                                                                              | SB1Y-7     | D32           | 8,591       | 53.52                | 30             | 1,606       |           |
|                                                                              | SB1Y-8-1   | D32           | 8,540       | 53.20                | 49             | 2,607       |           |
|                                                                              | SB1Y-8-2   | D32           | 8,640       | 53.83                | 48             | 2,584       |           |
|                                                                              | SB1Y-8-3-i | D32           | 4,647       | 28.95                | 49             | 1,419       | AVERAGE   |
|                                                                              | SB1Y-8-4-i | D32           | 6,887       | 42.91                | 48             | 2,060       | AVERAGE   |
|                                                                              | SB1Y-9-1   | D38           | 9,290       | 83.15                | 11             | 915         |           |
|                                                                              | SB1Y-9-2   | D38           | 9,190       | 82.25                | 11             | 905         |           |
|                                                                              | SB1Y-9-3-i | D38           | 7,696       | 68.88                | 11             | 758         | AVERAGE   |
|                                                                              | SB1Y-9-4-i | D38           | 4,667       | 41.77                | 11             | 459         | AVERAGE   |
|                                                                              | SB1Y-10-1  | D38           | 9,480       | 84.85                | 5              | 424         |           |

| CLASSIFICATION                                                                 | BAR ID      | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK  |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|---------|
| Intermediate slab bottom layer-1 (Axis L1A-L1G) - Transverse (BOQ No. 5.1.4)   | SB1Y-10-2   | D38           | 6,340       | 56.74                | 4              | 227         |         |
|                                                                                | SB1Y-10-3-i | D38           | 4,784       | 42.82                | 9              | 385         | AVERAGE |
|                                                                                | SB1Y-11-1   | D38           | 9,190       | 82.25                | 21             | 1,727       |         |
|                                                                                | SB1Y-11-2   | D38           | 9,290       | 83.15                | 21             | 1,746       |         |
|                                                                                | SB1Y-11-3-i | D38           | 5,085       | 45.51                | 21             | 956         | AVERAGE |
|                                                                                | SB1Y-11-4-i | D38           | 8,136       | 72.82                | 21             | 1,529       | AVERAGE |
| Sub Total                                                                      |             |               |             |                      |                | 50,923      |         |
| Intermediate slab bottom layer-1 (Axis L1G-L1H) - Transverse (BOQ No. 5.1.4)   | SB1Y-1-1-i  | TR41          | 3,666       | 38.49                | 10             | 385         | AVERAGE |
|                                                                                | SB1Y-1-2-i  | TR41          | 9,127       | 95.83                | 10             | 958         | AVERAGE |
|                                                                                | SB1Y-2      | TR41          | 11,002      | 115.52               | 79             | 9,126       |         |
|                                                                                | SB1Y-3-i    | TR41          | 2,738       | 28.75                | 8              | 230         | AVERAGE |
| Sub Total                                                                      |             |               |             |                      |                | 10,699      |         |
| Intermediate slab bottom layer-2 - Transverse (BOQ No. 5.1.4)                  | SB2Y-1      | D38           | 5,462       | 48.88                | 64             | 3,128       |         |
|                                                                                | SB2Y-2-i    | D38           | 4,784       | 42.82                | 9              | 385         | AVERAGE |
| Sub Total                                                                      |             |               |             |                      |                | 3,513       |         |
| Intermediate slab Bottom layer-1 (Axis L1A-L1G) - Longitudinal (BOQ No. 5.1.4) | SB1X-1-1    | D22           | 8,000       | 24.32                | 48             | 1,167       |         |
|                                                                                | SB1X-1-2    | D22           | 8,060       | 24.50                | 24             | 588         |         |
|                                                                                | SB1X-2-1    | D22           | 4,668       | 14.19                | 12             | 170         |         |
|                                                                                | SB1X-2-2    | D22           | 6,098       | 18.54                | 11             | 204         |         |
|                                                                                | SB1X-2-3    | D22           | 8,000       | 24.32                | 35             | 851         |         |
|                                                                                | SB1X-2-4    | D22           | 7,268       | 22.09                | 6              | 133         |         |
|                                                                                | SB1X-2-5    | D22           | 5,838       | 17.75                | 5              | 89          |         |
|                                                                                | SB1X-3-1    | D22           | 8,000       | 24.32                | 44             | 1,070       |         |
|                                                                                | SB1X-3-2    | D22           | 8,060       | 24.50                | 22             | 539         |         |
|                                                                                | SB1X-4-1    | D25           | 4,656       | 18.53                | 7              | 130         |         |
|                                                                                | SB1X-4-2    | D25           | 3,031       | 12.06                | 7              | 84          |         |
|                                                                                | SB1X-4-3    | D25           | 8,000       | 31.84                | 14             | 446         |         |
|                                                                                | SB1X-4-4    | D22           | 8,000       | 24.32                | 14             | 340         |         |
|                                                                                | SB1X-4-5    | D22           | 6,950       | 21.13                | 6              | 127         |         |
|                                                                                | SB1X-4-6    | D22           | 7,145       | 21.72                | 6              | 130         |         |
|                                                                                | SB1X-4-7    | D22           | 5,364       | 16.31                | 1              | 16          |         |
|                                                                                | SB1X-4-8    | D22           | 3,981       | 12.10                | 1              | 12          |         |
|                                                                                | SB1X-4-9    | D25           | 4,355       | 17.33                | 1              | 17          |         |
|                                                                                | SB1X-4-10   | D25           | 2,730       | 10.87                | 1              | 11          |         |
|                                                                                | SB1X-4-11   | D22           | 6,469       | 19.67                | 1              | 20          |         |
|                                                                                | SB1X-4-12   | D22           | 5,086       | 15.46                | 1              | 15          |         |
|                                                                                | SB1X-4-13   | D25           | 3,808       | 15.16                | 1              | 15          |         |
|                                                                                | SB1X-4-14   | D25           | 6,198       | 24.67                | 3              | 74          |         |
|                                                                                | SB1X-4-15-i | D25           | 6,599       | 26.26                | 2              | 53          | AVERAGE |
|                                                                                | SB1X-5-1    | D25           | 4,625       | 18.41                | 5              | 92          |         |
|                                                                                | SB1X-5-2    | D25           | 3,000       | 11.94                | 4              | 48          |         |
|                                                                                | SB1X-5-3    | D25           | 8,000       | 31.84                | 9              | 287         |         |
|                                                                                | SB1X-5-4    | D22           | 8,000       | 24.32                | 9              | 219         |         |
|                                                                                | SB1X-5-5    | D22           | 6,880       | 20.92                | 5              | 105         |         |
|                                                                                | SB1X-5-6    | D22           | 7,075       | 21.51                | 4              | 86          |         |
|                                                                                | SB1X-6-1    | D25           | 4,625       | 18.41                | 11             | 203         |         |
|                                                                                | SB1X-6-2    | D25           | 3,000       | 11.94                | 11             | 131         |         |
|                                                                                | SB1X-6-3    | D25           | 8,000       | 31.84                | 22             | 700         |         |
| SB1X-6-4                                                                       | D22         | 8,000         | 24.32       | 22                   | 535            |             |         |
| SB1X-6-5                                                                       | D22         | 8,035         | 24.43       | 6                    | 147            |             |         |
| SB1X-6-6                                                                       | D22         | 7,075         | 21.51       | 5                    | 108            |             |         |
| SB1X-6-7                                                                       | D22         | 8,580         | 26.08       | 6                    | 156            |             |         |
| SB1X-6-8                                                                       | D22         | 6,955         | 21.14       | 5                    | 106            |             |         |
| Sub Total                                                                      |             |               |             |                      |                | 9,224       |         |
| Intermediate slab Bottom layer-1 (Axis L1G-L1H) - Longitudinal (BOQ No. 5.1.4) | SB1X-1-i    | D29           | 6,381       | 32.16                | 39             | 1,254       | AVERAGE |
|                                                                                | SB1X-2      | D29           | 10,897      | 54.92                | 9              | 494         |         |
|                                                                                | SB1X-3      | D29           | 5,788       | 29.17                | 1              | 29          |         |
| Sub Total                                                                      |             |               |             |                      |                | 1,777       |         |

| CLASSIFICATION                                                            | BAR ID     | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK  |
|---------------------------------------------------------------------------|------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|---------|
| Intermediate slab Bottom layer-2 - Longitudinal (BOQ No. 5.1.4)           | SB2X-1     | D25           | 10,031      | 39.92                | 14             | 559         |         |
|                                                                           | SB2X-2     | D25           | 6,198       | 24.67                | 3              | 74          |         |
|                                                                           | SB2X-3     | D25           | 2,730       | 10.87                | 3              | 33          |         |
| Sub Total                                                                 |            |               |             |                      |                | 666         |         |
| Intermediate slab Top layer-1 (Axis L1A-L1G) Transverse (BOQ No. 5.1.4)   | ST1Y-1-1   | D35           | 4,750       | 35.67                | 67             | 2,390       |         |
|                                                                           | ST1Y-1-2   | D35           | 7,375       | 55.39                | 66             | 3,656       |         |
|                                                                           | ST1Y-1-3   | D35           | 9,412       | 70.68                | 133            | 9,400       |         |
|                                                                           | ST1Y-1-4   | D35           | 9,125       | 68.53                | 133            | 9,114       |         |
|                                                                           | ST1Y-1-5   | D35           | 7,087       | 53.22                | 67             | 3,566       |         |
|                                                                           | ST1Y-1-6   | D35           | 4,462       | 33.51                | 66             | 2,212       |         |
|                                                                           | ST1Y-2-1   | D32           | 7,333       | 45.68                | 2              | 91          |         |
|                                                                           | ST1Y-2-2   | D32           | 4,708       | 29.33                | 2              | 59          |         |
|                                                                           | ST1Y-2-3   | D35           | 9,412       | 70.68                | 4              | 283         |         |
|                                                                           | ST1Y-2-4   | D35           | 9,125       | 68.53                | 4              | 274         |         |
|                                                                           | ST1Y-2-5   | D32           | 4,420       | 27.54                | 2              | 55          |         |
|                                                                           | ST1Y-2-6   | D32           | 7,045       | 43.89                | 2              | 88          |         |
|                                                                           | ST1Y-3     | D32           | 9,598       | 59.80                | 4              | 239         |         |
|                                                                           | ST1Y-4     | D32           | 9,891       | 61.62                | 13             | 801         |         |
|                                                                           | ST1Y-5     | D32           | 9,286       | 57.85                | 17             | 983         |         |
|                                                                           | ST1Y-6     | D32           | 9,023       | 56.21                | 4              | 225         |         |
|                                                                           | ST1Y-7     | D32           | 9,316       | 58.04                | 30             | 1,741       |         |
|                                                                           | ST1Y-8-1   | D32           | 8,468       | 52.76                | 49             | 2,585       |         |
|                                                                           | ST1Y-8-2   | D32           | 8,368       | 52.13                | 48             | 2,502       |         |
|                                                                           | ST1Y-8-3-i | D32           | 6,369       | 39.68                | 49             | 1,944       | AVERAGE |
|                                                                           | ST1Y-8-4-i | D32           | 4,129       | 25.72                | 48             | 1,235       | AVERAGE |
|                                                                           | ST1Y-9-1   | D38           | 9,529       | 85.28                | 11             | 938         |         |
|                                                                           | ST1Y-9-2   | D38           | 9,629       | 86.18                | 11             | 948         |         |
|                                                                           | ST1Y-9-3-i | D38           | 4,283       | 38.33                | 11             | 422         | AVERAGE |
|                                                                           | ST1Y-9-4-i | D38           | 7,333       | 65.63                | 11             | 722         | AVERAGE |
|                                                                           | ST1Y-10-1  | D38           | 6,305       | 56.43                | 5              | 282         |         |
| ST1Y-10-2                                                                 | D38        | 9,445         | 84.53       | 4                    | 338            |             |         |
| ST1Y-10-3-i                                                               | D38        | 4,784         | 42.82       | 9                    | 385            | AVERAGE     |         |
| ST1Y-11-1                                                                 | D38        | 9,629         | 86.18       | 21                   | 1,810          |             |         |
| ST1Y-11-2                                                                 | D38        | 9,529         | 85.28       | 20                   | 1,706          |             |         |
| ST1Y-11-3-i                                                               | D38        | 7,752         | 69.38       | 21                   | 1,457          | AVERAGE     |         |
| ST1Y-11-4-i                                                               | D38        | 4,712         | 42.17       | 20                   | 843            | AVERAGE     |         |
| ST1Y-12-1                                                                 | D38        | 6,965         | 62.34       | 6                    | 374            |             |         |
| ST1Y-12-2                                                                 | D38        | 11,264        | 100.81      | 5                    | 504            |             |         |
| ST1Y-12-3                                                                 | D38        | 9,529         | 85.28       | 6                    | 512            |             |         |
| ST1Y-12-4-i                                                               | D38        | 8,024         | 71.81       | 5                    | 359            | AVERAGE     |         |
| ST1Y-12-5-i                                                               | D38        | 4,984         | 44.61       | 6                    | 268            | AVERAGE     |         |
| Sub Total                                                                 |            |               |             |                      |                | 55,311      |         |
| Intermediate slab Top layer-1 (Axis L1G-L1H) Transverse (BOQ No. 5.1.4)   | ST1Y-1-14  | TR41          | 3,542       | 37.19                | 10             | 372         | AVERAGE |
|                                                                           | ST1Y-1-24  | TR41          | 9,251       | 97.14                | 10             | 971         | AVERAGE |
|                                                                           | ST1Y-2     | TR41          | 11,305      | 118.70               | 79             | 9,377       |         |
|                                                                           | ST1Y-3-i   | TR41          | 3,041       | 31.93                | 8              | 255         | AVERAGE |
| EB                                                                        | D25        | 1,426         | 5.68        | 18                   | 102            |             |         |
| Sub Total                                                                 |            |               |             |                      |                | 11,077      |         |
| Intermediate slab Top layer-2 - Transverse (BOQ No. 5.1.4)                | ST2Y-1     | D38           | 5,462       | 48.88                | 64             | 3,128       |         |
|                                                                           | ST2Y-2-i   | D38           | 4,788       | 42.85                | 9              | 386         | AVERAGE |
| Sub Total                                                                 |            |               |             |                      |                | 3,514       |         |
| Intermediate slab Top layer-1 (Axis L1A-L1G) longitudinal (BOQ No. 5.1.4) | ST1X-1-1   | D22           | 8,000       | 24.32                | 48             | 1,167       |         |
|                                                                           | ST1X-1-2   | D22           | 8,060       | 24.50                | 24             | 588         |         |
|                                                                           | ST1X-2-1   | D22           | 4,668       | 14.19                | 11             | 156         |         |
|                                                                           | ST1X-2-3   | D22           | 8,000       | 24.32                | 35             | 851         |         |
|                                                                           | ST1X-2-4   | D22           | 5,838       | 17.75                | 6              | 107         |         |
|                                                                           | ST1X-2-5   | D22           | 7,268       | 22.09                | 5              | 110         |         |
| ST1X-3-1                                                                  | D22        | 8,000         | 24.32       | 44                   | 1,070          |             |         |
| ST1X-3-2                                                                  | D22        | 8,060         | 24.50       | 22                   | 539            |             |         |
| ST1X-4-1                                                                  | D25        | 4,910         | 19.54       | 7                    | 137            |             |         |

**B1F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - TOTAL MATERIAL QUANTITY TABLE (02/05)**  
**SÀN GIỮA B1F BLOCK-B2I - BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (02/05)**

| CLASSIFICATION                                                            | BAR ID      | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK  |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|---------|
| Intermediate slab Top layer-1 (Axis L1A~L1G) longitudinal (BOQ No. 5.1.4) | ST1X-4-2    | D25           | 3,285       | 13.07                | 7              | 91          |         |
|                                                                           | ST1X-4-3    | D25           | 8,000       | 31.84                | 14             | 446         |         |
|                                                                           | ST1X-4-4    | D22           | 8,000       | 24.32                | 14             | 340         |         |
|                                                                           | ST1X-4-5    | D22           | 6,950       | 21.13                | 6              | 127         |         |
|                                                                           | ST1X-4-6    | D22           | 7,145       | 21.72                | 6              | 130         |         |
|                                                                           | ST1X-4-7    | D22           | 5,364       | 16.31                | 1              | 16          |         |
|                                                                           | ST1X-4-8    | D22           | 3,981       | 12.10                | 1              | 12          |         |
|                                                                           | ST1X-4-9    | D25           | 4,355       | 17.33                | 1              | 17          |         |
|                                                                           | ST1X-4-10   | D25           | 2,736       | 10.89                | 1              | 11          |         |
|                                                                           | ST1X-4-11   | D22           | 6,469       | 19.67                | 1              | 20          |         |
|                                                                           | ST1X-4-12   | D22           | 5,086       | 15.46                | 1              | 15          |         |
|                                                                           | ST1X-4-13   | D25           | 3,808       | 15.16                | 1              | 15          |         |
|                                                                           | ST1X-4-14   | D25           | 6,452       | 25.68                | 3              | 77          |         |
|                                                                           | ST1X-4-15-i | D25           | 6,853       | 27.27                | 2              | 55          | AVERAGE |
|                                                                           | ST1X-5-1    | D25           | 4,875       | 19.40                | 5              | 97          |         |
|                                                                           | ST1X-5-2    | D25           | 3,250       | 12.94                | 4              | 52          |         |
|                                                                           | ST1X-5-3    | D25           | 8,000       | 31.84                | 9              | 287         |         |
|                                                                           | ST1X-5-4    | D22           | 8,000       | 24.32                | 9              | 219         |         |
|                                                                           | ST1X-5-5    | D22           | 6,880       | 20.92                | 5              | 105         |         |
|                                                                           | ST1X-5-6    | D22           | 7,075       | 21.51                | 4              | 86          |         |
|                                                                           | ST1X-6-1    | D25           | 3,250       | 12.94                | 11             | 142         |         |
|                                                                           | ST1X-6-2    | D25           | 4,875       | 19.40                | 11             | 213         |         |
|                                                                           | ST1X-6-3    | D25           | 8,000       | 31.84                | 22             | 700         |         |
|                                                                           | ST1X-6-4    | D22           | 8,000       | 24.32                | 22             | 535         |         |
| ST1X-6-5                                                                  | D22         | 7,075         | 21.51       | 6                    | 129            |             |         |
| ST1X-6-6                                                                  | D22         | 8,035         | 24.43       | 5                    | 122            |             |         |
| ST1X-6-7                                                                  | D22         | 6,955         | 21.14       | 6                    | 127            |             |         |
| ST1X-6-8                                                                  | D22         | 8,580         | 26.08       | 5                    | 130            |             |         |
| Sub Total                                                                 |             |               |             |                      |                | 9,263       |         |
| Intermediate slab Top layer-1 (Axis L1G~L1H) longitudinal (BOQ No. 5.1.4) | ST1X-1-i    | D29           | 6,382       | 32.17                | 39             | 1,255       | AVERAGE |
|                                                                           | ST1X-2      | D29           | 11,394      | 57.43                | 9              | 517         |         |
| Sub Total                                                                 |             |               |             |                      |                | 1,772       |         |
| Intermediate slab Top layer-2 longitudinal (BOQ No. 5.1.4)                | ST2X-1      | D25           | 10,031      | 39.92                | 14             | 559         |         |
|                                                                           | ST2X-2      | D25           | 6,198       | 24.67                | 3              | 74          |         |
|                                                                           | ST2X-3      | D25           | 2,730       | 10.87                | 3              | 33          |         |
|                                                                           | ST2X-2-1    | D22           | 3,900       | 11.86                | 11             | 130         |         |
|                                                                           | ST2X-2-2    | D22           | 8,000       | 24.32                | 11             | 268         |         |
|                                                                           | ST2X-2-3    | D22           | 4,440       | 13.50                | 11             | 149         |         |
| Sub Total                                                                 |             |               |             |                      |                | 1,213       |         |
| Intermediate slab Connect Rebar Bottom Layer (BOQ No. 5.1.4)              | CNB-1       | D41           | 4,326       | 45.42                | 122            | 5,541       |         |
|                                                                           | CNB-24      | D41           | 3,516       | 36.92                | 16             | 591         | AVERAGE |
| Sub Total                                                                 |             |               |             |                      |                | 6,132       |         |
| Intermediate slab Connect Rebar Top Layer (BOQ No. 5.1.4)                 | CNT-1       | D41           | 4,529       | 47.55                | 122            | 5,801       |         |
|                                                                           | CNT-24      | D41           | 3,519       | 36.95                | 16             | 591         | AVERAGE |
| Sub Total                                                                 |             |               |             |                      |                | 6,392       |         |
| Intermediate slab Additional rebar (BOQ No. 5.1.4)                        | ET-1        | D13           | 8,000       | 7.96                 | 47             | 374         |         |
|                                                                           | ET-2        | D13           | 9,520       | 9.47                 | 14             | 133         |         |
|                                                                           | ET-3        | D13           | 9,092       | 9.05                 | 22             | 199         |         |
|                                                                           | ET-4        | D13           | 6,896       | 6.86                 | 3              | 21          |         |
| Sub Total                                                                 |             |               |             |                      |                | 727         |         |
| Intermediate slab Stirrup bar (BOQ No. 5.1.4)                             | SS1-1       | D13           | 839         | 0.83                 | 481            | 399         |         |
|                                                                           | SS1-2       | D13           | 937         | 0.93                 | 629            | 585         |         |
|                                                                           | SS1-3       | D13           | 933         | 0.93                 | 74             | 69          |         |
|                                                                           | SS1-4       | D13           | 1,017       | 1.01                 | 65             | 66          |         |
|                                                                           | SS1-5       | D13           | 1,179       | 1.17                 | 9              | 11          |         |
|                                                                           | SS2-1       | D16           | 973         | 1.52                 | 2,624          | 3,988       |         |
|                                                                           | SS2-2       | D16           | 986         | 1.54                 | 3,432          | 5,285       |         |
|                                                                           | SS2-3       | D16           | 1,067       | 1.66                 | 404            | 671         |         |
|                                                                           | SS2-4       | D16           | 1,150       | 1.79                 | 404            | 723         |         |
| SS3-1                                                                     | D13         | 1,000         | 1.00        | 551                  | 551            |             |         |

| CLASSIFICATION                                | BAR ID                                       | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK |         |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|--------|---------|
| Intermediate slab Stirrup bar (BOQ No. 5.1.4) | SS3-2                                        | D13           | 1,079       | 1.07                 | 36             | 39          |        |         |
|                                               | SS3-3                                        | D13           | 1,162       | 1.16                 | 36             | 42          |        |         |
|                                               | SS3-4                                        | D13           | 1,133       | 1.13                 | 36             | 41          |        |         |
|                                               | SS3-5                                        | D13           | 1,217       | 1.21                 | 37             | 45          |        |         |
|                                               | SS3-6                                        | D13           | 1,219       | 1.21                 | 36             | 44          |        |         |
|                                               | SS4-1                                        | D16           | 1,068       | 1.67                 | 579            | 967         |        |         |
|                                               | SS4-2                                        | D16           | 1,152       | 1.80                 | 97             | 175         |        |         |
|                                               | SS4-3                                        | D16           | 1,235       | 1.93                 | 97             | 187         |        |         |
|                                               | SS3a-1                                       | D13           | 841         | 0.84                 | 1,008          | 847         |        |         |
|                                               | SS3a-2                                       | D13           | 916         | 0.91                 | 72             | 66          |        |         |
|                                               | SS3a-3                                       | D13           | 999         | 0.99                 | 72             | 71          |        |         |
|                                               | SS4a-1                                       | D16           | 928         | 1.45                 | 1,586          | 2,300       |        |         |
|                                               | SS4a-2                                       | D16           | 1,071       | 1.67                 | 50             | 84          |        |         |
|                                               | SS4a-3                                       | D16           | 1,151       | 1.80                 | 99             | 178         |        |         |
|                                               | SS4a-4                                       | D16           | 994         | 1.55                 | 49             | 76          |        |         |
|                                               | SS4a-5                                       | D16           | 1,077       | 1.68                 | 48             | 81          |        |         |
|                                               | SS5                                          | D19           | 1,252       | 2.82                 | 696            | 1,963       |        |         |
|                                               | Sub Total                                    |               |             |                      |                |             | 19,554 |         |
|                                               | Intermediate slab Haunch bar (BOQ No. 5.1.4) | SH-1-1        | D19         | 2,702                | 6.08           | 201         | 1,222  |         |
|                                               |                                              | SH-1-2        | D19         | 5,405                | 12.16          | 401         | 4,876  |         |
|                                               |                                              | SH-1-3        | D19         | 2,775                | 6.24           | 97          | 605    |         |
|                                               |                                              | SH-1-4        | D19         | 5,100                | 11.48          | 97          | 1,114  |         |
|                                               |                                              | SH-1-5        | D19         | 2,449                | 5.51           | 97          | 534    |         |
|                                               |                                              | SH-1-1a-i     | D19         | 4,943                | 11.12          | 6           | 67     | AVERAGE |
| SH-2-1                                        |                                              | D38           | 4,459       | 39.91                | 21             | 838         |        |         |
| SH-2-2                                        |                                              | D16           | 2,776       | 4.33                 | 37             | 160         |        |         |
| SH-2-3                                        |                                              | D16           | 3,552       | 5.54                 | 19             | 105         |        |         |
| SH-3-1                                        |                                              | D16           | 5,088       | 7.94                 | 37             | 294         |        |         |
| SH-3-2                                        |                                              | D16           | 3,094       | 4.83                 | 37             | 179         |        |         |
| SHD-1-1                                       |                                              | D13           | 8,000       | 7.96                 | 16             | 127         |        |         |
| SHD-1-2                                       |                                              | D13           | 11,004      | 10.95                | 2              | 22          |        |         |
| SHD-1-3                                       |                                              | D13           | 11,052      | 11.00                | 2              | 22          |        |         |
| SHD-1-3a                                      |                                              | D25           | 2,654       | 10.56                | 2              | 21          |        |         |
| SHD-1-4                                       |                                              | D13           | 7,448       | 7.41                 | 4              | 30          |        |         |
| SHD-1-5                                       |                                              | D13           | 10,972      | 10.92                | 4              | 44          |        |         |
| SHD-2-1                                       |                                              | D13           | 8,000       | 7.96                 | 8              | 64          |        |         |
| SHD-2-2                                       |                                              | D13           | 8,000       | 7.96                 | 2              | 16          |        |         |
| SHD-2-3                                       |                                              | D13           | 7,448       | 7.41                 | 2              | 15          |        |         |
| SHD-2-4                                       |                                              | D13           | 7,838       | 7.80                 | 3              | 23          |        |         |
| SHD-3-1                                       |                                              | D13           | 8,000       | 7.96                 | 12             | 96          |        |         |
| SHD-3-2                                       |                                              | D13           | 7,763       | 7.72                 | 2              | 15          |        |         |
| SHD-3-3                                       |                                              | D13           | 9,092       | 9.05                 | 4              | 36          |        |         |
| SHD-4-1                                       | D25                                          | 8,000         | 31.84       | 2                    | 64             |             |        |         |
| SHD-4-2                                       | D25                                          | 5,794         | 23.06       | 1                    | 23             |             |        |         |
| SHD-4-3                                       | D25                                          | 5,627         | 22.40       | 1                    | 22             |             |        |         |
| Sub Total                                     |                                              |               |             |                      |                | 10,634      |        |         |
| Girders Axis L1A (BOQ No. 5.1.4)              | GT1                                          | TR32          | 9,800       | 61.05                | 15             | 916         |        |         |
|                                               | GT2                                          | TR32          | 8,700       | 54.20                | 10             | 542         |        |         |
|                                               | GT3                                          | TR32          | 6,490       | 40.43                | 5              | 202         |        |         |
|                                               | GT4                                          | TR32          | 5,690       | 35.45                | 5              | 177         |        |         |
|                                               | GT5                                          | TR32          | 6,140       | 38.25                | 3              | 115         |        |         |
|                                               | GT6                                          | TR32          | 5,340       | 33.27                | 2              | 67          |        |         |
|                                               | GT7                                          | TR32          | 10,820      | 67.41                | 3              | 202         |        |         |
|                                               | GT8                                          | TR32          | 11,620      | 72.39                | 2              | 145         |        |         |
|                                               | GT9                                          | D32           | 5,770       | 35.95                | 5              | 180         |        |         |
|                                               | GT10                                         | D32           | 5,886       | 36.67                | 3              | 110         |        |         |
|                                               | GT11                                         | D32           | 8,020       | 49.96                | 16             | 799         |        |         |
|                                               | W1-1                                         | D19           | 8,000       | 18.00                | 12             | 216         |        |         |
|                                               | W1-2                                         | D19           | 10,200      | 22.95                | 4              | 92          |        |         |
|                                               | W1-3                                         | D19           | 10,200      | 22.95                | 2              | 46          |        |         |
| W1-4                                          | D19                                          | 4,500         | 10.13       | 2                    | 20             |             |        |         |
| W1-5                                          | D19                                          | 2,500         | 5.63        | 1                    | 6              |             |        |         |

| CLASSIFICATION                   | BAR ID | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK |
|----------------------------------|--------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|--------|
| Girders Axis L1A (BOQ No. 5.1.4) | GB1    | TR32          | 9,360       | 58.31                | 5              | 292         |        |
|                                  | GB2    | TR32          | 10,160      | 63.30                | 5              | 317         |        |
|                                  | GB3    | TR32          | 9,000       | 56.07                | 15             | 841         |        |
|                                  | GB4    | TR32          | 11,166      | 69.56                | 5              | 348         |        |
|                                  | GB5    | TR32          | 10,366      | 64.58                | 5              | 323         |        |
|                                  | GB6    | TR32          | 9,916       | 61.78                | 3              | 185         |        |
|                                  | GB7    | TR32          | 9,116       | 56.79                | 2              | 114         |        |
|                                  | GB8    | TR32          | 6,860       | 42.74                | 3              | 128         |        |
|                                  | GB9    | TR32          | 7,660       | 47.72                | 2              | 95          |        |
|                                  | GB10   | D32           | 8,020       | 49.96                | 21             | 1,049       |        |
|                                  | GB11   | D32           | 5,670       | 35.32                | 3              | 106         |        |
|                                  | GS1-1  | D16           | 3,610       | 5.63                 | 98             | 552         |        |
|                                  | GS1-2  | D16           | 3,110       | 4.85                 | 98             | 475         |        |
|                                  | GS2-1  | D16           | 1,241       | 1.94                 | 324            | 629         |        |
| GS2-2                            | D16    | 991           | 1.55        | 324                  | 502            |             |        |
| GS3                              | D16    | 1,942         | 3.03        | 76                   | 230            |             |        |
| Sub Total                        |        |               |             |                      |                | 10,021      |        |
| Girders Axis L1B (BOQ No. 5.1.4) | GT1    | TR32          | 9,000       | 56.07                | 17             | 953         |        |
|                                  | GT2    | TR32          | 8,700       | 54.20                | 13             | 705         |        |
|                                  | GT3    | TR32          | 10,820      | 67.41                | 2              | 135         |        |
|                                  | GT4    | TR32          | 11,620      | 72.39                | 2              | 145         |        |
|                                  | GT5    | D32           | 5,770       | 35.95                | 9              | 324         |        |
|                                  | GT6    | TR32          | 8,110       | 50.53                | 8              | 404         |        |
|                                  | GT7    | TR32          | 11,360      | 70.77                | 6              | 425         |        |
|                                  | GT8    | TR32          | 11,394      | 70.98                | 2              | 142         |        |
|                                  | GT9    | D32           | 5,770       | 35.95                | 2              | 72          |        |
|                                  | GT10   | D32           | 8,020       | 49.96                | 1              | 50          |        |
|                                  | GT11   | D32           | 8,020       | 49.96                | 3              | 150         |        |
|                                  | W1-1   | D19           | 8,000       | 18.00                | 8              | 144         |        |
|                                  | W1-2   | D19           | 8,945       | 20.13                | 2              | 40          |        |
|                                  | W1-3   | D19           | 4,500       | 10.13                | 2              | 20          |        |
| W1-4                             | D19    | 4,350         | 9.79        | 2                    | 20             |             |        |
| W1-5                             | D19    | 4,450         | 10.01       | 1                    | 10             |             |        |
| W1-6                             | D19    | 3,210         | 7.22        | 1                    | 7              |             |        |
| GB1                              | TR32   | 8,860         | 55.20       | 9                    | 497            |             |        |
| GB2                              | TR32   | 9,000         | 56.07       | 17                   | 953            |             |        |
| GB3                              | TR32   | 9,500         | 59.19       | 13                   | 769            |             |        |
| GB4                              | TR32   | 9,660         | 60.18       | 8                    | 481            |             |        |
| GB5                              | TR32   | 7,360         | 45.85       | 2                    | 92             |             |        |
| GB6                              | TR32   | 8,160         | 50.84       | 2                    | 102            |             |        |
| GB7                              | TR32   | 9,610         | 59.87       | 8                    | 479            |             |        |
| GB8                              | TR32   | 9,000         | 56.07       | 8                    | 449            |             |        |
| GB9                              | TR32   | 5,360         | 33.39       | 6                    | 200            |             |        |
| GB10                             | TR32   | 5,060         | 31.52       | 2                    | 63             |             |        |
| GB11                             | D32    | 8,020         | 49.96       | 1                    | 50             |             |        |
| GS1-1                            | D16    | 3,252         | 5.07        | 110                  | 558            |             |        |
| GS1-2                            | D16    | 3,868         | 6.03        | 110                  | 663            |             |        |
| GS2-1                            | D16    | 962           | 1.50        | 240                  | 360            |             |        |
| GS2-2                            | D16    | 1,270         | 1.98        | 240                  | 475            |             |        |
| GS3                              | D16    | 2,142         | 3.34        | 68                   | 227            |             |        |
| Sub Total                        |        |               |             |                      |                | 10,164      |        |
| Girders Axis L1D (BOQ No. 5.1.4) | GT1    | TR32          | 9,000       | 56.07                | 34             | 1,906       |        |
|                                  | W1-1   | D19           | 8,000       | 18.00                | 12             | 216         |        |
|                                  | W1-2   | D19           | 8,390       | 18.88                | 6              | 113         |        |
|                                  | W1-3   | D19           | 4,500       | 10.13                | 3              | 30          |        |
|                                  | GB1    | TR32          | 6,960       | 43.36                | 14             | 607         |        |
|                                  | GB2    | TR32          | 9,000       | 56.07                | 14             | 785         |        |
|                                  | GB3    | TR32          | 8,500       | 52.96                | 14             | 741         |        |
|                                  | GS1-1  | D16           | 4,002       | 6.24                 | 86             | 537         |        |
| GS1-2                            | D16    | 3,118         | 4.86        | 86                   | 418            |             |        |
| GS2-1                            | D16    | 1,337         | 2.09        | 280                  | 585            |             |        |
| GS2-2                            | D16    | 895           | 1.40        | 280                  | 392            |             |        |
| Sub Total                        |        |               |             |                      |                | 6,330       |        |

**B1F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - TOTAL MATERIAL QUANTITY TABLE (03/05)**  
**SÀN GIỮA B1F BLOCK-B2I - BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (03/05)**

| CLASSIFICATION                        | BAR ID | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK |
|---------------------------------------|--------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|--------|
| Girder<br>Axis L1E<br>(BOQ No. 5.1.4) | GT1    | TR32          | 8,410       | 52.39                | 13             | 681         |        |
|                                       | GT2    | TR32          | 6,750       | 42.05                | 34             | 1,430       |        |
|                                       | GT3    | TR32          | 6,758       | 42.10                | 2              | 84          |        |
|                                       | GT4    | TR32          | 5,958       | 37.12                | 2              | 74          |        |
|                                       | GT5    | D32           | 8,020       | 49.96                | 7              | 350         |        |
|                                       | GT6    | TR32          | 5,860       | 36.51                | 9              | 329         |        |
|                                       | GT7    | TR32          | 6,660       | 41.49                | 1              | 41          |        |
|                                       | GT8    | TR32          | 6,750       | 42.05                | 8              | 336         |        |
|                                       | GT9    | D32           | 10,270      | 63.98                | 2              | 128         |        |
|                                       | W1-1   | D19           | 8,000       | 18.00                | 8              | 144         |        |
|                                       | W1-2   | D19           | 8,390       | 18.88                | 2              | 38          |        |
|                                       | W1-3   | D19           | 4,480       | 10.08                | 4              | 40          |        |
|                                       | W1-4   | D19           | 4,500       | 10.13                | 4              | 41          |        |
|                                       | W1-5   | D19           | 2,100       | 4.73                 | 2              | 9           |        |
|                                       | W1-6   | D19           | 4,630       | 10.42                | 2              | 21          |        |
|                                       | GB1    | TR32          | 9,362       | 58.33                | 13             | 758         |        |
|                                       | GB2    | TR32          | 6,800       | 42.36                | 17             | 720         |        |
|                                       | GB3    | TR32          | 6,700       | 41.74                | 14             | 584         |        |
|                                       | GB4    | TR32          | 10,010      | 62.36                | 2              | 125         |        |
|                                       | GB5    | TR32          | 9,210       | 57.38                | 1              | 57          |        |
|                                       | GB6    | TR32          | 9,613       | 59.89                | 2              | 120         |        |
|                                       | GB7    | TR32          | 8,813       | 54.90                | 2              | 110         |        |
|                                       | GB8    | D32           | 8,020       | 49.96                | 17             | 849         |        |
|                                       | GB9    | D32           | 5,770       | 35.95                | 8              | 288         |        |
|                                       | GS1-1  | D16           | 3,468       | 5.41                 | 15             | 81          |        |
|                                       | GS1-2  | D16           | 2,852       | 4.45                 | 15             | 67          |        |
|                                       | GS2-1  | D16           | 1,270       | 1.98                 | 264            | 523         |        |
|                                       | GS2-2  | D16           | 962         | 1.50                 | 264            | 396         |        |
|                                       | GS3-1  | D16           | 3,868       | 6.03                 | 88             | 531         |        |
|                                       | GS3-2  | D16           | 3,252       | 5.07                 | 88             | 446         |        |
|                                       | GS4    | D16           | 1,742       | 2.72                 | 14             | 38          |        |
|                                       | GS5    | D16           | 2,142       | 3.34                 | 56             | 187         |        |
|                                       | GW1    | D19           | 1,631       | 3.67                 | 4              | 15          |        |
| Sub Total                             |        |               |             |                      |                | 9,641       |        |
| Girder<br>Axis L1F<br>(BOQ No. 5.1.4) | GT1    | TR32          | 8,410       | 52.39                | 13             | 681         |        |
|                                       | GT2    | TR32          | 6,750       | 42.05                | 34             | 1,430       |        |
|                                       | GT3    | TR32          | 5,958       | 37.12                | 2              | 74          |        |
|                                       | GT4    | TR32          | 6,758       | 42.10                | 2              | 84          |        |
|                                       | GT5    | TR32          | 8,020       | 49.96                | 7              | 350         |        |
|                                       | GT6    | TR32          | 5,860       | 36.51                | 9              | 329         |        |
|                                       | GT7    | TR32          | 6,660       | 41.49                | 1              | 41          |        |
|                                       | GT8    | TR32          | 6,750       | 42.05                | 8              | 336         |        |
|                                       | GT9    | D32           | 10,270      | 63.98                | 2              | 128         |        |
|                                       | GT10   | D32           | 5,704       | 35.54                | 2              | 71          |        |
|                                       | W1-1   | D19           | 8,000       | 18.00                | 8              | 144         |        |
|                                       | W1-2   | D19           | 8,390       | 18.88                | 2              | 38          |        |
|                                       | W1-3   | D19           | 4,480       | 10.08                | 4              | 40          |        |
|                                       | W1-4   | D19           | 4,500       | 10.13                | 2              | 20          |        |
|                                       | W1-5   | D19           | 2,100       | 4.73                 | 1              | 5           |        |
|                                       | W1-6   | D19           | 4,630       | 10.42                | 2              | 21          |        |
|                                       | GB1    | TR32          | 9,362       | 58.33                | 13             | 758         |        |
|                                       | GB2    | TR32          | 6,800       | 42.36                | 17             | 720         |        |
|                                       | GB3    | TR32          | 9,000       | 56.07                | 14             | 785         |        |
|                                       | GB4    | TR32          | 10,010      | 62.36                | 2              | 125         |        |
|                                       | GB5    | TR32          | 9,210       | 57.38                | 1              | 57          |        |
|                                       | GB6    | TR32          | 9,613       | 59.89                | 2              | 120         |        |
|                                       | GB7    | TR32          | 8,813       | 54.90                | 2              | 110         |        |
|                                       | GB8    | D32           | 8,020       | 49.96                | 17             | 849         |        |
|                                       | GB9    | D32           | 5,770       | 35.95                | 8              | 288         |        |
|                                       | GS1-1  | D16           | 3,468       | 5.41                 | 15             | 81          |        |
|                                       | GS1-2  | D16           | 2,852       | 4.45                 | 15             | 67          |        |

| CLASSIFICATION                                    | BAR ID                                            | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK  |         |
|---------------------------------------------------|---------------------------------------------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|---------|---------|
| Girder<br>Axis L1F<br>(BOQ No. 5.1.4)             | GS2-1                                             | D16           | 1,270       | 1.98                 | 264            | 523         |         |         |
|                                                   | GS2-2                                             | D16           | 962         | 1.50                 | 264            | 396         |         |         |
|                                                   | GS3-1                                             | D16           | 3,868       | 6.03                 | 88             | 531         |         |         |
|                                                   | GS3-2                                             | D16           | 3,252       | 5.07                 | 88             | 446         |         |         |
|                                                   | GS4                                               | D16           | 1,742       | 2.72                 | 14             | 38          |         |         |
|                                                   | GS5                                               | D16           | 2,142       | 3.34                 | 56             | 187         |         |         |
|                                                   | GW1                                               | D19           | 1,631       | 3.67                 | 4              | 15          |         |         |
|                                                   | Sub Total                                         |               |             |                      |                |             | 9,888   |         |
|                                                   | Girder<br>Axis L1G<br>(BOQ No. 5.1.4)             | GT14          | TR32        | 4,659                | 29.03          | 9           | 261     | AVERAGE |
|                                                   |                                                   | GT2           | TR32        | 8,030                | 50.03          | 25          | 1,251   |         |
| GT3                                               |                                                   | TR32          | 9,730       | 60.62                | 17             | 1,031       |         |         |
| GT44                                              |                                                   | TR32          | 5,459       | 34.01                | 8              | 272         | AVERAGE |         |
| GT54                                              |                                                   | TR32          | 5,091       | 31.72                | 8              | 254         | AVERAGE |         |
| GT6                                               |                                                   | TR32          | 5,765       | 35.92                | 8              | 287         |         |         |
| GT74                                              |                                                   | D32           | 4,731       | 29.47                | 3              | 88          | AVERAGE |         |
| GT8                                               |                                                   | D32           | 7,540       | 46.97                | 3              | 141         |         |         |
| GT9                                               |                                                   | D32           | 5,723       | 35.65                | 3              | 107         |         |         |
| W1-1                                              |                                                   | D19           | 8,000       | 18.00                | 8              | 144         |         |         |
| W1-2                                              |                                                   | D19           | 5,258       | 11.83                | 2              | 24          |         |         |
| W1-3                                              |                                                   | D19           | 7,044       | 15.85                | 2              | 32          |         |         |
| W1-4                                              |                                                   | D19           | 3,450       | 7.76                 | 2              | 16          |         |         |
| W1-5                                              |                                                   | D19           | 4,500       | 10.13                | 2              | 20          |         |         |
| W1-6                                              |                                                   | D19           | 5,269       | 11.86                | 2              | 24          |         |         |
| GB1-i                                             |                                                   | TR32          | 6,241       | 38.88                | 9              | 350         | AVERAGE |         |
| GB2-i                                             |                                                   | TR32          | 7,041       | 43.87                | 8              | 351         | AVERAGE |         |
| GB3                                               |                                                   | TR32          | 9,000       | 56.07                | 17             | 953         |         |         |
| GB4                                               |                                                   | TR32          | 2,673       | 16.65                | 2              | 33          |         |         |
| GB5                                               |                                                   | TR32          | 3,473       | 21.64                | 1              | 22          |         |         |
| GB6                                               | TR32                                              | 8,800         | 54.82       | 14                   | 767            |             |         |         |
| GB7-i                                             | TR32                                              | 9,101         | 56.70       | 8                    | 454            | AVERAGE     |         |         |
| GB8                                               | TR32                                              | 9,473         | 59.02       | 8                    | 472            |             |         |         |
| GS1-i                                             | D16                                               | 2,197         | 3.43        | 10                   | 34             | AVERAGE     |         |         |
| GS2-1                                             | D16                                               | 1,270         | 1.98        | 234                  | 463            |             |         |         |
| GS2-2                                             | D16                                               | 962           | 1.50        | 234                  | 351            |             |         |         |
| GS3-1                                             | D16                                               | 3,868         | 6.03        | 99                   | 597            |             |         |         |
| GS3-2                                             | D16                                               | 3,252         | 5.07        | 99                   | 502            |             |         |         |
| GS4                                               | D16                                               | 2,142         | 3.34        | 54                   | 180            |             |         |         |
| Sub Total                                         |                                                   |               |             |                      |                | 9,481       |         |         |
| Girder [B3-13OG1]<br>(BOQ No. 5.1.4)              | GT1                                               | D32           | 10,020      | 62.42                | 5              | 312         |         |         |
|                                                   | GB1                                               | D32           | 10,020      | 62.42                | 5              | 312         |         |         |
|                                                   | W1-1                                              | D16           | 7,780       | 12.14                | 11             | 134         |         |         |
|                                                   | W1-2                                              | D16           | 6,980       | 10.89                | 3              | 33          |         |         |
|                                                   | GW1                                               | D19           | 1,631       | 3.67                 | 8              | 29          |         |         |
|                                                   | GS1-1                                             | D13           | 3,469       | 3.45                 | 26             | 90          |         |         |
|                                                   | GS1-2                                             | D13           | 3,469       | 3.45                 | 26             | 90          |         |         |
|                                                   | Sub Total                                         |               |             |                      |                |             | 1,000   |         |
|                                                   | Fixing CFT Column -<br>132&134<br>(BOQ No. 5.1.4) | TC1           | D10         | 3,922                | 2.20           | 3           | 7       |         |
|                                                   |                                                   | TC2           | D10         | 3,514                | 1.97           | 2           | 4       |         |
| TC3                                               |                                                   | D16           | 820         | 1.28                 | 8              | 10          |         |         |
| TC4                                               |                                                   | D16           | 200         | 0.31                 | 16             | 5           |         |         |
| Sub Total                                         |                                                   |               |             |                      |                | 26          |         |         |
| Fixing CFT Column -<br>131&133<br>(BOQ No. 5.1.4) | TC1                                               | D10           | 3,922       | 2.20                 | 3              | 7           |         |         |
|                                                   | TC2                                               | D10           | 3,514       | 1.97                 | 2              | 4           |         |         |
|                                                   | TC3                                               | D16           | 820         | 1.28                 | 8              | 10          |         |         |
|                                                   | TC4                                               | D16           | 200         | 0.31                 | 16             | 5           |         |         |
|                                                   | Sub Total                                         |               |             |                      |                |             | 26      |         |

| CLASSIFICATION                                         | BAR ID                                | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK |  |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|--------|--|
| Column [B2-13/L1B]<br>(BOQ No. 5.1.5)                  | CL1-1                                 | TR41          | 3,370       | 35.39                | 18             | 637         |        |  |
|                                                        | CL1-2                                 | TR41          | 2,345       | 24.62                | 16             | 394         |        |  |
|                                                        | CL1-3                                 | TR41          | 3,370       | 35.39                | 6              | 212         |        |  |
|                                                        | CL1-4                                 | TR41          | 2,345       | 24.62                | 12             | 295         |        |  |
|                                                        | CL1-4a                                | TR41          | 2,345       | 24.62                | 2              | 49          |        |  |
|                                                        | CL1-5                                 | TR41          | 3,371       | 35.40                | 2              | 71          |        |  |
|                                                        | CL1-6                                 | TR41          | 2,346       | 24.63                | 6              | 148         |        |  |
|                                                        | CL1-7                                 | TR41          | 2,645       | 27.77                | 4              | 111         |        |  |
|                                                        | CL1-8                                 | TR41          | 2,646       | 27.78                | 4              | 111         |        |  |
|                                                        | ST1-1                                 | D19           | 3,537       | 7.96                 | 10             | 80          |        |  |
| ST1-2                                                  | D19                                   | 1,293         | 2.91        | 40                   | 116            |             |        |  |
| Sub Total                                              |                                       |               |             |                      |                | 2,224       |        |  |
| Column [B2-14/L1B]<br>(BOQ No. 5.1.5)                  | CL1-1                                 | TR41          | 3,371       | 35.40                | 12             | 425         |        |  |
|                                                        | CL1-2                                 | TR41          | 2,346       | 24.63                | 10             | 246         |        |  |
|                                                        | CL1-3                                 | TR41          | 3,370       | 35.39                | 10             | 354         |        |  |
|                                                        | CL1-4                                 | TR41          | 2,345       | 24.62                | 12             | 295         |        |  |
|                                                        | CL1-5                                 | TR41          | 3,370       | 35.39                | 8              | 283         |        |  |
|                                                        | CL1-6                                 | TR41          | 2,345       | 24.62                | 10             | 246         |        |  |
|                                                        | ST1-1                                 | D19           | 3,537       | 7.96                 | 10             | 80          |        |  |
|                                                        | ST1-2                                 | D19           | 1,293       | 2.91                 | 40             | 116         |        |  |
|                                                        | Sub Total                             |               |             |                      |                |             | 2,045  |  |
|                                                        | Column [B2-14/L1G]<br>(BOQ No. 5.1.5) | CL1-1         | TR32        | 2,835                | 17.66          | 12          | 212    |  |
| CL1-2                                                  |                                       | TR32          | 2,035       | 12.68                | 12             | 152         |        |  |
| CL1-3                                                  |                                       | TR32          | 2,787       | 17.36                | 4              | 69          |        |  |
| CL1-4                                                  |                                       | TR32          | 1,987       | 12.38                | 4              | 50          |        |  |
| ST1-1                                                  |                                       | D13           | 2,681       | 2.67                 | 6              | 16          |        |  |
| ST1-2                                                  |                                       | D13           | 1,047       | 1.04                 | 12             | 12          |        |  |
| Sub Total                                              |                                       |               |             |                      |                | 511         |        |  |
| Starter bar for Wall at Axis<br>L1A<br>(BOQ No. 5.1.2) | SW1-1                                 | TR35          | 2,207       | 16.57                | 35             | 580         |        |  |
|                                                        | SW1-2                                 | TR35          | 1,807       | 13.57                | 36             | 489         |        |  |
|                                                        | SW2-1                                 | TR19          | 1,990       | 4.48                 | 20             | 90          |        |  |
|                                                        | SW2-2                                 | TR19          | 1,590       | 3.58                 | 20             | 72          |        |  |
|                                                        | SW3-1                                 | D16           | 1,280       | 2.00                 | 2              | 4           |        |  |
|                                                        | SW3-2                                 | D16           | 2,320       | 3.62                 | 2              | 7           |        |  |
| Sub Total                                              |                                       |               |             |                      |                | 1,242       |        |  |
| Starter bar for Wall at Axis<br>L1D<br>(BOQ No. 5.1.2) | MW1-1                                 | D32           | 6,263       | 39.02                | 31             | 1,210       |        |  |
|                                                        | MW1-2                                 | D32           | 4,023       | 25.06                | 31             | 777         |        |  |
|                                                        | MW1-3                                 | TR32          | 3,283       | 20.45                | 12             | 245         |        |  |
|                                                        | MW1-4                                 | D35           | 6,928       | 52.03                | 41             | 2,133       |        |  |
|                                                        | MW1-5                                 | D35           | 4,303       | 32.32                | 40             | 1,293       |        |  |
|                                                        | MW1-6                                 | TR35          | 3,252       | 24.42                | 16             | 391         |        |  |
|                                                        | MW1a-1                                | D35           | 4,373       | 32.84                | 41             | 1,346       |        |  |
|                                                        | MW1a-2                                | TR35          | 3,023       | 22.70                | 8              | 182         |        |  |
|                                                        | MW2-1                                 | D32           | 6,263       | 39.02                | 31             | 1,210       |        |  |
|                                                        | MW2-2                                 | D32           | 4,023       | 25.06                | 31             | 777         |        |  |
|                                                        | MW2-3                                 | TR32          | 3,283       | 20.45                | 11             | 225         |        |  |
|                                                        | MW2-4                                 | D35           | 6,928       | 52.03                | 40             | 2,081       |        |  |
|                                                        | MW2-5                                 | D35           | 4,303       | 32.32                | 41             | 1,325       |        |  |
|                                                        | MW2-6                                 | TR35          | 3,252       | 24.42                | 16             | 391         |        |  |
|                                                        | MW2a-1                                | D35           | 6,998       | 52.55                | 41             | 2,155       |        |  |
|                                                        | MW2a-2                                | TR35          | 3,023       | 22.70                | 8              | 182         |        |  |
|                                                        | MWD1-1                                | D16           | 8,000       | 12.48                | 16             | 200         |        |  |
|                                                        | MWD1-2                                | D16           | 7,312       | 11.41                | 8              | 91          |        |  |
|                                                        | MWD1a-1                               | D22           | 6,268       | 19.05                | 2              | 38          |        |  |
|                                                        | MWD1a-2                               | D22           | 9,222       | 28.03                | 2              | 56          |        |  |
|                                                        | MWD2-1                                | D16           | 7,210       | 11.25                | 1              | 11          |        |  |
|                                                        | MWD2-2                                | D16           | 8,000       | 12.48                | 4              | 50          |        |  |
|                                                        | MWD2-3                                | D16           | 9,026       | 14.08                | 1              | 14          |        |  |
|                                                        | MWD2-4                                | D16           | 9,765       | 15.23                | 1              | 15          |        |  |
|                                                        | MWD2-5                                | D16           | 8,990       | 14.02                | 1              | 14          |        |  |
|                                                        | MWD2a-1                               | D22           | 5,580       | 16.96                | 2              | 34          |        |  |
| MWD2a-2                                                | D22                                   | 8,480         | 25.78       | 2                    | 52             |             |        |  |
| Sub Total                                              |                                       |               |             |                      |                | 16,498      |        |  |

**B1F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - TOTAL MATERIAL QUANTITY TABLE (04/05)**  
**SÀN GIỮA B1F BLOCK-B2I - BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (04/05)**

| CLASSIFICATION                                           | BAR ID                           | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK  |  |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|---------|--|
| Starter bar for Wall at Axis L1G (BOQ No. 5.1.2)         | MW1-1                            | D35           | 5,982       | 44.92                | 65             | 2,920       |         |  |
|                                                          | MW1-2                            | D35           | 3,357       | 25.21                | 73             | 1,840       |         |  |
|                                                          | MW1-3                            | TR35          | 2,307       | 17.33                | 7              | 121         |         |  |
|                                                          | MW1a-1                           | D35           | 3,287       | 24.69                | 72             | 1,778       |         |  |
|                                                          | MW2-1                            | D35           | 5,912       | 44.40                | 58             | 2,575       |         |  |
|                                                          | MW2-2                            | D35           | 3,287       | 24.69                | 70             | 1,728       |         |  |
|                                                          | MW2-3                            | TR35          | 2,237       | 16.80                | 12             | 202         |         |  |
|                                                          | MW2a-1                           | D35           | 5,982       | 44.92                | 58             | 2,605       |         |  |
|                                                          | MW2a-2                           | TR35          | 2,307       | 17.33                | 12             | 208         |         |  |
| Sub Total                                                |                                  |               |             |                      |                | 13,977      |         |  |
| Wall [B2-13W1] (BOQ No. 5.1.2)                           | NW1-1                            | D32           | 5,180       | 32.27                | 31             | 1,000       |         |  |
|                                                          | NW1-2                            | D32           | 2,940       | 18.32                | 37             | 678         |         |  |
|                                                          | NW1-3                            | TR32          | 1,940       | 12.09                | 6              | 73          |         |  |
|                                                          | NW2                              | D32           | 6,130       | 38.19                | 6              | 229         |         |  |
|                                                          | NWD1-1                           | D16           | 3,595       | 5.61                 | 26             | 146         |         |  |
|                                                          | NWD1-2                           | D16           | 8,000       | 12.48                | 26             | 324         |         |  |
|                                                          | NWD1a-1                          | D22           | 4,315       | 13.12                | 7              | 92          |         |  |
|                                                          | NWD1a-2                          | D22           | 8,000       | 24.32                | 7              | 170         |         |  |
|                                                          | NWD2-1                           | D16           | 7,221       | 11.26                | 9              | 101         |         |  |
|                                                          | NWD2-2                           | D16           | 8,000       | 12.48                | 11             | 137         |         |  |
|                                                          | NWD2-3                           | D16           | 8,000       | 12.48                | 9              | 112         |         |  |
|                                                          | NWD2-4                           | D16           | 5,219       | 8.14                 | 11             | 90          |         |  |
|                                                          | NWD2a-1                          | D22           | 5,832       | 17.73                | 2              | 35          |         |  |
|                                                          | NWD2a-2                          | D22           | 8,000       | 24.32                | 2              | 49          |         |  |
|                                                          | WH-1                             | D38           | 4,553       | 40.75                | 63             | 2,567       |         |  |
|                                                          | WH-2-1                           | D38           | 4,071       | 36.44                | 2              | 73          | AVERAGE |  |
|                                                          | WH-3-1                           | D38           | 3,259       | 29.17                | 5              | 146         | AVERAGE |  |
|                                                          | WS1                              | D19           | 1,339       | 3.01                 | 201            | 605         |         |  |
|                                                          | WS1a                             | D19           | 1,135       | 2.55                 | 201            | 513         |         |  |
|                                                          | WS2                              | D19           | 1,339       | 3.01                 | 67             | 202         |         |  |
|                                                          | WS2a                             | D19           | 1,135       | 2.55                 | 67             | 171         |         |  |
|                                                          | Sub Total                        |               |             |                      |                |             | 7,513   |  |
|                                                          | Wall at axis L2D (BOQ No. 5.1.2) | MW1-1         | D29         | 4,307                | 21.71          | 34          | 738     |  |
| MW1-2                                                    |                                  | TR32          | 2,862       | 17.83                | 3              | 53          |         |  |
| MW1-3                                                    |                                  | D29           | 2,422       | 12.21                | 38             | 464         |         |  |
| MW2-1                                                    |                                  | D29           | 4,307       | 21.71                | 33             | 716         |         |  |
| MW2-2                                                    |                                  | TR32          | 2,862       | 17.83                | 3              | 53          |         |  |
| MW2-3                                                    |                                  | D29           | 2,422       | 12.21                | 35             | 427         |         |  |
| TP1                                                      |                                  | D29           | 4,322       | 21.78                | 8              | 174         |         |  |
| MWD1                                                     |                                  | D25           | 1,838       | 7.32                 | 11             | 81          |         |  |
| MWD2                                                     |                                  | D25           | 4,156       | 16.54                | 13             | 215         |         |  |
| WH1-1-1                                                  |                                  | D38           | 3,960       | 35.44                | 3              | 106         | AVERAGE |  |
| WH1-2-1                                                  |                                  | D38           | 3,196       | 28.60                | 7              | 200         | AVERAGE |  |
| DW1                                                      |                                  | D25           | 2,300       | 9.15                 | 23             | 210         |         |  |
| WS1                                                      |                                  | D16           | 2,349       | 3.66                 | 6              | 22          |         |  |
| WS1a                                                     |                                  | D16           | 969         | 1.51                 | 6              | 9           |         |  |
| WS2                                                      |                                  | D16           | 2,349       | 3.66                 | 2              | 7           |         |  |
| WS2a                                                     |                                  | D16           | 969         | 1.51                 | 2              | 3           |         |  |
| Sub Total                                                |                                  |               |             |                      |                | 3,478       |         |  |
| Starter bar for Middle wall Axis L1A-L1D (BOQ No. 5.1.6) | MW1-1                            | D13           | 1,140       | 1.13                 | 266            | 301         |         |  |
|                                                          | MW1-2                            | D13           | 1,985       | 1.98                 | 266            | 527         |         |  |
|                                                          | MW2-1                            | D16           | 1,380       | 2.15                 | 17             | 37          |         |  |
|                                                          | MW2-2                            | D16           | 2,420       | 3.78                 | 17             | 64          |         |  |
|                                                          | MW3-1                            | D16           | 3,920       | 6.12                 | 86             | 526         |         |  |
|                                                          | MW4-1-1                          | D16           | 2,390       | 3.73                 | 13             | 48          | AVERAGE |  |
|                                                          | MW4-2                            | D16           | 3,871       | 6.04                 | 1              | 6           |         |  |
|                                                          | MW4-3                            | D16           | 3,933       | 6.14                 | 3              | 18          |         |  |
|                                                          | MW4-4                            | D16           | 2,921       | 4.56                 | 13             | 59          | AVERAGE |  |
|                                                          | MW4-5                            | D16           | 3,780       | 5.90                 | 4              | 24          |         |  |
|                                                          | TP1                              | D13           | 3,500       | 3.48                 | 16             | 56          |         |  |
|                                                          | TP2                              | D16           | 3,740       | 5.83                 | 4              | 23          |         |  |
|                                                          | TP3                              | D16           | 2,780       | 4.34                 | 4              | 17          |         |  |
|                                                          | Sub Total                        |               |             |                      |                |             | 1,706   |  |

| CLASSIFICATION                                                              | BAR ID                                   | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK |  |
|-----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|--------|--|
| Starter bar for Middle wall Axis L1D-L1G (BOQ No. 5.1.6)                    | MW1-1                                    | D16           | 2,404       | 3.75                 | 800            | 3,000       |        |  |
|                                                                             | MW1-2                                    | D16           | 1,666       | 2.60                 | 72             | 187         |        |  |
|                                                                             | MW1-3                                    | D16           | 2,389       | 3.73                 | 22             | 82          |        |  |
|                                                                             | MW1-4                                    | D13           | 1,030       | 1.02                 | 6              | 6           |        |  |
|                                                                             | MW2-1                                    | D13           | 2,242       | 2.23                 | 308            | 687         |        |  |
|                                                                             | MW2-2                                    | D13           | 2,227       | 2.22                 | 22             | 49          |        |  |
|                                                                             | WEU2-1                                   | D16           | 2,389       | 3.73                 | 26             | 97          |        |  |
|                                                                             | WEU2-2                                   | D16           | 2,404       | 3.75                 | 8              | 30          |        |  |
|                                                                             | TP1                                      | D16           | 2,080       | 3.24                 | 48             | 156         |        |  |
|                                                                             | Sub Total                                |               |             |                      |                |             | 4,294  |  |
|                                                                             | Rebar for Suspended Wall (BOQ No. 5.1.6) | SPW1-1        | D13         | 2,501                | 2.49           | 4           | 10     |  |
| SPW1-2                                                                      |                                          | D13           | 2,901       | 2.89                 | 58             | 168         |        |  |
| SPW2                                                                        |                                          | D13           | 2,501       | 2.49                 | 12             | 30          |        |  |
| SPWD1-1                                                                     |                                          | D13           | 6,060       | 6.03                 | 16             | 96          |        |  |
| SPWD1-2                                                                     |                                          | D13           | 6,740       | 6.71                 | 4              | 27          |        |  |
| SPWD2                                                                       |                                          | D13           | 1,140       | 1.13                 | 16             | 18          |        |  |
| WS1                                                                         |                                          | D10           | 371         | 0.21                 | 158            | 33          |        |  |
| Sub Total                                                                   |                                          |               |             |                      |                | 382         |        |  |
| Starter Bar For Double Slab & Middle Wall Under Double Slab (BOQ No. 5.1.6) |                                          | SB1X-1-1      | D13         | 1,985                | 1.98           | 23          | 46     |  |
|                                                                             | SB1X-1-2                                 | D13           | 1,140       | 1.13                 | 21             | 24          |        |  |
|                                                                             | SB1X-2-1                                 | D13           | 4,152       | 4.13                 | 3              | 12          |        |  |
|                                                                             | SB1X-2-2                                 | D13           | 3,307       | 3.29                 | 2              | 7           |        |  |
|                                                                             | ST1X-1-1                                 | D13           | 1,985       | 1.98                 | 21             | 42          |        |  |
|                                                                             | ST1X-1-2                                 | D13           | 1,140       | 1.13                 | 23             | 26          |        |  |
|                                                                             | ST1X-2-1                                 | D13           | 3,307       | 3.29                 | 3              | 10          |        |  |
|                                                                             | ST1X-2-2                                 | D13           | 4,152       | 4.13                 | 2              | 8           |        |  |
|                                                                             | DW                                       | D13           | 1,196       | 1.19                 | 20             | 24          |        |  |
|                                                                             | Sub Total                                |               |             |                      |                |             | 199    |  |
| Gutter (BOQ No. 5.1.6)                                                      | DG1                                      | D10           | 1,394       | 0.78                 | 329            | 257         |        |  |
|                                                                             | DG2-1                                    | D10           | 11,252      | 6.30                 | 2              | 13          |        |  |
|                                                                             | DG2-2                                    | D10           | 11,331      | 6.35                 | 2              | 13          |        |  |
|                                                                             | DG2-3                                    | D10           | 8,000       | 4.48                 | 16             | 72          |        |  |
|                                                                             | DG2-4                                    | D10           | 6,980       | 3.91                 | 8              | 31          |        |  |
|                                                                             | DG2-5                                    | D10           | 11,647      | 6.52                 | 4              | 26          |        |  |
|                                                                             | DG2-6                                    | D10           | 1,940       | 1.09                 | 4              | 4           |        |  |
|                                                                             | DG3-1                                    | D10           | 1,685       | 0.94                 | 2              | 2           |        |  |
|                                                                             | DG3-2                                    | D10           | 1,775       | 0.99                 | 2              | 2           |        |  |
|                                                                             | DG3-3                                    | D10           | 885         | 0.50                 | 4              | 2           |        |  |
| Sub Total                                                                   |                                          |               |             |                      |                | 422         |        |  |
| Rebar for Track bed (BOQ No. 5.1.4)                                         | TP1                                      | D10           | 11,700      | 6.55                 | 12             | 79          |        |  |
|                                                                             | TP2                                      | D10           | 10,120      | 5.67                 | 12             | 68          |        |  |
| Sub Total                                                                   |                                          |               |             |                      |                | 147         |        |  |
| Reinforcing for Openings (BOQ No. 5.1.4)                                    | OP1-1                                    | D32           | 2,994       | 18.65                | 20             | 373         |        |  |
|                                                                             | OP1-2                                    | D22           | 1,874       | 5.70                 | 20             | 114         |        |  |
|                                                                             | OP1-3                                    | D22           | 1,760       | 5.35                 | 40             | 214         |        |  |
|                                                                             | OP2-1                                    | D38           | 4,294       | 38.43                | 24             | 922         |        |  |
|                                                                             | OP2-2                                    | D25           | 2,114       | 8.41                 | 24             | 202         |        |  |
|                                                                             | OP2-3                                    | D25           | 2,000       | 7.96                 | 48             | 382         |        |  |
|                                                                             | OP3-1                                    | D32           | 4,771       | 29.72                | 4              | 119         |        |  |
|                                                                             | OP3-2                                    | D22           | 1,928       | 5.86                 | 8              | 47          |        |  |
|                                                                             | OP3-3                                    | D22           | 1,874       | 5.70                 | 4              | 23          |        |  |
|                                                                             | OP3-4                                    | D22           | 1,760       | 5.35                 | 24             | 128         |        |  |
|                                                                             | OP4-1                                    | D32           | 4,654       | 28.99                | 4              | 116         |        |  |
|                                                                             | OP4-2                                    | D22           | 1,874       | 5.70                 | 8              | 46          |        |  |
|                                                                             | OP4-3                                    | D22           | 1,760       | 5.35                 | 16             | 86          |        |  |
|                                                                             | OP5-1                                    | D38           | 5,194       | 46.49                | 4              | 186         |        |  |
|                                                                             | OP5-2                                    | D25           | 2,114       | 8.41                 | 8              | 67          |        |  |
|                                                                             | OP5-3                                    | D25           | 2,000       | 7.96                 | 16             | 127         |        |  |
|                                                                             | OP6-1                                    | D38           | 4,630       | 41.44                | 2              | 83          |        |  |
|                                                                             | OP6-2                                    | D38           | 6,074       | 54.36                | 4              | 217         |        |  |
|                                                                             | OP6-3                                    | D38           | 3,982       | 35.64                | 2              | 71          |        |  |

| CLASSIFICATION                                    | BAR ID  | DIAMETER (mm) | LENGTH (mm) | UNIT WEIGHT (kg/pcs) | QUANTITY (pcs) | WEIGHT (kg) | REMARK |
|---------------------------------------------------|---------|---------------|-------------|----------------------|----------------|-------------|--------|
| Reinforcing for Openings (BOQ No. 5.1.4)          | OP6-4   | D38           | 6,250       | 55.94                | 6              | 336         |        |
|                                                   | OP6-5   | D38           | 4,880       | 43.68                | 6              | 262         |        |
|                                                   | OP6-6   | D38           | 4,294       | 38.43                | 2              | 77          |        |
|                                                   | OP6-7   | D25           | 2,448       | 9.74                 | 8              | 78          |        |
|                                                   | OP6-8   | D25           | 3,629       | 14.44                | 4              | 58          |        |
|                                                   | OP6-9   | D25           | 2,751       | 10.95                | 4              | 44          |        |
|                                                   | OP6-10  | D25           | 3,000       | 11.94                | 8              | 96          |        |
|                                                   | OP6-11  | D25           | 1,926       | 7.67                 | 4              | 31          |        |
|                                                   | OP6-12  | D25           | 1,882       | 7.49                 | 4              | 30          |        |
|                                                   | OP6-13  | D19           | 1,520       | 3.42                 | 2              | 7           |        |
|                                                   | OP6-14  | D25           | 2,845       | 11.32                | 2              | 23          |        |
|                                                   | OP6-14a | D25           | 2,000       | 7.96                 | 4              | 32          |        |
|                                                   | OP6-15  | D25           | 2,877       | 11.45                | 4              | 46          |        |
|                                                   | OP6-16  | D25           | 2,518       | 10.02                | 4              | 40          |        |
|                                                   | OP6-17  | D25           | 2,000       | 7.96                 | 4              | 32          |        |
|                                                   | OP6-18  | D25           | 2,214       | 8.81                 | 2              | 18          |        |
|                                                   | SL1     | D13           | 1,724       | 1.72                 | 18             | 31          |        |
|                                                   | OS1     | D13           | 1,621       | 1.61                 | 8              | 13          |        |
| OS1a                                              | D13     | 1,921         | 1.91        | 4                    | 8              |             |        |
| OS2                                               | D13     | 1,553         | 1.55        | 12                   | 19             |             |        |
| Sub Total                                         |         |               |             |                      |                | 4,804       |        |
| Reinforcing for intermediate pile (BOQ No. 5.1.4) | IP1     | D32           | 3,330       | 20.75                | 42             | 872         |        |
|                                                   | IP2     | D22           | 2,210       | 6.72                 | 76             | 511         |        |
|                                                   | IP3     | D19           | 1,520       | 3.42                 | 184            | 629         |        |
|                                                   | IP4     | D35           | 3,950       | 29.66                | 104            | 3,085       |        |
|                                                   | IP5     | D22           | 2,260       | 6.87                 | 4              | 27          |        |
|                                                   | IP6     | D35           | 4,000       | 30.04                | 2              | 60          |        |
|                                                   | IP7     | D25           | 2,450       | 9.75                 | 12             | 117         |        |
|                                                   | IP8     | D38           | 4,630       | 41.44                | 24             | 995         |        |
|                                                   | IP9     | D29           | 2,770       | 13.96                | 8              | 112         |        |
|                                                   | IP10    | D41           | 4,960       | 52.08                | 16             | 833         |        |
|                                                   | IP11    | D41           | 5,010       | 52.61                | 8              | 421         |        |
| Sub Total                                         |         |               |             |                      |                | 7,662       |        |
| Classification of Rebar                           |         | TYPE          | Diameter    | Grade                |                | Weight (kg) |        |
|                                                   |         |               | D6          | SD390                |                | 0           |        |
|                                                   |         |               | D10         | SD390                |                | 624         |        |
|                                                   |         |               | D13         | SD390                |                | 6,566       |        |
|                                                   |         |               | D16         | SD390                |                | 34,689      |        |
|                                                   |         |               | D19         | SD390                |                | 14,760      |        |
|                                                   |         |               | D22         | SD390                |                | 16,125      |        |
|                                                   |         |               | D25         | SD390                |                | 8,124       |        |
|                                                   |         |               | D29         | SD390                |                | 6,180       |        |
|                                                   |         |               | D32         | SD390                |                | 41,252      |        |
|                                                   |         |               | D35         | SD390                |                | 85,840      |        |
|                                                   |         |               | D38         | SD390                |                | 37,833      |        |
|                                                   |         |               | D41         | SD390                |                | 13,778      |        |
|                                                   |         |               | TR19        | SD390                |                | 162         |        |
|                                                   |         |               | TR22        | SD390                |                | 0           |        |
|                                                   |         |               | TR25        | CB400V               |                | 0           |        |
|                                                   |         |               | TR32        | SD390                |                | 45,273      |        |
|                                                   |         |               | TR35        | SD390                |                | 2,746       |        |
|                                                   |         |               | TR38        | SD390                |                | 8,782       |        |
|                                                   |         |               | TR41        | SD390                |                | 25,551      |        |
| Total Quantity of Rebar                           |         |               |             |                      |                | 348,285     |        |

**B1F INTERMEDIATE SLAB BLOCK-B2I - TOTAL MATERIAL QUANTITY TABLE (05/05)**  
**SÀN GIỮA B1F BLOCK-B2I - BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG (05/05)**

**TOTAL TABLE**

| BOQ No.                    | ITEM                                               | Unit | Quantity       | Description      |
|----------------------------|----------------------------------------------------|------|----------------|------------------|
| 4.1.3                      | Concrete for Intermediate Slab (fck=24N/mm2)       | m3   | 928.9          | See detail table |
| 4.1.4                      | Concrete for Wall (fck=24N/mm2)                    | m3   | 13.8           | See detail table |
| 4.1.5                      | Concrete for Wall (fck=40N/mm2)                    | m3   | 52.3           | See detail table |
| 4.1.7                      | Concrete for Miscellaneous Structure (fck=24N/mm2) | m3   | 7.2            | See detail table |
|                            | Extra concrete                                     | m3   | 21.7           |                  |
|                            | <b>Total</b>                                       | m3   | <b>1023.9</b>  |                  |
| <b>STEEL REINFORCEMENT</b> |                                                    |      |                |                  |
| 5.1.2                      | Reinforcement of Wall Concrete                     | kg   | 39,741         |                  |
| 5.1.4                      | Reinforcement of Intermediate Slab Concrete        | kg   | 293,794        |                  |
| 5.1.5                      | Reinforcement of Column Concrete                   | kg   | 4,269          |                  |
| 5.1.6                      | Reinforcement of Miscellaneous Concrete            | kg   | 10,481         |                  |
|                            | <b>Total</b>                                       | kg   | <b>348,285</b> |                  |

**4.1.3 CONCRETE FOR INTERMEDIATE SLAB ( fck = 24N/mm2)**

| No. | Concrete          | Unit | Quantity     | Remarks |
|-----|-------------------|------|--------------|---------|
| 1   | Intermediate Slab | m3   | 928.9        | A       |
|     | <b>Total</b>      | m3   | <b>928.9</b> |         |

**4.1.4 CONCRETE FOR WALL ( fck = 24N/mm2)**

| No. | Concrete     | Unit | Quantity    | Remarks |
|-----|--------------|------|-------------|---------|
| 1   | Wall B3-13W1 | m3   | 13.8        | B       |
|     | <b>Total</b> | m3   | <b>13.8</b> |         |

**4.1.5 CONCRETE FOR WALL ( fck = 40N/mm2)**

| No. | Concrete               | Unit | Quantity    | Remarks |
|-----|------------------------|------|-------------|---------|
| 1   | Wall B3-13W1 & B3-15W1 | m3   | 52.3        | C       |
|     | <b>Total</b>           | m3   | <b>52.3</b> |         |

**4.1.7 CONCRETE FOR MISCELLANEOUS STRUCTURE ( fck = 24N/mm2)**

| No. | Concrete                    | Unit | Quantity   | Remarks |
|-----|-----------------------------|------|------------|---------|
| 1   | Concrete for Suspended wall | m3   | 3.4        | D       |
| 2   | Concrete for Gutter         | m3   | 3.8        |         |
|     | <b>Total</b>                | m3   | <b>7.2</b> |         |

**MECHANICAL COUPLER**

| No. | Location               | Unit | Quantity |      |      |            |      |            |      | Total      | Description |
|-----|------------------------|------|----------|------|------|------------|------|------------|------|------------|-------------|
|     |                        |      | TR19     | TR22 | TR25 | TR32       | TR35 | TR38       | TR41 |            |             |
| 1   | For Starter bar D-wall | pcs  | -        | -    | -    | 264        | -    | 166        | -    | 430        |             |
| 2   | For Girder             | pcs  | -        | -    | -    | 536        | -    | -          | -    | 536        |             |
|     | <b>Total</b>           | pcs  | -        | -    | -    | <b>800</b> | -    | <b>166</b> | -    | <b>966</b> |             |

**TYPICAL SECTION**  
SCALE : 1/150

